

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

MẪU 5

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Luật

Mã số:

(Đính kèm Quyết định số 2562/QĐ-ĐHSG-ĐT ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016

MỤC LỤC

PHẦN 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	5
1.1. Mục tiêu chung	5
1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra	5
1.2.1. Yêu cầu về kiến thức	5
1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng	5
1.2.3. Yêu cầu về thái độ	5
1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp	5
1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....	5
1.5. Các chương trình đã tham khảo.....	5
PHẦN 2. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	7
2.1. Khái quát chương trình đào tạo	7
2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo	7
2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo	7
2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp	7
2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo	7
2.2. Khung chương trình đào tạo	8
2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành.....	11
2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ	14
2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành	17
PHẦN 3. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN	19
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHÁP LÝ	20
KINH TẾ HỌC	27
LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT.....	42
KỸ THUẬT XÂY DỰNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT	56
LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM.....	63
LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT THẾ GIỚI.....	73
KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH.....	84
LUẬT HIẾN PHÁP	95
LUẬT HÀNH CHÍNH.....	104
LUẬT TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH.....	114

LUẬT DÂN SỰ 1	128
LUẬT DÂN SỰ 2	142
LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ	157
LUẬT HÌNH SỰ (HỌC PHẦN 1)	171
LUẬT HÌNH SỰ (HỌC PHẦN 2)	181
LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ	191
LUẬT THƯƠNG MẠI 1	204
LUẬT THƯƠNG MẠI 2	213
LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH	225
LUẬT ĐẤT ĐAI	238
LUẬT TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	248
PHÁP LUẬT VỀ THUẾ	265
LUẬT LAO ĐỘNG	273
CÔNG PHÁP QUỐC TẾ	286
TƯ PHÁP QUỐC TẾ	296
PHÁP LUẬT CỘNG ĐỒNG ASEAN	307
LUẬT DÂN SỰ LA MÃ	321
PHÁP LUẬT VỀ AN SINH XÃ HỘI	332
PHÁP LUẬT VỀ LUẬT SƯ	344
LUẬT HỌC SO SÁNH	356
LUẬT HIẾN PHÁP NƯỚC NGOÀI	363
PHÁP LUẬT VỀ THI HÀNH ÁN	375
KỸ NĂNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT	386
LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ	394
LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI	407
THỰC TẾ CHUYÊN MÔN	416
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	422
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	431
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ HỢP ĐỒNG DÂN SỰ	440
KỸ NĂNG TƯ VẤN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG	452
PHÁP LUẬT MÔI TRƯỜNG	461
PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	478

PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH.....	486
KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH	497
PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG WTO.....	505
KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN, GIAO KẾT HỢP TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ.....	512
CHỦ THỂ KINH DOANH.....	519
KỸ NĂNG TƯ VẤN ĐẦU THẦU TRONG KINH DOANH.....	529
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH LUẬT HÀNH CHÍNH	537
PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC	547
PHÁP LUẬT VỀ KHIẾU NẠI VÀ TỐ CÁO	555
PHÁP LUẬT VỀ CÔNG CHỨNG, CHỨNG THỰC	562
PHÁP LUẬT VỀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC.....	572
PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ.....	583
PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN.....	595
PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH.....	605
KỸ NĂNG ĐIỀU HÀNH CÔNG SỞ.....	614
PHÁP LUẬT VỀ VĂN THƯ LƯU TRỮ.....	622
PHÁP LUẬT VỀ THANH TRA	631
PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ HỘ TỊCH, HỘ KHẨU.....	640
PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC.....	648
KỸ NĂNG THẨM ĐỊNH, KIỂM TRA VĂN BẢN PHÁP LUẬT.....	658
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ.....	665
LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	675
PHÁP LUẬT VỀ THANH TOÁN QUỐC TẾ.....	683
PHÁP LUẬT VỀ HẢI QUAN	692
PHÁP LUẬT VỀ XUẤT KHẨU - NHẬP KHẨU	702
PHÁP LUẬT VỀ HÀNG HẢI.....	715
PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CỦA WTO VÀ VIỆT NAM.....	727
HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI VIỆT NAM – HOA KỲ.....	733
HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	741
PHÁP LUẬT VỀ VẬN CHUYỂN, GIAO NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH HÀNG HÓA QUỐC TẾ	749

PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU THẦU QUỐC TẾ.....	757
KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI	767
LUẬT CẠNH TRANH VÀ CHỐNG ĐỘC QUYỀN TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	774
PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG.....	781
LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ.....	791
LUẬT BIÊN QUỐC TẾ.....	798
PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ LOGISTIC QUỐC TẾ	807
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH	815
PHÁP LUẬT ĐẦU TƯ.....	826
PHÁP LUẬT CẠNH TRANH.....	840
PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN	850
PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN.....	859
PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH BẢO HIỂM.....	869
PHÁP LUẬT VỀ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN.....	878
PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	888
PHÁP LUẬT VỀ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ	897
KỸ NĂNG LẬP, THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	906
KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG.....	912
KỸ NĂNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT THUẾ.....	922
KỸ NĂNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	929
KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH.....	936
KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH.....	944
LUẬT ĐẦU THẦU.....	952

PHẦN 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Luật có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt; có kiến thức cơ bản về pháp luật, thực tiễn pháp lý; có kỹ năng chuyên sâu về pháp luật. Đồng thời có kiến thức cơ bản về kinh tế, văn hoá và xã hội; đủ khả năng nghiên cứu và xử lý những vấn đề pháp lý đặt ra trong thực tiễn đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra

1.2.1. Yêu cầu về kiến thức

Trang bị kiến thức cơ bản về khoa học pháp lý, những kiến thức chuyên sâu thuộc các chuyên ngành đào tạo.

1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng

Trang bị các kỹ năng nghề nghiệp như: Tổ chức, tư vấn, quản lý doanh nghiệp; quản lý công; đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng; thực hiện chức năng của chuyên viên pháp lý tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; có thể độc lập đưa ra đề xuất giải quyết các tình huống pháp lý trong hoạt động thực tiễn; nắm vững các thao tác nghiệp vụ khi tham gia vào các hoạt động tố tụng.

1.2.3. Yêu cầu về thái độ

Có những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của người làm công tác liên quan đến pháp luật. Có lòng nhiệt tình, yêu nghề; trung thực, trách nhiệm cao trong công việc; có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội.

1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có thể làm các công việc liên quan đến pháp lý tại các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, Tòa án, Viện kiểm sát, các cơ quan bảo vệ pháp luật, các văn phòng luật, công ty luật, các đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý.

1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên có khả năng tự học và nghiên cứu sâu về luật học và các ngành khoa học xã hội.

- Sinh viên có thể tiếp tục học ngành luật và các ngành phù hợp ở các bậc học cao hơn.

- Sinh viên có thể tiếp tục học các khóa đào tạo nghề luật chuyên sâu, như: Luật sư, Công chứng viên, Thẩm phán, Kiểm sát viên...

1.5. Các chương trình đã tham khảo

- Trường Đại học Luật Hà Nội.
- Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh.
- Trường Đại học Kinh tế - Luật (Đại học Quốc gia TP.HCM).
- Trường Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG P. ĐÀO TẠO

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. My Giang Sơn

TS. Hoàng Thị Việt Anh

PHẦN 2.

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chương trình đào tạo

2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo

- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thời gian đào tạo: 04 năm (8 học kỳ)

2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ trong chương trình: 170. Sinh viên phải tích lũy tối thiểu 132 tín chỉ (không kể 03 tín chỉ của nhóm môn học Giáo dục thể chất và 08 tín chỉ của môn học Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó:

- Khối kiến thức chung: 17 tín chỉ (bắt buộc: 17 tín chỉ; tự chọn: 0 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở: 23 tín chỉ (bắt buộc: 19 tín chỉ; tự chọn: 4 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành: 57 tín chỉ (bắt buộc: 51 tín chỉ; tự chọn: 6 tín chỉ);
- Khối kiến thức chuyên ngành: 21 tín chỉ (bắt buộc: 15 tín chỉ; tự chọn: 6 tín chỉ);
- Thực tập chuyên môn, Thực tập nghề nghiệp: 6 tín chỉ;
- Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 8 tín chỉ.

2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo quy định;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học do Hiệu trưởng quy định;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;
- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

Cần trang bị cơ sở vật chất đào tạo cho phù hợp với chương trình đào tạo, đặc biệt là phòng thực hành để sinh viên có thể sinh hoạt, thực hành các kỹ năng, là nơi sinh viên sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật do khoa tổ chức.

2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Li thuyết	Bài tập	Thảo luận				
I Khối kiến thức chung: 30/132 tín chỉ										
<i>Bắt buộc: 17/17 tín chỉ</i>										
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5	75				75	1	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2	30				30	1	861001
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3	45				45	1	861002
4	Tiếng Anh I	866101	2	30				30	1	
5	Tiếng Anh II	866102	2	30				30	1	866101
6	Tiếng Anh III	866103	3	45				45	1	866102
7	Giáo dục thể chất I	862101	1				30	30		
8	Giáo dục thể chất II	862102	1				30	30		862101
9	Giáo dục thể chất III	862103	1				30	30		862102
10	Giáo dục Quốc phòng – An Ninh I	862106	3	45				45	1	861003
11	Giáo dục Quốc phòng – An Ninh II	862107	2				30	30		
12	Giáo dục Quốc phòng – An Ninh III	862108	3				45	45		
<i>Tự chọn: 0/17 tín chỉ</i>										
II Khối kiến thức cơ sở: 23/132 tín chỉ										
<i>Bắt buộc: 19/23 tín chỉ</i>										
13	Tiếng Việt Thực Hành	865001	2	30				30	1	
14	Logic học	865005	2	30				30	1	
15	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	843003	2	30				30	1	
16	Kinh tế học	843071	3	45				45	1	861001
17	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	843069	4	60				60	1	
18	Kỹ thuật xây dựng văn bản pháp luật	843047	2	30				30	1	843069
19	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	843022	2	30				30	1	
20	Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới	843026	2	30				30	1	
<i>Tự chọn: 4/23 tín chỉ</i>										
21	Tâm lý học đại cương	863001	2	30				30	1	
22	Cơ sở văn hóa Việt Nam	865002	2	30				30	1	
23	Đại cương xã hội học	865007	2	30				30	1	
24	Quản trị học đại cương	843024	2	30				30	1	

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
III Khối kiến thức ngành: 57/132 tín chỉ										
<i>Bắt buộc: 51/57 tín chỉ</i>										
25	Luật Hiến pháp	843070	3	45				45	1	843069
26	Luật Hành chính	843028	3	45				45	1	843069
27	Luật Tổ tụng hành chính	843055	3	45				45	1	843028
28	Luật Dân sự (HP1)	843029	3	45				45	1	843069
29	Luật Dân sự (HP2)	843030	3	45				45	1	843029
30	Luật Tố tụng dân sự	843309	3	45				45	1	843030
31	Luật Hình sự (HP1)	843032	3	45				45	1	843069
32	Luật Hình sự (HP2)	843033	3	45				45	1	843032
33	Luật Tố tụng hình sự	843034	3	45				45	1	843033
34	Luật Thương mại 1	843102	3	45				45	1	843069
35	Luật Thương mại 2	843308	3	45				45	1	843102
36	Luật Hôn nhân và gia đình	843037	2	30				30	1	843029
37	Luật Đất đai	843038	3	45				45	1	843069
38	Luật Tài chính - ngân hàng	843301	3	45				45	1	843069
39	Pháp luật về thuế	843040	2	30				30	1	843069
40	Luật Lao động	843043	3	45				45	1	843069
41	Công pháp quốc tế	843044	2	30				30	1	843069
42	Tư pháp quốc tế	843310	3	45				45	1	843069
<i>Tự chọn: 6/57 tín chỉ</i>										
43	Pháp luật về ASEAN	843046	2	30				30	1	843044
44	Luật Dân sự La Mã	843023	2	30				30	1	843030
45	Pháp luật về an sinh xã hội	843049	2	30				30	1	843043
46	Pháp luật về luật sư	843050	2	30				30	1	843069
47	Luật học so sánh	843027	2	30				30	1	843069
48	Luật Hiến pháp nước ngoài	843051	2	30				30	1	843070
49	Pháp luật về thi hành án	843052	2	30				30	1	843309 , 843034
50	Kỹ năng tư vấn pháp luật	843106	2	30				30	1	843309 , 843034
51	Luật Sở hữu trí tuệ	844052	2	30				30	1	843030
52	Lý luận và pháp luật về quyền con người	843302	2	30				30	1	843069
IV Khối kiến thức chuyên ngành: 21/132 tín chỉ										

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành được ghi trong mục 2.3										
V	Thực tập chuyên môn, Thực tập cuối khóa: 6/132 tín chỉ									
53	Thực tế chuyên môn	843048	1	15				15	1	843030 , 843034
54	Thực tập tốt nghiệp	843098	5	75				75	1	
VI	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 8/132 tín chỉ									
55	Khóa luận tốt nghiệp	843311	8						1	
Các học phần thay thế KLTN										
<i>Các học phần thuộc kiến thức chung: 5/8 tín chỉ</i>										
56	Thực hiện nghĩa vụ hợp đồng dân sự	843112	3	45				45	1	843030
57	Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lĩnh vực lao động	843113	3	45				45	1	843043
58	Pháp luật về môi trường	843042	2	30				30	1	843069
<i>Các học phần thuộc kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành: 3/8 tín chỉ</i>										
<i>Chuyên ngành: Luật hành chính</i>										
59	Pháp luật về quản lý hành chính nhà nước	843312	3	45				45	1	843028
60	Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực hành chính	843313	3	45				45	1	843028
<i>Chuyên ngành: Luật Thương mại quốc tế</i>										
61	Pháp luật giải quyết tranh chấp trong WTO	843314	3	45				45	1	844053
62	Kỹ năng đàm phán, giao kết hợp đồng trong thương mại quốc tế	843315	3	45				45	1	844053
<i>Chuyên ngành: Luật Kinh doanh</i>										
63	Chủ thể kinh doanh	843316	3	45				45	1	843308
64	Kỹ năng tư vấn đầu thầu trong kinh doanh	843317	3	45				45	1	843308
Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy			132 tín chỉ/ 170 tín chỉ							

2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Li thuyết	Bài tập	Thảo luận				
I Chuyên ngành 1: Luật hành chính (21/132 tín chỉ)										
<i>Bắt buộc: 15/21 tín chỉ</i>										
1	Tiếng Anh chuyên ngành Luật hành chính	843303	2	30				30	1	866001
2	Pháp luật về tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước	843107	3	45				45	1	843070
3	Pháp luật về khiếu nại và tố cáo	843057	3	45				45	1	843028
4	Pháp luật về công chứng, chứng thực	843056	2	30				30	1	843028
5	Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính	843059	2	30				30	1	843028
6	Pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức	843318	3	45				30	1	843028
<i>Tự chọn: 6/21 tín chỉ</i>										
7	Pháp luật về quản lý đô thị	843108	2	30				30	1	843028
8	Pháp luật về quản lý nông nghiệp, nông thôn	843109	2	30				30	1	843028
9	Pháp luật về thủ tục hành chính	843110	2	30				30	1	843028
10	Kỹ năng điều hành công sở	843064	2	30				30	1	843028
11	Pháp luật về văn thư lưu trữ	843065	2	30				30	1	843028
12	Pháp luật về thanh tra	843067	2	30				30	1	843028
13	Pháp luật về quản lý hộ tịch, hộ khẩu	843068	2	30				30	1	843028
14	Pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước	843063	2	30				30	1	843028
15	Kỹ năng thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	843111	2	30				30	1	843028
II Chuyên ngành 2: Luật Thương mại quốc tế (21/132 tín chỉ)										
<i>Bắt buộc: 15/21 tín chỉ</i>										
16	Tiếng Anh chuyên ngành Luật thương mại quốc tế	843304	2	30				30	1	866001
17	Luật Thương mại quốc tế	844053	3	45				45	1	843310
18	Pháp luật về Thanh toán quốc tế	843319	3	45				45	1	843310
19	Pháp luật về hải quan	844064	2	30				30	1	844053
20	Pháp luật về xuất, nhập khẩu	844055	2	30				30	1	843069
21	Pháp luật về hàng hải	844056	3	45				45	1	843069
<i>Tự chọn: 6/21 tín chỉ</i>										
22	Pháp luật về chống bán phá giá của WTO và Việt Nam	844057	2	30				30	1	843310

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
23	Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ	844058	2	30				30	1	843310
24	Hợp đồng thương mại quốc tế	844059	2	30				30	1	844053
25	Pháp luật về vận chuyển, giao nhận và giám định hàng hóa quốc tế	844060	2	30				30	1	844053
26	Pháp luật về đấu thầu quốc tế	844061	2	30				30	1	844053
27	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại	844062	2	30				30	1	844053
28	Luật cạnh tranh và chống độc quyền thương mại quốc tế	844063	2	30				30	1	844053
29	Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng	844065	2	30				30	1	843030
30	Luật sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế	844101	2	30				30	1	844053
31	Luật biển quốc tế	844102	2	30				30	1	843044
32	Pháp luật về dịch vụ logistic quốc tế	843305	2	30				30	1	
III Chuyên ngành 3: Luật Kinh doanh (21/132 tín chỉ)										
Bắt buộc: 15/21 tín chỉ										
33	Tiếng Anh chuyên ngành Luật kinh doanh	843306	2	30				30	1	866001
34	Pháp luật về đầu tư	845101	3	45				45	1	843308
35	Pháp luật về cạnh tranh	845102	2	30				30	1	843308
36	Pháp luật về kinh doanh chứng khoán	845053	2	30				30	1	843308
37	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	845055	2	30				30	1	843308
38	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	845054	2	30				30	1	843308
39	Pháp luật về kế toán, kiểm toán	845061	2	30				30	1	843040
Tự chọn: 6/21 tín chỉ										
40	Pháp luật về đầu tư xây dựng	845057	2	30				30	1	845101
41	Pháp luật về giao dịch điện tử	845058	2	30				30	1	843308
42	Kỹ năng lập, thực hiện và quản lý dự án đầu tư	845059	2	30				30	1	845101
43	Kỹ năng đàm phán, ký kết hợp đồng	845060	2	30				30	1	843308
44	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	845062	2	30				30	1	843040
45	Kỹ năng quản trị doanh nghiệp	845063	2	30				30	1	843308

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
46	Kỹ năng giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	845064	2	30				30	1	843308
47	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	845065	2	30				30	1	843308
48	Luật đấu thầu	845103	2	30				30	1	843308

2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
I Khối kiến thức chung: 30/132 tín chỉ												
Bắt buộc: 26/30 tín chỉ												
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	861001	5	x								
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2		x							
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3			x						
4	Tiếng Anh I	866001	2		x							
5	Tiếng Anh II	866002	2			x						
6	Tiếng Anh III	866003	3				x					
7	Tiếng Việt Thực Hành	865001	2	x								
8	Logic học	865005	2	x								
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	843003	2	x								
10	Kinh tế học	843071	3		x							
11	Giáo dục thể chất I	862101	1	x								
12	Giáo dục thể chất II	862102	1		x							
13	Giáo dục thể chất III	862103	1			x						
14	Giáo dục Quốc phòng – An Ninh I	862106	3				x					
15	Giáo dục Quốc phòng – An Ninh II	862107	2		x							
16	Giáo dục Quốc phòng – An Ninh III	862108	2			x						
Tự chọn: 4/30 tín chỉ												
17	Tâm lý học đại cương	863001	2	x								
18	Cơ sở văn hóa Việt Nam	865002	2	x								
19	Đại cương xã hội học	865007	2	x								
20	Quản trị học đại cương	843024	2	x								
21	Con người và môi trường	843006	2	x								
II Khối kiến thức cơ sở: 10/132 tín chỉ												
Bắt buộc: 10/10 tín chỉ												
22	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	843069	4	x								
23	Kỹ thuật xây dựng văn bản pháp luật	843047	2		x							
24	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	843022	2	x								
III Khối kiến thức ngành: 57/132 tín chỉ												
Bắt buộc: 51/57 tín chỉ												
25	Luật Hiến pháp	843070	3		x							
26	Luật Hành chính	843028	3		x							
27	Luật Tổ tụng hành chính	843055	3							x		
28	Luật Dân sự (HP1)	843029	3			x						
29	Luật Dân sự (HP2)	843030	3				x					
30	Luật Tố tụng dân sự	843309	3					x				
31	Luật Hình sự (HP1)	843032	3			x						
32	Luật Hình sự (HP2)	843033	3				x					
33	Luật Tố tụng hình sự	843034	3					x				

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì										
				1	2	3	4	5	6	7	8	9		
34	Luật Thương mại 1	843102	3			x								
35	Luật Thương mại 2	843308	3				x							
36	Luật Hôn nhân và gia đình	843037	2					x						
37	Luật Đất đai	843038	3				x							
38	Luật Tài chính - ngân hàng	843039	3					x						
39	Pháp luật về thuế	843040	2					x						
40	Luật Lao động	843043	3					x						
41	Công pháp quốc tế	843044	2					x						
42	Tư pháp quốc tế	843310	3					x						
Tự chọn: 6/57 tín chỉ														
43	Pháp luật về ASEAN	843046	2						x					
44	Luật Dân sự La Mã	843023	2						x					
45	Pháp luật về an sinh xã hội	843049	2						x					
46	Pháp luật về luật sư	843050	2						x					
47	Luật học so sánh	843027	2						x					
48	Luật Hiến pháp nước ngoài	843051	2						x					
49	Pháp luật về thi hành án	843052	2						x					
50	Kỹ năng tư vấn pháp luật	843106	2						x					
51	Luật Sở hữu trí tuệ	844052	2						x					
52	Lý luận và pháp luật về quyền con người		2						x					
IV	Khối kiến thức chuyên ngành: 21/132 tín chỉ													
Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành được ghi trong mục 2.5														
V	Thực tế chuyên môn, thực tập nghề nghiệp: 6/132 tín chỉ													
53	Thực tế chuyên môn	843048	1						x					
54	Thực tập tốt nghiệp	843098	5										x	
VI	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 8/132 tín chỉ													
55	Khóa luận tốt nghiệp	843311	8											x
Các học phần thay thế KLTN														
Các học phần thuộc kiến thức chung: 5/8 tín chỉ														
56	Thực hiện nghĩa vụ hợp đồng dân sự	843112	3											x
57	Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lĩnh vực lao động	843113	3											x
58	Pháp luật về môi trường	843042	2											x
Các học phần thuộc kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành: 3/8 tín chỉ														
Chuyên ngành: Luật hành chính														
59	Pháp luật về quản lý hành chính nhà nước	843312	3											x
60	Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực hành chính	843313	3											x
Chuyên ngành: Luật Thương mại quốc tế														
61	Pháp luật giải quyết tranh chấp trong WTO	843314	3											x

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì									
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	
62	Kỹ năng đàm phán, giao kết hợp đồng trong thương mại quốc tế	843315	3									x	
Chuyên ngành: Luật Kinh doanh													
63	Chủ thể kinh doanh	843316	3									x	
64	Kỹ năng tư vấn đấu thầu trong kinh doanh	843317	3									x	
Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy			132 tín chỉ/ a tín chỉ										

2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
I Chuyên ngành 1: Luật hành chính (21/132 tín chỉ)												
<i>Bắt buộc: 15/21 tín chỉ</i>												
1	Tiếng Anh chuyên ngành Luật hành chính	843053	2							x		
2	Pháp luật về tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước	843107	3							x		
3	Pháp luật về khiếu nại và tố cáo	843057	3							x		
4	Pháp luật về công chứng, chứng thực	843056	2								x	
5	Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính	843059	2								x	
6	Pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức	843318	3							x		
<i>Tự chọn: 6/21 tín chỉ</i>												
7	Pháp luật về quản lý đô thị	843108	2								x	
8	Pháp luật về quản lý nông nghiệp, nông thôn	843109	2								x	
9	Pháp luật về thủ tục hành chính	843110	2								x	
10	Kỹ năng điều hành công sở	843064	2								x	
11	Pháp luật về văn thư lưu trữ	843065	2								x	
12	Pháp luật về thanh tra	843067	2								x	
13	Pháp luật về quản lý hộ tịch, hộ khẩu	843068	2								x	
14	Pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước	843063	2								x	
15	Kỹ năng thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	843111	2								x	
II Chuyên ngành 2: Luật Thương mại quốc tế (21/132 tín chỉ)												
<i>Bắt buộc: 15/21 tín chỉ</i>												
16	Tiếng Anh chuyên ngành Luật thương mại quốc tế	844050	2							x		
17	Luật Thương mại quốc tế	844053	3							x		
18	Pháp luật về Thanh toán quốc tế	843319	3							x		
19	Pháp luật về hải quan	844064	2								x	
20	Pháp luật về xuất, nhập khẩu	844055	2								x	
21	Pháp luật về hàng hải	844056	3							x		
<i>Tự chọn: 6/21 tín chỉ</i>												
22	Pháp luật về chống bán phá giá của WTO và Việt Nam	844057	2								x	
23	Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ	844058	2								x	
24	Hợp đồng thương mại quốc tế	844059	2								x	
25	Pháp luật về vận chuyển, giao nhận và giám định hàng hóa quốc tế	844060	2								x	
26	Pháp luật về đấu thầu quốc tế	844061	2								x	
27	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại	844062	2								x	

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì									
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	
28	Luật cạnh tranh và chống độc quyền thương mại quốc tế	844063	2								x		
29	Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng	844065	2								x		
30	Luật sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế	844101	2								x		
31	Luật biển quốc tế	844102	2								x		
III	Chuyên ngành 3: Luật Kinh doanh (21/132 tín chỉ)												
	<i>Bắt buộc: 15/21 tín chỉ</i>												
32	Tiếng Anh chuyên ngành Luật kinh doanh	845050	2							x			
33	Pháp luật về đầu tư	845101	3							x			
34	Pháp luật về cạnh tranh	845102	2							x			
35	Pháp luật về kinh doanh chứng khoán	845053	2								x		
36	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	845055	2								x		
37	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	845054	2							x			
38	Pháp luật về kế toán, kiểm toán	845061	2							x			
	<i>Tự chọn: 6/21 tín chỉ</i>												
39	Pháp luật về đầu tư xây dựng	845057	2								x		
40	Pháp luật về giao dịch điện tử	845058	2								x		
41	Kỹ năng lập, thực hiện và quản lý dự án đầu tư	845059	2								x		
42	Kỹ năng đàm phán, ký kết hợp đồng	845060	2								x		
43	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	845062	2								x		
44	Kỹ năng quản trị doanh nghiệp	845063	2								x		
45	Kỹ năng giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	845064	2								x		
46	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	845065	2								x		
47	Luật đấu thầu	845103	2								x		

PHẦN 3.
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

HỌC PHẦN

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHÁP LÝ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý (tiếng Anh): Research methods in legal science	
- Mã số học phần: 843003	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	10
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý. Đồng thời học phần cũng trang bị cho học viên những kiến thức lí luận về các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau, cách lựa chọn, phối hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học nhằm đạt mục tiêu nghiên cứu khoa học pháp lý một cách hiệu quả nhất. Học phần còn giúp học viên rèn luyện những kỹ năng cơ bản của việc nghiên cứu khoa học, cách thức thực hiện một công trình nghiên cứu, sử dụng hiệu quả các phương pháp nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực khoa học pháp lý khác nhau.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức Giải thích được khái niệm phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý, Phân tích được vị trí, vai trò của phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý, Lựa chọn, phối hợp được các phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp với mục tiêu nghiên

cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học pháp lý để thực hiện được một công trình nghiên cứu khoa học pháp lý (viết luận văn, bài báo, sách.v.v.)

Về kỹ năng: Tổ chức được quá trình nghiên cứu các môn pháp luật một cách tích cực, hiệu quả, Sử dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học cho các mục tiêu nghiên cứu khoa học pháp lý một cách hiệu quả, Sử dụng được hình thức công bố một công trình nghiên cứu khoa học

Về thái độ: Hình thành sự chủ động trong việc bổ sung, củng cố và nâng cao trình độ của sinh viên về việc vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học trong khoa học pháp lý.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Hiểu những vấn đề lý luận về khái niệm khoa học pháp lý, đặc điểm các phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý, quy trình nghiên cứu khoa học pháp lý	2.0
G2	Hiểu được về lý thuyết khoa học pháp lý với các bộ phận cấu thành gồm khái niệm, phạm trù, quy luật	2.0
G3	Hiểu các bước cơ bản thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học pháp lý gồm lựa chọn và đặt tên đề tài, xây dựng luận điểm khoa học, chứng minh luận điểm khoa học, lý giải được sự cần thiết của các bước kể trên, vận dụng lý thuyết vào trong việc nghiên cứu đề tài cụ thể.	4.0
G4	Hiểu và nhớ được về các sản phẩm nghiên cứu khoa học, trong đó đặc biệt chú trọng đến bài báo khoa học, tiểu luận, khoá luận, luận văn.	2.0
G5	Hiểu cách thức trình bày, bố cục, các yêu cầu khoa học đối với mỗi loại sản phẩm nghiên cứu khoa học, áp dụng vào thực tiễn thực hiện.	3.5

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1.

TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHÁP LÝ VÀ QUY TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHÁP LÝ

1.1. Khái niệm khoa học pháp lý

1.2. Khái niệm và đặc điểm phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý

1.3. Các phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý

1.4. Quy trình nghiên cứu khoa học pháp lý

CHƯƠNG 2. LÝ THUYẾT KHOA HỌC PHÁP LÝ

2.1. Khái niệm lý thuyết khoa học pháp lý

2.2. Các bộ phận hợp thành lý thuyết khoa học pháp lý

2.2.1. Hệ thống khái niệm

2.2.2. Hệ thống phạm trù.

2.2.3. Hệ thống quy luật

CHƯƠNG 3: CÁC BƯỚC THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHÁP LÝ

3.1. Lựa chọn và đặt tên đề tài

3.1.1. Khái niệm đề tài

3.1.2. Lựa chọn đề tài

3.1.3. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu

3.1.4. Đặt tên đề tài

3.2. Xây dựng luận điểm khoa học

3.2.1. Khái niệm luận điểm khoa học

3.2.2. Vấn đề khoa học

3.2.3. Giả thuyết khoa học

3.3. Chứng minh luận điểm khoa học

3.3.1. Khái quát về chứng minh luận điểm khoa học

3.3.2. Chọn mẫu khảo sát

3.3.3. Đặt giả thiết nghiên cứu

3.3.4. Chọn cách tiếp cận

3.3.5. Sưu tầm, đánh giá, chọn lọc và khai thác tài liệu

CHƯƠNG 4: SẢN PHẨM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHÁP LÝ

4.1. Bài báo khoa học

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Yêu cầu khoa học

4.2. Tiểu luận – Khoá luận

4.2.1. Khái niệm

4.2.2. Yêu cầu khoa học

4.3. Luận văn – Luận án

4.3.1. Khái niệm

4.3.2. Yêu cầu khoa học

4.4. Các sản phẩm nghiên cứu khoa học khác.

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Vũ Cao Đàm, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB. Khoa học và Kỹ thuật, 2014.

[2] Nguyễn Ngọc Điện, Một số vấn đề lý luận về các phương pháp phân tích luận viết, NXB Tư pháp, 2006.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Lê Tử Thành, Logich học & Phương pháp luận NCKH, NXB. Trẻ, 2006.

[2] Trần Đức Châm, Xã hội học pháp luật, NXB. CTQG, 2013.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHÁP LÝ VÀ QUY TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHÁP LÝ</p> <p>1.1. Khái niệm khoa học pháp lý</p> <p>1.2. Khái niệm và đặc điểm phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý</p> <p>1.3. Các phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý</p> <p>1.4. Quy trình nghiên cứu khoa học pháp lý</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận làm rõ vấn đề	G1
2	<p>CHƯƠNG 2. LÝ THUYẾT KHOA HỌC PHÁP LÝ</p> <p>2.1. Khái niệm lý thuyết khoa học pháp lý</p> <p>2.2. Các bộ phận hợp thành lý thuyết khoa học pháp lý</p> <p>2.2.1. Hệ thống khái niệm</p> <p>2.2.2. Hệ thống phạm trù.</p> <p>2.2.3. Hệ thống quy luật</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận làm rõ vấn đề	G2
3	<p>CHƯƠNG 3: CÁC BƯỚC THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHÁP LÝ</p> <p>3.1. Lựa chọn và đặt tên đề tài</p> <p>3.1.1 Khái niệm đề tài</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận làm rõ vấn đề	G3

	3.1.2. Lựa chọn đề tài			
4	3.1. Lựa chọn và đặt tên đề tài (tiếp) 3.1.3. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu 3.1.4. Đặt tên đề tài	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận làm rõ vấn đề	G3
5	Thực hành	2 tiết thực hành	Thực hành lựa chọn và đặt tên đề tài	
6	3.2. Xây dựng luận điểm khoa học 3.2.1. Khái niệm luận điểm khoa học 3.2.2. Vấn đề khoa học 3.2.3. Giả thuyết khoa học	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận làm rõ vấn đề	G3
7	Thực hành	2 tiết thực hành	Thực hành xây dựng luận điểm khoa học.	
8	3.3. Chứng minh luận điểm khoa học 3.3.1. Khái quát về chứng minh luận điểm khoa học 3.3.2. Chọn mẫu khảo sát 3.3.3. Đặt giả thiết nghiên cứu 3.3.4. Chọn cách tiếp cận 3.3.5. Suru tâm, đánh giá, chọn lọc và khai thác tài liệu	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận làm rõ vấn đề	G3
9	Thực hành	2 tiết thực hành	Thực hành chứng minh luận điểm khoa học	G3
10	CHƯƠNG 4: SẢN PHẨM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHÁP LÝ 4.1. Bài báo khoa học 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Yêu cầu khoa học	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận làm rõ vấn đề	G4
11	4.2. Tiểu luận - Khoá luận 4.2.1. Khái niệm		Nghe giảng, trả lời các câu hỏi	G4

	4.2.2. Yêu cầu khoa học	2 tiết lý thuyết	do GV đặt ra, thảo luận làm rõ vấn đề	
12	Thực hành	2 tiết thực hành	Thực hành xây dựng đề cương chi tiết cho bài tập tiểu luận	G4, G5
13	4.3. Luận văn - Luận án 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Yêu cầu khoa học	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận làm rõ vấn đề	G4
14	4.4. Các sản phẩm nghiên cứu khoa học khác	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận làm rõ vấn đề	G4
15	Thực hành	2 tiết thực hành	Thực hành xây dựng đề cương chi tiết cho khoá luận.	G4, G5

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên đọc tài liệu theo các tài liệu bắt buộc trong đề cương môn học

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập,...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ...	0.3	

	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ		
2. <i>Đánh giá cuối kỳ</i>	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0.6 (≥ 0.5)	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Phạm Thị Hồng My

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
KINH TẾ HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế học. (tiếng Anh): Economics	
- Mã số học phần: 843071.	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	3
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần song hành (nếu có):	Không

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần gồm hai phần: kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô.

Học phần kinh tế vi mô có nhiệm vụ trang bị các kiến thức cơ bản cho sinh viên về hoạt động của nền kinh tế thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu hàng hóa, quy luật cạnh tranh, sự hình thành giá cả trên thị trường. Đồng thời học phần cũng trang bị các kiến thức về cách ứng xử của các thành viên trong nền kinh tế đó là người tiêu dùng, các doanh nghiệp và chính phủ.

Học phần kinh tế vĩ mô được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức cơ bản, kỹ năng đánh giá và phân tích các hiện tượng và các sự kiện kinh tế vĩ mô, vận dụng và đánh giá tác động của các chính sách vĩ mô vào nền kinh tế..

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Môn học giới thiệu đến sinh viên các nguyên lý cơ bản của kinh tế học và sử dụng các lý thuyết và mô hình để giải thích các hiện tượng kinh tế. Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Hiểu được cơ chế hoạt động của thị trường và vai trò của Chính phủ, hành vi của người tiêu dùng, nhà sản xuất để ra các quyết định tối ưu trong điều kiện nguồn lực khan hiếm

Vận dụng các lý thuyết kinh tế để phân tích, giải thích và dự báo các hiện tượng kinh tế xảy ra trong thực tế.

Hiểu các khái niệm, cách thức đo lường sản lượng của nền kinh tế, các nhân tố tác động đến tổng cầu của nền kinh tế.

Đánh giá và phân tích cách thức các chính sách tài khóa và tiền tệ được sử dụng.

Về kỹ năng:

Kỹ năng tự học, làm việc độc lập làm việc nhóm

Kỹ năng quản lý thời gian

Về thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc cung cấp các kiến thức cơ sở ngành, sẵn sàng tìm hiểu các kiến thức nâng cao của môn học.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Hiểu các khái niệm cơ bản của kinh tế học: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, chi phí cơ hội, đường giới hạn khả năng sản xuất, sơ đồ chu chuyển nền kinh tế và các nền kinh tế tập quán truyền thống, chỉ huy, thị trường và hỗn hợp.	3
G2	Phân tích cân bằng cung - cầu trong việc hình thành nên giá cả thị trường, phân tích tác động các chính sách của Chính phủ lên cân bằng thị trường, tính toán và hiểu rõ ý nghĩa của độ co giãn của cung, cầu.	4
G3	Áp dụng lý thuyết hữu ích trong giải thích và tính toán phương án tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng, minh họa sự hình thành đường cầu thị trường từ các đường cầu cá nhân và tính toán thặng dư người tiêu dùng	3.5
G4	Áp dụng lý thuyết sản xuất trong giải thích và tính toán phương án sản xuất tối ưu, hiểu rõ khái niệm năng suất theo qui mô và minh họa trong thực tiễn, hiểu rõ lý thuyết về chi	3.5

	phí sản xuất và áp dụng vào thực tiễn, tính toán được mức sản lượng cần thiết để doanh nghiệp đạt được các mục tiêu cụ thể như tối đa hóa lợi nhuận, tối đa hóa doanh thu, tối đa hóa sản lượng mà không bị lỗ.	
G5	Hiểu được các khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô: lạm phát, thất nghiệp, sản lượng tiềm năng, chu kỳ kinh doanh, cân bằng kinh tế vĩ mô.	3
G6	Tính toán được các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia	4
G7	Phân tích và định lượng chính sách tài chính và chính sách ngoại thương trong các nền kinh tế đơn giản và nền kinh tế mở	4
G8	Phân tích và định lượng chính sách tiền tệ trong nền kinh tế.	4
G9	Hiểu cân bằng đồng thời trên thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ bằng mô hình IS-LM	3

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ KINH TẾ HỌC

- 1.1. Các khái niệm thường gặp trong kinh tế học
- 1.2. Con người ra quyết định như thế nào? (Sự khan hiếm, sự lựa chọn, chi phí cơ hội, những thay đổi biên, những kích thích).
- 1.3. Những đặc trưng của kinh tế học
- 1.4. Phương pháp nghiên cứu kinh tế học
- 1.5. Kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô
- 1.6. Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc
- 1.7. Các mô hình kinh tế
 - 1.7.1. Biểu đồ vòng chu chuyển
 - 1.7.2. Đường giới hạn khả năng sản xuất
- 1.8. Các hệ thống tổ chức kinh tế

CHƯƠNG 2: CUNG CẦU HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

- 2.1. Cầu hàng hóa
 - 2.1.1. Cầu cá nhân và các yếu tố quyết định lượng cầu của một cá nhân
 - 2.1.2. Biểu cầu và Đường cầu
 - 2.1.3. Quy luật cầu và hàm cầu
 - 2.1.4. Cầu thị trường và Cầu cá nhân
 - 2.1.5. Sự dịch chuyển của đường cầu và sự di chuyển dọc theo đường cầu

2.2. Cung hàng hóa

- 2.2.1. Cung và các yếu tố quyết định lượng hàng hóa mà một cá nhân cung ứng
- 2.2.2. Biểu cung và Đường cung
- 2.2.3. Cung cá nhân và cung thị trường
- 2.2.4. Sự dịch chuyển của đường cung và sự di chuyển dọc theo đường cung

2.3. Thị trường cân bằng

- 2.3.1. Trạng thái cân bằng
- 2.3.2. Sự thay đổi trạng thái cân bằng
- 2.3.3. Ba bước phân tích những thay đổi trong trạng thái cân bằng

2.4. Sự co giãn của cầu, cung

- 2.4.1. Sự co giãn của cầu theo giá (khái niệm, công thức tính, các nhân tố tác động)
- 2.4.2. Sự co giãn của cầu theo thu nhập
- 2.4.3. Sự co giãn chéo của cầu theo giá
- 2.4.4. Sự co giãn của cung theo giá (khái niệm, công thức tính, các nhân tố tác động)

2.5. Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường

- 2.5.1. Chính sách điều chỉnh và ổn định giá
- 2.5.2. Chính sách dự trữ
- 2.5.3. Chính sách thuế và trợ cấp

CHƯƠNG 3: LÝ THUYẾT LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG

3.1. Phân tích cân bằng tiêu dùng bằng thuyết hữu dụng

- 3.1.1. Một số vấn đề cơ bản
(Hữu dụng, Tổng hữu dụng, Hữu dụng biên, Quy luật hữu dụng biên giảm dần, Những ứng dụng của thuyết hữu dụng)
- 3.1.2. Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng

3.2. Phân tích cân bằng tiêu dùng bằng hình học

- 3.2.1. Đường đẳng ích
- 3.2.2. Đường ngân sách
- 3.2.3. Cân bằng tiêu dùng

CHƯƠNG 4: LÝ THUYẾT HÀNH VI CỦA DOANH NGHIỆP

4.1. Lý thuyết sản xuất

- 4.1.1. Các khái niệm
- 4.1.2. Hàm sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn
- 4.1.3. Xác định phương án phối hợp sản xuất tối ưu bằng phương pháp đại số
- 4.1.4. Đường đẳng lượng

- 4.1.5. Đường đẳng phí
- 4.1.6. Xác định phương án phối hợp sản xuất tối ưu bằng phương pháp hình học
- 4.1.7. Năng suất theo qui mô

4.2. Lý thuyết về chi phí sản xuất

- 4.2.1. Các khái niệm
- 4.2.2. Chi phí của doanh nghiệp trong ngắn hạn
- 4.2.3. Tối đa hóa sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của DN

CHƯƠNG 5: KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ VĨ MÔ

5.1. Một số khái niệm cơ bản

- 5.1.1. Lạm phát, giảm phát, các loại chỉ số giá
- 5.1.2. Thất nghiệp, mức nhân dụng, lực lượng lao động
- 5.1.3. Sản lượng quốc gia, sản lượng tiềm năng
- 5.1.4. Định luật Okun
- 5.1.5. Tăng trưởng kinh tế
- 5.1.6. Chu kỳ kinh doanh

5.2. Mục tiêu và công cụ điều tiết vĩ mô

5.3. Tổng cầu, Tổng cung và cân bằng kinh tế vĩ mô

- 5.3.1. Tổng cầu
(Khái niệm, Các nhân tố ảnh hưởng, Đường biểu diễn)
- 5.3.2. Tổng cung
(Khái niệm, Các nhân tố ảnh hưởng, Đường biểu diễn)
- 5.3.3. Cân bằng kinh tế vĩ mô

CHƯƠNG 6: ĐO LƯỜNG SẢN LƯỢNG QUỐC GIA

6.1. Chỉ tiêu GDP và GNP

6.2. Vấn đề giá cả trong SNA

6.3. Ba phương pháp tính GDP danh nghĩa theo giá thị trường

6.4. Những điểm chú ý khi sử dụng các phương pháp tính GDP

6.5. Cách tính các chỉ tiêu khác trong hệ thống tài khoản quốc gia.

6.6. GDP và phúc lợi kinh tế

CHƯƠNG 7: LÝ THUYẾT XÁC ĐỊNH SẢN LƯỢNG QUỐC GIA

7.1. Mô hình Cổ điển và mô hình Keynes

7.2. Tổng cầu với xác định sản lượng quốc gia trong mô hình nền kinh tế đơn giản- theo lý thuyết của Keynes

- 7.2.1. Tiêu dùng

(Khái niệm, Các nhân tố ảnh hưởng, Quan hệ giữa tiêu dùng và Thu nhập khả dụng, Hàm tiêu dùng theo thu nhập khả dụng)

7.2.2. Tiết kiệm

(Khái niệm, Quan hệ giữa tiết kiệm và Thu nhập khả dụng, Hàm tiết kiệm theo thu nhập khả dụng)

7.2.3. Đầu tư

(Khái niệm, Các nhân tố ảnh hưởng, Hàm đầu tư)

7.2.4. Tổng Cầu dự kiến hay Tổng chi tiêu dự kiến

7.2.5. Xác định sản lượng quốc gia cân bằng trong mô hình nền kinh tế đơn giản

7.3. Lý thuyết số nhân

7.3.1. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường Tổng cầu

7.3.2. Số nhân

7.3.3. Nghịch lý về tiết kiệm

CHƯƠNG 8: CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH VÀ CHÍNH SÁCH NGOẠI THƯƠNG

8.1. Tổng cầu với xác định sản lượng quốc gia trong nền kinh tế mở

8.1.1. Thu và chi của chính phủ

(Hàm số chi tiêu mua hàng hóa dịch vụ của chính phủ, Hàm số chi chuyển nhượng, hàm số thuế)

8.1.2. Ngân sách chính phủ

8.1.3. Hàm tiêu dùng của hộ gia đình khi có chính phủ

8.1.4. Hàm xuất khẩu, hàm nhập khẩu

8.1.5. Cán cân ngoại thương

8.1.6. Hai phương pháp xác định sản lượng cân bằng trong mô hình nền kinh tế mở

8.1.7. Mô hình số nhân trong nền kinh tế mở

8.2. Chính sách tài chính

8.2.1. Khái niệm

8.2.2. Mục tiêu của chính sách tài chính

8.2.3. Chính sách tài chính theo lý thuyết

8.2.4. Định lượng cho chính sách tài chính

8.3. Chính sách ngoại thương

8.3.1. Mục tiêu, công cụ

8.3.2. Chính sách gia tăng xuất khẩu

8.3.3. Chính sách hạn chế nhập khẩu

CHƯƠNG 9: TIỀN TỆ, NGÂN HÀNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

9.1. Tiền tệ

- 9.1.1. Khái niệm
- 9.1.2. Các chức năng, hình thái của tiền
- 9.1.3. Khối lượng tiền tệ- phân loại và phép đo khối lượng tiền tệ

9.2. Hệ thống ngân hàng

- 9.2.1. Sự hình thành và phát triển của hệ thống ngân hàng
- 9.2.2. Cách tạo tiền và phá hủy tiền của Ngân hàng trung gian

9.3. Số nhân tiền tệ

9.4 Thị trường tiền tệ

- 9.4.1. Cung tiền tệ
- 9.4.2. Cầu tiền tệ
- 9.4.3. Cân bằng thị trường tiền tệ

9.5. Chính sách tiền tệ

CHƯƠNG 10: MÔ HÌNH IS – LM

10.1. Đường IS

(Khái niệm, cách hình thành, tính chất của đường IS, phương trình đường IS, sự dịch chuyển của đường IS)

10.2. Đường LM

(Khái niệm, cách hình thành, tính chất của đường LM, phương trình đường LM, sự dịch chuyển của đường LM)

10.3. Sự cân bằng đồng thời trên thị trường hàng hóa và tiền tệ

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] TS. Nguyễn Đình Luận (chủ biên), ThS Hoàng Hữu Lượng, ThS Hồ Ngọc Thủy, ThS Nguyễn Văn Vẹn, ThS Trần Nam Quốc, ThS Nguyễn Phan Thu Hằng (2011), *Giáo trình Kinh tế Vi mô*, NXB Đại học Công nghiệp TP. HCM

[2] PGS. TS. Đinh Phi Hồ (2015), *Kinh tế vi mô – Căn bản & nâng cao*, NXB Tài chính.

[3] Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung (2010), *Tóm tắt- Bài tập- Trắc nghiệm Kinh Tế Vi mô*, Nhà xuất bản Thống kê.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch (2007), *Kinh tế học*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

[5] Dương Tân Diệp (1996), *Kinh tế vi mô*, Nhà xuất bản Thống kê.

[6] N. Gregory Mankiw (2000), *Kinh tế vi mô*, Nhà xuất bản Thống kê.

[7] Bộ giáo dục và đào tạo (1999), *Kinh tế học vi mô*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[8] Lê Bảo Lâm, Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ (2007), *Kinh tế vi mô*, Nhà xuất bản lao động- xã hội, TP.HCM.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ KINH TẾ HỌC</p> <p>1.1. Các khái niệm thường gặp trong kinh tế học</p> <p>1.2. Con người ra quyết định như thế nào? (Sự khan hiếm, sự lựa chọn, chi phí cơ hội, những thay đổi biên, những kích thích).</p> <p>1.3. Những đặc trưng của kinh tế học</p> <p>1.4. Phương pháp nghiên cứu kinh tế học</p> <p>1.5. Kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô</p> <p>1.6. Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc</p> <p>1.7. Các mô hình kinh tế</p> <p>1.7.1. Biểu đồ vòng chu chuyển</p> <p>1.7.2. Đường giới hạn khả năng sản xuất</p> <p>1.8. Các hệ thống tổ chức kinh tế</p>	3 tiết lý thuyết	Đọc trước chương 1 trong [1]	G1
2	<p>CHƯƠNG 2: CUNG CẦU HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG</p> <p>2.1. Cầu hàng hóa</p> <p>2.1.1. Cầu cá nhân và các yếu tố quyết định lượng cầu của một cá nhân</p> <p>2.1.2. Biểu cầu và Đường cầu</p> <p>2.1.3. Quy luật cầu và hàm cầu</p> <p>2.1.4. Cầu thị trường và Cầu cá nhân</p> <p>2.1.5. Sự dịch chuyển của đường cầu và sự di chuyển dọc theo đường cầu</p> <p>2.2. Cung hàng hóa</p>	2 tiết lý thuyết và 1 tiết thảo luận/bài tập	Làm bài tập chương 1 trong tài liệu [1] Đọc trước chương 2 trong tài liệu [1]	G2

	<p>2.2.1. Cung và các yếu tố quyết định lượng hàng hóa mà một cá nhân cung ứng</p> <p>2.2.2. Biểu cung và Đường cung</p> <p>2.2.3. Cung cá nhân và cung thị trường</p> <p>2.2.4. Sự dịch chuyển của đường cung và sự di chuyển dọc theo đường cung</p>			
3	<p>CHƯƠNG 2: CUNG CẦU HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG</p> <p>2.3. Thị trường cân bằng</p> <p>2.3.1. Trạng thái cân bằng</p> <p>2.3.2. Sự thay đổi trạng thái cân bằng</p> <p>2.3.3. Ba bước phân tích những thay đổi trong trạng thái cân bằng</p> <p>2.4. Sự co giãn của cầu, cung</p> <p>2.4.1. Sự co giãn của cầu theo giá (khái niệm, công thức tính, các nhân tố tác động)</p> <p>2.4.2. Sự co giãn của cầu theo thu nhập</p> <p>2.4.3. Sự co giãn chéo của cầu theo giá</p> <p>2.4.4. Sự co giãn của cung theo giá (khái niệm, công thức tính, các nhân tố tác động)</p>	<p>2 tiết lý thuyết và 1 tiết thảo luận/bài tập</p>	<p>Làm bài tập những phần đã học của chương 2 trong tài liệu [1]</p> <p>Đọc trước chương 2 trong tài liệu [1]</p>	G2
4	<p>CHƯƠNG 2: CUNG CẦU HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG</p> <p>2.5. Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường</p> <p>2.5.1. Chính sách điều chỉnh và ổn định giá</p> <p>2.5.2. Chính sách dự trữ</p> <p>2.5.3. Chính sách thuế và trợ cấp</p>	<p>2 tiết lý thuyết và 1 tiết thảo luận/bài tập</p>	<p>Làm bài tập những phần đã học của chương 2 trong tài liệu [1]</p> <p>Đọc trước chương 2 trong tài liệu [1]</p>	G2
5	<p>CHƯƠNG 3: LÝ THUYẾT LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG</p> <p>3.1. Phân tích cân bằng tiêu dùng bằng thuyết hữu dụng</p> <p>3.1.1. Một số vấn đề cơ bản</p>	<p>2 tiết lý thuyết và 1 tiết thảo luận</p>	<p>Làm bài tập chương 2 trong tài liệu [1]</p>	G3

	(Hữu dụng, Tổng hữu dụng, Hữu dụng biên, Quy luật hữu dụng biên giảm dần, Những ứng dụng của thuyết hữu dụng) 3.1.2. Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng 3.2. Phân tích cân bằng tiêu dùng bằng hình học 3.2.1. Đường đẳng ích 3.2.2. Đường ngân sách 3.2.3. Cân bằng tiêu dùng	luận/bài tập	Đọc trước chương 3 trong tài liệu [1]	
6	CHƯƠNG 4: LÝ THUYẾT HÀNH VI CỦA DOANH NGHIỆP 4.1. Lý thuyết sản xuất 4.1.1. Các khái niệm 4.1.2. Hàm sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn 4.1.3. Xác định phương án phối hợp sản xuất tối ưu bằng phương pháp đại số 4.1.4. Đường đẳng lượng 4.1.5. Đường đẳng phí 4.1.6. Xác định phương án phối hợp sản xuất tối ưu bằng phương pháp hình học 4.1.7. Năng suất theo qui mô	2 tiết lý thuyết và 1 tiết thảo luận/bài tập	Làm bài tập những phần đã học trong chương 3 trong tài liệu [1] Đọc trước chương 3 trong tài liệu [1]	G3
7	CHƯƠNG 4: LÝ THUYẾT HÀNH VI CỦA DOANH NGHIỆP 4.2. Lý thuyết về chi phí sản xuất 4.2.1. Các khái niệm 4.2.2. Chi phí của doanh nghiệp trong ngắn hạn 4.2.3. Tối đa hóa sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của DN	1 tiết lý thuyết và 2 tiết thảo luận/bài tập	Làm bài tập chương 3 trong tài liệu [1] Đọc trước chương 4 trong tài liệu [1]	G4
8	CHƯƠNG 5: KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ VĨ MÔ 5.1. Một số khái niệm cơ bản 5.1.1. Lạm phát, giảm phát, các loại chỉ số giá 5.1.2. Thất nghiệp, mức nhân dụng, lực lượng lao động	2 tiết lý thuyết và 1 tiết thảo luận/bài tập	Làm bài tập những phần chương 4 trong tài liệu [1]	G5

	<p>5.1.3. Sản lượng quốc gia, sản lượng tiềm năng</p> <p>5.1.4. Định luật Okun</p> <p>5.1.5. Tăng trưởng kinh tế</p> <p>5.1.6. Chu kỳ kinh doanh</p> <p>5.2. Mục tiêu và công cụ điều tiết vĩ mô</p> <p>5.3. Tổng cầu, Tổng cung và cân bằng kinh tế vĩ mô</p> <p>5.3.1. Tổng cầu (Khái niệm, Các nhân tố ảnh hưởng, Đường biểu diễn)</p> <p>5.3.2. Tổng cung (Khái niệm, Các nhân tố ảnh hưởng, Đường biểu diễn)</p> <p>5.3.3. Cân bằng kinh tế vĩ mô</p>		<p>Đọc trước chương 1 trong tài liệu [3]</p>	
9	<p>CHƯƠNG 6: ĐO LƯỜNG SẢN LƯỢNG QUỐC GIA</p> <p>6.1. Chỉ tiêu GDP và GNP</p> <p>6.2. Vấn đề giá cả trong SNA</p> <p>6.3. Ba phương pháp tính GDP danh nghĩa theo giá thị trường</p>	3 tiết lý thuyết	<p>Làm bài tập chương 1 trong tài liệu [3]</p> <p>Đọc trước chương 2 trong tài liệu [3]</p>	G6
10	<p>CHƯƠNG 6: ĐO LƯỜNG SẢN LƯỢNG QUỐC GIA</p> <p>6.4. Những điểm chú ý khi sử dụng các phương pháp tính GDP</p> <p>6.5. Cách tính các chỉ tiêu khác trong hệ thống tài khoản quốc gia.</p> <p>6.6. GDP và phúc lợi kinh tế</p>	1 tiết lý thuyết và 2 tiết thảo luận/bài tập	<p>Làm bài tập những phần đã học của chương 2 trong tài liệu [3]</p> <p>Đọc trước chương 2 trong tài liệu [3]</p>	G6
11	<p>CHƯƠNG 7: LÝ THUYẾT XÁC ĐỊNH SẢN LƯỢNG QUỐC GIA</p>	3 tiết lý thuyết	Làm bài tập chương 2	G7

	<p>7.1. Mô hình Cổ điển và mô hình Keynes</p> <p>7.2. Tổng cầu với xác định sản lượng quốc gia trong mô hình nền kinh tế đơn giản- theo lý thuyết của Keynes</p> <p>7.2.1. Tiêu dùng (Khái niệm, Các nhân tố ảnh hưởng, Quan hệ giữa tiêu dùng và Thu nhập khả dụng, Hàm tiêu dùng theo thu nhập khả dụng)</p> <p>7.2.2. Tiết kiệm (Khái niệm, Quan hệ giữa tiết kiệm và Thu nhập khả dụng, Hàm tiết kiệm theo thu nhập khả dụng)</p> <p>7.2.3. Đầu tư (Khái niệm, Các nhân tố ảnh hưởng, Hàm đầu tư)</p> <p>7.2.4. Tổng Cầu dự kiến hay Tổng chi tiêu dự kiến</p> <p>7.2.5. Xác định sản lượng quốc gia cân bằng trong mô hình nền kinh tế đơn giản</p>		<p>trong tài liệu [3]</p> <p>Đọc trước chương 3 trong tài liệu [3]</p>	
12	<p>CHƯƠNG 7: LÝ THUYẾT XÁC ĐỊNH SẢN LƯỢNG QUỐC GIA</p> <p>7.3. Lý thuyết số nhân</p> <p>7.3.1. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường Tổng cầu</p> <p>7.3.2. Số nhân</p> <p>7.3.3. Nghịch lý về tiết kiệm</p>	<p>1 tiết lý thuyết và 2 tiết thảo luận/bài tập</p>	<p>Làm bài tập những phần đã học trong chương 3 trong tài liệu [3]</p> <p>Đọc trước chương 3 trong tài liệu [3]</p>	G7
13	<p>CHƯƠNG 8: CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH VÀ CHÍNH SÁCH NGOẠI THƯƠNG</p> <p>8.1. Tổng cầu với xác định sản lượng quốc gia trong nền kinh tế mở</p> <p>8.1.1. Thu và chi của chính phủ</p>	<p>3 tiết lý thuyết</p>	<p>Làm bài tập chương 3 trong tài liệu [3]</p>	G7

	<p>(Hàm số chi tiêu mua hàng hóa dịch vụ của chính phủ, Hàm số chi chuyển nhượng, hàm số thuế)</p> <p>8.1.2. Ngân sách chính phủ</p> <p>8.1.3. Hàm tiêu dùng của hộ gia đình khi có chính phủ</p> <p>8.1.4. Hàm xuất khẩu, hàm nhập khẩu</p> <p>8.1.5. Cán cân ngoại thương</p> <p>8.1.6. Hai phương pháp xác định sản lượng cân bằng trong mô hình nền kinh tế mở</p> <p>8.1.7. Mô hình số nhân trong nền kinh tế mở</p> <p>8.2. Chính sách tài chính</p> <p>8.2.1. Khái niệm</p> <p>8.2.2. Mục tiêu của chính sách tài chính</p> <p>8.2.3. Chính sách tài chính theo lý thuyết</p> <p>8.2.4. Định lượng cho chính sách tài chính</p>		<p>Đọc trước chương 4 trong tài liệu [3]</p>	
14	<p>CHƯƠNG 8: CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH VÀ CHÍNH SÁCH NGOẠI THƯƠNG</p> <p>8.3. Chính sách ngoại thương</p> <p>8.3.1. Mục tiêu, công cụ</p> <p>8.3.2. Chính sách gia tăng xuất khẩu</p> <p>8.3.3. Chính sách hạn chế nhập khẩu</p>	<p>1 tiết lý thuyết và 2 tiết thảo luận/bài tập</p>	<p>Làm bài tập những phần đã học của chương 4 trong tài liệu [3]</p> <p>Đọc trước chương 4 trong tài liệu [3]</p>	G7
15	<p>CHƯƠNG 9: TIỀN TỆ, NGÂN HÀNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ</p> <p>9.1. Tiền tệ</p> <p>9.1.1. Khái niệm</p> <p>9.1.2. Các chức năng, hình thái của tiền</p> <p>9.1.3. Khối lượng tiền tệ- phân loại và phép đo khối lượng tiền tệ</p> <p>9.2. Hệ thống ngân hàng</p>	<p>2 tiết lý thuyết và 1 tiết thảo luận/bài tập</p>	<p>Làm bài tập chương 4 trong tài liệu [3]</p> <p>Đọc trước chương 5</p>	G8

<p>9.2.1. Sự hình thành và phát triển của hệ thống ngân hàng</p> <p>9.2.2. Cách tạo tiền và phá hủy tiền của Ngân hàng trung gian</p> <p>9.3. Số nhân tiền tệ</p> <p>9.4 Thị trường tiền tệ</p> <p>9.4.1. Cung tiền tệ</p> <p>9.4.2. Cầu tiền tệ</p> <p>9.4.3. Cân bằng thị trường tiền tệ</p> <p>9.5. Chính sách tiền tệ</p>		trong tài liệu [3]	
<p>CHƯƠNG 10: MÔ HÌNH IS – LM</p> <p>10.1. Đường IS (Khái niệm, cách hình thành, tính chất của đường IS, phương trình đường IS, sự dịch chuyển của đường IS)</p> <p>10.2. Đường LM (Khái niệm, cách hình thành, tính chất của đường LM, phương trình đường LM, sự dịch chuyển của đường LM)</p> <p>10.3. Sự cân bằng đồng thời trên thị trường hàng hóa và tiền tệ</p>	Sinh viên tự tìm hiểu	Tự đọc chương 6 trong tài liệu [3]	G9

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4 (1.1 + 1.2)
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	Điểm danh và đánh giá thái độ học tập

1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	Điểm bài kiểm tra
2. Đánh giá cuối kỳ	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0.6 (≥ 0.5)	Thi tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Quản trị Kinh Doanh/ Bộ môn Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ/email: k_qtkd@sgu.edu.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Phan Thu Hằng

ThS. Nguyễn Phan Thu Hằng

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật (tiếng Anh): The general theory of Government and Law	
- Mã số học phần: 843069	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	04
+ Số tiết lý thuyết:	40
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	20
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	120
- Học phần tiên quyết:	Triết học
- Học phần song hành (nếu có):	Không

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần Lý luận chung về nhà nước và pháp luật là 1 học phần có vị trí quan trọng trong hệ thống kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, tạo nền tảng kiến thức vững chắc cho sinh viên trước khi đi sâu vào tìm hiểu hệ thống các ngành Luật. Học phần chia ra làm 2 nhóm kiến thức chính: nhóm 1 - những vấn đề lý luận về Nhà nước - giúp sinh viên nắm rõ các kiến thức cơ bản về nhà nước và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như nguồn gốc ra đời, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu Nhà nước, bộ máy Nhà nước; nhóm 2 - những vấn đề lý luận về Pháp luật - giúp sinh viên nắm rõ các kiến thức cơ bản về Pháp luật và Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; thực hiện pháp luật - ý thức pháp luật; pháp chế XHCN và vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN hiện nay.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Hoàn thiện tri thức lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, cụ thể như khái niệm Nhà nước, khái niệm về bộ máy nhà nước, cơ quan nhà nước,... các khái niệm pháp luật, quy phạm pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, hệ thống pháp luật,... nhằm cung cấp cho sinh viên toàn bộ hệ thống lý luận cơ bản về 2 phạm trù này, góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho việc học tập các học phần về sau của sinh viên.

Về kỹ năng: sinh viên sẽ vận dụng được những kiến thức đã học để tiếp cận, nhận định, so sánh, đánh giá hiện tượng nhà nước và pháp luật dưới góc độ pháp lý; rèn luyện phương pháp nghiên cứu, phân tích các vấn đề lý luận về Nhà nước và Pháp luật; có tri thức để vận dụng vào việc nghiên cứu và học tập, vận dụng sau này.

Về thái độ: Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên sẽ có thái độ đúng đắn trong nhận thức về hiện tượng nhà nước và pháp luật. Qua đó, có ý thức rèn luyện, phấn đấu trở thành cán bộ, công chức, viên chức, luật sư, cán bộ pháp chế, cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về luật học có năng lực và phẩm hạnh trong tương lai.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	<i>Trình bày được các khái niệm cơ bản về Nhà nước, khái niệm về pháp luật, chức năng, đặc trưng, hình thức, kiểu Nhà nước, kiểu pháp luật; khái niệm hệ thống pháp luật..</i>	2
G2	<i>Cho ví dụ và phân biệt được các hình thức, các kiểu nhà nước, hình thức nhà nước; các kiểu pháp luật, các hình thức pháp luật, các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam....</i>	3
G3	<i>Trình bày được các khái niệm, đặc điểm và các nội dung có liên quan đến những vấn đề của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật và sự kiện pháp lý, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý,....</i>	2
G4	<i>Nhận định, đánh giá được việc thực hiện các hoạt động trên thực tế như xây dựng quy phạm pháp luật, điều chỉnh các quan hệ pháp luật, vấn đề vi phạm hành chính và xử lý vi phạm pháp luật, giải thích pháp luật, pháp điển hóa pháp luật...</i>	3
G5	<i>Đề xuất những giải pháp, kiến nghị đối với việc hoàn thiện pháp luật về các nội dung đã được học.</i>	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1.

NHẬP MÔN LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

1.1. Khoa học Lý luận Nhà nước và Pháp luật (NN&PL)

- 1.1.1. Đối tượng nghiên cứu của Lý luận NN&PL
- 1.1.2. Phương pháp nghiên cứu của Lý luận NN&PL
- 1.1.3. Vị trí của Lý luận NN&PL trong hệ thống khoa học XHNV và KHPL

1.2. Môn học Lý luận NN&PL

1.3. Những yêu cầu chung và phương pháp học tập môn Lý luận NN&PL

CHƯƠNG 2.

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

2.1. Nguồn gốc ra đời của Nhà nước

- 2.1.1. Quan điểm trước Mác (phi Mác-xít) về nguồn gốc ra đời của NN
- 2.1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin về nguồn gốc ra đời của NN

2.2. Bản chất Nhà nước

- 2.2.1. Tính giai cấp
- 2.2.2. Tính xã hội

2.3. Đặc trưng Nhà nước

- 2.3.1. Nhà nước thiết lập một quyền lực công cộng đặc biệt – quyền lực NN
- 2.3.2. Nhà nước phân chia dân cư thành các đơn vị hành chính lãnh thổ
- 2.3.3. Nhà nước có chủ quyền quốc gia
- 2.3.4. Nhà nước ban hành pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật
- 2.3.5. Nhà nước ban hành thuế, thu thuế

2.4. Chức năng Nhà nước

- 2.4.1. Khái niệm chức năng
- 2.4.2. Phân loại chức năng của nhà nước

2.5. Hình thức Nhà nước

- 2.5.1. Khái niệm hình thức nhà nước
- 2.5.2. Hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước, chế độ chính trị

2.6. Bộ máy Nhà nước

- 2.6.1. Khái niệm bộ máy nhà nước, cơ quan nhà nước
- 2.6.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước
- 2.6.3. Mối quan hệ giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước
- 2.6.4. Hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước

2.7. Kiểu Nhà nước

- 2.7.1. Khái niệm kiểu nhà nước
- 2.7.2. Phân loại

- 2.7.2.1. Nhà nước chiếm hữu nô lệ
- 2.7.2.2. Nhà nước phong kiến
- 2.7.2.3. Nhà nước tư sản
- 2.7.2.4. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

CHƯƠNG 3.

NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- 3.1. Nguồn gốc ra đời của Nhà nước**
- 3.2. Bản chất của Nhà nước**
- 3.3. Đặc trưng Nhà nước**
- 3.4. Chức năng Nhà nước**
- 3.5. Hình thức Nhà nước**
- 3.6. Kiểu Nhà nước**
- 3.7. Bộ máy nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

CHƯƠNG 4.

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT

- 4.1. Nguồn gốc ra đời của pháp luật**
- 4.2. Bản chất của pháp luật**
 - 4.2.1. Tính giai cấp
 - 4.2.2. Tính xã hội
- 4.3. Thuộc tính của pháp luật**
 - 4.3.1. Tính quy phạm phổ biến
 - 4.3.2. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức
 - 4.3.3. Tính ý chí
 - 4.3.4. Tính thống nhất
- 4.4. Chức năng của pháp luật**
 - 4.4.1. Khái niệm chức năng
 - 4.4.2. Phân loại chức năng của pháp luật
- 4.5. Hình thức pháp luật**
 - 4.5.1. Khái niệm hình thức pháp luật
 - 4.5.2. Phân loại hình thức pháp luật
 - 4.5.2.1. Tiền lệ pháp
 - 4.5.2.2. Tập quán pháp
 - 4.5.2.3. Văn bản quy phạm pháp luật
- 4.6. Kiểu pháp luật**
 - 4.6.1. Khái niệm kiểu pháp luật
 - 4.6.2. Phân loại

- 4.6.2.1. Pháp luật chiếm hữu nô lệ
 - 4.6.2.2. Pháp luật phong kiến
 - 4.6.2.3. Pháp luật tư sản
 - 4.6.2.4. Pháp luật xã hội chủ nghĩa
- 4.7. Mối quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác.**

CHƯƠNG 5.

PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- 5.1. Nguồn gốc ra đời của pháp luật**
- 5.2. Bản chất của pháp luật**
- 5.3. Thuộc tính của pháp luật**
- 5.4. Chức năng của pháp luật**
- 5.5. Hình thức pháp luật**
- 5.6. Kiểu pháp luật**

CHƯƠNG 6.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT

- 6.1. Khái niệm quy phạm pháp luật**
- 6.2. Cấu thành của quy phạm pháp luật**
 - 6.2.1. Giả định
 - 6.2.2. Quy định
 - 6.2.3. Chế tài
- 6.3. Phân loại quy phạm pháp luật**

CHƯƠNG 7.

QUAN HỆ PHÁP LUẬT VÀ SỰ KIỆN PHÁP LÝ

- 7.1. Quan hệ pháp luật**
 - 7.1.1. Khái niệm quan hệ pháp luật
 - 7.1.2. Thành phần của quan hệ pháp luật
- 7.2. Sự kiện pháp lý**
 - 7.2.1. Khái niệm sự kiện pháp lý
 - 7.2.2. Phân loại sự kiện pháp lý

CHƯƠNG 8.

HỆ THỐNG PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM

- 8.1. Khái niệm hệ thống pháp luật**
- 8.2. Cấu trúc hệ thống pháp luật**
 - 8.2.1. Hệ thống pháp luật nhìn từ góc độ cấu trúc bên trong của PL

8.2.2. Hệ thống pháp luật nhìn từ góc độ cấu trúc bên ngoài của PL

8.3. Cơ sở phân định các ngành luật trong hệ thống pháp luật

8.3.1. Đối tượng điều chỉnh

8.3.2. Phương pháp điều chỉnh

8.4. Khái quát về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

CHƯƠNG 9.

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

9.1. Thực hiện pháp luật

9.1.1. Khái niệm thực hiện pháp luật

9.1.2. Các hình thức thực hiện pháp luật

9.2. Áp dụng pháp luật – hình thức thực hiện pháp luật đặc biệt

9.2.1. Đặc điểm của áp dụng pháp luật

9.2.2. Các trường hợp áp dụng pháp luật

9.2.3. Các giai đoạn áp dụng pháp luật

9.3. Áp dụng pháp luật tương tự

9.4. Giải thích pháp luật

CHƯƠNG 10.

VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

10.1. Vi phạm pháp luật

10.1.1. Khái niệm vi phạm pháp luật

10.1.2. Phân loại vi phạm pháp luật

10.2. Trách nhiệm pháp lý

10.2.1. Khái niệm trách nhiệm pháp lý

10.2.2. Phân loại trách nhiệm pháp lý

CHƯƠNG 11.

CƠ CHẾ ĐIỀU CHỈNH CỦA PHÁP LUẬT

11.1. Điều chỉnh pháp luật

11.1.1. Khái niệm điều chỉnh pháp luật

11.1.2. Đối tượng điều chỉnh pháp luật

11.1.3. Phương pháp điều chỉnh pháp luật

11.1.4. Các giai đoạn của quá trình điều chỉnh pháp luật

11.2. Cơ chế điều chỉnh pháp luật

11.2.1. Khái niệm cơ chế điều chỉnh pháp luật

11.2.2. Vai trò của các yếu tố trong cơ chế điều chỉnh pháp luật

11.2.3. Mối quan hệ giữa các yếu tố trong cơ chế điều chỉnh pháp luật

CHƯƠNG 12.

Ý THỨC PHÁP LUẬT VÀ PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

12.1. Ý thức pháp luật

- 12.1.1. Khái niệm ý thức pháp luật
- 12.1.2. Cấu trúc của ý thức pháp luật
- 12.1.3. Chức năng của ý thức pháp luật
- 12.1.4. Phân loại ý thức pháp luật
- 12.1.5. Mối quan hệ giữa pháp luật và ý thức pháp luật

12.2. Pháp chế xã hội chủ nghĩa (XHCN)

- 12.2.1. Khái niệm pháp chế XHCN
- 12.2.2. Những nguyên tắc của pháp chế
- 12.2.3. Vai trò của pháp chế
- 12.2.4. Những điều kiện đảm bảo cho sự phát triển của pháp chế

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB. Công an nhân dân.

[2] PGS.TS Phan Trung Hiền (2016), *Lý luận về Nhà nước và pháp luật (quyển 1, 2)*, NXB Chính trị quốc gia.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3] Hiến pháp 2013.

[4] Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới*, NXB. Công an Nhân Dân.

[5] PGS.TS Phan Trung Hiền (2014), *Những nội dung cơ bản của môn học Lý luận về Nhà nước và pháp luật*, NXB Chính trị quốc gia.

[6] Các website: www.ncpl.org.vn, www.na.gov.vn, www.chinhphu.vn, www.dangcongsan.vn.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	CHƯƠNG 1. NHẬP MÔN LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	4 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên	G1, G2,

	<p>1.1. Khoa học Lý luận Nhà nước và Pháp luật (NN&PL)</p> <p>1.1.1. Đối tượng nghiên cứu của Lý luận NN&PL</p> <p>1.1.2. Phương pháp nghiên cứu của Lý luận NN&PL</p> <p>1.1.3. Vị trí của Lý luận NN&PL trong hệ thống khoa học XHNV và KHPL</p> <p>1.2. Môn học Lý luận NN&PL</p> <p>1.3. Những yêu cầu chung và phương pháp học tập môn Lý luận NN&PL</p>		<p>lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G3</p>
2	<p>CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC</p> <p>2.1. Nguồn gốc ra đời của Nhà nước</p> <p>2.1.1 Quan điểm trước Mác (phi Mác-xít) về nguồn gốc ra đời của NN</p> <p>2.1.2 Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nguồn gốc ra đời của NN</p> <p>2.2. Bản chất Nhà nước</p> <p>2.2.1. Tính giai cấp</p> <p>2.2.2. Tính xã hội</p> <p>2.3. Đặc trưng Nhà nước</p> <p>2.3.1. Nhà nước thiết lập một quyền lực công cộng đặc biệt – quyền lực NN</p> <p>2.3.2. Nhà nước phân chia dân cư thành các đơn vị hành chính lãnh thổ</p> <p>2.3.3. Nhà nước có chủ quyền quốc gia</p> <p>2.3.4. Nhà nước ban hành pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật</p> <p>2.3.5. Nhà nước ban hành thuế, thu thuế</p>	<p>3 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận</p>	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G1, G2, G3</p>
3	<p>CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC (TT)</p> <p>2.4. Chức năng Nhà nước</p> <p>2.4.1. Khái niệm chức năng</p> <p>2.4.2. Phân loại chức năng của nhà nước</p> <p>2.5. Hình thức Nhà nước</p> <p>2.5.1. Khái niệm hình thức nhà nước</p>	<p>3 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận</p>	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G1, G2, G3</p>

	<p>2.5.2. Hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước, chế độ chính trị</p> <p>2.6. Bộ máy Nhà nước</p> <p>2.6.1. Khái niệm bộ máy nhà nước, cơ quan nhà nước</p> <p>2.6.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước</p> <p>2.6.3. Môi quan hệ giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước</p> <p>2.6.4. Hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước</p> <p>2.7. Kiểu Nhà nước</p> <p>2.7.1. Khái niệm kiểu nhà nước</p> <p>2.7.2. Phân loại</p> <p>2.7.2.1. Nhà nước chiếm hữu nô lệ</p> <p>2.7.2.2. Nhà nước phong kiến</p> <p>2.7.2.3. Nhà nước tư sản</p> <p>2.7.2.4. Nhà nước xã hội chủ nghĩa</p>			
4	<p>CHƯƠNG 3. NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p> <p>3.1. Nguồn gốc ra đời của Nhà nước</p> <p>3.2. Bản chất của Nhà nước</p> <p>3.3. Đặc trưng Nhà nước</p> <p>3.4. Chức năng Nhà nước</p> <p>3.5. Hình thức Nhà nước</p> <p>3.6. Kiểu Nhà nước</p> <p>3.7. Bộ máy nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p>	2 tiết Lý thuyết + 2 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
5	<p>CHƯƠNG 4. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT</p> <p>4.1. Nguồn gốc ra đời của pháp luật</p> <p>4.2. Bản chất của pháp luật</p> <p>4.2.1. Tính giai cấp</p> <p>4.2.2. Tính xã hội</p> <p>4.3. Thuộc tính của pháp luật</p> <p>4.3.1. Tính quy phạm phổ biến</p>	3 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3

	<p>4.3.2. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức</p> <p>4.3.3. Tính ý chí</p> <p>4.3.4. Tính thống nhất</p> <p>4.4. Chức năng của pháp luật</p> <p>4.4.1. Khái niệm chức năng</p> <p>4.4.2. Phân loại chức năng của pháp luật</p>			
6	<p>CHƯƠNG 4. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT (TT)</p> <p>4.5. Hình thức pháp luật</p> <p>4.5.1. Khái niệm hình thức pháp luật</p> <p>4.5.2. Phân loại hình thức pháp luật</p> <p>4.5.2.1. Tiền lệ pháp</p> <p>4.5.2.2. Tập quán pháp</p> <p>4.5.2.3. Văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>4.6. Kiểu pháp luật</p> <p>4.6.1. Khái niệm kiểu pháp luật</p> <p>4.6.2. Phân loại</p> <p>4.6.2.1. Pháp luật chiếm hữu nô lệ</p> <p>4.6.2.2. Pháp luật phong kiến</p> <p>4.6.2.3. Pháp luật tư sản</p> <p>4.6.2.4. Pháp luật xã hội chủ nghĩa</p> <p>4.7. Mối quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác.</p>	3 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
7	<p>CHƯƠNG 5. PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p> <p>5.1. Nguồn gốc ra đời của pháp luật</p> <p>5.2. Bản chất của pháp luật</p> <p>5.3. Thuộc tính của pháp luật</p> <p>5.4. Chức năng của pháp luật</p> <p>5.5. Hình thức pháp luật</p> <p>5.6. Kiểu pháp luật</p>	2 tiết Lý thuyết + 2 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
8	<p>Chương 6. QUY PHẠM PHÁP LUẬT</p> <p>6.1. Khái niệm quy phạm pháp luật</p> <p>6.2. Cấu thành của quy phạm pháp luật</p> <p>6.2.1. Giả định</p>	2 tiết Lý thuyết + 2 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập	G3, G4

	6.2.2. Quy định 6.2.3. Chế tài 6.3. Phân loại quy phạm pháp luật		tập, tham gia thảo luận	
9	Chương 7. QUAN HỆ PHÁP LUẬT VÀ SỰ KIẾN PHÁP LÝ 7.1. Quan hệ pháp luật 7.1.1. Khái niệm quan hệ pháp luật 7.1.2. Thành phần của quan hệ pháp luật 7.2. Sự kiện pháp lý 7.2.1. Khái niệm sự kiện pháp lý 7.2.2. Phân loại sự kiện pháp lý	2 tiết Lý thuyết + 2 tiết Bài tập, Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G3, G4
10	Chương 8. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM 8.1. Khái niệm hệ thống pháp luật 8.2. Cấu trúc hệ thống pháp luật 8.2.1. Hệ thống pháp luật nhìn từ góc độ cấu trúc bên trong của PL 8.2.2. Hệ thống pháp luật nhìn từ góc độ cấu trúc bên ngoài của PL 8.3. Cơ sở phân định các ngành luật trong hệ thống pháp luật 8.3.1. Đối tượng điều chỉnh 8.3.2. Phương pháp điều chỉnh	3 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G3, G4
11	Chương 8. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM (TT) – KIỂM TRA 8.4. Khái quát về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận, 1 tiết kiểm tra	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G3, G4
12	Chương 9. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT 9.1. Thực hiện pháp luật 9.1.1. Khái niệm thực hiện pháp luật 9.1.2. Các hình thức thực hiện pháp luật 9.2. Áp dụng pháp luật – hình thức thực hiện pháp luật đặc biệt 9.2.1. Đặc điểm của áp dụng pháp luật	3 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G3, G4

	<p>9.2.2. Các trường hợp áp dụng pháp luật</p> <p>9.2.3. Các giai đoạn áp dụng pháp luật</p> <p>9.3. Áp dụng pháp luật tương tự</p> <p>9.4. Giải thích pháp luật</p>			
13	<p>Chương 10. VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ</p> <p>10.1. Vi phạm pháp luật</p> <p>10.1.1. Khái niệm vi phạm pháp luật</p> <p>10.1.2. Phân loại vi phạm pháp luật</p> <p>10.2. Trách nhiệm pháp lý</p> <p>10.2.1. Khái niệm trách nhiệm pháp lý</p> <p>10.2.2. Phân loại trách nhiệm pháp lý</p>	<p>2 tiết Lý thuyết + 2 tiết Bài tập</p>	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G3, G4</p>
14	<p>Chương 11. CƠ CHẾ ĐIỀU CHỈNH CỦA PHÁP LUẬT</p> <p>11.1. Điều chỉnh pháp luật</p> <p>11.1.1. Khái niệm điều chỉnh pháp luật</p> <p>11.1.2. Đối tượng điều chỉnh pháp luật</p> <p>11.1.3. Phương pháp điều chỉnh pháp luật</p> <p>11.1.4. Các giai đoạn của quá trình điều chỉnh pháp luật</p> <p>11.2. Cơ chế điều chỉnh pháp luật</p> <p>11.2.1. Khái niệm cơ chế điều chỉnh pháp luật</p> <p>11.2.2. Vai trò của các yếu tố trong cơ chế điều chỉnh pháp luật</p> <p>11.2.3. Mối quan hệ giữa các yếu tố trong cơ chế điều chỉnh pháp luật.</p>	<p>3 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận</p>	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G3, G4</p>
15	<p>Chương 12. Ý THỨC PHÁP LUẬT VÀ PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</p> <p>12.1. Ý thức pháp luật</p> <p>12.1.1. Khái niệm ý thức pháp luật</p> <p>12.1.2. Cấu trúc của ý thức pháp luật</p> <p>12.1.3. Chức năng của ý thức pháp luật</p> <p>12.1.4. Phân loại ý thức pháp luật</p> <p>12.1.5. Mối quan hệ giữa pháp luật và ý thức pháp luật</p>	<p>3 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận</p>	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G3, G4</p>

12.2. Pháp chế xã hội chủ nghĩa (XHCHN)			
12.2.1. Khái niệm pháp chế XHCN			
12.2.2. Những nguyên tắc của pháp chế			
12.2.3. Vai trò của pháp chế			
12.2.4. Những điều kiện đảm bảo cho sự phát triển của pháp chế			

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên cần có kiến thức cơ bản về Triết học.
- Đọc tài liệu trước khi lên lớp; làm bài tập thảo luận nhóm, thuyết trình khi giảng viên có yêu cầu.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên..

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận (hình thức thi - đề đóng)

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật
- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

KỸ THUẬT XÂY DỰNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ thuật xây dựng văn bản pháp luật (tiếng Anh): Techniques for developing legal documents	
- Mã số học phần: 843047	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật (843069)
- Học phần song hành (nếu có):	

Commented [k1]: 60 or 90

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản về văn bản pháp luật và kỹ thuật soạn thảo văn bản pháp luật, bao gồm: Nhận diện các loại hình văn bản pháp luật và hoạt động soạn thảo văn bản pháp luật; văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật; văn bản áp dụng pháp luật và soạn thảo văn bản áp dụng pháp luật; văn bản hành chính và soạn thảo văn bản hành chính; Kiểm tra và xử lý văn bản.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Người học phải nắm được:

- Mục đích ý nghĩa của hoạt động xây dựng pháp luật, soạn thảo văn bản.

- Hệ thống văn bản pháp luật hiện hành về văn bản, như thẩm quyền, hình thức, thể thức, trình tự thủ tục ban hành văn bản pháp luật.
- Khái niệm và đặc trưng của các loại hình văn bản ở nước ta.
- Những kiến thức cơ bản về kỹ thuật soạn thảo văn bản, như thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Về kỹ năng: Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị để nhận biết, phân loại, soạn thảo các loại văn bản, như thể thức, kỹ thuật trình bày, sử dụng ngôn ngữ.

Về thái độ: Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên sẽ có thái độ đúng đắn khi đánh giá các loại hình văn bản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, từ đó có ý thức rèn luyện, phấn đấu trở thành cán bộ, công chức, viên chức có năng lực về xây dựng, soạn thảo văn bản trong tương lai.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái quát về văn bản pháp luật, tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản pháp luật.	2
G2	Phân biệt được văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật	3
G3	Trình bày được quy trình xây dựng văn bản pháp luật	2
G4	Hiểu được những yêu cầu đối với ngôn ngữ trong văn bản pháp luật và biết cách sử dụng ngôn ngữ trong việc soạn thảo văn bản pháp luật	4
G5	Hiểu rõ về hình thức văn bản pháp luật: xác định tên loại văn bản pháp luật, kỹ thuật trình bày hình thức văn bản pháp luật	3
G6	Biết cách soạn thảo nội dung của văn bản pháp luật	4
G7	Hiểu rõ được quá trình kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản pháp luật	3
G8	Có kỹ năng soạn thảo được văn bản quy phạm pháp luật	4
G9	Có kỹ năng soạn thảo được văn bản áp dụng pháp luật	4
G10	Có kỹ năng soạn thảo được văn bản hành chính	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- 1.1. Khái niệm văn bản pháp luật
- 1.2. Tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản pháp luật

CHƯƠNG 2. QUY TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- 2.1. Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật
- 2.2. Quy trình xây dựng văn bản áp dụng pháp luật

CHƯƠNG 3. NGÔN NGỮ TRONG VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- 3.1. Khái niệm ngôn ngữ trong văn bản pháp luật
- 3.2. Yêu cầu đối với ngôn ngữ trong văn bản pháp luật
- 3.3. Sử dụng ngôn ngữ trong văn bản pháp luật

CHƯƠNG 4. HÌNH THỨC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- 4.1. Xác định tên loại văn bản pháp luật
- 4.2. Kỹ thuật trình bày hình thức văn bản pháp luật

CHƯƠNG 5. NỘI DUNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- 5.1. Soạn thảo nội dung văn bản quy phạm pháp luật
- 5.2. Soạn thảo nội dung văn bản áp dụng pháp luật

CHƯƠNG 6. KIỂM TRA, RÀ SOÁT VÀ XỬ LÝ VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- 6.1. Kiểm tra văn bản pháp luật
- 6.2. Rà soát văn bản pháp luật
- 6.3. Xử lý văn bản pháp luật

CHƯƠNG 7. SOẠN THẢO MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT ĐIỂN HÌNH

- 7.1. Soạn thảo luật, pháp lệnh
- 7.2. Soạn thảo nghị quyết
- 7.3. Soạn thảo nghị định
- 7.4. Soạn thảo thông tư
- 7.5. Soạn thảo quyết định
- 7.6. Soạn thảo chỉ thị

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật*, NXB Tư pháp, 2017.

[2] Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Luật số 80/2015/QH13 ngày 22/06/2015).

6.2. Tài liệu tham khảo

[3] GS.TSKH Nguyễn Văn Thâm (2006), *Soạn thảo và xử lý văn bản quản lý nhà nước*, NXB.Chính trị Quốc gia (Tái bản lần thứ tư).

[4] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật*, NXB. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.

[5] Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT 1.1. Khái niệm văn bản pháp luật 1.2. Tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản pháp luật	2 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi	G1
2	Thảo luận nhóm về những nội dung của văn bản pháp luật	2 tiết thảo luận	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; chia nhóm thảo luận	G2
3	CHƯƠNG 2. QUY TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT 2.1. Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	2 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi	G3
4	CHƯƠNG 2. QUY TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT 2.2. Quy trình xây dựng văn bản áp dụng pháp luật	2 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi	G3
5	CHƯƠNG 3. NGÔN NGỮ TRONG VĂN BẢN PHÁP LUẬT 3.1. Khái niệm ngôn ngữ trong văn bản pháp luật 3.2. Yêu cầu đối với ngôn ngữ trong văn bản pháp luật 3.3. Sử dụng ngôn ngữ trong văn bản pháp luật	2 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi	G4
6	CHƯƠNG 4. HÌNH THỨC VĂN BẢN PHÁP LUẬT 4.1. Xác định tên loại văn bản pháp luật 4.2. Kỹ thuật trình bày hình thức văn bản pháp luật	2 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi	G5

7	CHƯƠNG 5. NỘI DUNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT 5.1. Soạn thảo nội dung văn bản quy phạm pháp luật 5.2. Soạn thảo nội dung văn bản áp dụng pháp luật	2 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi	G6
8	CHƯƠNG 6. KIỂM TRA, RÀ SOÁT VÀ XỬ LÝ VĂN BẢN PHÁP LUẬT 6.1. Kiểm tra văn bản pháp luật 6.2. Rà soát văn bản pháp luật 6.3. Xử lý văn bản pháp luật	2 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi	G7
9	CHƯƠNG 7. SOẠN THẢO MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT ĐIỂN HÌNH 7.1. Soạn thảo luật, pháp lệnh 7.2. Soạn thảo nghị quyết 7.3. Soạn thảo nghị định 7.4. Soạn thảo thông tư 7.5. Soạn thảo quyết định 7.6. Soạn thảo chi thị	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; chia nhóm làm bài tập soạn thảo văn bản	G8, G9, G10
10	CHƯƠNG 7. SOẠN THẢO MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT ĐIỂN HÌNH 7.2. Soạn thảo nghị quyết	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; chia nhóm làm bài tập soạn thảo văn bản	G8, G9, G10
11	CHƯƠNG 7. SOẠN THẢO MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT ĐIỂN HÌNH 7.3. Soạn thảo nghị định	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; chia nhóm làm bài tập soạn thảo văn bản	G8, G9, G10
12	CHƯƠNG 7. SOẠN THẢO MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT ĐIỂN HÌNH 7.4. Soạn thảo thông tư	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; chia nhóm làm bài tập soạn thảo văn bản	G8, G9, G10

13	CHƯƠNG 7. SOẠN THẢO MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT ĐIỂN HÌNH 7.5. Soạn thảo quyết định	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; chia nhóm làm bài tập soạn thảo văn bản	G8, G9, G10
14	CHƯƠNG 7. SOẠN THẢO MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT ĐIỂN HÌNH 7.6. Soạn thảo chỉ thị	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; chia nhóm làm bài tập soạn thảo văn bản	G8, G9, G10
15	Thảo luận, soạn thảo văn bản, ôn tập	2 tiết thảo luận, làm bài tập	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; chia nhóm thảo luận, làm bài tập soạn thảo văn bản	G8, G9, G10

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải chuẩn bị làm bài thảo luận ở nhà.
- Sinh viên phải chăm chỉ đọc Giáo trình; các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên..

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa phụ trách: Khoa Luật

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam (tiếng Anh): Vietnamese History of the State and laws	
- Mã số học phần: 843055	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước và Pháp luật Việt Nam; so sánh, phân tích và lý giải những quy định về tổ chức và hoạt động của Nhà nước cũng như của pháp luật ở Việt Nam qua các giai đoạn phát triển của lịch sử.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản về quá trình ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước và Pháp luật Việt Nam từ nguồn gốc cho đến các giai đoạn phát triển của lịch sử: từ thời kỳ Bắc thuộc cho đến thời kỳ nhà Nguyễn (1858).

Về kỹ năng: Sinh viên hiểu, so sánh và phân tích được những quy định về tổ chức và hoạt động của Nhà nước cũng như của pháp luật ở Việt Nam qua các giai đoạn phát

triển của lịch sử. Chỉ ra và lý giải được những nguyên nhân đã dẫn đến sự hình thành, thay đổi của những quy định về tổ chức và hoạt động của Nhà nước cũng như pháp luật ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.

Về thái độ: Sinh viên có thái độ đúng đắn khi nghiên cứu và học tập; nhận thức được tính quy luật khách quan của quá trình ra đời, tồn tại và phát triển của nhà nước và pháp luật Việt Nam; qua đó, góp phần kế thừa và phát huy bản sắc văn hóa pháp lý của dân tộc.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày các yếu tố dẫn đến sự ra đời và quá trình hình thành của nhà nước đầu tiên trong lịch sử. Nêu các hình thức pháp luật ở nhà nước đầu tiên trong lịch sử.	1
G2	Phân tích các yếu tố dẫn đến sự ra đời của nhà nước đầu tiên trong lịch sử.	4
G3	Phân tích và nhận xét về điểm đặc thù trong quá trình ra đời nhà nước Văn Lang – Âu Lạc.	4
G4	Trình bày nhà nước và pháp luật của chính quyền đô hộ từ năm 179 TCN đến năm 40, từ năm 43 đến năm 544, từ năm 603 đến năm 938 và thời kỳ đô hộ của chính quyền phương Bắc (179 TCN – 938).	1
G5	Trình bày nhà nước và pháp luật thời kỳ Hai Bà Trưng (40 – 43), thời kỳ Vạn Xuân (544 – 602), thời kỳ Khúc Thừa Dụ (905 – 930), thời kỳ Dương Đình Nghệ (931 – 937).	1
G6	Chỉ ra đặc điểm của nhà nước và pháp luật Việt Nam thời Bắc thuộc.	3
G7	Trình bày đặc điểm của nhà nước và pháp luật thời kì phong kiến.	1
G8	Phân tích tổ chức bộ máy của nhà nước và pháp luật thời Ngô, Đinh, Tiền Lê. Phân tích tổ chức bộ máy của nhà nước và pháp luật thời Lý, Trần Hồ.	4

G9	Phân tích tổ chức bộ máy của nhà nước nhà nước phong kiến quân chủ tập quyền thời Lê Sơ và nhà nước phong kiến trong thời phân tranh.	4
G10	Trình bày pháp luật phong kiến thời kỳ (thế kỷ 15-18)	1
G11	Chỉ ra và phân tích điểm tiến bộ của Bộ Quốc triều hình luật.	3
G12	Phân tích tổ chức bộ máy nhà nước và pháp luật trong nền quân chủ chuyên chế triều Nguyễn.	4
G13	Trình bày các nét cơ bản về chính quyền và pháp luật thời Pháp thuộc.	1
G14	Phân tích và đánh giá về chính quyền và luật lệ thời Pháp thuộc.	4
G15	Trình bày các nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam thời kỳ 1945 đến nay.	1
G16	Phân tích và đánh giá về tổ chức bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật Việt Nam thời kỳ 1945 đến nay.	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. SỰ HÌNH THÀNH NHÀ NƯỚC ĐẦU TIÊN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

1.1. Các nhân tố dẫn đến sự hình thành nhà nước

- 1.1.1. Chuyển biến về kinh tế
- 1.1.2. Chuyển biến trong xã hội.
- 1.1.3. Yếu tố trị thủy và chống ngoại xâm

1.2. Quá trình hình thành nhà nước đầu tiên

- 1.2.1. Thời kỳ Văn Lang - Nhà nước trong trạng thái đang hình thành
- 1.2.2. Nhà nước Âu Lạc

1.3. Pháp luật

- 1.3.1. Pháp luật tập quán
- 1.3.2. Pháp luật khẩu truyền
- 1.3.3. Pháp luật thành văn

CHƯƠNG 2. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM GIAI ĐOẠN BẮC THUỘC (179 TCN-938)

2.1. Nhà nước và pháp luật chính quyền đô hộ

- 2.1.1. Giai đoạn từ năm 179 TCN đến năm 40
- 2.1.2. Giai đoạn từ năm 43 đến năm 544
- 2.1.3. Giai đoạn từ năm 603 đến năm 938

2.1.4. Pháp luật thời kỳ đô hộ của chính quyền phương Bắc (179 TCN – 938)

2.2. Chính quyền độc lập tự chủ

2.2.1. Chính quyền thời kỳ Hai Bà Trưng (40 – 43)

2.2.2. Nhà nước thời kỳ Vạn Xuân (544 – 602)

2.2.3. Chính quyền thời kỳ Khúc Thừa Dụ (905 – 930)

2.2.4. Chính quyền thời kỳ Dương Đình Nghệ (931 – 937)

CHƯƠNG 3. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHONG KIẾN VIỆT NAM (THỜI KÌ 938-1884)

3.1. Khái quát về nhà nước và pháp luật phong kiến

3.1.1. Cơ sở hình thành và phát triển nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam

3.1.2. Các yêu cầu thành thể chế chính trị quân chủ phong kiến Việt Nam

3.2. Nhà nước và pháp luật thời Ngô, Đinh, Tiền Lê

3.2.1. Tổ chức bộ máy nhà nước

3.2.2. Pháp luật

3.3. Nhà nước và pháp luật thời Lý, Trần Hồ

3.3.1. Tổ chức bộ máy nhà nước

3.3.2. Pháp luật

3.4. Nhà nước phong kiến quân chủ tập quyền thời Lê Sơ

3.4.1. Nhà nước thời Lê Sơ

3.4.2. Cải tổ bộ máy nhà nước thời Lê Thánh Tông

3.5. Nhà nước phong kiến trong thời phân tranh

3.5.1. Thời kỳ Lê-Trịnh ở Đàng Ngoài

3.5.2. Thời kỳ Chúa Nguyễn ở Đàng Trong

3.5.3. Thời kỳ Quang Trung

3.6. Pháp luật phong kiến thời kỳ (thế kỷ 15-18)

3.6.1. Tình hình chung

3.6.2. Bộ Quốc triều hình luật

3.6.3. Bộ Quốc triều khám tụng điều lệ

3.7. Nhà nước và pháp luật trong nền quân chủ chuyên chế triều Nguyễn

3.7.1. Tổ chức bộ máy nhà nước

3.7.2. Pháp luật triều Nguyễn

CHƯƠNG 4. CHÍNH QUYỀN VÀ LUẬT LỆ THỜI PHÁP THUỘC

4.1. Chính quyền

4.1.1. Liên bang Đông Dương và các quy chế chính trị

4.1.2. Chính quyền Bắc kỳ

4.1.3. Chính quyền Trung kỳ

4.1.4. Chính quyền Nam kỳ

4.1.5. Chính quyền triều Nguyễn

4.2. Pháp luật và tòa án thời Pháp thuộc

4.2.1. Pháp luật

4.2.2. Tòa án

4.2.3. Nhận xét về chính quyền và luật lệ thời Pháp thuộc

CHƯƠNG 5. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM THỜI KỲ 1945 ĐẾN NAY

5.1. Chính quyền nhân dân sau ngày độc lập và trong thời kỳ chống thực dân Pháp

5.1.1. Bản tuyên ngôn độc lập – Khai sinh Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa

5.1.2. Nhà nước và pháp luật thời kỳ 1946-1954

5.2. Nhà nước và pháp luật thời kỳ 1954-1975

5.2.1. Nhà nước và pháp luật Việt Nam dân chủ cộng hòa

5.2.2. Nhà nước và pháp luật ngụy quyền và Cộng hòa Việt Nam

5.2.3. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam

5.3. Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

5.3.1. Nhà nước và pháp luật trong thời kỳ bao cấp

5.3.2. Nhà nước và pháp luật thời kỳ đổi mới

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam*, NXB. Công an Nhân Dân, 2012.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB. Công an nhân dân, 2018.

[2] Lương Ninh, *Lịch sử Việt Nam giản yếu*, NXB. Chính trị Quốc gia, 2000.

[3] Các bản Hiến pháp Việt Nam năm 1946, 1959, 1980, 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) và Hiến pháp 2013.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1. SỰ HÌNH THÀNH NHÀ NƯỚC ĐẦU TIÊN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM 1.1. Các nhân tố dẫn đến sự hình thành nhà nước	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G1, G2, G3

	1.1.1. Chuyển biến về kinh tế 1.1.2. Chuyển biến trong xã hội. 1.1.3. Yếu tố trị thủy và chống ngoại xâm			
2	1.2. Quá trình hình thành nhà nước đầu tiên 1.2.1. Thời kỳ Văn Lang - Nhà nước trong trạng thái đang hình thành 1.2.2. Nhà nước Âu Lạc	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
3	1.3. Pháp luật 1.3.1. Pháp luật tập quán 1.3.2. Pháp luật khẩu truyền 1.3.3. Pháp luật thành văn	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
4	CHƯƠNG 2. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM GIAI ĐOẠN BẮC THUỘC (179 TCN- 938) 2.1. Nhà nước và pháp luật chính quyền đô hộ 2.1.1. Giai đoạn từ năm 179 TCN đến năm 40 2.1.2. Giai đoạn từ năm 43 đến năm 544 2.1.3. Giai đoạn từ năm 603 đến năm 938 2.1.4. Pháp luật thời kỳ đô hộ của chính quyền phương Bắc (179 TCN - 938)	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G4, G5, G6
5	2.2. Chính quyền độc lập tự chủ 2.2.1. Chính quyền thời kỳ Hai Bà Trưng (40 – 43) 2.2.2. Nhà nước thời kỳ Vạn Xuân (544 – 602)	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G4, G5, G6

6	<p>2.2.3. Chính quyền thời kỳ Khúc Thừa Dụ (905 – 930)</p> <p>2.2.4. Chính quyền thời kỳ Dương Đình Nghệ (931 – 937)</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G4, G5, G6
7	<p>CHƯƠNG 3. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHONG KIẾN VIỆT NAM (THỜI KÌ 938-1884)</p> <p>3.1. Khái quát về nhà nước và pháp luật phong kiến</p> <p>3.1.1. Cơ sở hình thành và phát triển nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam</p> <p>3.1.2. Các yêu cầu thành thể chế chính trị quân chủ phong kiến Việt Nam</p> <p>3.2. Nhà nước và pháp luật thời Ngô, Đinh, Tiền Lê</p> <p>3.2.1. Tổ chức bộ máy nhà nước</p> <p>3.2.2. Pháp luật</p> <p>3.3. Nhà nước và pháp luật thời Lý, Trần Hồ</p> <p>3.3.1. Tổ chức bộ máy nhà nước</p> <p>3.3.2. Pháp luật</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G7 đến G12
8	<p>3.4. Nhà nước phong kiến quân chủ tập quyền thời Lê Sơ</p> <p>3.4.1. Nhà nước thời Lê Sơ</p> <p>3.4.2. Cải tổ bộ máy nhà nước thời Lê Thánh Tông</p> <p>3.5. Nhà nước phong kiến trong thời phân tranh</p> <p>3.5.1. Thời kỳ Lê-Trịnh ở Đàng Ngoài</p> <p>3.5.2. Thời kỳ Chúa Nguyễn ở Đàng Trong</p> <p>3.5.3. Thời kỳ Quang Trung</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G7 đến G12

9	<p>3.6. Pháp luật phong kiến thời kỳ (thế kỷ 15-18)</p> <p>3.6.1. Tình hình chung</p> <p>3.6.2. Bộ Quốc triều hình luật</p> <p>3.6.3. Bộ Quốc triều khám tụng điều lệ</p> <p>3.7. Nhà nước và pháp luật trong nền quân chủ chuyên chế triều Nguyễn</p> <p>3.7.1. Tổ chức bộ máy nhà nước</p> <p>3.7.2. Pháp luật triều Nguyễn</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G7 đến G12
10	<p>CHƯƠNG 4. CHÍNH QUYỀN VÀ LUẬT LỆ THỜI PHÁP THUỘC</p> <p>4.1. Chính quyền</p> <p>4.1.1. Liên bang Đông Dương và các quy chế chính trị</p> <p>4.1.2. Chính quyền Bắc kỳ</p> <p>4.1.3. Chính quyền Trung kỳ</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G13, G14
11	<p>4.1.4. Chính quyền Nam kỳ</p> <p>4.1.5. Chính quyền triều Nguyễn</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G13, G14
12	<p>4.2. Pháp luật và tòa án thời Pháp thuộc</p> <p>4.2.1. Pháp luật</p> <p>4.2.2. Tòa án</p> <p>4.2.3. Nhận xét về chính quyền và luật lệ thời Pháp thuộc</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G13, G14
13	<p>CHƯƠNG 5. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM THỜI KỲ 1945 ĐẾN NAY</p> <p>5.1. Chính quyền nhân dân sau ngày độc lập và trong thời kỳ chống thực dân Pháp</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G15, G16

	5.1.1. Bản tuyên ngôn độc lập – Khai sinh Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa 5.1.2. Nhà nước và pháp luật thời kỳ 1946-1954			
14	5.2. Nhà nước và pháp luật thời kỳ 1954-1975 5.2.1. Nhà nước và pháp luật Việt Nam dân chủ cộng hòa 5.2.2. Nhà nước và pháp luật ngụy quyền và Cộng hòa Việt Nam 5.2.3. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G15, G16
15	5.3. Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam 5.3.1. Nhà nước và pháp luật trong thời kỳ bao cấp 5.3.2. Nhà nước và pháp luật thời kỳ đổi mới	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G15, G16

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận nhóm, thuyết trình khi giảng viên có yêu cầu.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên..

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	

1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật
- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
PHỤ TRÁCH**

TS. Hoàng Thị Việt Anh ThS Nguyễn Lâm Trâm Anh ThS Nguyễn Lâm Trâm Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT THẾ GIỚI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Lịch sử Nhà nước và Pháp luật thế giới (tiếng Anh): History of world Government and Law	
- Mã số học phần: 843069	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Lý luận chung Nhà nước và Pháp luật (843069)
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần Lịch sử Nhà nước và Pháp luật thế giới là 1 học phần có vị trí quan trọng trong hệ thống kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, tổ chức bộ máy nhà nước, đặc trưng của một vài nhà nước điển hình ở phương Đông và phương Tây trong các thời kỳ: chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa; nội dung cơ bản, đặc trưng của pháp luật ở một số quốc gia điển hình cho phương Đông và phương Tây trong các thời kỳ: chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, tổ chức bộ máy nhà nước, đặc trưng của một vài nhà nước điển hình ở phương Đông và phương Tây trong các thời kỳ: chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa; nội dung cơ bản, đặc trưng của pháp luật ở một số quốc gia điển hình cho phương Đông và phương Tây trong các thời kỳ: chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa.

Về kỹ năng: Sinh viên sẽ vận dụng được những kiến thức đã học để tiếp cận, nhận định, so sánh, đánh giá lý giải được về sự ra đời của nhà nước và pháp luật trong lịch sử và phương pháp tiếp cận, giải quyết vấn đề, sinh viên có thể giải thích những hiện tượng pháp lý trong đời sống hiện tại; giúp cho sinh viên có khả năng dự báo về sự phát triển của nhà nước và pháp luật trong tương lai.

Về thái độ: Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên sẽ có thái độ đúng đắn đối khi nghiên cứu; nhận thức được tính quy luật khách quan của quá trình ra đời, tồn tại và phát triển của nhà nước và pháp luật trong đời sống xã hội.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	<i>Trình bày được các hiểu biết cơ bản về nhà nước và pháp luật (NN & PL) phương Tây cổ đại, phương Đông cổ đại; NN & PK phương Tây, phương Đông; NN & PL thời kỳ cận đại.</i>	2
G2	<i>Nắm rõ các đặc điểm để phân biệt được giữa nhà nước và pháp luật (NN & PL) phương Tây cổ đại, phương Đông cổ đại; NN & PK phương Tây, phương Đông; NN & PL thời kỳ cận đại.</i>	3
G3	<i>Nhận định, đánh giá qua đó thấy được vai trò của các kiểu NN & PL trong lịch sử thế giới.</i>	4
G4	<i>So sánh, liên hệ với quá trình hình thành và phát triển của NN và PL Việt Nam</i>	4

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương I: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHƯƠNG ĐÔNG CỔ ĐẠI

1.1. Nhà nước phương Đông cổ đại

1.1.1. Quá trình xuất hiện nhà nước chiếm hữu nô lệ ở Phương Đông

1.1.1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1.2. Điều kiện kinh tế- xã hội

1.1.2. Tổ chức bộ máy nhà nước

- 1.1.2.1. Bộ máy nhà nước ở triều đình
- 1.1.2.2. Bộ máy nhà nước ở địa phương
- 1.1.2.3. Cơ quan xét xử.
- 1.1.2.4. Quân đội.
- 1.1.3. Nhận xét, đánh giá về nhà nước Phương Đông cổ đại.
 - 1.1.3.1. Nhận xét
 - 1.1.3.2. Đánh giá

1.2. Pháp luật phương Đông cổ đại

- 1.2.1. Các bộ luật cổ ở Phương Đông
 - 1.2.1.1. Bộ luật Hammurabi
 - 1.2.1.2. Luật Manu
 - 1.2.1.3. Pháp luật thời Hạ, Thương
- 1.2.2. Nhận xét, đánh giá về pháp luật Phương Đông cổ đại
 - 1.2.2.1. Nhận xét
 - 1.2.2.2. Đánh giá

Chương II: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHƯƠNG TÂY CỔ ĐẠI

2.1. Nhà nước phương Tây cổ đại

- 2.1.1. Quá trình hình thành nhà nước
 - 2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên
 - 2.1.1.2. Điều kiện kinh tế-xã hội
- 2.1.2. Tổ chức bộ máy nhà nước.
 - 2.1.2.1. Thành bang Spac.
 - 2.1.2.2. Thành bang Aten.
 - 2.1.2.3. Nhà nước La Mã

2.2. Pháp luật phương Tây cổ đại

- 2.2.1. Giới thiệu pháp luật phương Tây cổ đại
 - 2.2.1.1. Pháp luật Hy Lạp
 - 2.2.1.2. Pháp luật La Mã
- 2.2.2. Nhận xét, đánh giá về pháp luật phương Tây cổ đại
 - 2.2.2.1. Nhận xét
 - 2.2.2.2. Đánh giá

Chương III: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHONG KIẾN PHƯƠNG TÂY

3.1. Nhà nước phong kiến Phương Tây

- 3.1.1. Quá trình hình thành nhà nước phong kiến Phương Tây
 - 3.1.1.1. Sự xuất hiện quan hệ sản xuất phong kiến
 - 3.1.1.2. Cuộc chiến tranh xâm lược của các tộc người Giécmanh

- 3.1.1.3. Kết cấu xã hội
- 3.1.2. Quá trình phát triển và suy vong.
 - 3.1.2.1. Nền quân chủ chuyên chế và tình trạng phân tán trong nhà nước phong kiến Frãng
 - 3.1.2.2. Chế độ tự quân của các thành thị
 - 3.1.2.3. Nền quân chủ đại diện đẳng cấp
 - 3.1.2.4. Chế độ quân chủ chuyên chế (thế kỷ 15, 16)

3.2. Pháp luật phong kiến Tây Âu

- 3.2.1. Nguồn luật của pháp luật phong kiến Tây Âu
- 3.2.2. Nội dung của pháp luật phong kiến Tây Âu
 - 3.2.2.1 Quan hệ pháp lý về tài sản
 - 3.2.2.2 Quan hệ pháp lý về hôn nhân gia đình
 - 3.2.2.3. Các quy định liên quan đến luật Hình sự
 - 3.2.2.4. Pháp luật về tố tụng và tư pháp

Chương IV. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHONG KIẾN PHƯƠNG ĐÔNG

4.1. Nhà nước Phong Kiến phương Đông

- 4.1.1. Nhà nước phong kiến Trung Quốc
 - 4.1.1.1. Quá trình hình thành, phát triển và suy vong
 - 4.1.1.2. Tổ chức bộ máy nhà nước
 - 4.1.1.3. Đặc trưng của nhà nước phong kiến Trung Quốc
- 4.1.2. Nhà nước phong kiến Nhật Bản
 - 4.1.2.1. Quá trình hình thành, phát triển và suy vong
 - 4.1.2.2. Tổ chức bộ máy nhà nước

4.2. Pháp luật Phong Kiến phương Đông

- 4.2.1. Pháp luật phong kiến Trung Quốc
 - 4.2.1.1. Pháp luật các triều đại
 - 4.2.1.2. Những đặc trưng của pháp luật phong kiến Trung Quốc
- 4.2.2. Pháp luật phong kiến Nhật Bản
 - 4.2.2.1. Thành tựu lập pháp
 - 4.2.2.2. Các đặc trưng của PL phong kiến Nhật Bản

Chương V. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT THỜI KỲ CẬN ĐẠI

5.1. Nhà nước tư sản

- 5.1.1. Thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh
 - 5.1.1.1. Những tiền đề của chủ nghĩa tư bản và nhà nước tư bản
 - 5.1.1.2. Cách mạng tư sản thắng lợi và sự ra đời của nhà nước tư sản

- 5.1.1.3. Đặc điểm của nhà nước tư bản trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh
- 5.1.2. Thời kỳ chủ nghĩa tư bản lũng đoạn và chủ nghĩa tư bản hiện đại
 - 5.1.2.1. Quá trình ra đời nhà nước tư bản lũng đoạn
 - 5.1.2.2. Đặc điểm của nhà nước tư bản trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản lũng đoạn và chủ nghĩa tư bản hiện đại

5.2. Pháp luật tư sản

- 5.2.1. Pháp luật tư sản thời kỳ cạnh tranh tự do
 - 5.2.1.1. Phân loại hệ thống pháp luật tư sản
 - 5.2.1.2. Những ngành luật cơ bản trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do
 - 5.2.1.2.1. Luật Hiến pháp
 - 5.2.1.2.2. Luật dân sự
 - 5.2.1.2.3. Luật hình sự
 - 5.2.1.2.4. Luật về tổ chức tư pháp và tố tụng
 - 5.2.1.3. Nhận xét
- 5.2.2. Pháp luật tư sản thời kỳ tư bản lũng đoạn nhà nước, chủ nghĩa tư bản hiện đại
 - 5.2.2.1. Một số ngành luật cơ bản trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản lũng đoạn và tư bản hiện đại
 - 5.2.2.1.1. Luật Hiến pháp
 - 5.2.2.1.2. Luật dân sự tư sản
 - 5.2.2.1.3. Luật Hình sự
 - 5.2.2.1.4. Luật tố tụng
 - 5.2.2.2. Đặc điểm của pháp luật tư sản trong thời kỳ.

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới*, NXB. Công an Nhân dân.

6.2. Tài liệu tham khảo khác

[2] Đỗ Minh Khôi, Lê Thị Thành Nhân, Nguyễn Văn Trí (2008) (Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh), *Tập bài giảng Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới*.

[3] Nguyễn Minh Tuấn (2014), *Giáo trình Lịch sử Nhà nước và Pháp luật thế giới*, NXB Chính trị quốc gia.

[4] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật La Mã (2003)*, NXB CAND.

[5] TS. Cao Văn Liên (2003), *Phác thảo lịch sử thế giới*, NXB. Thanh Niên.

[6] Lương Ninh (2001), *Lịch sử thế giới cổ đại*, NXB. Giáo dục.

[7] Nguyễn Gia Phú (2001), *Lịch sử thế giới trung đại*, NXB. Giáo dục.

[8] Lương Ninh (2001), *Lịch sử thế giới cận đại*, (chủ biên), NXB. Giáo dục.

[9] Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch (2004), *Lịch sử văn minh Ấn Độ*, NXB. Văn hóa Thông tin.

[10] Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch (2004), *Lịch sử văn minh Trung Hoa*, NXB. Văn hóa Thông tin.

[11] Phan Trọng Hòa (2001), *Lịch sử nhà nước và pháp luật tư bản*, NXB. Văn hóa Thông tin.

[12] Lê Nét dịch (1999), *Luật La Mã*, Trường Đại học Luật TP.HCM.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	<p>Chương I: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHƯƠNG ĐÔNG CỔ ĐẠI</p> <p>1.1. Nhà nước phương Đông cổ đại</p> <p>1.1.1. Quá trình xuất hiện nhà nước chiếm hữu nô lệ ở Phương Đông</p> <p>1.1.1.1. Điều kiện tự nhiên</p> <p>1.1.1.2. Điều kiện kinh tế- xã hội</p> <p>1.1.2. Tổ chức bộ máy nhà nước</p> <p>1.1.2.1. Bộ máy nhà nước ở triều đình</p> <p>1.1.2.2. Bộ máy nhà nước ở địa phương</p> <p>1.1.2.3. Cơ quan xét xử.</p> <p>1.1.2.4. Quân đội.</p> <p>1.1.3. Nhận xét, đánh giá về nhà nước Phương Đông cổ đại.</p> <p>1.1.3.1. Nhận xét</p> <p>1.1.3.2. Đánh giá</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
2	<p>Chương I: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHƯƠNG ĐÔNG CỔ ĐẠI (TT)</p> <p>1.2. Pháp luật phương Đông cổ đại</p> <p>1.2.1. Các bộ luật cổ ở Phương Đông</p> <p>1.2.1.1. Bộ luật Hammurabi</p> <p>1.2.1.2. Luật Manu</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
3	<p>Chương I: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHƯƠNG ĐÔNG CỔ ĐẠI (TT)</p>	1 tiết Lý thuyết +	Đọc tài liệu trước khi lên	G1,

	1.2.1.3. Pháp luật thời Hạ, Thương 1.2.2. Nhận xét, đánh giá về pháp luật Phương Đông cổ đại 1.2.2.1. Nhận xét 1.2.2.2. Đánh giá	1 Thảo luận	lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G2, G3
4	Chương II: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHƯƠNG TÂY CỔ ĐẠI 2.1. Nhà nước phương Tây cổ đại 2.1.1. Quá trình hình thành nhà nước 2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên 2.1.1.2. Điều kiện kinh tế-xã hội 2.1.2. Tổ chức bộ máy nhà nước. 2.1.2.1. Thành bang Spac.	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
5	Chương II: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHƯƠNG TÂY CỔ ĐẠI (TT) 2.1.2.2. Thành bang Aten. 2.1.2.3. Nhà nước La Mã	1 tiết Lý thuyết + 1 Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
6	Chương II: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHƯƠNG TÂY CỔ ĐẠI (TT) 2.2. Pháp luật phương Tây cổ đại 2.2.1. Giới thiệu pháp luật phương Tây cổ đại 2.2.1.1. Pháp luật Hy Lạp 2.2.1.2. Pháp luật La Mã 2.2.2. Nhận xét, đánh giá về pháp luật phương Tây cổ đại 2.2.2.1. Nhận xét 2.2.2.2. Đánh giá	1 tiết Lý thuyết + 1 Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
7	Chương III: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHONG KIẾN PHƯƠNG TÂY 3.1. Nhà nước phong kiến Phương Tây 3.1.1. Quá trình hình thành nhà nước phong kiến Phương Tây 3.1.1.1. Sự xuất hiện quan hệ sản xuất phong kiến 3.1.1.2. Cuộc chiến tranh xâm lược của các tộc người Giécmanh	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3

	3.1.1.3. Kết cấu xã hội			
8	<p>Chương III: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHONG KIẾN PHƯƠNG TÂY (TT)</p> <p>3.1.2. Quá trình phát triển và suy vong.</p> <p>3.1.2.1. Nền quân chủ chuyên chế và tình trạng phân tán trong nhà nước phong kiến Frãng</p> <p>3.1.2.2. Chế độ tự quản của các thành thị</p> <p>3.1.2.3. Nền quân chủ đại diện đẳng cấp</p> <p>3.1.2.4. Chế độ quân chủ chuyên chế (thế kỷ 15, 16)</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
9	<p>Chương III: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHONG KIẾN PHƯƠNG TÂY (TT)</p> <p>3.2. Pháp luật phong kiến Tây Âu</p> <p>3.2.1. Nguồn luật của pháp luật phong kiến Tây Âu</p> <p>3.2.2. Nội dung của pháp luật phong kiến Tây Âu</p> <p>3.2.2.1 Quan hệ pháp lý về tài sản</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
10	<p>Chương III: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHONG KIẾN PHƯƠNG TÂY (TT) + KIỂM TRA</p> <p>3.2.2.2 Quan hệ pháp lý về hôn nhân gia đình</p> <p>3.2.2.3. Các quy định liên quan đến luật Hình sự</p> <p>3.2.2.4. Pháp luật về tố tụng và tư pháp</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết kiểm tra	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
11	<p>Chương IV. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHONG KIẾN PHƯƠNG ĐÔNG</p> <p>4.1. Nhà nước Phong Kiến phương Đông</p> <p>4.1.1. Nhà nước phong kiến Trung Quốc</p> <p>4.1.1.1. Quá trình hình thành, phát triển và suy vong</p> <p>4.1.1.2. Tổ chức bộ máy nhà nước</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3

	<p>4.1.1.3. Đặc trưng của nhà nước phong kiến Trung Quốc</p> <p>4.1.2. Nhà nước phong kiến Nhật Bản</p> <p>4.1.2.1. Quá trình hình thành, phát triển và suy vong</p> <p>4.1.2.2. Tổ chức bộ máy nhà nước</p>			
12	<p>Chương IV. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT PHONG KIẾN PHƯƠNG ĐÔNG (TT)</p> <p>4.2. Pháp luật Phong Kiến phương Đông</p> <p>4.2.1. Pháp luật phong kiến Trung Quốc</p> <p>4.2.1.1. Pháp luật các triều đại</p> <p>4.2.1.2. Những đặc trưng của pháp luật phong kiến Trung Quốc.</p> <p>4.2.2. Pháp luật phong kiến Nhật Bản</p> <p>4.2.2.1. Thành tựu lập pháp</p> <p>4.2.2.2. Các đặc trưng của PL phong kiến Nhật Bản</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3,
13	<p>Chương V. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT THỜI KỶ CẬN ĐẠI</p> <p>5.1. Nhà nước tư sản</p> <p>5.1.1. Thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh</p> <p>5.1.1.1. Những tiền đề của chủ nghĩa tư bản và nhà nước tư bản</p> <p>5.1.1.2. Cách mạng tư sản thắng lợi và sự ra đời của nhà nước tư sản</p> <p>5.1.1.3. Đặc điểm của nhà nước tư bản trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh</p> <p>5.1.2. Thời kỳ chủ nghĩa tư bản lũng đoạn và chủ nghĩa tư bản hiện đại</p> <p>5.1.2.1. Quá trình ra đời nhà nước tư bản lũng đoạn</p> <p>5.1.2.2. Đặc điểm của nhà nước tư bản trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản lũng đoạn và chủ nghĩa tư bản hiện đại.</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3,

14	<p>Chương V. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT THỜI KỲ CẬN ĐẠI (TT)</p> <p>5.2. Pháp luật tư sản</p> <p>5.2.1. Pháp luật tư sản thời kỳ cạnh tranh tự do</p> <p>5.2.1.1. Phân loại hệ thống pháp luật tư sản</p> <p>5.2.1.2. Những ngành luật cơ bản trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do</p> <p>5.2.1.2.1. Luật Hiến pháp</p> <p>5.2.1.2.2. Luật dân sự</p> <p>5.2.1.2.3. Luật hình sự</p> <p>5.2.1.2.4. Luật về tổ chức tư pháp và tố tụng</p> <p>5.2.1.3. Nhận xét.</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3, G4
15	<p>Chương V. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT THỜI KỲ CẬN ĐẠI (TT)</p> <p>5.2.2. Pháp luật tư sản thời kỳ tư bản lũng đoạn nhà nước, chủ nghĩa tư bản hiện đại</p> <p>5.2.2.1. Một số ngành luật cơ bản trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản lũng đoạn và tư bản hiện đại</p> <p>5.2.2.1.1. Luật Hiến pháp</p> <p>5.2.2.1.2. Luật dân sự tư sản</p> <p>5.2.2.1.3. Luật Hình sự</p> <p>5.2.2.1.4. Luật tố tụng</p> <p>5.2.2.2. Đặc điểm của pháp luật tư sản trong thời kỳ.</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học môn Lý luận Nhà nước và Pháp luật.

- Đọc bài trước khi lên lớp; làm bài tập thảo luận nhóm, thuyết trình khi giảng viên có yêu cầu.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên..

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
<i>1. Đánh giá quá trình</i>	<i>Điểm quá trình</i>	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
<i>2. Đánh giá cuối kỳ</i>	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.
- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com/

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH (tiếng Anh): BUSINESS COMMUNICATION SKILL	
- Mã số học phần: 845065	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	18
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	12
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần song hành (nếu có):	Không

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần Kỹ năng Giao tiếp trong kinh doanh cung cấp kiến thức căn bản cho người học về giao tiếp trong môi trường kinh doanh, bao gồm: khái niệm, đặc điểm, các loại hình, nguyên tắc, những rào cản trong giao tiếp và biện pháp khắc phục để giao tiếp tốt hơn; các kỹ năng nói, viết, biết lắng nghe, trình bày trước đám đông, soạn thảo thư tín, báo cáo trong kinh doanh; các đặc điểm giao tiếp ở một số nước có nền văn hóa khác nhau. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh khẳng định rằng, người học sẽ có cái nhìn tổng quát về các khía cạnh giao tiếp, hiểu được tầm quan trọng của giao tiếp, phân tích, nhận xét, đánh giá, và từng bước rèn luyện vận dụng sáng tạo các kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh một cách hiệu quả nhất trong xu hướng hội nhập toàn cầu.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp người học đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Hoàn thiện tri thức tổng quan về Kỹ năng Giao tiếp trong kinh doanh, phân biệt các hình thức giao tiếp, các nguyên tắc và các kỹ năng cơ bản của giao tiếp trong kinh doanh; hiểu biết những nguyên tắc trong thương lượng đàm phán và tuyên dụng; phân tích và đánh giá được các cách thức về giao tiếp trong công ty và môi trường đa văn hóa, từ đó liên hệ vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào từng trường hợp giao tiếp cụ thể trong kinh doanh.

Về kỹ năng: Người học hiểu, rèn luyện và vận dụng phát triển được các kỹ năng cần thiết của giao tiếp trong kinh doanh như: kỹ năng nói, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp qua điện thoại, kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, kỹ năng thương lượng... để giải quyết các tình huống giao tiếp, liên hệ được với những kiến thức đã học nhằm phát huy vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của giao tiếp trong tất cả các lĩnh vực hoạt động kinh doanh.

Về thái độ: Người học nhận thức được tầm quan trọng của giao tiếp trong kinh doanh và cuộc sống, hình thành sự tự tin và chủ động hơn khi giao tiếp, có thể tự đánh giá khả năng giao tiếp của bản thân và ứng dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp khi đối mặt với những tình huống trong thực tiễn hoạt động kinh doanh, phù hợp với xu thế phát triển. Có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật giúp người học nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm và phát triển năng lực tại các doanh nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	<i>Trình bày được các khái niệm về giao tiếp, các chức năng của giao tiếp trong kinh doanh; liệt kê được các phương tiện và loại hình giao tiếp.</i>	2
G2	<i>Giải thích được tầm quan trọng của giao tiếp trong kinh doanh. Mô tả được quá trình giao tiếp hiệu quả. Vận dụng được các nguyên tắc của giao tiếp trong các tình huống kinh doanh.</i>	3
G3	<i>Phân tích được các rào cản giao tiếp và đề xuất các biện pháp khắc phục nhằm giao tiếp hiệu quả.</i>	5
G4	<i>Trình bày được mục đích của việc rèn luyện các kỹ năng của giao tiếp trực tiếp trong kinh doanh: kỹ năng việc lắng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng giao tiếp không lời, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng thuyết trình.</i>	2
G5	<i>Chỉ ra được những rào cản của các kỹ năng giao tiếp trực tiếp trong kinh doanh khiến cho việc lắng nghe, nói, giao tiếp không lời, đặt câu hỏi, thuyết trình không hiệu quả.</i>	3

G6	<i>Phân biệt được</i> sự khác nhau của nghe và lắng nghe, nói và thuyết trình. <i>Phân tích</i> các loại câu hỏi sử dụng trong giao tiếp kinh doanh; các yếu tố trong giao tiếp không lời. <i>Phân tích được</i> tầm quan trọng của các kỹ năng giao tiếp trực tiếp trong kinh doanh.	4
G7	<i>Liên hệ</i> bản thân và <i>đề xuất</i> giải pháp rèn luyện, vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp trực tiếp trong kinh doanh.	5
G8	<i>Trình bày được</i> mục đích của việc rèn luyện các kỹ năng của giao tiếp gián tiếp trong kinh doanh: kỹ năng giao tiếp qua điện thoại, kỹ năng giao tiếp bằng văn bản. <i>Liệt kê</i> các loại báo cáo trong kinh doanh.	2
G9	<i>Hiểu và vận dụng được</i> cách viết trực tiếp và cách viết gián tiếp ứng dụng cho thư tín trong các tình huống giao tiếp kinh doanh.	3
G10	<i>Phân biệt và thực hành được</i> cách viết báo cáo chính thức và báo cáo giản đơn.	4
G11	<i>Liên hệ</i> bản thân và <i>đề xuất</i> giải pháp rèn luyện, vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp gián tiếp trong kinh doanh.	5
G13	<i>Trình bày được</i> khái niệm, đặc điểm và những yếu tố thương lượng trong kinh doanh; những yêu cầu cần thiết đối với người bán hàng.	2
G14	<i>Chỉ ra</i> những điều cần lưu ý để xây dựng mối quan hệ tin cậy, tuân thủ những nguyên tắc khi nhượng bộ đối tác khi thực hiện thương lượng trong kinh doanh. <i>Vận dụng được</i> một số nguyên tắc dẫn đến thành công trong thương lượng đàm phán.	3
G15	<i>Phân tích, minh họa và đánh giá được</i> tiến trình thương lượng; quá trình bán hàng và tác động tâm lý của khách hàng dẫn đến quyết định mua hàng.	5
G16	<i>Định nghĩa được</i> vị trí tuyển dụng thu hút và các cách thức tìm kiếm thông tin tuyển dụng hiệu quả. <i>Trình bày được</i> mục đích và bố cục của thư xin việc, sơ yếu lý lịch trong tuyển dụng.	2
G17	<i>Mô tả</i> các định dạng lý lịch theo thời gian, theo chức năng và phối hợp. <i>Vận dụng</i> hiệu quả cách viết sơ yếu lý lịch, thư xin việc trong tuyển dụng.	3
G18	<i>Phân tích được</i> kỹ năng chuyên môn của bản thân, yêu cầu công việc và sở thích nghề nghiệp trước khi bắt đầu tìm kiếm thông tin tuyển dụng.	4

	<i>So sánh</i> sự khác nhau giữa lý lịch thông thường và lý lịch mục tiêu; câu hỏi phỏng vấn truyền thống và câu hỏi phỏng vấn hành vi.	
G19	<i>Trình bày</i> và <i>vận dụng</i> được các nguyên tắc giao tiếp với cấp dưới, cấp trên, đồng nghiệp, khách hàng, nhà cung cấp, báo chí và cơ quan chính quyền.	3
G20	<i>Phân tích</i> và <i>đánh giá</i> vai trò của những thành viên tham gia trong giao tiếp đối nội và giao tiếp đối ngoại.	4
G21	<i>Hiểu</i> về văn hóa và <i>trình bày</i> được các yếu tố cấu thành văn hóa.	2
G22	<i>Giải thích</i> và <i>vận dụng</i> được vai trò của việc nghiên cứu văn hóa giao tiếp kinh doanh khi ứng xử trong và ngoài doanh nghiệp.	3
G23	<i>Phân tích</i> những yếu tố văn hóa cần lưu ý khi thực hiện giao tiếp kinh doanh với một số quốc gia điển hình như: Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nga, Nhật, Trung Quốc...	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ GIAO TIẾP KINH DOANH

1.1. Khái niệm về giao tiếp

1.2. Tầm quan trọng của giao tiếp trong kinh doanh và trong cuộc sống

1.2.1. Các chức năng giao tiếp

1.2.2. Tầm quan trọng của giao tiếp

1.3. Các phương tiện giao tiếp

1.3.1. Ngôn ngữ

1.3.2. Phi ngôn ngữ

1.4. Các loại hình giao tiếp

1.4.1. Phân loại theo cách tiếp xúc trong giao tiếp

1.4.2. Phân loại theo hình thức tổ chức giao tiếp

1.4.3. Phân loại theo thái độ và chiến lược giao tiếp

1.5. Quá trình giao tiếp

1.5.1. Quá trình trao đổi thông tin

1.5.2. Quá trình nhận thức

1.5.3. Quá trình tác động lẫn nhau

1.6. Các nguyên tắc trong giao tiếp

1.6.1. Những nguyên tắc cơ bản

1.6.2. Những nguyên tắc hình thành thông điệp

1.7. Những rào cản giao tiếp trong kinh doanh và các biện pháp khắc phục

CHƯƠNG 2: KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRỰC TIẾP TRONG KINH DOANH

- 2.1. Kỹ năng lắng nghe**
- 2.2. Kỹ năng nói**
- 2.3. Kỹ năng giao tiếp không lời**
- 2.4. Kỹ năng đặt câu hỏi**
- 2.5. Kỹ năng thuyết trình**

CHƯƠNG 3: KỸ NĂNG GIAO TIẾP GIÁN TIẾP TRONG KINH DOANH

- 3.1. Kỹ năng giao tiếp qua điện thoại**
- 3.2. Kỹ năng giao tiếp bằng văn bản**
 - 3.2.1. Kỹ năng giao dịch thư tín trong kinh doanh
 - 3.2.2. Kỹ năng viết báo cáo trong kinh doanh

CHƯƠNG 4: KỸ NĂNG THƯƠNG LƯỢNG

- 4.1. Khái quát chung về thương lượng**
 - 4.1.1. Khái niệm về thương lượng
 - 4.1.2. Đặc điểm của thương lượng
- 4.2. Tiến trình thương lượng**
 - 4.2.1. Giai đoạn chuẩn bị
 - 4.2.2. Giai đoạn tiếp xúc
 - 4.2.3. Giai đoạn thực tế
- 4.3. Bán hàng lẻ - Những cuộc thương lượng nhỏ**
 - 4.3.1. Điều kiện hóa tâm lý khách hàng
 - 4.3.2. Quá trình bán hàng
 - 4.3.3. Tâm lý khách hàng
 - 4.3.4. Những yêu cầu cần thiết đối với người bán hàng

CHƯƠNG 5: ỨNG DỤNG KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG TUYỂN DỤNG

- 5.1. Phân tích bản thân và yêu cầu của công việc**
- 5.2. Thu thập thông tin về các cơ hội việc làm**
- 5.3. Chuẩn bị lý lịch**
 - 5.3.1. Các mẫu sơ yếu lý lịch
 - 5.3.2. Định dạng sơ yếu lý lịch
 - 5.3.3. Chuẩn bị sơ yếu lý lịch
- 5.4. Thư xin việc**
 - 5.4.1. Viết thư xin việc
 - 5.4.2. Chuẩn bị gửi thư xin việc
- 5.5. Phỏng vấn xin việc**
- 5.6. Chuẩn bị cho giao tiếp tuyển dụng khác**

CHƯƠNG 6: GIAO TIẾP TRONG MÔI TRƯỜNG CÔNG TY

- 6.1. Giao tiếp đối nội**

- 6.1.1. Tổ chức các cuộc họp
- 6.1.2. Giao tiếp với cấp dưới
- 6.1.3. Giao tiếp với cấp trên
- 6.1.4. Giao tiếp với đồng nghiệp

6.2. Giao tiếp đối ngoại

- 6.2.1. Giao tiếp với khách hàng
- 6.2.2. Giao tiếp với nhà cung cấp
- 6.2.3. Giao tiếp với cơ quan chính quyền
- 6.2.4. Giao tiếp với báo chí

CHƯƠNG 7: GIAO TIẾP KINH DOANH ĐA VĂN HÓA

7.1. Khái quát về văn hóa

7.2. Vai trò của văn hóa trong giao tiếp kinh doanh

- 7.2.1. Văn hóa trong ứng xử nội bộ doanh nghiệp
- 7.2.2. Văn hóa trong đàm phán kinh doanh

7.3. Những đặc điểm văn hóa khi giao tiếp giữa các quốc gia khác nhau

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] TS. Hà Nam Khánh Giao (chủ biên), ThS. Phạm Thị Trúc Ly, ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Giang (2014), *Giáo trình giao tiếp kinh doanh*, NXB Lao động - Xã hội.

[2] TS. Thái Trí Dũng (2012), *Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh*, NXB Lao động - Xã hội.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] PGS. TS Đoàn Thị Hồng Vân (2011), *Giao tiếp trong kinh doanh và cuộc sống*, NXB Tổng hợp TP.HCM.

[2] TS. Nguyễn Hữu Thân (2008), *Truyền thông giao tiếp trong kinh doanh*, NXB Lao động - Xã hội.

[3] TS. Vũ Thị Phượng (2006), *Giao tiếp trong kinh doanh*, NXB Tài chính.

[4] Jill Dyché (2010), *Cẩm nang quản lý mối quan hệ khách hàng*, NXB Tổng hợp TP.HCM.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
----------------------	---------------------	---------------------------------	------------------------------	-------------------

1	<p>CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ GIAO TIẾP KD</p> <p>1.1. Khái niệm về giao tiếp</p> <p>1.2. Tầm quan trọng của giao tiếp trong kinh doanh và trong cuộc sống</p> <p>1.2.1. Các chức năng giao tiếp</p> <p>1.2.2. Tầm quan trọng của giao tiếp</p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập/thảo luận	<p>- Đọc trước tài liệu Chương 1</p> <p>- Xem và chuẩn bị câu hỏi ôn tập và thảo luận trang 45</p>	G1, G2, G3
2	<p>1.3. Các phương tiện giao tiếp</p> <p>1.3.1. Ngôn ngữ</p> <p>1.3.2. Phi ngôn ngữ</p> <p>1.4. Các loại hình giao tiếp</p> <p>1.4.1. Phân loại theo cách tiếp xúc trong giao tiếp</p> <p>1.4.2. Phân loại theo hình thức tổ chức giao tiếp</p> <p>1.4.3. Phân loại theo thái độ và chiến lược giao tiếp</p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập/thảo luận	<p>- Đọc trước tài liệu Chương 1</p> <p>- Xem và chuẩn bị câu hỏi ôn tập và thảo luận trang 45</p>	G1, G2, G3
3	<p>1.5. Quá trình giao tiếp</p> <p>1.5.1. Quá trình trao đổi thông tin</p> <p>1.5.2. Quá trình nhận thức</p> <p>1.5.3. Quá trình tác động lẫn nhau</p> <p>1.6. Các nguyên tắc giao tiếp</p> <p>1.6.1. Những nguyên tắc cơ bản</p> <p>1.6.2. Những nguyên tắc hình thành thông điệp</p> <p>1.7. Những rào cản giao tiếp trong kinh doanh và các biện pháp khắc phục</p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập/thảo luận	<p>- Đọc trước tài liệu Chương 1</p> <p>- Xem và chuẩn bị câu hỏi ôn tập và thảo luận trang 45</p>	G1, G2, G3
4	<p>CHƯƠNG 2: KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRỰC TIẾP TRONG KD</p> <p>2.1. Kỹ năng lắng nghe</p> <p>2.2. Kỹ năng nói</p> <p>2.3. Kỹ năng giao tiếp không lời</p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập/thảo luận	<p>- Ôn Chương 1</p> <p>- Đọc trước tài liệu Chương 2</p> <p>- Xem và chuẩn bị câu hỏi ôn tập và thảo luận trang 67, 93</p>	G4, G5, G6, G7

5	<p>2.4. Kỹ năng đặt câu hỏi</p> <p>2.5. Kỹ năng thuyết trình</p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập/thảo luận	<p>- Ôn Chương 1</p> <p>- Đọc trước tài liệu Chương 2</p> <p>- Xem và chuẩn bị câu hỏi ôn tập và thảo luận trang 67, 93</p>	G4, G5, G6, G7
6	<p>CHƯƠNG 3: KỸ NĂNG GIAO TIẾP GIÁN TIẾP TRONG KINH DOANH</p> <p>3.1. Kỹ năng giao tiếp qua điện thoại</p> <p>3.2. Kỹ năng giao tiếp bằng văn bản</p> <p>3.2.1. Kỹ năng giao dịch thư tín trong kinh doanh</p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập/thảo luận	<p>- Ôn Chương 1, 2</p> <p>- Đọc trước tài liệu Chương 3</p> <p>- Xem và chuẩn bị câu hỏi ôn tập và thảo luận trang 229</p>	G8, G9, G10, G11
7	3.2.2. Kỹ năng viết báo cáo trong kinh doanh	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập/thảo luận	<p>- Ôn Chương 1, 2</p> <p>- Đọc trước tài liệu Chương 3</p> <p>- Xem và chuẩn bị câu hỏi ôn tập và thảo luận trang 229</p>	G8, G9, G10, G11
8	<p>CHƯƠNG 4: KỸ NĂNG THƯƠNG LƯỢNG</p> <p>4.1. Khái quát chung về thương lượng</p> <p>4.1.1. Khái niệm về thương lượng</p> <p>4.1.2. Đặc điểm của thương lượng</p> <p>4.2. Tiến trình thương lượng</p> <p>4.2.1. Giai đoạn chuẩn bị</p> <p>4.2.2. Giai đoạn tiếp xúc</p> <p>4.2.3. Giai đoạn thực tế</p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập/thảo luận	<p>- Ôn Chương 1,2,3</p> <p>- Đọc trước tài liệu Chương 4</p> <p>- Xem và chuẩn bị câu hỏi ôn tập và thảo luận trang [1] 305, [2] 217</p>	G13, G14, G15

9	<p>4.3. Bán hàng lẻ - Những cuộc thương lượng nhỏ</p> <p>4.3.1. Điều kiện hóa tâm lý khách hàng</p> <p>4.3.2. Quá trình bán hàng</p> <p>4.3.3. Tâm lý khách hàng</p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập/thảo luận	<p>- Ôn Chương 1,2,3</p> <p>- Đọc trước tài liệu Chương 4</p> <p>-Xem và chuẩn bị câu hỏi ôn tập và thảo luận trang [1] 305, [2] 217</p>	G13, G14, G15
10	<p>4.3.4. Những yêu cầu cần thiết đối với người bán hàng</p> <p>CHƯƠNG 5: ỨNG DỤNG KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG TUYỂN DỤNG</p> <p>5.1. Phân tích bản thân và yêu cầu của công việc</p> <p>5.2. Thu thập thông tin về các cơ hội việc làm</p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập/thảo luận	<p>- Ôn Chương 1,2,3,4</p> <p>- Đọc trước tài liệu Chương 5.</p> <p>-Xem và chuẩn bị câu hỏi ôn tập và thảo luận trang 372</p>	G16, G17, G18
11	<p>5.3. Chuẩn bị lý lịch</p> <p>5.3.1. Các mẫu SYLL</p> <p>5.3.2. Định dạng SYLL</p> <p>5.3.3. Chuẩn bị SYLL</p> <p>5.4. Thư xin việc</p> <p>5.4.1. Viết thư xin việc</p> <p>5.4.2. Chuẩn bị gửi thư xin việc</p> <p>5.5. Phỏng vấn xin việc</p> <p>5.6. Chuẩn bị cho giao tiếp tuyển dụng khác</p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập/thảo luận	<p>- Ôn Chương 1,2,3,4</p> <p>- Đọc trước tài liệu Chương 5.</p> <p>-Xem và chuẩn bị câu hỏi ôn tập và thảo luận trang 372</p>	G16, G17, G18
12	<p>CHƯƠNG 6: GIAO TIẾP TRONG MÔI TRƯỜNG CÔNG TY</p> <p>6.1. Giao tiếp đối nội</p> <p>6.1.1. Tổ chức các cuộc họp</p> <p>6.1.2. Giao tiếp với cấp dưới</p> <p>6.1.3. Giao tiếp với cấp trên</p> <p>6.1.4. Giao tiếp với đồng nghiệp</p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập/thảo luận	<p>- Ôn Chương 1,2,3,4,5</p> <p>- Đọc trước tài liệu Chương 6.</p> <p>-Xem và chuẩn bị câu hỏi ôn tập và thảo luận trang [2] 182</p>	G19, G20

13	6.2. Giao tiếp đối ngoại 6.2.1. Giao tiếp với khách hàng 6.2.2. Giao tiếp với nhà cung cấp	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập/thảo luận	- Ôn Chương 1,2,3,4,5 - Đọc trước tài liệu Chương 6. -Xem và chuẩn bị câu hỏi ôn tập và thảo luận trang [2] 182	G19, G20
14	6.2.3. Giao tiếp với cơ quan chính quyền 6.2.4. Giao tiếp với báo chí CHƯƠNG 7: GIAO TIẾP KINH DOANH ĐA VĂN HÓA 7.1. Khái quát về văn hóa 7.2. Vai trò của văn hóa trong giao tiếp kinh doanh 7.2.1. Văn hóa trong ứng xử nội bộ doanh nghiệp	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập/thảo luận	- Ôn Chương 1,2,3,4,5,6 - Đọc trước tài liệu Chương 7 -Xem và chuẩn bị câu hỏi ôn tập và thảo luận trang 274	G21, G22, G23
15	7.2.2. Văn hóa trong đàm phán kinh doanh 7.3. Những đặc điểm văn hóa khi giao tiếp giữa các quốc gia khác nhau	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập/thảo luận	- Ôn Chương 1,2,3,4,5,6,7 - Đọc trước tài liệu Chương 7. -Xem và chuẩn bị câu hỏi ôn tập và thảo luận trang 274	G21, G22, G23

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải đọc trước tài liệu và xem lại những kiến thức đã học trong từng chương.

- Thường xuyên cập nhật tài liệu, tin tức liên quan đến các cách thức giao tiếp trong môi trường kinh doanh, từ đó tiếp cận và sử dụng được các thuật ngữ chuyên ngành quản trị, phân tích đánh giá và vận dụng hiệu quả các kỹ năng giải quyết các tình huống giao tiếp trong kinh doanh.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập,...	0.1	Điểm danh
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	- Bài tập nhóm - Kiểm tra cá nhân
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Quản trị kinh doanh/ Bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ/email: k_qtkd@sgu.edu.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2016

PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRƯỞNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
TRÁCH

TS. Hoàng Thị Việt Anh TS. Nguyễn Phan Thu Hằng ThS. Nguyễn Thị Trâm Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT HIẾN PHÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật Hiến pháp (tiếng Anh): Constitutional law	
- Mã số học phần: 843070	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Lý luận chung về NN&PL (843069)
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần Luật Hiến pháp là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo cử nhân luật. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về ngành luật Hiến pháp như: lịch sử lập hiến Việt Nam; vị trí, vai trò của các bộ phận trong hệ thống chính trị; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Người học phải hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật Hiến pháp, như:

- Khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh.

- Các quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học và công nghệ.

- Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, mối quan hệ giữa nhà nước và công dân, giữa nhà nước và hệ thống chính trị.

- Tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

Về kỹ năng:

- Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị để tiếp cận, xem xét, nhận định, so sánh những quy định của Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử;

- Nắm bắt được các nội dung cơ bản trong tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước ở Việt Nam.

- Biết cách thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong mối quan hệ với nhà nước và với hệ thống chính trị.

Về thái độ: Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên sẽ có thái độ đúng đắn trong tổ chức và hoạt động của nhà nước. Qua đó, có ý thức rèn luyện, phấn đấu trở thành các nhà hoạt động pháp luật có năng lực và phẩm hạnh trong tương lai.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái quát về ngành Luật Hiến pháp, khoa học Luật Hiến pháp và môn học Luật Hiến pháp Việt Nam; lịch sử lập hiến Việt Nam; phân biệt được đối tượng điều chỉnh của ngành luật Hiến pháp với đối tượng điều chỉnh của các ngành luật khác	3
G2	Trình bày được khái niệm về chế độ chính trị; những nội dung cơ bản của chế độ chính trị, và hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam.	3
G3	Trình bày được những nội dung cơ bản của pháp luật quốc tịch Việt Nam	2
G4	Trình bày được những chủ trương, đường lối, chính sách phát triển kinh tế; chính sách xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường của Đảng và Nhà nước	3
G5	Trình bày được khái niệm về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; các nguyên tắc Hiến pháp về	4

	quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	
G6	Trình bày được khái niệm về bộ máy nhà nước; các nguyên tắc hiến định về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.	4
G7	Trình bày và hiểu về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội	3
G8	Trình bày và hiểu về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước	3
G9	Trình bày và hiểu về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ.	3
G10	Trình bày và hiểu về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân và Hội đồng nhân dân	3
G11	Trình bày và hiểu về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tòa án nhân dân	3
G12	Trình bày và hiểu về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân	3
G13	Trên cơ sở những kiến thức về mặt lý luận được học, sinh viên cần có liên hệ trong thực tiễn hoạt động của các cơ quan này, từ đó có những đánh giá, nhận định về hiệu quả hoạt động của các cơ quan, về những quy định còn bất cập, chưa phù hợp trong pháp luật.	4

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LỊCH SỬ LẬP HIẾN VIỆT NAM

1.1. Khái quát về ngành Luật Hiến pháp, khoa học Luật Hiến pháp và môn học Luật Hiến pháp Việt Nam

1.2. Lý luận về Hiến pháp

1.3. Lịch sử lập hiến Việt Nam

Chương 2. CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ

2.1. Khái niệm về chế độ chính trị

2.2. Một số nội dung cơ bản của chế độ chính trị

2.3. Hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam

Chương 3. QUỐC TỊCH VIỆT NAM

3.1. Khái quát về quốc tịch

3.2. Nội dung cơ bản của pháp luật quốc tịch Việt Nam

Chương 4. CHẾ ĐỘ KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, GIÁO DỤC,

KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

- 4.1. Đường lối, chính sách phát triển kinh tế
- 4.2. Chính sách xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Chương 5. QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

- 5.1. Khái niệm về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
- 5.2. Các nguyên tắc Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
- 5.3. Các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

Chương 6. BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

- 6.1. Khái niệm về bộ máy nhà nước
- 6.2. Các nguyên tắc hiến định về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước

Chương 7. QUỐC HỘI

- 7.1. Vị trí pháp lý
- 7.2. Cơ cấu tổ chức
- 7.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

Chương 8. CHỦ TỊCH NƯỚC

- 8.1. Vị trí pháp lý
- 8.2. Cơ cấu tổ chức
- 8.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

Chương 9. CHÍNH PHỦ

- 9.1. Vị trí pháp lý
- 9.2. Cơ cấu tổ chức
- 9.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

Chương 10. CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

- 10.1. Hội đồng nhân dân các cấp
 - 10.1.1. Vị trí pháp lý
 - 10.1.2. Cơ cấu tổ chức
 - 10.1.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn
- 10.2. Ủy ban nhân dân các cấp
 - 10.2.1. Vị trí pháp lý
 - 10.2.2. Cơ cấu tổ chức
 - 10.2.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

Chương 11. TÒA ÁN NHÂN DÂN

- 11.1. Vị trí pháp lý
- 11.2. Cơ cấu tổ chức
- 11.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

Chương 12. VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

- 12.1. Vị trí pháp lý
- 12.2. Cơ cấu tổ chức
- 12.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, 2016.

[2] Các bản Hiến pháp nước Việt Nam năm 1946, 1959, 1980, 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001); 2013

[3] Các văn bản quy phạm pháp luật: Luật Quốc tịch Việt Nam 2008; Luật tổ chức Quốc hội 2014, Luật tổ chức Chính phủ 2015, Luật tổ chức Chính quyền địa phương 2015, Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] GS.TSKH. Đào Trí Úc (2005), *Những vấn đề cơ bản về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*. NXB. Chính trị Quốc gia.

[5] TSKH. Đào Trí Úc (1995), *Bình luận khoa học Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam 1992*, NXB. Khoa học xã hội.

[6] PGS.TS Hoàng Thế Liên (2013), *Hiến pháp năm 2013 - Những điểm mới mang tính đột phá*, NXB Tư pháp.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LỊCH SỬ LẬP HIẾN VIỆT NAM 1.1. Khái quát về ngành Luật Hiến pháp, khoa học Luật Hiến pháp và môn học Luật Hiến pháp Việt Nam 1.2. Lý luận về Hiến pháp 1.3. Lịch sử lập hiến Việt Nam	3 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình; các bản Hiến pháp Việt Nam; trả lời câu hỏi	G1
2	Chương 2. CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ 2.1. Khái niệm về chế độ chính trị 2.2. Một số nội dung cơ bản của chế độ chính trị	2 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình; các bản Hiến pháp Việt Nam; trả lời câu hỏi;	G2

	2.3. Hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam	+ 1 tiết thảo luận nhóm	chia nhóm thảo luận; thuyết trình	
3	Chương 3. QUỐC TỊCH VIỆT NAM 3.1. Khái quát về quốc tịch 3.2. Nội dung cơ bản của pháp luật quốc tịch Việt Nam	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình, Luật quốc tịch Việt Nam 2008; trả lời câu hỏi; chia nhóm thảo luận; thuyết trình	G3
4	Chương 4. CHẾ ĐỘ KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, GIÁO DỤC, KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG 4.1. Đường lối, chính sách phát triển kinh tế 4.2. Chính sách xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình, Hiến pháp 2013; trả lời câu hỏi; chia nhóm thảo luận; thuyết trình	G4
5	Chương 5. QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN 5.1. Khái niệm về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 5.2. Các nguyên tắc Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 5.3. Các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình, Hiến pháp 2013; trả lời câu hỏi; chia nhóm thảo luận; thuyết trình	G5
6	Chương 6. BỘ MÁY NHÀ NƯỚC 7.1. Khái niệm về bộ máy nhà nước 7.2. Các nguyên tắc hiến định về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước	3 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình, Hiến pháp 2013; trả lời câu hỏi	G6
7	Chương 6. BỘ MÁY NHÀ NƯỚC 7.1. Khái niệm về bộ máy nhà nước	1 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình, Hiến pháp 2013; trả lời câu hỏi;	G6

	7.2. Các nguyên tắc hiến định về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước	+ 2 tiết thảo luận nhóm	chia nhóm thảo luận; thuyết trình	
8	Chương 7. QUỐC HỘI 7.1. Vị trí pháp lý 7.2. Cơ cấu tổ chức 7.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình, Luật tổ chức Quốc hội 2014; trả lời câu hỏi; chia nhóm thảo luận; thuyết trình	G7
9	Chương 8. CHỦ TỊCH NƯỚC 8.1. Vị trí pháp lý 8.2. Cơ cấu tổ chức 8.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình, các bản Hiến pháp; trả lời câu hỏi; chia nhóm thảo luận; thuyết trình	G8
10	Chương 9. CHÍNH PHỦ 9.1. Vị trí pháp lý 9.2. Cơ cấu tổ chức 9.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình, Luật tổ chức Chính phủ 2015; trả lời câu hỏi; chia nhóm thảo luận ; thuyết trình	G9
11	Chương 10. CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 10.1. Hội đồng nhân dân các cấp 10.1.1. Vị trí pháp lý 10.1.2. Cơ cấu tổ chức 10.1.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn 10.2. Ủy ban nhân dân các cấp 10.2.1. Vị trí pháp lý 10.2.2. Cơ cấu tổ chức 10.2.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình, Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015; trả lời câu hỏi; chia nhóm thảo luận; thuyết trình	G10
12	Chương 11. TÒA ÁN NHÂN DÂN 11.1. Vị trí pháp lý 11.1. Cơ cấu tổ chức	2 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình, Luật tổ chức Tòa án nhân dân	G11

	11.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	+ 1 tiết thảo luận nhóm	2014; trả lời câu hỏi; chia nhóm thảo luận; thuyết trình.	
13	Chương 12. VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN 12.1. Vị trí pháp lý 12.1. Cơ cấu tổ chức 12.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014; trả lời câu hỏi; chia nhóm thảo luận; thuyết trình.	G12
14	Thảo luận, ôn tập	1 tiết lý thuyết + 2 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình, Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật; trả lời câu hỏi.	G13

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải chuẩn bị làm bài thảo luận ở nhà.

- Sinh viên phải chăm chỉ đọc Giáo trình; các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; các nghị quyết của Đảng; nghe chương trình thời sự, đọc báo để cập nhật tin tức hàng ngày, đặc biệt là các thông tin về hoạt động chính trị của nước ta.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ...	0.3	

	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ		
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

ThS. Luyện Đức Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật Hành chính (tiếng Anh): Administrative Law	
- Mã số học phần: 843028	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Lý luận chung NN&PL (843069) Luật Hiến pháp (843070)
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần Luật Hành chính là 1 học phần có vị trí quan trọng trong hệ thống kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản của ngành Luật Hành chính như: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nguồn của ngành luật hành chính; quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật hành chính; địa vị pháp lý của các cơ quan hành chính nhà nước; địa vị pháp lý của cán bộ, công chức, viên chức; địa vị pháp lý của các tổ chức xã hội, và cá nhân; quyết định hành chính; thủ tục hành chính; xử lý vi phạm hành chính.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Hoàn thiện tri thức lý luận cơ bản như làm rõ các khái niệm của ngành luật hành chính (đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh), quản lý nhà nước, quản lý hành chính nhà nước, phương pháp quản lý, hình thức quản lý; địa vị pháp lý của các cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức; địa vị pháp lý của các tổ chức xã hội và cá nhân... Qua đó đi sâu vào tìm hiểu cả vấn đề lý luận và thực tiễn về thủ tục hành chính, quyết định hành chính, vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm hành chính; giúp sinh viên phân biệt giữa hoạt động chấp hành, điều hành nhà nước (hoạt động hành chính nhà nước) với các hoạt động lập pháp và tư pháp.

Về kỹ năng: sinh viên sẽ vận dụng được những kiến thức đã học để tiếp cận, nhận định, so sánh, đánh giá hoạt động quản lý hành chính nhà nước giữa lý thuyết và thực tiễn, so sánh giữa hoạt động này với các hoạt động khác như hoạt động lập pháp, hoạt động tư pháp; xử lý các tình huống pháp lý trong hoạt động quản lý hành chính,; có tri thức để vận dụng trong cuộc sống nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và của người khác khi bị các cơ quan hành chính nhà nước và người có thẩm quyền quản lý hành chính khi bị xâm phạm; đồng thời, có những đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật trong quá trình học tập và vận dụng sau này.

Về thái độ: Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên sẽ có thái độ đúng đắn đôi khi nhìn nhận các hoạt động quản lý nhà nước; qua đó, có ý thức rèn luyện, phấn đấu trở thành 1 công dân tốt; là 1 cán bộ, công chức, viên chức,...có năng lực và phẩm hạnh trong tương lai.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	<i>Trình bày được</i> các khái niệm cơ bản như ngành luật hành chính (đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh), quản lý nhà nước, quản lý hành chính nhà nước, phương pháp quản lý, hình thức quản lý; địa vị pháp lý của các cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức; địa vị pháp lý của các tổ chức xã hội và cá nhân...	2
G2	<i>Cho ví dụ và phân biệt được</i> giữa hoạt động quản lý hành chính nhà nước với các hoạt động khác như hoạt động lập pháp và tư pháp; ngành luật hành chính với các ngành luật khác; quy phạm pháp luật hành chính, quan hệ pháp luật hành chính với các quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật của các ngành luật khác.	3
G3	<i>Trình bày được</i> các khái niệm, đặc điểm và các nội dung có liên quan về quyết định hành chính; thủ tục hành chính; vi	2

	phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm hành chính; khiếu nại, tố cáo hành chính...	
G4	<i>Nhận định, đánh giá</i> được việc thực hiện các hoạt động trên thực tế như hoạt động ban hành thủ tục hành chính, quyết định hành chính; vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính.	3
G5	<i>Đề xuất</i> những giải pháp, kiến nghị đối với việc hoàn thiện pháp luật về các nội dung đã được học.	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1.

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ LUẬT HÀNH CHÍNH

1.1. Khái niệm ngành luật hành chính

- 1.1.1. Đối tượng điều chỉnh
- 1.1.2. Phương pháp điều chỉnh

1.2. Khái niệm môn học luật hành chính

1.3. Khái niệm khoa học Luật hành chính

1.4. Khái niệm nguồn của Luật hành chính

1.5. Quy phạm pháp luật hành chính, quan hệ pháp luật hành chính

CHƯƠNG 2.

CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

2.1. Khái niệm chung

- 2.1.1. Quản lý nhà nước
- 2.1.2. Quản lý hành chính nhà nước
- 2.1.3. Nguyên tắc, nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước

- 2.2.1. Các nguyên tắc chính trị - xã hội
- 2.2.2. Các nguyên tắc tổ chức - kỹ thuật

CHƯƠNG 3.

HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

3.1. Hình thức quản lý hành chính nhà nước

- 3.1.1. Khái niệm và phân loại hình thức quản lý
- 3.1.2. Các hình thức quản lý

3.2. Phương pháp quản lý hành chính nhà nước

- 3.2.1. Khái niệm và yêu cầu đối với phương pháp quản lý
- 3.2.2. Các phương pháp quản lý

CHƯƠNG 4.

ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

- 4.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại cơ quan hành chính nhà nước**
 - 4.1.1. Khái niệm cơ quan hành chính nhà nước
 - 4.1.2. Đặc điểm của cơ quan hành chính nhà nước
 - 4.1.3. Phân loại cơ quan hành chính nhà nước
- 4.2. Quy chế pháp lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước**
- 4.3. Cải cách bộ máy hành chính nhà nước**

CHƯƠNG 5.

ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NHÀ NƯỚC

- 5.1. Khái niệm**
 - 5.1.1. Khái niệm cán bộ
 - 5.1.2. Khái niệm công chức
 - 5.1.3. Khái niệm viên chức
- 5.2. Quy chế pháp lý hành chính của cán bộ, công chức**
- 5.3. Quy chế pháp lý hành chính của viên chức**

CHƯƠNG 6.

QUY CHẾ PHÁP LÝ HÀNH CHÍNH CỦA TỔ CHỨC XÃ HỘI

- 6.1. Khái niệm, đặc điểm của các tổ chức xã hội**
- 6.2. Phân loại các tổ chức xã hội**
- 6.3. Quy chế pháp lý hành chính của tổ chức xã hội**

CHƯƠNG 7.

QUY CHẾ PHÁP LÝ HÀNH CHÍNH CỦA CÔNG DÂN, NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- 7.1. Quy chế pháp lý hành chính của công dân**
- 7.2. Quy chế pháp lý hành chính của người nước ngoài, người không có quốc tịch**

CHƯƠNG 8.

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

- 8.1. Khái niệm thủ tục hành chính**
- 8.2. Phân loại thủ tục hành chính**
- 8.3. Nguyên tắc xây dựng và thực hiện thủ tục hành chính**
- 8.4. Cải cách thủ tục hành chính**

CHƯƠNG 9.

QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

9.1. Khái niệm quyết định hành chính

9.2. Phân loại quyết định hành chính

9.2. Trình tự ban hành và ban hành quyết định hành chính

9.3. Những yêu cầu về tính hợp pháp và tính hợp lý của quyết định hành chính

9.4. Xử lý quyết định quản lý hành chính nhà nước

CHƯƠNG 10.

VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

10.1. Vi phạm hành chính

10.1.1. Khái niệm

10.1.2. Đặc điểm

10.2. Xử lý vi phạm hành chính

10.2.1. Khái niệm xử phạt vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính

10.2.2. Thẩm quyền xử phạt.

10.2.3. Thời hạn, thời hiệu

10.2.4. Hình thức xử phạt

CHƯƠNG 11.

BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

11.1. Khái niệm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước

11.2. Các biện pháp bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình Luật Hành chính*, NXB. Công an nhân dân.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Học viện Hành chính (2011), *Tài liệu bồi dưỡng về Quản lý hành chính nhà nước* (ngạch chuyên viên), NXB. Khoa học và kỹ thuật.

[3] PGS, TS Nguyễn Cửu Việt (2011), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB. Chính trị Quốc gia.

[4] GS, TSKH Đào Trí Úc (2005), *Những vấn đề cơ bản về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*, NXB. Chính trị Quốc gia.

[5] GS, TS Nguyễn Đăng Dung (2010), *Hạn chế sự tùy tiện của cơ quan Nhà nước*, NXB. Tư pháp.

[6] *Các bản Hiến pháp: 1946, 1959, 1980, 1992 (sửa đổi, bổ sung 2001) và Hiến pháp 2013.*

[7] Luật Xử lý vi phạm hành chính

[8] Luật cán bộ, công chức 2008.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ LUẬT HÀNH CHÍNH 1.1. Khái niệm ngành luật Hành chính 1.1.1. Đối tượng điều chỉnh 1.1.2. Phương pháp điều chỉnh 1.2. Khái niệm môn học luật Hành chính 1.3 Khái niệm khoa học Luật Hành chính 1.4 Khái niệm nguồn của Luật Hành chính 1.5. Quy phạm pháp luật hành chính, quan hệ pháp luật hành chính	3 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2
2	CHƯƠNG 2. CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC 2.1. Khái niệm chung 2.1.1. Quản lý nhà nước 2.1.2. Quản lý hành chính nhà nước 2.1.3. Nguyên tắc, nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước 2.2. Các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước 2.2.1. Các nguyên tắc chính trị - xã hội 2.2.2. Các nguyên tắc tổ chức – kỹ thuật	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2
3	CHƯƠNG 3. HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC 3.1. Hình thức quản lý hành chính nhà nước 3.1.1. Khái niệm và phân loại hình thức quản lý	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2

	<p>3.1.2. Các hình thức quản lý</p> <p>3.2. Phương pháp quản lý hành chính nhà nước</p> <p>3.2.1. Khái niệm và yêu cầu đối với phương pháp quản lý</p> <p>3.2.2. Các phương pháp quản lý</p>			
4	<p>CHƯƠNG 4. ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</p> <p>4.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại cơ quan hành chính nhà nước</p> <p>4.1.1. Khái niệm cơ quan hành chính nhà nước</p> <p>4.1.2 Đặc điểm của cơ quan hành chính nhà nước</p> <p>4.1.3 Phân loại cơ quan hành chính nhà nước</p> <p>4.2. Quy chế pháp lí hành chính của cơ quan hành chính nhà nước</p> <p>4.3. Cải cách bộ máy hành chính nhà nước</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2
5	<p>CHƯƠNG 4. ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (TT)</p> <p>3.2. Quy chế pháp lí hành chính của cơ quan hành chính nhà nước</p> <p>3.3. Cải cách bộ máy hành chính nhà nước</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2
6	<p>CHƯƠNG 5. ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NHÀ NƯỚC</p> <p>5.1. Khái niệm</p> <p>5.1.1. Khái niệm cán bộ</p> <p>5.1.2. Khái niệm công chức</p> <p>5.1.3. Khái niệm viên chức</p> <p>5.2. Quy chế pháp lý hành chính của cán bộ, công chức</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2

	5.3. Quy chế pháp lý hành chính của viên chức			
7	Chương 6. QUY CHẾ PHÁP LÝ HÀNH CHÍNH CỦA TỔ CHỨC XÃ HỘI 6.1. Khái niệm, đặc điểm của các tổ chức xã hội 6.2. Phân loại các tổ chức xã hội 6.3. Quy chế pháp lý hành chính của tổ chức xã hội	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2
8	Chương 7. QUY CHẾ PHÁP LÝ HÀNH CHÍNH CỦA CÔNG DÂN, NGƯỜI NƯỚC NGOÀI 7.1. Quy chế pháp lý hành chính của công dân 7.2. Quy chế pháp lý hành chính của người nước ngoài, người không có quốc tịch.	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2
9	Chương 8. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 8.1. Khái niệm thủ tục hành chính 8.2. Phân loại thủ tục hành chính 8.3. Nguyên tắc xây dựng và thực hiện thủ tục hành chính	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G3, G4, G5
10	Chương 8. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TT) – KIỂM TRA 8.4. Cải cách thủ tục hành chính	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận + 1 tiết kiểm tra	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G3, G4, G5
11	Chương 9. QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC 9.1. Khái niệm quyết định hành chính 9.2. Phân loại quyết định hành chính 9.2. Trình tự ban hành và ban hành quyết định hành chính. 9.3. Những yêu cầu về tính hợp pháp và tính hợp lý của quyết định hành chính 9.4. Xử lý quyết định quản lý hành chính	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G3, G4, G5

	nhà nước			
12	Chương 10. VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH 8.1. Vi phạm hành chính 8.1.1. Khái niệm 8.1.2. Đặc điểm	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận, bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G3, G4, G5
13	Chương 10. VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH 10.1. Vi phạm hành chính 10.1.1. Khái niệm 10.1.2. Đặc điểm 10.2. Xử lý vi phạm hành chính 10.2.1. Khái niệm xử phạt vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G3, G4, G5
14	Chương 10. VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH 10.2.2. Thẩm quyền xử phạt. 10.2.3. Thời hạn, thời hiệu 10.2.4. Hình thức xử phạt	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G3, G4, G5
15	Chương 11. BẢO ĐẢM PHÁP CHẾ TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC 11.1. Khái niệm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước 11.2. Các biện pháp bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G3, G4, G5

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học môn Lý luận Nhà nước và Pháp luật, luật Hiến pháp.

- Đọc tài liệu trước khi lên lớp; làm bài tập thảo luận nhóm, thuyết trình khi giảng viên có yêu cầu.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên..

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
PHỤ TRÁCH**

TS. Hoàng Thị Việt Anh ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật Tổ tụng hành chính (tiếng Anh): Law on administrative procedures	
- Mã số học phần: 843055	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	3
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Luật Hành chính (843028)
- Học phần song hành (nếu có):	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần Luật Tổ tụng hành chính, giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Luật Tổ tụng hành chính, như đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh; quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật hành chính; các nguyên tắc của ngành Luật Tổ tụng hành chính; thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính của Tòa án nhân dân; cơ quan tiến hành tổ tụng hành chính; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hành chính.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sau khi kết thúc môn học, người học (sinh viên và học viên) tham dự đầy đủ khóa học theo qui chế (đảm bảo về thời gian, bài kiểm tra...) sẽ có được những kiến thức ở ba nội dung cơ bản. Thứ nhất, nhận thức được vị trí, vai trò của tài phán hành chính trong đó thấy được tổ tụng hành chính chiếm một vai trò, vị trí trung

tâm trong việc thực hiện chức năng của tài phán hành chính đó là đảm bảo kỷ luật và pháp chế trong hoạt động quản lý và công cuộc bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trước hoạt động quản lý hành chính. Thứ hai, nắm được những quy định cơ bản về quyền hạn và nhiệm vụ của các chủ thể trong quá trình giải quyết vụ án hành chính. Thứ ba là nắm được trình tự thủ tục của việc giải quyết vụ án hành chính cũng như thi hành bản án hành chính đã có hiệu lực pháp luật của toà án.

Về kỹ năng:

- Xác định được cách thức (bao gồm nội dung và thủ tục) làm phát sinh vụ kiện trước toà án (khởi kiện), cũng như cách thức tiếp nhận và xử lý đơn kiện. xây dựng được hồ sơ vụ việc, phân tích được các khía cạnh pháp lý của vụ kiện để giải quyết vụ án hay để bảo vệ quyền lợi cho chính mình hay cho đương sự khác trong vụ án.

- Viết một số văn bản của tố tụng hành chính như : đơn khởi kiện, bài bảo vệ của người bị hại, bài phát biểu quan điểm của VKS, bản án, quyết định giám đốc thẩm, đơn kháng cáo.

Về thái độ:

- Sinh viên có nhận thức đúng đắn về việc bảo vệ quyền và lợi ích của cá nhân, tổ chức trước các quyết định hành chính, hành vi hành chính của các cơ quan, cán bộ NN;

- Nhận thức được vai trò của toà án hành chính thông qua việc giải quyết các vụ án hành chính thực hiện chức năng giám sát hoạt động quản lý nhà nước từ đó đảm bảo kỷ luật và pháp chế trong hoạt động quản lý nhà nước chứ không phải hoạt động tài phán là một sự cản trở, chướng ngại hoạt động quản lý hành chính.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm Luật Tố tụng hành chính, khái niệm tài phán hành chính, khái niệm tố tụng hành chính. Trình bày được nhiệm vụ và nguồn của Luật Tố tụng hành chính. Trình bày được các nguyên tắc của Luật Tố tụng hành chính.	1
G2	Nêu được đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh trong Luật Tố tụng hành chính.	1
G3	Phân biệt được đối tượng điều chỉnh của Luật Tố tụng hành chính với đối tượng điều chỉnh của Luật Tố tụng dân sự, tố tụng hình sự.	4
G4	Nêu được khái niệm, vai trò của cơ quan tiến hành tố tụng hành chính.	1

	<p>Nêu được nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tiến hành tố tụng hành chính.</p> <p>Trình bày được khái niệm người tiến hành tố tụng hành chính và các loại người tiến hành tố tụng hành chính.</p> <p>Nêu được nhiệm vụ và quyền hạn của những người tiến hành tố tụng hành chính.</p> <p>Trình bày được các quy định của pháp Luật Tố tụng hành chính về việc thay đổi người tiến hành tố tụng hành chính.</p> <p>Trình bày được khái niệm người tham gia tố tụng hành chính và những người tham gia tố tụng hành chính.</p> <p>Nêu được quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng hành chính.</p>	
G5	<p>Phân tích được các quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn của những người tiến hành tố tụng hành chính.</p> <p>Phân tích được các quy định của pháp Luật Tố tụng hành chính về căn cứ, thẩm quyền và thủ tục thay đổi thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thẩm tra viên, thư kí toà án, kiểm sát viên và kiểm tra viên.</p> <p>Phân tích được quyền và nghĩa vụ tố tụng của những người tham gia tố tụng hành chính;</p>	4
G6	Vận dụng để giải quyết việc thay đổi người tiến hành tố tụng trong các trường hợp cụ thể.	3
G7	Vận dụng để xác định được người tham gia tố tụng trong các vụ việc cụ thể.	3
G8	<p>Nêu được các điều kiện khởi kiện vụ án hành chính.</p> <p>Nêu được chủ thể, đối tượng, thời hiện khởi kiện vụ án hành chính.</p>	1
G9	<p>Phân tích được khái niệm và ý nghĩa của khởi kiện vụ án hành chính.</p> <p>Phân tích được các điều kiện khởi kiện vụ án hành chính.</p>	4
G10	Chỉ ra được các điều kiện khởi kiện vụ án hành chính trong các trường hợp cụ thể.	3
G11	<p>Nêu được khái niệm, ý nghĩa và cơ sở để xác định thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính của toà án.</p> <p>Trình bày được các loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính của toà án.</p>	1

	Trình bày được các vụ việc thuộc thẩm quyền của toà án cấp huyện và các loại việc thuộc thẩm quyền của toà án cấp tỉnh. Trình bày việc giải quyết tranh chấp thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính.	
G12	Vận dụng để xác định được thẩm quyền giải quyết của toà án trong các vụ việc cụ thể.	3
G13	Phân tích được khái niệm, ý nghĩa của chứng cứ, chứng minh trong tố tụng hành chính. Phân tích được thẩm quyền, thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng.	4
G14	Nêu được khái niệm và ý nghĩa của BPKCTT. Nêu được các BPKCTT. Nêu được thẩm quyền, thủ tục áp dụng, thay đổi và huỷ bỏ BPKCTT.	1
G15	Nêu khái niệm, ý nghĩa của khởi kiện và thụ lí vụ án hành chính. Trình bày các điều kiện khởi kiện vụ án hành chính.	1
G16	Phân tích được các trường hợp trả lại đơn khởi kiện và thẩm quyền, thủ tục trả lại đơn khởi kiện; Phân tích được việc khiếu nại, kiến nghị và giải quyết khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn khởi kiện.	2
G17	Nêu khái niệm, thời hạn, nhiệm vụ, ý nghĩa của giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính.	1
G18	Phân tích được khái niệm, đặc điểm, căn cứ, thẩm quyền, thủ tục, hậu quả pháp lí tạm đình chỉ và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính	4
G19	Xác định được việc tạm đình chỉ và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính trong các trường hợp cụ thể.	3
G20	Trình bày được thành phần thủ tục, ý nghĩa của đối thoại. Trình bày được khái niệm, ý nghĩa và nguyên tắc tiến hành đối thoại trong vụ án hành chính Trình bày được thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm, những người tham gia phiên toà và các trường hợp hoãn phiên toà sơ thẩm. Nêu được khái niệm, ý nghĩa của việc hoãn phiên toà và tạm ngừng phiên toà. Nêu được các thủ tục tiến hành phiên toà sơ thẩm.	1

G21	Phân tích được các trường hợp hoãn phiên toà sơ thẩm, thẩm quyền, thủ tục và thời hạn hoãn phiên toà sơ thẩm; Phân biệt được hoãn phiên toà và tạm ngừng phiên toà;	4
G22	Nêu được khái niệm và ý nghĩa của xét xử phúc thẩm vụ án hành chính Nêu được khái niệm kháng cáo, kháng nghị, người có quyền kháng cáo, kháng nghị; đối tượng kháng cáo, kháng nghị; thời hạn kháng cáo, kháng nghị; hình thức kháng cáo, kháng nghị; thông báo kháng cáo, kháng nghị và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; hậu quả của kháng cáo, kháng nghị và việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị, rút kháng cáo, kháng nghị. Nêu được thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm, thủ tục thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm và các công việc chuẩn bị xét xử phúc thẩm. Nêu được những người tham gia phiên toà phúc thẩm, các trường hợp hoãn phiên toà phúc thẩm; phạm vi xét xử phúc thẩm và các thủ tục tiến hành phiên toà phúc thẩm.	1
G23	Phân biệt được thủ tục tiến hành phiên toà phúc thẩm với thủ tục tiến hành phiên toà sơ thẩm;	4
G24	Xác định được những trường hợp hoãn phiên toà phúc thẩm trong các trường hợp cụ thể.	3
G25	Phân tích được tính chất của giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án hành chính và giải thích tại sao giám đốc thẩm, tái thẩm là thủ tục xét xử đặc biệt. Phân tích được căn cứ, thời hạn kháng nghị và việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.	4
G26	Xác định được căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm trong các trường hợp cụ thể.	3
G27	Phân biệt được sự khác nhau giữa thủ tục giám đốc thẩm dân sự với thủ tục phúc thẩm vụ án hành chính	4
G28	Nêu được trình tự, thủ tục thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính.	1
G29	Nêu được thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hành chính.	1

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ NGÀNH LUẬT TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH

VIỆT NAM

1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành Luật Tố tụng hành chính

- 1.1.1. Khái niệm
- 1.1.2. Đối tượng điều chỉnh
- 1.1.3. Phương pháp điều chỉnh

1.2. Nhiệm vụ và nguồn của Luật Tố tụng hành chính

- 1.2.1. Nhiệm vụ của Luật Tố tụng hành chính
- 1.2.2. Nguồn của Luật Tố tụng hành chính

1.3. Các nguyên tắc của ngành Luật Tố tụng hành chính

- 1.3.1. Khái niệm nguyên tắc của Luật Tố tụng hành chính
- 1.3.2. Các nguyên tắc của Luật Tố tụng hành chính

CHƯƠNG 2. CÁC BÊN TRONG TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH

2.1. Cơ quan tiến hành tố tụng hành chính

- 2.1.1. Tòa án nhân dân
- 2.1.2. Viện kiểm sát nhân dân

2.2. Người tiến hành tố tụng

- 2.2.1. Những người tiến hành tố tụng
- 2.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn
- 2.2.3. Từ chối, thay đổi người tiến hành tố tụng

2.3. Người tham gia tố tụng

- 2.3.1. Đương sự
- 2.3.2. Người tham gia tố tụng khác

CHƯƠNG 3. ĐIỀU KIỆN KHỞI KIỆN VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

3.1. Khái niệm điều kiện khởi kiện vụ án hành chính

3.2. Các điều kiện khởi kiện vụ án hành chính

- 3.2.1. Điều kiện về chủ thể khởi kiện
- 3.2.2. Điều kiện về đối tượng khởi kiện
- 3.2.3. Thời hiệu khởi kiện
- 3.2.4. Điều kiện về tố tụng khác

CHƯƠNG 4. THẨM QUYỀN XÉT XỬ HÀNH CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN

4.1. Căn cứ xác định thẩm quyền

- 4.1.1. Khái niệm
- 4.1.2. Các căn cứ xác định thẩm quyền

4.2. Thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính của TAND

- 4.2.1. Thẩm quyền theo cấp Tòa án
- 4.2.2. Thẩm quyền theo lãnh thổ

4.3. Chuyển vụ án, nhập hoặc tách vụ án hành chính và vấn đề xác định thẩm quyền trong trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền

4.3.1. Chuyển vụ án, nhập hoặc tách vụ án hành chính

4.3.2. Xác định thẩm quyền trong trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền

CHƯƠNG 5. NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN TRONG VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

5.1. Chứng cứ trong vụ án hành chính

5.1.1. Cơ sở lý luận của chứng cứ

5.1.2. Khái niệm, đặc điểm của chứng cứ

5.1.3. Phân loại chứng cứ

5.1.4. Nguồn chứng cứ

5.2. Chứng minh trong vụ án hành chính

5.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của chứng minh trong tố tụng hành chính

5.2.2. Chủ thể chứng minh

5.2.3. Đối tượng chứng minh trong vụ án hành chính

5.2.4. Các hoạt động chứng minh

5.3. Biện pháp khẩn cấp tạm thời

5.3.1. Khái niệm biện pháp khẩn cấp tạm thời

5.3.2. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời

5.4. Án phí trong vụ án hành chính

5.4.1. Khái niệm án phí

5.4.2. Án phí trong các trường hợp cụ thể

5.5. Việc cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng

5.5.1. Các văn bản tố tụng phải được cấp, tổng đạt và thông báo

5.5.2. Chủ thể cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng

CHƯƠNG 6. KHỞI KIỆN VÀ THỤ LÝ VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

6.1. Khởi kiện vụ án hành chính

6.1.2. Khái niệm khởi kiện vụ án hành chính

6.1.2. Điều kiện khởi kiện vụ án hành chính

6.2. Thụ lý vụ án hành chính

6.2.1. Khái niệm thụ lý vụ án hành chính

6.2.2. Điều kiện thụ lý vụ án hành chính

6.3. Trả lại đơn khởi kiện

6.3.1. Khái niệm trả lại đơn khởi kiện

6.3.2. Các trường hợp trả lại đơn khởi kiện

CHƯƠNG 7. CHUẨN BỊ XÉT XỬ SƠ THẨM

7.1. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa, thời hạn

7.1.1. Khái niệm

7.1.2. Nhiệm vụ và ý nghĩa

7.1.3. Thời hạn

7.2. Trình tự tiến hành

7.2.1. Thông báo thụ lý và phân công thẩm phán giải quyết vụ án

7.2.2. Xác minh thu thập chứng cứ

7.2.3. Lập hồ sơ vụ án

7.2.4. Đối thoại

7.2.5. Ra các quyết định

7.3. Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ giải quyết vụ án

7.3.1. Quyết định đình chỉ

7.3.2. Quyết định tạm đình chỉ

CHƯƠNG 8. XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

8.1. Khái niệm và nhiệm vụ của phiên tòa sơ thẩm

8.1.1. Khái niệm

8.1.2. Nhiệm vụ

8.2. Phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính

8.2.1. Khái niệm

8.2.2. Thẩm quyền của Hội đồng xét xử sơ thẩm

8.3. Diễn biến phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính

8.3.1. Bắt đầu phiên tòa

8.3.2. Tranh tụng tại phiên tòa

CHƯƠNG 9. THỦ TỤC PHỤC THẨM VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

9.1. Nhận thức về thủ tục phúc thẩm vụ án hành chính

9.1.1. Khái niệm

9.1.2. Đặc trưng của thủ tục phúc thẩm vụ án hành chính

9.2. Kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

9.2.1. Kháng cáo

9.2.2. Kháng nghị

9.3. Xét xử phúc thẩm

9.3.1. Phiên tòa phúc thẩm

9.3.2. Thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm

CHƯƠNG 10. XÉT XỬ VỤ ÁN HÀNH CHÍNH THEO THỦ TỤC ĐẶC BIỆT

10.1. Thủ tục giám đốc thẩm

10.1.1. Khái niệm

10.1.2. Thủ tục và thẩm quyền xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm

10.2. Thủ tục tái thẩm

10.2.1. Khái niệm

10.2.2. Thủ tục và thẩm quyền xem xét theo thủ tục tái thẩm

10.3. Thủ tục đặc biệt xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

CHƯƠNG 11. THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH VÀ VIỆC KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH

11.1. Thủ tục thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính

11.1.1. Những bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính được thi hành

11.1.2. Thi hành bản án, quyết định của Tòa án

11.2. Khiếu nại, tố cáo trong tổ tụng hành chính

11.2.1. Khiếu nại trong tổ tụng hành chính

11.2.2. Tố cáo trong tổ tụng hành chính

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Luật Tổ tụng hành chính Việt Nam*, NXB. Lao động, 2013.

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Tổ tụng hành chính Việt Nam*, NXB. Tư pháp, 2014.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[2] Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành quy định của Nghị quyết 103/2015/QH13 về thi hành Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 104/2015/QH13 về thi hành Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự 92/2015/QH13, Luật Tổ tụng hành chính 93/2015/QH13 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử.

[5] Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
-------------------------------	-------------------------	--	--------------------------------------	----------------------------

1	CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ NGÀNH LUẬT TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH VIỆT NAM 1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành Luật Tổ tụng hành chính 1.2. Nhiệm vụ và nguồn của Luật Tổ tụng hành chính 1.3. Các nguyên tắc của ngành Luật Tổ tụng hành chính	3 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G1, G2, G3
2	CHƯƠNG 2. CÁC BÊN TRONG TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH 2.1. Cơ quan tiến hành tố tụng hành chính 2.2. Người tiến hành tố tụng 2.3. Người tham gia tố tụng	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm và giải quyết tình huống	G4, G5, G6, G7
3	CHƯƠNG 3. ĐIỀU KIỆN KHỞI KIỆN VỤ ÁN HÀNH CHÍNH: 3.1. Khái niệm điều kiện khởi kiện vụ án hành chính 3.2. Các điều kiện khởi kiện vụ án hành chính 3.2.1. Điều kiện về chủ thể khởi kiện 3.2.2. Điều kiện về đối tượng khởi kiện	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm và giải quyết tình huống	G8, G9, G10
4	3.2.3. Thời hiệu khởi kiện 3.2.4. Điều kiện về tố tụng khác	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm và giải quyết tình huống	
5	CHƯƠNG 4. THẨM QUYỀN XÉT XỬ HÀNH CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN 4.1. Căn cứ xác định thẩm quyền 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Các căn cứ xác định thẩm quyền	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm và	G11, G12

	4.2. Thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính của TAND 4.2.1. Thẩm quyền theo cấp Tòa án		giải quyết tình huống	
6	4.2.2. Thẩm quyền theo lãnh thổ 4.3. Chuyển vụ án, nhập hoặc tách vụ án hành chính và vấn đề xác định thẩm quyền trong trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền 4.3.1. Chuyển vụ án, nhập hoặc tách vụ án hành chính 4.3.2. Xác định thẩm quyền trong trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm và giải quyết tình huống	G11, G12
7	CHƯƠNG 5. NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN TRONG VỤ ÁN HÀNH CHÍNH 5.1. Chứng cứ trong vụ án hành chính 5.2. Chứng minh trong vụ án hành chính 5.3. Biện pháp khẩn cấp tạm thời 5.4. Án phí trong vụ án hành chính 5.5. Việc cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm và giải quyết tình huống	G13, G14
8	CHƯƠNG 6. KHỞI KIỆN VÀ THỤ LÝ VỤ ÁN HÀNH CHÍNH 6.1. Khởi kiện vụ án hành chính 6.2. Thụ lý vụ án hành chính 6.3. Trả lại đơn khởi kiện	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm và giải quyết tình huống	G11, G12
9	CHƯƠNG 7. CHUẨN BỊ XÉT XỬ SƠ THẨM 7.1. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa, thời hạn 7.2. Trình tự tiến hành 7.3. Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ giải quyết vụ án	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm và giải quyết tình huống	G11, G12

10	CHƯƠNG 8. XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÀNH CHÍNH 8.1. Khái niệm và nhiệm vụ của phiên tòa sơ thẩm 8.1.1. Khái niệm 8.1.2. Nhiệm vụ 8.2. Phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính 8.2.1 Khái niệm	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm và giải quyết tình huống	G15 đến G21
11	8.2.2. Thẩm quyền của Hội đồng xét xử sơ thẩm 8.3. Diễn biến phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính 8.3.1. Bắt đầu phiên tòa 8.3.2. Tranh tụng tại phiên tòa	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết xem video phiên tòa giả định	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi GV đặt ra sau khi xem video	G15 đến G21
12	Diễn án: Phiên tòa hành chính sơ thẩm (SV được nhận hồ sơ vụ án hành chính cụ thể).	3 tiết Bài tập	SV nhận vai diễn: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Đương sự, Thư ký phiên tòa. Các bạn không diễn án sẽ phải viết bài điều khiển phiên tòa sơ thẩm (vai trò chủ tọa phiên tòa)	G15 đến G21
13	CHƯƠNG 9. THỦ TỤC PHỨC THẨM VỤ ÁN HÀNH CHÍNH 9.1. Nhận thức về thủ tục phúc thẩm vụ án hành chính 9.2. Kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm 9.3. Xét xử phúc thẩm	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm và giải quyết tình huống	G22, G23, G24

14	CHƯƠNG 10. XÉT XỬ VỤ ÁN HÀNH CHÍNH THEO THỦ TỤC ĐẶC BIỆT 10.1. Thủ tục giám đốc thẩm 10.2. Thủ tục tái thẩm 10.3. Thủ tục đặc biệt xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm và giải quyết tình huống	G25, G26, G27
15	CHƯƠNG 11. THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH VÀ VIỆC KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH 11.1. Thủ tục thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính 11.2. Khiếu nại, tố cáo trong tổ tụng hành chính	3 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G28, G29

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học môn Luật Hành chính.
- Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, thu thập bản án hành chính.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT DÂN SỰ 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): LUẬT DÂN SỰ HỌC PHẦN 1 (tiếng Anh): CIVIL LAW MODUL 1	
- Mã số học phần: 843029	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần học trước:	Luật Hiến pháp (843070) Luật Hành chính (843028)
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

- Luật dân sự là ngành luật cơ bản, nền tảng của hệ thống pháp luật Việt Nam. Luật dân sự quy định địa vị pháp lí, chuẩn mực pháp lí cho cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể về nhân thân và tài sản trong các quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động (sau đây gọi chung là quan hệ dân sự).

- Môn học luật dân sự là môn học bắt buộc tại tất cả các cơ sở đào tạo luật trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

- Luật Dân sự học phần 1 giới thiệu cho sinh viên các vấn đề chung của luật dân sự gồm hệ thống các khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, về đặc điểm, nguyên tắc của quan hệ pháp luật dân sự; về chủ thể, khách thể, về các căn cứ phát sinh, về nội dung của các quan hệ tài sản và nhân thân; về thay đổi, chấm

dứt các quan hệ pháp luật dân sự; nghiên cứu chế định tài sản, giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện; chế định quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản, chế định thừa kế.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Hiểu được quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự, xác định được tính đặc thù của phương pháp điều chỉnh của luật dân sự; hiểu và xác định được các văn bản được coi là nguồn của luật dân sự.

- Hiểu được những yếu tố cơ bản của quan hệ pháp luật dân sự, căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự; xác định được các chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự;

- Hiểu được khái niệm, điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, giao dịch dân sự vô hiệu và hậu quả pháp lí của giao dịch dân sự vô hiệu; hiểu và xác định được thời hạn, thời hiệu; xác định được những vấn đề pháp lí liên quan đến đại diện;

- Hiểu được khái niệm, phân loại tài sản; nội dung quyền sở hữu; các hình thức sở hữu; căn cứ xác lập, chấm dứt quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản; bảo vệ quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản

- Hiểu được các quy định chung về thừa kế, thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật, thanh toán và phân chia di sản.

Về kĩ năng:

- Vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến giao dịch dân sự, sở hữu, thừa kế...

- Phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn và thời hiệu, tài sản, sở hữu, thừa kế.

Về thái độ: Tôn trọng pháp luật, tôn trọng tính bình đẳng và tự do ý chí của các chủ thể trong các quan hệ pháp luật dân sự.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	<i>Trình bày được</i> khái niệm và đặc điểm các quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự; chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự; giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu; khái niệm tài sản; quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản, bảo vệ quyền sở hữu	2

	tài sản; khái niệm thừa kế, di sản thừa kế, di chúc, phân chia di sản thừa kế	
G2	<i>Hiểu được</i> các loại chủ thể cơ bản của quan hệ dân sự; cách xác định thời hạn, thời hiệu; nắm được các quyền của chủ sở hữu đối với tài sản và các quyền khác đối với tài sản; cách xác định di sản thừa kế	4
G3	<i>Áp dụng được</i> các quy định của pháp luật để giải quyết các tranh chấp về giao dịch dân sự vô hiệu, để xác định các loại tài sản; cách lập di chúc và phân chia di sản thừa kế	2
G4	<i>Phân tích được</i> các quy định của pháp luật về cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác không có tư cách pháp nhân là chủ thể của quan hệ dân sự; về các loại tài sản; về phương thức bảo vệ quyền sở hữu và các loại di chúc	3
G5	<i>Đánh giá được</i> các quy định của pháp luật về các loại tài sản; về các loại thời hiệu; về di chúc miệng	4
G6	<i>Lập được</i> di chúc; <i>đề xuất được</i> các giải pháp để hoàn thiện pháp luật về các tổ chức không có tư cách pháp nhân là chủ thể của quan hệ dân sự; về các quyền khác đối với tài sản; về tài sản ảo và các hình thức của di chúc	2

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM VỀ LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM

1.1. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự

- 1.1.1. Đối tượng điều chỉnh của Luật Dân sự
- 1.1.2. Phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự

1.2. Định nghĩa Luật Dân sự Việt Nam và phân biệt Luật Dân sự với các ngành luật khác

- 1.2.1. Định nghĩa Luật Dân sự Việt Nam
- 1.2.2. Phân biệt Luật Dân sự với các ngành luật khác

1.3. Sơ lược lịch sử phát triển của Luật Dân sự Việt Nam

1.4. Nguồn của Luật Dân sự Việt Nam

- 1.4.1. Khái niệm và phân loại nguồn của Luật Dân sự
- 1.4.2. Quy phạm pháp luật dân sự
- 1.4.3. Áp dụng Luật Dân sự, áp dụng tập quán, áp dụng tương tự Luật Dân sự và án lệ, lễ công bằng

1.5. Nhiệm vụ nguyên tắc của Luật Dân sự

- 1.5.1. Nhiệm vụ của Luật Dân sự

1.5.2. Những nguyên tắc cơ bản của Luật Dân sự

CHƯƠNG 2: QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

2.1. Khái niệm về quan hệ pháp luật dân sự

2.1.1. Khái niệm pháp luật dân sự và đặc điểm của quan hệ pháp luật dân sự

2.1.2. Thành phần của quan hệ pháp luật dân sự

2.1.3. Phân loại quan hệ pháp luật dân sự

2.1.4. Căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự

2.2. Cá nhân - Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự

2.2.1. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân

2.2.2. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân

2.2.3. Giám hộ

2.2.4. Nơi cư trú của cá nhân

2.3. Pháp nhân - Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự

2.3.1. Khái niệm pháp nhân

2.3.2. Địa vị pháp lý và yếu tố lý lịch của pháp nhân

2.3.3. Thành lập và chấm dứt pháp nhân

2.3.4. Nhà nước trong quan hệ dân sự

2.4. Chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự có sự tham gia của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân

2.4.1. Hộ gia đình

2.4.2. Tổ hợp tác

2.4.3. Các tổ chức khác không có tư cách pháp nhân

CHƯƠNG 3: GIAO DỊCH DÂN SỰ, ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN, THỜI HIỆU

3.1. Giao dịch dân sự

3.1.1. Khái niệm, ý nghĩa, phân loại giao dịch dân sự

3.1.2. Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự

3.1.3. Giao dịch dân sự vô hiệu và hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu

3.2. Đại diện

3.2.1. Khái niệm, phân loại đại diện

3.2.2. Phạm vi thẩm quyền đại diện

3.2.3. Chấm dứt đại diện

3.3. Thời hạn

3.4. Thời hiệu

CHƯƠNG 4: TÀI SẢN, QUYỀN SỞ HỮU VÀ CÁC QUYỀN KHÁC ĐỐI VỚI TÀI SẢN

4.1. Tài sản

- 4.1.1. Khái niệm tài sản
- 4.1.2. Phân loại tài sản
- 4.2. Sở hữu, quyền sở hữu, và các quyền khác đối với tài sản**
 - 4.2.1. Khái niệm sở hữu, quyền sở hữu, các quyền khác đối với tài sản
 - 4.2.2. Quá trình phát triển của pháp luật về quyền sở hữu ở nước ta
- 4.3. Quan hệ pháp luật về quyền sở hữu**
 - 4.3.1. Chủ thể quan hệ pháp luật về quyền sở hữu
 - 4.3.2. Khách thể quan hệ pháp luật về quyền sở hữu
 - 4.3.3. Nội dung quan hệ pháp luật về quyền sở hữu
- 4.4. Các quyền khác đối với tài sản**
 - 4.4.1. Quyền đối với bất động sản liền kề
 - 4.4.2. Quyền hưởng dụng
 - 4.4.3. Quyền bề mặt
- 4.5. Căn cứ xác lập và chấm dứt quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản**
 - 4.5.1. Căn cứ xác lập
 - 4.5.2. Căn cứ chấm dứt
- 4.6. Các hình thức sở hữu**
 - 4.6.1. Sở hữu toàn dân
 - 4.6.2. Sở hữu cá nhân
 - 4.6.3. Sở hữu chung
- 4.7. Bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản**
 - 4.7.1. Khái niệm bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản
 - 4.7.2. Các phương thức bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản

CHƯƠNG 5: THỪA KẾ

- 5.1. Khái niệm thừa kế, quyền thừa kế**
 - 5.1.1. Khái niệm thừa kế, quyền thừa kế
 - 5.1.2. Mối quan hệ giữa quyền thừa kế và quyền sở hữu
- 5.2. Sơ lược quá trình phát triển về quyền thừa kế của Việt Nam**
 - 5.2.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1995 (BLDS 1995 ban hành)
 - 5.2.2. Giai đoạn từ năm 1995 đến năm 2005 (BLDS 2005 ban hành)
 - 5.2.3. Giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2015 (BLDS 2015 ban hành)
 - 5.2.4. Giai đoạn từ năm 2015 (BLDS 2015 ban hành) đến nay
- 5.3. Các nguyên tắc của thừa kế**
 - 5.3.1. Khái niệm nguyên tắc của thừa kế
 - 5.3.2. Nội dung các nguyên tắc của pháp luật thừa kế
- 5.4. Một số quy định chung về thừa kế**
 - 5.4.1. Người để lại di sản thừa kế
 - 5.4.2. Người thừa kế

- 5.4.3. Thời điểm mở thừa kế, địa điểm mở thừa kế
- 5.4.4. Di sản thừa kế
- 5.4.5. Người quản lý di sản
- 5.4.6. Những người có quyền thừa kế của nhau mà chết cùng một thời điểm
- 5.4.7. Những người không được hưởng di sản
- 5.4.8. Thời hiệu khởi kiện về thừa kế

5.5. Thừa kế theo di chúc

- 5.5.1. Khái niệm di chúc và thừa kế theo di chúc
- 5.5.2. Người lập di chúc
- 5.5.3. Người thừa kế theo di chúc
- 5.5.4. Người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc
- 5.5.5. Các điều kiện có hiệu lực của di chúc
- 5.5.6. Hiệu lực pháp luật của di chúc
- 5.5.7. Di sản dùng vào việc thờ cúng
- 5.5.8. Di tặng

5.6. Thừa kế theo pháp luật

- 5.6.1. Khái niệm thừa kế theo pháp luật
- 5.6.2. Những trường hợp thừa kế theo pháp luật
- 5.6.3. Diện và hàng thừa kế theo pháp luật
- 5.6.4. Thừa kế thế vị

5.7. Thanh toán và phân chia di sản thừa kế

- 5.7.1. Thanh toán các nghĩa vụ tài sản của người chết để lại
- 5.7.2. Phân chia di sản thừa kế
- 5.7.3. Hạn chế phân chia di sản
- 5.7.4. Phân chia di sản trong một số trường hợp cụ thể

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

- [1] Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành
- [2] Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), Giáo trình luật dân sự Việt Nam, Tập I và II, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Mạnh Bách, Luật dân sự Việt Nam lược khảo, NXB. CTQG, Hà Nội, 2004

6.2. Tài liệu tham khảo

- [4] Nguyễn Ngọc Điện, Một số suy nghĩ về thừa kế trong luật dân sự Việt Nam, NXB. Trẻ - Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.
- [5] Phạm Văn Tuyết, Thừa kế - quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng, NXB. CTQG, Hà Nội, 2007

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM VỀ LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM</p> <p>1.1. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự</p> <p>1.1.1. Đối tượng điều chỉnh của Luật Dân sự</p> <p>1.1.2. Phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự</p> <p>1.2. Định nghĩa Luật Dân sự Việt Nam và phân biệt Luật Dân sự với các ngành luật khác</p> <p>1.2.1. Định nghĩa Luật Dân sự Việt Nam</p> <p>1.2.2. Phân biệt Luật Dân sự với các ngành luật khác</p> <p>1.3. Sơ lược lịch sử phát triển của Luật Dân sự Việt Nam</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự Việt Nam - Phân biệt được Luật Dân sự Việt Nam với các ngành luật khác, cho được các ví dụ về Luật Hành chính, hình sự, đất đai 	G1; G2
2	<p>CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM VỀ LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM (TIẾP)</p> <p>1.4. Nguồn của Luật Dân sự Việt Nam</p> <p>1.4.1. Khái niệm và phân loại nguồn của Luật Dân sự</p> <p>1.4.2. Quy phạm pháp luật dân sự</p> <p>1.4.3. Áp dụng Bộ Luật Dân sự, áp dụng tập quán, áp dụng tương tự Luật Dân sự và án lệ, lệ công bằng</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm bắt được các phong tục tập quán và lấy được ví dụ minh họa - Trình bày được án lệ và nêu được một số án lệ điển hình được công bố trong lĩnh vực dân sự - Giải thích được việc áp dụng nguyên tắc và lệ công bằng để bảo vệ 	G1

	<p>1.5. Nhiệm vụ nguyên tắc của Luật Dân sự</p> <p>1.5.1. Nhiệm vụ của Luật Dân sự</p> <p>1.5.2. Những nguyên tắc cơ bản của Luật Dân sự</p>		quyền dân sự cho các chủ thể	
3	<p>CHƯƠNG 2: QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ</p> <p>2.1. Khái niệm về quan hệ pháp luật dân sự</p> <p>2.1.1. Khái niệm pháp luật dân sự và đặc điểm của quan hệ pháp luật dân sự</p> <p>2.1.2. Thành phần của quan hệ pháp luật dân sự</p> <p>2.1.3. Phân loại quan hệ pháp luật dân sự</p> <p>2.1.4. Căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự</p> <p>2.2. Cá nhân - Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự</p> <p>2.2.1. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân</p> <p>2.2.2. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân</p> <p>2.2.3. Giám hộ</p> <p>2.2.4. Nơi cư trú của cá nhân</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật dân sự - Nêu được các tiêu chí phân loại quan hệ pháp luật dân sự và cho ví dụ minh họa - Trình bày được các mức độ năng lực hành vi dân sự của cá nhân - Nắm bắt được các hình thức giám hộ; phân biệt được giám hộ với đại diện theo pháp luật 	G1; G3; G5
4	<p>2.3. Pháp nhân - Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự</p> <p>2.3.1. Khái niệm pháp nhân</p> <p>2.3.2. Địa vị pháp lý và yếu tố lý lịch của pháp nhân</p> <p>2.3.3. Thành lập và chấm dứt pháp nhân</p> <p>2.3.4. Nhà nước trong quan hệ dân sự</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các điều kiện hình thành pháp nhân - Phân loại và nêu được ý nghĩa phân loại pháp nhân - Phân tích và đánh giá được quy định của pháp luật về các 	G3; G4

	<p>2.4. Chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự có sự tham gia của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân</p> <p>2.4.1. Hộ gia đình</p> <p>2.4.2. Tổ hợp tác</p> <p>2.4.3. Các tổ chức khác không có tư cách pháp nhân</p>		<p>tổ chức không có tư cách pháp nhân tham gia vào quan hệ dân sự.</p>	
5	<p>CHƯƠNG 3: GIAO DỊCH DÂN SỰ, ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN, THỜI HIỆU</p> <p>3.1. Giao dịch dân sự</p> <p>3.1.1. Khái niệm, ý nghĩa, phân loại giao dịch dân sự</p> <p>3.1.2. Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự</p> <p>3.1.3. Giao dịch dân sự vô hiệu và hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu</p>	<p>2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng được các quy định của pháp luật về các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự để ký kết các hợp đồng trong thực tiễn - Chỉ ra được các yếu tố khiến cho giao dịch bị vô hiệu và đề xuất được các giải pháp phòng ngừa 	<p>G3 G6;</p>
6	<p>3.2. Đại diện</p> <p>3.2.1. Khái niệm, phân loại đại diện</p> <p>3.2.2. Phạm vi thẩm quyền đại diện</p> <p>3.2.3. Chấm dứt đại diện</p> <p>3.3. Thời hạn</p> <p>3.4 Thời hiệu</p>	<p>2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được mối quan hệ về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ nghĩa vụ - Nêu được các trường hợp khiến cho quan hệ đại diện vô hiệu - Phân biệt được thời hạn và thời hiệu - Đánh giá được các quy định về thời hiệu khởi kiện 	<p>G4; G5</p>

7	<p align="center">CHƯƠNG 4: TÀI SẢN, QUYỀN SỞ HỮU VÀ CÁC QUYỀN KHÁC ĐỐI VỚI TÀI SẢN</p> <p>4.1. Tài sản 4.1.1. Khái niệm tài sản 4.1.2. Phân loại tài sản</p> <p>4.2. Sở hữu, quyền sở hữu, và các quyền khác đối với tài sản 4.2.1. Khái niệm sở hữu, quyền sở hữu, các quyền khác đối với tài sản 4.2.2. Quá trình phát triển của pháp luật về quyền sở hữu ở nước ta</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được các loại tài sản vô hình như quyền tài sản, tài sản ảo - Phân tích được mối quan hệ giữa quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản - Lấy được ví dụ về các quyền khác đối với tài sản. 	G4;G5
8	<p>4.3. Quan hệ pháp luật về quyền sở hữu 4.3.1. Chủ thể quan hệ pháp luật về quyền sở hữu 4.3.2. Khách thể quan hệ pháp luật về quyền sở hữu 4.3.3. Nội dung quan hệ pháp luật về quyền sở hữu</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được hành vi chiếm hữu tài sản với quyền chiếm hữu tài sản - Chỉ ra được mối quan hệ giữa các quyền của chủ sở hữu đối với tài sản 	G5;G6
9	<p>4.4. Các quyền khác đối với tài sản 4.4.1. Quyền đối với bất động sản liền kề 4.4.2. Quyền hưởng dụng 4.4.3. Quyền bề mặt</p> <p>4.5. Căn cứ xác lập và chấm dứt quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản 4.5.1. Căn cứ xác lập 4.5.2. Căn cứ chấm dứt</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt quyền sử dụng tài sản với quyền hưởng dụng tài sản - Phân biệt quyền sử dụng đất với quyền bề mặt - Đánh giá quy định của pháp luật về quyền đối với bất động sản liền kề 	G4; G5; G6
10	<p>4.6. Các hình thức sở hữu 4.6.1. Sở hữu toàn dân 4.6.2. Sở hữu cá nhân</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh và đánh giá được các quy định của BLDS năm 	G5; G6

	4.6.3. Sở hữu chung		2005 với quy định của BLDS năm 2015 về các hình thức sở hữu	
11	<p>4.7. Bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản</p> <p>4.7.1. Khái niệm bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản</p> <p>4.7.2. Các phương thức bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các phương thức bảo vệ quyền sở hữu - So sánh phương thức bảo vệ quyền sở hữu với bảo vệ các quyền khác đối với tài sản 	G4; G5; G6
12	<p>CHƯƠNG 5: THỪA KẾ</p> <p>5.1. Khái niệm thừa kế, quyền thừa kế</p> <p>5.1.1. Khái niệm thừa kế, quyền thừa kế</p> <p>5.1.2. Mối quan hệ giữa quyền thừa kế và quyền sở hữu</p> <p>5.2. Sơ lược quá trình phát triển về quyền thừa kế của Việt Nam</p> <p>5.2.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1995 (BLDS 1995 ban hành)</p> <p>5.2.2. Giai đoạn từ năm 1995 đến năm 2005 (BLDS 2005 ban hành)</p> <p>5.2.3. Giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2015 (BLDS 2015 ban hành)</p> <p>5.2.4. Giai đoạn từ năm 2015 (BLDS 2015 ban hành) đến nay</p> <p>5.3. Các nguyên tắc của thừa kế</p> <p>5.3.1. Khái niệm nguyên tắc của thừa kế</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được bản chất pháp lý của quan hệ thừa kế - Phân biệt được thừa kế với tặng cho tài sản - Lấy được các ví dụ minh họa cho các nguyên tắc của pháp luật thừa kế 	G3; G4; G5; G6

	5.3.2. Nội dung các nguyên tắc của pháp luật thừa kế			
13	<p>5.4. Một số quy định chung về thừa kế</p> <p>5.4.1. Người để lại di sản thừa kế</p> <p>5.4.2. Người thừa kế</p> <p>5.4.3. Thời điểm mở thừa kế, địa điểm mở thừa kế</p> <p>5.4.4. Di sản thừa kế</p> <p>5.4.5. Người quản lý di sản</p> <p>5.4.6. Những người có quyền thừa kế của nhau mà chết cùng một thời điểm</p> <p>5.4.7. Những người không được hưởng di sản</p> <p>5.4.8. Thời hiệu khởi kiện về thừa kế</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được các quy định của pháp luật về các khái niệm cơ bản của pháp luật thừa kế - Đánh giá được các quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện thừa kế; chỉ rõ những trường hợp nào không tính vào thời hiệu khởi kiện về thừa kế; bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện thừa kế 	G5; G6
14	<p>5.5. Thừa kế theo di chúc</p> <p>5.5.1. Khái niệm di chúc và thừa kế theo di chúc</p> <p>5.5.2. Người lập di chúc</p> <p>5.5.3. Người thừa kế theo di chúc</p> <p>5.5.4. Người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc</p> <p>5.5.5. Các điều kiện có hiệu lực của di chúc</p> <p>5.5.6. Hiệu lực pháp luật của di chúc</p> <p>5.5.7. Di sản dùng vào việc thờ cúng</p> <p>5.5.8. Di tặng</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được các hình thức của di chúc - So sánh quy định của BLDS 2005 và 2015 về các loại di chúc - Phân biệt di tặng và di sản dùng vào thờ cúng 	G3; G4
15	<p>5.6. Thừa kế theo pháp luật</p> <p>5.5.1. Khái niệm thừa kế theo pháp luật</p> <p>5.6.2. Những trường hợp thừa kế theo pháp luật</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy ví dụ về các trường hợp thừa kế theo pháp luật - Phân biệt thừa kế thế vị và thừa kế chuyển tiếp 	G5; G6

5.6.3. Diện và hàng thừa kế theo pháp luật 5.6.4. Thừa kế thế vị 5.7. Thanh toán và phân chia di sản thừa kế 5.7.1. Thanh toán các nghĩa vụ tài sản của người chết để lại 5.7.2. Phân chia di sản thừa kế 5.7.3. Hạn chế phân chia di sản 5.7.4. Phân chia di sản trong một số trường hợp cụ thể	- Giải thích được thứ tự thanh toán di sản thừa kế - Phân chia được di sản thừa kế có thừa kế thế vị, có những người được thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc
---	---

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học các môn Luật hành chính, lý luận chung về nhà nước và pháp luật.

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Trương Thị Tường Vi

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT DÂN SỰ 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): LUẬT DÂN SỰ HỌC PHẦN 2 (tiếng Anh): CIVIL LAW MODUL 2	
- Mã số học phần: 843030	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần học trước:	Luật Dân sự 1 (843029)
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Nội dung Luật Dân sự (module 2) tiếp tục cung cấp cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực dân sự trên cơ sở những nội dung của môn Luật Dân sự modul 1. Đó là những kiến thức về nghĩa vụ và hợp đồng, trách nhiệm dân sự trong và ngoài hợp đồng – có tính ứng dụng cao trong đời sống xã hội, giúp cho các chủ thể nhận thức đầy đủ và có những phương thức để bảo vệ quyền dân sự của mình một cách tốt nhất.

Môn học luật dân sự (module 2) trang bị kiến thức cho sinh viên về những nội dung như: Khái niệm chung về nghĩa vụ; căn cứ xác lập, chấm dứt, thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ; các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; quy định chung về hợp đồng; xác định khái niệm, đặc điểm, chủ thể, đối tượng, nội dung của các loại hợp đồng thông dụng như hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu tài sản; hợp đồng chuyển quyền sử dụng tài sản; hợp đồng có đối tượng là công việc và một số hợp đồng thông dụng khác. Nghĩa vụ ngoài hợp đồng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp

đồng, bồi thường thiệt hại do hành vi của con người gây ra và bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Hiểu được khái niệm, đặc điểm, các loại nghĩa vụ, căn cứ phát sinh, chấm dứt nghĩa vụ, thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm dân sự, chuyển giao quyền và chuyển giao nghĩa vụ;
- Hiểu được khái niệm, đặc điểm các quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;
- Hiểu được khái niệm hợp đồng, hình thức, nội dung của hợp đồng, giao kết hợp đồng, hiệu lực của hợp đồng, thực hiện, sửa đổi và chấm dứt hợp đồng;
- Hiểu được cách phân loại hợp đồng dân sự và nội dung cơ bản của các hợp đồng dân sự cụ thể;
- Hiểu được khái niệm, điều kiện phát sinh, nguyên tắc bồi thường, năng lực chịu trách nhiệm bồi thường của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, cách xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể.

Về kỹ năng:

- Vận dụng được các quy định của pháp luật về nghĩa vụ, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, hợp đồng, nghĩa vụ ngoài hợp đồng cũng như trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế;
- Phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật về nghĩa vụ và hợp đồng nói chung.

Về thái độ:

- Tích cực nâng cao trình độ nhận thức pháp luật về nghĩa vụ, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, hợp đồng, nghĩa vụ ngoài hợp đồng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;
- Khách quan trong việc đánh giá các quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ và hợp đồng nói chung cũng như việc vận dụng quy định của pháp luật về nghĩa vụ và hợp đồng vào thực tiễn giải quyết tranh chấp.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm và đặc điểm nghĩa vụ, hợp đồng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2
G2	Hiểu được các loại nghĩa vụ; các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; các loại hợp đồng thông dụng, trách nhiệm	4

	pháp lý khi vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	
G3	Áp dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tranh chấp về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, các tranh chấp hợp đồng thông dụng, các vụ việc liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2
G4	Phân tích được các quy định của pháp luật về quyền của các chủ thể trong quan hệ hợp đồng và ngoài hợp đồng; việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng; việc chấm dứt hợp đồng thông qua huỷ bỏ hay đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng;	3
G5	Đánh giá được các quy định của pháp luật về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ có tính vật quyền và tính trái quyền; về việc thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản	4
G6	Lập được hợp đồng cho các trường hợp cụ thể; giải quyết được tranh chấp phát sinh có liên quan đến hành vi vi phạm hợp đồng và hành vi gây thiệt hại ngoài hợp đồng	2

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGHĨA VỤ

1.6. Khái niệm và đặc điểm của nghĩa vụ

1.6.1. Khái niệm nghĩa vụ

1.6.2. Đặc điểm của nghĩa vụ

1.7. Căn cứ phát sinh, chấm dứt nghĩa vụ

1.7.1. Căn cứ phát sinh nghĩa vụ

1.7.2. Căn cứ chấm dứt nghĩa vụ

1.8. Quan hệ pháp luật về nghĩa vụ

1.8.1. Chủ thể của quan hệ nghĩa vụ

1.8.2. Khách thể của quan hệ nghĩa vụ

1.8.3. Nội dung của quan hệ nghĩa vụ

1.9. Phân loại nghĩa vụ

1.9.1. Căn cứ vào nguồn gốc phát sinh nghĩa vụ

1.9.2. Căn cứ vào đối tượng của nghĩa vụ

1.9.3. Căn cứ vào phạm vi chủ thể trong quan hệ nghĩa vụ

1.9.4. Căn cứ vào mối liên hệ phụ thuộc giữa các nghĩa vụ

1.10. Thực hiện nghĩa vụ

1.10.1. Khái niệm và nguyên tắc của thực hiện nghĩa vụ

1.10.2. Nội dung cụ thể của thực hiện nghĩa vụ

1.11. Trách nhiệm dân sự

1.11.1. Khái niệm trách nhiệm dân sự

1.11.2. Căn cứ phát sinh trách nhiệm dân sự

1.11.3. Nội dung của trách nhiệm dân sự

1.12. Chuyển giao yêu cầu và chuyển giao nghĩa vụ

1.12.1. Chuyển giao yêu cầu

1.12.2. Chuyển giao nghĩa vụ dân sự

CHƯƠNG 2: HỢP ĐỒNG

2.1. Khái quát chung về hợp đồng

2.1.1. Khái niệm hợp đồng

2.1.2. Phân loại hợp đồng

2.1.3. Nội dung hợp đồng

2.1.4. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và hợp đồng vô hiệu

2.1.5. Giải thích hợp đồng

2.1.6. Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng

2.2. Giao kết hợp đồng

2.2.1. Nguyên tắc giao kết hợp đồng

2.2.2. Quá trình giao kết hợp đồng

2.2.3. Địa điểm, thời điểm giao kết và thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng

2.3. Thực hiện hợp đồng

2.3.1. Khái niệm và nguyên tắc thực hiện hợp đồng

2.3.2. Nội dung thực hiện hợp đồng

2.3.3. Sửa đổi và chấm dứt thực hiện hợp đồng

CHƯƠNG 3: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ

3.1. Khái quát chung về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ

3.1.1. Khái niệm và đặc điểm của các biện pháp bảo đảm

3.1.2. Đối tượng của các biện pháp bảo đảm

3.1.3. Hình thức của các biện pháp bảo đảm

3.1.4. Đăng ký các biện pháp bảo đảm

3.1.5. Phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm

3.1.6. Tài sản bảo đảm

3.1.7. Hiệu lực của các biện pháp bảo đảm

3.1.8. Chấm dứt các biện pháp bảo đảm

3.1.9. Xử lý tài sản bảo đảm

3.2. Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cụ thể

3.2.1. Biện pháp cầm cố tài sản

3.2.2. Biện pháp thế chấp tài sản

- 3.2.3. Biện pháp bảo lãnh
- 3.2.4. Biện pháp đặt cọc
- 3.2.5. Biện pháp bảo lưu quyền sở hữu
- 3.2.6. Biện pháp cầm giữ tài sản
- 3.2.7. Biện pháp kỹ quỹ, ký cược, tín chấp

CHƯƠNG 4: CÁC HỢP ĐỒNG THÔNG DỤNG

4.1. Hợp đồng thông dụng có đối tượng là tài sản

- 4.1.1. Hợp đồng mua bán tài sản
- 4.1.2. Hợp đồng tặng cho tài sản
- 4.1.3. Hợp đồng vay tài sản
- 4.1.4. Hợp đồng thuê tài sản
- 4.1.5. Hợp đồng mượn tài sản

4.2. Hợp đồng thông dụng có đối tượng là công việc phải làm

- 4.2.1. Hợp đồng dịch vụ
- 4.2.2. Hợp đồng vận chuyển
- 4.2.3. Hợp đồng gia công
- 4.2.4. Hợp đồng gửi giữ tài sản
- 4.2.5. Hợp đồng uỷ quyền
- 4.2.6. Hợp đồng hợp tác

CHƯƠNG 5: HÀNH VI PHÁP LÝ ĐƠN PHƯƠNG

5.1. Thực hiện công việc không có uỷ quyền

- 5.1.1. Khái niệm
- 5.1.2. Điều kiện phát sinh nghĩa vụ thực hiện công việc không có uỷ quyền
- 5.1.3. Nội dung của thực hiện công việc không có uỷ quyền

5.2. Nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng và được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật

5.2.1. Khái niệm nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng và được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật

5.2.2. Nội dung của nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng và được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật

5.3. Hứa thưởng và thi có giải

- 5.3.1. Hứa thưởng
- 5.3.2. Thi có giải

CHƯƠNG 6: TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG

6.1. Khái quát chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

- 6.1.1. Khái niệm
- 6.1.2. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại

- 6.1.3. Điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại
- 6.1.4. Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường của cá nhân
- 6.1.5. Thời hiệu khởi kiện về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

6.2. Xác định thiệt hại

- 6.2.1. Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm
- 6.2.2. Thiệt hại do sức khoẻ bị xâm hại
- 6.2.3. Thiệt hại do tính mạng bị xâm hại
- 6.2.4. Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại

6.3. Bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể

- 6.3.1. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng
- 6.3.2. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết
- 6.3.3. Bồi thường thiệt hại do người dùng chất kích thích gây ra
- 6.3.4. Bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân gây ra
- 6.3.5. Bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra
- 6.3.6. Bồi thường thiệt hại do người dưới mười lăm tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự gây ra trong thời gian trường học, bệnh viện, pháp nhân khác trực tiếp quản lý
- 6.3.7. Bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra
- 6.3.8. Bồi thường thiệt hại do cây cối gây ra
- 6.3.9. Bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra
- 6.3.10. Bồi thường thiệt hại nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra
- 6.3.11. Bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền lợi của người tiêu dùng

CHƯƠNG 7: HỢP ĐỒNG VỀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

7.1. Khái quát chung về chuyển quyền sử dụng đất

- 7.1.1. Khái niệm và đặc điểm của chuyển quyền sử dụng đất
- 7.1.2. Nguyên tắc chuyển quyền sử dụng đất
- 7.1.3. Điều kiện chuyển quyền sử dụng đất
- 7.1.4. Hình thức và hiệu lực của hợp đồng về quyền sử dụng đất
- 7.1.5. Giá chuyển quyền sử dụng đất

7.2. Các hợp đồng về quyền sử dụng đất cụ thể

- 7.2.1. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất
- 7.2.2. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất
- 7.2.3. Hợp đồng trao đổi quyền sử dụng đất
- 7.2.4. Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất
- 7.2.5. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

CHƯƠNG 8: PHÁP LUẬT ÁP DỤNG ĐỐI VỚI QUAN HỆ DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

8.1. Khái niệm quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài

8.2. Áp dụng pháp luật dân sự Việt Nam, pháp luật nước ngoài, điều ước quốc tế và tập quán quốc tế

8.3. Những quy định cụ thể

- 8.3.1. Thời hiệu
- 8.3.2. Pháp luật đối với cá nhân và pháp nhân
- 8.3.3. Pháp luật đối với quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

- [1] Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành
- [2] Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), Giáo trình luật dân sự Việt Nam, Tập I và II, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Mạnh Bách, Luật dân sự Việt Nam lược khảo, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2004

6.2. Tài liệu tham khảo

- [4] Phạm Văn Tuyết (chủ biên) Hướng dẫn môn học Luật Dân sự 2 (tập 2), Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2017.
- [5] Vũ Thị Hồng Yến, Sách chuyên khảo: Tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, NXB Chính trị quốc gia, 2017.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGHĨA VỤ 1.1. Khái niệm và đặc điểm của nghĩa vụ 1.1.1. Khái niệm nghĩa vụ 1.1.2. Đặc điểm của nghĩa vụ 1.2. Căn cứ phát sinh, chấm dứt nghĩa vụ 1.2.1. Căn cứ phát sinh nghĩa vụ 1.2.2. Căn cứ chấm dứt nghĩa vụ 1.3. Quan hệ pháp luật về nghĩa vụ 1.3.1. Chủ thể của quan hệ nghĩa vụ		- Phân tích được tính đối nhân và đối vật trong quan hệ nghĩa vụ - Lấy được các ví dụ về các căn cứ phát sinh nghĩa vụ - Nêu tên được các loại nghĩa vụ; phân biệt nghĩa vụ liên đới và nghĩa vụ riêng rẽ; nghĩa vụ hoàn lại và nghĩa vụ bổ sung; nghĩa vụ chính và nghĩa vụ phụ	

	<p>1.3.2. Khách thể của quan hệ nghĩa vụ</p> <p>1.3.3. Nội dung của quan hệ nghĩa vụ</p> <p>1.4. Phân loại nghĩa vụ</p> <p>1.4.1. Căn cứ vào nguồn gốc phát sinh nghĩa vụ</p> <p>1.4.2. Căn cứ vào đối tượng của nghĩa vụ</p> <p>1.4.3. Căn cứ vào phạm vi chủ thể trong quan hệ nghĩa vụ</p> <p>1.4.4. Căn cứ vào mối liên hệ phụ thuộc giữa các nghĩa vụ</p>			
2	<p>1.5. Thực hiện nghĩa vụ</p> <p>1.5.1 Khái niệm và nguyên tắc của thực hiện nghĩa vụ</p> <p>1.5.2 Nội dung cụ thể của thực hiện nghĩa vụ</p> <p>1.6. Trách nhiệm dân sự</p> <p>1.6.1. Khái niệm trách nhiệm dân sự</p> <p>1.6.2. Căn cứ phát sinh trách nhiệm dân sự</p> <p>1.6.3. Nội dung của trách nhiệm dân sự</p> <p>1.7. Chuyển giao yêu cầu và chuyển giao nghĩa vụ</p> <p>1.7.1. Chuyển giao yêu cầu</p> <p>1.7.2. Chuyển giao nghĩa vụ dân sự</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt nghĩa vụ dân sự với trách nhiệm dân sự - Phân biệt chuyển giao nghĩa vụ với thực hiện nghĩa vụ thông qua người thứ ba - Phân biệt chuyển giao quyền yêu cầu với uỷ quyền 	G1
3	<p>CHƯƠNG 2: HỢP ĐỒNG</p> <p>2.1. Khái quát chung về hợp đồng</p> <p>2.1.1. Khái niệm hợp đồng</p> <p>2.1.2. Phân loại hợp đồng</p> <p>2.1.3. Nội dung hợp đồng</p> <p>2.1.4. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và hợp đồng vô hiệu</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt hợp đồng và hành vi pháp lý đơn phương - Phân biệt các điều kiện có hiệu lực của giao dịch với các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng 	G1; G3; G5

	<p>2.1.5. Giải thích hợp đồng</p> <p>2.1.6. Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng</p> <p>2.2. Giao kết hợp đồng</p> <p>2.2.1. Nguyên tắc giao kết hợp đồng</p> <p>2.2.2. Quá trình giao kết hợp đồng</p> <p>2.2.3. Địa điểm, thời điểm giao kết và thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng</p> <p>2.3. Thực hiện hợp đồng</p> <p>2.3.1. Khái niệm và nguyên tắc thực hiện hợp đồng</p> <p>2.3.2. Nội dung thực hiện hợp đồng</p> <p>2.3.3. Sửa đổi và chấm dứt thực hiện hợp đồng</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ về các trường hợp giải thích hợp đồng - Nêu được ý nghĩa của việc xác định thời điểm giao kết hợp đồng với thời điểm có hiệu lực của hợp đồng - Phân tích được trường hợp thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản 	
4	<p>CHƯƠNG 3: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ</p> <p>3.1. Khái quát chung về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ</p> <p>3.1.1. Khái niệm và đặc điểm của các biện pháp bảo đảm</p> <p>3.1.2. Đối tượng của các biện pháp bảo đảm</p> <p>3.1.3. Hình thức của các biện pháp bảo đảm</p> <p>3.1.4. Đăng ký các biện pháp bảo đảm</p> <p>3.1.5. Phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm</p> <p>3.1.6. Tài sản bảo đảm</p> <p>3.1.7. Hiệu lực của các biện pháp bảo đảm</p> <p>3.1.8. Chấm dứt các biện pháp bảo đảm</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích tính chất đối vật của các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ - Nêu các phương thức đăng ký các biện pháp bảo đảm - Nêu các loại hiệu lực của các biện pháp bảo đảm - Phân tích được các điều kiện của tài sản bảo đảm và các phương thức xử lý tài sản bảo đảm - Cho ý kiến về xác định thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm 	G3; G4

	3.1.9. Xử lý tài sản bảo đảm			
5	3.2. Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cụ thể 3.2.1. Biện pháp cầm cố tài sản 3.2.2. Biện pháp thế chấp tài sản 3.2.3. Biện pháp đặt cọc	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	- Phân biệt được biện pháp cầm cố và biện pháp thế chấp tài sản	G6; G4
6	3.2.4. Biện pháp bảo lãnh 3.2.5. Biện pháp bảo lưu quyền sở hữu 3.2.6. Biện pháp cầm giữ tài sản 3.2.7. Biện pháp kỹ quỹ, ký cược, tín chấp		- Phân biệt được biện pháp bảo lãnh và biện pháp tín chấp - Nếu được các đặc điểm riêng của biện pháp bảo lưu quyền sở hữu và biện pháp cầm giữ tài sản	
7	CHƯƠNG 4: CÁC HỢP ĐỒNG THÔNG DỤNG 4.1. Hợp đồng thông dụng có đối tượng là tài sản 4.1.1. Hợp đồng mua bán tài sản 4.1.2. Hợp đồng tặng cho tài sản 4.1.3. Hợp đồng vay tài sản 4.1.4. Hợp đồng thuê tài sản 4.1.5. Hợp đồng mượn tài sản	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	- Nêu được các hình thức mua bán tài sản đặc thù: mua với điều kiện chuộc lại, mua trả chậm, trả dần; mua bán đấu giá - Phân tích các yếu tố pháp lý của hợp đồng tặng cho có điều kiện - Phân tích các loại lãi và cách tính lãi của hợp đồng vay tài sản - Phân biệt hợp đồng thuê tài sản và hợp đồng thuê khoán tài sản	G5

8	<p>4.2. Hợp đồng thông dụng có đối tượng là công việc phải làm</p> <p>4.2.1. Hợp đồng dịch vụ</p> <p>4.2.2. Hợp đồng vận chuyển</p> <p>4.2.3. Hợp đồng gia công</p> <p>4.2.4. Hợp đồng gửi giữ tài sản</p> <p>4.2.5. Hợp đồng uỷ quyền</p> <p>4.2.6. Hợp đồng ợp tác</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đặc điểm pháp lý của hợp đồng dịch vụ; lấy ví dụ về hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật - Nêu được nội dung cơ bản của các hợp đồng cụ thể - Nêu được các loại hợp đồng hợp tác; nêu được mối quan hệ giữa hợp đồng hợp tác với sự hình thành tổ hợp tác 	G3; G5
9	<p>CHƯƠNG 5: HÀNH VI PHÁP LÝ ĐƠN PHƯƠNG</p> <p>5.1. Thực hiện công việc không có uỷ quyền</p> <p>5.1.1. Khái niệm</p> <p>5.1.2. Điều kiện phát sinh nghĩa vụ thực hiện công việc không có uỷ quyền</p> <p>5.1.3. Nội dung của thực hiện công việc không có uỷ quyền</p> <p>5.2. Nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng và được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật</p> <p>5.2.1. Khái niệm nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng và được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật</p> <p>5.2.2. Nội dung của nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng và được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật</p> <p>5.3. Hứa thưởng và thi có giải</p> <p>5.3.1. Hứa thưởng</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các điều kiện hình thành quan hệ thực hiện công việc không có uỷ quyền - Phân biệt được nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật với nghĩa vụ hoàn trả do giao dịch dân sự vô hiệu - Lấy được ví dụ về hứa thưởng và thi có giải 	G5

	5.3.2. Thi có giải			
10	<p align="center">CHƯƠNG 6: TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG</p> <p>6.1. Khái quát chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng</p> <p>6.1.1. Khái niệm</p> <p>6.1.2. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại</p> <p>6.1.3. Điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại</p> <p>6.1.4. Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường của cá nhân</p> <p>6.1.5. Thời hiệu khởi kiện về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng</p> <p>6.2. Xác định thiệt hại</p> <p>6.2.1. Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm</p> <p>6.2.2. Thiệt hại do sức khoẻ bị xâm hại</p> <p>6.2.3. Thiệt hại do tính mạng bị xâm hại</p> <p>6.2.4. Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hợp đồng - Đánh giá yếu tố lỗi trong các điều kiện làm phát sinh trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng - Phân tích cách xác định các loại thiệt hại và cho được ví dụ. 	G1; G4
11	<p>6.3. Bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể</p> <p>6.3.1. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng</p> <p>6.3.2. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết</p> <p>6.3.3. Bồi thường thiệt hại do người dùng chất kích thích gây ra</p> <p>6.3.4. Bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân gây ra</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi trường hợp cần phải xác định được các điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường và lấy được một vụ việc thực tế để minh chứng - Phân tích được quy định của Luật bồi thường của nhà nước và chỉ ra mối quan hệ 	G1; G3

	<p>6.3.5. Bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra</p> <p>6.3.6. Bồi thường thiệt hại do người dưới mười lăm tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự gây ra trong thời gian trường học, bệnh viện, pháp nhân khác trực tiếp quản lý</p>		giữa BLDS với luật này	
12	<p>6.3.7. Bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra</p> <p>6.3.8. Bồi thường thiệt hại do cây cối gây ra</p> <p>6.3.9. Bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra</p> <p>6.3.10. Bồi thường thiệt hại nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra</p> <p>6.3.11. Bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền lợi của người tiêu dùng</p>		<p>- Phân biệt trách nhiệm BTTH do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra với trách nhiệm BTTH do hành vi trái pháp luật có liên quan đến nguồn nguy hiểm cao độ gây ra</p> <p>- Mỗi trường hợp lấy được ví dụ minh họa và đánh giá được các quy định của pháp luật</p>	
13	<p>CHƯƠNG 7: HỢP ĐỒNG VỀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT</p> <p>7.1. Khái quát chung về chuyển quyền sử dụng đất</p> <p>7.1.1. Khái niệm và đặc điểm của chuyển quyền sử dụng đất</p> <p>7.1.2. Nguyên tắc chuyển quyền sử dụng đất</p> <p>7.1.3. Điều kiện chuyển quyền sử dụng đất</p> <p>7.1.4. Hình thức và hiệu lực của hợp đồng về quyền sử dụng đất</p> <p>7.1.5. Giá chuyển quyền sử dụng đất</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<p>- Phân tích mối quan hệ giữa Bộ luật Dân sự với các quy định của pháp luật đất đai ảnh hưởng đến các hợp đồng về quyền sử dụng đất</p>	G12
14	<p>7.2. Các hợp đồng về quyền sử dụng đất cụ thể</p> <p>7.2.1 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<p>- Mỗi hợp đồng cho một ví dụ cụ thể và có những đánh giá cụ thể</p>	G11; G13

	7.2.2. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất 7.2.3. Hợp đồng trao đổi quyền sử dụng đất 7.2.4. Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất 7.2.5. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất		các quy định của pháp luật có liên quan	
15	CHƯƠNG 8: PHÁP LUẬT ÁP DỤNG ĐỐI VỚI QUAN HỆ DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI 8.1. Khái niệm quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài 8.2. Áp dụng pháp luật dân sự Việt Nam, pháp luật nước ngoài, điều ước quốc tế và tập quán quốc tế 8.3. Những quy định cụ thể 8.3.1. Thời hiệu 8.3.2. Pháp luật đối với cá nhân và pháp nhân 8.3.3. Pháp luật đối với quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	- Làm rõ đặc thù của các quy định của BLDS có yếu tố nước ngoài	G3; G4

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học các môn Luật Dân sự 1.

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.5	

1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Trương Thị Tường Vi

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật Tố tụng dân sự (tiếng Anh): Civil Procedure Code	
- Mã số học phần: 843309 (843101)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	3
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	30
+ Số tiết thực hành:	15
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Luật Dân sự 2 (843030); Luật Thương mại 2 (843308)
- Học phần song hành (nếu có):	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Người học nhận thức được tầm quan trọng của học phần, từ đó tiếp tục nghiên cứu về quy trình giải quyết vụ án dân sự, giải quyết việc dân sự tại Tòa án nhân dân. Phân biệt được vụ án dân sự và việc dân sự. Hiểu được trình tự, thủ tục giải quyết của hai loại vụ việc này tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Người học hiểu được những nội dung cơ bản của Luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự (trong đó có vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động). Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự (trong đó có trình tự, thẩm quyền, thủ tục giải quyết một số vụ việc dân sự cụ thể).

Về kỹ năng: Người học biết được các kỹ năng trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự như: Kỹ năng thụ lý vụ án; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án; kỹ năng thu thập, nghiên cứu và đánh giá chứng cứ trong tố tụng dân sự; kỹ năng điều khiển phiên toà sơ thẩm; cách bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

Về thái độ: Hình thành cho người học tư duy logic, khơi gợi tư duy sáng tạo trong hoạt động nghiên cứu và học tập; có tinh thần làm việc nhóm và khả năng giải quyết vấn đề, hiểu biết hơn về vai trò của cơ quan tiến hành tố tụng dân sự.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm và ví dụ về: Nhiệm vụ và các nguyên tắc của Luật Tố tụng dân sự (TTDS); Đối tượng điều chỉnh; Phương pháp điều chỉnh; Nguồn gốc của Luật TTDS	2
G2	Trình bày được khái niệm và ví dụ về: Khái niệm và cơ sở phân định thẩm quyền của Toà án; Thẩm quyền dân sự của Toà án theo loại việc; Thẩm quyền dân sự của Toà án các cấp và thẩm quyền của Toà án theo lãnh thổ;	2
G3	Biết được cách xác định thẩm quyền của Tòa án và chuyển vụ việc cho Tòa án khác, giải quyết tranh chấp về thẩm quyền, nhập và tác vụ án dân sự	3
G4	Trình bày được khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật Tố tụng dân sự và cho ví dụ để xác định chủ thể, khách thể và nội dung của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự	2
G5	Trình bày được: Cơ sở lý luận của chứng cứ; Khái niệm, đặc điểm của chứng cứ; Nguồn chứng cứ, biết cách phân loại chứng cứ	2
G6	Trình bày được: Khái niệm và ý nghĩa của chứng minh trong tố tụng dân sự. Xác định được: Chủ thể chứng minh; Đối tượng chứng minh trong vụ việc dân sự; Những sự kiện, tình tiết không phải chứng minh và các hoạt động chứng minh	3
G7	Trình bày được khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và phân loại biện pháp khẩn cấp tạm thời; Áp dụng được các quy định của pháp luật để xác định được chủ thể có quyền yêu cầu; Thẩm quyền quyết định và thủ tục yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời	3

G8	Trình bày được khái niệm, ý nghĩa và các loại án phí, lệ phí; Mức án phí, lệ phí; Nghĩa vụ chịu án phí, lệ phí; Tạm ứng án phí, lệ phí; Những trường hợp không phải nộp, miễn nộp toàn bộ hoặc miễn nộp một phần tạm ứng án phí, lệ phí.	2
G9	Biết được các chi phí trong tố tụng như: Chi phí giám định; Chi phí định giá tài sản; Chi phí làm chứng; Chi phí phiên dịch; Chi phí luật sư; Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.	3
G10	Biết cách xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng, khiếu nại và tố cáo trong tố tụng dân sự, xác định được quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, của người bị khiếu nại; trình tự giải quyết khiếu nại trong tố tụng dân sự; Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo	3
G11	Biết chuẩn bị hồ sơ khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền; Biết được Trình tự, thủ tục thụ lý vụ án dân sự	3
G12	Biết được các công việc chuẩn bị xét xử vụ án dân sự; Biết tiến hành phiên họp hòa giải vụ án dân sự; Biết được các căn cứ tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và hậu quả pháp lý của các quyết định đó.	3
G13	Biết tiến hành tổ chức một phiên tòa dân sự sơ thẩm	3
G15	Biết tiến hành thủ tục phúc thẩm, các công việc chuẩn bị mở phiên tòa phúc thẩm và tham gia được các vai trò của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng hoặc những người tham gia tố tụng khác.	3
G15	Biết được các thủ tục đặc biệt trong tố tụng dân sự	3
G16	Biết cách phân tích một bản án	4
G17	Biết đánh giá chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. NHIỆM VỤ VÀ NGUYÊN TẮC CỦA LUẬT TTDS

1.1. Khái niệm và nguồn của Luật TTDS

1.1.1. Khái niệm vụ việc dân sự, tố tụng dân sự và Luật TTDS

1.1.2. Nguồn của Luật Tố tụng dân sự

1.2. Đối tượng và phương điều chỉnh của Luật TTDS

1.2.1. Đối tượng điều chỉnh

1.2.2. Phương pháp điều chỉnh

1.3. Vai trò, nhiệm vụ và sự phát triển của Luật TTDS

- 1.3.1. Vai trò
- 1.3.2. Nhiệm vụ

1.4. Các nguyên tắc của Luật Tố tụng dân sự

- 1.4.1. Khái niệm nguyên tắc của Luật Tố tụng dân sự
- 1.4.2. Nội dung các nguyên tắc của Luật Tố tụng dân sự

CHƯƠNG 2. THẨM QUYỀN DÂN SỰ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN

2.1. Khái niệm và cơ sở phân định thẩm quyền của Tòa án

- 2.1.1. Khái niệm thẩm quyền dân sự của Tòa án
- 2.1.2. Cơ sở phân định thẩm quyền dân sự của Tòa án

2.2. Thẩm quyền dân sự của Tòa án theo loại việc

- 2.2.1. Khái niệm thẩm quyền dân sự của Tòa án theo loại việc
- 2.2.2. Nội dung thẩm quyền dân sự của Tòa án theo loại việc

2.3. Thẩm quyền dân sự của Tòa án các cấp và thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ

- 2.3.1. Thẩm quyền dân sự của Tòa án các cấp
- 2.3.2. Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ

2.4. Chuyển vụ việc cho Tòa án khác, giải quyết tranh chấp về thẩm quyền, nhập và tách vụ án dân sự

- 2.4.1. Chuyển vụ việc cho Tòa án khác, giải quyết tranh chấp về thẩm quyền
- 2.4.2. Nhập và tách vụ án dân sự

CHƯƠNG 3. QUAN HỆ PHÁP LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ

3.1. Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự

- 3.1.1. Khái niệm của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự
- 3.1.2. Đặc điểm của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự

3.2. Chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự

- 3.2.1. Khái quát về chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự
- 3.2.2. Cơ quan, tổ chức tiến hành tố tụng dân sự và người tiến hành TTDS
- 3.2.3. Người tham gia tố tụng dân sự

3.3. Khách thể và nội dung của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự

- 3.3.1. Khách thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự
- 3.3.2. Nội dung của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự

CHƯƠNG 4. CHỨNG CỨ VÀ CHỨNG MINH TRONG TTDS

4.1. Chứng cứ trong tố tụng dân sự

- 4.1.1. Cơ sở lý luận của chứng cứ

4.1.2. Khái niệm, đặc điểm của chứng cứ

4.1.3. Phân loại chứng cứ

4.1.4. Nguồn chứng cứ

4.2. Chứng minh trong tố tụng dân sự

4.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của chứng minh trong TTDS

4.2.2. Chủ thể chứng minh

4.2.3. Đối tượng chứng minh trong vụ việc dân sự

4.2.4. Những sự kiện, tình tiết không phải chứng minh

4.2.5. Các hoạt động chứng minh

CHƯƠNG 5. CÁC BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI

5.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và phân loại biện pháp khẩn cấp tạm thời

5.2. Quyền yêu cầu, Thẩm quyền quyết định và thủ tục yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

5.3. Thực hiện biện pháp bảo đảm và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

CHƯƠNG 6. ÁN PHÍ, LỆ PHÍ TỐ TỤNG

6.1. Án phí và lệ phí

6.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và các loại án phí, lệ phí

6.1.2. Mức án phí, lệ phí

6.1.3. Tạm ứng án phí, lệ phí

6.1.4. Nghĩa vụ chịu án phí, lệ phí

6.1.5. Những trường hợp không phải nộp, miễn nộp toàn bộ hoặc miễn nộp một phần tạm ứng án phí, lệ phí

6.2. Chi phí tố tụng

6.2.1. Chi phí giám định

6.2.2. Chi phí định giá tài sản

6.2.3. Chi phí làm chứng

6.2.4. Chi phí phiên dịch

6.2.5. Chi phí luật sư

CHƯƠNG 7. XỬ LÝ CÁC HÀNH VI CẢN TRỞ HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG TTDS

7.1. Xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng

7.1.1. Hành vi cản trở hoạt động tố tụng

7.1.2. Xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng

7.2. Khiếu nại trong hoạt động tố tụng dân sự

- 7.2.1. Khái niệm khiếu nại trong hoạt động tố tụng dân sự
- 7.2.2. Quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, của người bị khiếu nại
- 7.2.3. Giải quyết khiếu nại trong tố tụng dân sự

7.3. Tố cáo trong tố tụng dân sự

- 7.3.1. Khái niệm tố cáo trong tố tụng dân sự
- 7.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo

CHƯƠNG 8. THỦ TỤC SƠ THẨM

8.1. Khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự

- 8.1.1. Khởi kiện vụ án dân sự
- 8.1.2. Thụ lý vụ án dân sự

8.2. Chuẩn bị xét xử và hoà giải vụ án dân sự

- 8.2.1. Chuẩn bị xét xử vụ án dân sự
- 8.2.2. Hoà giải vụ án dân sự

8.3. Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự

- 8.3.1. Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự
- 8.3.2. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự

8.4. Phiên toà sơ thẩm vụ án dân sự

- 8.4.1. Khái niệm phiên toà sơ thẩm vụ án dân sự
- 8.4.2. Chuẩn bị khai mạc phiên toà và thủ tục tiến hành phiên toà sơ thẩm

CHƯƠNG 9. THỦ TỤC PHỨC THẨM

9.1. Khái niệm và ý nghĩa của thủ tục phúc thẩm vụ án dân sự

- 9.1.1. Khái niệm thủ tục phúc thẩm vụ án dân sự
- 9.1.2. Ý nghĩa của thủ tục phúc thẩm vụ án dân sự

9.2. Kháng cáo và kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

- 9.2.1. Người có quyền kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm
- 9.2.2. Đối tượng kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm
- 9.2.3. Thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm
- 9.2.4. Hình thức kháng cáo, kháng nghị và thay đổi, bổ sung, rút KC, KN
- 9.2.5. Thông báo KC, KN và việc nộp tiền tạm ứng án phí PT
- 9.2.6. Hậu quả của KC, KN và gửi hồ sơ cho Toà án cấp phúc thẩm

9.3. Thụ lý, chuẩn bị xét xử phúc thẩm và gửi bản án, quyết định phúc thẩm

CHƯƠNG 10. THỦ TỤC ĐẶC BIỆT TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ

10.1. Khái niệm và ý nghĩa của giám đốc thẩm và tái thẩm dân sự

10.2. Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm dân sự

- 10.2.1. Người có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm

10.2.2. Đối tượng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm

10.2.3. Căn cứ kháng nghị và thời hạn kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm

10.2.4. Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm và giải quyết kháng nghị

10.3. Xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm dân sự

10.3.1. Thẩm quyền giám đốc thẩm, tái thẩm dân sự

10.3.2. Chuẩn bị xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm dân sự

10.3.3. Phạm vi giám đốc thẩm, tái thẩm

10.3.4. Những người tham gia phiên toà giám đốc thẩm, tái thẩm

10.3.5. Thủ tục tiến hành phiên toà và quyền của hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm

10.4. Thủ tục xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán tối cao

CHƯƠNG 11. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

11.1. Thẩm quyền của Toà án về giải quyết việc dân sự

11.1.1. Thẩm quyền chung

11.1.2. Thẩm quyền theo cấp xét xử

11.1.3. Thẩm quyền theo lãnh thổ và theo sự lựa chọn của người yêu cầu

11.2. Nguyên tắc, thành phần giải quyết việc dân sự

11.3. Thủ tục giải quyết việc dân sự

11.3.1. Nội dung đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự

11.3.2. Thụ lý đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự

11.3.3. Những người tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự

11.3.4. Chuẩn bị mở phiên họp giải quyết việc dân sự

11.3.5. Thủ tục tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự

11.3.6. Ra quyết định giải quyết việc dân sự.

11.4. Phúc thẩm giải quyết việc dân sự

11.4.1. Kháng cáo, kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự

11.4.2. Thủ tục giải quyết việc dân sự

CHƯƠNG 12. THỦ TỤC GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ CỤ THỂ

12.1. Thủ tục xác định lại năng lực hành vi dân sự của cá nhân

12.1.1. Nộp và thụ lý đơn yêu cầu

12.1.2. Chuẩn bị xét đơn yêu cầu

12.1.3. Thủ tục mở phiên họp xét đơn yêu cầu

12.2. Thủ tục xác định người vắng mặt tại nơi cư trú

12.2.1. Thủ tục yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú

12.2.2. Thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố một người mất tích

12.2.3. Thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố một người đã chết

12.2.4. Thủ tục giải quyết yêu cầu huỷ bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích hoặc đã chết.

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Trường Đại học Luật Hà nội (2011), Giáo trình Luật Tố tụng dân sự, NXB. Giáo dục Việt Nam;

[2] Học viện Tư pháp (2007), Giáo trình Luật Tố tụng dân sự, NXB. Công an nhân dân;

[3] Luật hiện hành gồm: Bộ luật dân sự, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và gia đình, luật doanh nghiệp; Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] TS. Nguyễn Văn Cường, TS. Trần Anh Tuấn, Ths. Đặng Thanh Hoa (chủ biên) (2012), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi*, NXB. Lao động – Xã hội;

[2] Trương Duy Lượng (2009), *Pháp luật Tố tụng dân sự và thực tiễn xét xử*, NXB. Chính trị quốc gia.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1. NHIỆM VỤ, NGUYÊN TẮC CỦA LUẬT TTDS</p> <p>1.1. Khái niệm và nguồn của Luật TTDS</p> <p>1.2. Đối tượng, phương điều chỉnh của Luật TTDS</p> <p>1.3. Vai trò, nhiệm vụ và sự phát triển của Luật TTDS</p> <p>1.4. Các nguyên tắc của Luật Tố tụng dân sự</p>	3 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.	G2

2	<p>CHƯƠNG 2. THẨM QUYỀN DÂN SỰ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN</p> <p>2.1. Khái niệm và cơ sở phân định thẩm quyền của Tòa án</p> <p>2.2. Thẩm quyền dân sự của Tòa án theo loại việc</p> <p>2.3. Thẩm quyền dân sự của Tòa án các cấp và thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ</p> <p>2.4. Chuyển vụ việc cho Tòa án khác, giải quyết tranh chấp về thẩm quyền, nhập và tác vụ án dân sự</p> <p>* Bài tập: Cách xác định thẩm quyền của Tòa án trong tình huống PL cụ thể.</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	<p>SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.</p> <p>Đại diện nhóm trình bày nội dung trả lời câu hỏi (theo cách thức luân phiên)</p>	G2 G3
3	<p>CHƯƠNG 3. QUAN HỆ PHÁP LUẬT TTDS</p> <p>3.1. Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật Tố tụng dân sự</p> <p>3.2. Chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự</p> <p>3.3. Khách thể và nội dung của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự</p>	3 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, trả lời câu hỏi của GV.	G2
4	<p>CHƯƠNG 4. CHỨNG CỨ VÀ CHỨNG MINH TRONG TTDS</p> <p>4.1. Chứng cứ trong tố tụng dân sự</p> <p>4.2. Chứng minh trong tố tụng dân sự</p> <p>* Bài tập: Xác định giá trị chứng minh của chứng cứ trong tình huống pháp luật cụ thể.</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	<p>SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.</p> <p>Đại diện nhóm trình bày nội dung trả lời câu hỏi (theo cách thức luân phiên)</p>	G2 G3 G4

5	<p>CHƯƠNG 5. CÁC BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI</p> <p>5.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và phân loại biện pháp khẩn cấp tạm thời</p> <p>5.2. Quyền yêu cầu, Thẩm quyền quyết định và thủ tục yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời</p> <p>5.3. Thực hiện biện pháp bảo đảm và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời</p>	3 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.	G2
6	<p>CHƯƠNG 6. ÁN PHÍ, LỆ PHÍ TỔ TỤNG</p> <p>6.1. Án phí và lệ phí</p> <p>6.2. Chi phí tố tụng</p> <p>* Bài tập: Cách tính án phí trong vụ án tranh chấp về quyền sở hữu tài sản.</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.	G2
7	<p>CHƯƠNG 7. XỬ LÝ CÁC HÀNH VI CẢN TRỞ HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG TTDS</p> <p>7.1. Xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng</p> <p>7.2. Khiếu nại trong hoạt động tố tụng dân sự</p> <p>7.3. Tố cáo trong tố tụng dân sự</p> <p>* Bài tập: Soạn thảo đơn tố cáo trong tình huống PL cụ thể</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.	G2
8	<p>CHƯƠNG 8. THỦ TỤC SƠ THẨM</p> <p>8.1. Khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự</p> <p>8.1.1. Khởi kiện vụ án dân sự</p> <p>8.1.2. Thụ lý vụ án dân sự</p> <p>* Bài tập: Soạn thảo đơn khởi kiện vụ án dân sự trong tình huống PL cụ thể</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.	G2

9	<p>8.2. Chuẩn bị xét xử và hoà giải vụ án dân sự 8.2.1. Chuẩn bị xét xử vụ án dân sự 8.2.2. Hoà giải vụ án dân sự</p> <p>8.3. Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự 8.3.1. Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự 8.3.2. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự * Bài tập: Đưa ra những quyết định phù hợp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử tại TAND</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV. Đại diện nhóm trình bày nội dung trả lời câu hỏi (theo cách thức luân phiên)	G2 G3
10	<p>8.4. Phiên tòa sơ thẩm vụ án dân sự 8.4.1. Khái niệm phiên tòa sơ thẩm vụ án dân sự 8.4.2. Chuẩn bị khai mạc phiên tòa và thủ tục tiến hành phiên tòa sơ thẩm</p> <p>8.5. Xem video phiên tòa giả định</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết xem video phiên tòa giả định	SV: Ghi chép, trả lời câu hỏi của GV sau khi xem phim.	G2
11	<p>Diễn án: Phiên tòa dân sự sơ thẩm (SV được nhận hồ sơ vụ án dân sự cụ thể).</p>	3 tiết	SV nhận vai diễn: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Đương sự, Thư ký phiên tòa. Các bạn không diễn án sẽ phải viết bài điều khiển phiên tòa sơ thẩm (vai trò chủ tọa phiên tòa)	G2; G3

12	<p>CHƯƠNG 9. THỦ TỤC PHỨC THẨM</p> <p>9.1. Khái niệm và ý nghĩa của thủ tục phúc thẩm vụ án dân sự</p> <p>9.2. Kháng cáo và kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm</p> <p>9.3. Thủ lý, chuẩn bị xét xử phúc thẩm và gửi bản án, quyết định phúc thẩm</p> <p>* Bài tập: Viết đơn kháng cáo vụ án dân sự gửi đến TAND có thẩm quyền</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	SV: Ghi chép, các thành viên chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.	G2
13	<p>CHƯƠNG 10. THỦ TỤC ĐẶC BIỆT TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ</p> <p>10.1. Khái niệm và ý nghĩa của giám đốc thẩm và tái thẩm dân sự</p> <p>10.2. Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm dân sự</p> <p>10.3. Xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm dân sự</p> <p>10.4. Thủ tục xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán tối cao</p> <p>* Bài tập: Phân biệt sự khác nhau giữa giám đốc thẩm và tái thẩm vụ án dân sự</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.	G2
14	<p>CHƯƠNG 11. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ</p> <p>11.1. Thẩm quyền của Toà án về giải quyết việc dân sự</p> <p>11.2. Nguyên tắc, thành phần giải quyết việc dân sự</p> <p>11.3. Thủ tục giải quyết việc dân sự</p> <p>11.4. Phúc thẩm giải quyết việc dân sự</p> <p>* Bài tập: Chuẩn bị hồ sơ giải quyết việc về tuyên bố 1 người bị mất tích.</p>	3 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.	G2

15	CHƯƠNG 12. THỦ TỤC GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ CỤ THỂ 12.1. Thủ tục xác định lại năng lực hành vi dân sự của cá nhân 12.2. Thủ tục xác định người vắng mặt tại nơi cư trú 12.3. Thủ tục xác định 1 người đã chết. * Bài tập: Phân biệt sự khác nhau giữa thủ tục xét xử vụ án dân sự và thủ tục giải quyết việc dân sự	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	SV: Ghi chép, các thành viên trả lời câu hỏi của GV.	G2
----	--	-----------------------------------	--	----

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải làm bài tập về nhà theo yêu cầu của giảng viên, tra cứu thêm tài liệu, thu thập bản án, đọc trước bài mới.
- Sinh viên chuẩn bị thuyết trình theo chủ đề giảng viên giao sau mỗi bài học.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	<i>Điểm quá trình</i>	0,4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0,1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0,3	
2. Đánh giá cuối kỳ	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0,6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT HÌNH SỰ (HỌC PHẦN 1)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật Hình Sự - Phần 1 (tiếng Anh): Crimina Law - Part 1	
- Mã số học phần: 843032	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	3
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Lý luận chung về NN&PL (843069)
- Học phần song hành (nếu có):	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân luật. Nội dung cơ bản của học phần là trang bị cho sinh viên hệ thống lý luận cơ bản của pháp luật hình sự Việt Nam về tội phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt... Là cơ sở để sinh viên tiếp cận học phần luật hình sự 2.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Có những tri thức về hệ thống lý luận cơ bản của pháp luật hình sự. Bao gồm hệ thống các khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự; về tội phạm; cấu thành tội phạm; các giai đoạn thực hiện tội phạm; trách nhiệm hình sự và hình phạt,...

Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết được những vấn đề về lý luận và thực tiễn như: nhận diện tội phạm trong những vụ việc cụ

thê; xác định giai đoạn phạm tội, vai trò đồng phạm trong các vụ án, xác định rõ những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, v.v... trong lĩnh vực hình sự.

Về thái độ: Rèn luyện cho sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, khoa học.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm luật hình sự, khái niệm tội phạm, khái niệm cấu thành tội phạm. Trình bày được các nguyên tắc của luật hình sự VN, hiệu lực của Bộ luật hình sự.	2
G2	Xác định được đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh trong luật Hình sự. Xác định được các trường hợp áp dụng hiệu lực hồi tố.	4
G3	Phân biệt được đối tượng điều chỉnh của luật hình sự với đối tượng điều chỉnh của luật hành chính, dân sự, tố tụng hình sự.	3
G4	Trình bày được khái niệm tội phạm, cấu thành tội phạm, chủ thể, khách thể, mặt khách quan, mặt chủ quan của tội phạm	2
G5	Xác định được cách phân loại tội phạm, phân loại cấu thành tội phạm,	4
G6	Xác định được các nội dung cụ thể trong mỗi yếu tố cấu thành tội phạm	4
G7	Áp dụng để xác định cấu thành tội phạm trong trường hợp cụ thể.	3
G8	Xác định được các giai đoạn thực hiện tội phạm.	4
G8	Phân biệt được tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội và phạm tội chưa đạt, trách nhiệm hình sự của 2 trường hợp này	3
G9	Trình bày được khái niệm đồng phạm, các loại người đồng phạm, trách nhiệm hình sự trong đồng phạm	2
G10	Xác định được các loại người đồng phạm trong 1 vụ án đồng phạm cụ thể	4
G11	Trình bày được khái niệm phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, trách nhiệm hình sự đối với 2 trường hợp này.	2
G12	Phân biệt phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết Áp dụng để xác định trong tình huống cụ thể	3

G13	Trình bày được khái niệm trách nhiệm hình sự, khái niệm hình phạt, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội	2
G14	Phân biệt miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt.	3
G15	Xác định được tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội trong các vụ án hình sự cụ thể	4
G16	Trình bày được thời hiệu thi hành bản án các điều kiện miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, hoãn, tạm đình chỉ hình phạt	2
G17	Xác định được thời hiệu thi hành bản án, án tích trong từng vụ án cụ thể.	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM, NHIỆM VỤ VÀ CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm, nhiệm vụ, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật hình sự

- 1.1.1. Khái niệm
- 1.1.2. Nhiệm vụ của luật hình sự Việt Nam
- 1.1.3. Đối tượng điều chỉnh của luật hình sự Việt Nam
- 1.1.4. Phương pháp điều chỉnh của luật hình sự Việt Nam

1.2. Các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam

- 1.2.1. Nguyên tắc pháp chế
- 1.2.2. Nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật
- 1.2.3. Nguyên tắc nhân đạo
- 1.2.4. Nguyên tắc trách nhiệm các nhân
- 1.2.5. Nguyên tắc lỗi
- 1.2.6. Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt

1.3. Hiệu lực của Bộ luật hình sự Việt Nam

CHƯƠNG 2. TỘI PHẠM VÀ CẤU THÀNH TỘI PHẠM

2.1. Tội phạm

- 2.1.1. Khái niệm tội phạm
- 2.1.2. Các dấu hiệu của tội phạm
- 2.1.3. Phân loại tội phạm

2.2. Cấu thành tội phạm

- 2.2.1. Khái niệm cấu thành tội phạm
- 2.2.2. Đặc điểm của các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm
- 2.2.3. Phân loại cấu thành tội phạm
- 2.2.4. Ý nghĩa của cấu thành tội phạm

CHƯƠNG 3. KHÁCH THỂ CỦA TỘI PHẠM

- 3.1. Khái niệm khách thể của tội phạm**
- 3.2. Phân loại khách thể của tội phạm**
- 3.3. Đối tượng tác động của tội phạm**

CHƯƠNG 4. CHỦ THỂ CỦA TỘI PHẠM

- 4.1. Khái niệm chủ thể của tội phạm**
- 4.2. Năng lực trách nhiệm hình sự**
- 4.3. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự**
- 4.4. Chủ thể đặc biệt của tội phạm**

CHƯƠNG 5. MẶT KHÁCH QUAN CỦA TỘI PHẠM

- 5.1. Khái niệm về mặt khách quan**
- 5.2. Hành vi khách quan của tội phạm**
- 5.3. Hậu quả của tội phạm**
- 5.4. Mối quan hệ giữa nhân quả và hành vi của tội phạm**

CHƯƠNG 6. MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM

- 6.1. Khái niệm mặt chủ quan của tội phạm**
- 6.2. Lỗi**
- 6.3. Động cơ và mục đích phạm tội**

CHƯƠNG 7. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN TỘI PHẠM

- 7.1. Khái niệm**
- 7.2. Các giai đoạn thực hiện tội phạm**
 - 7.2.1. Chuẩn bị phạm tội
 - 7.2.2. Phạm tội chưa đạt
 - 7.2.3. Tội phạm hoàn thành
 - 7.2.4. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội

CHƯƠNG 8. ĐỒNG PHẠM

- 8.1. Khái niệm và dấu hiệu của đồng phạm**
 - 8.1.1. Khái niệm đồng phạm
 - 8.1.2. Các dấu hiệu xác định đồng phạm
- 8.2. Các loại người đồng phạm**
 - 8.2.1. Người thực hành
 - 8.2.2. Người tổ chức
 - 8.2.3. Người xúi giục
 - 8.2.4. Người giúp sức

8.3. Các hình thức đồng phạm

8.4. Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm

CHƯƠNG 9. CÁC CĂN CỨ HỢP PHÁP CỦA HÀNH VI GÂY THIẾT HẠI

9.1. Khái niệm chung

9.2. Phòng vệ chính đáng

9.2.1. Điều kiện của phòng vệ chính đáng

9.2.2. Vượt quá giới hạn của phòng vệ chính đáng

9.3. Tình thế cấp thiết

9.3.1. Điều kiện của tình thế cấp thiết

9.3.2. Vượt quá giới hạn của tình thế cấp thiết

9.4. Các căn cứ khác

CHƯƠNG 10. TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ HÌNH PHẠT

10.1. Trách nhiệm hình sự

10.1.1. Khái niệm trách nhiệm hình sự

10.1.2. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

10.1.3. Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự

10.1.4. Miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt

10.1.5. Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội

10.2. Hình phạt

10.2.1. Khái niệm và mục đích của hình phạt

10.2.2. Hệ thống hình phạt

10.3. Các biện pháp tư pháp

10.4. Quyết định hình phạt

10.4.1. Khái niệm quyết định hình phạt

10.4.2. Căn cứ quyết định hình phạt

10.4.3. Quyết định hình phạt trong trường hợp đặc biệt

CHƯƠNG 11. CÁC CHẾ ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN HÌNH PHẠT

11.1. Thời hiệu thi hành bản án

11.2. Miễn chấp hành hình phạt

11.3. Giảm thời hạn chấp hành hình phạt

11.4. Ân treo

11.5. Hoãn, tạm đình chỉ hình phạt

11.6. Xóa án tích

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Quốc Hội, *Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017*, NXB Chính Trị Quốc Gia Sự Thật, 2018

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình hình sự Việt Nam phần chung*, NXB. Công an nhân dân, 2018

[3] Các văn bản hướng dẫn thi hành bộ luật hình sự.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Hiến Pháp năm 2013;

[5] Trường Đại học thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, NXB.Hồng Đức, 2018

[6] GS. TS Lê Cẩm, *Chuyên đề luật hình sự phần chung*, NXB. Đại học quốc gia, 2005

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM, NHIỆM VỤ CỦA CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM</p> <p>1.1. Khái niệm, nhiệm vụ, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật hình sự</p> <p>1.1.1. Khái niệm</p> <p>1.1.2. Nhiệm vụ của luật hình sự Việt Nam</p> <p>1.1.3. Đối tượng điều chỉnh của luật hình sự Việt Nam</p> <p>1.1.4. Phương pháp điều chỉnh của luật hình sự Việt Nam</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập tình huống, và câu hỏi trắc nghiệm	Làm Bài tập tình huống số 1 và trả lời câu hỏi trắc nghiệm	G1, G2, G3
2	<p>1.2. Các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam</p> <p>1.2.1. Nguyên tắc pháp chế</p> <p>1.2.2. Nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật</p> <p>1.2.3. Nguyên tắc nhân đạo</p> <p>1.2.4. Nguyên tắc trách nhiệm các nhân</p> <p>1.2.5. Nguyên tắc lỗi</p> <p>1.2.6. Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt</p> <p>1.3. Hiệu lực của Bộ luật hình sự Việt Nam</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập tình huống, và câu hỏi trắc nghiệm	Làm Bài tập tình huống số 2 và trả lời câu hỏi trắc nghiệm	G1, G2

3	<p>CHƯƠNG 2. TỘI PHẠM VÀ CẤU THÀNH TỘI PHẠM</p> <p>2.1. Tội phạm</p> <p>2.1.1. Khái niệm tội phạm</p> <p>2.1.2. Các dấu hiệu của tội phạm</p> <p>2.1.3. Phân loại tội phạm</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập tình huống, và câu hỏi trắc nghiệm	Làm Bài tập tình huống số 3 và trả lời câu hỏi trắc nghiệm	G4, G5
4	<p>2.2. Cấu thành tội phạm</p> <p>2.2.1. Khái niệm cấu thành tội phạm</p> <p>2.2.2. Đặc điểm của các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm</p> <p>2.2.3. Phân loại cấu thành tội phạm</p> <p>2.2.4. Ý nghĩa của cấu thành tội phạm</p>		Làm Bài tập tình huống số 4 và trả lời câu hỏi trắc nghiệm	G4, G5,
5	<p>CHƯƠNG 3. KHÁCH THỂ CỦA TỘI PHẠM</p> <p>3.1. Khái niệm khách thể của tội phạm</p> <p>3.2. Phân loại khách thể của tội phạm</p> <p>3.3. Đối tượng tác động của tội phạm</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập tình huống, và câu hỏi trắc nghiệm	Làm Bài tập tình huống số 5 và trả lời câu hỏi trắc nghiệm	G4, G6, G7
6	<p>CHƯƠNG 4. CHỦ THỂ CỦA TỘI PHẠM</p> <p>4.1. Khái niệm chủ thể của tội phạm</p> <p>4.2. Năng lực trách nhiệm hình sự</p> <p>4.3. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự</p> <p>4.4. Chủ thể đặc biệt của tội phạm</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập tình huống, và câu hỏi trắc nghiệm	Làm Bài tập tình huống số 6 và trả lời câu hỏi trắc nghiệm	G4, G6, G7
7	<p>CHƯƠNG 5. MẶT KHÁCH QUAN CỦA TỘI PHẠM</p> <p>5.1. Khái niệm về mặt khách quan</p> <p>5.2. Hành vi khách quan của tội phạm</p> <p>5.3. Hậu quả của tội phạm</p> <p>5.4. Mối quan hệ giữa nhân quả và hành vi của tội phạm</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập tình huống, và câu hỏi trắc nghiệm	Làm Bài tập tình huống số 7 và trả lời câu hỏi trắc nghiệm	G4, G6, G7

8	<p>CHƯƠNG 6. MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM</p> <p>6.1. Khái niệm mặt chủ quan của tội phạm</p> <p>6.2. Lỗi</p> <p>6.3. Động cơ và mục đích phạm tội</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập tình huống, và câu hỏi trắc nghiệm	Làm Bài tập tình huống số 8 và trả lời câu hỏi trắc nghiệm	G4, G6, G7
9	<p>CHƯƠNG 7. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN TỘI PHẠM</p> <p>7.1. Khái niệm</p> <p>7.2. Các giai đoạn thực hiện tội phạm</p> <p>7.2.1. Chuẩn bị phạm tội</p> <p>7.2.2. Phạm tội chưa đạt</p> <p>7.2.3. Tội phạm hoàn thành</p> <p>7.2.4. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập tình huống, và câu hỏi trắc nghiệm	Làm Bài tập tình huống số 9 và trả lời câu hỏi trắc nghiệm	G8 G9
10	<p>CHƯƠNG 8. ĐỒNG PHẠM</p> <p>8.1. Khái niệm và dấu hiệu của đồng phạm</p> <p>8.1.1. Khái niệm đồng phạm</p> <p>8.1.2. Các dấu hiệu xác định đồng phạm</p> <p>8.2. Các loại người đồng phạm</p> <p>8.2.1. Người thực hành</p> <p>8.2.2. Người tổ chức</p> <p>8.2.3. Người xúi giục</p> <p>8.2.4. Người giúp sức</p> <p>8.3. Các hình thức đồng phạm</p> <p>8.4. Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm.</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập tình huống, và câu hỏi trắc nghiệm	Làm Bài tập tình huống số 10 và trả lời câu hỏi trắc nghiệm	G10, G11
11	<p>CHƯƠNG 9. CÁC CĂN CỨ HỢP PHÁP CỦA HÀNH VI GÂY THIẾT HẠI</p> <p>9.1. Khái niệm chung</p> <p>9.2. Phòng vệ chính đáng</p> <p>9.2.1. Điều kiện của phòng vệ chính đáng</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập tình huống, và câu hỏi	Làm Bài tập tình huống số 11 và trả lời câu hỏi trắc nghiệm	G12, G13

	<p>9.2.2. Vượt quá giới hạn của phòng vệ chính đáng</p> <p>9.3. Tình thế cấp thiết</p> <p>9.3.1. Điều kiện của tình thế cấp thiết</p> <p>9.3.2. Vượt quá giới hạn của tình thế cấp thiết</p> <p>9.4. Các căn cứ khác</p>	trắc nghiệm		
12	<p>CHƯƠNG 10. TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ HÌNH PHẠT</p> <p>10.1. Trách nhiệm hình sự</p> <p>10.1.1. Khái niệm trách nhiệm hình sự</p> <p>10.1.2. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự</p> <p>10.1.3. Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự</p> <p>10.1.4. Miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt</p> <p>10.1.5. Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội.</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập tình huống, và câu hỏi trắc nghiệm	Làm Bài tập tình huống số 12 và trả lời câu hỏi trắc nghiệm	G14, G15
13	<p>10.2. Hình phạt</p> <p>10.2.1 Khái niệm và mục đích của hình phạt</p> <p>10.2.2. Hệ thống hình phạt</p> <p>10.3. Các biện pháp tư pháp</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập tình huống	Làm Bài tập tình huống số 13, 14	G14
14	<p>10.4. Quyết định hình phạt</p> <p>10.4.1 Khái niệm quyết định hình phạt</p> <p>10.4.2 Căn cứ quyết định hình phạt</p> <p>10.4.3. Quyết định hình phạt trong trường hợp đặc biệt</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập tình huống	Làm Bài tập tình huống số 15,16	G15, G16
15	<p>CHƯƠNG 11. CÁC CHẾ ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN HÌNH PHẠT</p> <p>11.1. Thời hiệu thi hành bản án</p> <p>11.2. Miễn chấp hành hình phạt</p> <p>11.3. Giảm thời hạn chấp hành hình phạt</p> <p>11.4. Án treo</p> <p>11.5. Hoãn, tạm đình chỉ hình phạt</p> <p>11.6. Xóa án tích</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Làm Bài tập tình huống số 17, 18	G17 G18

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

Sinh viên phải học môn Lý luận chung về nhà nước và pháp luật

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com/

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT HÌNH SỰ (HỌC PHẦN 2)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật Hình Sự (Học phần 2) (tiếng Anh): Criminal Law - Part 2	
- Mã số học phần: 843033	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	3
+ Số tiết lý thuyết:	15
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	30
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; Luật Hình sự (Phần 1)
- Học phần song hành (nếu có):	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân luật. Học phần cung cấp cho sinh viên những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên nhận biết được các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội phạm cụ thể, phân biệt được các tội danh được quy định trong Bộ luật hình sự.

Về kỹ năng: Sinh viên áp dụng được các quy định của pháp luật Hình Sự Việt Nam vào giải các tình huống bài tập và áp dụng luật hình sự để xác định trách nhiệm hình sự đối với các tình huống phạm tội trên thực tế.

Về thái độ: Rèn luyện cho sinh viên thái độ và tư duy làm việc nghiêm túc, khoa học. Rèn luyện thói quen chủ động trong hoạt động tự học, tự nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được cấu thành tội phạm đặc trưng đối với các tội phạm an ninh quốc gia.	2
G2	So sánh được cấu thành tội phạm giữa các tội trong nhóm các tội phạm an ninh quốc gia.	3
G3	Xác định được tội danh, xác định được trách nhiệm hình sự trong các vụ án cụ thể.	4
G4	Trình bày được cấu thành tội phạm đặc trưng đối với các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự của con người.	2
G5	So sánh được cấu thành tội phạm giữa các tội phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự của con người.	3
G6	Xác định được tội danh, xác định được trách nhiệm hình sự trong các vụ án cụ thể.	4
G7	Trình bày được cấu thành tội phạm đặc trưng đối với các tội phạm xâm quyền tự do dân chủ của công dân, các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình.	2
G8	So sánh được cấu thành tội phạm giữa các tội các tội phạm xâm quyền tự do dân chủ của công dân, các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình.	3
G9	Xác định được tội danh, xác định được trách nhiệm hình sự trong các vụ án cụ thể.	4
G10	Trình bày được cấu thành tội phạm đặc trưng đối với các tội xâm phạm sở hữu.	2
G11	So sánh được cấu thành tội phạm giữa các tội xâm phạm sở hữu.	3
G12	Xác định được tội danh, xác định được trách nhiệm hình sự trong các vụ án cụ thể.	4
G13	Trình bày được cấu thành tội phạm đặc trưng đối với các tội xâm phạm sở hữu.	2
G14	So sánh được cấu thành tội phạm giữa các tội xâm phạm sở hữu.	3

G15	Xác định được tội danh, xác định được trách nhiệm hình sự trong các vụ án cụ thể.	4
G16	Trình bày được cấu thành tội phạm đặc trưng đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và các tội phạm về môi trường.	2
G17	So sánh được cấu thành tội phạm giữa các tội Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và các tội phạm về môi trường.	3
G18	Xác định được tội danh, xác định được trách nhiệm hình sự trong các vụ án cụ thể.	4
G19	Trình bày được cấu thành tội phạm đặc trưng đối với các tội phạm về ma túy.	2
G20	So sánh được cấu thành tội phạm giữa các tội phạm về ma túy.	3
G21	Xác định được tội danh, xác định được trách nhiệm hình sự trong các vụ án cụ thể.	4
G22	Trình bày được cấu thành tội phạm đặc trưng đối với các tội xâm phạm an toàn công cộng và trật tự công cộng.	2
G23	So sánh được cấu thành tội phạm giữa các tội xâm phạm an toàn công cộng và trật tự công cộng.	3
G24	Xác định được tội danh, xác định được trách nhiệm hình sự trong các vụ án cụ thể.	4
G25	Trình bày được cấu thành tội phạm đặc trưng đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính và các tội xâm phạm về chức vụ, các tội xâm phạm hoạt động tư pháp	2
G26	So sánh được cấu thành tội phạm giữa các tội xâm phạm an toàn công cộng và trật tự công cộng	3
G27	Xác định được tội danh, xác định được trách nhiệm hình sự trong các vụ án cụ thể.	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. CÁC TỘI XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA

1.1. Khái niệm

1.2 Các tội phạm cụ thể

1.2.1. Các tội trực tiếp uy hiếp sự tồn tại của chính quyền nhân dân

1.2.2. Các tội trực tiếp uy hiếp sự vững mạnh của chính quyền nhân dân

CHƯƠNG 2. CÁC TỘI XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI

2.1. Nhận thức chung về các các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Cấu thành tội phạm chung

2.2. Dấu hiệu pháp lý của các tội phạm cụ thể

2.2.1. Các tội phạm xâm phạm tính mạng của con người

2.2.2. Các tội xâm phạm sức khỏe của con người

2.2.3. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

CHƯƠNG 3. CÁC TỘI XÂM PHẠM QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ CỦA CÔNG DÂN VÀ CÁC TỘI XÂM PHẠM CHẾ ĐỘ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

3.1. Các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân

3.1.1. Nhận thức chung về các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân

3.1.2. Dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội phạm cụ thể

3.2. Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình

3.2.1. Nhận thức chung về các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình

3.2.1. Dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội phạm cụ thể

CHƯƠNG 4. CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU

4.1. Nhận thức chung về các tội xâm phạm sở hữu

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Cấu thành tội phạm chung về các tội xâm phạm sở hữu

4.2. Dấu hiệu pháp lý của các tội cụ thể

4.2.1. Các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt

4.2.2. Các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt

4.2.3. Các tội xâm phạm sở hữu không có mục đích tư lợi.

CHƯƠNG 5. CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ VÀ CÁC TỘI PHẠM VỀ MÔI TRƯỜNG

5.1. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

5.1.1. Nhận thức chung về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

5.1.2. Dấu hiệu pháp lý các tội phạm cụ thể

5.2. Các tội phạm về môi trường

5.2.1. Nhận thức chung về các tội phạm về môi trường

5.2.2. Dấu hiệu pháp lý các tội phạm cụ thể

CHƯƠNG 6. CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY

6.1. Nhận thức chung về các tội phạm về ma túy

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Cấu thành tội phạm chung

6.2. Các tội phạm cụ thể

CHƯƠNG 7. CÁC TỘI XÂM PHẠM AN TOÀN CÔNG CỘNG VÀ TRẬT TỰ CÔNG CỘNG

7.1. Nhận thức chung về các tội xâm phạm an toàn công cộng và trật tự công cộng

7.1.1. Khái niệm

7.1.2. Cấu thành tội phạm chung

7.2. Các tội phạm cụ thể xâm phạm an toàn công cộng và trật tự công cộng

7.2.1 Các tội xâm phạm an toàn công cộng

7.2.2 Các tội xâm phạm trật tự công cộng

CHƯƠNG 8. CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VÀ CÁC TỘI PHẠM VỀ CHỨC VỤ

8.1. Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính

8.1.1. Nhận thức chung về các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính

8.1.2. Các tội phạm cụ thể xâm phạm trật tự quản lý hành chính

8.2. Các tội xâm phạm về chức vụ

8.2.1. Nhận thức chung các tội xâm phạm về chức vụ

8.2.2. Các tội phạm về tham nhũng

8.2.3. Các tội phạm khác về chức vụ

CHƯƠNG 9. CÁC TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

9.1. Nhận thức chung về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp

9.2. Các tội phạm cụ thể xâm phạm hoạt động tư pháp

9.2.1. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp do người có chức vụ quyền hạn trong hoạt động tư pháp thực hiện

9.2.2. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp do những người có nghĩa vụ phải giúp các cơ quan tư pháp trong hoạt động tư pháp thực hiện

9.2.3. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là đối tượng của các bản án hoặc quyết định của cơ quan tư pháp

9.2.4. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp khác

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Quốc Hội, *Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017*, NXB Chính Trị Quốc Gia Sự Thật, 2018

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, NXB.Công an nhân dân, 2018

[3] Các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, NXB.Hồng Đức, 2018

[5 Đinh Văn Quế, “Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, NXB Phương Đông, Hà Nội, 2018

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1. CÁC TỘI XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2 Các tội phạm cụ thể</p> <p>1.2.1. Các tội trực tiếp uy hiếp sự tồn tại của chính quyền nhân dân</p> <p>1.2.2. Các tội trực tiếp uy hiếp sự vững mạnh của chính quyền nhân dân</p>	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Bài tập	<p>Trả lời câu hỏi nhận định</p> <p>Trả lời câu hỏi sánh tội danh</p> <p>Làm bài tập tình huống</p>	G1 G2 G3
2	<p>CHƯƠNG 2. CÁC TỘI XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI</p> <p>2.1. Nhận thức chung về các các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Cấu thành tội phạm chung</p>	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Bài tập	<p>Trả lời câu hỏi nhận định</p> <p>Trả lời câu hỏi sánh các tội danh</p>	G4 G5 G6
3	<p>2.2. Dấu hiệu pháp lý của các tội phạm cụ thể</p> <p>2.2.1. Các tội phạm xâm phạm tính mạng của con người</p> <p>2.2.2. Các tội xâm phạm sức khỏe của con người</p> <p>2.2.3. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người</p>	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Bài tập	<p>Làm bài tập tình huống</p>	G5 G6
4	<p>CHƯƠNG 3. CÁC TỘI XÂM PHẠM QUYỀN TỰ DO DÂN CHỦ CỦA CÔNG DÂN VÀ CÁC TỘI XÂM PHẠM CHẾ ĐỘ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH</p>	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Bài tập	<p>Trả lời câu hỏi nhận định</p> <p>Trả lời câu hỏi sánh tội danh</p>	G7 G8 G9

	<p>3.1. Các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân</p> <p>3.1.1. Nhận thức chung về các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân</p> <p>3.1.2. Dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội phạm cụ thể</p>			
5	<p>3.2. Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình</p> <p>3.2.1 Nhận thức chung về các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình</p> <p>3.2.1. Dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội phạm cụ thể</p>		Làm bài tập tình huống	G8 G9
6	<p>CHƯƠNG 4. CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU</p> <p>4.1. Nhận thức chung về các tội xâm phạm sở hữu</p> <p>4.1.1 Khái niệm</p> <p>4.1.2. Cấu thành tội phạm chung về các tội xâm phạm sở hữu</p>	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Bài tập	<p>Trả lời câu hỏi nhận định</p> <p>Trả lời câu hỏi sánh</p> <p>Làm bài tập</p>	G10 G11 G12
7	<p>4.2. Dấu hiệu pháp lý của các tội cụ thể</p> <p>4.2.1. Các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt</p> <p>4.2.2. Các tội xâm phạm sở hữu không có tính chiếm đoạt</p> <p>4.2.3. Các tội xâm phạm sở hữu không có mục đích tư lợi.</p>	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Bài tập	<p>Trả lời câu hỏi nhận định</p> <p>Trả lời câu hỏi sánh tội danh</p> <p>Làm bài tập tình huống</p>	G11 G12
8	<p>CHƯƠNG 5. CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ VÀ CÁC TỘI PHẠM VỀ MÔI TRƯỜNG</p> <p>5.1. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế</p> <p>5.1.1 Nhận thức chung về các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế</p> <p>5.1.2. Dấu hiệu pháp lý các tội phạm cụ thể</p>	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Bài tập	<p>Trả lời câu hỏi nhận định</p> <p>Trả lời câu hỏi sánh tội danh</p>	G13 G14 G15

9	<p>5.2. Các tội phạm về môi trường</p> <p>5.2.1. Nhận thức chung về các tội phạm về môi trường</p> <p>5.2.2. Dấu hiệu pháp lý các tội phạm cụ thể</p>	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Bài tập	Làm bài tập tình huống	G14 G15
10	<p>CHƯƠNG 6. CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY</p> <p>6.1. Nhận thức chung về các tội phạm về ma túy</p> <p>6.1.1. Khái niệm</p> <p>6.1.2. Cấu thành tội phạm chung</p> <p>6.2. Các tội phạm cụ thể</p>	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Bài tập	Trả lời câu hỏi nhận định Trả lời câu hỏi sánh Làm bài tập	G16 G17 G18
11	<p>CHƯƠNG 7. CÁC TỘI XÂM PHẠM AN TOÀN CÔNG CỘNG VÀ TRẬT TỰ CÔNG CỘNG</p> <p>7.1. Nhận thức chung về các tội xâm phạm an toàn công cộng và trật tự công cộng</p> <p>7.1.1. Khái niệm</p> <p>7.1.2. Cấu thành tội phạm chung</p> <p>7.2. Các tội phạm cụ thể xâm phạm an toàn công cộng và trật tự công cộng</p> <p>7.2.1 Các tội xâm phạm an toàn công cộng</p> <p>7.2.2 Các tội xâm phạm trật tự công cộng</p>	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Bài tập	Trả lời câu hỏi nhận định Trả lời câu hỏi sánh Làm bài tập 31 đến 35	G19 G20 G21
12	<p>CHƯƠNG 8. CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VÀ CÁC TỘI PHẠM VỀ CHỨC VỤ</p> <p>Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính và các tội xâm phạm về chức vụ</p> <p>8.1. Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính</p> <p>8.1.1. Nhận thức chung về các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính</p>	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Bài tập	Trả lời câu hỏi nhận định Trả lời câu hỏi sánh	G22 G23 G24

	8.1.2. Các tội phạm cụ thể xâm phạm trật tự quản lý hành chính			
13	8.2. Các tội xâm phạm về chức vụ 8.2.1. Nhận thức chung các tội xâm phạm về chức vụ 8.2.2. Các tội phạm về tham nhũng	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Bài tập	Làm bài tập tình huống	G23 G24
14	CHƯƠNG 9. CÁC TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP 9.1. Nhận thức chung về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Bài tập	Trả lời câu hỏi nhận định Trả lời câu hỏi sánh tội danh	G25 G26 G27
15	9.2. Các tội phạm cụ thể xâm phạm hoạt động tư pháp 9.2.1. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp do người có chức vụ quyền hạn trong hoạt động tư pháp thực hiện 9.2.2. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp do những người có nghĩa vụ phải giúp các cơ quan tư pháp trong hoạt động tư pháp thực hiện 9.2.3. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể là đối tượng của các bản án hoặc quyết định của cơ quan tư pháp 9.2.4. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp khác	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Bài tập	Làm bài tập tình huống	G26 G27

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

Sinh viên phải học môn Luật hình sự phần 1.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng	Hình thức
---------	-----------------------	-------	-----------

được đánh giá		số	đánh giá
<i>1. Đánh giá quá trình</i>	<i>Điểm quá trình</i>	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
<i>2. Đánh giá cuối kỳ</i>	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật Tố Tụng Hình Sự (tiếng Anh): Law on Criminal Procedure	
- Mã số học phần: 843034	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	3
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Luật Hình sự (HP1) (843032), Luật Hình sự (HP2) (843033)
- Học phần song hành (nếu có):	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần luật Tố tụng hình sự là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân luật. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tố tụng hình sự và trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên hiểu và nhớ được những vấn đề chung của luật tố tụng hình sự; những kiến thức cơ bản của các giai đoạn tố tụng hình sự cũng như nội dung của từng giai đoạn tố tụng hình sự.

Về kỹ năng: Thực hành các kỹ năng về nghiệp vụ trong xét xử vụ án hình sự thông qua hoạt động phiên tòa giả định.

Về thái độ: Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, hiểu biết đúng đắn về vai trò của môn học, tăng cường làm việc nhóm thông qua hoạt động diễn án. Sinh viên chủ động trong hoạt động tự nghiên cứu bằng cách đi xem xét xử thụ tể tại phiên tòa.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm luật tố tụng hình sự, Trình bày được các nguyên tắc của luật tố tụng hình sự VN, hiệu lực của Bộ luật tố tụng hình sự.	2
G2	Xác định được đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh trong luật tố tụng Hình sự.	4
G3	Phân biệt được đối tượng điều chỉnh của luật tố tụng hình sự với đối tượng điều chỉnh của luật hình sự.	3
G4	Trình bày được các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong vụ án hình sự.	2
G5	Xác định được người cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong vụ án cụ thể Xác định được các trường hợp thay đổi người tiến hành tố tụng.	4
G6	Trình bày được khái niệm chứng cứ, các thuộc tính của chứng cứ, các loại nguồn chứng cứ	2
G7	Xác định được nguồn của chứng cứ và đối tượng cần chứng minh trong 1 vụ án cụ thể.	4
G8	Trình bày được nội dung các biện pháp ngăn chặn trong luật tố tụng hình sự, các trường hợp thay thế, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn.	2
G9	Xác định được biện pháp ngăn chặn cần áp dụng trong tình huống cụ thể.	4
G10	Trình bày được nhiệm vụ của giai đoạn khởi tố, các cơ sở, căn cứ khởi tố vụ án hình sự. Trình bày được các trường hợp khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại.	2
G11	Trình bày được nhiệm vụ của giai đoạn điều tra, thẩm quyền điều tra, các thời hạn liên quan trong giai đoạn điều tra, quyền hạn và trách nhiệm của viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra.	2

G12	Xác định được thẩm quyền điều tra trong 1 vụ án cụ thể.	4
G13	Trình bày được nhiệm vụ của giai đoạn truy tố Các quyết định của Viện Kiểm Sát trong giai đoạn truy tố	2
G14	Xác định được trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	4
G15	Thiết kế được 1 phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	5
G16	Trình bày được chủ thể của quyền kháng cáo, kháng nghị	2
G17	Thiết kế được 1 phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự	5
G18	Xác định được quyền hạn của tòa án cấp phúc thẩm trong tình huống cụ thể	4
G19	Trình bày được tính chất của giám đốc thẩm, tái thẩm Trình bày được thẩm quyền của giám đốc thẩm, tái thẩm.	2
G20	Trình bày được thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên. Trình bày được những nội dung của hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự	2

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1.

KHÁI QUÁT VỀ NGÀNH LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm, nhiệm vụ của luật tố tụng hình sự Việt Nam

- 1.1.1. Khái niệm tố tụng hình sự, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh
- 1.1.2. Nhiệm vụ của luật tố tụng hình sự Việt Nam

1.2. Các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự Việt Nam

- 1.2.1. Khái niệm các nguyên tắc cơ bản
- 1.2.2. Các nguyên tắc cụ thể

1.3. Nguồn và hiệu lực của luật tố tụng hình sự Việt Nam

- 1.3.1. Nguồn của luật tố tụng hình sự Việt Nam
- 1.3.2. Hiệu lực của luật tố tụng hình sự Việt Nam

CHƯƠNG 2. CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG, NGƯỜI TIẾN HÀNH TỔ TỤNG, NGƯỜI THAM GIA TỔ TỤNG

2.1. Cơ quan và người tiến hành tố tụng

- 2.1.1. Cơ quan điều tra
- 2.1.2. Viện kiểm sát
- 2.1.3. Tòa án

2.2. Người tiến hành tố tụng

- 2.2.1. Những người tiến hành tố tụng
- 2.2.2. Thay đổi người tiến hành tố tụng

2.3. Người tham gia tố tụng

2.3.1. Những người tham gia tố tụng có quyền lợi và nghĩa vụ pháp lí liên quan đến vụ án

2.3.2. Người bào chữa và người bảo vệ quyền lợi của đương sự

2.2.3. Người tham gia tố tụng khác

CHƯƠNG 3.

CHỨNG CỨ VÀ CHỨNG MINH TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ

3.1. Nhận thức chung về chứng cứ

3.1.1. Cơ sở lý luận của chứng cứ, khái niệm chứng cứ

3.1.2. Các thuộc tính của chứng cứ

3.1.3. Phân loại chứng cứ, nguồn chứng cứ

3.2. Chứng minh trong tố tụng hình sự

3.2.1. Đối tượng chứng minh, giới hạn chứng minh và nghĩa vụ chứng minh

3.2.2. Quá trình chứng minh và đặc điểm của hoạt động chứng minh trong các giai đoạn tố tụng hình sự

CHƯƠNG 4. CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ

4.1. Nhận thức chung về các biện pháp ngăn chặn

4.2. Các biện pháp ngăn chặn cụ thể

4.3. Thay thế, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn

CHƯƠNG 5. KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ

5.1. Khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa của khởi tố vụ án hình sự

5.1.1. Khái niệm khởi tố vụ án hình sự

5.1.2. Nhiệm vụ của khởi tố vụ án hình sự

5.1.3. Ý nghĩa của khởi tố vụ án hình sự

5.2. Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự

5.3. khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu người bị hại

5.4. Cơ sở, căn cứ khởi tố vụ án hình sự

5.4.1. Cơ sở khởi tố vụ án

5.4.2. Căn cứ khởi tố vụ án

5.4.3. Căn cứ không khởi tố vụ án

5.5. Quyền hạn và trách nhiệm của Viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự

CHƯƠNG 6. ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ

6.1. Khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa của điều tra vụ án hình sự

6.1.1. Khái niệm điều tra vụ án hình sự

6.1.2. Nhiệm vụ của điều tra vụ án hình sự

6.1.3. Ý nghĩa của điều tra vụ án hình sự

6.2. Những quy định chung về điều tra vụ án hình sự

6.2.1. Thẩm quyền điều tra

6.2.2. Thời hạn điều tra, phục hồi điều tra, điều tra bổ sung và điều tra lại

6.2.3. Thời hạn tạm giam để điều tra

6.3. Các hoạt động điều tra

6.3.1. Khởi tố bị can và hỏi cung bị can

6.3.2. Lấy lời khai người tham gia tố tụng

6.3.3. Đối chất, nhận dạng, giám định

6.3.4. Khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản

6.3.4. Khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản

6.3.5. Khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi

6.3.6. Xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra

6.4. Tạm đình chỉ điều tra, kết thúc điều tra

6.4.1. Tạm đình chỉ điều tra

6.4.2. Kết thúc điều tra

6.5. Quyền hạn và trách nhiệm của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

CHƯƠNG 7. TRUY TỐ

7.1. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của giai đoạn truy tố

7.1.1. Khái niệm của giai đoạn truy tố

7.1.2. Nhiệm vụ của giai đoạn truy tố

7.1.3. Ý nghĩa của giai đoạn truy tố

7.2. Hoạt động của VKS trong giai đoạn truy tố

7.2.1. Nhận hồ sơ và nghiên cứu hồ sơ

7.2.2. Quyết định của VKS trong giai đoạn truy tố

CHƯƠNG 8. XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

8.1. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

8.2. Thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án

8.3. Chuẩn bị xét xử

8.4. Những quy định chung về thủ tục tố tụng tại phiên tòa

8.5. Trình tự xét xử vụ án tại phiên tòa

8.6. Những việc cần làm sau khi kết thúc phiên tòa

CHƯƠNG 9. XÉT XỬ PHỨC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

9.1. Khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa

9.1.1. Khái niệm

9.1.2. Nhiệm vụ và ý nghĩa

9.2. Kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

9.2.1. Đối tượng kháng cáo

9.2.2. Chủ thể của quyền kháng cáo, kháng nghị

9.3. Xét xử phúc thẩm

- 9.3.1. Những quy định chung
- 9.3.2. Thủ tục phiên tòa phúc thẩm
- 9.3.3. Quyền hạn của tòa án cấp phúc thẩm

CHƯƠNG 10. XÉT LẠI BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH ĐÃ CÓ HIỆU LỰC CỦA TÒA ÁN

10.1. Thủ tục giám đốc thẩm

- 10.1.1. Khái niệm, nhiệm vụ, tính chất của thủ tục giám đốc thẩm
- 10.1.2. Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm
- 10.1.3. Xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm
- 10.1.4. Thẩm quyền của hội đồng giám đốc thẩm

10.2. Thủ tục tái thẩm

- 10.2.1. Khái niệm, nhiệm vụ, tính chất của thủ tục tái thẩm
- 10.2.2. Kháng nghị theo thủ tục tái thẩm
- 10.2.3. Xét xử theo thủ tục tái thẩm
- 10.2.4. Thẩm quyền của hội đồng tái thẩm

CHƯƠNG 11. THỦ TỤC ĐẶC BIỆT VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

11.1. Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự

- 11.1.1. Thủ tục rút gọn
- 11.1.2. Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên
- 11.1.3. Khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự

11.2. Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự

- 11.2.1. Khái niệm, ý nghĩa của hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự
- 11.2.2. Những quy định chung về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự
- 11.2.3. Nội dung hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Quốc Hội, *Bộ luật Tố Tụng Hình sự năm 2015*, NXB Chính Trị Quốc Gia Sự Thật, 2018

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, NXB.Công an nhân dân, 2018

[3] Các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật Tố tụng Hình sự.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Quốc Hội, *Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*, NXB Chính Trị Quốc Gia Sự Thật, 2018

[5] Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016

[6] Trường Đại học thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB.Hồng Đức, 2018.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ NGÀNH LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM</p> <p>1.1. Khái niệm, nhiệm vụ của luật tố tụng hình sự Việt Nam</p> <p>1.1.1. Khái niệm tố tụng hình sự, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh</p> <p>1.1.2. Nhiệm vụ của luật tố tụng hình sự Việt Nam</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Trả lời câu hỏi nhận định Chia nhóm, trả lời câu hỏi thảo luận nhóm	G1, G2, G3
2	<p>1.2. Các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự Việt Nam</p> <p>1.2.1. Khái niệm các nguyên tắc cơ bản</p> <p>1.2.2. Các nguyên tắc cụ thể</p> <p>1.3. Nguồn và hiệu lực của luật tố tụng hình sự Việt Nam</p> <p>1.3.1. Nguồn của luật tố tụng hình sự Việt Nam</p> <p>1.3.2. Hiệu lực của luật tố tụng hình sự Việt Nam</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Trả lời câu hỏi nhận định Chia nhóm, trả lời câu hỏi thảo luận nhóm	G1, G2, G3
3	<p>CHƯƠNG 2. CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỐ TỤNG, NGƯỜI TIẾN HÀNH TỐ TỤNG, NGƯỜI THAM GIA TỐ TỤNG</p> <p>2.1. Cơ quan và người tiến hành tố tụng</p> <p>2.1.1. Cơ quan điều tra</p> <p>2.1.2. Viện kiểm sát</p> <p>2.1.3. Tòa án</p> <p>2.2. Người tiến hành tố tụng</p> <p>2.2.1 Những người tiến hành tố tụng</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	Làm bài tập tình huống xác định người tiến hành và người tham gia trong 1 vụ án hình sự	G4, G5

	2.2.2. Thay đổi người tiến hành tố tụng			
4	<p>2.3. Người tham gia tố tụng</p> <p>2.3.1. Những người tham gia tố tụng có quyền lợi và nghĩa vụ pháp lí liên quan đến vụ án</p> <p>2.3.2. Người bào chữa và người bảo vệ quyền lợi của đương sự</p> <p>2.2.3. Người tham gia tố tụng khác</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	Làm bài tập tình huống xác định người tiến hành và người tham gia trong 1 vụ án hình sự	G4, G5
5	<p>CHƯƠNG 3. CHỨNG CỨ VÀ CHỨNG MINH TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ</p> <p>3.1. Nhận thức chung về chứng cứ</p> <p>3.1.1 Cơ sở lý luận của chứng cứ, khái niệm chứng cứ</p> <p>3.1.2. Các thuộc tính của chứng cứ</p> <p>3.1.3. Phân loại chứng cứ, nguồn chứng cứ</p> <p>3.2. Chứng minh trong tố tụng hình sự</p> <p>3.2.1 Đối tượng chứng minh, giới hạn chứng minh và nghĩa vụ chứng minh</p> <p>3.2.2 Quá trình chứng minh và đặc điểm của hoạt động chứng minh trong các giai đoạn tố tụng hình sự</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	Làm bài tập dạng xác định nguồn chứng cứ	G6, G7
6	<p>CHƯƠNG 4. CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ</p> <p>4.1. Nhận thức chung về các biện pháp ngăn chặn</p> <p>4.2. Các biện pháp ngăn chặn cụ thể</p> <p>4.3. Thay thế, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	Làm bài tập tình huống xác định áp dụng, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn	G8, G9
7	<p>CHƯƠNG 5. KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ</p> <p>5.1. Khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa của khởi tố vụ án hình sự</p> <p>5.1.1. Khái niệm khởi tố vụ án hình sự</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Trả lời câu hỏi nhận định, chia nhóm, trả lời câu hỏi thảo luận nhóm	G10

	<p>5.1.2. Nhiệm vụ của khởi tố vụ án hình sự</p> <p>5.1.3. Ý nghĩa của khởi tố vụ án hình sự</p> <p>5.2. Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự</p> <p>5.3. khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu người bị hại</p> <p>5.4. Cơ sở, căn cứ khởi tố vụ án hình sự</p> <p>5.4.1. Cơ sở khởi tố vụ án</p> <p>5.4.2. Căn cứ khởi tố vụ án</p> <p>5.4.3. Căn cứ không khởi tố vụ án</p> <p>5.5. Quyền hạn và trách nhiệm của Viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự</p>			
8	<p>CHƯƠNG 6. ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ</p> <p>6.1. Khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa của điều tra vụ án hình sự</p> <p>6.1.1. Khái niệm điều tra vụ án hình sự</p> <p>6.1.2. Nhiệm vụ của điều tra vụ án hình sự</p> <p>6.1.3. Ý nghĩa của điều tra vụ án hình sự</p> <p>6.2. Những quy định chung về điều tra vụ án hình sự</p> <p>6.2.1. Thẩm quyền điều tra</p> <p>6.2.2. Thời hạn điều tra, phục hồi điều tra, điều tra bổ sung và điều tra lại</p> <p>6.2.3. Thời hạn tạm giam để điều tra</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	Làm bài tập tình huống xác định thẩm quyền điều tra.	G11, G12
9	<p>6.3. Các hoạt động điều tra</p> <p>6.3.1. Khởi tố bị can và hỏi cung bị can</p> <p>6.3.2. Lấy lời khai người tham gia tố tụng</p> <p>6.3.3. Đối chất, nhận dạng, giám định</p> <p>6.3.4. Khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Trả lời câu hỏi nhận định Chia nhóm, trả lời câu hỏi thảo luận	

	<p>6.3.4. Khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản</p> <p>6.3.5. Khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi</p> <p>6.3.6. Xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra</p> <p>6.4. Tạm đình chỉ điều tra, kết thúc điều tra</p> <p>6.4.1. Tạm đình chỉ điều tra</p> <p>6.4.2. Kết thúc điều tra</p> <p>6.5. Quyền hạn và trách nhiệm của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.</p>			
10	<p>CHƯƠNG 7. TRUY TỐ</p> <p>7.1. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của giai đoạn truy tố</p> <p>7.1.1. Khái niệm của giai đoạn truy tố</p> <p>7.1.2. Nhiệm vụ của giai đoạn truy tố</p> <p>7.1.3. Ý nghĩa của giai đoạn truy tố</p> <p>7.2. Hoạt động của VKS trong giai đoạn truy tố</p> <p>7.2.1. Nhận hồ sơ và nghiên cứu hồ sơ</p> <p>7.2.2. Quyết định của VKS trong giai đoạn truy tố</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Trả lời câu hỏi nhận định Chia nhóm, trả lời câu hỏi thảo luận nhóm	G13
11	<p>CHƯƠNG 8. XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ</p> <p>8.1. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của xét xử sơ thẩm vụ án hình sự</p> <p>8.2. Thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án</p> <p>8.3. Chuẩn bị xét xử</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết diễn án	Chia nhóm thảo luận nội dung, phân vai, diễn án	G14, G15
12	<p>8.4. Những quy định chung về thủ tục tố tụng tại phiên tòa</p> <p>8.5. Trình tự xét xử vụ án tại phiên tòa</p> <p>8.6. Những việc cần làm sau khi kết thúc phiên tòa</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết diễn án	Chia nhóm thảo luận nội dung phân vai, diễn án	G14, G15

13	<p>CHƯƠNG 9. XÉT XỬ PHỨC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ</p> <p>9.1. Khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa</p> <p>9.1.1. Khái niệm</p> <p>9.1.2. Nhiệm vụ và ý nghĩa</p> <p>9.2. Kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm</p> <p>9.2.1. Đối tượng kháng cáo</p> <p>9.2.2. Chủ thể của quyền kháng cáo, kháng nghị</p> <p>9.3. Xét xử phúc thẩm</p> <p>9.3.1. Những quy định chung</p> <p>9.3.2. Thủ tục phiên tòa phúc thẩm</p> <p>9.3.3. Quyền hạn của tòa án cấp phúc thẩm</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết diễn án	Chia nhóm thỏa luận phân nội dung phân vai, diễn án	G16, G17, G18
14	<p>CHƯƠNG 10. XÉT LẠI BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH ĐÃ CÓ HIỆU LỰC CỦA TÒA ÁN</p> <p>10.1. Thủ tục giám đốc thẩm</p> <p>10.1.1. Khái niệm, nhiệm vụ, tính chất của thủ tục giám đốc thẩm</p> <p>10.1.2. Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm</p> <p>10.1.3. Xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm</p> <p>10.1.4. Thẩm quyền của hội đồng giám đốc thẩm</p> <p>10.2. Thủ tục tái thẩm</p> <p>10.2.1. Khái niệm, nhiệm vụ, tính chất của thủ tục tái thẩm</p> <p>10.2.2. Kháng nghị theo thủ tục tái thẩm</p> <p>10.2.3. Xét xử theo thủ tục tái thẩm</p> <p>10.2.4. Thẩm quyền của hội đồng tái thẩm</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Trả lời câu hỏi nhận định Chia nhóm, trả lời câu hỏi thảo luận	G19
15	<p>CHƯƠNG 11. THỦ TỤC ĐẶC BIỆT VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Trả lời câu hỏi nhận định Chia nhóm, trả lời câu hỏi	G20

<p>11.1. Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự</p> <p>11.1.1. Thủ tục rút gọn</p> <p>11.1.2. Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên</p> <p>11.1.3. Khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự</p> <p>11.2. Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự</p> <p>11.2.1. Khái niệm, ý nghĩa của hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự</p> <p>11.2.2. Những quy định chung về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự</p> <p>11.2.3. Nội dung hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự</p>		thảo luận nhóm	
--	--	----------------	--

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học môn Luật Hình sự học phần 1, và Luật Hình sự học phần 2.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ 	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT THƯƠNG MẠI 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật Thương mại 1 (tiếng Anh): Commercial Law 1	
- Mã số học phần: 843307	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm, cơ cấu tổ chức, hoạt động, vốn và chế định tài sản của thương nhân; những hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh của các chủ thể kinh doanh; vấn đề tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên nhận thức những kiến thức chung về quy chế pháp lý của các chủ thể kinh doanh như: hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động thương mại, các loại hình doanh nghiệp; phân biệt được các loại chủ thể kinh doanh này trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại. Ngoài ra sinh viên còn nắm vững các dấu hiệu của phá sản doanh nghiệp, Hợp tác xã cũng như biết được các quy định của pháp luật về cạnh tranh trong kinh doanh.

Về kỹ năng: Học xong học phần này, sinh viên có kỹ năng tham khảo tài liệu, vững về phương pháp so sánh luật thông qua việc tìm kiếm, đọc văn bản quy phạm pháp luật, vận dụng giải quyết những tình huống xảy ra trên thực tế liên quan đến hoạt động trong lãnh vực tổ chức doanh nghiệp của các chủ thể kinh doanh; nhận diện tốt hơn các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, các hành vi hạn chế cạnh tranh và vấn đề phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

Về thái độ: Nâng cao ý thức pháp luật của sinh viên; Tăng cường khả năng tư duy, ý thức, tinh thần học tập, lập luận, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đam mê khởi nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm, đặc điểm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật thương mại. Phân tích được vai trò, ý nghĩa của Luật Thương mại trong đời sống xã hội; mô tả được lịch sử hình thành và phát triển của Luật Thương mại.	2
G2	Phân biệt được đối tượng điều chỉnh của Luật thương mại với các ngành luật khác	4
G3	Trình bày được các loại chủ thể kinh doanh, đặc điểm, quy chế pháp lý; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh	2
G4	So sánh để thấy sự khác biệt của các chủ thể kinh doanh về đặc điểm, cơ cấu tổ chức, quản trị nội bộ; chế độ trách nhiệm; thẩm quyền của các cơ quan trong bộ máy.	4
G5	Trình bày được khái niệm, đặc điểm; các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh và thủ tục tố tụng cạnh tranh	2
G6	Phân biệt được các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh và nhận biết các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh trong thực tiễn	4
G7	Trình bày được khái niệm, đặc điểm của phá sản; Liệt kê được các đối tượng có quyền và nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản; trình tự, thủ tục tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Phân tích được ý nghĩa của pháp luật về phá sản	2

G8	Phân biệt được giải thể và phá sản. Biết áp dụng để phân chia tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã khi thanh toán nợ trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản	3
----	--	---

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI

1.1. Khái quát chung

- 1.1.1. Khái lược về sự hình thành và phát triển của pháp luật thương mại
- 1.1.2. Khái niệm
- 1.1.3. Đặc điểm

1.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh

- 1.2.1. Đối tượng điều chỉnh
- 1.2.2. Phương pháp điều chỉnh

1.3. Vai trò luật thương mại trong sự phát triển kinh tế.

1.4. Nguồn cơ bản của Luật Thương mại

- 1.4.1. Điều ước quốc tế
- 1.4.2. Văn bản quy phạm pháp luật
- 1.4.3. Tập quán thương mại
- 1.4.4. Án lệ
- 1.4.5. Hành vi pháp lý

CHƯƠNG 2: THƯƠNG NHÂN

2.1. Khái niệm, đặc điểm

- 2.1.1. Khái niệm thương nhân
- 2.1.2. Đặc điểm của thương nhân
- 2.1.2. Phân loại thương nhân

2.2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của thương nhân

- 2.2.1. Quyền của thương nhân
- 2.2.2. Nghĩa vụ của thương nhân

2.3. Trách nhiệm về tài sản của các chủ thể kinh doanh

- 2.3.1. Trách nhiệm hữu hạn
- 2.3.2. Trách nhiệm vô hạn

CHƯƠNG 3: QUY CHẾ PHÁP LÝ CỦA THƯƠNG NHÂN

3.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

- 3.1.1. Khái niệm và đặc điểm.
- 3.1.2. Bộ máy tổ chức và quản lý hoạt động.
- 3.1.3. Chế độ vốn và tài chính

3.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

- 3.2.1. Khái niệm và đặc điểm.

3.2.2. Bộ máy tổ chức và quản lý hoạt động.

3.2.3. Chế độ vốn và tài chính

3.3. Công ty cổ phần

3.3.1. Khái niệm và đặc điểm, cổ phần, cổ phiếu, cổ đông.

3.3.2. Bộ máy tổ chức và quản lý hoạt động.

3.3.3. Chế độ vốn và tài chính

3.4. Công ty hợp danh

3.4.1. Khái niệm và đặc điểm.

3.4.2. Bộ máy tổ chức và quản lý hoạt động.

3.4.3. Chế độ vốn và tài chính

3.5. Doanh nghiệp tư nhân

3.5.1. Khái niệm và đặc điểm.

3.5.2. Quản lý hoạt động.

3.5.3. Chế độ vốn và tài chính

3.6. Hộ kinh doanh

3.6.1. Khái niệm

3.6.2. Đặc điểm

3.7. Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã

3.7.1. Khái niệm, đặc điểm của HTX, Liên hiệp HTX

3.7.2. Nguyên tắc tổ chức và quy chế pháp lý về xã viên

3.7.3. Quyền và nghĩa vụ của HTX, Liên hiệp HTX

CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT VỀ CẠNH TRANH TRONG KINH DOANH

4.1. Một số vấn đề chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh

4.1.1. Khái niệm về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh

4.1.2. Quá trình hình thành cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh trên thế giới và Việt Nam

4.2. Quy định của pháp luật hiện hành về cạnh tranh

4.2.1. Nội dung pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh

4.2.2. Nội dung quy định của pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

4.3. Thẩm quyền xử lý các vụ việc cạnh tranh

4.3.1. Hội đồng xử lý cạnh tranh

4.3.2. Cục quản lý cạnh tranh

CHƯƠNG 5. PHÁP LUẬT VỀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ

5.1. Khái quát về pháp luật phá sản

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Nội dung

5.1.3. Phân loại phá sản.

5.1.4. Phân biệt phá sản và giải thể doanh nghiệp.

5.2. Các chủ thể tham gia quá trình giải quyết yêu cầu phá sản

- 5.2.1. Chủ nợ
- 5.2.2. Doanh nghiệp, Hợp tác xã mất khả năng thanh toán
- 5.2.3. Tòa án
- 5.2.4. Quản tài viên và doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
- 5.2.5. Cơ quan thi hành án

5.3. Trình tự, thủ tục giải quyết phá sản

- 5.3.1. Nộp và thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản
- 5.3.2. Mở thủ tục giải quyết yêu cầu phá sản
- 5.3.3. Hội nghị chủ nợ
- 5.3.4. Phục hồi hoạt động kinh doanh
- 5.3.5. Tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản
- 5.3.6. Thi hành quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] *Giáo trình Luật Thương mại tập 1*, Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB. Công An Nhân Dân, 2017.

[2] Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác, Luật Phá sản hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Sách chuyên khảo và các bài báo khoa học đăng ở tạp chí ngành luật học có nội dung tương ứng.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI. 1.1. Khái quát chung 1.1.1. Khái lược về sự hình thành và phát triển của pháp luật thương mại. 1.1.2. Khái niệm 1.1.3. Đặc điểm 1.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh 1.1.1. Đối tượng điều chỉnh	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra; lấy các ví dụ thực tế để làm sáng tỏ vấn đề lý luận,	G2; G3

	<p>1.1.2. Phương pháp điều chỉnh</p> <p>1.3. Vai trò luật thương mại trong sự phát triển kinh tế.</p> <p>1.4. Nguồn cơ bản của Luật Thương mại</p> <p>1.1.1. Điều ước quốc tế</p> <p>1.1.2. Văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>1.1.3. Tập quán thương mại</p> <p>1.1.4. Án lệ</p> <p>1.1.5. Hành vi pháp lý</p>			
2	<p>CHƯƠNG 2: THƯƠNG NHÂN</p> <p>2.1. Khái niệm, đặc điểm</p> <p>2.1.1. Khái niệm thương nhân</p> <p>2.1.2. Đặc điểm của thương nhân</p> <p>2.1.2. Phân loại thương nhân</p>	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Trả lời các câu hỏi; làm bài tập	G2; G3;G4
3	<p>2.2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của thương nhân</p> <p>2.2.1. Quyền của thương nhân</p> <p>2.2.2. Nghĩa vụ của thương nhân</p> <p>2.3. Trách nhiệm về tài sản của các chủ thể kinh doanh</p> <p>2.3.1. Trách nhiệm hữu hạn</p> <p>2.3.2. Trách nhiệm vô hạn</p>	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Trả lời các câu hỏi; làm bài tập	G2; G3;G4
4	<p>CHƯƠNG 3: QUY CHẾ PHÁP LÝ CỦA THƯƠNG NHÂN</p> <p>3.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.</p> <p>3.1.1. Khái niệm và đặc điểm.</p> <p>3.1.2. Bộ máy tổ chức và quản lý hoạt động.</p> <p>3.1.3. Chế độ vốn và tài chính</p>	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2;G3;G4;G5
5	<p>3.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên</p> <p>3.2.1. Khái niệm và đặc điểm.</p> <p>3.2.2. Bộ máy tổ chức và quản lý hoạt động.</p> <p>3.2.3. Chế độ vốn và tài chính</p>	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3;G4

6	3.3. Công ty cổ phần 3.3.1. Khái niệm và đặc điểm, cổ phần, cổ phiếu, cổ đông. 3.3.2. Bộ máy tổ chức và quản lý hoạt động. 3.3.3. Chế độ vốn và tài chính	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3;G4
7	3.4. Công ty hợp danh 3.4.1. Khái niệm và đặc điểm. 3.4.2. Bộ máy tổ chức và quản lý hoạt động. 3.4.3. Chế độ vốn và tài chính	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3;G4
8	3.5. Doanh nghiệp tư nhân 3.5.1. Khái niệm và đặc điểm. 3.5.2. Quản lý hoạt động. 3.5.3. Chế độ vốn và tài chính 3.6. Hộ kinh doanh	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3;G4
9	3.7. Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã 3.7.1. Khái niệm, đặc điểm của HTX, Liên hiệp HTX 3.7.2. Nguyên tắc tổ chức và quy chế pháp lý về xã viên 3.7.3. Quyền và nghĩa vụ của HTX, Liên hiệp HTX	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3;G4
10	CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT VỀ CẠNH TRANH TRONG KINH DOANH 4.1. Một số vấn đề chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh 4.1.1. Khái niệm về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh 4.1.2. Quá trình hình thành cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh trên thế giới và Việt Nam	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2;G3;G4;G5
11	4.2. Quy định của pháp luật hiện hành về cạnh tranh 4.2.1. Nội dung pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3;G4

12	4.2.2. Nội dung quy định của pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3;G 4
13	4.3. Thảm quyền xử lý các vụ việc cạnh tranh 4.3.1. Hội đồng xử lý cạnh tranh 4.3.2. Cục quản lý cạnh tranh	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3;G 4
14	CHƯƠNG 5. PHÁP LUẬT VỀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ 5.1. Khái quát về pháp luật phá sản 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Nội dung 5.1.3. Phân loại phá sản. 5.1.4. Phân biệt phá sản và giải thể doanh nghiệp. 5.2. Các chủ thể tham gia quá trình giải quyết yêu cầu phá sản 5.2.1. Chủ nợ 5.2.2. Doanh nghiệp, Hợp tác xã mất khả năng thanh toán 5.2.3. Tòa án 5.2.4. Quản tài viên và doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản 5.2.5. Cơ quan thi hành án	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2;G 3
15	5.3. Trình tự, thủ tục giải quyết phá sản 5.3.1. Nộp và thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản 5.3.2. Mở thủ tục giải quyết yêu cầu phá sản 5.3.3. Hội nghị chủ nợ 5.3.4. Phục hồi hoạt động kinh doanh 5.3.5. Tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản 5.3.6. Thi hành quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3;G 4

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải đọc trước bài ở nhà trước mỗi nội dung học;
- Mang theo các văn bản pháp luật liên quan cho từng nội dung học

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0,4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0,1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0,3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0,4	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.
- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2016

PHÓ TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
PHỤ TRÁCH

TS. Hoàng Thị Việt Anh TS. Hoàng Thị Việt Anh ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT THƯƠNG MẠI 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật thương mại 2 (tiếng Anh): Commercial law 2	
- Mã số học phần: 843308	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	3
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	15
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Luật thương mại 1
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Luật Thương mại 2 là môn học trong chương trình khung giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm đáp ứng các yêu cầu cơ bản của Sinh viên trong việc nắm bắt được thủ tục và điều kiện cơ bản để khởi sự kinh doanh và hoạt động thương mại trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, từ đó tạo tiền đề cho Sinh viên có nhận thức lý luận để tự mình lựa chọn các hoạt động thương mại và nhận biết các loại hợp đồng trong hoạt động thương mại qua đó, xác định được quyền và nghĩa vụ của thương nhân để giải quyết các tình huống cụ thể. Bên cạnh đó còn giúp Sinh viên thông thạo hơn trong việc nhận biết về các hình thức và thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên nhận thức những kiến thức lý thuyết chung về hoạt động Thương mại trong bối cảnh nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích rõ khái niệm thương nhân và nắm bắt rõ các loại hợp đồng thương mại, các hoạt động thương mại cụ thể như mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ thương mại, các hoạt động xúc tiến thương mại, hoạt động đầu tư và các hoạt động thương mại khác; các quyền và nghĩa vụ của thương nhân, các hình thức giải quyết tranh chấp của các chủ thể kinh doanh hoạt động thương mại

Về kỹ năng: Học xong học phần này, sinh viên có kỹ năng tham khảo tài liệu, kỹ năng tìm kiếm, đọc văn bản quy phạm pháp luật, vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn giải quyết những tình huống xảy ra trên thực tế liên quan đến hoạt động thương mại như mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ thương mại, các hoạt động xúc tiến thương mại, hoạt động đầu tư và các hoạt động thương mại khác. Ngoài ra sinh viên nắm vững được các hình thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại thông qua kỹ năng phân tích ưu, nhược điểm của các hình thức giải quyết tranh chấp.

Về thái độ: Từ việc có những kiến thức pháp luật về hoạt động Thương mại, góp phần vào việc hình thành, nâng cao ý thức pháp luật của sinh viên; Tăng cường khả năng tư duy sáng tạo trong việc phân tích luật, ý thức, tinh thần học tập, lập luận, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đam mê hoạt động kinh doanh, thương mại và có kỹ năng giải quyết tốt các tình huống pháp lý trong hoạt động thương mại.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Nhớ được khái niệm, phân loại thương nhân, trình bày được các điều kiện và thủ tục cơ bản để thành lập một doanh nghiệp	2.0
G2	Trình bày được khái niệm hoạt động thương mại, các loại hoạt động thương mại, phạm vi áp dụng của Luật thương mại và các nguyên tắc cơ bản của Luật thương mại	2.0
G3	Nhớ được khái niệm, đặc điểm, phân loại hợp đồng thương mại. Hiểu về các bước giao kết một hợp đồng thương mại và áp dụng kiến thức để soạn thảo một bản hợp đồng thương mại	3.0
G4	Hiểu các quy định về thực hiện hợp đồng, các biện pháp bảo đảm thực hiện và các chế tài vi phạm hợp đồng, áp dụng quy định pháp luật vào giải quyết tình huống.	3.5
G5	Trình bày được khái niệm, đặc điểm của hoạt động mua bán hàng hoá, quyền và nghĩa vụ của các bên	2.0

G6	<i>Vận dụng</i> các quy định về hoạt động mua bán hàng hoá để giải quyết tình huống.	3.5
G7	<i>Trình bày</i> được khái niệm, đặc điểm của hoạt động dịch vụ thương mại, quyền và nghĩa vụ của các bên	2.0
G8	<i>Vận dụng</i> các quy định về hoạt động dịch vụ thương mại để giải quyết tình huống,	3.5
G9	<i>Hiểu</i> khái niệm, quy định, các loại hình của hoạt động trung gian thương mại, quyền và nghĩa vụ cụ thể của các bên, <i>liên hệ thực tiễn, áp dụng</i> quy định pháp luật để giải quyết tình huống	4.0
G10	<i>Hiểu</i> khái niệm, quy định, các loại hình của hoạt động xúc tiến thương mại, quyền và nghĩa vụ cụ thể của các bên, <i>liên hệ thực tiễn, áp dụng</i> quy định pháp luật để giải quyết tình huống	4.0
G11	<i>Hiểu</i> khái niệm, quy định của các hoạt động đấu giá hàng hoá, đấu thầu hàng hoá, cho thuê hàng hoá, gia công hàng hoá, nhượng quyền thương mại .. quyền và nghĩa vụ cụ thể của các bên, <i>áp dụng</i> quy định pháp luật để giải quyết tình huống	3.0
G12	<i>Hiểu</i> các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, phân tích, <i>đánh giá</i> được ưu nhược điểm để đưa ra nhận định cho các tình huống cụ thể.	4.5

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1.

KHÁI QUÁT VỀ THƯƠNG NHÂN VÀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

1.1. Thương nhân

- 1.1.1. Khái niệm thương nhân
- 1.1.2. Phân loại thương nhân
- 1.1.3 Điều kiện và thủ tục cơ bản thành lập doanh nghiệp

1.2. Hoạt động thương mại

- 1.2.1. Khái niệm hoạt động thương mại
- 1.2.2. Các loại hoạt động thương mại
- 1.2.3 Phạm vi áp dụng của Luật thương mại và các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thương mại

CHƯƠNG 2. PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI

2.1. Khái quát về pháp luật hợp đồng thương mại

- 2.1.1 Khái niệm
- 2.1.2. Các loại hợp đồng thương mại

2.2. Giao kết hợp đồng

- 2.2.1. Đề nghị giao kết

- 2.2.2. Chấp nhận giao kết
- 2.2.3. Các nguyên tắc trong giao kết hợp đồng
- 2.2.4. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng

2.3. Thực hiện hợp đồng, các biện pháp bảo đảm thực hiện và các chế tài vi phạm hợp đồng.

- 2.3.1. Thực hiện hợp đồng, các biện pháp bảo đảm thực hiện
- 2.3.2. Các chế tài vi phạm hợp đồng

2.4. Thực hành

CHƯƠNG 3: MUA BÁN HÀNG HOÁ TRONG THƯƠNG MẠI

3.1. Khái quát về mua bán hàng hoá

- 3.1.1. Khái niệm
- 3.1.2. Các hoạt động mua bán hàng hoá

3.2. Hợp đồng mua bán hàng hoá

- 3.2.1. Chủ thể hợp đồng thương mại
- 3.2.2. Hình thức hợp đồng mua bán hàng hoá

3.3. Mua bán hàng hoá qua sở giao dịch hàng hoá

- 3.3.1. Khái niệm
- 3.3.2. Hợp đồng mua bán hàng hoá qua sở giao dịch

3.4. Thực hành

CHƯƠNG 4: DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

4.1. Khái quát về hoạt động cung ứng dịch vụ

- 4.1.1. Khái niệm
- 4.1.2. Hợp đồng dịch vụ

4.2. Các hoạt động dịch vụ thương mại chủ yếu

- 4.2.1. Dịch vụ logistics
- 4.2.2. Dịch vụ quá cảnh hàng hoá
- 4.2.3. Dịch vụ giám định thương mại

4.3. Thực hành

CHƯƠNG 5: HOẠT ĐỘNG TRUNG GIAN THƯƠNG MẠI

5.1. Đại diện cho thương nhân

- 5.1.1. Khái niệm, đặc điểm
- 5.1.2. Hợp đồng đại diện thương nhân
- 5.1.3. Thời hạn đại diện và hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hoạt động đại diện.
- 5.1.4. Quyền và nghĩa vụ các bên

5.2. Môi giới thương mại

- 5.2.1. Khái niệm, đặc điểm
- 5.2.2. Hợp đồng môi giới thương mại
- 5.2.3. Quyền và nghĩa vụ các bên

5.3. Ủy thác mua bán hàng hoá

- 5.3.1. Khái niệm và đặc điểm
- 5.3.2. Hợp đồng ủy thác mua bán hàng hoá

5.4. Đại lý thương mại

- 5.4.1. Khái niệm, đặc điểm
- 5.4.2. Các hình thức đại lý
- 5.4.3. Hợp đồng đại lý thương mại
- 5.4.4. Thù lao đại lý và thời hạn đại lý.

CHƯƠNG 6: CÁC HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

6.1. Khái niệm, đặc điểm của các hoạt động xúc tiến thương mại

- 6.1.1. Khái niệm
- 6.1.2. Đặc điểm

6.2 Các hoạt động xúc tiến thương mại

- 6.2.1. Khuyến mại và các hình thức khuyến mại
- 6.2.2. Quảng cáo thương mại
- 6.2.3. Trưng bày, giới thiệu hàng hoá dịch vụ
- 6.2.4. Hội chợ triển lãm thương mại

CHƯƠNG 7: MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI KHÁC

7.1. Đấu giá hàng hoá

- 7.1.1. Khái niệm
- 7.1.2. Phương thức đấu giá
- 7.1.3. Hợp đồng dịch vụ đấu giá
- 7.1.4. Quyền và nghĩa vụ các bên

7.2. Đấu thầu hàng hoá

- 7.2.1. Khái niệm, đặc điểm
- 7.2.2. Các hình thức đấu thầu và phương thức đấu thầu
- 7.2.3. Các nguyên tắc đấu thầu
- 7.2.4. Thủ tục thực hiện việc đấu thầu

7.3. Cho thuê hàng hoá

- 7.3.1. Khái niệm
- 7.3.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên
- 7.3.3. Một số lưu ý đối với hoạt động cho thuê hàng hoá trong thương mại

7.4. Nhượng quyền thương mại

- 7.4.1. Khái niệm và đặc điểm
- 7.4.2. Quyền và nghĩa vụ các bên
- 7.4.3. Đăng ký nhượng quyền

7.5. Gia công thương mại

- 7.5.1. Khái niệm

- 7.5.2. Hàng hoá gia công
- 7.5.3. Quyền và nghĩa vụ các bên.

CHƯƠNG 8: PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH THƯƠNG MẠI

8.1. Khái niệm về tranh chấp và giải quyết tranh chấp kinh doanh

8.2. Các hình thức giải quyết tranh chấp.

- 8.2.1. Thương lượng
- 8.2.2. Hoà giải
- 8.2.3. Trọng tài thương mại
- 8.2.4. Toà án nhân dân

8.3. Thực hành

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

- [1] Giáo trình Luật Thương mại phần I và II, Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân năm 2007
- [2] Giáo trình Luật kinh tế Việt Nam, PGS.TS. Nguyễn Như Phát, NXB Công an nhân dân năm 2008
- [3] Luật thương mại nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2005.

6.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Sách chuyên khảo *Tuyển chọn các bản án giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh và thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp quận huyện trên địa bàn TP. HCM*, Nhà xuất bản Công an Nhân dân, năm 2016
- [2] TS. Nguyễn Thanh Tú - Sách chuyên khảo *Pháp luật cạnh tranh chuyển giao công nghệ và hiệp định TRIPS kinh nghiệm cho VN* - NXB Chính trị quốc gia, 2010.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ THƯƠNG NHÂN VÀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI.</p> <p>1.1. Thương nhân</p> <p>1.1.1. Khái niệm thương nhân</p> <p>1.1.2. Phân loại thương nhân</p> <p>1.1.3. Điều kiện và thủ tục cơ bản thành lập doanh nghiệp</p> <p>1.2. Hoạt động thương mại</p>	3 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra; lấy các ví dụ thực tế để làm sáng tỏ vấn đề lý luận, làm bài tập	G1, G2

	1.2.1. Khái niệm hoạt động thương mại 1.2.2. Các loại hoạt động thương mại 1.2.3 Phạm vi áp dụng của Luật thương mại và các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thương mại			
2	Thực hành	3 tiết thực hành	Thảo luận theo nhóm, giải quyết các tình huống liên quan đến quy chế thương nhân.	G1, G2
3	CHƯƠNG 2. PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI 2.1. Khái quát về pháp luật hợp đồng thương mại 2.1.1 Khái niệm 2.1.2. Các loại hợp đồng thương mại 2.2. Giao kết hợp đồng 2.2.1. Đề nghị giao kết 2.2.2. Chấp nhận giao kết 2.2.3. Các nguyên tắc trong giao kết hợp đồng 2.2.4. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng	3 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra; lấy các ví dụ thực tế để làm sáng tỏ vấn đề lý luận, làm bài tập	G3
4	2.3. Thực hiện hợp đồng, các biện pháp bảo đảm thực hiện và các chế tài vi phạm hợp đồng. 2.3.1. Thực hiện hợp đồng, các biện pháp bảo đảm thực hiện 2.3.2. Các chế tài vi phạm hợp đồng	3 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra; lấy các ví dụ thực tế để làm sáng tỏ vấn đề lý luận, làm bài tập	G4
5	2.4 Thực hành	3 tiết thực hành	Thảo luận theo nhóm, giải quyết các tình huống về hợp đồng thương mại.	G3, G4
6	CHƯƠNG 3: MUA BÁN HÀNG HOÁ TRONG THƯƠNG MẠI	3 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G5

	<p>3.1. Khái quát về mua bán hàng hoá</p> <p>3.1.1 Khái niệm</p> <p>3.1.2 Các hoạt động mua bán hàng hoá</p> <p>3.2 Hợp đồng mua bán hàng hoá</p> <p>3.2.1 Chủ thể hợp đồng thương mại</p> <p>3.2.2 Hình thức hợp đồng mua bán hàng hoá</p> <p>3.3 Mua bán hàng hoá qua sở giao dịch hàng hoá</p> <p>3.3.1 Khái niệm</p> <p>3.3.2 Hợp đồng mua bán hàng hoá qua sở giao dịch</p>			
7	<p>3.4 Thực hành</p>	3 tiết thực hành	Thảo luận theo nhóm, giải quyết các tình huống về hoạt động mua bán hàng hoá thông thường và hoạt động mua bán hàng hoá qua sở giao dịch hàng hoá.	G5, G6
8	<p>CHƯƠNG 4: DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI</p> <p>4.1. Khái quát về hoạt động cung ứng dịch vụ</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Hợp đồng dịch vụ</p> <p>4.2 Các hoạt động dịch vụ thương mại chủ yếu</p> <p>4.2.1. Dịch vụ logistics</p> <p>4.2.2. Dịch vụ quá cảnh hàng hoá</p> <p>4.2.3. Dịch vụ giám định thương mại</p>	3 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G7
9	<p>4.3 Thực hành</p>	3 tiết thực hành	Thảo luận theo nhóm, giải quyết	G7, G8

			các tình huống về hoạt động cung ứng dịch vụ thương mại	
10	<p>CHƯƠNG 5: HOẠT ĐỘNG TRUNG GIAN THƯƠNG MẠI</p> <p>5.1. Đại diện cho thương nhân</p> <p>5.1.1. Khái niệm, đặc điểm</p> <p>5.1.2. Hợp đồng đại diện thương nhân</p> <p>5.1.3. Thời hạn đại diện và hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hoạt động đại diện.</p> <p>5.1.4. Quyền và nghĩa vụ các bên</p> <p>5.2. Môi giới thương mại</p> <p>5.2.1 Khái niệm, đặc điểm</p> <p>5.2.2 Hợp đồng môi giới thương mại</p> <p>5.2.3. Quyền và nghĩa vụ các bên</p>	3 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G9
11	<p>5.3. Ủy thác mua bán hàng hoá</p> <p>5.3.1. Khái niệm và đặc điểm</p> <p>5.3.2. Hợp đồng ủy thác mua bán hàng hoá</p> <p>5.4. Đại lý thương mại</p> <p>5.4.1. Khái niệm, đặc điểm</p> <p>5.4.2 Các hình thức đại lý</p> <p>5.4.3. Hợp đồng đại lý thương mại</p> <p>5.4.4. Thủ lao đại lý và thời hạn đại lý.</p>	3 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G9
12	<p>CHƯƠNG 6: CÁC HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI</p> <p>6.1. Khái niệm, đặc điểm của các hoạt động xúc tiến thương mại</p> <p>6.1.1. Khái niệm</p> <p>6.1.2. Đặc điểm</p> <p>6.2. Các hoạt động xúc tiến thương mại</p> <p>6.2.1. Khuyến mại và các hình thức khuyến mại</p> <p>6.2.2. Quảng cáo thương mại</p>	3 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G10

	6.2.3. Trưng bày, giới thiệu hàng hoá dịch vụ 6.2.4. Hội chợ triển lãm thương mại			
13	<p>CHƯƠNG 7: MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI KHÁC</p> <p>7.1. Đấu giá hàng hoá 7.1.1. Khái niệm 7.1.2. Phương thức đấu giá 7.1.3. Hợp đồng dịch vụ đấu giá 7.1.4. Quyền và nghĩa vụ các bên</p> <p>7.2. Đấu thầu hàng hoá 7.2.1. Khái niệm, đặc điểm 7.2.2. Các hình thức đấu thầu và phương thức đấu thầu 7.2.3. Các nguyên tắc đấu thầu 7.2.4. Thủ tục thực hiện việc đấu thầu</p> <p>7.3. Cho thuê hàng hoá 7.3.1. Khái niệm 7.3.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên 7.3.3. Một số lưu ý đối với hoạt động cho thuê hàng hoá trong thương mại</p> <p>7.4. Nhượng quyền thương mại 7.4.1. Khái niệm và đặc điểm 7.4.2. Quyền và nghĩa vụ các bên 7.4.3. Đăng ký nhượng quyền</p> <p>7.5. Gia công thương mại 7.5.1. Khái niệm 7.5.2. Hàng hoá gia công 7.5.3. Quyền và nghĩa vụ các bên.</p>	3 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G11
14	<p>CHƯƠNG 8: PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH THƯƠNG MẠI</p> <p>8.1. Khái niệm về tranh chấp và giải quyết tranh chấp kinh doanh</p> <p>8.2. Các hình thức giải quyết tranh chấp. 8.2.1. Thương lượng</p>	3 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G12

	8.2.2. Hoà giải 8.2.3. Trọng tài thương mại 8.2.4. Toà án nhân dân			
15	8.3. Thực hành	3 tiết thực hành	Thảo luận theo nhóm, giải quyết các tình huống về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại	G12

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên đọc tài liệu theo các tài liệu bắt buộc trong đề cương môn học;
- Đọc các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết tình huống

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0,4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0,1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0,3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật Hôn nhân và Gia đình (tiếng Anh): Law on marriage and family	
- Mã số học phần: 843037	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	20
- Học phần tiên quyết:	Luật Dân sự - HP1 (843029)
- Học phần song hành (nếu có):	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Người học tiếp thu được những kiến thức cơ bản về pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam liên quan đến quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình; các vấn đề pháp lý về kết hôn và ly hôn, quyền và nghĩa vụ về nhân thân, về tài sản giữa vợ và chồng, quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. Người học có khả năng thu thập, xử lý thông tin, sử dụng phương tiện hiện đại để truy cập thông tin dữ liệu pháp lý liên quan đến việc nghiên cứu các chế định pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Học phần Hôn nhân và gia đình là môn học pháp lý thuộc kiến thức chung của ngành chính, cung cấp cho người học khái niệm và những nguyên tắc cơ bản luật của Luật hôn nhân và gia đình; quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; sự

phát triển của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; các chế định cụ thể của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; kết hôn, hủy kết hôn trái pháp luật; quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ với con và các thành viên trong gia đình; quan hệ cấp dưỡng và giám hộ giữa các thành viên trong gia đình; chấm dứt hôn nhân.

Về kỹ năng: Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, phân tích, so sánh, đánh giá và xây dựng lập luận giải quyết vấn đề để giải quyết tình huống cụ thể liên quan đến nội dung cơ bản của pháp luật hôn nhân và gia đình. Phát triển tư duy logic của người học trong học tập và nghiên cứu học phần.

Về thái độ: Hình thành tính tự tin, bản lĩnh cho sinh viên; chủ động vận dụng kiến thức đã học để phân tích và giải quyết các vấn đề kết hôn, hủy kết hôn trái pháp luật; tôn trọng các quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ với con và các thành viên trong gia đình; quan hệ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình, biết quý trọng hôn nhân và yêu thương gia đình.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày và cho ví dụ được về: Khái niệm và các đặc điểm của hôn nhân; Khái niệm và các chức năng cơ bản của gia đình; Các hình thái hôn nhân và gia đình trong lịch sử.	2
G2	Trình bày được: Định nghĩa luật hôn nhân và gia đình; Xác định được đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình; Nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân	2
G3	Trình bày và cho ví dụ được về khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; Các yếu tố của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ pháp lý làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt, quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình	2
G4	Tư vấn được trong hôn nhân về Các điều kiện để việc kết hôn hợp pháp	3
G5	Nhận biết được các trường hợp hủy kết hôn trái pháp luật và hậu quả pháp lý của hủy việc kết hôn trái pháp luật.	3
G6	Trình bày được khái niệm về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng; Nội dung quyền và nghĩa vụ của vợ chồng; Các trường hợp chia tài sản của vợ chồng; Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con và giữa các thành viên trong gia đình.	2

G7	Trình bày được các căn cứ ly hôn và tư vấn giải quyết các trường hợp ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.	3
G8	Trình bày được khái niệm cấp dưỡng và đặc điểm của quan hệ cấp dưỡng; Các trường hợp cấp dưỡng.	2
G9	Trình bày được khái niệm giám hộ; Điều kiện làm giám hộ; Các trường hợp giám hộ; Chấm dứt việc giám hộ.	2

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

1.1. Khái niệm và các đặc điểm của hôn nhân

1.2. Các hình thái hôn nhân và gia đình trong lịch sử

1.3. Khái niệm luật hôn nhân và gia đình Việt Nam

1.3.1. Định nghĩa luật hôn nhân và gia đình

1.3.2. Đối tượng điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình

1.3.3. Phương pháp điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình

1.4. Nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình

1.5. Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình

1.5.1. Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình

1.5.2. Các yếu tố của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình

1.5.3. Căn cứ pháp lý làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt, quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình

1.6.1. Pháp luật hôn nhân và gia đình thời kỳ phong kiến

1.6.2. Pháp luật hôn nhân và gia đình thời kỳ pháp thuộc

1.6.3. Pháp luật hôn nhân và gia đình thời kì từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay

1.6. Khái quát sự phát triển của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam

CHƯƠNG 2. KẾT HÔN

2.1. Khái niệm kết hôn

2.2. Các điều kiện để việc kết hôn hợp pháp

2.2.1. Đủ tuổi kết hôn

2.2.2. Tự nguyện kết hôn

2.2.3. Các trường hợp cấm kết hôn

2.2.4. Công nhận việc kết hôn

2.2.5. Giá trị pháp lí của giấy chứng nhận kết hôn

2.3. Tư vấn kết hôn

CHƯƠNG 3. HỦY KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT

3.1. Khái niệm kết hôn trái pháp luật và huỷ việc kết hôn trái pháp luật

3.2. Quyền yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật

3.3. Căn cứ huỷ việc kết hôn trái pháp luật

3.4. Đường lối giải quyết các trường hợp cụ thể

3.4.1. Kết hôn trước tuổi

3.4.2. Bị cưỡng ép, bị lừa dối kết hôn

3.4.3. Vi phạm các trường hợp cấm kết hôn

3.5. Hậu quả pháp lý của huỷ việc kết hôn trái pháp luật

3.5.1. Quyền về nhân thân

3.5.2. Quyền về tài sản

** Giải quyết tình huống về kết hôn trái pháp luật*

CHƯƠNG 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA VỢ VÀ CHỒNG

4.1. Khái niệm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng

4.2. Nội dung quyền và nghĩa vụ của vợ chồng

4.2.1. Quyền và nghĩa vụ về nhân thân giữa vợ và chồng

4.2.2. Quyền và nghĩa vụ về tài sản giữa vợ và chồng

4.3. Các trường hợp chia tài sản của vợ chồng

4.3.1. Chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn

4.3.2. Chia tài sản của vợ chồng khi một bên vợ, chồng chết

4.3.3. Chia tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

** Giải quyết tình huống pháp lý về vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo luật hôn nhân và gia đình*

CHƯƠNG 5. QUAN HỆ PHÁP LUẬT GIỮA CHA MẸ VÀ CON VÀ GIỮA CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH

5.1. Căn cứ phát sinh quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con

5.1.1. Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con phát sinh dựa trên sự kiện sinh đẻ

5.1.2. Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con phát sinh dựa trên sự kiện nuôi con nuôi

5.2. Nghĩa vụ và quyền giữa cha mẹ và con

5.2.1. Nghĩa vụ và quyền về nhân thân giữa cha mẹ và con

5.2.2. Nghĩa vụ và quyền về tài sản giữa cha mẹ và con

5.2.3. Hạn chế quyền của cha mẹ đối với con

5.3. Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình

5.3.1. Khái niệm về quan hệ giữa các thành viên trong gia đình

5.3.2. Nội dung quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên trong gia đình

** Giải quyết tình huống về quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con và giữa các thành viên trong gia đình*

CHƯƠNG 6. LY HÔN

6.1. Khái quát chung về ly hôn

- 6.1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về ly hôn
- 6.1.2. Khái niệm ly hôn
- 6.1.3. Quyền yêu cầu ly hôn
- 6.1.4. Điều kiện hạn chế quyền yêu cầu ly hôn

6.2. Căn cứ ly hôn

- 6.2.1. Định nghĩa
- 6.2.2. Nội dung căn cứ ly hôn

6.3. Đường lối giải quyết các trường hợp ly hôn

- 6.3.1. Đường lối chung
- 6.3.2. Đường lối giải quyết trường hợp thuận tình ly hôn
- 6.3.3. Đường lối giải quyết trường hợp ly hôn do một bên vợ, chồng yêu cầu

6.4. Hậu quả pháp lý của ly hôn

- 6.4.1. Quan hệ nhân thân
- 6.4.2. Quan hệ tài sản
- 6.4.3. Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ và con
- 6.4.4. Quan hệ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn

** Giải quyết các trường hợp liên quan đến ly hôn*

CHƯƠNG 7. CẤP DƯỠNG

7.1. Cấp dưỡng giữa các thành viên gia đình

- 7.1.1. Khái niệm cấp dưỡng
- 7.1.2. Đặc điểm của quan hệ cấp dưỡng

7.2. Căn cứ phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng

7.3. Mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng

- 7.3.1. Mức cấp dưỡng
- 7.3.2. Phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng

7.4. Các trường hợp cấp dưỡng

- 7.4.1. Giữa cha mẹ và con khi cha mẹ ly hôn
- 7.4.2. Giữa vợ và chồng khi ly hôn
- 7.4.3. Giữa anh chị em với nhau
- 7.4.4. Giữa ông bà và cháu

CHƯƠNG 8. GIÁM HỘ GIỮA CÁC THÀNH VIÊN GIA ĐÌNH

8.1. Khái niệm giám hộ và điều kiện làm giám hộ

- 8.1.1. Khái niệm giám hộ
- 8.1.2. Điều kiện làm giám hộ

8.2. Các trường hợp giám hộ

8.3. Chấm dứt việc giám hộ

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Bộ Luật Dân sự hiện hành; Luật Hôn nhân và Gia đình hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật hôn nhân và gia đình Việt Nam*, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội;

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] TS. Nguyễn Văn Cừ và Ngô Thị Hường (2000), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Luật hôn nhân và gia đình năm*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội;

[2] TS. Nguyễn Văn Cừ (2008), *Chế độ tài sản của vợ chồng theo pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam*, NXB. Tư pháp.

[3] PGS.TS. Nguyễn Ngọc Điện, *Bình luận khoa học Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam, Tập 1: Gia đình; Tập 2: Các quan hệ tài sản giữa vợ và chồng*, NXB Trẻ - TP Hồ Chí Minh.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH 1.1. Khái niệm và các đặc điểm của hôn nhân 1.2. Các hình thái hôn nhân và gia đình trong lịch sử 1.3. Khái niệm luật hôn nhân và gia đình Việt Nam 1.3.1. Định nghĩa luật hôn nhân và gia đình 1.3.2. Đối tượng điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình 1.3.3. Phương pháp điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình 1.4. Nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình	2 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.	G2
2	TIẾP CHƯƠNG 1... 1.5. Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình	2 tiết lý thuyết	SV: chia nhóm, chuẩn	G2

	<p>1.5.1. Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình</p> <p>1.5.2. Các yếu tố của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình</p> <p>1.5.3. Căn cứ pháp lý làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt, quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình</p> <p>1.6. Khái quát sự phát triển của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam</p>		bị trả lời câu hỏi của GV.	
3	<p>CHƯƠNG 2. KẾT HÔN</p> <p>2.1. Khái niệm kết hôn</p> <p>2.2. Các điều kiện để việc kết hôn hợp pháp</p> <p>2.2.1. Đủ tuổi kết hôn</p> <p>2.2.2. Tự nguyện kết hôn</p> <p>2.2.3. Các trường hợp cấm kết hôn</p> <p>2.2.4. Công nhận việc kết hôn</p> <p>2.2.5. Giá trị pháp lí của giấy chứng nhận kết hôn</p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	<p>SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.</p> <p>Làm bài tập về thủ tục đăng ký kết hôn của UBND phường/xã có thẩm quyền</p>	G2
4	Thực hành tư vấn kết hôn trong tình huống cụ thể	2 tiết làm bài tập	<p>SV: phân vai diễn một bên đóng vai chuyên gia tư vấn PL, một bên đóng vai khách hàng thực hành về thủ tục đăng ký kết hôn</p>	G3
5	<p>CHƯƠNG 3. HỦY KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT</p> <p>3.1. Khái niệm kết hôn trái pháp luật và huỷ việc kết hôn trái pháp luật</p> <p>3.2. Quyền yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật</p>	2 tiết lý thuyết	<p>SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.</p>	G2

	<p>3.3. Căn cứ hủy việc kết hôn trái pháp luật</p> <p>3.4. Đường lối giải quyết các các trường hợp cụ thể</p> <p>3.4.1. Kết hôn trước tuổi</p> <p>3.4.2. Bị cưỡng ép, bị lừa dối kết hôn</p> <p>3.4.3. Vi phạm các trường hợp cấm kết hôn</p> <p>3.5. Hậu quả pháp lý của hủy việc kết hôn trái pháp luật</p> <p>3.5.1. Quyền về nhân thân</p> <p>3.5.2. Quyền về tài sản</p>			
6	<p>Thực hành tình huống về hủy kết hôn trái pháp luật</p>	2 tiết bài tập	SV: Phân vai diễn tư vấn cho khách hàng về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật	G2 G3
7	<p>CHƯƠNG 5. QUAN HỆ PHÁP LUẬT GIỮA CHA MẸ VÀ CON VÀ GIỮA CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH</p> <p>5.1. Căn cứ phát sinh quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con</p> <p>5.1.1. Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con phát sinh dựa trên sự kiện sinh đẻ</p> <p>5.1.2. Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con phát sinh dựa trên sự kiện nuôi con</p> <p>5.2. Nghĩa vụ và quyền giữa cha mẹ và con</p> <p>5.2.1. Nghĩa vụ và quyền về nhân thân giữa cha mẹ và con</p> <p>5.2.2. Nghĩa vụ và quyền về tài sản giữa cha mẹ và con</p> <p>5.2.3. Hạn chế quyền của cha mẹ đối với con</p>	2 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.	G2

8	<p>TIẾP CHƯƠNG 5...</p> <p>5.3. Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình</p> <p>5.3.1. Khái niệm về quan hệ giữa các thành viên trong gia đình</p> <p>5.3.2. Nội dung quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên trong gia đình</p> <p>* Giải quyết tình huống về quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con và giữa các thành viên trong gia đình</p>	2 tiết lý thuyết	SV: trả lời câu hỏi đã được GV giao từ buổi học trước	G2
9	<p>CHƯƠNG 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA VỢ VÀ CHỒNG</p> <p>4.1. Khái niệm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng</p> <p>4.2. Nội dung quyền và nghĩa vụ của vợ chồng</p> <p>4.2.1. Quyền và nghĩa vụ về nhân thân giữa vợ và chồng</p> <p>4.2.2. Quyền và nghĩa vụ về tài sản giữa vợ và chồng</p> <p>4.3. Các trường hợp chia tài sản của vợ chồng</p> <p>4.3.1. Chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn</p> <p>4.3.2. Chia tài sản của vợ chồng khi một bên vợ, chồng chết</p> <p>4.3.3. Chia tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân</p>	2 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, trả lời câu hỏi của GV.	G2;
10	<p>* Giải quyết tình huống pháp lý về vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo luật hôn nhân và gia đình và chia tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân trong tình huống cụ thể</p>	2 tiết bài tập	SV: Phân vai diễn về việc tư vấn pháp luật trong nội dung bài đã được GV giao trước.	G2; G3
11	<p>CHƯƠNG 5. QUAN HỆ PHÁP LUẬT GIỮA CHA MẸ VÀ CON VÀ</p>	2 tiết lý thuyết		G2

	<p>GIỮA CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH</p> <p>5.1. Căn cứ phát sinh quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con</p> <p>5.1.1. Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con phát sinh dựa trên sự kiện sinh đẻ</p> <p>5.1.2. Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con phát sinh dựa trên sự kiện nuôi con nuôi</p> <p>5.2. Nghĩa vụ và quyền giữa cha mẹ và con</p> <p>5.2.1. Nghĩa vụ và quyền về nhân thân giữa cha mẹ và con</p> <p>5.2.2. Nghĩa vụ và quyền về tài sản giữa cha mẹ và con</p> <p>5.2.3. Hạn chế quyền của cha mẹ đối với con</p> <p>5.3. Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình</p> <p>5.3.1. Khái niệm về quan hệ giữa các thành viên trong gia đình</p> <p>5.3.2. Nội dung quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên trong gia đình</p>		SV: Ghi chép, trả lời câu hỏi của GV.	
12	<p>CHƯƠNG 6. LY HÔN</p> <p>6.1. Khái quát chung về ly hôn</p> <p>6.1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về ly hôn</p> <p>6.1.2. Khái niệm ly hôn</p> <p>6.1.3. Quyền yêu cầu ly hôn</p> <p>6.1.4. Điều kiện hạn chế quyền yêu cầu ly hôn</p> <p>6.2. Căn cứ ly hôn</p> <p>6.2.1. Định nghĩa</p> <p>6.2.2. Nội dung căn cứ ly hôn</p> <p>6.3. Đường lối giải quyết các trường hợp ly hôn</p> <p>6.3.1. Đường lối chung</p>	2 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, trả lời câu hỏi của GV.	G2;

	<p>6.3.2. Đường lối giải quyết trường hợp thuận tình ly hôn</p> <p>6.3.3. Đường lối giải quyết trường hợp ly hôn do một bên vợ, chồng yêu cầu</p> <p>6.4. Hậu quả pháp lý của ly hôn</p> <p>6.4.1. Quan hệ nhân thân</p> <p>6.4.2. Quan hệ tài sản</p> <p>6.4.3. Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ và con</p> <p>6.4.4. Quan hệ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn</p>			
13	<p>* Giải quyết các trường hợp liên quan đến ly hôn trong tình huống cụ thể</p> <p>1. Ly hôn do 1 bên yêu cầu;</p> <p>2. Thuận tình ly hôn</p>	2 tiết bài tập	SV nhận vai diễn: một bên là chuyên gia pháp luật, một bên là khách hàng đến nhờ tư vấn giải quyết ly hôn	G2; G3
14	<p>CHƯƠNG 7. CẤP DƯỠNG</p> <p>7.1. Cấp dưỡng giữa các thành viên gia đình</p> <p>7.1.1. Khái niệm cấp dưỡng</p> <p>7.1.2. Đặc điểm của quan hệ cấp dưỡng</p> <p>7.2. Căn cứ phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng</p> <p>7.3. Mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng</p> <p>7.3.1. Mức cấp dưỡng</p> <p>7.3.2. Phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng</p> <p>7.4. Các trường hợp cấp dưỡng</p> <p>7.4.1. Giữa cha mẹ và con khi cha mẹ ly hôn</p> <p>7.4.2. Giữa vợ và chồng khi ly hôn</p> <p>7.4.3. Giữa anh chị em với nhau</p> <p>7.4.4. Giữa ông bà và cháu</p>	2 tiết lý thuyết	SV ghi chép, phát biểu theo các câu hỏi của GV	G2

15	CHƯƠNG 8. GIÁM HỘ GIỮA CÁC THÀNH VIÊN GIA ĐÌNH 8.1. Khái niệm giám hộ và điều kiện làm giám hộ 8.1.1. Khái niệm giám hộ 8.1.2. Điều kiện làm giám hộ 8.2. Các trường hợp giám hộ 8.3. Chấm dứt việc giám hộ * Giải đáp thắc mắc; trả bài, công bố điểm quá trình cho SV	1 tiết lý thuyết + 1 tiết giải đáp thắc mắc cho SV, công bố điểm quá trình cho SV	SV ghi chép, Hỏi và thảo luận.	G2
----	---	---	--------------------------------	----

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải làm bài tập về nhà theo yêu cầu của giảng viên, tra cứu thêm tài liệu, thu thập bản án, đọc trước bài mới trước khi lên lớp.
- Sinh viên chuẩn bị thuyết trình theo chủ đề giảng viên giao trước.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	<i>Điểm quá trình</i>	0,4 (1.1 +1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0,1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0,3	
2. Đánh giá cuối kỳ	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0,6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT ĐẤT ĐAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): LUẬT ĐẤT ĐAI (tiếng Anh): LAW ON REAL STATE	
- Mã số học phần: 843038	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần học trước:	Luật Dân sự học phần 1,2; Luật hành chính
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như khái niệm ngành luật đất đai, các nguyên tắc cơ bản của luật đất đai; Khái niệm và nội dung quản lý nhà nước về đất đai, địa vị pháp lý của người sử dụng đất, phân loại đất và thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất; Thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai; Tranh chấp đất đai và khiếu nại, tố cáo về đất đai.

Học phần gồm 7 chương:

Chương 1. Những vấn đề cơ bản về ngành Luật Đất đai

Chương 2. Quản lý nhà nước về đất đai

Chương 3. Địa vị pháp lý của người sử dụng đất

Chương 4. Chế độ sử dụng các loại đất

Chương 5. Thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất đai

Chương 6. Thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

Chương 7. Tranh chấp đất đai và khiếu nại, tố cáo về đất đai

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sau khi học xong, người học có được kiến thức pháp lý cơ bản về đất đai như khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của Luật Đất đai, chế độ sở hữu và các nguyên tắc cơ bản trong quản lý và sử dụng đất đai.

Về kỹ năng: Người học có thể tự mình xác định loại đất, lập các hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất, các loại hợp đồng liên quan đến quyền sử dụng đất để thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân trong lĩnh vực đất đai.

Về thái độ: Qua môn học, sinh viên sẽ có thái độ tuân thủ pháp luật, vận dụng pháp luật cho việc kinh doanh liên quan đến bất động sản và tăng cường pháp chế trong pháp luật đất đai.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm về đất đai, quyền sử dụng đất; quản lý nhà nước về đất đai	2
G2	Phân loại được các loại đất; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể đối với từng loại đất	4
G3	Áp dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tranh chấp về đất đai	2
G4	Phân tích được các quy định của pháp luật về quyền của các chủ thể trong quan hệ hợp đồng có đối tượng là quyền sử dụng đất	3
G5	Đánh giá được các quy định của pháp luật về quy chế pháp lý đối với các loại đất	4
G6	Đề xuất được các giải pháp để hoàn thiện pháp luật về đất đai	2

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1.

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ LUẬT ĐẤT ĐAI

1.1. Khái niệm luật đất đai

- 1.1.1. Định nghĩa
- 1.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật đất đai
- 1.1.3. Các nguyên tắc cơ bản của luật đất đai
- 1.1.4. Nguồn của luật đất đai

1.2. Quan hệ pháp luật đất đai

- 1.2.1. Chủ thể của quan hệ pháp luật đất đai
- 1.2.2. Khách thể của quan hệ pháp luật đất đai
- 1.2.3. Nội dung của quan hệ pháp luật đất đai

CHƯƠNG 2. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI

2.1. Khái quát chung về quản lý nhà nước về đất đai

- 2.1.1. Khái niệm quản lý nhà nước về đất đai
- 2.1.2. Nguyên tắc quản lý nhà nước về đất đai
- 2.1.3. Đối tượng quản lý nhà nước về đất đai
- 2.1.4. Phương pháp quản lý nhà nước về đất đai
- 2.1.5. Công cụ quản lý nhà nước về đất đai

2.2. Nội dung quản lý nhà nước về đất đai

- 2.2.1. Hoạt động quản lý địa giới hành chính
- 2.2.2. Hoạt động khảo sát, đo đạc
- 2.2.3. Quản lý hồ sơ địa chính
- 2.2.4. Thống kê, kiểm kê đất đai
- 2.2.5. Quản lý tài chính về đất đai

2.3. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về đất đai

- 2.3.1. Hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước
- 2.3.2. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về đất đai có thẩm quyền chung
- 2.3.3. Hệ thống cơ quan chuyên ngành quản lý nhà nước về đất đai
- 2.3.4. Các tổ chức dịch vụ công trong quản lý nhà nước về đất đai

CHƯƠNG 3. ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Những vấn đề lý luận về địa vị pháp lý của người sử dụng đất

- 3.1.1. Khái niệm
- 3.1.2. Người sử dụng đất
- 3.1.3. Những bảo đảm cho người sử dụng đất
- 3.1.4. Nguyên tắc sử dụng đất

3.2. Nội dung địa vị pháp lý của người sử dụng đất

- 3.2.1. Quyền của người sử dụng đất
- 3.2.2. Nghĩa vụ của người sử dụng đất

CHƯƠNG 4. CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG CÁC LOẠI ĐẤT

4.1. Nhóm đất nông nghiệp

- 4.1.1. Thời hạn và hạn mức sử dụng
- 4.1.2. Phân loại
- 4.1.3. Chủ thể sử dụng đất

4.2. Nhóm đất phi nông nghiệp

- 4.2.1. Thời hạn và hạn mức sử dụng

- 4.2.2. Phân loại
- 4.2.3. Chủ thể sử dụng

4.3. Nhóm đất chưa sử dụng

- 4.3.1. Cơ quan quản lý đất chưa sử dụng
- 4.3.2. Định hướng sử dụng đất chưa sử dụng

CHƯƠNG 5. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

5.1. Khái quát về thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất đai

- 5.1.1. Khái niệm
- 5.1.2. Vai trò của việc thực hiện các thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất đai

5.2. Thủ tục hành chính cụ thể trong quản lý và sử dụng đất đai

- 5.2.1. Thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất
- 5.2.2. Thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
- 5.2.3. Thủ tục cấp đổi, cấp lại, đính chính, thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng
- 5.2.4. Thủ tục thực hiện các quyền của người sử dụng đất
- 5.2.5. Thủ tục cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất
- 5.2.6. Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai tại cơ quan hành chính
- 5.2.7. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai

CHƯƠNG 6. THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI

6.1. Thanh tra về đất đai

- 6.1.1. Khái niệm
- 6.1.2. Trách nhiệm của tổ chức thanh tra
- 6.1.3. Nội dung thanh tra và nhiệm vụ của thanh tra đất đai

6.2. Xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

- 6.2.1. Khái niệm
- 6.2.2. Các hình thức xử lý

CHƯƠNG 7. TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI VÀ KHIÊU NẠI, TỐ CÁO VỀ ĐẤT ĐAI.

7.1. Tranh chấp đất đai và giải quyết tranh chấp đất đai

- 7.1.1. Khái niệm
- 7.1.2. Nguyên tắc giải quyết
- 7.1.3. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết tranh chấp về đất đai

7.2. Khiếu nại, tố cáo về đất đai

7.2.1. Khái niệm

7.2.2. Thẩm quyền và thủ tục giải quyết

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Giáo trình Luật đất đai,, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật Gia Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh, 2015

[2] Đại học Luật Hà Nội. Giáo trình Luật đất đai, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2016

[3] Học viện Hành chính quốc gia, Giáo trình Luật đất đai, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2006

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Cẩm nang tra cứu Luật đất đai, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015

[5] Nguyễn Minh Hằng, Pháp luật đất đai trong hoạt động nghề luật sư, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội, 2015

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ LUẬT ĐẤT ĐAI. 1.1. Khái niệm luật đất đai 1.1.1. Định nghĩa 1.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật đất đai 1.1.3. Các nguyên tắc cơ bản của luật đất đai 1.1.4. Nguồn của luật đất đai	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập tình huống	G3; G6
2	1.2. Quan hệ pháp luật đất đai 1.2.1. Chủ thể của quan hệ pháp luật đất đai 1.2.2. Khách thể của quan hệ pháp luật đất đai 1.2.3. Nội dung của quan hệ pháp luật đất đai	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập tình huống	G1; G3

3	<p>CHƯƠNG 2. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI</p> <p>2.1. Khái quát chung về quản lý nhà nước về đất đai</p> <p>2.1.1. Khái niệm quản lý nhà nước về đất đai</p> <p>2.1.2. Nguyên tắc quản lý nhà nước về đất đai</p> <p>2.1.3. Đối tượng quản lý nhà nước về đất đai</p> <p>2.1.4. Phương pháp quản lý nhà nước về đất đai</p> <p>2.1.5. Công cụ quản lý nhà nước về đất đai</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập tình huống 	G5; G6
4	<p>2.2. Nội dung quản lý nhà nước về đất đai</p> <p>2.2.1. Hoạt động quản lý địa giới hành chính</p> <p>2.2.2. Hoạt động khảo sát, đo đạc</p> <p>2.2.3. Quản lý hồ sơ địa chính</p> <p>2.2.4. Thống kê, kiểm kê đất đai</p> <p>2.2.5. Quản lý tài chính về đất đai</p> <p>2.3. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về đất đai</p> <p>2.3.1. Hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước</p> <p>2.3.2. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về đất đai có thẩm quyền chung</p> <p>2.3.3. Hệ thống cơ quan chuyên ngành quản lý nhà nước về đất đai</p> <p>2.3.4. Các tổ chức dịch vụ công trong quản lý nhà nước về đất đai</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập tình huống 	G1; G4
5	<p>CHƯƠNG 3. ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT</p> <p>3.1. Những vấn đề lý luận về địa vị pháp lý của người sử dụng đất</p> <p>3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2. Người sử dụng đất</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập tình huống 	G1; G3; G5

	3.1.3. Những bảo đảm cho người sử dụng đất 3.1.4. Nguyên tắc sử dụng đất			
6	3.2. Nội dung địa vị pháp lí của người sử dụng đất 3.2.1. Quyền của người sử dụng đất 3.2.2. Nghĩa vụ của người sử dụng đất	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập tình huống	G3; G4
7	CHƯƠNG 4. CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG CÁC LOẠI ĐẤT 4.1. Nhóm đất nông nghiệp 4.1.1. Thời hạn và hạn mức sử dụng 4.1.2. Phân loại 4.1.3. Chủ thể sử dụng đất	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập tình huống	G6; G4
8	4.2. Nhóm đất phi nông nghiệp 4.2.1. Thời hạn và hạn mức sử dụng 4.2.2. Phân loại 4.2.3. Chủ thể sử dụng 4.3. Nhóm đất chưa sử dụng 4.3.1. Cơ quan quản lý đất chưa sử dụng 4.3.2. Định hướng sử dụng đất chưa sử dụng	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập tình huống	G4; G5
9	Chương 4: Các hợp đồng thông dụng 4.1. Hợp đồng thông dụng có đối tượng là tài sản 4.1.1. Hợp đồng mua bán tài sản 4.1.2. Hợp đồng tặng cho tài sản 4.1.3. Hợp đồng vay tài sản 4.1.4. Hợp đồng thuê tài sản 4.1.5. Hợp đồng mượn tài sản	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập tình huống	G5
10	CHƯƠNG 5. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI 5.1. Khái quát về thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất đai 5.1.1. Khái niệm	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập tình huống	G3; G5

	<p>5.1.2. Vai trò của việc thực hiện các thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất đai</p> <p>5.2. Thủ tục hành chính cụ thể trong quản lý và sử dụng đất đai</p> <p>5.2.1. Thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất</p> <p>5.2.2. Thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</p>			
11	<p>5.2.3. Thủ tục cấp đổi, cấp lại, đính chính, thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng</p> <p>5.2.4. Thủ tục thực hiện các quyền của người sử dụng đất</p> <p>5.2.5. Thủ tục cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bất buộc, cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất</p> <p>5.2.6. Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai tại cơ quan hành chính</p> <p>5.2.7. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập tình huống 	G5
12	<p>CHƯƠNG 6. THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI</p> <p>6.1. Thanh tra về đất đai</p> <p>6.1.1. Khái niệm</p> <p>6.1.2. Trách nhiệm của tổ chức thanh tra</p> <p>6.1.3. Nội dung thanh tra và nhiệm vụ của thanh tra đất đai</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập tình huống 	G1; G4
13	<p>6.2. Xử lý vi phạm pháp luật về đất đai</p> <p>6.2.1. Khái niệm</p> <p>6.2.2. Các hình thức xử lý</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập 	G1; G3

			tình huống	
14	CHƯƠNG 7. TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI VÀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ ĐẤT ĐAI. 7.1. Tranh chấp đất đai và giải quyết tranh chấp đất đai 7.1.1. Khái niệm 7.1.2. Nguyên tắc giải quyết 7.1.3. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết tranh chấp về đất đai	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập tình huống	G2; G4; G5
15	7.2. Khiếu nại, tố cáo về đất đai 7.2.1. Khái niệm 7.2.2. Thẩm quyền và thủ tục giải quyết	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập tình huống	G1; G2; G5

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học các môn Luật Dân sự 1.

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

LUẬT TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): LUẬT TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (tiếng Anh): LAW ON FINANCING - BANKING	
- Mã số học phần: 843301	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần học trước:	Luật Dân sự học phần 1,2; Luật hành chính; Luật Thương mại
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần Luật Tài chính – Ngân hàng gồm hai phần:

Học phần A – học phần Luật Ngân hàng giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngân hàng và hoạt động ngân hàng, về vai trò quản lý nhà nước của Ngân hàng nhà nước, Về hoạt động kinh doanh tiền tệ và cung cấp các dịch vụ ngân hàng của các tổ chức tín dụng. Hoạt động quản lý nhà nước về tiền tệ và ngoại hối. Những hình thức cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng trong nền kinh tế và hoạt động cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán trong nền kinh tế thị trường.

Học phần gồm 6 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận chung về ngân hàng và pháp luật ngân hàng

Chương 2. Địa vị pháp lý của ngân hàng nhà nước Việt Nam

Chương 3. Địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng

Chương 4. Pháp luật quản lý nhà nước về tiền tệ và ngoại hối

Chương 5. Pháp luật về tín dụng ngân hàng

Chương 6. Pháp luật về dịch vụ thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

Học phần B - Học phần Luật tài chính mang tính chất là một học phần tài chính công, tranh bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngân sách nhà nước. Sinh viên nhận thức đúng đắn những hiểu biết cơ bản về ngân sách nhà nước và pháp luật về ngân sách nhà nước; có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để tiếp cận xử lý những công việc liên quan đến ngân sách nhà nước trong thực tế; đồng thời qua đó cũng có thể sử dụng những kiến thức từ học phần này để tiếp tục nghiên cứu và học tập các phần học khác, như pháp luật về thuế, pháp luật về kinh doanh chứng khoán, pháp luật về kinh doanh bất động sản...

Học phần gồm 4 chương:

Chương 1. Khái quát chung về ngân sách nhà nước và pháp luật ngân sách nhà nước

Chương 2. Chế độ pháp lý về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và chu trình ngân sách nhà nước

Chương 3. Chế độ pháp lý về các khoản thu và các khoản chi ngân sách nhà nước

Chương 4. Pháp luật về quản lý quỹ ngân sách nhà nước, thanh tra tài chính, kiểm toán nhà nước và xử lý vi phạm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Đối với học phần về Luật Ngân hàng, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về Ngân hàng và hoạt động ngân hàng, như: Lịch sử hình thành và phát triển của ngân hàng và hoạt động ngân hàng trên thế giới cũng như ở Việt Nam; Địa vị pháp lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng; Hoạt động quản lý nhà nước về tiền tệ và ngoại hối; Chế độ pháp lý về tín dụng ngân hàng; Các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng.

Đối với học phần Luật Tài chính, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản của pháp luật về NSNN, như: Khái niệm, đặc điểm, vai trò, hệ thống ngân sách nhà nước; Chế độ pháp lý về phân cấp quản lý NSNN và chu trình NSNN; Chế độ pháp lý về các khoản thu, các khoản chi NSNN; Pháp luật về quản lý quỹ ngân sách nhà nước; Pháp luật về thanh tra tài chính, kiểm toán nhà nước và xử lý các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực NSNN.

Về kỹ năng:

- Giúp sinh viên có được những kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị để giải quyết các vụ việc phát sinh trong hoạt động nghề nghiệp của mình;

- Bước đầu rèn luyện phương pháp nghiên cứu, phân tích và xử lý tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội;

- Biết cách thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong các quan hệ, giao dịch liên quan đến lĩnh vực ngân hàng, cũng như biết cách thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bảo vệ tài sản của nhà nước và công dân.

- Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị để nhận thức các vấn đề liên quan đến NSNN dưới góc độ pháp lý;

Về thái độ: Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên sẽ có thái độ đúng đắn trong nhận thức về vai trò quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, về hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng của các tổ chức tín dụng. Qua đó, giúp nâng cao ý thức pháp luật của bản thân để có thể trở thành người cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có năng lực và đạo đức trong công việc và nghề nghiệp. Đồng thời qua trau dồi và hiểu biết về ngân sách Nhà nước sinh viên sẽ có thái độ đúng đắn trong nhận thức và hành động những vấn đề liên quan đến NSNN. Qua đó, nâng cao ý thức pháp luật của bản thân và cộng đồng để có thể trở thành người cán bộ, công chức, viên chức hay công dân tốt, có năng lực và phẩm chất đạo đức trong sạch, liêm khiết, tiết kiệm, bảo vệ tài sản công.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm về ngân hàng và tài chính, quản lý ngân sách nhà nước	2
G2	Hiểu được địa vị pháp lý của ngân hàng nhà nước, các tổ chức tín dụng	4
G3	Nắm được các quy định của pháp luật về quản lý tiền tệ và ngoại hối	2
G4	Phân tích được các quy định của pháp luật về hoạt động tín dụng ngân hàng và pháp luật về bảo đảm tiền vay tại các tổ chức tín dụng	3
G5	Đánh giá được các quy định của pháp luật về dịch vụ thanh toán qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán	4
G6	Hiểu được chế độ pháp lý về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và chu trình ngân sách nhà nước	2
G7	Phân tích được pháp luật về quản lý quỹ ngân sách nhà nước, thanh tra tài chính, kiểm toán nhà nước và xử lý vi phạm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước	3

5. Nội dung chi tiết học phần

HỌC PHẦN A – HỌC PHẦN LUẬT NGÂN HÀNG

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG VÀ PHÁP LUẬT NGÂN HÀNG

1.1. Khái quát về ngân hàng và hoạt động ngân hàng

- 1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của ngân hàng và hoạt động ngân hàng.
- 1.1.2. Khái niệm, đặc điểm hoạt động ngân hàng

1.2. Khái quát về Luật ngân hàng

- 1.2.1. Khái niệm Luật ngân hàng
- 1.2.2. Đối tượng điều chỉnh của Luật ngân hàng
- 1.2.3. Phương pháp điều chỉnh của Luật ngân hàng
- 1.2.4. Nguồn của Luật ngân hàng

1.3. Quan hệ pháp luật ngân hàng

- 1.3.1. Khái niệm
- 1.3.2. Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật ngân hàng

CHƯƠNG 2: ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

2.1. Vị trí pháp lý, tư cách pháp nhân và chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- 2.1.1. Vị trí pháp lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 2.1.2. Tư cách pháp nhân của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 2.1.3. Chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

2.2. Cơ cấu tổ chức, lãnh đạo, điều hành và nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- 2.2.1. Cơ cấu tổ chức Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 2.2.2. Lãnh đạo, điều hành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 2.2.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

2.3. Chế độ pháp lý về hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- 2.3.1. Thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia
- 2.3.2. Hoạt động phát hành tiền
- 2.3.3. Hoạt động tín dụng
- 2.3.4. Hoạt động mở tài khoản và cung ứng các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ
- 2.3.5. Hoạt động quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động ngoại hối
- 2.3.6. Hoạt động thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật
- 2.3.7. Các hoạt động khác

CHƯƠNG 3: ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

3.1. Khái niệm, đặc điểm, các loại hình Tổ chức tín dụng

- 3.1.1. Khái niệm
- 3.1.2. Đặc điểm

3.1.3. Các loại hình tổ chức tín dụng

3.2. Qui chế thành lập, cấp giấy phép hoạt động, kiểm soát đặc biệt, phá sản, giải thể, tổ chức lại tổ chức tín dụng

3.2.1. Qui chế thành lập, cấp giấy phép hoạt động

3.2.2. Qui chế kiểm soát đặc biệt

3.2.3. Qui chế pháp lý về phá sản, giải thể, tổ chức lại

3.3. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành tổ chức tín dụng

3.3.1. Cơ cấu tổ chức

3.3.2. Bộ máy quản lý, điều hành

3.4. Hoạt động của tổ chức tín dụng

3.4.1. Hoạt động huy động vốn

3.4.2. Hoạt động cấp tín dụng

3.4.3. Hoạt động dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

3.4.4. Hoạt động ngoại hối

3.4.5. Hoạt động khác

**CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ
TIỀN TỆ VÀ NGOẠI HỐI**

4.1. Quản lý nhà nước về tiền tệ

4.1.1. Tổng quan về tiền tệ

4.1.2. Hoạt động quản lý nhà nước về tiền tệ

4.2. Quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động ngoại hối

4.2.1. Khái niệm ngoại hối và hoạt động ngoại hối

4.2.2. Hoạt động quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động ngoại hối

CHƯƠNG 5. PHÁP LUẬT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

5.1. Khái quát về tín dụng ngân hàng

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Đặc điểm

5.1.3. Các loại hình tín dụng

5.2. Chế độ pháp lý về hoạt động cho vay

5.2.1. Khái niệm cho vay

5.2.2. Các nguyên tắc của hoạt động cho vay

5.2.3. Hợp đồng tín dụng ngân hàng

5.2.4. Pháp luật về các biện pháp bảo đảm tiền vay

5.3. Chế độ pháp lý về cho thuê tài chính, hoạt động chiết khấu, bảo lãnh ngân hàng, bao thanh toán

5.3.1. Cấp tín dụng dưới hình thức cho thuê tài chính

5.3.2. Cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu

5.3.3. Cấp tín dụng dưới hình thức bảo lãnh ngân hàng

5.3.4. Cấp tín dụng dưới hình thức bao thanh toán

CHƯƠNG 6. PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUA TỔ CHỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ THANH TOÁN

6.1. Khái niệm dịch vụ thanh toán

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Đặc điểm

6.1.3. Vai trò, ý nghĩa của thanh toán không dùng tiền mặt

6.2. Quy chế pháp lý về tài khoản thanh toán

6.2.1. Khái niệm, phân loại tài khoản thanh toán

6.2.2. Các chủ thể tham gia quan hệ cung ứng dịch vụ thanh toán

6.2.3. Trình tự, thủ tục mở, đóng tài khoản thanh toán

6.2.4. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia quan hệ tài khoản thanh toán

6.3. Các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

6.3.1. Thanh toán bằng séc

6.3.2. Thanh toán bằng ủy nhiệm chi

6.3.3. Thanh toán bằng ủy nhiệm thu

6.3.4. Thanh toán bằng thư tín dụng

6.3.5. Thanh toán bằng thẻ Ngân hàng

HỌC PHẦN B – HỌC PHẦN LUẬT TÀI CHÍNH

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1.1. Khái quát chung về ngân sách nhà nước

1.1.1. Khái niệm ngân sách nhà nước

1.1.2. Đặc điểm của ngân sách nhà nước

1.1.3. Vai trò của ngân sách nhà nước

1.2. Pháp luật ngân sách nhà nước

1.2.1. Khái niệm

1.2.2. Quan hệ pháp luật ngân sách nhà nước

1.2.3. Hệ thống ngân sách nhà nước

CHƯƠNG 2: CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ CHU TRÌNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

2.1. Chế độ pháp lý về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nội dung chế độ pháp lý về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước

2.2. Chế độ pháp lý về chu trình ngân sách nhà nước

2.2.1. Lập và phê chuẩn dự toán NSNN

2.2.2. Chấp hành NSNN

2.2.3. Quyết toán NSNN

CHƯƠNG 3: CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ CÁC KHOẢN THU VÀ CÁC KHOẢN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

3.1. Khái niệm và phân loại các khoản thu ngân sách nhà nước

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Phân loại các khoản thu ngân sách nhà nước

3.2. Tổ chức thu ngân sách nhà nước

3.2.1. Các cơ quan có thẩm quyền thu NSNN

3.2.2. Lập dự toán thu quý và kế hoạch thu tháng

3.2.3. Công tác tổ chức thu NSNN

3.2.4. Các phương thức thu NSNN

3.3. Khái niệm và kết cấu các khoản chi ngân sách nhà nước

3.3.1. Khái niệm

3.3.2. Kết cấu các khoản chi NSNN

3.4. Các nguyên tắc và phương thức cấp phát tài chính từ ngân sách nhà nước

3.4.1. Các nguyên tắc chi ngân sách nhà nước

3.4.2. Điều kiện chi ngân sách nhà nước

3.4.3. Các phương thức cấp phát tài chính từ ngân sách nhà nước

CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ QUỸ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, THANH TRA TÀI CHÍNH, KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

4.1. Khái niệm, đặc điểm quản lý quỹ NSNN

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Đặc điểm quản lý quỹ NSNN

4.1.3. Nguyên tắc quản lý quỹ NSNN

4.2. Nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động quản lý quỹ NSNN

4.2.1. Cơ quan có thẩm quyền quản lý quỹ NSNN

4.2.2. Cơ cấu tổ chức, lãnh đạo Kho bạc nhà nước

4.2.3. Nội dung hoạt động quản lý quỹ NSNN

4.3. Chế độ pháp lý về thanh tra tài chính trong lĩnh vực ngân sách nhà nước

4.3.1. Khái niệm

4.3.2. Vai trò của thanh tra tài chính trong lĩnh vực NSNN

4.3.3. Các nguyên tắc của thanh tra tài chính trong lĩnh vực NSNN

4.3.4. Nội dung pháp lý của hoạt động thanh tra tài chính trong lĩnh vực NSNN

4.4. Pháp luật về hoạt động kiểm toán nhà nước

4.4.1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc hoạt động của Kiểm toán nhà nước

4.4.2. Vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước

4.5. Xử lý vi phạm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước

4.5.1. Hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực NSNN

4.5.2. Các biện pháp xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật NSNN

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] *Giáo trình Luật ngân hàng*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2014

[2] *Giáo trình Luật ngân hàng*, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, 2015.

[3] *Giáo trình Luật ngân sách nhà nước* của Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, năm 2014

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] *Tài liệu hướng dẫn môn học Luật ngân hàng* của Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Thanh niên, TP. Hồ Chí Minh, 2010

[5] *Tài liệu hướng dẫn môn học Luật ngân sách nhà nước*, Trường Đại học Luật TP.HCM, Nxb. Thanh niên, năm 2010

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	HỌC PHẦN A – HỌC PHẦN LUẬT NGÂN HÀNG CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG VÀ PHÁP LUẬT NGÂN HÀNG 1.1. Khái quát về ngân hàng và hoạt động ngân hàng 1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của ngân hàng và hoạt động ngân hàng. 1.1.2. Khái niệm, đặc điểm hoạt động ngân hàng 1.2. Khái quát về Luật ngân hàng 1.2.1. Khái niệm Luật ngân hàng	2 tiết lý thuyết và 1 tiết bài tập	- Đọc tài liệu (giáo trình, sách chuyên khảo...) - Đọc văn bản pháp luật - Làm các bài tập tình huống	G1; G2

	<p>1.2.2. Đối tượng điều chỉnh của Luật ngân hàng</p> <p>1.2.3. Phương pháp điều chỉnh của Luật ngân hàng</p> <p>1.2.4. Nguồn của Luật ngân hàng</p> <p>1.3. Quan hệ pháp luật ngân hàng</p> <p>1.3.1. Khái niệm</p> <p>1.3.2. Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật ngân hàng</p>			
2	<p>CHƯƠNG 2: ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM</p> <p>2.1. Vị trí pháp lý, tư cách pháp nhân và chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>2.1.1. Vị trí pháp lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>2.1.2. Tư cách pháp nhân của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>2.1.3. Chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>2.2. Cơ cấu tổ chức, lãnh đạo, điều hành và nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>2.2.1. Cơ cấu tổ chức Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>2.2.2. Lãnh đạo, điều hành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>2.2.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>2.3. Chế độ pháp lý về hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>2.3.1. Thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia</p> <p>2.3.2. Hoạt động phát hành tiền</p> <p>2.3.3. Hoạt động tín dụng</p>	<p>2 tiết lý thuyết và 1 tiết bài tập</p>	<p>- Đọc tài liệu (giáo trình, sách chuyên khảo...)</p> <p>- Đọc văn bản pháp luật</p> <p>- Làm các bài tập tình huống</p>	<p>G3; G4</p>

	<p>2.3.4. Hoạt động mở tài khoản và cung ứng các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ</p> <p>2.3.5. Hoạt động quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động ngoại hối</p> <p>2.3.6. Hoạt động thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật</p> <p>2.3.7. Các hoạt động khác</p>			
3	<p>CHƯƠNG 3: ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG</p> <p>3.1. Khái niệm, đặc điểm, các loại hình Tổ chức tín dụng</p> <p>3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2. Đặc điểm</p> <p>3.1.3. Các loại hình tổ chức tín dụng</p> <p>3.2. Qui chế thành lập, cấp giấy phép hoạt động, kiểm soát đặc biệt, phá sản, giải thể, tổ chức lại tổ chức tín dụng</p> <p>3.2.1. Qui chế thành lập, cấp giấy phép hoạt động</p> <p>3.2.2. Qui chế kiểm soát đặc biệt</p> <p>3.2.3. Qui chế pháp lý về phá sản, giải thể, tổ chức lại</p>	<p>2 tiết lý thuyết và 1 tiết bài tập</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu (giáo trình, sách chuyên khảo...) - Đọc văn bản pháp luật - Làm các bài tập tình huống 	<p>G5; G6</p>
4	<p>3.3. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành tổ chức tín dụng</p> <p>3.3.1. Cơ cấu tổ chức</p> <p>3.3.2. Bộ máy quản lý, điều hành</p> <p>3.4. Hoạt động của tổ chức tín dụng</p> <p>3.4.1. Hoạt động huy động vốn</p> <p>3.4.2. Hoạt động cấp tín dụng</p> <p>3.4.3. Hoạt động dịch vụ thanh toán và ngân quỹ</p> <p>3.4.4. Hoạt động ngoại hối</p> <p>3.4.5. Hoạt động khác</p>	<p>2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt nghĩa vụ dân sự với trách nhiệm dân sự - Phân biệt chuyển giao nghĩa vụ với thực hiện nghĩa vụ thông qua người thứ ba - Phân biệt chuyển giao quyền yêu cầu với uỷ quyền 	<p>G1; G3</p>

5	<p>CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TIỀN TỆ VÀ NGOẠI HỐI</p> <p>4.1. Quản lý nhà nước về tiền tệ</p> <p>4.1.1. Tổng quan về tiền tệ</p> <p>4.1.2. Hoạt động quản lý nhà nước về tiền tệ</p> <p>4.2. Quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động ngoại hối</p> <p>4.2.1. Khái niệm ngoại hối và hoạt động ngoại hối</p> <p>4.2.2. Hoạt động quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động ngoại hối</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt hợp đồng và hành vi pháp lý đơn phương - Phân biệt các điều kiện có hiệu lực của giao dịch với các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng - Lấy được ví dụ về các trường hợp giải thích hợp đồng - Nêu được ý nghĩa của việc xác định thời điểm giao kết hợp đồng với thời điểm có hiệu lực của hợp đồng - Phân tích được trường hợp thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản 	G1; G3; G5
6	<p>CHƯƠNG 5. PHÁP LUẬT VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG</p> <p>5.1. Khái quát về tín dụng ngân hàng</p> <p>5.1.1. Khái niệm</p> <p>5.1.2. Đặc điểm</p> <p>5.1.3. Các loại hình tín dụng</p> <p>5.2. Chế độ pháp lý về hoạt động cho vay</p> <p>5.2.1. Khái niệm cho vay</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích tính chất đối vật của các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ - Nêu các phương thức đăng ký các biện pháp bảo đảm 	G3; G4

	<p>5.2.2. Các nguyên tắc của hoạt động cho vay</p> <p>5.2.3. Hợp đồng tín dụng ngân hàng</p> <p>5.2.4. Pháp luật về các biện pháp bảo đảm tiền vay</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Nêu các loại hiệu lực của các biện pháp bảo đảm - Phân tích được các điều kiện của tài sản bảo đảm và các phương thức xử lý tài sản bảo đảm - Cho ý kiến về xác định thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm 	
7	<p>5.3. Chế độ pháp lý về cho thuê tài chính, hoạt động chiết khấu, bảo lãnh ngân hàng, bao thanh toán</p> <p>5.3.1. Cấp tín dụng dưới hình thức cho thuê tài chính</p> <p>5.3.2. Cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu</p> <p>5.3.3. Cấp tín dụng dưới hình thức bảo lãnh ngân hàng</p> <p>5.3.4. Cấp tín dụng dưới hình thức bao thanh toán</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được biện pháp cầm cố và biện pháp thế chấp tài sản 	G6; G4
8	<p>CHƯƠNG 6. PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUA TỔ CHỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ THANH TOÁN</p> <p>6.1. Khái niệm dịch vụ thanh toán</p> <p>6.1.1. Khái niệm</p> <p>6.1.2. Đặc điểm</p> <p>6.1.3. Vai trò, ý nghĩa của thanh toán không dùng tiền mặt</p> <p>6.2. Quy chế pháp lý về tài khoản thanh toán</p>	2 tiết lý thuyết và 1 tiết bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được biện pháp bảo lãnh và biện pháp tín chấp - Nêu được các đặc điểm riêng của biện pháp bảo lưu quyền sở hữu và biện pháp cầm giữ tài sản 	G5; G7

	<p>6.2.1. Khái niệm, phân loại tài khoản thanh toán</p> <p>6.2.2. Các chủ thể tham gia quan hệ cung ứng dịch vụ thanh toán</p> <p>6.2.3. Trình tự, thủ tục mở, đóng tài khoản thanh toán</p> <p>6.2.4. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia quan hệ tài khoản thanh toán</p>			
9	<p>6.3. Các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán</p> <p>6.3.1. Thanh toán bằng séc</p> <p>6.3.2. Thanh toán bằng ủy nhiệm chi</p> <p>6.3.3. Thanh toán bằng ủy nhiệm thu</p> <p>6.3.4. Thanh toán bằng thư tín dụng</p> <p>6.3.5. Thanh toán bằng thẻ Ngân hàng</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các hình thức mua bán tài sản đặc thù: mua với điều kiện chuộc lại, mua trả chậm, trả dần; mua bán đấu giá - Phân tích các yếu tố pháp lý của hợp đồng tặng cho có điều kiện - Phân tích các loại lãi và cách tính lãi của hợp đồng vay tài sản - Phân biệt hợp đồng thuê tài sản và hợp đồng thuê khoán tài sản 	G5
10	<p>HỌC PHẦN B – HỌC PHẦN LUẬT TÀI CHÍNH</p> <p>CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</p> <p>1.1. Khái quát chung về ngân sách nhà nước</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đặc điểm pháp lý của hợp đồng dịch vụ; lấy ví dụ về hợp đồng dịch vụ tư vấn pháp luật 	G3; G5

	<p>1.1.1. Khái niệm ngân sách nhà nước</p> <p>1.1.2. Đặc điểm của ngân sách nhà nước</p> <p>1.1.3. Vai trò của ngân sách nhà nước</p> <p>1.2. Pháp luật ngân sách nhà nước</p> <p>1.2.1. Khái niệm</p> <p>1.2.2. Quan hệ pháp luật ngân sách nhà nước</p> <p>1.2.3. Hệ thống ngân sách nhà nước</p>		<p>- Nêu được nội dung cơ bản của các hợp đồng cụ thể</p> <p>- Nêu được các loại hợp đồng hợp tác; nêu được mối quan hệ giữa hợp đồng hợp tác với sự hình thành tổ hợp tác</p>	
11	<p>CHƯƠNG 2: CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ CHU TRÌNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</p> <p>2.1. Chế độ pháp lý về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Nội dung chế độ pháp lý về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước</p> <p>2.2. Chế độ pháp lý về chu trình ngân sách nhà nước</p> <p>2.2.1. Lập và phê chuẩn dự toán NSNN</p> <p>2.2.2. Chấp hành NSNN</p> <p>2.2.3. Quyết toán NSNN</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<p>- Nêu được các điều kiện hình thành quan hệ thực hiện công việc không có uỷ quyền</p> <p>- Phân biệt được nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật với nghĩa vụ hoàn trả do giao dịch dân sự vô hiệu</p> <p>- Lấy được ví dụ về hứa thưởng và thi có giải</p>	G5
12	<p>CHƯƠNG 3: CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ CÁC KHOẢN THU VÀ CÁC KHOẢN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</p> <p>3.1. Khái niệm và phân loại các khoản thu ngân sách nhà nước</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<p>- Phân biệt trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và trách nhiệm bồi thường thiệt</p>	G1; G4

	<p>3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2. Phân loại các khoản thu ngân sách nhà nước</p> <p>3.2. Tổ chức thu ngân sách nhà nước</p> <p>3.2.1. Các cơ quan có thẩm quyền thu NSNN</p> <p>3.2.2. Lập dự toán thu quý và kế hoạch thu tháng</p> <p>3.2.3. Công tác tổ chức thu NSNN</p> <p>3.2.4. Các phương thức thu NSNN</p>		<p>hại trong hợp đồng</p> <p>- Đánh giá yếu tố lỗi trong các điều kiện làm phát sinh trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng</p> <p>- Phân tích cách xác định các loại thiệt hại và cho được ví dụ.</p>	
13	<p>3.3. Khái niệm và kết cấu các khoản chi ngân sách nhà nước</p> <p>3.3.1. Khái niệm</p> <p>3.3.2. Kết cấu các khoản chi NSNN</p> <p>3.4. Các nguyên tắc và phương thức cấp phát tài chính từ ngân sách nhà nước</p> <p>3.4.1. Các nguyên tắc chi ngân sách nhà nước</p> <p>3.4.2. Điều kiện chi ngân sách nhà nước</p> <p>3.4.3. Các phương thức cấp phát tài chính từ ngân sách nhà nước</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	<p>- Mỗi trường hợp cần phải xác định được các điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường và lấy được một vụ việc thực tế để minh chứng</p> <p>- Phân tích được quy định của Luật bồi thường của nhà nước và chỉ ra mối quan hệ giữa BLDS với luật này</p>	G1; G3
14	<p>CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ QUỸ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, THANH TRA TÀI CHÍNH, KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</p> <p>4.1. Khái niệm, đặc điểm quản lý quỹ NSNN</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p>	2 tiết lý thuyết và 1 tiết bài tập	<p>- Phân biệt trách nhiệm BTTH do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra với trách nhiệm BTTH do hành vi trái pháp luật có liên quan đến nguồn nguy</p>	G7

	<p>4.1.2. Đặc điểm quản lý quỹ NSNN</p> <p>4.1.3. Nguyên tắc quản lý quỹ NSNN</p> <p>4.2. Nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động quản lý quỹ NSNN</p> <p>4.2.1. Cơ quan có thẩm quyền quản lý quỹ NSNN</p> <p>4.2.2. Cơ cấu tổ chức, lãnh đạo Kho bạc nhà nước</p> <p>4.2.3. Nội dung hoạt động quản lý quỹ NSNN</p>		<p>hiểm cao độ gây ra</p> <p>- Mỗi trường hợp lấy được ví dụ minh họa và đánh giá được các quy định của pháp luật</p>	
15	<p>4.3. Chế độ pháp lý về thanh tra tài chính trong lĩnh vực ngân sách nhà nước</p> <p>4.3.1. Khái niệm</p> <p>4.3.2. Vai trò của thanh tra tài chính trong lĩnh vực NSNN</p> <p>4.3.3. Các nguyên tắc của thanh tra tài chính trong lĩnh vực NSNN</p> <p>4.3.4. Nội dung pháp lý của hoạt động thanh tra tài chính trong lĩnh vực NSNN</p> <p>4.4. Pháp luật về hoạt động kiểm toán nhà nước</p> <p>4.4.1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc hoạt động của Kiểm toán nhà nước</p> <p>4.4.2. Vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước</p> <p>4.5. Xử lý vi phạm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước</p> <p>4.5.1. Hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực NSNN</p> <p>4.5.2. Các biện pháp xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật NSNN</p>	<p>2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập</p>	<p>- Phân tích mối quan hệ giữa Bộ luật Dân sự với các quy định của pháp luật đất đai ảnh hưởng đến các hợp đồng về quyền sử dụng đất</p>	<p>G2; G4</p>

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học các môn Luật Dân sự 1.

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về Thuế (tiếng Anh): Law of Taxas	
- Mã số học phần: 843040	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Doanh nghiệp
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần:

Học phần Pháp luật thuế giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, đặc điểm, vai trò và hệ thống thuế hiện nay ở nước ta; Nội dung cơ bản trong từng sắc thuế, bao gồm: khái niệm, đối tượng nộp thuế, đối tượng tính thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế, chế độ thu, nộp thuế, chế độ miễn, giảm và hoàn thuế của các loại thuế hiện hành: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất, nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế tài nguyên và thuế bảo vệ môi trường. Nắm được các qui định của pháp luật liên quan đến quản lý thuế và xử lý các vi phạm pháp luật thuế.

Học phần gồm 5 chương:

Chương 1. Khái quát chung về thuế và pháp luật thuế

Chương 2. Pháp luật thuế thu vào hàng hóa, dịch vụ

Chương 3. Pháp luật thuế thu và thu nhập

Chương 4. Pháp luật thuế thu vào việc sử dụng và khai thác một số tài sản của nhà nước

Chương 5. Pháp luật về quản lý thuế

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về thuế và pháp luật thuế, như:

- Khái niệm, đặc điểm, vai trò và hệ thống thuế hiện nay của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Khái niệm, đặc điểm, đối tượng thu thuế, đối tượng nộp thuế, căn cứ tính thuế, chế độ thu thuế, miễn giảm thuế của từng loại thuế;
- Thủ tục đăng ký, kê khai, nộp thuế, hoàn thuế của từng loại thuế cụ thể;
- Những qui định của pháp luật liên quan đến công tác quản lý thuế hiện hành, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thuế.

Về kỹ năng:

- Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị ứng dụng vào các hoạt động thực tiễn nghề nghiệp sau này;
- Bước đầu nâng cao khả năng, phương pháp nghiên cứu, phân tích và xử lý tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội;
- Biết cách thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

Về thái độ: Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên sẽ có thái độ đúng đắn trong hiểu biết và thực thi các qui định của pháp luật về thuế. Qua đó, nâng cao ý thức pháp luật của bản thân để có thể trở thành người cán bộ, công chức, viên chức và công dân có năng lực và đạo đức tốt.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày khái niệm, đặc điểm, phân loại và vai trò của thuế.	3
G2	Trình bày được khái niệm thuế, những nội dung cơ bản của một đạo luật thuế.	3
G3	Phân tích được các vấn đề cơ bản về thuế và pháp luật về thuế	4
G4	Trình bày được thuế thu vào hàng hóa dịch vụ và những nội dung cơ bản của pháp luật thuế thu vào hàng hóa, dịch vụ.	3
G4	Trình bày được thuế giá trị gia tăng, thuế xuất, nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường.	4

G5	Xác định được các loại thuế thu vào hàng hóa dịch vụ	4
G6	Trình bày được khái niệm, đặc trưng, vai trò về thuế thu vào thu nhập, pháp luật thuế thu vào thu nhập của doanh nghiệp và cá nhân.	3
G7	Xác định được thuế thu vào thu nhập của doanh nghiệp và cá nhân	
G8	Trình bày được các quy định về thuế thu vào việc sử dụng và khai thác một số tài sản của nhà nước.	3
G9	Xác định được thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế tài nguyên.	4
G10	Trình bày khái niệm, đặc điểm, các nguyên tắc trong hoạt động quản lý thuế.	4
G11	Phân tích được các nguyên tắc trong hoạt động quản lý thuế	
G12	Xác định được các nội dung hoạt động quản lý thuế như: đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế; thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt; quản lý thông tin về người nộp thuế.	4
G13	Áp dụng các quy định của luật để đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt, quản lý thông tin về người nộp thuế	
G14	Áp dụng các quy định của luật để tiến hành kiểm tra thuế, thanh tra thuế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, xử lý vi phạm pháp luật thuế, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế.	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THUẾ VÀ PHÁP LUẬT THUẾ

1.1. Khái quát chung về thuế

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế

1.1.2. Phân loại thuế

1.1.3. Vai trò của thuế

1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật thuế

1.2.1. Khái niệm pháp luật thuế

1.2.2. Những nội dung cơ bản của một đạo luật thuế

1.3. Quan hệ pháp luật thuế

1.3.1. Khái niệm

- 1.3.2. Chủ thể tham gia quan hệ pháp luật thuế
- 1.3.3. Quyền, nghĩa vụ của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật thuế.

CHƯƠNG 2: PHÁP LUẬT THUẾ THU VÀO HÀNG HÓA DỊCH VỤ

2.1. Giới thiệu chung về thuế thu vào hàng hóa, dịch vụ

- 2.1.1. Khái niệm
- 2.1.2. Đặc điểm
- 2.1.3. Vai trò

2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật thuế thu vào hàng hóa, dịch vụ

- 2.2.1. Thuế giá trị gia tăng
- 2.2.2. Thuế xuất, nhập khẩu
- 2.2.3. Thuế tiêu thụ đặc biệt
- 2.2.4. Thuế bảo vệ môi trường

Thực hành: giải bài tập tình huống

CHƯƠNG 3: PHÁP LUẬT THUẾ THU VÀO THU NHẬP

3.1. Giới thiệu chung về thuế thu vào thu nhập

- 3.1.1. Khái niệm
- 3.1.2. Vai trò
- 3.1.3. Đặc trưng

3.2. Nội dung pháp luật thuế thu vào thu nhập

- 3.2.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp
- 3.2.2. Thuế thu nhập cá nhân

CHƯƠNG 4: PHÁP LUẬT THUẾ THU VÀO VIỆC SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC MỘT SỐ TÀI SẢN CỦA NHÀ NƯỚC

4.1. Giới thiệu chung về thuế thu vào việc sử dụng và khai thác một số tài sản của nhà nước

- 4.1.1. Khái niệm
- 4.1.2. Đặc điểm

4.2. Nội dung pháp luật thuế thu vào việc sử dụng và khai thác một số tài sản của nhà nước

- 4.2.1. Thuế sử dụng đất nông nghiệp
- 4.2.2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
- 4.2.3. Thuế tài nguyên

Thực hành: giải bài tập tình huống,

CHƯƠNG 5. PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THUẾ

5.1. Khái quát chung về quản lý thuế

- 5.1.1. Khái niệm
- 5.1.2. Đặc điểm

5.1.3. Các nguyên tắc trong hoạt động quản lý thuế

5.2. Nội dung hoạt động quản lý thuế

5.2.1. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế

5.2.2. Thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt

5.2.3. Quản lý thông tin về người nộp thuế

5.2.4. Kiểm tra thuế, thanh tra thuế

5.2.5. Cường chế thi hành quyết định hành chính thuế

5.2.6. Xử lý vi phạm pháp luật thuế

5.2.7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình *Luật Thuế Việt Nam*, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội, 2014.

[2]. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Giáo trình *Luật Thuế*, NXB. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, 2014.

6.2. Tài liệu khác

[1]. Quách Đức Pháp (1995), *Thuế - công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Thanh Tuyên, Nguyễn Ngọc Thanh (2002), Giáo trình *Thuế*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THUẾ VÀ PHÁP LUẬT THUẾ 1.1. Khái quát chung về thuế 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế 1.1.2. Phân loại thuế 1.1.3. Vai trò của thuế 1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật thuế 1.2.1. Khái niệm pháp luật thuế 1.2.2. Những nội dung cơ bản của một đạo luật thuế	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G1;G 2

2	1.3. Quan hệ pháp luật thuế 1.3.1. Khái niệm 1.3.2. Chủ thể tham gia quan hệ pháp luật thuế 1.3.3. Quyền, nghĩa vụ của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật thuế.	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G2
3	Bài tập về quan hệ pháp luật về thuế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G3
4	CHƯƠNG 2. PHÁP LUẬT THUẾ THU VÀO HÀNG HÓA DỊCH VỤ 2.1. Giới thiệu chung về thuế thu vào hàng hóa, dịch vụ 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Đặc điểm 2.1.3. Vai trò	2 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G4
5	2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật thuế thu vào hàng hóa, dịch vụ 2.2.1. Thuế giá trị gia tăng 2.2.2. Thuế xuất, nhập khẩu 2.2.3. Thuế tiêu thụ đặc biệt 2.2.4. Thuế bảo vệ môi trường	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G4
6	Bài tập về thuế thu vào hàng hóa dịch vụ	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G5
7	CHƯƠNG 3. PHÁP LUẬT THUẾ THU VÀO THU NHẬP 3.1. Giới thiệu chung về thuế thu vào thu nhập 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Vai trò 3.1.3. Đặc trưng 3.2. Nội dung pháp luật thuế thu vào thu nhập 3.2.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp 3.2.2. Thuế thu nhập cá nhân	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G6
8	CHƯƠNG 4: PHÁP LUẬT THUẾ THU VÀO VIỆC SỬ DỤNG VÀ KHÁI THÁC MỘT SỐ TÀI SẢN CỦA NHÀ NƯỚC	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G8

	<p>4.1. Giới thiệu chung về thuế thu vào việc sử dụng và khai thác một số tài sản của nhà nước</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Đặc điểm</p> <p>4.2. Nội dung pháp luật thuế thu vào việc sử dụng và khai thác một số tài sản của nhà nước</p> <p>4.2.1. Thuế sử dụng đất nông nghiệp</p>			
9	<p>4.2.2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</p> <p>4.2.3. Thuế tài nguyên</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G8
10	Bài tập về thuế thu vào việc sử dụng và khai thác một số tài sản của nhà nước và thuế thu vào thu nhập	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G7;G9
11	<p>CHƯƠNG 5. PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ THUẾ</p> <p>5.1. Khái quát chung về quản lý thuế</p> <p>5.1.1. Khái niệm</p> <p>5.1.2. Đặc điểm</p> <p>5.1.3. Các nguyên tắc trong hoạt động quản lý thuế</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G10
12	Thảo luận về các nguyên tắc trong quản lý thuế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G11
13	<p>5.2. Nội dung hoạt động quản lý thuế</p> <p>5.2.1. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế</p> <p>5.2.2. Thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt</p> <p>5.2.3. Quản lý thông tin về người nộp thuế</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G12
14	Thảo luận về các hoạt động quản lý thuế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G13
15	<p>5.2.4. Kiểm tra thuế, thanh tra thuế</p> <p>5.2.5. Cường chế thi hành quyết định hành chính thuế</p> <p>5.2.6. Xử lý vi phạm pháp luật thuế</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G14

5.2.7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế.			
--	--	--	--

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải học trước môn Doanh nghiệp
- Phải đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập thảo luận nhóm trên lớp.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập	0.1	Điểm danh
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	Bài tập nhóm, Kiểm tra
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.
- Email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Trương Thị Tường Vi

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT LAO ĐỘNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)*

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật Lao động (tiếng Anh): Labor law	
- Mã số học phần: 843043	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính*)

Học phần Luật Lao động bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Giới thiệu tổng quan về Luật lao động Việt Nam; quy định pháp luật về các loại Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; Tiền lương; Vệ sinh, an toàn lao động; Kỷ luật lao động – trách nhiệm vật chất; Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động; Quản lý nhà nước về quan hệ lao động.

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động, các tiêu chuẩn lao động, các nguyên tắc sử dụng và quản lý lao động nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất. Vì vậy, môn học có vị trí quan trọng trong đời sống xã hội và trong hệ thống pháp luật của quốc gia cũng như quốc tế.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Hiểu rõ khái niệm, nguyên tắc và tầm quan trọng của quản trị quan hệ lao động, quyền và nghĩa vụ của người lao động và của người sử dụng lao động, các

tiêu chuẩn lao động, các nguyên tắc sử dụng và quản lý lao động, góp phần thúc đẩy sản xuất, tạo việc làm ổn định giữ mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định.

Về kỹ năng: Sinh viên có được những kỹ năng cần thiết để ứng dụng các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp của mình; Bước đầu rèn luyện phương pháp nghiên cứu, phân tích và xử lý tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội trong lĩnh vực lao động. Biết cách thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia các quan hệ lao động.

Về thái độ: Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật lao động khi tham gia vào quan hệ lao động, có thái độ tích cực khi giải quyết các tranh chấp lao động tập thể và lao động cá nhân.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm, đặc điểm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật Lao động; nguyên tắc; nguồn của Luật Lao động	2
G2	Phân biệt được đối tượng điều chỉnh của Luật Lao động với đối tượng điều chỉnh của Luật Dân sự, Luật Thương mại về hoạt động lao động.	3
G3	Trình bày được khái niệm, đặc điểm của hợp đồng lao động; Trình tự, thủ tục, thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động; Mô tả các trường hợp chấm dứt hợp đồng; nghĩa vụ của các bên khi chấm dứt hợp đồng; nắm vững các trường hợp hợp đồng vô hiệu và cách xử lý đối với hợp đồng vô hiệu	2
G4	Áp dụng quy định pháp luật để soạn thảo được một bản hợp đồng lao động cơ bản	3
G5	So sánh được bản chất của hợp đồng lao động và các loại hợp đồng khác	4
G6	Trình bày được khái niệm, đặc điểm, nội dung cơ bản của thỏa ước lao động tập thể; Trình bày được trình tự ban hành một bản thỏa ước lao động tập thể.	2
G7	Trình bày được quy định pháp luật về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; ý nghĩa của quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi	2

G8	Trình bày được khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong vấn đề tiền lương	2
G9	Xây dựng được thang, bảng lương theo quy định pháp luật về tiền lương.	3
G10	Trình bày được khái niệm, ý nghĩa, quyền và nghĩa vụ của các bên trong vấn đề an toàn lao động, vệ sinh lao động	2
G11	Trình bày được khái niệm, ý nghĩa; trình tự, thủ tục, nguyên tắc trong việc áp dụng kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất	2
G12	Áp dụng quy định pháp luật để giải quyết các trường hợp kỷ luật lao động hợp pháp; Xây dựng được một bản nội quy lao động cơ bản cho doanh nghiệp	3
G13	Phân biệt được các loại tranh chấp lao động, trình tự thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động theo quy định pháp luật	4
G14	Lý giải được vai trò quản lý của nhà nước trong lĩnh vực lao động.	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ LUẬT LAO ĐỘNG VIỆT NAM

1.1. Khái niệm về Luật lao động

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Đặc điểm

1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động.

1.2.1. Đối tượng điều chỉnh

1.2.2. Phương pháp điều chỉnh

1.3. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

1.3.1. Nguyên tắc bảo vệ người lao động

1.3.2. Nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động

1.3.3. Nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội

1.3.4. Nguyên tắc tôn trọng và nghiêm chỉnh tuân thủ quy định pháp luật quốc tế về lao động

1.4. Hệ thống và nguồn của Luật lao động

1.4.1. Hệ thống văn bản pháp luật về lao động

1.4.2. Nguồn của Luật Lao động

CHƯƠNG 2. HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

- 2.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng lao động**
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Đặc điểm
- 2.2. Phân loại hợp đồng lao động**
 - 2.2.1. Căn cứ về hình thức
 - 2.2.2. Căn cứ về thời hạn
- 2.3. Các yếu tố của hợp đồng lao động**
 - 2.3.1. Chủ thể
 - 2.3.2. Hình thức
 - 2.3.3. Nội dung của hợp đồng lao động
- 2.4. Xác lập, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động**
 - 2.4.1. Xác lập hợp đồng lao động
 - 2.4.2. Thay đổi nội dung hợp đồng
 - 2.4.3. Tạm hoãn thực hiện hợp đồng
 - 2.4.4. Chấm dứt hợp đồng
- 2.5. Hợp đồng vô hiệu**
 - 2.5.1. Khái niệm hợp đồng lao động vô hiệu
 - 2.5.2. Xử lý hợp đồng lao động vô hiệu
- 2.6. Cho thuê lại lao động**
 - 2.6.1. Khái niệm
 - 2.6.2. Đặc điểm
 - 2.6.3. Nội dung hoạt động cho thuê lại lao động

CHƯƠNG 3. THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ

- 3.1. Đối thoại tại nơi làm việc và thương lượng tập thể**
 - 3.1.1. Đối thoại tại nơi làm việc
 - 3.1.2. Thương lượng tập thể
- 3.2. Thỏa ước lao động tập thể**
 - 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm
 - 3.2.2. Các loại thỏa ước lao động tập thể
 - 3.2.3. Trình tự ký kết thỏa ước lao động tập thể
 - 3.2.4. Hiệu lực của thỏa ước lao động tập thể
 - 3.2.5. Thực hiện, sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể

CHƯƠNG 4. THỜI GIỜ LÀM VIỆC, THỜI GIỜ NGHỈ NGƠI

- 4.1. Khái niệm, ý nghĩa thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi**
 - 4.1.1. Khái niệm
 - 4.1.2. Ý nghĩa
- 4.2. Các loại thời giờ làm việc**
 - 4.2.1. Thời giờ làm việc bình thường

4.2.2. Thời giờ làm việc có hưởng lương

4.2.3. Thời giờ làm thêm

4.2.4. Thời giờ làm đêm

4.2.5. Thời giờ làm việc linh hoạt

4.3. Các loại thời giờ nghỉ ngơi

4.3.1. Nghỉ trong giờ làm việc, nghỉ chuyển ca

4.3.2. Nghỉ hàng tuần

4.3.3. Nghỉ hàng năm

4.3.4. Nghỉ lễ, nghỉ tết

4.3.5. Nghỉ về việc riêng, nghỉ không hưởng lương

4.3.6. Nghỉ theo thỏa thuận

CHƯƠNG 5. TIỀN LƯƠNG

5.1. Khái niệm, bản chất của tiền lương

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Bản chất, ý nghĩa của tiền lương

5.2. Chế độ tiền lương

5.2.1. Nguyên tắc điều chỉnh tiền lương

5.2.2. Tiền lương tối thiểu

5.2.3. Thang, bảng lương và định mức lao động

5.2.4. Các hình thức trả lương

5.2.5. Phụ cấp và tiền thưởng

5.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ lao động đối với việc trả lương

5.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

5.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

5.4. Một số quy định trả lương khác

5.4.1. Trả lương làm thêm giờ

5.4.2. Trả lương làm việc vào ban đêm

5.4.3. Trả lương ngừng việc

5.4.4. Trả lương trong thời gian đình công

5.4.5. Trả lương trong thời gian học nghề, thử việc

CHƯƠNG 6. AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG

6.1. Khái niệm an toàn lao động, vệ sinh lao động

6.1.1. Khái niệm an toàn lao động

6.1.2. Khái niệm vệ sinh lao động

6.1.3. Nguyên tắc cơ bản trong an toàn lao động, vệ sinh lao động

6.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ lao động đối với việc bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động

6.2.1. Nghĩa vụ của Nhà nước

- 6.2.2. Quyền và nghĩa vụ của người lao động
- 6.2.3. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

6.3. Khái niệm, đặc điểm của tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- 6.3.1. Khái niệm
- 6.3.2. Đặc điểm

6.4. Phòng ngừa và khắc phục hậu quả tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- 6.4.1. Biện pháp phòng ngừa
- 6.4.2. Biện pháp khắc phục hậu quả

CHƯƠNG 7. KỶ LUẬT LAO ĐỘNG – TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT

7.1. Kỷ luật lao động

- 7.1.1. Khái niệm kỷ luật lao động
- 7.1.2. Căn cứ và các hình thức kỷ luật lao động

7.2. Trách nhiệm vật chất

- 7.2.1. Khái niệm
- 7.2.2. Căn cứ và hình thức áp dụng trách nhiệm vật chất

CHƯƠNG 8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LAO ĐỘNG VÀ ĐÌNH CÔNG

8.1. Tranh chấp lao động

- 8.1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại tranh chấp lao động
- 8.1.2. Thủ tục giải quyết tranh chấp lao động

8.2. Đình công

- 8.2.1. Khái niệm, đặc điểm của đình công
- 8.2.2. Thủ tục tiến hành và giải quyết đình công

CHƯƠNG 9. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG

9.1. Vai trò của nhà nước trong lao động

- 9.1.1. Vai trò quản lý
- 9.1.2. Vai trò người sử dụng lao động
- 9.1.3. Vai trò tư vấn, hỗ trợ xác lập quan hệ lao động
- 9.1.4. Vai trò trọng tài quyền lực
- 9.1.5. Vai trò một bên trong cơ chế ba bên trong quan hệ lao động

9.2. Quản lý nhà nước về lao động

- 9.2.1. Khái niệm
- 9.2.2. Nội dung quản lý

9.3. Thanh tra và xử phạt vi phạm pháp luật lao động

- 9.3.1. Thanh tra nhà nước về lao động
- 9.3.2. Xử lý vi phạm pháp luật lao động

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] *Giáo trình Luật lao động*, Trường Đại học Luật TP.HCM, NXB.Hồng Đức, năm 2013

[2] Bộ luật Lao động, Luật Việc làm, Luật Công đoàn, Luật An toàn vệ sinh lao động, Luật Dạy nghề hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Sách chuyên khảo và các bài báo khoa học đăng ở tạp chí ngành luật học có nội dung tương ứng.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ LUẬT LAO ĐỘNG VIỆT NAM 1.1. Khái niệm về Luật lao động 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Đặc điểm 1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động. 1.2.1. Đối tượng điều chỉnh 1.2.2. Phương pháp điều chỉnh	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra; lấy các ví dụ thực tế để làm sáng tỏ vấn đề lý luận; làm bài tập	G2; G3
2	1.3. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động 1.3.1. Nguyên tắc bảo vệ người lao động 1.3.2. Nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động\ 1.3.3. Nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội 1.3.4. Nguyên tắc tôn trọng và nghiêm chỉnh tuân thủ quy định pháp luật quốc tế về lao động 1.4. Hệ thống và nguồn của Luật lao động	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra; lấy các ví dụ thực tế để làm sáng tỏ vấn đề lý luận; làm bài tập	G2; G3

	1.4.1. Hệ thống văn bản pháp luật về lao động 1.4.2. Nguồn của Luật Lao động			
3	<p align="center">CHƯƠNG 2. HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG</p> <p>2.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng lao động</p> <p>2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Đặc điểm</p> <p>2.2. Phân loại hợp đồng lao động</p> <p>2.2.1. Căn cứ về hình thức 2.2.2. Căn cứ về thời hạn</p> <p>2.3. Các yếu tố của hợp đồng lao động</p> <p>2.3.1. Chủ thể 2.3.2. Hình thức 2.3.3. Nội dung của hợp đồng lao động</p>	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Trả lời các câu hỏi; làm bài tập	G2; G3
4	<p>2.4. Xác lập, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động</p> <p>2.4.1. Xác lập hợp đồng lao động 2.4.2. Thay đổi nội dung hợp đồng 2.4.3. Tạm hoãn thực hiện hợp đồng 2.4.4. Chấm dứt hợp đồng</p> <p>2.5. Hợp đồng vô hiệu</p> <p>2.5.1. Khái niệm hợp đồng lao động vô hiệu 2.5.2. Xử lý hợp đồng lao động vô hiệu</p> <p>2.6. Cho thuê lại lao động</p> <p>2.6.1. Khái niệm 2.6.2. Đặc điểm 2.6.3. Nội dung hoạt động cho thuê lại lao động</p>	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Trả lời các câu hỏi; làm bài tập; thuyết trình	G2;G3;G4
5	<p align="center">CHƯƠNG 3. THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ</p> <p>3.1. Đối thoại tại nơi làm việc và thương lượng tập thể</p> <p>3.1.1. Đối thoại tại nơi làm việc 3.1.2. Thương lượng tập thể</p>	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2;G3

	<p>3.2. Thỏa ước lao động tập thể</p> <p>3.2.1. Khái niệm, đặc điểm</p> <p>3.2.2. Các loại thỏa ước lao động tập thể</p> <p>3.2.3. Trình tự kí kết thỏa ước lao động tập thể</p> <p>3.2.4. Hiệu lực của thỏa ước lao động tập thể</p> <p>3.2.5. Thực hiện, sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể</p>			
6	<p>CHƯƠNG 4. THỜI GIỜ LÀM VIỆC, THỜI GIỜ NGHỈ NGƠI</p> <p>4.1. Khái niệm, ý nghĩa thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Ý nghĩa</p> <p>4.2. Các loại thời giờ làm việc</p> <p>4.2.1. Thời giờ làm việc bình thường</p> <p>4.2.2. Thời giờ làm việc có hưởng lương</p> <p>4.2.3. Thời giờ làm thêm</p> <p>4.2.4. Thời giờ làm đêm</p> <p>4.2.5. Thời giờ làm việc linh hoạt</p> <p>4.3. Các loại thời giờ nghỉ ngơi</p> <p>4.3.1. Nghỉ trong giờ làm việc, nghỉ chuyển ca</p> <p>4.3.2. Nghỉ hàng tuần</p> <p>4.3.3. Nghỉ hàng năm</p> <p>4.3.4. Nghỉ lễ, nghỉ tết</p> <p>4.3.5. Nghỉ về việc riêng, nghỉ không hưởng lương</p> <p>4.3.6. Nghỉ theo thỏa thuận</p>	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2;G3
7	<p>CHƯƠNG 5. TIỀN LƯƠNG</p> <p>5.1. Khái niệm, bản chất của tiền lương</p> <p>5.1.1. Khái niệm</p> <p>5.1.2. Bản chất, ý nghĩa của tiền lương</p> <p>5.2. Chế độ tiền lương</p> <p>5.2.1. Nguyên tắc điều chỉnh tiền lương</p> <p>5.2.2. Tiền lương tối thiểu</p>	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2;G3; G4

	<p>5.2.3. Thang, bảng lương và định mức lao động</p> <p>5.2.4. Các hình thức trả lương</p> <p>5.2.5. Phụ cấp và tiền thưởng</p>			
8	<p>5.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ lao động đối với việc trả lương</p> <p>5.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động</p> <p>5.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người lao động</p> <p>5.4. Một số quy định trả lương khác</p> <p>5.4.1. Trả lương làm thêm giờ</p> <p>5.4.2. Trả lương làm việc vào ban đêm</p> <p>5.4.3. Trả lương ngừng việc</p> <p>5.4.4. Trả lương trong thời gian đình công</p> <p>5.4.5. Trả lương trong thời gian học nghề, thử việc</p>	<p>2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập</p>	<p>Thuyết trình; làm bài tập; xây dựng thang bảng lương cơ bản</p>	<p>G2;G3; G4</p>
9	<p>CHƯƠNG 6. AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG</p> <p>6.1. Khái niệm an toàn lao động, vệ sinh lao động</p> <p>6.1.1. Khái niệm an toàn lao động</p> <p>6.1.2. Khái niệm vệ sinh lao động</p> <p>6.1.3. Nguyên tắc cơ bản trong an toàn lao động, vệ sinh lao động</p> <p>6.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ lao động đối với việc bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động</p> <p>6.2.1. Nghĩa vụ của Nhà nước</p> <p>6.2.2. Quyền và nghĩa vụ của người lao động</p> <p>6.2.3. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động</p>	<p>2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập</p>	<p>Làm bài tập; thuyết trình</p>	<p>G2;G3; G4</p>

10	<p>6.3. Khái niệm, đặc điểm của tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp</p> <p>6.3.1. Khái niệm</p> <p>6.3.2. Đặc điểm</p> <p>6.4. Phòng ngừa và khắc phục hậu quả tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp</p> <p>6.4.1. Biện pháp phòng ngừa</p> <p>6.4.2. Biện pháp khắc phục hậu quả</p>	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Làm bài tập; thuyết trình	G2;G3; G4
11	<p>CHƯƠNG 7. KỸ LUẬT LAO ĐỘNG – TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT</p> <p>7.1. Kỹ luật lao động</p> <p>7.1.1. Khái niệm kỹ luật lao động</p> <p>7.1.2. Căn cứ và các hình thức kỹ luật lao động</p>	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Làm bài tập; nghiên cứu bản án	G2;G3; G4
12	<p>7.2. Trách nhiệm vật chất</p> <p>7.2.1. Khái niệm</p> <p>7.2.2. Căn cứ và hình thức áp dụng trách nhiệm vật chất</p>	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Làm bài tập; nghiên cứu bản án	G2;G3; G4
13	<p>CHƯƠNG 8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LAO ĐỘNG VÀ ĐÌNH CÔNG</p> <p>8.1. Tranh chấp lao động</p> <p>8.1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại tranh chấp lao động</p> <p>8.1.2. Thủ tục giải quyết tranh chấp lao động</p>	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Làm bài tập; thuyết trình;	G2; G3;G4
14	<p>8.2. Đình công</p> <p>8.2.1. Khái niệm, đặc điểm của đình công</p> <p>8.2.2. Thủ tục tiến hành và giải quyết đình công</p>	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Làm bài tập; thuyết trình;	G2; G3;G4
15	<p>CHƯƠNG 9. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG</p> <p>9.1. Vai trò của nhà nước trong lao động</p> <p>9.1.1. Vai trò quản lý</p> <p>9.1.2. Vai trò người sử dụng lao động</p>	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Làm bài tập	G2;G3

<p>9.1.3. Vai trò tư vấn, hỗ trợ xác lập quan hệ lao động</p> <p>9.1.4. Vai trò trọng tài quyền lực</p> <p>9.1.5. Vai trò một bên trong cơ chế ba bên trong quan hệ lao động</p> <p>9.2. Quản lý nhà nước về lao động</p> <p>9.2.1. Khái niệm</p> <p>9.2.2. Nội dung quản lý</p> <p>9.3. Thanh tra và xử phạt vi phạm pháp luật lao động</p> <p>9.3.1. Thanh tra nhà nước về lao động</p> <p>9.3.2. Xử lý vi phạm pháp luật lao động</p>			
--	--	--	--

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải đọc trước bài ở nhà trước mỗi nội dung học;
- Mang theo các văn bản pháp luật liên quan cho từng nội dung học

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0,4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0,1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0,3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0,4	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
CÔNG PHÁP QUỐC TẾ

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Công pháp quốc tế (tiếng Anh): Public International Law	
- Mã số học phần: 843044	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật (843069)
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Trang bị cho sinh viên kiến thức về Luật quốc tế như khái niệm và sự hình thành luật quốc tế, quy phạm pháp luật quốc tế, nguồn luật quốc tế, nguyên tắc cơ bản, chủ thể của luật quốc tế, các vấn đề pháp lý như dân cư, quan hệ ngoại giao, lãnh thổ và biên giới quốc gia, tranh chấp quốc tế và giải quyết tranh chấp quốc tế.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức:

- Hiểu được kiến thức chung về hệ thống Luật quốc tế như khái niệm, đặc điểm, bản chất, hệ thống các nguyên tắc cơ bản, nguồn pháp lý, mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia.

- Hiểu và phân tích về các chủ thể của Luật quốc tế.

- Nhận thức được các vấn đề pháp lý về dân cư, quan hệ ngoại giao, lãnh thổ và biên giới quốc gia, về giải quyết tranh chấp quốc tế.

Về kỹ năng:

- Kỹ năng tổng hợp, phân tích và so sánh các vấn đề pháp lý về luật quốc tế.

- Vận dụng kiến thức pháp lý vào thực tiễn.

Về thái độ:

- Nâng cao nhận thức về pháp luật quốc tế.
- Tích cực đấu tranh bảo vệ công lý.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm đặc điểm của luật quốc tế; Phân biệt được luật quốc tế với luật quốc gia; Nắm vững bản chất, vai trò của luật quốc tế	2
G2	Trình bày, phân tích và chứng minh vai trò của các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế	3
G3	Phân tích và áp dụng các nguồn của luật quốc tế	3
G4	Trình bày được các chủ thể của luật quốc tế	2
G5	Trình bày được những vấn đề pháp lý về dân cư trong luật quốc tế; về vấn đề bảo hộ công dân	2
G6	Nắm vững nội dung cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự, phái đoàn đại diện tại tổ chức quốc tế	2
G7	Áp dụng giải quyết những vấn đề về quyền ưu đãi và miễn trừ dành cho thành viên của cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự	3
G8	Hiểu và nắm được những vấn đề pháp lý về lãnh thổ trong luật quốc tế	2
G9	Nắm được nội dung biên giới quốc gia trong luật quốc tế; cách xác định biên giới quốc gia	2
G10	Nắm rõ và áp dụng trong thực tiễn giải quyết tranh chấp liên quan đến luật biển quốc tế	3
G11	Hiểu khái niệm và nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong quan hệ quốc tế	2
G12	Nắm rõ và áp dụng các biện pháp giải quyết tranh chấp quốc tế cụ thể	3

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LUẬT QUỐC TẾ

1.1. Khái niệm, đặc điểm luật quốc tế

- 1.1.1. Khái niệm luật quốc tế
- 1.1.2. Đặc điểm luật quốc tế
- 1.2. Quy phạm pháp luật quốc tế**
 - 1.1.1. Khái niệm
 - 1.1.2. Phân loại và hiệu lực của quy phạm pháp luật quốc tế
- 1.3. Bản chất của luật quốc tế**
- 1.4. Vai trò của luật quốc tế**
- 1.5. Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế**
 - 1.5.1. Khái niệm
 - 1.5.2. Nội dung các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế
- 1.6. Nguồn của luật quốc tế**
 - 1.6.1. Khái niệm
 - 1.6.2. Nội dung nguồn luật quốc tế

CHƯƠNG 2

CHỦ THỂ CỦA LUẬT QUỐC TẾ

- 2.1. Quốc gia**
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Quyền năng chủ thể luật quốc tế của quốc gia
 - 2.2.3. Vấn đề công nhận trong luật quốc tế
 - 2.2.4. Kế thừa quốc gia
- 2.2. Tổ chức quốc tế**
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Quyền năng chủ thể luật quốc tế của tổ chức quốc tế
 - 2.2.3. Phân loại
- 2.3. Dân tộc đang đấu tranh giành quyền tự quyết**
 - 2.3.1. Khái niệm
 - 2.3.2. Quyền năng chủ thể
- 2.4. Thực thể pháp lý khác**

CHƯƠNG 3

DÂN CƯ TRONG LUẬT QUỐC TẾ

- 3.1. Khái niệm về dân cư**
- 3.2. Quy định địa vị pháp lý của dân cư**
- 3.4. Quốc tịch**
 - 3.4.1. Khái niệm
 - 3.4.2. Cách thức xác định quốc tịch
 - 3.4.3. Bảo hộ công dân ở nước ngoài
- 3.5. Địa vị pháp lý người nước ngoài**

CHƯƠNG 4

LUẬT NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ

4.1. Khái niệm, nguyên tắc, nguồn luật ngoại giao và lãnh sự

- 4.1.1. Khái niệm
- 4.1.2. Nguyên tắc
- 4.1.3. Nguồn luật ngoại giao và lãnh sự

4.2. Hệ thống cơ quan quan hệ đối ngoại của nhà nước

- 4.2.1. Khái niệm
- 4.2.2. Cơ quan đại diện chung
- 4.2.3. Cơ quan đại diện ở nước ngoài

4.3. Cơ quan đại diện ngoại giao

- 4.3.1. Khái niệm và chức năng của cơ quan đại diện ngoại giao
- 4.3.2. Phân loại cơ quan đại diện ngoại giao
- 4.3.3. Cấp ngoại giao, hàm ngoại giao, chức vụ ngoại giao
- 4.3.4. Khởi đầu và kết thúc chức vụ
- 4.3.5. Cơ cấu tổ chức và thành viên cơ quan đại diện ngoại giao
- 4.3.6. Quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao

4.4. Cơ quan lãnh sự

- 4.4.1. Khái niệm và chức năng của cơ quan lãnh sự
- 4.4.2. Phân loại cơ quan lãnh sự
- 4.4.3. Khởi đầu và kết thúc chức vụ
- 4.4.4. Cơ cấu tổ chức và thành viên cơ quan
- 4.4.5. Quyền ưu đãi và miễn trừ lãnh sự

CHƯƠNG 5

LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG LUẬT QUỐC TẾ

5.1. Lãnh thổ quốc gia

- 5.1.1. Khái niệm và ý nghĩa lãnh thổ quốc gia
- 5.1.2. Các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia
- 5.1.3. Nội dung quyền tối cao đối với lãnh thổ
- 5.1.4. Quy chế pháp lý của quốc gia đối với lãnh thổ

5.2. Biên giới quốc gia

- 5.2.1. Khái niệm
- 5.2.2. Quy chế pháp lý

5.3. Luật biển quốc tế

- 5.3.1. Khái niệm
- 5.3.2. Nguồn của luật biển quốc tế
- 5.3.3. Các nguyên tắc
- 5.3.4. Quy chế pháp lý đối với các vùng biển

CHƯƠNG 6

TRANH CHẤP QUỐC TẾ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUỐC TẾ

6.1. Khái niệm, thẩm quyền giải quyết tranh chấp quốc tế

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Thẩm quyền

6.2. Các biện pháp giải quyết tranh chấp quốc tế

6.2.1. Biện pháp chính trị - ngoại giao

6.2.2. Biện pháp giải quyết bằng thủ tục tài phán

6.2.3. Một số cơ chế giải quyết tranh chấp cụ thể

6.3. Trách nhiệm pháp lý quốc tế

6.3.1. Khái niệm

6.3.2. Căn cứ xác định trách nhiệm pháp lý quốc tế

6.3.3. Trường hợp miễn trách nhiệm pháp lý quốc tế của quốc gia

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Công pháp quốc tế phần I, phần II*, NXB. Hồng Đức.

[2] Vũ Duy Khang (2013), *Hệ thống văn bản pháp luật quốc tế và Việt Nam sử dụng học tập môn Công pháp quốc tế*, NXB. Hồng Đức.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Trần Thị Thùy Dương (2013), *Giáo trình Công pháp quốc tế 1,2*, NXB. Hồng Đức.

[5] Ngô Hữu Phước (2017), *Cẩm nang về giải quyết tranh chấp theo Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển năm 1982*, NXB. Hồng Đức.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LUẬT QUỐC TẾ 1.1. Khái niệm, đặc điểm luật quốc tế 1.1.1. Khái niệm luật quốc tế 1.1.2. Đặc điểm luật quốc tế 1.2. Quy phạm pháp luật quốc tế	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G1

	<p>1.2.1. Khái niệm</p> <p>1.2.2. Phân loại và hiệu lực của quy phạm pháp luật quốc tế</p> <p>1.3. Bản chất của luật quốc tế</p> <p>1.4. Vai trò của luật quốc tế</p>			
2	<p>1.5. Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế</p> <p>1.5.1. Khái niệm</p> <p>1.5.2. Nội dung các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	<p>Đọc văn bản pháp luật</p> <p>Làm nhận định + bài tập</p>	G2
3	<p>1.6. Nguồn của luật quốc tế</p> <p>1.6.1. Khái niệm</p> <p>1.6.2. Nội dung nguồn luật quốc tế</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	<p>Đọc văn bản pháp luật</p> <p>Làm nhận định</p>	G3
4	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG 2</p> <p style="text-align: center;">CHỦ THỂ CỦA LUẬT QUỐC TẾ</p> <p>2.1. Quốc gia</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.2.2. Quyền năng chủ thể luật quốc tế của quốc gia</p> <p>2.2.3. Vấn đề công nhận trong luật quốc tế</p> <p>2.2.4. Kế thừa quốc gia</p> <p>2.2. Tổ chức quốc tế</p> <p>2.2.1. Khái niệm</p> <p>2.2.2. Quyền năng chủ thể luật quốc tế của tổ chức quốc tế</p> <p>2.2.3. Phân loại</p> <p>2.3. Dân tộc đang đấu tranh giành quyền tự quyết</p> <p>2.3.1. Khái niệm</p> <p>2.3.2. Quyền năng chủ thể</p> <p>2.4. Thực thể pháp lý khác</p>	2 tiết Lý thuyết	<p>Đọc văn bản pháp luật</p> <p>Làm nhận định</p>	G4
5	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG 3</p> <p style="text-align: center;">DÂN CƯ TRONG LUẬT QUỐC TẾ</p> <p>3.1. Khái niệm về dân cư</p> <p>3.2. Quy định địa vị pháp lý của dân cư</p>	2 tiết Lý thuyết	<p>Đọc văn bản pháp luật</p>	G5

	3.4. Quốc tịch 3.4.1. Khái niệm 3.4.2. Cách thức xác định quốc tịch 3.4.3. Bảo hộ công dân ở nước ngoài 3.5. Địa vị pháp lý người nước ngoài		Làm nhận định	
6	CHƯƠNG 4 LUẬT NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ 4.1. Khái niệm, nguyên tắc, nguồn luật ngoại giao và lãnh sự 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Nguyên tắc 4.1.3. Nguồn luật ngoại giao và lãnh sự 4.2. Hệ thống cơ quan quan hệ đối ngoại của nhà nước 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Cơ quan đại diện chung 4.2.3. Cơ quan đại diện ở nước ngoài 4.3. Cơ quan đại diện ngoại giao 4.3.1. Khái niệm và chức năng của cơ quan đại diện ngoại giao 4.3.2. Phân loại cơ quan đại diện ngoại giao 4.3.3. Cấp ngoại giao, hàm ngoại giao, chức vụ ngoại giao 4.3.4. Khởi đầu và kết thúc chức vụ	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G6
7	4.3.5. Cơ cấu tổ chức và thành viên cơ quan đại diện ngoại giao 4.3.6. Quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G6 G7
8	4.4. Cơ quan lãnh sự 4.4.1. Khái niệm và chức năng của cơ quan lãnh sự 4.4.2. Phân loại cơ quan lãnh sự 4.4.3. Khởi đầu và kết thúc chức vụ 4.4.4. Cơ cấu tổ chức và thành viên cơ quan 4.4.5. Quyền ưu đãi và miễn trừ lãnh sự	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G6 G7

9	CHƯƠNG 5 LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG LUẬT QUỐC TẾ			
	5.1. Lãnh thổ quốc gia			
	5.1.1. Khái niệm và ý nghĩa lãnh thổ quốc gia	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật	G8
	5.1.2. Các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia		Làm nhận định + bài tập	
	5.1.3. Nội dung quyền tối cao đối với lãnh thổ			
	5.1.4. Quy chế pháp lý của quốc gia đối với lãnh thổ			
10	5.2. Biên giới quốc gia			
	5.2.1. Khái niệm 5.2.2. Quy chế pháp lý	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G9
11	5.3. Luật biển quốc tế			
	5.3.1. Khái niệm		Đọc văn bản pháp luật	G10
	5.3.2. Nguồn của luật biển quốc tế	2 tiết Lý thuyết	Làm nhận định	
	5.3.3. Các nguyên tắc			
	5.3.4. Quy chế pháp lý đối với các vùng biển			
12	Thảo luận nội dung 5.3. Luật biển quốc tế theo 02 chủ đề:		Đọc văn bản pháp luật	
	Chủ đề 01: Các tranh chấp về biển đảo giữa Việt Nam và Trung Quốc Chủ đề 02: Các tranh chấp về biển đảo giữa Philippines và Trung Quốc	2 tiết thảo luận	Phát biểu quan điểm về 02 chủ đề	G10
13	CHƯƠNG 6 TRANH CHẤP QUỐC TẾ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUỐC TẾ			
	6.1. Khái niệm, thẩm quyền giải quyết tranh chấp quốc tế	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật	G11 G12
	6.1.1. Khái niệm 6.1.2. Thẩm quyền		Làm nhận định + bài tập	

	6.2. Các biện pháp giải quyết tranh chấp quốc tế 6.2.1. Biện pháp chính trị - ngoại giao 6.2.2. Biện pháp giải quyết bằng thủ tục tài phán			
14	6.2.3. Một số cơ chế giải quyết tranh chấp cụ thể	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G11 G12
15	6.3. Trách nhiệm pháp lý quốc tế 6.3.1. Khái niệm 6.3.2. Căn cứ xác định trách nhiệm pháp lý quốc tế 6.3.3. Trường hợp miễn trách nhiệm pháp lý quốc tế của quốc gia	2 tiết Lý thuyết	Làm nhận định + bài tập	G11 G12

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải học các môn Lý luận chung về nhà nước và pháp luật
- Làm bài tập và nhận định đầy đủ

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com/

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Phạm Thị Hồng My

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
TƯ PHÁP QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Tư pháp quốc tế (tiếng Anh): Private International Law	
- Mã số học phần: 843310 (843045)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần học trước:	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật (843069)
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tư pháp quốc tế, nguyên tắc và cách thức giải quyết các xung đột pháp luật trong quan hệ pháp luật dân sự có yếu tố nước ngoài. Nhận thức rõ thẩm quyền của tòa án Việt Nam trong giải quyết những quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài và một số chế định quan trọng trong tư pháp quốc tế.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức:

- Kiến thức cơ bản về tư pháp quốc tế, xung đột pháp luật, nguyên nhân và cách thức giải quyết những xung đột pháp luật.

- Nhận thức về thẩm quyền của tòa án quốc gia đối với việc giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài.

- Một số chế định pháp luật quan trọng trong tư pháp quốc tế như sở hữu, thừa kế, hôn nhân gia đình, sở hữu trí tuệ.

Về kĩ năng: Giúp sinh viên có kỹ năng phân tích, bình luận giải quyết tình huống trong thực tiễn.

Về thái độ:

- Nâng cao trình độ, ý thức pháp luật của sinh viên

- Nâng cao tinh thần học tập, làm việc nhóm, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đam mê khởi nghiệp, có ý thức xây dựng pháp luật và phát triển đất nước.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày và nắm được khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh của Tư pháp quốc tế	2
G2	Nắm được các loại nguồn của Tư pháp quốc tế; vận dụng nguồn luật của Tư pháp quốc tế để giải quyết một số vụ việc cụ thể	3
G3	Nắm được các chủ thể của tư pháp quốc tế; so sánh với chủ thể của luật quốc tế	2
G4	Nắm được khái niệm và đặc trưng của xung đột pháp luật; nguyên tắc giải quyết hiện tượng xung đột pháp luật	2
G5	Nắm rõ và vận dụng một số kiểu hệ thuộc luật cơ bản giải quyết hiện tượng xung đột pháp luật vào một số vụ việc cụ thể	3
G6	Xác định thẩm quyền của tòa án quốc gia đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài	3
G7	Nắm được nội dung lý thuyết và trình tự thủ tục công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của tòa án nước ngoài; vận dụng vào thực tiễn để giải quyết; bình luận án	4
G8	Nắm được nội dung lý thuyết và trình tự thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài; vận dụng vào thực tiễn để giải quyết; bình luận án	4
G9	Hiểu và vận dụng quy định vào xác định thẩm quyền và luật áp dụng trong quan hệ quyền sở hữu có yếu tố nước ngoài; bình luận án	4

G10	Hiểu và vận dụng quy định vào xác định thẩm quyền và luật áp dụng trong quan hệ thừa kế có yếu tố nước ngoài; bình luận án	4
G11	Hiểu và vận dụng quy định vào xác định thẩm quyền và luật áp dụng trong quan hệ hợp đồng có yếu tố nước ngoài; bình luận án	4
G12	Hiểu và vận dụng quy định vào xác định thẩm quyền và luật áp dụng trong quan hệ bồi thường thiệt hại có yếu tố nước ngoài; bình luận án	4
G13	Hiểu và vận dụng quy định vào xác định thẩm quyền và luật áp dụng trong quan hệ sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài; bình luận án	4
G14	Hiểu và vận dụng quy định vào xác định thẩm quyền và luật áp dụng trong quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; bình luận án	4
G15	Hiểu và vận dụng quy định vào xác định thẩm quyền và luật áp dụng trong quan hệ lao động có yếu tố nước ngoài; bình luận án	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TƯ PHÁP QUỐC TẾ

- 1.1. Đối tượng điều chỉnh của tư pháp quốc tế
- 1.2. Phạm vi điều chỉnh của tư pháp quốc tế
- 1.3. Phương pháp điều chỉnh của tư pháp quốc tế
- 1.4. Nguồn của tư pháp quốc tế
 - 1.4.1. Khái niệm
 - 1.4.2. Các loại nguồn của Tư pháp quốc tế
- 1.5. Một số học thuyết cơ bản về tư pháp quốc tế
- 1.6. Chủ thể của tư pháp quốc tế
 - 1.6.1. Cá nhân
 - 1.6.2. Pháp nhân
 - 1.6.3. Quốc gia

CHƯƠNG 2

XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Nguyên nhân và phương pháp giải quyết xung đột pháp luật

- 2.2.1. Nguyên nhân
- 2.2.2. Phương pháp giải quyết

2.3. Quy phạm xung đột

- 2.3.1. Khái niệm
- 2.3.2. Cơ cấu quy phạm xung đột
- 2.3.3. Phân loại

2.4. Một số kiểu hệ thuộc xung đột cơ bản

- 2.4.1. Hệ thuộc luật nhân thân
- 2.4.2. Hệ thuộc luật nơi có tài sản
- 2.4.3. Hệ thuộc luật tòa án
- 2.4.3. Hệ thuộc luật theo thỏa thuận
- 2.4.3. Hệ thuộc luật nơi xảy ra hậu quả
- 2.4.3. Hệ thuộc luật của nước có mối liên hệ gắn bó

2.5. Áp dụng luật nước ngoài khi giải quyết các xung đột pháp luật

- 2.5.1. Khái quát áp dụng pháp luật nước ngoài
- 2.5.2. Xác định nội dung pháp luật nước ngoài và cách thức áp dụng pháp luật nước ngoài
- 2.5.3. Một số vấn đề pháp lý phát sinh khi áp dụng pháp luật nước ngoài

CHƯƠNG 3

THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN QUỐC GIA ĐỐI VỚI VỤ VIỆC DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

3.1. Khái niệm, đặc điểm

3.2. Xác định thẩm quyền của tòa án quốc gia đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài theo pháp luật một số quốc gia trên thế giới

3.3. Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài

- 3.2.1. Xác định thẩm quyền của tòa án quốc gia đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài theo hiệp định tương trợ tư pháp mà Việt Nam là thành viên
- 3.2.2. Xác định thẩm quyền của tòa án quốc gia đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài theo pháp luật Việt Nam

CHƯƠNG 4

CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ CỦA TÒA ÁN NƯỚC NGOÀI, PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI

4.1. Công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài

- 4.1.1. Khái niệm
- 4.1.2. Nguyên tắc

4.1.3. Công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài tại một số nước trên thế giới

4.1.4. Công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài tại Việt Nam

4.2. Công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài

4.2.1. Khái niệm

4.2.2. Nguyên tắc

4.2.3. Công ước New York 1958 về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài

4.2.4. Công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

CHƯƠNG 5

MỘT SỐ CHẾ ĐỊNH PHÁP LUẬT QUAN TRỌNG TRONG TƯ PHÁP QUỐC TẾ

5.1. Quyền sở hữu

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Giải quyết xung đột pháp luật về quyền sở hữu

5.1.3. Quyền sở hữu của người nước ngoài tại Việt Nam

5.2. Thừa kế

5.2.1. Khái niệm

5.2.2. Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế

5.2.3. Giải quyết di sản không có người thừa kế

5.3. Hợp đồng

5.3.1. Khái niệm

5.3.2. Giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng

5.4. Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

5.4.1. Khái niệm

5.4.2. Giải quyết xung đột pháp luật về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

5.5. Quyền sở hữu trí tuệ

5.5.1. Khái niệm

5.5.2. Giải quyết xung đột pháp luật về Quyền sở hữu trí tuệ

5.5.3. Các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ

5.6. Hôn nhân và gia đình

5.6.1. Khái niệm

5.6.2. Giải quyết xung đột pháp luật về kết hôn

5.6.3. Giải quyết xung đột pháp luật về ly hôn

5.6.3. Quan hệ nhân thân và tài sản giữa vợ và chồng có yếu tố nước ngoài

5.6.4. Giải quyết xung đột pháp luật về xác định cha, mẹ, con và cấp dưỡng

5.6.5. Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

5.7. Quan hệ pháp luật về lao động

5.7.1. Khái niệm

5.7.2. Giải quyết xung đột pháp luật

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, NXB Hồng Đức.

[2] Bành Quốc Tuấn (2017), *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, NXB Chính trị quốc gia sự thật.

[3] Võ Thị Thanh Linh (2018), *Chỉ dẫn áp dụng các văn bản pháp luật về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam*, NXB Lao Động.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Đỗ Văn Đại, Mai Hồng Quỳnh (2010), *Tư pháp quốc tế Việt Nam, quan hệ dân sự, lao động, thương mại có yếu tố nước ngoài*, NXB Chính trị quốc gia.

[5] Lê Thị Nam Giang (2016), *Tư pháp quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TƯ PHÁP QUỐC TẾ 1.1. Đối tượng điều chỉnh của tư pháp quốc tế 1.2. Phạm vi điều chỉnh của tư pháp quốc tế 1.3. Phương pháp điều chỉnh của tư pháp quốc tế	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G1
2	1.4. Nguồn của tư pháp quốc tế 1.4.1. Khái niệm 1.4.2. Các loại nguồn của Tư pháp quốc tế	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G2 G3

	<p>1.5. Một số học thuyết cơ bản về tư pháp quốc tế</p> <p>1.6. Chủ thể của tư pháp quốc tế</p> <p>1.6.1. Cá nhân</p> <p>1.6.2. Pháp nhân</p> <p>1.6.3. Quốc gia</p>			
3	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG 2</p> <p style="text-align: center;">XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Nguyên nhân và phương pháp giải quyết xung đột pháp luật</p> <p>2.2.1. Nguyên nhân</p> <p>2.2.2. Phương pháp giải quyết</p> <p>2.3. Quy phạm xung đột</p> <p>2.3.1. Khái niệm</p> <p>2.3.2. Cơ cấu quy phạm xung đột</p> <p>2.3.3. Phân loại</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G4
4	<p>2.4. Một số kiểu hệ thuộc xung đột cơ bản</p> <p>2.4.1. Hệ thuộc luật nhân thân</p> <p>2.4.2. Hệ thuộc luật nơi có tài sản</p> <p>2.4.3. Hệ thuộc luật tòa án</p> <p>2.4.3. Hệ thuộc luật theo thỏa thuận</p> <p>2.4.3. Hệ thuộc luật nơi xảy ra hậu quả</p> <p>2.4.3. Hệ thuộc luật của nước có mối liên hệ gần bó</p> <p>2.5. Áp dụng luật nước ngoài khi giải quyết các xung đột pháp luật</p> <p>2.5.1. Khái quát áp dụng pháp luật nước ngoài</p> <p>2.5.2. Xác định nội dung pháp luật nước ngoài và cách thức áp dụng pháp luật nước ngoài</p> <p>2.5.3. Một số vấn đề pháp lý phát sinh khi áp dụng pháp luật nước ngoài</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G5

5	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG 3</p> <p style="text-align: center;">THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN QUỐC GIA ĐỐI VỚI VỤ VIỆC DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI</p> <p>3.1. Khái niệm, đặc điểm</p> <p>3.2. Xác định thẩm quyền của tòa án quốc gia đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài theo pháp luật một số quốc gia trên thế giới</p> <p>3.3. Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài</p> <p>3.2.1. Xác định thẩm quyền của tòa án quốc gia đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài theo hiệp định tương trợ tư pháp mà Việt Nam là thành viên.</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G6
6	3.2.2. Xác định thẩm quyền của tòa án quốc gia đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài theo pháp luật Việt Nam	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G6
7	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG 4</p> <p style="text-align: center;">CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ CỦA TÒA ÁN NƯỚC NGOÀI, PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI</p> <p>4.1. Công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Nguyên tắc</p> <p>4.1.3. Công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài tại một số nước trên thế giới</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G7

	4.1.4. Công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài tại Việt Nam.			
8	4.2. Công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Nguyên tắc 4.2.3. Công ước New York 1958 về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài 4.2.4. Công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G8
9	CHƯƠNG 5 MỘT SỐ CHẾ ĐỊNH PHÁP LUẬT QUAN TRỌNG TRONG TƯ PHÁP QUỐC TẾ 5.1. Quyền sở hữu 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Giải quyết xung đột pháp luật về quyền sở hữu 5.1.3. Quyền sở hữu của người nước ngoài tại Việt Nam.	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G9
10	5.2. Thừa kế 5.2.1. Khái niệm 5.2.2. Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế 5.2.3. Giải quyết di sản không có người thừa kế	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G10
11	5.3. Hợp đồng 5.3.1. Khái niệm 5.3.2. Giải quyết xung đột pháp luật về hợp đồng.	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G11

12	5.4. Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng 5.4.1. Khái niệm 5.4.2. Giải quyết xung đột pháp luật về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G12
13	5.5. Quyền sở hữu trí tuệ 5.5.1. Khái niệm 5.5.2. Giải quyết xung đột pháp luật về Quyền sở hữu trí tuệ 5.5.3. Các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ.	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G13
14	5.6. Hôn nhân và gia đình 5.6.1. Khái niệm 5.6.2. Giải quyết xung đột pháp luật về kết hôn 5.6.3. Giải quyết xung đột pháp luật về ly hôn 5.6.3. Quan hệ nhân thân và tài sản giữa vợ và chồng có yếu tố nước ngoài 5.6.4. Giải quyết xung đột pháp luật về xác định cha, mẹ, con và cấp dưỡng 5.6.5. Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G14
15	5.7. Quan hệ pháp luật về lao động 5.7.1. Khái niệm 5.7.2. Giải quyết xung đột pháp luật	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G15

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải học các môn Lý luận chung về nhà nước và pháp luật
- Làm bài tập và nhận định đầy đủ

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Phạm Thị Hồng My

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT CỘNG ĐỒNG ASEAN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật cộng đồng Asean (tiếng Anh): Law of Asean Community	
- Mã số học phần: 843046	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Công pháp quốc tế (843044)
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần Pháp luật Cộng đồng ASEAN cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về ASEAN và pháp luật cộng đồng ASEAN nhằm tăng cường nhận thức và sự hiểu biết chung về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và cộng đồng ASEAN (AC).

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức của ASEAN; khái niệm, mô hình liên kết của Cộng đồng ASEAN; khái niệm Pháp luật cộng đồng ASEAN cùng các vấn đề cụ thể như: Luật Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN, Luật Cộng đồng kinh tế ASEAN, Luật Cộng đồng Văn hóa – xã hội ASEAN; các vấn đề pháp lý về hợp tác ngoại khối, cơ chế giải quyết tranh chấp và thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam.

Về kỹ năng: Nâng cao khả năng tư duy, kỹ năng thuyết trình, viết và kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan đến ASEAN, đặc biệt là mối quan hệ của Việt Nam với ASEAN; nâng cao khả năng tranh luận, phân biện các vấn đề pháp lý có liên quan đến ASEAN và cộng đồng ASEAN.

Về thái độ: Sinh viên có thái độ đúng đắn khi nghiên cứu các vấn đề liên quan đến ASEAN; xây dựng ý thức công dân và nhận thức được vai trò của người trẻ trong quá trình Việt Nam hội nhập với khu vực và thế giới.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	<i>Trình bày được</i> những hiểu biết cơ bản về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN); khái niệm Cộng đồng ASEAN, pháp luật cộng đồng ASEAN.	2
G2	<i>Trình bày được</i> các định nghĩa, nội dung, đặc điểm của Cộng đồng chính trị – an ninh ASEAN; cộng đồng kinh tế; cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN.	2
G3	<i>Nắm rõ</i> hệ thống quy định pháp luật liên quan đến 3 trụ cột chính của cộng đồng ASEAN: pháp luật về cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN; pháp luật về cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN và pháp luật về cộng đồng kinh tế ASEAN.	3
G4	<i>Nhận định, đánh giá được</i> quá trình hình thành, phát triển; cơ hội và thách thức của Cộng đồng ASEAN nói chung và 3 trụ cột chính của cộng đồng ASEAN nói riêng; đánh giá được cơ chế hợp tác trong ASEAN và hợp tác ngoại khối của ASEAN; cơ chế giải quyết tranh chấp trong ASEAN; mối quan hệ Việt Nam - ASEAN	3
G5	<i>Đề xuất được</i> những giải pháp cho việc Việt Nam thực hiện các cam kết trong ASEAN và phát huy vai trò của Việt Nam trong ASEAN; đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm hoàn thiện và phát triển cộng đồng ASEAN trong tương lai.	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1.

NHẬP MÔN PHÁP LUẬT CỘNG ĐỒNG ASEAN

1.1. Khái quát về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á

- 1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển
 - 1.1.1.1. Sự ra đời của ASEAN
 - 1.1.1.2. Các giai đoạn phát triển của ASEAN
- 1.1.2. Mục đích và nguyên tắc hoạt động
 - 1.1.2.1. Mục đích
 - 1.1.2.2. Nguyên tắc hoạt động
- 1.1.3. Thành viên và cơ cấu tổ chức
 - 1.1.3.1. Thành viên
 - 1.1.3.2. Cơ cấu tổ chức

1.2. Khái quát về Cộng đồng ASEAN

- 1.2.1. Khái niệm cộng đồng ASEAN (AC)
- 1.2.2. Mô hình liên kết của AC
 - 1.2.2.1. Trụ cột liên kết và mối liên hệ giữa các trụ cột
 - 1.2.2.2. Thiết chế pháp lý
 - 1.2.2.3. Cấp độ liên kết

1.3. Khái niệm Pháp luật Cộng đồng ASEAN

- 1.3.1. Định nghĩa pháp luật AC
- 1.3.2. Đặc điểm của pháp luật AC
- 1.3.3. Nguồn của pháp luật AC

CHƯƠNG 2.

LUẬT CỘNG ĐỒNG CHÍNH TRỊ - AN NINH ASEAN

2.1. Khái quát về cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN

- 2.1.1. Khái niệm
- 2.1.2. Cơ sở hình thành
- 2.1.3. Mục tiêu

2.2. Mô hình liên kết

- 2.2.1. Cấu trúc nội dung
- 2.2.2. Phương thức thực hiện
- 2.2.3. Thiết chế pháp lý
- 2.2.4. Cấp độ liên kết

2.3. Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF)

- 2.3.1. Khái quát
- 2.3.2. Cơ chế hợp tác

2.4. Hợp tác quốc phòng

- 2.4.1. Khái quát
- 2.4.2. Cơ chế hợp tác

2.5. Tương trợ tư pháp hình sự và phòng chống tội phạm xuyên quốc gia

- 2.5.1. Tương trợ tư pháp hình sự

2.5.2. Phòng chống tội phạm xuyên quốc gia

CHƯƠNG 3.

LUẬT CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN

3.1. Khái quát về Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Tiền đề hình thành AEC

3.2. Mô hình liên kết của AEC

3.2.1. Cấu trúc nội dung

3.2.1.1. Thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất

3.2.1.2. Khu vực kinh tế cạnh tranh cao

3.2.1.3. Khu vực phát triển kinh tế đồng đều

3.2.1.4. Khu vực hội nhập hoàn toàn vào nền kinh tế toàn cầu

3.2.2. Phương thức xây dựng và thực hiện

3.2.3. Thiết chế pháp lý

3.2.4. Cấp độ liên kết

3.3. Tự do hóa thương mại hàng hóa

3.3.1. Khái quát về khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA)

3.3.1.1. Khái niệm

3.3.1.2. Mục tiêu

3.3.1.3. Nội dung pháp lý

3.3.2. Tự do hóa thuế quan

3.3.2.1. Cắt giảm và xóa bỏ thuế quan theo CEPT

3.3.2.2. Cắt giảm, xóa bỏ thuế quan và hạn ngạch thuế quan theo ATIGA

3.3.3. Các biện pháp phi thuế quan

3.3.3.1. Dỡ bỏ chung các hạn chế và số lượng

3.3.3.2. Xóa bỏ các biện pháp phi thuế quan khác

3.3.4. Quy tắc xuất xứ

3.3.4.1. Hàng hóa có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ

3.3.4.2. Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy hoặc không được sản xuất toàn bộ

3.4. Tự do hóa thương mại dịch vụ

3.4.1. Khái quát

3.4.2. Dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh của AFAS

3.4.3. Hạn chế và xóa bỏ rào cản thương mại dịch vụ

3.4.4. Công nhận lẫn nhau

3.5. Khu vực đầu tư ASEAN

3.5.1. Khái quát

3.5.2. Nội dung pháp lý

3.5.3. Bảo hộ đầu tư

CHƯƠNG 4.

LUẬT CỘNG ĐỒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI ASEAN

4.1. Khái quát về cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN (ASCC)

- 4.1.1. Khái niệm ASCC
- 4.1.2. Tiền đề hình thành của ASCC
- 4.1.3. Mục tiêu của ASCC
- 4.1.4. Vai trò của ASCC

4.2. Mô hình liên kết của ASCC

- 4.2.1. Cấu trúc nội dung
 - 4.2.1.1. Phát triển con người
 - 4.2.1.2. Bảo trợ và phúc lợi xã hội
 - 4.2.1.3. Các quyền và công bằng xã hội
 - 4.2.1.4. Đảm bảo môi trường bền vững
 - 4.2.1.5. Tạo dựng bản sắc ASEAN
 - 4.2.1.6. Thu hẹp khoảng cách phát triển
- 4.2.2. Phương thức xây dựng và thực hiện
 - 4.2.2.1. Xây dựng cơ chế thực hiện đảm bảo điều phối hoạt động của ASCC
 - 4.2.2.2. Huy động nguồn lực tài chính, chuyên môn, nghiên cứu và xây dựng năng lực
 - 4.2.2.3. Xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông tốt
 - 4.2.2.4. Xây dựng cơ chế kiểm điểm
- 4.2.3. Thiết chế pháp lý
 - 4.2.3.1. Hội đồng ASCC
 - 4.2.3.2. Các cơ quan chuyên ngành cấp Bộ trưởng
 - 4.2.3.3. Một số cơ quan khác

CHƯƠNG 5.

ĐIỀU CHỈNH PHÁP LÝ HỢP TÁC NGOẠI KHỐI CỦA ASEAN

5.1. Khái quát

- 5.1.1. Định nghĩa
- 5.1.2. Đặc điểm hợp tác ngoại khối của ASEAN
 - 5.1.2.1. Về cấp độ hợp tác
 - 5.1.2.2. Về nội dung hợp tác
 - 5.1.2.3. Về vai trò của ASEAN trong hợp tác ngoại khối
 - 5.1.2.4. Về cơ sở để duy trì và phát triển hợp tác ngoại khối
- 5.1.3. Nguồn luật điều chỉnh hợp tác ngoại khối của ASEAN

5.2. Cơ chế hợp tác ngoại khối của ASEAN

- 5.2.1. Nguyên tắc hợp tác ngoại khối của ASEAN
- 5.2.2. Thiết chế điều phối hợp tác ngoại khối của ASEAN

5.2.3. Quy chế dành cho các đối tác trong hợp tác ngoại khối của ASEAN

5.3. Khuôn khổ hợp tác ngoại khối của ASEAN

5.3.1. Hợp tác ASEAN + 1

5.3.2. Hợp tác ASEAN + 3

5.3.3. Cấp cao Đông Á

5.4. Vai trò và định hướng trong hợp tác ngoại khối của ASEAN

5.4.1. Vai trò của hợp tác ngoại khối

5.4.2. Định hướng hợp tác ngoại khối

CHƯƠNG 6.

CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CỦA ASEAN

6.1. Khái quát

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

6.1.3. Nguồn luật

6.1.3.1. Tuyên bố Bangkok năm 1967

6.1.3.2. Hiệp ước thân thiện Đông Nam Á năm 1976 (TAC)

6.1.3.3. Nghị định thư Manila năm 1996 về cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế

6.1.3.4. Nghị định thư Viên chă năm 2004 về tăng cường cơ chế giải quyết tranh chấp

6.1.3.5. Hiến chương ASEAN

6.1.3.6. Nghị định thư năm 2010 về giải quyết tranh chấp theo quy định Hiến chương ASEAN

6.1.3.7. Các điều ước quốc tế khác

6.2. Cơ chế giải quyết tranh chấp chính trị - an ninh của ASEAN

6.2.1. Cơ chế giải quyết tranh chấp theo Hiệp ước Bali (TAC)

6.2.2. Cơ chế giải quyết tranh chấp theo Nghị định thư năm 2010 về giải quyết tranh chấp theo quy định của Hiến chương ASEAN.

6.3. Cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế - thương mại của ASEAN

CHƯƠNG 7.

QUAN HỆ VIỆT NAM - ASEAN

7.1. Quan hệ Việt Nam – ASEAN giai đoạn 1967 – 1995 (Việt Nam gia nhập ASEAN)

7.1.1. Quá trình Việt Nam gia nhập ASEAN

7.1.2. Ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập ASEAN

7.2. Quan hệ Việt Nam – ASEAN giai đoạn 1995 – 2003 (Việt Nam thực hiện nghĩa vụ thành viên ASEAN)

7.2.1. Trong hợp tác kinh tế - thương mại

7.2.2. Trong hợp tác chính trị - an ninh

7.2.3. Trong hợp tác văn hóa – xã hội

7.3. Quan hệ Việt Nam – ASEAN từ năm 2003 đến nay (Việt Nam tham gia xây dựng cộng đồng ASEAN)

7.3.1. Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)

7.3.2. Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN (APSC)

7.3.3. Cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN (ASCC)

7.4. Cơ hội, thách thức và định hướng hội nhập ASEAN của Việt Nam

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình Pháp luật cộng đồng ASEAN*, NXB. Công an nhân dân.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Tuyên bố Bangkok năm 1967

[3] Tuyên bố Hòa hợp ASEAN năm 1976 (Tuyên bố Bali)

[4] Tầm nhìn ASEAN 2020 (năm 1997)

[5] Tuyên bố hòa hợp ASEAN II (Tuyên bố Bali II) năm 2003

[6] Chương trình hành động Viêng – chă 2004 – 2010

[7] Hiến chương ASEAN 2007

[8] TS. Nguyễn Trần Quế, *35 năm ASEAN hợp tác và phát triển*, NXB. Khoa học xã hội, Hà nội, 2003.

[9] TS Lưu Bách Dũng, *Khung thể chế phát triển bền vững của một số nước Đông Nam Á và bài học cho Việt Nam*, NXB. Khoa học và xã hội, Hà nội, 2011.

[10] Các website tham khảo: www.asean.org; www.nciec.gov.vn; www.mofa.gov.vn; www.dav.edu.vn.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	CHƯƠNG 1. NHẬP MÔN PHÁP LUẬT CỘNG ĐỒNG ASEAN 1.1. Khái quát về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á 1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển 1.1.1.1. Sự ra đời của ASEAN 1.1.1.2. Các giai đoạn phát triển của ASEAN	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G4

	<p>1.1.2. Mục đích và nguyên tắc hoạt động</p> <p>1.1.2.1. Mục đích</p> <p>1.1.2.2. Nguyên tắc hoạt động</p> <p>1.1.3. Thành viên và cơ cấu tổ chức</p> <p>1.1.3.1. Thành viên</p> <p>1.1.3.2. Cơ cấu tổ chức</p>			
2	<p>CHƯƠNG 1. NHẬP MÔN PHÁP LUẬT CỘNG ĐỒNG ASEAN (TT)</p> <p>1.2. Khái quát về Cộng đồng ASEAN</p> <p>1.2.1. Khái niệm cộng đồng ASEAN (AC)</p> <p>1.2.2. Mô hình liên kết của AC</p> <p>1.2.2.1. Trụ cột liên kết và mối liên hệ giữa các trụ cột</p> <p>1.2.2.2. Thiết chế pháp lý</p> <p>1.2.2.3. Cấp độ liên kết</p> <p>1.3. Khái niệm Pháp luật Cộng đồng ASEAN</p> <p>1.3.1. Định nghĩa pháp luật AC</p> <p>1.3.2. Đặc điểm của pháp luật AC</p> <p>1.3.3. Nguồn của pháp luật AC</p>	<p>1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận</p>	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G1, G4</p>
3	<p>CHƯƠNG 2. LUẬT CỘNG ĐỒNG CHÍNH TRỊ - AN NINH ASEAN</p> <p>2.1. Khái quát về cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Cơ sở hình thành</p> <p>2.1.3. Mục tiêu</p> <p>2.2. Mô hình liên kết</p> <p>2.2.1. Cấu trúc nội dung</p> <p>2.2.2. Phương thức thực hiện</p> <p>2.2.3. Thiết chế pháp lý</p> <p>2.2.4. Cấp độ liên kết</p>	<p>2 tiết Lý thuyết</p>	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G1, G2, G3, G4</p>
4	<p>CHƯƠNG 2. LUẬT CỘNG ĐỒNG CHÍNH TRỊ - AN NINH ASEAN (TT)</p>	<p>1 tiết Lý thuyết + 1</p>	<p>Đọc tài liệu trước khi lên</p>	<p>G1, G2, G3,</p>

	<p>2.3. Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF)</p> <p>2.3.1. Khái quát</p> <p>2.3.2. Cơ chế hợp tác</p> <p>2.4. Hợp tác quốc phòng</p> <p>2.4.1. Khái quát</p> <p>2.4.2. Cơ chế hợp tác</p> <p>2.5. Tương trợ tư pháp hình sự và phòng chống tội phạm xuyên quốc gia</p> <p>2.5.1. Tương trợ tư pháp hình sự</p> <p>2.5.2. Phòng chống tội phạm xuyên quốc gia</p>	<p>tiết Thảo luận</p>	<p>lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G4</p>
5	<p>CHƯƠNG 3. LUẬT CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN</p> <p>3.1. Khái quát về Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)</p> <p>3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2. Tiền đề hình thành AEC</p> <p>3.2. Mô hình liên kết của AEC</p> <p>3.2.1. Cấu trúc nội dung</p> <p>3.2.1.1. Thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất</p> <p>3.2.1.2. Khu vực kinh tế cạnh tranh cao</p> <p>3.2.1.3. Khu vực phát triển kinh tế đồng đều</p> <p>3.2.1.4. Khu vực hội nhập hoàn toàn vào nền kinh tế toàn cầu</p> <p>3.2.2. Phương thức xây dựng và thực hiện</p> <p>3.2.3. Thiết chế pháp lý</p> <p>3.2.4. Cấp độ liên kết</p>	<p>2 tiết Lý thuyết</p>	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G1, G2, G3, G4</p>
6	<p>CHƯƠNG 3. LUẬT CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN (TT)</p> <p>3.3. Tự do hóa thương mại hàng hóa</p> <p>3.3.1. Khái quát về khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA)</p> <p>3.3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.3.1.2. Mục tiêu</p> <p>3.3.1.3. Nội dung pháp lý</p>	<p>1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận</p>	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G1, G2, G3, G4</p>

	<p>3.3.2. Tự do hóa thuế quan</p> <p>3.3.2.1. Cắt giảm và xóa bỏ thuế quan theo CEPT</p> <p>3.3.2.2. Cắt giảm, xóa bỏ thuế quan và hạn ngạch thuế quan theo ATIGA</p>			
7	<p>CHƯƠNG 3. LUẬT CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN (TT)</p> <p>3.3.3. Các biện pháp phi thuế quan</p> <p>3.3.3.1. Dỡ bỏ chung các hạn chế và số lượng</p> <p>3.3.3.2. Xóa bỏ các biện pháp phi thuế quan khác</p> <p>3.3.4. Quy tắc xuất xứ</p> <p>3.3.4.1. Hàng hóa có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ</p> <p>3.3.4.2. Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy hoặc không được sản xuất toàn bộ.</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3, G4
8	<p>CHƯƠNG 4. LUẬT CỘNG ĐỒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI ASEAN</p> <p>4.1. Khái quát về cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN (ASCC)</p> <p>4.1.1. Khái niệm ASCC</p> <p>4.1.2. Tiền đề hình thành của ASCC</p> <p>4.1.3. Mục tiêu của ASCC</p> <p>4.1.4. Vai trò của ASCC</p> <p>4.2. Mô hình liên kết của ASCC</p> <p>4.2.1. Cấu trúc nội dung</p> <p>4.2.1.1. Phát triển con người</p> <p>4.2.1.2. Bảo trợ và phúc lợi xã hội</p> <p>4.2.2.3. Các quyền và công bằng xã hội</p> <p>4.2.1.4. Đảm bảo môi trường bền vững</p> <p>4.2.1.5. Tạo dựng bản sắc ASEAN</p> <p>4.2.1.6. Thu hẹp khoảng cách phát triển.</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3, G4
9	<p>CHƯƠNG 4. LUẬT CỘNG ĐỒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI ASEAN (TT)</p> <p>4.2.2. Phương thức xây dựng và thực hiện</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài	G1, G2, G3, G4

	<p>4.2.2.1. Xây dựng cơ chế thực hiện đảm bảo điều phối hoạt động của ASCC</p> <p>4.2.2.2. Huy động nguồn lực tài chính, chuyên môn, nghiên cứu và xây dựng năng lực</p> <p>4.2.2.3. Xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông tốt</p> <p>4.2.2.4. Xây dựng cơ chế kiểm điểm</p> <p>4.2.3. Thiết chế pháp lý</p> <p>4.2.3.1. Hội đồng ASCC</p> <p>4.2.3.2. Các cơ quan chuyên ngành cấp Bộ trưởng</p> <p>4.2.3.3. Một số cơ quan khác.</p>		tập, tham gia thảo luận	
10	<p>CHƯƠNG 5. ĐIỀU CHỈNH PHÁP LÝ HỢP TÁC NGOẠI KHỐI CỦA ASEAN</p> <p>5.1. Khái quát</p> <p>5.1.1. Định nghĩa</p> <p>5.1.2. Đặc điểm hợp tác ngoại khối của ASEAN</p> <p>5.1.2.1. Về cấp độ hợp tác</p> <p>5.1.2.2. Về nội dung hợp tác</p> <p>5.1.2.3. Về vai trò của ASEAN trong hợp tác ngoại khối</p> <p>5.1.2.4. Về cơ sở để duy trì và phát triển hợp tác ngoại khối</p> <p>5.1.3. Nguồn luật điều chỉnh hợp tác ngoại khối của ASEAN</p> <p>5.2. Cơ chế hợp tác ngoại khối của ASEAN</p> <p>5.2.1. Nguyên tắc hợp tác ngoại khối của ASEAN</p> <p>5.2.2. Thiết chế điều phối hợp tác ngoại khối của ASEAN</p> <p>5.2.3. Quy chế dành cho các đối tác trong hợp tác ngoại khối của ASEAN.</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G2, G3, G4
11	<p>CHƯƠNG 5. ĐIỀU CHỈNH PHÁP LÝ HỢP TÁC NGOẠI KHỐI CỦA</p>	1 tiết Lý thuyết + 1	Đọc tài liệu trước khi lên	G2,

	ASEAN (TT) – KIỂM TRA 5.3. Khuôn khổ hợp tác ngoại khối của ASEAN 5.3.1. Hợp tác ASEAN + 1 5.3.2. Hợp tác ASEAN + 3 5.3.3. Cấp cao Đông Á 5.4. Vai trò và định hướng trong hợp tác ngoại khối của ASEAN 5.4.1. Vai trò của hợp tác ngoại khối 5.4.2. Định hướng hợp tác ngoại khối	tiết Kiểm tra	lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G3, G4
12	CHƯƠNG 6. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CỦA ASEAN 6.1. Khái quát 6.1.1. Khái niệm 6.1.2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp 6.1.3. Nguồn luật 6.1.3.1. Tuyên bố Bangkok năm 1967 6.1.3.2. Hiệp ước thân thiện Đông Nam Á năm 1976 (TAC) 6.1.3.3. Nghị định thư Manila năm 1996 về cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế 6.1.3.4. Nghị định thư Viên chăn năm 2004 về tăng cường cơ chế giải quyết tranh chấp 6.1.3.5. Hiến chương ASEAN 6.1.3.6. Nghị định thư năm 2010 về giải quyết tranh chấp theo quy định Hiến chương ASEAN 6.1.3.7. Các điều ước quốc tế khác	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G2, G3, G4
13	CHƯƠNG 6. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CỦA ASEAN (TT) 6.2. Cơ chế giải quyết tranh chấp chính trị - an ninh của ASEAN 6.2.1. Cơ chế giải quyết tranh chấp theo Hiệp ước Bali (TAC) 6.2.2. Cơ chế giải quyết tranh chấp theo Nghị định thư năm 2010 về giải quyết tranh chấp theo quy định của Hiến	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G2, G3, G4

	<p>chương ASEAN.</p> <p>6.3. Cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế - thương mại của ASEAN</p>			
14	<p>CHƯƠNG 7. QUAN HỆ VIỆT NAM - ASEAN</p> <p>7.1. Quan hệ Việt Nam – ASEAN giai đoạn 1967 – 1995 (Việt Nam gia nhập ASEAN)</p> <p>7.1.1. Quá trình Việt Nam gia nhập ASEAN</p> <p>7.1.2. Ý nghĩa của việc Việt Nam gia nhập ASEAN</p> <p>7.2. Quan hệ Việt Nam – ASEAN giai đoạn 1995 – 2003 (Việt Nam thực hiện nghĩa vụ thành viên ASEAN)</p> <p>7.2.1. Trong hợp tác kinh tế - thương mại</p> <p>7.2.2. Trong hợp tác chính trị - an ninh</p> <p>7.2.3. Trong hợp tác văn hóa – xã hội.</p>	2 tiết Lý thuyết	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	G2, G3, G4 G5
15	<p>CHƯƠNG 7. QUAN HỆ VIỆT NAM – ASEAN (TT)</p> <p>7.3. Quan hệ Việt Nam – ASEAN từ năm 2003 đến nay (Việt Nam tham gia xây dựng cộng đồng ASEAN)</p> <p>7.3.1. Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)</p> <p>7.3.2. Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN (APSC)</p> <p>7.3.3. Cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN (ASCC)</p> <p>7.4. Cơ hội, thách thức và định hướng hội nhập ASEAN của Việt Nam.</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	G2, G3, G4 G5

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học môn Công pháp quốc tế.
- Đọc tài liệu trước khi lên lớp; làm bài tập thảo luận nhóm, thuyết trình khi giảng viên có yêu cầu.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên..

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT DÂN SỰ LA MÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): LUẬT DÂN SỰ LA MÃ (tiếng Anh): Roman Civil Law	
- Mã số học phần: 843023	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

Commented [k2]: Luật dân sự???

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần giới thiệu các nội dung cơ bản của Luật La Mã; các qui định của Luật La Mã về các loại chủ thể, vật quyền, nghĩa vụ hợp đồng và một số hợp đồng cụ thể. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu vài nét lịch sử về hôn nhân và gia đình thời kỳ La Mã, hôn nhân, quan hệ nhân thân và tài sản giữa vợ và chồng, quan hệ bố mẹ và con; Quyền thừa kế và trình tự tố tụng, các phương thức kiện ra toà án.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Nghiên cứu và tìm hiểu Luật La Mã giúp cho sinh viên có được những kiến thức về nhà nước La Mã và các chế định của pháp luật La Mã. Qua đó, hiểu được những vấn đề cơ bản liên quan đến nguồn gốc của luật dân sự, luật hôn nhân gia đình và luật tố tụng dân sự hiện đại.

Về kĩ năng: Rèn kỹ năng tổng hợp, so sánh trong nghiên cứu khoa học pháp lý để có nhận thức đúng đắn về các hình thức nhà nước và pháp luật.

Về thái độ: Người học có thái độ tích cực, chủ động trong nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề lý luận và nguồn gốc pháp luật dân sự, từ đó hình thành niềm yêu thích môn học pháp luật dân sự.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm và đặc điểm luật La Mã	2
G2	Nhận diện được các loại chủ thể của Luật La Mã	4
G3	Nhận diện được tài sản và các quyền trên tài sản	2
G4	Nắm bắt được bản chất của nghĩa vụ và hợp đồng	3
G5	Hiểu được bản chất của các loại hợp đồng cụ thể	4
G6	Nắm bắt được quan hệ hôn nhân, bồi thường thiệt hại và thừa kế	2

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ LUẬT LA MÃ

1.1. Khái niệm về các chế định của luật pháp La Mã

- 1.1.1. Khái niệm và lược sử hình thành, phát triển nhà nước La Mã cổ đại
- 1.1.2. Những cơ sở của luật tư pháp La Mã
- 1.1.3. Đối tượng điều chỉnh của luật tư pháp La Mã
- 1.1.4. Hệ thống luật La Mã
- 1.1.5. Vai trò của Luật La Mã với hệ thống pháp luật thế giới

1.2. Nguồn của Luật La Mã

- 1.2.1. Khái niệm nguồn
- 1.2.2. Phân loại nguồn của luật tư pháp La Mã

CHƯƠNG 2: CHỦ THỂ CỦA LUẬT LA MÃ

2.1. Khái niệm chủ thể và năng lực chủ thể

- 2.1.1. Khái niệm chủ thể của Luật La Mã
- 2.1.2. Năng lực pháp luật trong Luật La Mã

2.2. Các loại chủ thể của Luật La Mã

- 2.2.1. Địa vị pháp lý của công dân La Mã
- 2.2.2. Hạn chế năng lực chủ thể của công dân La Mã
- 2.2.3. Những căn cứ chấm dứt quốc tịch của công dân La Mã và căn cứ hạn chế các quyền công dân

- 2.2.4. Người Latinh và người ngoại tộc
- 2.2.5. Nô lệ
- 2.2.6. Nô lệ được trả tự do
- 2.2.7. Nông nô và lệ nông
- 2.2.8. Pháp nhân

CHƯƠNG 3: VẬT QUYỀN

3.1. Khái niệm và các loại vật quyền

3.2. Chiếm hữu

- 3.2.1. Khái niệm chiếm hữu
- 3.2.2. Các hình thức chiếm hữu
- 3.2.3. Xác lập và chấm dứt chiếm hữu

3.3. Quyền sở hữu

- 3.3.1. Khái niệm quyền sở hữu
- 3.3.2. Nội dung quyền sở hữu
- 3.3.3. Căn cứ phát sinh, chấm dứt quyền sở hữu (quyền tư hữu)
- 3.3.4. Quyền sở chung
- 3.3.5. Bảo vệ quyền sở hữu

3.4. Quyền đối với tài sản của người khác

- 3.4.1. Khái niệm và các loại quyền đối với tài sản của người khác
- 3.4.2. Quyền dụng ích, quyền địa dịch
- 3.4.3. Xác lập và chấm dứt quyền dụng ích
- 3.4.4. Quyền cầm cố

CHƯƠNG 4. NGHĨA VỤ HỢP ĐỒNG

4.1. Nghĩa vụ dân sự

- 4.1.1. Khái lược chung về nghĩa vụ
- 4.1.2. Các bên trong nghĩa vụ
- 4.1.3. Thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm không thực hiện nghĩa vụ
- 4.1.4. Chấm dứt nghĩa vụ

4.2. Hợp đồng dân sự

- 4.2.1. Giao ước và khế ước
- 4.2.2. Hợp đồng (khế ước)

4.3. Nghĩa vụ như từ hợp đồng

- 4.3.1. Khái niệm và các loại nghĩa vụ như từ hợp đồng
- 4.3.2. Thực hiện công việc không có sự uỷ quyền
- 4.3.3. Nghĩa vụ phát sinh do được giàu không có căn cứ

4.4. Nghĩa vụ phát sinh từ các vi phạm và như từ các vi phạm

- 4.4.1. Khái niệm vi phạm tư pháp
- 4.4.2. Những hành vi vi phạm tư pháp cơ bản

CHƯƠNG 5. MỘT SỐ HỢP ĐỒNG CỤ THỂ

5.1. Hợp đồng thực tế

- 5.1.1. Hợp đồng vay nợ
- 5.1.2. Hợp đồng cho mượn
- 5.1.3. Hợp đồng gửi giữ

5.2. Hợp đồng ưng thuận

- 5.2.1. Hợp đồng mua bán
- 5.2.2. Hợp đồng thuê tài sản
- 5.2.3. Hợp đồng uỷ quyền
- 5.2.4. Hợp đồng liên kết

CHƯƠNG 6. HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

6.1. Vài nét lịch sử về hôn nhân và gia đình thời kỳ La Mã

6.2. Hôn nhân

- 6.2.1. Khái niệm hôn nhân
- 6.2.2. Hình thái hôn nhân
- 6.2.3. Điều kiện kết hôn
- 6.2.4. Điều kiện chấm dứt hôn nhân
- 6.2.5. Nghi lễ hôn nhân La mã

6.3. Quan hệ nhân thân và tài sản giữa vợ và chồng

6.3.1. Quan hệ nhân thân và tài sản giữa vợ và chồng theo hình thức hôn nhân Cum manu mariti

6.3.2. Quan hệ nhân thân và tài sản giữa vợ và chồng theo hình thức hôn nhân Sine manu

6.3.3. Quan hệ đặc thù liên quan đến tài sản giữa vợ và chồng theo luật La mã

6.4. Quan hệ bố mẹ và con

- 6.4.1. Quan hệ nhân thân và tài sản
- 6.4.2. Hợp pháp hoá con ngoại hôn
- 6.4.3. Nhận con nuôi

CHƯƠNG 7: QUYỀN THỪA KẾ

7.1. Khái quát chung về quyền thừa kế và sơ lược lịch sử phát triển của pháp luật về thừa kế

- 7.1.1. Khái quát chung về quyền thừa kế
- 7.1.2. Quá trình phát triển của pháp luật về thừa kế

7.2. Thừa kế theo di chúc

- 7.2.1. Khái niệm di chúc
- 7.2.2. Các điều kiện có hiệu lực của di chúc
- 7.2.3. Kỹ phần bắt buộc cho những người thân thích

7.3. Thừa kế theo pháp luật

7.3.1. Thừa kế theo luật của Hoàng đế Justinian

7.3.2. Di sản không có người nhận thừa kế

7.4. Nhận thừa kế và hậu quả của việc nhận thừa kế

7.5. Di tặng

CHƯƠNG 8: KIỆN

8.1. Sự hình thành Toà án nhà nước

8.2. Tổ tụng cơ bản

8.3. Các hình thức tổ tụng

8.3.1. Tổ tụng hai giai đoạn (per legis actiones)

8.3.2. Tổ tụng công chức

8.3.3. Tổ tụng đặc biệt

8.4. Các phương thức kiện

8.4.1. Kiện vật quyền

8.4.2. Kiện người phải thực hiện nghĩa vụ

8.4.3. Kiện yêu cầu khôi phục quyền tài sản và phạt tiền

8.4.4. Kiện theo luật định

8.5. Thời hiệu khởi kiện

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Nguyễn Ngọc Đào (2000), *Luật La Mã*, NXB. Tổng hợp Đồng Nai, Đồng Nai

[2] Nguyễn Ngọc Điện (2009), *Giáo trình Luật La Mã*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội;

[3] Trường Đại học Luật Hà Nội (2003), *Giáo trình Luật La Mã*, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] [Andrew M Riggsby](#) (2010), *Roman law and the legal world of the Romans*, Publisher. Cambridge University Press, UK;

[5] [Alan Watson](#) (2008), *The spirit of Roman law*, Publisher. University of Georgia Press, USA.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ LUẬT LA MÃ	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu + Trả lời các câu nhận	G2; G6

	<p>1.1. Khái niệm về các chế định của luật pháp La Mã</p> <p>1.1.1. Khái niệm và lược sử hình thành, phát triển nhà nước La Mã cổ đại</p> <p>1.1.2. Những cơ sở của luật tư pháp La Mã</p> <p>1.1.3. Đối tượng điều chỉnh của luật tư pháp La Mã</p> <p>1.1.4. Hệ thống luật La Mã</p> <p>1.1.5. Vai trò của Luật La Mã với hệ thống pháp luật thế giới</p> <p>1.2. Nguồn của Luật La Mã</p> <p>1.2.1. Khái niệm nguồn</p> <p>1.2.2. Phân loại nguồn của luật tư pháp La Mã</p>		<p>định đúng/sai + Làm bài tập</p>	
2	<p>CHƯƠNG 2: CHỦ THỂ CỦA LUẬT LA MÃ</p> <p>2.1. Khái niệm chủ thể và năng lực chủ thể</p> <p>2.1.1. Khái niệm chủ thể của Luật La Mã</p> <p>2.1.2. Năng lực pháp luật trong Luật La Mã</p>	2 tiết Lý thuyết	<p>Nghiên cứu tài liệu + Trả lời các câu nhận định đúng/sai + Làm bài tập</p>	G1
3	<p>2.2. Các loại chủ thể của Luật La Mã</p> <p>2.2.1. Địa vị pháp lý của công dân La Mã</p> <p>2.2.2. Hạn chế năng lực chủ thể của công dân La Mã</p> <p>2.2.3. Những căn cứ chấm dứt quốc tịch của công dân La Mã và căn cứ hạn chế các quyền công dân</p> <p>2.2.4. Người Latinh và người ngoại tộc</p> <p>2.2.5. Nô lệ</p> <p>2.2.6. Nô lệ được trả tự do</p> <p>2.2.7. Nông nô và lệ nông</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	<p>Nghiên cứu tài liệu + Trả lời các câu nhận định đúng/sai + Làm bài tập</p>	G1; G5

	2.2.8. Pháp nhân			
4	<p align="center">CHƯƠNG 3: VẬT QUYỀN</p> <p>3.1. Khái niệm và các loại vật quyền</p> <p>3.2. Chiếm hữu</p> <p>3.2.1. Khái niệm chiếm hữu</p> <p>3.2.2. Các hình thức chiếm hữu</p> <p>3.2.3. Xác lập và chấm dứt chiếm hữu</p> <p>3.3. Quyền sở hữu</p> <p>3.3.1. Khái niệm</p> <p>3.3.2. Nội dung quyền sở hữu</p> <p>3.3.3. Căn cứ phát sinh, chấm dứt quyền sở hữu (quyền tư hữu)</p> <p>3.3.4. Quyền sở chung</p> <p>3.3.5. Bảo vệ quyền sở hữu</p> <p>3.4. Quyền đối với tài sản của người khác</p> <p>3.4.1. Khái niệm và các loại quyền đối với tài sản của người khác</p> <p>3.4.2. Quyền dụng ích, quyền địa dịch</p> <p>3.4.3. Xác lập và chấm dứt quyền dụng ích</p> <p>3.4.4. Quyền cầm cố</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu + Trả lời các câu nhận định đúng/sai + Làm bài tập	G2; G5
5	<p align="center">Thảo luận về các quyền của các chủ thể cùng đồng thời xác lập trên tài sản</p>	2 tiết bài tập	Nghiên cứu tài liệu + Trả lời các câu nhận định đúng/sai + Làm bài tập	G1; G4
6	<p align="center">CHƯƠNG 4. NGHĨA VỤ HỢP ĐỒNG</p> <p>4.1. Nghĩa vụ dân sự</p> <p>4.1.1. Khái lược chung về nghĩa vụ</p> <p>4.1.2. Các bên trong nghĩa vụ</p> <p>4.1.3. Thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm không thực hiện nghĩa vụ</p> <p>4.1.4. Chấm dứt nghĩa vụ</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu + Trả lời các câu nhận định đúng/sai + Làm bài tập	G1; G3; G5

7	4.2. Hợp đồng dân sự 4.2.1. Giao ước và khế ước 4.2.2. Hợp đồng (khế ước) 4.2.3. Những hành vi vi phạm tư pháp cơ bản	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	Nghiên cứu tài liệu + Trả lời các câu nhận định đúng/sai + Làm bài tập	G2; G3
8	4.3. Nghĩa vụ như từ hợp đồng 4.3.1. Khái niệm và các loại nghĩa vụ như từ hợp đồng 4.3.2. Thực hiện công việc không có sự uỷ quyền 4.3.3. Nghĩa vụ phát sinh do được giàu không có căn cứ 4.4. Nghĩa vụ phát sinh từ các vi phạm và như từ các vi phạm 4.4.1. Khái niệm vi phạm tư pháp 4.4.2. Những hành vi vi phạm tư pháp cơ bản	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	Nghiên cứu tài liệu + Trả lời các câu nhận định đúng/sai + Làm bài tập	G3; G4
9	CHƯƠNG 5. MỘT SỐ HỢP ĐỒNG CỤ THỂ 5.1. Hợp đồng thực tế 5.1.1. Hợp đồng vay nợ 5.1.2. Hợp đồng cho mượn 5.1.3. Hợp đồng gửi giữ	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	Nghiên cứu tài liệu + Trả lời các câu nhận định đúng/sai + Làm bài tập	G6; G4
10	5.2. Hợp đồng ung thuận 5.2.1. Hợp đồng mua bán 5.2.2. Hợp đồng thuê tài sản 5.2.3. Hợp đồng uỷ quyền 5.2.4. Hợp đồng liên kết	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	Nghiên cứu tài liệu + Trả lời các câu nhận định đúng/sai + Làm bài tập	G4
11	CHƯƠNG 6. HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH 6.1. Vài nét lịch sử về hôn nhân và gia đình thời kỳ La Mã 6.2. Hôn nhân 6.2.1. Khái niệm hôn nhân 6.2.2. Hình thái hôn nhân 6.2.3. Điều kiện kết hôn 6.2.4. Điều kiện chấm dứt hôn nhân 6.2.5. Nghi lễ hôn nhân La mã	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu + Trả lời các câu nhận định đúng/sai + Làm bài tập	G5, G6

	6.4.2. Hợp pháp hoá con ngoại hôn 6.4.3. Nhận con nuôi			
12	6.3. Quan hệ nhân thân và tài sản giữa vợ và chồng 6.3.1. Quan hệ nhân thân và tài sản giữa vợ và chồng theo hình thức hôn nhân Cum manu mariti 6.3.2. Quan hệ nhân thân và tài sản giữa vợ và chồng theo hình thức hôn nhân Sine manu 6.3.3. Quan hệ đặc thù liên quan đến tài sản giữa vợ và chồng theo luật La mã 6.4. Quan hệ bố mẹ và con 6.4.1. Quan hệ nhân thân và tài sản	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu + Trả lời các câu nhận định đúng/sai + Làm bài tập	G3; G4
13	CHƯƠNG 7: QUYỀN THỪA KẾ 7.1. Khái quát chung về quyền thừa kế và sơ lược lịch sử phát triển của pháp luật về thừa kế 7.1.1. Khái quát chung về quyền thừa kế 7.1.2. Quá trình phát triển của pháp luật về thừa kế 7.2. Thừa kế theo di chúc 7.2.1. Khái niệm di chúc 7.2.2. Các điều kiện có hiệu lực của di chúc 7.2.3. Kỳ phần bắt buộc cho những người thân thích	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	- Soạn thảo được hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản	G5
14	7.3. Thừa kế theo pháp luật 7.3.1. Thừa kế theo luật của Hoàng đế Justinian 7.3.2. Di sản không có người nhận thừa kế 7.4. Nhận thừa kế và hậu quả của việc nhận thừa kế 7.5. Di tặng	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	- Nắm được đặc điểm của hoạt động dịch vụ kinh doanh bất động sản - Tư vấn các điều khoản quan trọng trong hợp đồng	G3; G5

			dịch vụ kinh doanh bất động sản	
15	<p align="center">CHƯƠNG 8: KIẾN</p> <p>8.1. Sự hình thành Toà án nhà nước</p> <p>8.2. Tổ tụng cơ bản</p> <p>8.3. Các hình thức tổ tụng</p> <p>8.3.1. Tổ tụng hai giai đoạn (per legis actiones)</p> <p>8.3.2. Tổ tụng công chức</p> <p>8.3.3. Tổ tụng đặc biệt</p> <p>8.4. Các phương thức kiện</p> <p>8.4.1. Kiện vật quyền</p> <p>8.4.2. Kiện người phải thực hiện nghĩa vụ</p> <p>8.4.3. Kiện yêu cầu khôi phục quyền tài sản và phạt tiền</p> <p>8.4.4. Kiện theo luật định</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các bước giải quyết tranh chấp về kinh doanh bất động sản - Tư vấn cho các chủ thể tranh chấp lựa chọn được phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp 	G5

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ 	0.4	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Trương Thị Tường Vi

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ AN SINH XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về an sinh xã hội (tiếng Anh): Laws on social security	
- Mã số học phần: 843049	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	10
+ Số tiết hoạt động nhóm:
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Luật lao động
- Học phần song hành (nếu có):

2. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính*)

Môn học cung cấp cho người học: Những kiến thức lý luận cơ bản về An sinh xã hội như khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nguồn, các nguyên tắc cơ bản, mối quan hệ giữa luật An sinh xã hội với một số ngành luật khác, quá trình hình thành, phát triển cũng như xu hướng cải cách an sinh một số nước trên thế giới và Việt Nam; Các chế độ an sinh xã hội theo pháp luật hiện hành; tranh chấp và giải quyết tranh chấp an sinh xã hội.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về luật an sinh xã hội với tư cách là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, với tư cách là môn khoa học luật, nhằm áp dụng vào thực tiễn để nâng cao hiệu quả thực thi của pháp luật, giải quyết các vấn đề xã hội phát sinh trong cuộc sống hằng ngày

Về kỹ năng: Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về những kiến thức lý luận và nguyên tắc pháp lý của pháp luật về an sinh xã hội góp phần nâng cao trình độ, tăng cường trao đổi kỹ năng nhận biết, xác định đúng loại quan hệ pháp luật, nguyên tắc, cách thức giải quyết tình huống; tăng cường khả năng lập luận, tư duy và vận dụng kiến thức pháp luật có được tư vấn, giải quyết tốt nhất các tình huống đặt ra.

Về thái độ: Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về những kiến thức lý luận và nguyên tắc pháp lý của chính sách an sinh xã hội sẽ góp phần nâng cao trình độ, ý thức pháp luật của sinh viên, nâng cao tinh thần học tập, làm việc nhóm, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đam mê khởi nghiệp, có ý thức xây dựng pháp luật và phát triển đất nước.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	<i>Hiểu</i> khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật an sinh xã hội, nguồn của luật an sinh xã hội, <i>hiểu</i> được mối quan hệ giữa luật an sinh xã hội với một số ngành luật khác, lược sử quá trình hình thành và phát triển luật an sinh xã hội trên thế giới và ở Việt Nam	2.0
G2	<i>Hiểu</i> phân loại các quan hệ pháp luật an sinh xã hội	2.0
G3	<i>Hiểu</i> khái niệm, đặc điểm, phân loại, vai trò của bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm xã hội, các quy định của từng chế độ của bảo hiểm xã hội, <i>so sánh, đánh giá</i> tính tương thích với các quy định của ILO.	3.5
G4	<i>Áp dụng</i> các quy định pháp luật trong việc xác định được nghĩa vụ đóng quỹ BHXH của các chủ thể, điều kiện hưởng, chế độ mà người lao động được hưởng, tính toán được mức hưởng cụ thể. <i>Liên hệ</i> với thực tiễn để đánh giá về thực trạng thực hiện bảo hiểm xã hội ở Việt Nam	4.5
G5	<i>Hiểu</i> những vấn đề lý luận về bảo hiểm thất nghiệp, các chế độ bảo hiểm thất nghiệp, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, <i>so sánh, đánh giá</i> tính tương thích với các quy định của ILO.	3.5
G6	<i>Áp dụng</i> các quy định của pháp luật trong việc xác định chế độ hưởng, mức hưởng trong các tình huống cụ thể. <i>Liên hệ</i> với thực tiễn để <i>đánh giá</i> về thực trạng thực hiện bảo hiểm thất nghiệp ở Việt Nam.	4.5

G7	<i>Hiểu</i> những vấn đề lý luận về bảo hiểm y tế, các chế độ bảo hiểm y tế, quyền và nghĩa vụ của từng nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế.	2.0
G8	<i>Áp dụng</i> các quy định của pháp luật trong việc xác định, tính toán mức hưởng cụ thể đối với từng nhóm đối tượng trong các trường hợp điều trị đúng tuyến, vượt tuyến, <i>liên hệ</i> với các tình huống thực tiễn.	4.0
G9	<i>Hiểu</i> được khái niệm, vai trò, ý nghĩa của chế độ ưu đãi xã hội	2.0
G10	<i>Hiểu và phân tích</i> được các nhóm đối tượng được hưởng ưu đãi xã hội, các hình thức ưu đãi, tính được mức ưu đãi cụ thể.	3.0
G11	<i>Hiểu</i> khái niệm, vai trò, ý nghĩa của chế độ trợ giúp xã hội, <i>lý giải</i> được tại sao trợ giúp xã hội được coi là lưới đỡ cuối cùng trong hệ thống an sinh xã hội.	3.0
G12	<i>Áp dụng</i> các quy định về trợ giúp xã hội vào giải quyết các tình huống cụ thể	3.0
G13	<i>Hiểu</i> các loại tranh chấp an sinh xã hội, các phương thức giải quyết tranh chấp an sinh xã hội, <i>phân loại và áp dụng</i> được vào giải quyết các tình huống cụ thể.	3.5

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. NHẬP MÔN PHÁP LUẬT AN SINH XÃ HỘI

1.1. Khái quát về an sinh xã hội

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm

1.1.2. Ý nghĩa của an sinh xã hội

1.2. Pháp luật an sinh xã hội

1.2.1. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật an sinh xã hội

1.2.2. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật an sinh xã hội

1.2.3. Nguồn của pháp luật an sinh xã hội

1.2.4. Mối quan hệ giữa luật an sinh xã hội với một số ngành luật khác

1.2.5. Lược sử quá trình hình thành và phát triển luật an sinh xã hội trên thế giới và ở Việt Nam

CHƯƠNG 2. QUAN HỆ PHÁP LUẬT AN SINH XÃ HỘI

2.1. Khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp luật an sinh xã hội

2.1.1. Khái niệm của quan hệ pháp luật an sinh xã hội

2.1.2. Đặc điểm của quan hệ pháp luật an sinh xã hội

2.2. Các quan hệ pháp luật an sinh xã hội cụ thể

- 2.2.1. Quan hệ pháp luật bảo hiểm xã hội
- 2.2.2. Quan hệ pháp luật bảo hiểm thất nghiệp
- 2.2.3. Quan hệ pháp luật bảo hiểm y tế
- 2.2.4. Quan hệ pháp luật ưu đãi xã hội
- 2.2.5. Quan hệ pháp luật trợ giúp xã hội

CHƯƠNG 3: BẢO HIỂM XÃ HỘI

3.1. Khái quát chung về bảo hiểm xã hội

- 3.1.1. Khái niệm, bản chất của bảo hiểm xã hội
- 3.1.2. Các loại hình bảo hiểm xã hội
- 3.1.3. Các yếu tố cấu thành chế độ bảo hiểm xã hội
- 3.1.4. Nguyên tắc bảo hiểm xã hội
- 3.1.5. Quỹ bảo hiểm xã hội

3.2. Các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc

- 3.2.1. Chế độ bảo hiểm ốm đau
- 3.2.2. Chế độ bảo hiểm thai sản
- 3.2.3. Chế độ bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp
- 3.2.4. Chế độ bảo hiểm hưu trí
- 3.2.5. Chế độ bảo hiểm tử tuất

3.3. Các chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện

- 3.3.1. Chế độ bảo hiểm hưu trí
- 3.3.2. Chế độ bảo hiểm tử tuất

CHƯƠNG 4: BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

4.1. Khái quát chung về bảo hiểm thất nghiệp

- 4.1.1. Khái niệm bảo hiểm thất nghiệp
- 4.1.2. Ý nghĩa của bảo hiểm thất nghiệp
- 4.1.3. Các nguyên tắc của bảo hiểm thất nghiệp
- 4.1.4. Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

4.2. Các chế độ bảo hiểm thất nghiệp

- 4.2.1. Đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp
- 4.2.2. Điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp
- 4.2.3. Quyền lợi về bảo hiểm thất nghiệp

CHƯƠNG 5: BẢO HIỂM Y TẾ

5.1. Khái quát chung về bảo hiểm y tế

- 5.1.1. Khái niệm, bản chất, đặc trưng của bảo hiểm y tế

- 5.1.2. Vai trò, ý nghĩa của bảo hiểm y tế
- 5.1.3. Các nguyên tắc cơ bản của bảo hiểm y tế
- 5.1.4. Quỹ bảo hiểm y tế

5.2. Chế độ bảo hiểm y tế

- 5.2.1. Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế
- 5.2.2. Điều kiện hưởng bảo hiểm y tế
- 5.2.3. Quyền lợi hưởng bảo hiểm y tế

CHƯƠNG 6: ƯU ĐÃI XÃ HỘI

6.1. Khái quát chung về ưu đãi xã hội

- 6.1.1. Khái niệm, ý nghĩa của ưu đãi xã hội
- 6.1.2. Phân loại ưu đãi xã hội
- 6.1.3 Các nguyên tắc cơ bản của ưu đãi xã hội

6.2. Chế độ ưu đãi xã hội

- 6.2.1. Các đối tượng được hưởng ưu đãi xã hội và thủ tục xác nhận
- 6.2.2. Các loại chế độ ưu đãi xã hội

6.3. Nguồn tài chính thực hiện ưu đãi xã hội

CHƯƠNG 7: TRỢ GIÚP XÃ HỘI

7.1. Khái quát chung về trợ giúp xã hội

- 7.1.1. Khái niệm, đặc điểm của trợ giúp xã hội
- 7.1.2. Ý nghĩa của trợ giúp xã hội
- 7.1.3. Phân loại chế độ trợ giúp xã hội

7.2. Chế độ trợ giúp xã hội

- 7.2.1. Trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng
- 7.2.2. Trợ giúp xã hội đột xuất
- 7.2.3. Chế độ hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng
- 7.2.4. Chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà ở xã hội

7.3. Nguồn tài chính thực hiện trợ giúp xã hội.

CHƯƠNG 8:

TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP AN SINH XÃ HỘI

8.1. Khái quát chung về tranh chấp an sinh xã hội

- 8.1.1. Khái niệm tranh chấp an sinh xã hội
- 8.1.2. Đặc điểm của tranh chấp an sinh xã hội
- 8.1.3. Phân loại tranh chấp an sinh xã hội
- 8.1.4. Sự ảnh hưởng của tranh chấp an sinh xã hội.

8.2. Giải quyết tranh chấp an sinh xã hội

- 8.2.1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp an sinh xã hội
- 8.2.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp an sinh xã hội.
- 8.2.3. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp an sinh xã hội

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] *Giáo trình Luật An sinh xã hội*, ĐH Luật Hà Nội, NXB. CAND, 2014;

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] PGS.TS Lê Thị Hoài Thu, *Quyền an sinh xã hội và đảm bảo thực hiện trong pháp luật Việt Nam*, NXB ĐHQG Hà Nội; 2014

[2] TS. Nguyễn Hiền Phương, *Pháp luật an sinh xã hội – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2010

[3] TS. Trần Hoàng Hải – TS. Lê Thị Thuý Hương, *Pháp luật an sinh xã hội: Kinh nghiệm của một số nước đối với Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1. NHẬP MÔN PHÁP LUẬT AN SINH XÃ HỘI</p> <p>1.1. Khái quát về an sinh xã hội</p> <p>1.1.1. Khái niệm, đặc điểm</p> <p>1.1.2. Ý nghĩa của an sinh xã hội</p> <p>1.2. Pháp luật an sinh xã hội</p> <p>1.2.1. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật an sinh xã hội</p> <p>1.2.2. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật an sinh xã hội</p> <p>1.2.3. Nguồn của pháp luật an sinh xã hội</p> <p>1.2.4. Mối quan hệ giữa luật an sinh xã hội với một số ngành luật khác</p> <p>1.2.5. Lược sử quá trình hình thành và phát triển luật an sinh xã hội trên thế giới và ở Việt Nam</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G1

2	<p align="center">CHƯƠNG 2. QUAN HỆ PHÁP LUẬT AN SINH XÃ HỘI</p> <p>2.1. Khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp luật an sinh xã hội</p> <p>2.1.1. Khái niệm của quan hệ pháp luật an sinh xã hội</p> <p>2.1.2. Đặc điểm của quan hệ pháp luật an sinh xã hội</p> <p>2.2. Các quan hệ pháp luật an sinh xã hội cụ thể</p> <p>2.2.1. Quan hệ pháp luật bảo hiểm xã hội</p> <p>2.2.2. Quan hệ pháp luật bảo hiểm thất nghiệp</p> <p>2.2.3. Quan hệ pháp luật bảo hiểm y tế</p> <p>2.2.4. Quan hệ pháp luật ưu đãi xã hội</p> <p>2.2.5. Quan hệ pháp luật trợ giúp xã hội</p>	2 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận nhóm	G2
3	<p align="center">CHƯƠNG 3: BẢO HIỂM XÃ HỘI</p> <p>3.1. Khái quát chung về bảo hiểm xã hội</p> <p>3.1.1. Khái niệm, bản chất của bảo hiểm xã hội</p> <p>3.1.2. Các loại hình bảo hiểm xã hội</p> <p>3.1.3. Các yếu tố cấu thành chế độ bảo hiểm xã hội</p> <p>3.1.4. Nguyên tắc bảo hiểm xã hội</p> <p>3.1.5. Quỹ bảo hiểm xã hội</p> <p>3.2. Các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc</p> <p>3.2.1. Chế độ bảo hiểm ốm đau</p> <p>3.2.2. Chế độ bảo hiểm thai sản</p> <p>3.2.3. Chế độ bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp</p>	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G3, G4
4	<p>3.2. Các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc (tiếp)</p> <p>3.2.4. Chế độ bảo hiểm hưu trí</p> <p>3.2.5. Chế độ bảo hiểm tử tuất</p>	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G3, G4

	3.3. Các chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện 3.3.1. Chế độ bảo hiểm hưu trí 3.3.2. Chế độ bảo hiểm tử tuất			
5	Thực hành	2 tiết thực hành	Thảo luận theo nhóm, giải quyết các tình huống do GV cung cấp.	G3, G4
6	CHƯƠNG 4: BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP 4.1. Khái quát chung về bảo hiểm thất nghiệp 4.1.1 Khái niệm bảo hiểm thất nghiệp 4.1.2 Ý nghĩa của bảo hiểm thất nghiệp 4.1.3. Các nguyên tắc của bảo hiểm thất nghiệp 4.1.4. Quỹ bảo hiểm thất nghiệp 4.2. Các chế độ bảo hiểm thất nghiệp 4.2.1. Đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp 4.2.2. Điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp 4.2.3. Quyền lợi về bảo hiểm thất nghiệp	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G5, G6
7	Thực hành	2 tiết thực hành	Thảo luận theo nhóm, giải quyết các tình huống về các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động	G5, G6
8	CHƯƠNG 5: BẢO HIỂM Y TẾ 5.1 Khái quát chung về bảo hiểm y tế 5.1.1 Khái niệm, bản chất, đặc trưng của bảo hiểm y tế	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G7

	5.1.2. Vai trò, ý nghĩa của bảo hiểm y tế 5.1.3. Các nguyên tắc cơ bản của bảo hiểm y tế 5.1.4. Quỹ bảo hiểm y tế			
9	5.2. Chế độ bảo hiểm y tế 5.2.1. Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế 5.2.2. Điều kiện hưởng bảo hiểm y tế 5.2.3. Quyền lợi hưởng bảo hiểm y tế	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G7
10	Thực hành	2 tiết thực hành	Thảo luận theo nhóm, giải quyết các tình huống về chế độ bảo hiểm y tế cho người tham gia bảo hiểm	G7, G8
11	CHƯƠNG 6: ƯU ĐÃI XÃ HỘI 6.1 Khái quát chung về ưu đãi xã hội 6.1.1 Khái niệm, ý nghĩa của ưu đãi xã hội 6.1.2 Phân loại ưu đãi xã hội 6.1.3 Các nguyên tắc cơ bản của ưu đãi xã hội 6.2 Chế độ ưu đãi xã hội 6.2.1. Các đối tượng được hưởng ưu đãi xã hội và thủ tục xác nhận 6.2.2. Các loại chế độ ưu đãi xã hội 6.3 Nguồn tài chính thực hiện ưu đãi xã hội	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G9, G10
12	CHƯƠNG 7: TRỢ GIÚP XÃ HỘI 7.1. Khái quát chung về trợ giúp xã hội 7.1.1. Khái niệm, đặc điểm của trợ giúp xã hội 7.1.2. Ý nghĩa của trợ giúp xã hội 7.1.3. Phân loại chế độ trợ giúp xã hội	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G11, G12

	<p>7.2. Chế độ trợ giúp xã hội</p> <p>7.2.1. Trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng</p> <p>7.2.2. Trợ giúp xã hội đột xuất</p> <p>7.2.3. Chế độ hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng</p> <p>7.2.4. Chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà ở xã hội</p> <p>7.3. Nguồn tài chính thực hiện trợ giúp xã hội.</p>			
13	Thực hành	2 tiết thực hành	Thảo luận theo nhóm, giải quyết các tình huống về ưu đãi xã hội và trợ giúp xã hội.	G10, G12
14	<p>CHƯƠNG 8: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP AN SINH XÃ HỘI</p> <p>8.1. Khái quát chung về tranh chấp an sinh xã hội</p> <p>8.1.1. Khái niệm tranh chấp an sinh xã hội</p> <p>8.1.2. Đặc điểm của tranh chấp an sinh xã hội</p> <p>8.1.3. Phân loại tranh chấp an sinh xã hội</p> <p>8.1.4. Sự ảnh hưởng của tranh chấp an sinh xã hội.</p> <p>8.2. Giải quyết tranh chấp an sinh xã hội</p> <p>8.2.1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp an sinh xã hội</p> <p>8.2.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp an sinh xã hội.</p>	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G13

	8.2.3. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp an sinh xã hội			
15	Thực hành	2 tiết thực hành	Thảo luận theo nhóm, giải quyết các tình huống tranh chấp an sinh xã hội	G13

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên đọc tài liệu theo các tài liệu bắt buộc trong đề cương môn học;
- Đọc các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết tình huống.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6 (≥ 0.5)	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Phạm Thị Hồng My

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ LUẬT SƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về Luật sư (tiếng Anh): Law on Lawyer Career	
- Mã số học phần: 843050	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Hành chính (843028)
- Học phần song hành:	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân luật. Nội dung học phần Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo, gồm 04 chương (Chi tiết tại Mục 5).

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên biết được các kiến thức pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư như đặc điểm và yêu cầu của nghề luật sư; tiêu chuẩn luật sư; điều kiện hành nghề luật sư; quản lý đối với hành nghề luật sư.

Về kỹ năng: Trang bị kiến thức cơ bản về kỹ năng hành nghề luật sư: như luật sư tư vấn, luật sư tranh tụng, rèn kỹ năng nghe, kỹ năng đọc, kỹ năng nói, kỹ năng hùng biện và lập luận cho sinh viên thông qua thực hành tình huống.

Về thái độ: Hình thành cho người học thái độ tự tin, bản lĩnh nghề nghiệp luật sư là một ngành mang tính đặc thù trong giai đoạn phát triển kinh tế xã hội của nước ta. Thông qua học phần này sinh viên sẽ yêu nghề hơn khi đã lựa chọn nghề luật sư là một định hướng cho tương lai sau khi ra trường để phát triển sự nghiệp của chính mình.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm về nghề luật sư, nắm được các đặc điểm, vai trò của nghề luật sư, sự hình thành và phát triển nghề luật sư tại Việt Nam	2
G2	Xác định được những tiêu chuẩn, điều kiện trở thành luật sư, chức năng xã hội của luật sư, quy trình trở thành luật sư.	4
G3	Hiểu được trách nhiệm đối với công việc của luật sư	2
G4	Trình bày được những quy định liên quan đến nghề luật sư	2
G5	Xác định được qui định về thù lao và chi phí, tiền lương theo hợp đồng lao động	4
G6	Trình bày được pháp luật về tổ chức xã hội – nghề nghiệp của luật sư cấp luật sư tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Đoàn luật sư), (liên đoàn luật sư Việt Nam)	2
G7	Trình bày được cơ cấu tổ chức chức hành nghề luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại Việt Nam	2
G8	Trình bày được tổ chức và hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật	2
G9	Trình bày được các quy định về xử lý vi phạm đối với luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, giải quyết tranh chấp liên quan đến hoạt động hành nghề luật sư	2
G10	Vận dụng các quy định pháp luật về xử lý vi phạm đối với luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, giải quyết tranh chấp liên quan đến hoạt động hành nghề luật sư	4
G11	Trình bày được các quy định trong Bộ qui tắc về đạo đức nghề nghiệp của luật sư, Điều lệ Liên Đoàn Luật sư Việt Nam	2
G12	Thái độ tôn trọng các quy tắc về hành nghề luật sư	4

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ LUẬT SƯ VÀ NGHỀ LUẬT SƯ

1.1. Khái niệm về luật sư và nghề luật sư

1.1.1. Khái niệm về luật sư

1.1.2. Khái niệm nghề luật sư

1.2. Đặc điểm, yêu cầu và vai trò của nghề luật sư

1.2.1. Đặc điểm của nghề luật sư

1.2.2. Yêu cầu của nghề luật sư

1.2.3. Vị trí, vai trò của luật sư và nghề luật sư

1.3. Sự hình thành và phát triển nghề luật sư ở Việt Nam

Chương 2:

NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ LUẬT SƯ VÀ NGHỀ LUẬT SƯ

2.1. Những quy định của pháp luật liên quan đến luật sư

2.1.1. Khái niệm luật sư, tiêu chuẩn luật sư, điều kiện hành nghề luật sư

2.1.2. Chức năng xã hội của luật sư

2.1.3. Các hành vi bị nghiêm cấm đối với luật sư

2.1.4. Quy trình trở thành luật sư

2.2. Những quy định liên quan đến hoạt động hành nghề luật sư

2.2.1. Phạm vi hành nghề luật sư

2.2.2. Hình thức hành nghề luật sư

2.2.3. Tổ chức hành nghề luật sư

2.2.4. Hành nghề luật sư với tư cách là cá nhân

2.3. Những quy định của pháp luật về quản lý hành nghề luật sư

2.4. Thực hành

Chương 3: NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ THÙ LAO VÀ CHI PHÍ, TIỀN LƯƠNG THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

3.1. Căn cứ, phương thức tính thù lao

3.1.1. Căn cứ tính thù lao

3.1.2. Phương thức tính thù lao

3.2. Thù lao và chi phí cho luật sư trong một số trường hợp cụ thể

3.2.1. Thù lao và chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý theo hợp đồng dịch vụ pháp lý

3.2.2. Thù lao và chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng

3.2.3. Tiền lương theo hợp đồng lao động

3.3. Giải quyết tranh chấp về thù lao, chi phí, tiền lương theo hợp đồng lao động

3.4. Thực hành

Chương 4: NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC XÃ HỘI NGHỀ NGHIỆP CỦA LUẬT SƯ

4.1. Tổ chức xã hội – nghề nghiệp của luật sư tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Đoàn luật sư)

- 4.1.1. Thành lập, giải thể đoàn luật sư
- 4.1.2. Nhiệm vụ, quyền hạn đoàn luật sư
- 4.1.3. Điều lệ của đoàn luật sư

4.2. Tổ chức xã hội – nghề nghiệp toàn quốc của luật sư (liên đoàn luật sư Việt Nam)

- 4.2.1. Địa vị pháp lý của liên đoàn luật sư
- 4.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của liên đoàn luật sư
- 4.2.3. Điều lệ của liên đoàn luật sư

4.3. Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại Việt Nam

- 4.3.1. Hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài
- 4.3.2. Hành nghề của luật sư nước ngoài tại Việt Nam
- 4.3.3. Thủ tục cấp phép đối với chi nhánh, công ty luật nước ngoài, luật sư nước ngoài

4.5. Thực hành

Chương 5: TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG LUẬT SƯ, CÔNG TY LUẬT

5.1. Cơ sở pháp lý của hoạt động tổ chức hành nghề luật sư

5.2. Cơ cấu, tổ chức của văn phòng luật sư, công ty luật

5.3. Hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật

- 5.3.1. Đào tạo nguồn nhân lực
- 5.3.2. Lĩnh vực hoạt động của luật sư
- 5.3.3. Tài chính, kế toán

5.4. Nguyên tắc quản lý văn phòng luật sư, công ty luật

5.5. Thực hành

Chương 6: XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI LUẬT SƯ, TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

6.1. Xử lý kỷ luật luật sư

- 6.1.1. Hình thức xử lý kỷ luật đối với luật sư
- 6.1.2. Thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với luật sư

6.2. Khiếu nại quyết định kỷ luật luật sư

- 6.2.1. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Ban chủ nhiệm đoàn luật sư
- 6.2.2. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi của các cơ quan của tổ chức luật sư toàn quốc.

6.3. Giải quyết tranh chấp liên quan đến hoạt động hành nghề luật sư

6.3.1. Xử lý vi phạm đối với luật sư, tổ chức hành nghề luật sư

6.3.2. Xử lý vi phạm đối với hành vi xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư

6.4. Thực hành

Chương 7: BỘ QUY TẮC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA LUẬT SƯ

7.1. Đạo đức nghề luật sư

7.1.1. Khái niệm đạo đức, mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật

7.1.2. Khái niệm đạo đức nghề luật sư

7.1.3. Đặc điểm nghề luật sư và trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư

7.2. Những quy tắc về đạo đức nghề nghiệp của luật sư

7.2.1. Những nguyên tắc chung

7.2.2. Quan hệ của luật sư với khách hàng

7.2.3. Quan hệ của luật sư với đồng nghiệp

7.2.4. Quan hệ của luật sư với cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan nhà nước khác

7.2.5. Quan hệ của luật sư với các cơ quan thông tin đại chúng và qui tắc quảng cáo trong nghề luật sư.

7.2.5. Quan hệ của luật sư với các cơ quan thông tin đại chúng và qui tắc quảng cáo trong nghề luật sư.

7.3. Thực hành

Chương 8: ĐIỀU LỆ LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

8.1. Những quy định chung của Điều lệ Liên đoàn Luật sư

8.2. Cơ cấu tổ chức của Liên đoàn Luật sư

8.3. Đoàn Luật sư và Luật sư

8.4. Tài chính và vấn đề quan hệ của Liên đoàn Luật sư với cơ quan nhà nước và các tổ chức trong, ngoài nước

8.5. Khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo

8.6. Thực hành

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Luật Luật sư và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Luật sư.

[2] Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam

[3] Quy tắc đạo đức, ứng xử nghề nghiệp của luật sư

6.2. Tài liệu tham khảo

Các bài viết đăng các tạp chí chuyên ngành liên quan đến nghề luật sư và hành nghề luật sư

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	<p>Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ LUẬT SƯ VÀ NGHỀ LUẬT SƯ</p> <p>1.1. Khái niệm về luật sư và nghề luật sư</p> <p>1.1.1. Khái niệm về luật sư</p> <p>1.1.2. Khái niệm nghề luật sư</p> <p>1.2. Đặc điểm, yêu cầu và vai trò của nghề luật sư</p> <p>1.2.1. Đặc điểm của nghề luật sư</p> <p>1.2.2. Yêu cầu của nghề luật sư</p> <p>1.2.3. Vị trí, vai trò của luật sư và nghề luật sư</p> <p>1.3. Sự hình thành và phát triển nghề luật sư ở Việt Nam</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G1; G2
2	<p>Chương 2: NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ LUẬT SƯ VÀ NGHỀ LUẬT SƯ</p> <p>2.1. Những qui định của pháp luật liên quan đến luật sư</p> <p>2.1.1. Khái niệm luật sư, tiêu chuẩn luật sư, điều kiện hành nghề luật sư</p> <p>2.1.2. Chức năng xã hội của luật sư</p> <p>2.1.3. Các hành vi bị nghiêm cấm đối với luật sư</p> <p>2.1.4. Quy trình trở thành luật sư</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G3
3	<p>2.2. Những qui định liên quan đến hoạt động hành nghề luật sư</p> <p>2.2.1. Phạm vi hành nghề luật sư</p> <p>2.2.2. Hình thức hành nghề luật sư</p> <p>2.2.3. Tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>2.2.4. Hành nghề luật sư với tư cách là cá nhân</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G3 G4

	2.3. Những qui định của pháp luật về quản lý hành nghề luật sư			
4	2.4. Thực hành	2 tiết bài tập	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G3; G4
5	Chương 3: NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ THÙ LAO VÀ CHI PHÍ, TIỀN LƯƠNG THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG 3.1. Căn cứ, phương thức tính thù lao 3.1.1. Căn cứ tính thù lao 3.1.2. Phương thức tính thù lao 3.2. Thù lao và chi phí cho luật sư trong một số trường hợp cụ thể 3.2.1. Thù lao và chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý theo hợp đồng dịch vụ pháp lý 3.2.2. Thù lao và chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng 3.2.3. Tiền lương theo hợp đồng lao động	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G5
6	3.3. Giải quyết tranh chấp về thù lao, chi phí, tiền lương theo hợp đồng lao động	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G6; G7
7	Chương 4: NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC XÃ HỘI NGHỀ NGHIỆP CỦA LUẬT SƯ 4.1. Tổ chức xã hội – nghề nghiệp của luật sư tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Đoàn luật sư) 4.1.1. Thành lập, giải thể đoàn luật sư	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G8

	<p>4.1.2. Nhiệm vụ, quyền hạn đoàn luật sư</p> <p>4.1.3. Điều lệ của đoàn luật sư</p> <p>4.2. Tổ chức xã hội – nghề nghiệp toàn quốc của luật sư (liên đoàn luật sư Việt Nam)</p> <p>4.2.1. Địa vị pháp lý của liên đoàn luật sư</p> <p>4.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của liên đoàn luật sư</p> <p>4.2.3. Điều lệ của liên đoàn luật sư</p> <p>4.3. Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>4.3.1. Hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài</p> <p>4.3.2. Hành nghề của luật sư nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>4.3.3. Thủ tục cấp phép đối với chi nhánh, công ty luật nước ngoài, luật sư nước ngoài</p>			
8	4.5. Thực hành	2 tiết bài tập	- Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G8
9	<p>Chương 5: TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG LUẬT SƯ, CÔNG TY LUẬT</p> <p>5.1. Cơ sở pháp lý của hoạt động tổ chức hành nghề luật sư</p> <p>5.2. Cơ cấu, tổ chức của văn phòng luật sư, công ty luật</p> <p>5.3. Hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật</p> <p>5.3.1. Đào tạo nguồn nhân lực</p> <p>5.3.2. Lĩnh vực hoạt động của luật sư</p> <p>5.3.3. Tài chính, kế toán</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G9

	5.4. Nguyên tắc quản lý văn phòng luật sư, công ty luật			
10	5.5. Thực hành	2 tiết Bài tập	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G10
11	Chương 6: XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI LUẬT SƯ, TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ 6.1. Xử lý kỷ luật luật sư 6.1.1. Hình thức xử lý kỷ luật đối với luật sư 6.1.2. Thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với luật sư 6.2. Khiếu nại quyết định kỷ luật luật sư 6.2.1. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Ban chủ nhiệm đoàn luật sư 6.2.2. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi của các cơ quan của tổ chức luật sư toàn quốc. 6.3. Giải quyết tranh chấp liên quan đến hoạt động hành nghề luật sư 6.3.1. Xử lý vi phạm đối với luật sư, tổ chức hành nghề luật sư 6.3.2. Xử lý vi phạm đối với hành vi xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G11
12	6.4. Thực hành	2 tiết bài tập	- Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G12
13	Chương 7: BỘ QUY TẮC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA LUẬT SƯ	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm	G12

	<p>7.1. Đạo đức nghề luật sư</p> <p>7.1.1. Khái niệm đạo đức, mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật</p> <p>7.1.2. Khái niệm đạo đức nghề luật sư</p> <p>7.1.3. Đặc điểm nghề luật sư và trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư</p> <p>7.2. Những qui tắc về đạo đức nghề nghiệp của luật sư</p> <p>7.2.1. Những nguyên tắc chung</p> <p>7.2.2. Quan hệ của luật sư với khách hàng</p> <p>7.2.3. Quan hệ của luật sư với đồng nghiệp</p> <p>7.2.4. Quan hệ của luật sư với cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan nhà nước khác</p> <p>7.2.5. Quan hệ của luật sư với các cơ quan thông tin đại chúng và qui tắc quảng cáo trong nghề luật sư.</p> <p>7.2.5. Quan hệ của luật sư với các cơ quan thông tin đại chúng và qui tắc quảng cáo trong nghề luật sư.</p>		<p>việc nhóm</p> <p>Thuyết trình, trả lời câu hỏi</p>	
14	<p>Chương 7: BỘ QUY TẮC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA LUẬT SƯ</p> <p>7.1. Đạo đức nghề luật sư</p> <p>7.1.1. Khái niệm đạo đức, mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật</p> <p>7.1.2. Khái niệm đạo đức nghề luật sư</p> <p>7.1.3. Đặc điểm nghề luật sư và trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư</p> <p>7.2. Những qui tắc về đạo đức nghề nghiệp của luật sư</p> <p>7.2.1. Những nguyên tắc chung</p> <p>7.2.2. Quan hệ của luật sư với khách hàng</p> <p>7.2.3. Quan hệ của luật sư với đồng nghiệp</p>	2 tiết lý thuyết	<p>Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm</p> <p>Thuyết trình, trả lời câu hỏi</p>	G13

	7.2.4. Quan hệ của luật sư với cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan nhà nước khác 7.2.5. Quan hệ của luật sư với các cơ quan thông tin đại chúng và qui tắc quảng cáo trong nghề luật sư. 7.2.5. Quan hệ của luật sư với các cơ quan thông tin đại chúng và qui tắc quảng cáo trong nghề luật sư.			
15	7.3.Thực hành	2 tiết bài tập	- Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G13

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học các môn luật nội dung và luật tố tụng
- Làm bài tập nhóm

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Trương Thị Tường Vi

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT HỌC SO SÁNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): LUẬT HỌC SO SÁNH (tiếng Anh): COMPARATIVE LAW	
- Mã số học phần: 843027	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật dân sự, Luật thương mại
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính*)

Truyền đạt cho người học những kiến thức cơ bản của pháp luật trên thế giới liên quan đến những vấn đề cơ bản về luật so sánh, các dòng họ Common Law, Civil Law, Sovietque law, và Islam law, cũng như hệ thống pháp luật của một số quốc gia ở Đông Á và Đông Nam Á của Châu Á.

Hướng dẫn cho người học thành thạo năng lực thu thập, xử lý thông tin, sử dụng phương tiện hiện đại để truy cập thông tin dữ liệu pháp lý liên quan đến pháp luật của các quốc gia trên thế giới nhất là các quốc gia có nền luật học phát triển.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Hiểu được Khái niệm luật so sánh cũng như đối tượng, phương pháp của luật này, ngoài ra người học sẽ phân loại luật so sánh thông qua việc trình bày một cách có hệ thống những điểm tương đồng và khác biệt giữa các hệ thống pháp luật đã

được lựa chọn để so sánh; Trình bày được sự hình thành và phát triển của luật so sánh trên thế giới cũng như sự hình thành và phát triển của luật so sánh ở nước ta, từ đó khái quát được vai trò của luật này trong khoa học và thực tiễn; Nhớ được khái quát chung của một số dòng họ pháp luật cơ bản trên thế giới như dòng họ Civilaw và dòng họ Commonlaw, dòng họ Sovietque law, và Islam law. Trình bày được các hệ thống pháp luật của một số nước ở Đông á và Đông nam Á như Hệ thống pháp luật của Nhật bản, Trung quốc.

Về kĩ năng: Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể liên quan đến các khái niệm, sự hình thành và phát triển về pháp luật so sánh trong hệ thống pháp luật của các quốc gia trên thế giới. Phát triển Kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm và kỹ năng bình luận, diễn đạt, thuyết trình trước công chúng. Phát triển kỹ năng tư duy, sáng tạo, khám phá tìm tòi, trau dồi và phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá.

Về thái độ: Hình thành sự chủ động trong bổ sung, củng cố và nâng cao trình độ nhận thức của người học về các vấn đề thuộc khái niệm, nguồn gốc pháp luật trong khoa học luật so sánh và hệ thống môn học này. Chủ động vận dụng kiến thức đã học để phân tích và giải quyết các vấn đề chung về luật so sánh.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	<i>Trình bày được</i> khái niệm và đặc điểm môn luật học so sánh	2
G2	<i>Hiểu được</i> hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa	5
G3	<i>Hiểu được</i> hệ thống pháp luật Anh Mỹ	2
G4	<i>Hiểu được</i> hệ thống pháp luật của các nước hồi giáo	3
G5	<i>Hiểu được</i> hệ thống pháp luật Trung Quốc	4
G6	<i>Hiểu được</i> hệ thống pháp luật Nhật Bản	2

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ LUẬT HỌC SO SÁNH

- 1.1. Khái niệm luật học so sánh
- 1.2. Đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu của luật học so sánh.
- 1.3. Những ứng dụng của môn học luật so sánh
- 1.4. Vấn đề cần chú ý khi nghiên cứu pháp luật nước ngoài
- 1.5. Các tiêu chí cơ bản để so sánh và phân loại các hệ thống pháp luật trên thế giới.

CHƯƠNG 2. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CHÂU ÂU LỤC ĐỊA (CIVIL LAW)

- 2.1. Lịch sử phát triển của hệ thống Pháp luật Châu Âu lục địa.
- 2.2. Nguồn luật
- 2.3. Cấu trúc pháp luật
- 2.4. Hệ thống cơ quan tài phán
- 2.5. Nghề luật

CHƯƠNG 3. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT ANH MỸ (COMMON LAW)

- 3.1. Lịch sử phát triển của hệ thống Pháp luật Anh Mỹ
- 3.2. Nguồn luật
- 3.3. Cấu trúc pháp luật
- 3.4. Hệ thống cơ quan tài phán
- 3.5. Nghề luật
- 3.6. Một số đặc thù trong pháp luật Mỹ

CHƯƠNG 4. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CỦA NƯỚC HỒI GIÁO

- 4.1. Khái quát về các nước Hồi giáo và luật Hồi giáo.
- 4.2. Nguồn luật
- 4.3. Những đặc điểm nổi bật của luật Hồi giáo
- 4.4. Sự thích nghi của luật Hồi giáo với thế giới hiện đại.

CHƯƠNG 5. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CỦA MỘT SỐ NƯỚC CÓ NỀN KINH TẾ ĐANG CHUYỂN ĐỔI

- 5.1. Hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa (đại diện là Liên Xô cũ)
- 5.2. Hệ thống pháp luật của một số nước đang chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường.

CHƯƠNG 6. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CỦA TRUNG QUỐC

- 6.1. Lịch sử phát triển
- 6.2. Một số đặc điểm của hệ thống pháp luật Trung Quốc
- 6.3. Nguồn luật
- 6.4. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Trung Quốc
- 6.5. Cơ quan tư pháp và các tổ chức hỗ trợ tư pháp
- 6.6. Vấn đề giáo dục và đào tạo luật.

CHƯƠNG 7. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT NHẬT BẢN

- 7.1. Khái quát về lịch sử phát triển pháp luật Nhật Bản.
- 7.2. Nguồn luật

- 7.3. Cách phân loại pháp luật.
 7.4. Hệ thống các cơ quan tư pháp
 7.5. Đào tạo luật và nghề luật.

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật so sánh, NXB. CAND, 2009.

[2] TS. Hồ Xuân Thắng, TS. Bành Quốc Tuấn (2016), Luật học so sánh, NXB

Giáo dục Việt Nam.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Tập bài giảng của giảng viên

[5] Nguyễn Ngọc Điện – Luật so sánh

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ LUẬT HỌC SO SÁNH 1.1. Khái niệm luật học so sánh 1.2. Đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu của luật học so sánh.	2 tiết Lý thuyết	- Đọc tài liệu - Trả lời các câu hỏi khẳng định đúng/sai	G1; G2
2	1.3. Những ứng dụng của môn học luật so sánh	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	- Đọc tài liệu - Trả lời các câu hỏi khẳng định đúng/sai	G1; G2
3	1.4. Vấn đề cần chú ý khi nghiên cứu pháp luật nước ngoài 1.5. Các tiêu chí cơ bản để so sánh và phân loại các hệ thống pháp luật trên thế giới	2 tiết Lý thuyết	- Đọc tài liệu - Trả lời các câu hỏi khẳng định đúng/sai	G1; G2
4	CHƯƠNG 2. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CHÂU ÂU LỤC ĐỊA (CIVIL LAW)	2 tiết Lý thuyết	- Đọc tài liệu - Trả lời các câu hỏi khẳng định đúng/sai	G1; G3; G5

	2.1. Lịch sử phát triển của hệ thống Pháp luật Châu Âu lục địa. 2.2. Nguồn luật 2.4. Cấu trúc pháp luật			
5	2.5. Hệ thống cơ quan tài phán	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	- Đọc tài liệu - Trả lời các câu hỏi khẳng định đúng/sai	G3; G4
6	2.6. Nghề luật	2 tiết Lý thuyết	- Đọc tài liệu - Trả lời các câu hỏi khẳng định đúng/sai	G3; G4
7	CHƯƠNG 3. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT ANH MỸ (COMMON LAW) 3.1. Lịch sử phát triển của hệ thống Pháp luật Anh Mỹ 3.2. Nguồn luật 3.3. Cấu trúc pháp luật	2 tiết Lý thuyết	- Đọc tài liệu - Trả lời các câu hỏi khẳng định đúng/sai	G3 G6;
8	Thảo luận về hệ thống pháp luật thành văn và luật án lệ	2 tiết bài tập	- Đọc tài liệu - Trả lời các câu hỏi khẳng định đúng/sai	G4; G5
9	3.4. Một số đặc thù trong pháp luật Mỹ	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	- Đọc tài liệu - Trả lời các câu hỏi khẳng định đúng/sai	G3; G4
10	CHƯƠNG 4. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CỦA NƯỚC HỒI GIÁO 4.1. Khái quát về các nước Hồi giáo và luật Hồi giáo. 4.2. Nguồn luật	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	- Đọc tài liệu - Trả lời các câu hỏi khẳng định đúng/sai	G4; G5
11	4.3. Những đặc điểm nổi bật của luật Hồi giáo 4.4. Sự thích nghi của luật Hồi giáo với thế giới hiện đại.	2 tiết Lý thuyết	- Đọc tài liệu - Trả lời các câu hỏi khẳng định đúng/sai	G5; G6

12	<p>CHƯƠNG 5. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CỦA MỘT SỐ NƯỚC CÓ NỀN KINH TẾ ĐANG CHUYỂN ĐỔI.</p> <p>5.1. Hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa (đại diện là Liên Xô cũ)</p> <p>5.2. Hệ thống pháp luật của một số nước đang chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường.</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Trả lời các câu hỏi khẳng định đúng/sai 	G5; G6
13	<p>CHƯƠNG 6. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CỦA TRUNG QUỐC</p> <p>6.1. Lịch sử phát triển</p> <p>6.2. Một số đặc điểm của hệ thống pháp luật Trung Quốc</p> <p>6.3. Nguồn luật</p> <p>6.4. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Trung Quốc</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Trả lời các câu hỏi khẳng định đúng/sai 	G4; G5; G6
14	<p>6.5. Cơ quan tư pháp và các tổ chức hỗ trợ tư pháp</p> <p>6.6. Vấn đề giáo dục và đào tạo luật.</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Trả lời các câu hỏi khẳng định đúng/sai 	G5; G6
15	<p>CHƯƠNG 7. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT NHẬT BẢN</p> <p>6.1. Khái quát về lịch sử phát triển pháp luật Nhật Bản.</p> <p>6.2. Nguồn luật</p> <p>6.3. Cách phân loại pháp luật.</p> <p>6.4. Hệ thống các cơ quan tư pháp</p> <p>6.5. Đào tạo luật và nghề luật.</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Trả lời các câu hỏi khẳng định đúng/sai 	G5; G6

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học các môn Luật hành chính, lý luận chung về nhà nước và pháp luật.

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Phạm Thị Hồng My

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

LUẬT HIẾN PHÁP NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật hiến pháp nước ngoài (tiếng Anh): Foreign constitutional laws	
- Mã số học phần: 843051	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	26
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	4
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Hiến pháp (843070)
- Học phần song hành:	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân luật. Nội dung học phần Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo, gồm 04 chương (Chi tiết tại Mục 5).

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

Trang bị các kiến thức sau:

- Khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh.
- Quyền công dân, mối quan hệ giữa nhà nước và công dân, giữa nhà nước và hệ thống chính trị, cơ chế bảo hiến các nước.
- Tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước: Nghị viện, Nguyên thủ quốc gia, Chính phủ, Tòa án nhân dân.

Về kỹ năng:

- Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị để tiếp cận, xem xét, nhận định, so sánh những quy định của Hiến pháp các nước.
- Hiểu được các nội dung cơ bản trong tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước.
- Biết cách thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong mối quan hệ với nhà nước và với hệ thống chính trị.

Về thái độ: Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên sẽ có thái độ đúng đắn trong tổ chức và hoạt động của nhà nước. Qua đó, có ý thức rèn luyện, phấn đấu trở thành công dân, các nhà hoạt động pháp luật có năng lực và phẩm hạnh trong tương lai.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Xác định được các hình thức Nhà nước Nhận diện được hình thức Nhà nước của 1 số quốc gia tiêu biểu đương đại	3
G2	Trình bày được ý nghĩa của chế độ bầu cử và trưng cầu dân ý Trình bày được một số phương pháp xác định kết quả bầu cử Trình bày được vai trò, chức năng của các Đảng chính trị	2
G3	Nhận biết sự điều chỉnh của Hiến pháp với các Đảng chính trị Xác định hệ thống chính đảng của các nước Xác định được các nguyên tắc bầu cử	2
G4	Trình bày được vị trí, vai trò của nguyên thủ quốc gia Nhận diện được thẩm quyền của nguyên thủ quốc gia Xác định được cách thức thành lập và trách nhiệm của nguyên thủ trong các chính thể tiêu biểu	2
G5	Hiểu được sự hình thành, các giai đoạn phát triển của Nghị viện Xác định được vai trò của Nghị viện trong BMNN Nhận diện và trình bày được thẩm quyền và quy trình lập pháp của Nghị viện	4
G6	Trình bày được khái niệm và vị trí Chính phủ qua các chính thể Nhận diện và nêu được các dạng cơ cấu tổ chức, thẩm quyền của CP Xác định được trách nhiệm chính trị của CP	2
G7	Nhân thức được vị trí và vai trò của Tòa án trong BMNN Trình bày được các nguyên tắc tổ chức hoạt động của Toà án	2

G8	Hiểu được vị trí vai trò của Toà án, mối quan hệ giữa toà án với các cơ quan khác	2
G9	Trình bày được các nguyên tắc xét xử của toà án và một số mô hình tổ chức toà án tiêu biểu (Anh Pháp Mỹ)	4

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. LÝ LUẬN VỀ HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HIẾN PHÁP NƯỚC NGOÀI

1.1. Hiến pháp – đạo luật cơ bản của quốc gia

- 1.1.1. Sự ra đời và phát triển của Hiến pháp
- 1.1.2. Nội dung của Hiến pháp
- 1.1.3. Phân loại Hiến pháp
- 1.1.4. Cơ chế bảo vệ Hiến pháp (bảo hiến)

1.2. Luật Hiến pháp nước ngoài

- 1.2.1. Ngành luật Hiến pháp
- 1.2.2. Nguồn của luật Hiến pháp
- 1.2.3. Khoa học luật Hiến pháp nước ngoài

1.3. Môn học luật Hiến pháp nước ngoài

Chương 2: HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC

2.1. Hình thức chính thể

- 2.1.1. Khái niệm
- 2.1.2. Các hình thức chính thể đương đại

2.2. Hình thức cấu trúc nhà nước

- 2.2.1. Khái niệm
- 2.2.2. Các hình thức cấu trúc nhà nước đương đại

Chương 3: ĐẢNG CHÍNH TRỊ

3.1. Sự ra đời của đảng chính trị

- 3.1.1. Đấu tranh giai cấp - đấu tranh chính trị
- 3.1.2. Quyền lực chính trị - quyền lực nhà nước

3.2. Vai trò của đảng chính trị trong bộ máy nhà nước

- 3.2.1. Chức năng của đảng chính trị
- 3.2.2. Vai trò của đảng cầm quyền
- 3.2.3. Vai trò của đảng đối lập
- 3.2.4. Sự biến dạng các hình thức chính thể qua hoạt động của đảng chính trị

3.3. Sự điều chỉnh của Hiến pháp đối với đảng chính trị

- 3.3.1. Điều kiện và thủ tục thành lập đảng chính trị
- 3.3.2. Quy chế tài chính của đảng chính trị

3.3.3. Quyền tranh cử trong các cuộc bầu cử Quốc hội, Tổng thống, cơ quan tự quản địa phương

3.3.4. Tính trung lập, không đảng phái của Nguyên thủ quốc gia

3.4. Phân loại hệ thống chính đảng

3.4.1. Hệ thống một đảng

3.4.2. Hệ thống hai đảng

3.3.3. Hệ thống đa đảng

Chương 4: CHẾ ĐỘ BẦU CỬ

4.1. Khái niệm về chế độ bầu cử

4.1.1. Bầu cử – một hình thức dân chủ trực tiếp

4.1.2. Chức năng xã hội của bầu cử

4.1.3. Quyền bầu cử

4.1.4. Trưng cầu ý dân

4.2. Các nguyên tắc bầu cử

4.2.1. Nguyên tắc phổ thông

4.2.2. Nguyên tắc bình đẳng

4.2.3. Nguyên tắc bầu cử tự do và bầu cử bắt buộc

4.2.4. Nguyên tắc bầu cử trực tiếp và bầu cử gián tiếp

4.2.5. Nguyên tắc bỏ phiếu kín và bỏ phiếu qua các phương tiện thông tin

4.3. Một số phương pháp xác định kết quả bầu cử

4.3.1. Chế độ bầu cử đa số

4.3.2. Chế độ bầu cử tỷ lệ

4.3.3. Chế độ bầu cử hỗn hợp

Chương 5: NGUYÊN THỦ QUỐC GIA

5.1. Vị trí, vai trò của Nguyên thủ quốc gia

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Vị trí pháp lý của Nguyên thủ quốc gia

5.1.3. Vai trò của Nguyên thủ quốc gia trong các hình thức chính thể

5.2. Thẩm quyền của Nguyên thủ quốc gia

5.2.1. Thẩm quyền trong lĩnh vực hành pháp

5.2.2. Thẩm quyền trong lĩnh vực lập pháp

5.2.3. Thẩm quyền trong lĩnh vực tư pháp

5.3. Cách thức thành lập và vấn đề trách nhiệm của Nguyên thủ quốc gia

5.3.1. Quân chủ đại nghị

5.3.2. Cộng hòa đại nghị

5.3.3. Cộng hòa Tổng thống và Cộng hòa hỗn hợp

Chương 6: NGHỊ VIỆN

6.1. Sự ra đời và phát triển của Nghị viện

- 6.1.1. Sự ra đời của Nghị viện
- 6.1.2. Các giai đoạn phát triển của Nghị viện

6.2. Vai trò của Nghị viện trong BMNN

- 6.2.1. Tính chất đại diện của Nghị viện
- 6.2.2. Vai trò của Nghị viện qua các hình thức chính thể

6.3. Cơ cấu tổ chức của Nghị viện

- 6.3.1. Nghị viện một viện
- 6.3.2. Nghị viện hai viện
- 6.3.3. Các ủy ban của Nghị viện

6.4. Thẩm quyền của Nghị viện

- 6.4.1. Phạm vi thẩm quyền của Nghị viện
- 6.4.2. Thẩm quyền của Nghị viện trong từng lĩnh vực

6.5. Quy trình lập pháp của Nghị viện

- 6.5.1. Sáng kiến lập pháp
- 6.5.2. Thảo luận dự án luật
- 6.5.3. Thông qua dự án luật
- 6.5.4. Phê chuẩn và công bố luật

Chương 7: CHÍNH PHỦ

7.1. Khái niệm và vị trí của Chính phủ qua các hình thức chính thể

- 7.1.1. Khái niệm
- 7.1.2. Vị trí của Chính phủ qua các hình thức chính thể

7.2. Cơ cấu tổ chức Chính phủ

- 7.2.1. Người đứng đầu Chính phủ
- 7.2.2. Bộ máy giúp việc cho người đứng đầu Chính phủ
- 7.2.3. Bộ và các cơ quan khác thuộc Chính phủ

7.3. Trách nhiệm chính trị của Chính phủ

- 7.3.1. Trách nhiệm chính trị của Chính phủ trước Nghị viện
- 7.3.2. Trách nhiệm chính trị của Chính phủ trước Nguyên thủ quốc gia

7.4. Thẩm quyền của Chính phủ

- 7.4.1. Hoạch định và thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại
- 7.4.2. Lập pháp, lập quy
- 7.4.3. Trong lĩnh vực tư pháp
- 7.4.4. Trong các lĩnh vực khác

Chương 8: TOÀ ÁN

8.1. Vị trí và vai trò của Tòa án trong BMNN

- 8.1.1. Vị trí pháp lý của Tòa án
- 8.1.2. Chức năng xét xử của Tòa án
- 8.1.3. Mối quan hệ giữa Tòa án với các cơ quan nhà nước then chốt

8.1.4. Vai trò bảo vệ Hiến pháp của Tòa án

8.2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án

8.2.1. Nguyên tắc độc lập

8.2.2. Nguyên tắc xét xử hai cấp

8.2.3. Nguyên tắc xét xử tập thể

8.2.4. Nguyên tắc nhân dân tham gia hoạt động xét xử

8.3. Một số mô hình tổ chức Tòa án trên thế giới

8.3.1. Tòa án Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

8.3.2. Tòa án Vương quốc Anh

8.3.3. Tòa án Cộng hòa Pháp

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình Luật Hiến pháp nước ngoài*, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội.

[2] Khoa Luật – Đại học quốc gia Hà Nội (2001), *Giáo trình Luật Hiến pháp các nước tư bản*, NXB. ĐHQG Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3] Vũ Hồng Anh (1997), *Tổ chức và hoạt động của Chính phủ một số nước trên thế giới*, NXB. Chính Trị quốc gia, Hà Nội.

[4] Vũ Hồng Anh (1997), *Chế độ bầu cử của một số nước trên thế giới*, NXB. Chính Trị quốc gia, Hà Nội.

[5] Vũ Hồng Anh (2001), *Tổ chức và hoạt động của Quốc hội một số nước trên thế giới*, NXB. Chính Trị quốc gia, Hà Nội.

[6] Nguyễn Đăng Dung (chủ biên) (2004), *Thế chế tư pháp trong Nhà nước pháp quyền*, NXB. Tư pháp, Hà Nội.

[7] Nguyễn Đăng Dung (1997), *Luật Hiến pháp nước ngoài*. NXB. Đồng Nai.

[8] Nguyễn Đăng Dung (2004), *Hình thức của các Nhà nước đương đại*, NXB. Thế giới, Hà Nội.

[9] Nguyễn Đăng Dung (2001), *Luật Hiến pháp đối chiếu*, Tổng hợp Tp. HCM.

[10] Nguyễn Đăng Dung (2004), *Tinh thần bản của Hiến pháp và bản tính của các cơ quan nhà nước*, Tư pháp, Hà Nội.

[11] Nguyễn Đăng Dung (2006), *Nhà nước và trách nhiệm của nhà nước*, Tư pháp, Hà Nội.

[12] Nguyễn Đăng Dung (chủ biên) (2008), *Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền*, Đà Nẵng.

[13] Nguyễn Thị Hồi (2005), *Tư tưởng phân chia quyền lực nhà nước với việc tổ chức bộ máy nhà nước ở một số nước*, NXB. Tư pháp, Hà Nội.

[14] Văn Phúc – Nguyễn Đăng Thành (chủ biên) (2005), *Một số lý thuyết và kinh nghiệm tổ chức nhà nước trên thế giới*, NXB. Chính Trị quốc gia, Hà Nội.

[15] Đào Trí Úc – Nguyễn Như Phát (chủ biên) (2007), *Tài phán Hiến pháp và vấn đề xây dựng mô hình tài phán Hiến pháp ở Việt Nam (Sách chuyên khảo)*, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p>Chương 1. LÝ LUẬN VỀ HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HIẾN PHÁP NƯỚC</p> <p>1.1. Hiến pháp - đạo luật cơ bản của quốc gia</p> <p>1.1. 1. Sự ra đời và phát triển của Hiến pháp</p> <p>1.1.2. Nội dung của Hiến pháp</p> <p>1.1.3. Phân loại Hiến pháp</p> <p>1.1.4. Cơ chế bảo vệ Hiến pháp (bảo hiến)</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G1
2	<p>Chương 2: HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC</p> <p>2.1. Hình thức chính thể</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Các hình thức chính thể đương đại</p> <p>2.2. Hình thức cấu trúc nhà nước</p> <p>2.2.1. Khái niệm</p> <p>2.2.2. Các hình thức cấu trúc nhà nước đương đại</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G1
3	<p>Chương 3: ĐẢNG CHÍNH TRỊ</p> <p>3.1. Sự ra đời của đảng chính trị</p> <p>3.1.1. Đấu tranh giai cấp - đấu tranh chính trị</p> <p>3.1.2. Quyền lực chính trị - quyền lực nhà nước</p> <p>3.2. Vai trò của đảng chính trị trong bộ máy nhà nước</p> <p>3.2.1. Chức năng của đảng chính trị</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G2

	<p>3.2.2. Vai trò của đảng cầm quyền</p> <p>3.2.3. Vai trò của đảng đối lập</p> <p>3.2.4. Sự biến dạng các hình thức chính thể qua hoạt động của đảng chính trị</p>			
4	<p>3.3. Sự điều chỉnh của Hiến pháp đối với đảng chính trị</p> <p>3.3.1. Điều kiện và thủ tục thành lập đảng chính trị</p> <p>3.3.2. Quy chế tài chính của đảng chính trị</p> <p>3.3.3. Quyền tranh cử trong các cuộc bầu cử Quốc hội, Tổng thống, cơ quan tự quản địa phương</p> <p>3.3.4. Tính trung lập, không đảng phái của Nguyên thủ quốc gia</p> <p>3.4. Phân loại hệ thống chính đảng</p> <p>3.4.1. Hệ thống một đảng</p> <p>3.4.2. Hệ thống hai đảng</p> <p>3.3.3. Hệ thống đa đảng</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G2
5	<p>Chương 4: CHẾ ĐỘ BẦU CỬ</p> <p>4.1. Khái niệm về chế độ bầu cử</p> <p>4.1.1. Bầu cử – một hình thức dân chủ trực tiếp</p> <p>4.1.2. Chức năng xã hội của bầu cử</p> <p>4.1.3. Quyền bầu cử</p> <p>4.1.4. Trưng cầu ý dân</p> <p>4.2. Các nguyên tắc bầu cử</p> <p>4.2.1. Nguyên tắc phổ thông</p> <p>4.2.2. Nguyên tắc bình đẳng</p> <p>4.2.3. Nguyên tắc bầu cử tự do và bầu cử bắt buộc</p>	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G3
6	<p>4.2.4. Nguyên tắc bầu cử trực tiếp và bầu cử gián tiếp</p> <p>4.2.5. Nguyên tắc bỏ phiếu kín và bỏ phiếu qua các phương tiện thông tin</p> <p>4.3. Một số phương pháp xác định kết quả bầu cử</p>	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G3

	4.3.1. Chế độ bầu cử đa số 4.3.2. Chế độ bầu cử tỷ lệ 4.3.3. Chế độ bầu cử hỗn hợp			
7	Bài tập về xác định chính thể, các đảng chính trị, hệ thống chính đảng và chế độ bầu cử	2 tiết bài tập	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G1 G3
8	Chương 5: NGUYÊN THỦ QUỐC GIA 5.1. Vị trí, vai trò của Nguyên thủ quốc gia 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Vị trí pháp lý của Nguyên thủ quốc gia 5.1.3. Vai trò của Nguyên thủ quốc gia trong các hình thức chính thể	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G4
9	5.2. Thẩm quyền của Nguyên thủ quốc gia 5.2.1. Thẩm quyền trong lĩnh vực hành pháp 5.2.2. Thẩm quyền trong lĩnh vực lập pháp 5.2.3. Thẩm quyền trong lĩnh vực tư pháp 5.3. Cách thức thành lập và vấn đề trách nhiệm của Nguyên thủ quốc gia 5.3.1. Quân chủ đại nghị 5.3.2. Cộng hòa đại nghị 5.3.3. Cộng hòa Tổng thống và Cộng hòa hỗn hợp	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G4
10	Chương 6: NGHỊ VIỆN 6.1. Sự ra đời và phát triển của Nghị viện 6.1.1. Sự ra đời của Nghị viện 6.1.2. Các giai đoạn phát triển của Nghị viện 6.2. Vai trò của Nghị viện trong BMNN 6.2.1. Tính chất đại diện của Nghị viện	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G5

	<p>6.2.2. Vai trò của Nghị viện qua các hình thức chính thể</p> <p>6.3. Cơ cấu tổ chức của Nghị viện</p> <p>6.3.1. Nghị viện một viện</p> <p>6.3.2. Nghị viện hai viện</p> <p>6.3.3. Các ủy ban của Nghị viện</p>			
11	<p>6.4. Thẩm quyền của Nghị viện</p> <p>6.4.1. Phạm vi thẩm quyền của Nghị viện</p> <p>6.4.2. Thẩm quyền của Nghị viện trong từng lĩnh vực</p> <p>6.5. Quy trình lập pháp của Nghị viện</p> <p>6.5.1. Sáng kiến lập pháp</p> <p>6.5.2. Thảo luận dự án luật</p> <p>6.5.3. Thông qua dự án luật</p> <p>6.5.4. Phê chuẩn và công bố luật</p>	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G5
12	<p>Chương 7: CHÍNH PHỦ</p> <p>7.1. Khái niệm và vị trí của Chính phủ qua các hình thức chính thể</p> <p>7.1.1. Khái niệm</p> <p>7.1.2. Vị trí của Chính phủ qua các hình thức chính thể</p> <p>7.2. Cơ cấu tổ chức Chính phủ</p> <p>7.2.1. Người đứng đầu Chính phủ</p> <p>7.2.2. Bộ máy giúp việc cho người đứng đầu Chính phủ</p> <p>7.2.3. Bộ và các cơ quan khác thuộc Chính phủ</p>	2 tiết Lý thuyết	- Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G6
13	<p>7.3. Trách nhiệm chính trị của Chính phủ</p> <p>7.3.1. Trách nhiệm chính trị của Chính phủ trước Nghị viện</p> <p>7.3.2. Trách nhiệm chính trị của Chính phủ trước Nguyên thủ quốc gia</p> <p>7.4. Thẩm quyền của Chính phủ</p> <p>7.4.1. Hoạch định và thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại</p> <p>7.4.2. Lập pháp, lập quy</p> <p>7.4.3. Trong lĩnh vực tư pháp</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G6

	7.4.4. Trong các lĩnh vực khác			
14	<p>Chương 8: TOÀ ÁN</p> <p>8.1. Vị trí và vai trò của Tòa án trong BMNN</p> <p>8.1.1. Vị trí pháp lý của Tòa án</p> <p>8.1.2. Chức năng xét xử của Tòa án</p> <p>8.1.3. Mối quan hệ giữa Tòa án với các cơ quan nhà nước then chốt</p> <p>8.1.4. Vai trò bảo vệ Hiến pháp của Tòa án</p> <p>8.2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án</p> <p>8.2.1. Nguyên tắc độc lập</p> <p>8.2.2. Nguyên tắc xét xử hai cấp</p> <p>8.2.3. Nguyên tắc xét xử tập thể</p> <p>8.2.4. Nguyên tắc nhân dân tham gia hoạt động xét xử</p> <p>8.3. Một số mô hình tổ chức Tòa án trên thế giới</p> <p>8.3.1. Tòa án Hợp chủng quốc Hoa Kỳ</p> <p>8.3.2. Tòa án Vương quốc Anh</p> <p>8.3.3. Tòa án Cộng hòa Pháp</p>	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G7 G8
15	Ôn tập, thảo luận	2 tiết bài tập	àm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G6 G7 G8

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.5	

1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Trương Thị Tường Vi

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ THI HÀNH ÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật thi hành án (tiếng Anh): Law on Judgment Execution	
- Mã số học phần: 843052	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Luật tố tụng dân sự (843309); Luật tố tụng hình sự (843034)
- Học phần song hành (nếu có):	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Môn học được chia làm 2 phần chính.

Phần 1: Những kiến thức cơ bản của pháp luật của pháp luật thi hành án hình sự gồm có các khái niệm, nguyên tắc cơ bản của pháp luật thi hành án hình sự, hệ thống các cơ quan thi hành án hình sự ở Việt Nam, bản chất và trình tự, thủ tục thi hành các hình phạt được quy định trong luật hình sự.

Phần 2: Những kiến thức pháp lý cơ bản về trình tự, thủ tục thi hành các bản án, quyết định dân sự của toà án và các bản án, quyết định khác theo quy định của pháp luật. Nội dung các quy định của pháp luật Thi hành án dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan thi hành án bao gồm: Khái niệm chung và các nguyên tắc cơ bản của luật thi hành án dân sự; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thi

hành án dân sự; trình tự, thủ tục thi hành án dân sự; các biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên hiểu và nhớ được những vấn đề chung của pháp luật về thi hành án; những kiến thức cơ bản trong trình tự thủ tục, kỹ năng thi hành bản án, quyết định của Tòa án nhân dân và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác.

Về kỹ năng: Hình thành cho sinh viên kỹ năng nghề nghiệp để làm việc tại các cơ quan thi hành án sau khi ra trường.

Về thái độ: Sinh viên có tinh thần học tập nghiêm túc, biết cách làm việc nhóm, chủ động trong hoạt động tự nghiên cứu và tự học.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm, nhiệm vụ của luật thi hành án hình sự	2
G2	Phân tích được các nguyên tắc của luật thi hành án hình sự	4
G3	Trình bày được hệ thống các cơ quan thi hành án hình sự.	2
G4	Phân tích được nhiệm vụ của các cơ quan thi hành án hình sự	4
G5	Phân tích được bản chất, nội dung của thi hành án phạt tù.	4
G6	Phân tích được bản chất, nội dung của thi hành án phạt tử hình	4
G7	Phân tích được bản chất, nội dung thi hành án treo, án phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ.	4
G8	Phân tích được bản chất, nội dung Thi hành hình phạt cấm cư trú, quản chế, trục xuất.	4
G9	Phân tích được bản chất, nội dung thi hành hình phạt tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.	4
G10	Trình bày được nội dung của thi hành các biện pháp tư pháp hình sự	2
G11	Phân tích chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tái hòa nhập cộng đồng	4

G12	Trình bày đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật thi hành án dân sự Việt Nam; Thời hiệu yêu cầu thi hành án và thẩm quyền thi hành án dân sự	2
G13	Trình bày được cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thi hành án dân sự	2
G14	Xác định được thủ tục thi hành án dân sự	3
G15	Phân tích được các biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự	4
G16	Xác định được các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự	3
G17	Phân biệt được khiếu nại, tố cáo, kháng nghị về thi hành án dân sự	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM, NHIỆM VỤ VÀ CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm, nhiệm vụ của pháp luật thi hành án hình sự

- 1.1.1 Khái niệm pháp luật thi hành án hình sự
- 1.1.2. Nhiệm vụ của pháp luật thi hành án hình sự

1.2. Nguồn của pháp luật thi hành án hình sự

1.3. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật thi hành án hình sự

- 1.3.1. Khái niệm các nguyên tắc cơ bản
- 1.3.2. Các nguyên tắc cụ thể

CHƯƠNG 2. HỆ THỐNG CÁC CƠ QUAN THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

2.1. Hệ thống các cơ quan thi hành án hình sự

2.2. Nhiệm vụ của các cơ quan thi hành án hình sự

2.3. Kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan thi hành án hình sự

- 2.3.1. Kiểm tra, giám sát của cơ quan dân cử
- 2.3.2. Kiểm tra, giám sát của Tòa án
- 2.3.3. Kiểm tra, giám sát của Viện kiểm sát
- 2.3.4. Kiểm tra, giám sát của các tổ chức xã hội và công dân

CHƯƠNG 3. THI HÀNH CÁC LOẠI HÌNH PHẠT

3.1. Thi hành hình phạt tù

- 3.1.1 Bản chất, nội dung của hình phạt tù
- 3.1.2. Thi hành hình phạt tù

3.2. Thi hành hình phạt tử hình

- 3.2.1 Bản chất, nội dung của hình phạt tử hình
- 3.2.2. Thi hành hình phạt tử hình

3.3. Thi hành án treo, án phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ

- 3.3.1 Bản chất, nội dung án treo, án phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ

3.3.2 Thi hành án treo, án phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ

3.4. Thi hành hình phạt cấm cư trú, quản chế, trục xuất

3.4.1 Bản chất, nội dung của hình phạt cấm cư trú, quản chế, trục xuất

3.4.2 Thi hành hình phạt cấm cư trú, quản chế, trục xuất

3.5. Thi hành hình phạt tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định

3.5.1. Bản chất, nội dung của hình phạt tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định

3.5.2. Thi hành hình phạt tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

CHƯƠNG 4. THI HÀNH BIỆN PHÁP TƯ PHÁP HÌNH SỰ

4.1. Thi hành biện pháp tư pháp hình sự

4.1.1. Bản chất, nội dung của biện pháp tư pháp

4.1.2. Quy định chung về thi hành biện pháp tư pháp

4.1.3. Thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh

4.1.4 Thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên

4.1.5. Thi hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người chưa thành niên

4.2. Vấn đề tái hòa nhập cộng đồng

4.2.1 Đặc trưng pháp lý của tái hòa nhập cộng đồng

4.2.2. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tái hòa nhập cộng đồng của những người đã chấp hành xong hình phạt tù

CHƯƠNG 5. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

5.1. Những vấn đề lý luận cơ bản về thi hành án dân sự

5.1.1. Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật thi hành án dân sự Việt Nam.

5.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật thi hành án dân sự Việt Nam

5.1.3. Thời hiệu yêu cầu thi hành án và thẩm quyền thi hành án dân sự

5.2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân trong thi hành án dân sự

5.2.1. Cơ quan thi hành án dân sự

5.2.2. Chấp hành viên và thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự

5.2.3 Đương sự và người đại diện của đương sự trong thi hành án dân sự

5.2.4. Cơ quan, tổ chức khác trong thi hành án dân sự

CHƯƠNG 6. THỦ TỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

6.1. Cấp, chuyển giao và giải thích bản án, quyết định dân sự của tòa án

6.1.1. Cấp và chuyển giao bản án, quyết định dân sự của tòa án

6.1.2. Giải thích bản án, quyết định dân sự của tòa án

6.2. Yêu cầu thi hành án và nhận đơn yêu cầu thi hành án dân sự

6.2.1. Yêu cầu thi hành án dân sự

6.2.2. Nhận đơn yêu cầu thi hành án dân sự

6.3. Ra quyết định thi hành án, chuyển giao quyền và nghĩa vụ thi hành án và ủy thác thi hành án dân sự

6.4. Thông báo và xác minh thi hành án dân sự

CHƯƠNG 7. CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM VÀ BIỆN PHÁP CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

7.1. Biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự

7.1.1. Khái niệm và ý nghĩa biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự

7.1.2. Các biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự

7.2. Biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

7.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

7.2.2. Các nguyên tắc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

7.2.3. Các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

CHƯƠNG 8. KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KHÁNG NGHỊ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

8.1. Khiếu nại về thi hành án dân sự

8.1.1. Khái niệm, ý nghĩa của khiếu nại về thi hành án dân sự

8.1.2. Đối tượng và thời hiệu của khiếu nại về thi hành án dân sự

8.1.3. Giải quyết khiếu nại về thi hành án dân sự

8.2. Tố cáo về thi hành án dân sự

8.3. Kháng nghị về thi hành án dân sự

8.4. Xử lý vi phạm về thi hành án dân sự

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] *Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa 2014, Luật thi hành án hình sự năm 2016*

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật thi hành án dân sự Việt Nam*, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội.

[3] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật thi hành án hình sự Việt Nam*, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Bộ luật tố tụng hình sự 2015

[5] Bộ luật tố tụng dân sự 2015

[6] Học viện tư pháp, *Giáo trình kỹ năng thi hành án dân sự*, NXB. Thống kê, Hà Nội, 2005.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM, NHIỆM VỤ VÀ CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ</p> <p>1.1. Khái niệm, nhiệm vụ của pháp luật thi hành án hình sự</p> <p>1.1.1 Khái niệm pháp luật thi hành án hình sự</p> <p>1.1.2. Nhiệm vụ của pháp luật thi hành án hình sự</p> <p>1.2. Nguồn của pháp luật thi hành án hình sự</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, ghi bài	G1, G2
2	<p>1.3. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật thi hành án hình sự</p> <p>1.3.1. Khái niệm các nguyên tắc cơ bản</p> <p>1.3.2. Các nguyên tắc cụ thể</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, ghi bài	G1, G2
3	<p>CHƯƠNG 2. HỆ THỐNG CÁC CƠ QUAN THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ</p> <p>2.1. Hệ thống các cơ quan thi hành án hình sự</p> <p>2.2. Nhiệm vụ của các cơ quan thi hành án hình sự</p> <p>2.3. Kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan thi hành án hình sự</p> <p>2.3.1. Kiểm tra, giám sát của cơ quan dân cử</p> <p>2.3.2. Kiểm tra, giám sát của Tòa án</p> <p>2.3.3. Kiểm tra, giám sát của Viện kiểm sát</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận	SV chia nhóm, thỏa luận nội dung Kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan thi hành án hình sự	G3, G4

	2.3.4. Kiểm tra, giám sát của các tổ chức xã hội và công dân			
4	<p>CHƯƠNG 3. THI HÀNH CÁC LOẠI HÌNH PHẠT</p> <p>3.1. Thi hành hình phạt tù 3.1.1 Bản chất, nội dung của hình phạt tù 3.1.2. Thi hành hình phạt tù</p> <p>3.2. Thi hành hình phạt tử hình 3.2.1 Bản chất, nội dung của hình phạt tử hình 3.2.2. Thi hành hình phạt tử hình</p> <p>3.3. Thi hành án treo, án phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ 3.3.1 Bản chất, nội dung án treo, án phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ 3.3.2 Thi hành án treo, án phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ</p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận	SV thảo luận về bản chất, nội dung của hình phạt tử hình	G5, G6, G7
5	<p>3.4. Thi hành hình phạt cấm cư trú, quản chế, trục xuất 3.4.1 Bản chất, nội dung của hình phạt cấm cư trú, quản chế, trục xuất 3.4.2 Thi hành hình phạt cấm cư trú, quản chế, trục xuất</p> <p>3.5. Thi hành hình phạt tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định</p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận	SV chia nhóm, thảo luận về thi hành án treo và cải tạo không giam giữ	G8, G9
6	<p>CHƯƠNG 4. THI HÀNH BIỆN PHÁP TƯ PHÁP HÌNH SỰ</p> <p>4.1. Thi hành biện pháp tư pháp hình sự 4.1.1. Bản chất, nội dung của biện pháp tư pháp 4.1.2. Quy định chung về thi hành biện pháp tư pháp 4.1.3. Thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh</p>	2 tiết lý thuyết	SV nghe giảng, ghi bài	G10

	<p>4.1.4 Thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên</p> <p>4.1.5 Thi hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người chưa thành niên</p>			
7	<p>4.2. Vấn đề tái hòa nhập cộng đồng</p> <p>4.2.1 Đặc trưng pháp lý của tái hòa nhập cộng đồng</p> <p>4.2.2. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tái hòa nhập cộng đồng của những người đó chấp hành xong hình phạt tù</p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận	SV chia nhóm, thảo luận về các biện pháp tái hòa nhập cộng đồng	G11
8	<p>CHƯƠNG 5. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ</p> <p>5.1. Những vấn đề lý luận cơ bản về thi hành án dân sự</p> <p>5.1.1. Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật thi hành án dân sự Việt Nam.</p> <p>5.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật thi hành án dân sự Việt Nam</p> <p>5.1.3. <u>Thời hiệu yêu cầu thi hành án và thẩm quyền thi hành án dân sự</u></p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	SV làm bài tập trắc nghiệm, so sánh đối tượng điều chỉnh của thi hành án dân sự và thi hành án hình sự	G12
9	<p>5.2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân trong thi hành án dân sự</p> <p>5.2.1. Cơ quan thi hành án dân sự</p> <p>5.2.2. Chấp hành viên và thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự</p> <p>5.2.3 Đương sự và người đại diện của đương sự trong thi hành án dân sự</p> <p>5.2.4. Cơ quan, tổ chức khác trong thi hành án dân sự</p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận	SV chia nhóm, thảo luận về các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thi hành án dân sự	G13
10	<p>CHƯƠNG 6. THỦ TỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ</p>	1 tiết lý thuyết + 1	SV chia nhóm, thảo luận về những	G14

	<p>6.1. Cấp, chuyển giao và giải thích bản án, quyết định dân sự của tòa án 6.1.1. Cấp và chuyển giao bản án, quyết định dân sự của tòa án 6.1.2. Giải thích bản án, quyết định dân sự của tòa án</p> <p>6.2. Yêu cầu thi hành án và nhận đơn yêu cầu thi hành án dân sự 6.2.1. Yêu cầu thi hành án dân sự 6.2.2. Nhận đơn yêu cầu thi hành án dân sự</p>	tiết luận	thỏa	vấn đề tồn tại trong thủ tục thi hành án dân sự	
11	<p>6.3. Ra quyết định thi hành án, chuyển giao quyền và nghĩa vụ thi hành án và ủy thác thi hành án dân sự 6.4. Thông báo và xác minh thi hành án dân sự</p>	2 tiết thuyết	lý	SV nghe giảng, ghi bài	G14
12	<p>CHƯƠNG 7. CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM VÀ BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ 7.1. Biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự 7.1.1. Khái niệm và ý nghĩa biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự 7.1.2. Các biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự</p>	1 tiết thuyết + 1 tiết thảo luận	lý	SV chia nhóm, thảo luận về các biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự	G15
13	<p>7.2. Biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự 7.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự 7.2.2. Các nguyên tắc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự 7.2.3. Các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự</p>	1 tiết thuyết + 1 tiết thảo luận	lý	SV chia nhóm, thảo luận về thực tiễn thực hiện các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự	G16
14	<p>CHƯƠNG 8. KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KHÁNG NGHỊ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ</p>	2 tiết thuyết	lý	SV nghe giảng, ghi bài	G17

	8.1. Khiếu nại về thi hành án dân sự 8.1.1. Khái niệm, ý nghĩa của khiếu nại về thi hành án dân sự 8.1.2. Đối tượng và thời hiệu của khiếu nại về thi hành án dân sự 8.1.3. Giải quyết khiếu nại về thi hành án dân sự			
15	8.2. Tố cáo về thi hành án dân sự 8.3. Kháng nghị về thi hành án dân sự 8.4. Xử lý vi phạm về thi hành án dân sự	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận	SV chia nhóm, thảo luận về thực trạng giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án dân sự	G17

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

Sinh viên phải học môn Luật tố tụng dân sự ; Luật tố tụng hình sự.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

KỸ NĂNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng tư vấn pháp luật (tiếng Anh): Legal consulting skills	
- Mã số học phần: 843106	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	0
- Học phần học trước:	Luật Tố tụng dân sự (843309); Luật Tố tụng hình sự (843034)
- Học phần song hành:	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản của hoạt động tư vấn pháp luật, các yêu cầu của hoạt động tư vấn, các bước tiến hành tư vấn pháp luật trong hoạt động tư vấn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong các vụ án dân sự và một số vụ án khác. Học phần gồm các chương sau:

Chương 1: Tư vấn pháp luật

Chương 2: Các bước tiến hành tư vấn pháp luật

Chương 3: Tư vấn pháp luật dân sự và giải quyết tranh chấp về dân sự

Chương 4: Tư vấn pháp luật trong vụ án về hôn nhân và gia đình

Chương 5: Tư vấn pháp luật trong vụ án kinh doanh thương mại

Chương 6: Nội dung cơ bản tư vấn pháp luật lao động

Chương 7: Nội dung cơ bản tư vấn pháp luật hình sự, hành chính

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Người học có được các kiến thức cơ bản trong hoạt động tư vấn, đặc biệt là tư vấn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân và các việc dân sự khi khách hàng có yêu cầu tư vấn. Trang bị cho sinh viên các thao tác trong hoạt động tư vấn và cách đưa ra lời khuyên giúp khách hàng lựa chọn các phương thức tối ưu trong giải quyết tranh chấp.

Về kỹ năng: Học phần sử dụng các tình huống có tính chất liên kết lý thuyết nhằm nâng cao tính thực tiễn của môn học - kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề; kỹ năng trình bày và làm việc nhóm, giúp sinh viên phát huy tính sáng tạo trong học tập và nghiên cứu pháp luật.

Về thái độ: Người học có được phương pháp cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật về giải quyết tranh chấp. Từ đó, có thể ứng dụng trong các môn học chuyên ngành tiếp theo và làm có thể làm được công tác trợ giúp pháp lý ngay khi sinh viên đang học 2 năm cuối tại trường.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm tư vấn pháp luật Trình bày được các yêu cầu của hoạt động tư vấn pháp luật	2
G2	Phân biệt được tư vấn pháp luật với các hoạt động khác	4
G3	Xác định được các bước và các công việc phải làm trong quy trình tư vấn pháp luật	2
G4	Nhận biết vụ việc dân sự và khái niệm tư vấn pháp luật dân sự. Xác định được các bước và các công việc phải làm trong quy trình tư vấn pháp luật	3
G5	Thực hành được tình huống pháp luật: Tư vấn cho khách hàng lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp	5
G6	Nhận biết vụ việc HNGĐ và các nội dung tư vấn về HNGĐ	3
G7	Thực hành tình huống pháp luật: về yêu cầu ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn	5
G8	Nhận biết vụ việc kinh doanh thương mại Nhận biết và trình bày được các nội dung về tư vấn pháp luật trong hợp đồng mua bán 387ang hoá	2

G9	Nhận biết và trình bày được các nội dung tư vấn pháp luật trong lao động	3
G10	Thực hành được các công việc phải làm trong tình huống pháp luật	5
G12	Trình bày được nội dung cơ bản tư vấn pháp luật hình sự, hành chính	3
G13	Chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn từ người hành nghề	4

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: TƯ VẤN PHÁP LUẬT

1.1. Hoạt động tư vấn pháp luật

- 1.1.1. Khái niệm tư vấn pháp luật
- 1.1.2. Phân biệt tư vấn pháp luật với các hoạt động khác

1.2. Các yêu cầu của hoạt động tư vấn pháp luật

- 1.2.1. Yêu cầu về mặt luật pháp
- 1.2.2. Quy tắc ứng xử nghề nghiệp trong tư vấn pháp luật

Chương 2: CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH TƯ VẤN PHÁP LUẬT

2.1. Các bước thực hành tư vấn pháp luật

- 2.1.1. Tiếp khách hàng, nhận yêu cầu tư vấn
- 2.1.2. Đề xuất giải pháp, trả lời khách hàng

2.2. Ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý

- 2.2.1. Nhận yêu cầu tư vấn
- 2.2.2. Soạn thảo hợp đồng dịch vụ pháp lý

Chương 3: TƯ VẤN PHÁP LUẬT DÂN SỰ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP DÂN SỰ

3.1. Tư vấn giải quyết vụ án dân sự

- 3.1.1. Khái niệm vụ án dân sự
- 3.1.2. Khái niệm tư vấn giải quyết vụ án dân sự

3.2. Cách giao tiếp với khách hàng

- 3.2.1. Lắng nghe và ghi chép thông tin cần thiết
- 3.2.2. Cách đặt câu hỏi để tiếp nhận thông tin
- 3.2.3. Xử lý thông tin từ khách hàng

3.3. Thực hành tình huống pháp luật: Tư vấn cho khách hàng lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp

Chương 4: TƯ VẤN PHÁP LUẬT TRONG VỤ ÁN VỀ HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

4.1. Các qui định của pháp luật về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

- 4.1.1. Tư vấn về căn cứ cho ly hôn

4.1.2. Tư vấn về quan hệ tài sản và chia tài sản chung vợ chồng

4.1.3. Tư vấn về nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con

4.2. Thực hành tình huống về yêu cầu ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

Chương 5: TƯ VẤN PHÁP LUẬT TRONG VỤ ÁN

KINH DOANH THƯƠNG MẠI

5.1. Tư vấn pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa

5.2. Tư vấn pháp luật và bảo vệ quyền lợi cho đương sự trong vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

5.2.1. Tư vấn giúp khách hàng thu thập, nghiên cứu và đánh giá chứng cứ

5.2.2. Sử dụng chứng cứ khi bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho khách hàng

5.3. Thực hành tình huống pháp luật

Chương 6: NỘI DUNG CƠ BẢN TƯ VẤN PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

6.1. Tư vấn pháp luật về hợp đồng đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

6.2. Tư vấn cho khách hàng trong vụ án tranh chấp hợp đồng đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

6.2.1. Tư vấn giúp khách hàng thu thập, nghiên cứu và đánh giá chứng cứ

6.2.2. Cách viết bài bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho khách hàng

6.3. Thực hành tình huống pháp luật

Chương 7: NỘI DUNG CƠ BẢN TƯ VẤN PHÁP LUẬT

HÀNH CHÍNH HÌNH SỰ

7.1. Tư vấn pháp luật hình sự

7.2. Tư vấn pháp luật hành chính

7.3. Đối thoại, chia sẻ kinh nghiệm với luật sư khách mời

7.4. Thảo luận, ôn tập giải đáp thắc mắc

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Học viện Tư pháp, *Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật*, NXB. Công an Nhân dân;

[2] Bộ luật Tố tụng dân sự hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3] Luật sư Nguyễn Ngọc Bích, *Tư Duy Pháp Lý Của Luật Sư*, NXB. Trẻ, TP Hồ Chí Minh

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
-------------------------------	-----------------	--	--------------------------------------	----------------------------

1	<p>Chương 1: Tư vấn pháp luật</p> <p>1.1. Hoạt động tư vấn pháp luật</p> <p>1.1.1. Khái niệm tư vấn pháp luật</p> <p>1.1.2. Phân biệt tư vấn pháp luật với các hoạt động khác</p> <p>1.2. Các yêu cầu của hoạt động tư vấn pháp luật</p> <p>1.2.1. Yêu cầu về mặt luật pháp</p> <p>1.2.2. Quy tắc ứng xử nghề nghiệp trong tư vấn pháp luật</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G1; G2
2	<p>Chương 2: Các bước tiến hành tư vấn pháp luật</p> <p>2.1. Các bước thực hành tư vấn pháp luật</p> <p>2.1.1. Tiếp khách hàng, nhận yêu cầu tư vấn</p> <p>2.1.2. Đề xuất giải pháp, trả lời khách hàng</p> <p>2.2. Ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý</p> <p>2.2.1. Nhận yêu cầu tư vấn</p> <p>2.2.2. Soạn thảo hợp đồng dịch vụ pháp lý</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G3
3	<p>Chương 3: Tư vấn pháp luật dân sự và giải quyết tranh chấp về dân sự</p> <p>3.1. Tư vấn giải quyết vụ án dân sự</p> <p>3.1.1. Khái niệm vụ án dân sự</p> <p>3.1.2. Khái niệm tư vấn giải quyết vụ án dân sự</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G3 G4
4	<p>3.2. Cách giao tiếp với khách hàng</p> <p>3.2.1. Lắng nghe và ghi chép thông tin cần thiết</p> <p>3.2.2. Cách đặt câu hỏi để tiếp nhận thông tin</p> <p>3.2.3. Xử lý thông tin từ khách hàng</p>	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G3; G4
5	<p>3.3 Thực hành tình huống pháp luật:</p> <p>Tư vấn cho khách hàng lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp</p>	2 tiết bài tập	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm	G5

			Thuyết trình, trả lời câu hỏi	
6	<p>Chương 4: Tư vấn pháp luật trong vụ án về hôn nhân và gia đình</p> <p>4.1. Các qui định của pháp luật về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn</p> <p>4.1.1. Tư vấn về căn cứ cho ly hôn</p> <p>4.1.2. Tư vấn về quan hệ tài sản và chia tài sản chung vợ chồng</p> <p>4.1.3. Tư vấn về nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con</p>	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G6; G7
7	<p>4.2. Thực hành tình huống về yêu cầu ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn</p>	2 tiết bài tập	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G8
8	<p>Chương 5: Tư vấn pháp luật trong vụ án kinh doanh thương mại</p> <p>5.1. Tư vấn pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa</p> <p>5.2. Tư vấn pháp luật và bảo vệ quyền lợi cho đương sự trong vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa</p> <p>5.2.1. Tư vấn giúp khách hàng thu thập, nghiên cứu và đánh giá chứng cứ</p> <p>5.2.2. Sử dụng chứng cứ khi bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho khách hàng</p>	2 tiết Lý thuyết	- Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G8
9	<p>5.3. Thực hành tình huống pháp luật</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G9
10	<p>Chương 6: Nội dung cơ bản tư vấn pháp luật lao động</p>	2 tiết Bài tập	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm	G10

	<p>6.1. Tư vấn pháp luật về hợp đồng đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động</p> <p>6.2. Tư vấn cho khách hàng trong vụ án tranh chấp hợp đồng đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động</p> <p>6.2.1. Tư vấn giúp khách hàng thu thập, nghiên cứu và đánh giá chứng cứ</p> <p>6.2.2. Cách viết bài bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho khách hàng</p>		Thuyết trình, trả lời câu hỏi	
11	6.3. Thực hành tình huống pháp luật	2 tiết Bài tập	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G11
12	<p>Chương 7: Nội dung cơ bản tư vấn pháp luật hình sự, hành chính</p> <p>7.1. Tư vấn pháp luật hình sự</p>	2 tiết Lý thuyết	- Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G12
13	7.2. Tư vấn pháp luật hành chính	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G12
14	7.3. Đối thoại, chia sẻ kinh nghiệm với luật sư khách mời	2 tiết thực hành	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G13
15	7.4. Thảo luận, ôn tập giải đáp thắc mắc	2 tiết thảo luận	- Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G13

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học các môn luật nội dung và luật tố tụng
- Làm bài tập nhóm

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.
- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ (tiếng Anh): LAW ON INTELLECTUAL PROPERTY	
- Mã số học phần: 844052	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật dân sự, Luật thương mại
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, Luật sở hữu trí tuệ bảo vệ các quyền tài sản và nhân thân của các cá nhân, tổ chức liên quan đến tài sản trí tuệ - loại tài sản đặc biệt phát sinh từ hoạt động sáng tạo trong các lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, khoa học, sản xuất, kinh doanh.

Học phần gồm 9 chương: 1 chương giới thiệu khái quát về quyền sở hữu trí tuệ, 6 chương tiếp theo bao gồm những chế định liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ về quyền tác giả; quyền liên quan; sở hữu công nghiệp; giống cây trồng; chương cuối cùng giới thiệu các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định luật sở hữu trí tuệ.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Hiểu và nhớ được khái quát về quyền sở hữu trí tuệ, các khái niệm, đặc điểm, các bộ phận cấu thành của quyền sở hữu trí tuệ, hệ thống pháp luật sở hữu trí

tuệ trên thế giới và Việt Nam, vai trò của sở hữu trí tuệ đối với sự phát triển kinh tế, xã hội hiện nay.

Biết được các yếu tố của quan hệ pháp luật về sở hữu trí tuệ đối với quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp và giống cây trồng về chủ thể, đối tượng bảo hộ, điều kiện bảo hộ, nội dung bảo hộ, cơ chế xác lập quyền, giới hạn quyền, thời hạn bảo hộ và chuyển giao quyền.

Phân tích được được những tình huống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và vận dụng được các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Về kĩ năng: Phát triển kĩ năng phân tích, đánh giá, so sánh các quy định của luật sở hữu trí tuệ với các tình huống xảy ra trong thực tiễn; hình thành kĩ năng thu thập, xử lí thông tin về sở hữu trí tuệ; phát triển khả năng vận dụng pháp luật sở hữu trí tuệ để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế.

Về thái độ: Hình thành ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Có ý thức tuyên truyền pháp luật sở hữu trí tuệ trong cộng đồng để góp phần nâng cao nhận thức của công chúng trong việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	<i>Trình bày được</i> khái niệm và đặc điểm về tài sản trí tuệ, quyền sở hữu trí tuệ	2
G2	<i>Hiểu được</i> các điều kiện bảo hộ của các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng	5
G3	<i>Áp dụng được</i> các quy định của pháp luật để giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ	2
G4	<i>Phân tích được</i> các quy định của pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả	3
G5	<i>Đánh giá được</i> các quy định của pháp luật về đăng ký quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp	4
G6	Nắm bắt được các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	2

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

1.1. Khái niệm và đặc điểm của quyền sở hữu trí tuệ

- 1.1.1. Khái niệm quyền sở hữu trí tuệ
- 1.1.2. Đặc điểm của quyền sở hữu trí tuệ

1.2. Các bộ phận cấu thành của quyền sở hữu trí tuệ

- 1.2.1. Quyền tác giả và quyền liên quan
- 1.2.2. Quyền sở hữu công nghiệp
- 1.2.3. Quyền đối với giống cây trồng

1.3. Hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ trên thế giới và ở Việt Nam

- 1.3.1. Hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ trên thế giới
- 1.3.2. Hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam

1.4. Vai trò của quyền sở hữu trí tuệ đối với sự phát triển kinh tế, xã hội

CHƯƠNG 2: QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN - ĐỐI TƯỢNG, CHỦ THỂ VÀ NỘI DUNG QUYỀN

2.1. Quyền tác giả

- 2.1.1. Khái niệm chung về Quyền tác giả
- 2.1.2. Đối tượng của quyền tác giả
- 2.1.3. Chủ thể của quyền tác giả
- 2.1.4. Nội dung quyền tác giả
- 2.1.5. Xác lập quyền tác giả
- 2.1.6. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả
- 2.1.7. Giới hạn quyền tác giả
- 2.1.8. Các hành vi xâm phạm quyền tác giả

2.2. Quyền liên quan

- 2.2.1. Khái niệm chung về quyền liên quan
- 2.2.2. Đối tượng của quyền liên quan
- 2.2.3. Chủ thể của quyền liên quan
- 2.2.4. Nội dung quyền liên quan
- 2.2.5. Xác lập quyền liên quan
- 2.2.6. Giới hạn quyền liên quan
- 2.2.7. Thời hạn bảo hộ quyền liên quan
- 2.2.8. Các hành vi xâm phạm quyền liên quan

CHƯƠNG 3: CHUYỂN GIAO QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN; CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN

3.1. Chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan

- 3.1.1. Chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan
- 3.1.2. Chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan

3.2. Chứng nhận đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan

- 3.2.1. Ý nghĩa của Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan

3.2.2. Trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan

CHƯƠNG 4: QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP - ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ

4.1. Sáng chế, giải pháp hữu ích

- 4.1.1. Khái niệm sáng chế, giải pháp hữu ích
- 4.1.2. Điều kiện bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích
- 4.1.3. Những trường hợp không bảo hộ sáng chế

4.2. Kiểu dáng công nghiệp

- 4.2.1. Khái niệm kiểu dáng công nghiệp
- 4.2.2. Điều kiện bảo hộ kiểu dáng công nghiệp
- 4.2.3. Những trường hợp không bảo hộ kiểu dáng công nghiệp

4.3. Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn

- 4.3.1. Khái niệm thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn
- 4.3.2. Điều kiện bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn
- 4.3.3. Những trường hợp không bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn

4.4. Nhãn hiệu

- 4.4.1. Khái niệm nhãn hiệu
- 4.4.2. Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu
- 4.4.3. Những đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu
- 4.4.4. Phân loại nhãn hiệu

4.5. Tên thương mại

- 4.5.1. Khái niệm tên thương mại
- 4.5.2. Điều kiện bảo hộ tên thương mại
- 4.5.3. Những đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa tên thương mại

4.6. Chỉ dẫn địa lý

- 4.6.1. Khái niệm chỉ dẫn địa lý
- 4.6.2. Điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lý
- 4.6.3. Những đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa chỉ dẫn địa lý

CHƯƠNG 5: XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

5.1. Xác lập quyền Sở hữu công nghiệp trên cơ sở đăng kí và được cấp văn bằng bảo hộ

- 5.1.1. Quyền đăng kí đối tượng Sở hữu công nghiệp
- 5.1.2. Nguyên tắc đăng kí
- 5.1.3. Trình tự, thủ tục đăng kí quyền Sở hữu công nghiệp
- 5.1.4. Văn bằng bảo hộ quyền Sở hữu công nghiệp

5.2. Xác lập quyền Sở hữu công nghiệp trên cơ sở thực tiễn sử dụng

5.3. Thời hạn bảo hộ đối tượng Sở hữu công nghiệp

CHƯƠNG 6:

CHỦ THỂ, NỘI DUNG, GIỚI HẠN QUYỀN, CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP, XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

6.1. Chủ thể của quyền sở hữu công nghiệp

6.1.1. Tác giả của các đối tượng sở hữu công nghiệp

6.1.2. Chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp

6.2. Nội dung quyền sở hữu công nghiệp

6.2.1. Quyền nhân thân và quyền tài sản của tác giả đối tượng sở hữu công nghiệp

6.2.2. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp

6.2.3. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng trước các đối tượng sở hữu công nghiệp

6.3. Các trường hợp giới hạn quyền sở hữu công nghiệp

6.4. Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp

6.4.1. Hợp đồng chuyển quyền sử dụng

6.4.2. Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu

6.5. Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

6.5.1. Hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp

6.5.2. Hành vi xâm phạm quyền đối với bí mật kinh doanh

6.5.3. Hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý

6.5.4. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh

CHƯƠNG 7: QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

7.1. Điều kiện và nguyên tắc bảo hộ giống cây trồng

7.1.1. Điều kiện bảo hộ giống cây trồng

7.1.2. Nguyên tắc bảo hộ giống cây trồng

7.2. Xác lập quyền đối với giống cây trồng

7.2.1. Quyền đăng ký đối tượng và nguyên tắc đăng ký

7.2.2. Trình tự, thủ tục đăng kí quyền đối với giống cây trồng

7.2.3. Văn bằng bảo hộ giống cây trồng

7.3. Chủ thể, nội dung, giới hạn quyền đối với giống cây trồng

7.3.1. Chủ thể quyền đối với giống cây trồng

7.3.2. Nội dung quyền đối với giống cây trồng giống cây trồng giống cây trồng

7.3.3. Giới hạn quyền đối với giống cây trồng

7.4. Chuyển giao quyền đối với giống cây trồng giống cây trồng

7.4.1. Chuyển giao quyền sử dụng đối với giống cây trồng

7.4.2. Chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng

7.5. Hành vi xâm phạm quyền đối với giống cây trồng

CHƯƠNG 8: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

8.1 Trách nhiệm quản lý chung về Sở hữu trí tuệ

8.2. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực QTG và QLQ

8.3. Trách nhiệm đối với QLNN về quyền SHCN

8.4. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực Giống cây trồng

CHƯƠNG 9: BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

9.1. Khái niệm và đặc điểm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

9.1.1. Khái niệm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

9.1.2. Đặc điểm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

9.2. Các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

9.2.1. Biện pháp tự bảo vệ

9.2.2. Biện pháp dân sự

9.2.3. Biện pháp hành chính

9.2.4. Biện pháp hình sự

9.2.5. Biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam*, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam*, Tập I và II, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội.

[3] TS. Lê Nét, *Quyền Sở hữu trí tuệ* (2005), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Phạm Văn Tuyết và Lê Kim Giang (2008), *Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ*, NXB. Tư pháp, Hà Nội.

[5] Kamil Idris (2005), *Sở hữu trí tuệ - một công cụ đắc lực để phát triển kinh tế*, Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO)

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/	Nội dung	Hình thức	Yêu cầu đối	CDR
-------	----------	-----------	-------------	-----

Buổi học		tổ chức dạy học	với sinh viên	môn học
1	<p>CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ</p> <p>1.1. Khái niệm và đặc điểm của quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>1.1.1. Khái niệm quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>1.1.2. Đặc điểm của quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>1.2. Các bộ phận cấu thành của quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>1.2.1. Quyền tác giả và quyền liên quan</p> <p>1.2.2. Quyền sở hữu công nghiệp</p> <p>1.2.3. Quyền đối với giống cây trồng</p>	2 tiết Lý thuyết	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống thực tế 	G1; G2
2	<p>1.3. Hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ trên thế giới và ở Việt Nam</p> <p>1.3.1. Hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ trên thế giới</p> <p>1.3.2. Hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam</p> <p>1.4. Vai trò của quyền sở hữu trí tuệ đối với sự phát triển kinh tế, xã hội</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống thực tế 	G3; G3
3	<p>CHƯƠNG 2: QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN - ĐỐI TƯỢNG, CHỦ THỂ VÀ NỘI DUNG QUYỀN</p> <p>2.1. Quyền tác giả</p> <p>2.1.1. Khái niệm chung về Quyền tác giả</p> <p>2.1.2. Đối tượng của quyền tác giả</p> <p>2.1.3. Chủ thể của quyền tác giả</p> <p>2.1.4. Nội dung quyền tác giả</p> <p>2.1.5. Xác lập quyền tác giả</p> <p>2.1.6. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả</p> <p>2.1.7. Giới hạn quyền tác giả</p> <p>2.1.8. Các hành vi xâm phạm quyền tác giả</p>	2 tiết Lý thuyết	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống thực tế 	G1; G3
4	<p>2.2. Quyền liên quan</p> <p>2.2.1. Khái niệm chung về quyền liên quan</p> <p>2.2.2. Đối tượng của quyền liên quan</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật 	G3; G4

	<p>2.2.3. Chủ thể của quyền liên quan</p> <p>2.2.4. Nội dung quyền liên quan</p> <p>2.2.5. Xác lập quyền liên quan</p> <p>2.2.6. Giới hạn quyền liên quan</p> <p>2.2.7. Thời hạn bảo hộ quyền liên quan</p> <p>2.2.8. Các hành vi xâm phạm quyền liên quan</p>		<p>- Giải quyết tình huống thực tế</p>	
5	<p>CHƯƠNG 3: CHUYỂN GIAO QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN; CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN</p> <p>3.1. Chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan</p> <p>3.1.1. Chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan</p> <p>3.1.2. Chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan</p> <p>3.2. Chứng nhận đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan</p> <p>3.2.1. Ý nghĩa của Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan</p> <p>3.2.2. Trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan</p>	<p>1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập</p>	<p>- Đọc tài liệu</p> <p>- Đọc văn bản pháp luật</p> <p>- Giải quyết tình huống thực tế</p>	<p>G1; G3; G5</p>
6	<p>CHƯƠNG 4: QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP - ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ</p> <p>4.1. Sáng chế, giải pháp hữu ích</p> <p>4.1.1. Khái niệm sáng chế, giải pháp hữu ích</p> <p>4.1.2. Điều kiện bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích</p> <p>4.1.3 Những trường hợp không bảo hộ sáng chế</p> <p>4.2. Kiểu dáng công nghiệp</p> <p>4.2.1. Khái niệm kiểu dáng công nghiệp</p>	<p>2 tiết Lý thuyết</p>	<p>- Đọc tài liệu</p> <p>- Đọc văn bản pháp luật</p> <p>- Giải quyết tình huống thực tế</p>	<p>G3; G4</p>

	<p>4.2.2. Điều kiện bảo hộ kiểu dáng công nghiệp</p> <p>4.2.3. Những trường hợp không bảo hộ kiểu dáng công nghiệp</p> <p>4.3. Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn</p> <p>4.3.1. Khái niệm thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn</p> <p>4.3.2. Điều kiện bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn</p> <p>4.3.3. Những trường hợp không bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn</p>			
7	<p>4.4. Nhãn hiệu</p> <p>4.4.1. Khái niệm nhãn hiệu</p> <p>4.4.2. Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu</p> <p>4.4.3. Những đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu</p> <p>4.4.4. Phân loại nhãn hiệu</p> <p>4.5. Tên thương mại</p> <p>4.5.1. Khái niệm tên thương mại</p> <p>4.5.2. Điều kiện bảo hộ tên thương mại</p> <p>4.5.3. Những đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa tên thương mại</p> <p>4.6. Chỉ dẫn địa lý</p> <p>4.6.1. Khái niệm chỉ dẫn địa lý</p> <p>4.6.2. Điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lý</p> <p>4.6.3. Những đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa chỉ dẫn địa lý</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống thực tế 	G4; G5
8	<p>CHƯƠNG 5: XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</p> <p>5.1. Xác lập quyền Sở hữu công nghiệp trên cơ sở đăng kí và được cấp văn bằng bảo hộ</p> <p>5.1.1. Quyền đăng kí đối tượng Sở hữu công nghiệp</p> <p>5.1.2. Nguyên tắc đăng kí</p> <p>5.1.3. Trình tự, thủ tục đăng kí quyền Sở hữu công nghiệp</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống thực tế 	G3 G6;

	<p>5.1.4. Văn bằng bảo hộ quyền Sở hữu công nghiệp</p> <p>5.2. Xác lập quyền Sở hữu công nghiệp trên cơ sở thực tiễn sử dụng</p> <p>5.3. Thời hạn bảo hộ đối tượng Sở hữu công nghiệp</p>			
9	<p>CHƯƠNG 6: CHỦ THỂ, NỘI DUNG, GIỚI HẠN QUYỀN, CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP, XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</p> <p>6.1. Chủ thể của quyền sở hữu công nghiệp</p> <p>6.1.1. Tác giả của các đối tượng sở hữu công nghiệp</p> <p>6.1.2. Chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp</p> <p>6.2. Nội dung quyền sở hữu công nghiệp</p> <p>6.2.1. Quyền nhân thân và quyền tài sản của tác giả đối tượng sở hữu công nghiệp</p> <p>6.2.2. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp</p> <p>6.2.3. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng trước các đối tượng sở hữu công nghiệp</p>	2 tiết Lý thuyết	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống thực tế 	G4; G5
10	<p>6.3. Các trường hợp giới hạn quyền sở hữu công nghiệp</p> <p>6.4. Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp</p> <p>6.4.1. Hợp đồng chuyển quyền sử dụng</p> <p>6.4.2. Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống thực tế 	G4; G5
11	<p>6.5. Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp</p> <p>6.5.1. Hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp</p>	2 tiết Lý thuyết	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật 	G5; G6

	<p>6.5.2. Hành vi xâm phạm quyền đối với bí mật kinh doanh</p> <p>6.5.3. Hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lí</p> <p>6.5.4. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh</p>		- Giải quyết tình huống thực tế	
12	<p>CHƯƠNG 7: QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG</p> <p>7.1. Điều kiện và nguyên tắc bảo hộ giống cây trồng</p> <p>7.1.1. Điều kiện bảo hộ giống cây trồng</p> <p>7.1.2. Nguyên tắc bảo hộ giống cây trồng</p> <p>7.2. Xác lập quyền đối với giống cây trồng</p> <p>7.2.1. Quyền đăng ký đối tượng và nguyên tắc đăng ký</p> <p>7.2.2. Trình tự, thủ tục đăng kí quyền đối với giống cây trồng</p> <p>7.2.3. Văn bằng bảo hộ giống cây trồng</p> <p>7.3. Chủ thể, nội dung, giới hạn quyền đối với giống cây trồng</p> <p>7.3.1. Chủ thể quyền đối với giống cây trồng</p> <p>7.3.2. Nội dung quyền đối với giống cây trồng giống cây trồng giống cây trồng</p> <p>7.3.3. Giới hạn quyền đối với giống cây trồng</p> <p>7.4. Chuyển giao quyền đối với giống cây trồng giống cây trồng</p> <p>7.4.1. Chuyển giao quyền sử dụng đối với giống cây trồng</p> <p>7.4.2. Chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng</p> <p>7.5. Hành vi xâm phạm quyền đối với giống cây trồng</p>	2 tiết Lý thuyết	<p>- Đọc tài liệu</p> <p>- Đọc văn bản pháp luật</p> <p>- Giải quyết tình huống thực tế</p>	G5; G6
13	<p>CHƯƠNG 8: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	<p>- Đọc tài liệu</p> <p>- Đọc văn bản pháp luật</p>	G4; G5; G6

	8.1 Trách nhiệm quản lý chung về Sở hữu trí tuệ 8.2. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực QTG và QLQ 8.3. Trách nhiệm đối với QLNN về quyền SHCN 8.4. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực Giống cây trồng		- Giải quyết tình huống thực tế	
14	CHƯƠNG 9: BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ 9.1. Khái niệm và đặc điểm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ 9.1.1. Khái niệm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ 9.1.2. Đặc điểm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ 9.2. Các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ 9.2.1. Biện pháp tự bảo vệ 9.2.2. Biện pháp dân sự	2 tiết Lý thuyết	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống thực tế	G5; G6
15	9.2.3. Biện pháp hành chính 9.2.4. Biện pháp hình sự 9.2.5. Biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống thực tế	G6

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học các môn Luật hành chính, lý luận chung về nhà nước và pháp luật.

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng	Hình thức
---------	-----------------------	-------	-----------

được đánh giá		số	đánh giá
<i>1. Đánh giá quá trình</i>	<i>Điểm quá trình</i>	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
<i>2. Đánh giá cuối kỳ</i>	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.
- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Trương Thị Tường Vi

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Lý luận và pháp luật về quyền con người. (tiếng Anh): Theory and law on human rights	
- Mã số học phần: 843302	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật (843069)
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần:

Lý luận và pháp luật về quyền con người là môn học trong chương đào tạo cử nhân Luật trong giai đoạn hiện nay của các cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đáp ứng yêu cầu cơ bản của Sinh viên trong việc nắm bắt được kiến thức pháp luật Quốc tế và pháp luật của nước ta về quyền con người. Từ đó tạo cho Sinh viên có nhận thức lý luận sâu hơn để áp dụng trong thực tiễn bảo vệ quyền con người bằng các chế định pháp luật của Quốc tế và của Việt Nam. Ngoài ra môn học còn trang bị cho người học kiến thức chung trong lý luận quyền con người dưới góc độ xã hội học, tâm lý học và đạo đức học trước khi nghiên cứu pháp luật về quyền con người trong tổng thể mối quan hệ mật thiết giữa quyền con người trong luật pháp quốc tế và quyền con người trong luật pháp mỗi quốc gia.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Sinh viên nhận thức những kiến thức lý luận chung về quyền con người trong pháp luật quốc tế và pháp luật của Việt Nam, cụ thể như quyền về Quyền Dân sự, Quyền chính trị, Kinh tế, Văn hóa và xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên còn nắm vững lịch sử phát triển, quan điểm chính sách cơ bản của Đảng và Chính phủ ta về việc bảo vệ quyền con người bằng pháp luật thông qua các quy định cũng như cơ chế thực hiện quyền con người ở Việt Nam, nhất là trong giai đoạn hội nhập nền kinh tế thế giới sâu rộng ở nước ta.

Về kỹ năng: Học xong học phần này, sinh viên có kỹ năng tham khảo tài liệu, kỹ năng tìm kiếm, đọc văn bản quy phạm pháp luật của Quốc tế cũng như của quốc gia về quyền con người. Vận dụng kiến thức từ bài học để giải quyết những tình huống xảy ra trên thực tế liên quan vấn đề bảo vệ quyền con người đặc biệt là những người yếu thế trong xã hội như Bà mẹ trẻ em, người tàn tật, người dễ bị tổn thương là những nhóm người cần thiết được bảo vệ và sự hỗ trợ giúp đỡ của những người có kỹ năng bảo vệ quyền con người.

Về thái độ: Từ việc có những kiến thức pháp luật về Lý luận và Pháp luật quyền con người góp phần vào việc hình thành, nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật và tôn trọng nhân cách phẩm giá của con người trong đời sống xã hội của sinh viên; Tăng cường khả năng tư duy, ý thức, tinh thần học tập, lập luận, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đam mê hoạt động bảo vệ quyền con người và có kỹ năng giải quyết tốt các tình huống trong hoạt động bảo vệ quyền con người bằng pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được những vấn đề lý luận về môn học như: Bối cảnh và vai trò của Giáo dục và nghiên cứu quyền con người; Mục tiêu của môn học; Đối tượng và nội dung nghiên cứu của môn học; Phương pháp luận và nguồn của môn học; Mối quan hệ đa ngành trong nghiên cứu, dạy và học môn quyền con người.	3
G2	Trình bày được khái niệm, nguồn gốc về quyền con người; Tính chất, đặc điểm về Quyền con người; Phân loại quyền con người; Quyền con người và một số phạm trù có liên quan.	3
G3	Xác định được xác tính chất đặc điểm của quyền con người	4

G4	Trình bày được khái niệm, vị trí, đối tượng và phương pháp điều chỉnh, nguồn của luật Quốc tế về Quyền con người. Khát quát lịch sử hình thành và phát triển của luật Quốc tế về quyền con người	3
G5	Trình bày được mối quan hệ giữa Luật Quốc tế về con người và luật quốc gia, mối quan hệ giữa Luật Quốc tế về con người và luật nhân đạo quốc tế, một số quyền con người trong pháp luật Quốc tế	3
G6	Trình bày được lịch sử phát triển và quan điểm, chính sách cơ bản của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền con người.	3
G7	Xác định được quan điểm, chính sách cơ bản của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền con người	4
G8	Hiểu được các quyền chính trị và dân sự trong pháp luật Việt Nam, Quyền kinh tế, Văn hóa, Xã hội trong pháp luật VN	3
G9	Xác định được quyền chính trị và dân sự trong pháp luật Việt Nam, Quyền kinh tế, Văn hóa, Xã hội trong pháp luật VN	4
G10	Hiểu được quyền của một số nhóm dễ bị tổn thương trong pháp luật Việt Nam như phụ nữ và trẻ em, người khuyết tật và những người sống chung với HIV/AIDS	3
G11	Xác định được quyền của một số nhóm dễ bị tổn thương trong pháp luật Việt Nam như phụ nữ và trẻ em, người khuyết tật và những người sống chung với HIV/AIDS	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1:

NHẬP MÔN LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

1.1. Bối cảnh và vai trò của Giáo dục và nghiên cứu quyền con người

1.1.1 Bối cảnh của Giáo dục và nghiên cứu quyền con người

1.1.2 Vai trò của Giáo dục và nghiên cứu quyền con người

1.2. Mục tiêu của môn học

1.3. Đối tượng và nội dung nghiên cứu của môn học

1.3.1. Đối tượng của môn học

1.3.2. Nội dung nghiên cứu của môn học

1.4. Phương pháp luận và nguồn của môn học

1.4.1. Phương pháp luận môn học

1.4.2. Nguồn của môn học

1.5. Mối quan hệ đa ngành trong nghiên cứu, dạy và học môn quyền con người

- 1.5.1. Mối quan hệ giữa quyền con người và sự phát triển kinh tế- xã hội
- 1.5.2. Mối quan hệ giữa quyền con người và sự phát triển chính trị học
- 1.5.3. Mối quan hệ giữa quyền con người và đạo đức học

CHƯƠNG 2: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

2.1. Khái niệm, nguồn gốc về Quyền con người.

- 2.1.1. Khái niệm Quyền con người.
- 2.1.2. Nguồn gốc về Quyền con người.

2.2. Tính chất, đặc điểm về Quyền con người

- 2.2.1. Tính chất của Quyền con người
- 2.2.2. Đặc điểm về Quyền con người

2.3. Phân loại quyền con người

2.4. Quyền con người và một số phạm trù có liên quan

CHƯƠNG 3: TỔNG QUAN LUẬT QUỐC TẾ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

3.1. Khái niệm, vị trí, đối tượng và phương pháp điều chỉnh, nguồn của luật Quốc tế về Quyền con người

- 3.1.1. Khái niệm và vị trí quyền con người trong pháp luật Quốc tế
- 3.1.2. Đối tượng và phương pháp
- 3.1.3. Nguồn của Luật Quốc tế về Quyền con người

3.2. Mối quan hệ giữa Luật Quốc tế về con người và luật quốc gia

3.3. Mối quan hệ giữa Luật Quốc tế về con người và luật nhân đạo quốc tế

3.4. Khát quát lịch sử hình thành và phát triển của luật Quốc tế về quyền con người

3.5. Một số quyền con người trong pháp luật Quốc tế

CHƯƠNG 4: LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH CƠ BẢN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

4.1. Khái quát về sự phát triển tư tưởng quyền con người trong lịch sử Việt Nam.

- 4.1.1. Tư tưởng quyền con người trong lịch sử Nhà nước phong kiến Việt Nam.
- 4.1.2. Tư tưởng và sự phát triển về quyền con ở Việt Nam trong thời kỳ pháp thuộc.
- 4.1.3. Tư tưởng và sự phát triển về quyền con ở Việt Nam từ sau Cách mạng tháng

Tám năm 1945 đến nay.

4.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về quyền con người

4.3. Chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước ta về quyền con người

- 4.3.1. Chính sách đối nội
- 4.3.2. Chính sách đối ngoại

CHƯƠNG 5: PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG CƠ CHẾ THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

5. 1. Quyền chính trị và dân sự trong pháp luật Việt Nam

- 5.1.1 Quyền Chính trị

5.1.2. Quyền Dân sự

5.2. Quyền kinh tế, Văn hóa, Xã hội trong pháp luật VN

5.2.1. Quyền Kinh tế

5.2.2. Quyền văn hóa

5.2.3. Quyền xã hội

5.3. Quyền của một số nhóm dễ bị tổn thương trong pháp luật Việt Nam

5.3. 1. Quyền của phụ nữ và trẻ em

5.3. 2. Quyền của người khuyết tật và những người sống chung với HIV/AIDS

5.3.3. Quyền của những người thiểu số và lao động di cư

5.4. Khái quát về cơ chế thực hiện và thúc đẩy Quyền con người ở Việt Nam

5.4.1. Cơ chế bảo đảm quyền con người

5.4.2. Những khó khăn và thách thức trong việc thực hiện cơ chế bảo đảm và phát triển quyền con người ở VN

5.4.3. Một số ưu tiên phát triển trong cơ chế thực hiện và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

[1] Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội NXB Chính trị Quốc gia năm 2009.

[2] Bộ Luật Dân sự 2015; Bộ Luật Hình sự năm 2015; Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật bảo vệ bà mẹ và trẻ em 2012; Luật Doanh nghiệp 2014; Luật Đầu tư năm 2014 và Các nghị định hướng dẫn thi hành các luật nói trên.

6.1. Tài liệu khác

[1] Sách chuyên khảo, Giáo dục quyền con người: Những vấn đề lý luận và thực tiễn, GS.TS. Võ Khánh Vinh- NXB, Khoa học xã hội năm 2010

[2] Sách chuyên khảo, Tư tưởng về quyền con người : Tuyển tập tư liệu Thế giới và Việt Nam – sách chuyên khảo, Khoa Luật – Đại học quốc gia Hà Nội năm 2011, NXB Lao động – xã hội - 2011

6.3. Văn bản pháp luật

[3] Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam (năm 1946; 1959; 1980;1992 và 2013)

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
-------------------------------	-----------------	--	--------------------------------------	----------------------------

1	<p>CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI</p> <p>1.1. Bối cảnh và vai trò của Giáo dục và nghiên cứu quyền con người</p> <p>1.1.1 Bối cảnh của Giáo dục và nghiên cứu quyền con người</p> <p>1.1.2 Vai trò của Giáo dục và nghiên cứu quyền con người</p> <p>1.2. Mục tiêu của môn học</p> <p>1.3. Đối tượng và nội dung nghiên cứu của môn học</p> <p>1.3.1. Đối tượng của môn học</p> <p>1.3.2. Nội dung nghiên cứu của môn học</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G1;G2
2	<p>1.4. Phương pháp luận và nguồn của môn học</p> <p>1.4.1. Phương pháp luận môn học</p> <p>1.4.2. Nguồn của môn học</p> <p>1.5. Mối quan hệ đa ngành trong nghiên cứu, dạy và học môn quyền con người</p> <p>1.5.1. Mối quan hệ giữa quyền con người và sự phát triển kinh tế- xã hội</p> <p>1.5.2. Mối quan hệ giữa quyền con người và sự phát triển chính trị học</p> <p>1.5.3. Mối quan hệ giữa quyền con người và đạo đức học</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G4
3	Thảo luận, bài tập, thuyết trình về mối quan hệ đa ngành giữa quyền con người và kinh tế- xã hội, chính trị và đạo đức	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G2; G3
4	<p>CHƯƠNG 2: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI</p> <p>2.1. Khái niệm, nguồn gốc về Quyền con người.</p> <p>2.2. Tính chất, đặc điểm về Quyền con người</p> <p>2.3. Phân loại quyền con người</p> <p>2.4. Quyền con người và một số phạm trù có liên quan</p>	2 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G3

5	Bài tập nhận định về khái quát chung quyền con người	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	
6	CHƯƠNG 3: TỔNG QUAN LUẬT QUỐC TẾ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI 3.1. Khái niệm, vị trí, đối tượng và phương pháp điều chỉnh, nguồn của luật Quốc tế về Quyền con người 3.1.1. Khái niệm và vị trí quyền con người trong pháp luật Quốc tế 3.1.2. Đối tượng và phương pháp 3.1.3. Nguồn của Luật Quốc tế về Quyền con người	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G4
7	3.2. Mối quan hệ giữa Luật Quốc tế về con người và luật quốc gia 3.3. Mối quan hệ giữa Luật Quốc tế về con người và luật nhân đạo quốc tế	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G5
8	3.4. Khát quát lịch sử hình thành và phát triển của luật Quốc tế về quyền con người 3.5. Một số quyền con người trong pháp luật Quốc tế	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G4
9	Bài tập tình huống, thảo luận, thuyết trình về một số quyền con người trong pháp luật quốc tế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	
10	CHƯƠNG 4: LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH CƠ BẢN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ QUYỀN CON NGƯỜI 4.1. Khái quát về sự phát triển tư tưởng quyền con người trong lịch sử Việt Nam. 4.1.1. Tư tưởng quyền con người trong lịch sử Nhà nước phong kiến Việt Nam.	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G6
11	4.1.2. Tư tưởng và sự phát triển về quyền con ở Việt Nam trong thời kỳ pháp thuộc. 4.1.3. Tư tưởng và sự phát triển về quyền con ở Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay.	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu + làm bài tập	G6

	<p>4.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về quyền con người</p> <p>4.3. Chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước ta về quyền con người</p> <p>4.3.1. Chính sách đối nội</p> <p>4.3.2. Chính sách đối ngoại</p>			
12	<p>Thảo luận, thuyết trình về các quan điểm chính sách của Đảng về quyền con người</p>	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G7
13	<p>CHƯƠNG 5: PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG CƠ CHẾ THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM</p> <p>5.1. Quyền chính trị và dân sự trong pháp luật Việt Nam</p> <p>5.1.1 Quyền Chính trị</p> <p>5.1.2. Quyền Dân sự</p> <p>5.2. Quyền kinh tế, Văn hóa, Xã hội trong pháp luật VN</p> <p>5.2.1. Quyền Kinh tế</p> <p>5.2.2. Quyền văn hóa</p> <p>5.2.3. Quyền xã hội</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G8;G9
14	<p>5.3. Quyền của một số nhóm dễ bị tổn thương trong pháp luật Việt Nam</p> <p>5.3. 1. Quyền của phụ nữ và trẻ em</p> <p>5.3. 2. Quyền của người khuyết tật và những người sống chung với HIV/AIDS</p> <p>5.3.3. Quyền của những người thiểu số và lao động di cư</p> <p>5.4. Khái quát về cơ chế thực hiện và thúc đẩy Quyền con người ở Việt Nam</p> <p>5.4.1. Cơ chế bảo đảm quyền con người</p> <p>5.4.2. Những khóa khăn và thách thức trong việc thực hiện cơ chế bảo đảm và phát triển quyền con người ở VN</p> <p>5.4.3. Một số ưu tiên phát triển trong cơ chế thực hiện và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G10

15	Thảo luận+ bài tập về quyền con người trong một số nhóm bị tổn thương	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G11
----	---	----------------	----------------------------	-----

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải học trước môn Lý luận chung về nhà nước và pháp luật.
- Phải đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập thảo luận nhóm trên lớp.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên..

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập	0.1	Điểm danh
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	Bài tập nhóm, Kiểm tra
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Trương Thị Tường Vi

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
THỰC TẾ CHUYÊN MÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): THỰC TẾ CHUYÊN MÔN (tiếng Anh): Practical expertise	
- Mã số học phần: 843048	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	01
+ Số tiết lý thuyết:	15
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	0
+ Số tiết thực hành:	9
+ Số tiết hoạt động nhóm:	6
+ Số tiết tự học:	15
- Học phần tiên quyết:	Các học phần thuộc chuyên ngành luật
- Học phần song hành (nếu có):	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với NỘI DUNG THỰC TẾ trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Cho sinh viên đi thực tế chuyên môn để nắm bắt được các thao tác và kỹ năng làm việc (nghề luật) tại Tòa án nhân dân, Sở Tư Pháp, Đoàn luật sư hoặc Viện kiểm sát nhân dân, Cục thi hành án, Phòng công chứng, các công ty, văn phòng luật.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Hệ thống hóa kiến thức và vận dụng một cách tổng hợp kiến thức đã học vào công tác thực tế trong các cơ quan, tổ chức và những hoạt động liên quan đến pháp luật.

Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên phương pháp ứng dụng kiến thức khoa học pháp lý vào hoạt động thực tiễn chuyên môn; Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tiếp cận và giải quyết vấn đề, quan sát hoạt động, thu thập số liệu làm tiền đề cho sinh viên chuyên ngành luật hoàn thành tốt công việc sau khi tốt nghiệp; Rèn luyện tính kỷ luật,

tính tổ chức, tương trợ, giúp đỡ và cộng đồng trách nhiệm; Tăng cường, củng cố lòng yêu nghề, sự tự tin và bản lĩnh trong nghề nghiệp.

Về thái độ: Sinh viên có ý thức đúng đắn trong việc tiếp cận, nhìn nhận, đánh giá các vấn đề có liên quan về pháp luật trong thực tiễn đời sống xã hội; có ý thức rèn luyện thái độ ứng xử đúng đắn, chuẩn mực khi tiếp cận, nghiên cứu và xử lý các sự việc dưới góc độ pháp lý.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Biết được về cơ cấu tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp và hành pháp	2
G2	Biết được, giải quyết yêu cầu của khách hàng về trình tự, thủ tục giải quyết các việc hành chính, dân sự, kinh tế tại các cơ quan chuyên môn	2
G3	Đưa ra được các quan điểm về cách thức giải quyết một vấn đề cụ thể	2
G4	Nhận xét, đánh giá được các khía cạnh pháp lý của một hồ sơ tư pháp	3
G5	Viết được báo cáo về vụ việc với các lập luận và minh chứng kèm theo	3

5. Nội dung chi tiết học phần

THỰC TẾ 1: TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

- 1.1. Tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân.
- 1.2. Tìm hiểu, tham gia các hoạt động nghiệp vụ của Tòa án nhân dân.
- 1.3. Làm bài tập nhóm: Chủ đề và nội dung do giảng viên hướng dẫn phân công

THỰC TẾ 2: TẠI VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

- 2.1. Tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân.
- 2.2. Tìm hiểu, tham gia các hoạt động nghiệp vụ của Viện kiểm sát nhân dân.
- 2.3. Làm bài tập nhóm: Chủ đề và nội dung do giảng viên hướng dẫn phân công

HOẶC

THỰC TẾ 3: TẠI SỞ TƯ PHÁP

- 3.1. Tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư Pháp
- 3.2. Tìm hiểu, tham gia các hoạt động của Sở Tư Pháp
- 3.3. Làm bài tập nhóm: Chủ đề và nội dung do giảng viên hướng dẫn phân công

THỰC TẾ 4: TẠI CÔNG TY, VĂN PHÒNG LUẬT

- 4.1. Tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng luật sư, công ty luật.
- 4.2. Tìm hiểu, tham gia các hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật.
- 4.3. Làm bài tập nhóm: Chủ đề và nội dung do giảng viên hướng dẫn phân công

HOẶC

THỰC TẾ 5: TẠI CƠ QUAN THI HÀNH ÁN

- 5.1. Tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án.
- 5.2. Tìm hiểu, tham gia các hoạt động nghiệp vụ của cơ quan thi hành án
- 5.3. Làm bài tập nhóm: Chủ đề và nội dung do giảng viên hướng dẫn phân công

BÁO CÁO THỰC TẾ CHUYÊN MÔN

Sinh viên nộp báo cáo thực tế (tối thiểu 3 trang) theo mẫu của khoa.

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

- [1] Luật Tổ chức Tòa án nhân dân hiện hành
- [2] Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân hiện hành
- [3] Luật Thi hành án dân sự hiện hành
- [4] Luật Công chứng hiện hành

6.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Mẫu viết báo cáo của khoa Luật

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	THỰC TẾ 1: TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN 1.1. Tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân. 1.2. Tìm hiểu, tham gia các hoạt động nghiệp vụ của Tòa án nhân dân.	3 tiết thực tế	SV: Ghi chép nội dung công việc thực tế; trao đổi nghiệp vụ với các nhà chuyên môn	G2
2	1.3. Làm bài tập nhóm: Chủ đề và nội dung do giảng viên hướng dẫn phân công	2 tiết bài tập thực tế	SV: Làm bài tập nhóm về tiếp nhận hồ sơ vụ việc	G2
3	THỰC TẾ 3: TẠI SỞ TƯ PHÁP			G2

	3.1. Tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư Pháp 3.2. Tìm hiểu, tham gia các hoạt động của Sở Tư Pháp	3 tiết thực tế	SV: Ghi chép nội dung công việc thực tế; trao đổi nghiệp vụ với các nhà chuyên môn	
4	3.3. Làm bài tập nhóm: Chủ đề và nội dung do giảng viên hướng dẫn phân công	2 tiết bài tập thực tế	SV: Làm bài tập nhóm về tiếp nhận hồ sơ vụ việc	G3
5	THỰC TẾ 4: TẠI CÔNG TY, VĂN PHÒNG LUẬT 4.1. Tìm hiểu về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng luật sư, công ty luật. 4.2. Tìm hiểu, tham gia các hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật.	3 tiết thực tế	SV: Ghi chép nội dung công việc thực tế; trao đổi nghiệp vụ với các nhà chuyên môn	G2
6	4.3. Làm bài tập nhóm: Chủ đề và nội dung do giảng viên hướng dẫn phân công	2 tiết bài tập thực tế	SV: Làm bài tập nhóm về tiếp nhận hồ sơ vụ việc	G2 G3
Nếu tổ chức thực tế tại Viện kiểm sát nhân dân hoặc cục thi hành án thì nội dung, số tiết cũng được triển khai như trên.				
Sinh viên nộp báo cáo thực tế theo mẫu dưới đây:				

Mẫu:

BÁO CÁO THỰC TẾ CHUYÊN MÔN

HỌC KỲ NĂM HỌC -

Họ và tên sinh viên:; MSSV:

Lớp:; Nhóm thực tế:

Giảng viên phụ trách thực tế:

Điểm	Nhận xét của GV phụ trách

PHẦN 1: THỰC TẾ TẠI

PHẦN 2: THỰC TẾ TẠI

Nội dung của mỗi phần cần trình bày các mục sau đây:

1. Được làm việc với ai hoặc được nghe ai nói (Ghi rõ họ và tên chủ tọa), về nội dung gì (chủ đề của buổi thực tế)
2. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đi thực tế
3. Nội dung thu nhận được tại buổi thực tế
4. Đánh giá của sinh viên về hoạt động thực tế chuyên môn
5. Các kiến nghị (đề xuất nếu có)

Lưu ý:

Số trang tối thiểu của báo cáo: 3 trang; Báo cáo trên khổ giấy: A4.

- Kiểu chữ: Times New Roman; Cỡ chữ: 14; Cách dòng 1,5 lines.
- Lề: trái 3cm; phải, trên, dưới 2cm
- Đánh số trang: Đánh số thứ tự trang theo chữ số tự nhiên: 1, 2, 3... (canh giữa, cuối trang).

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải làm bài tập về nhà theo yêu cầu của giảng viên, tra cứu thêm tài liệu, thu thập được trong các buổi đi thực tế.
- Sinh viên báo cáo được các bài tập theo chủ đề giảng viên giao trước.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0,3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm báo cáo kết quả thực tập	0,7	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Thực tập tốt nghiệp (tiếng Anh): Graduation practice	
- Mã số học phần: 843098	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	05
+ Số tiết lý thuyết:	0
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	0
+ Số tiết thực hành:	75
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	150
- Học phần tiên quyết:	Các học phần trong 3 năm đầu của chương trình đào tạo cử nhân luật.
- Học phần song hành (nếu có):	Không

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần giúp cho người học củng cố kiến thức đã học thông qua việc tiếp cận, tìm hiểu thực tiễn tại các cơ quan, tổ chức cụ thể; vận dụng kiến thức để phân tích và xử lý các vấn đề chuyên môn của ngành luật nhằm phát hiện vấn đề nghiên cứu tại đơn vị; Thực hành nghề luật.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp người học đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Hệ thống hóa kiến thức và vận dụng một cách tổng hợp kiến thức đã học vào công tác thực tập trong các cơ quan, tổ chức và những hoạt động liên quan đến pháp luật. Qua hoạt động thực tập tốt nghiệp, giúp người học có thêm các kiến thức

thực tế, phát triển và nâng tầm hiểu biết về kiến thức các học phần đã được học, từ đó có định hướng nghề nghiệp phù hợp nhất với những kiến thức mà mình đã được đào tạo.

Về kỹ năng: Rèn luyện cho người học phương pháp ứng dụng kiến thức khoa học pháp lý vào hoạt động thực tiễn chuyên môn. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tiếp cận và giải quyết vấn đề; quan sát hoạt động, thu thập số liệu làm tiền đề cho người học chuyên ngành luật hoàn thành tốt công việc sau khi tốt nghiệp.

Về thái độ: Người học có ý thức đúng đắn trong việc tiếp cận, nhìn nhận, đánh giá các vấn đề có liên quan về pháp luật trong thực tiễn công việc và đời sống xã hội; có thái độ ứng xử chuẩn mực khi tiếp cận, nghiên cứu và xử lý các sự việc dưới góc độ pháp lý.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được lý do chọn đề tài, mục tiêu nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và kết cấu đề tài.	2
G2	Trình bày được lịch sử hình thành và quá trình phát triển của đơn vị thực tập.	2
G3	Mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, sơ đồ tổ chức và chức năng tổ chức bộ máy quản lý của đơn vị thực tập.	2
G4	Phân tích được vấn đề pháp lý.	4
G5	Giải quyết được một hồ sơ pháp lý cụ thể.	4
G6	Tư vấn được trình tự, thủ tục giải quyết một hồ sơ pháp lý.	4
G7	Đề xuất được các giải pháp và khuyến nghị nhằm giải quyết các hạn chế, tồn tại liên quan đến vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập.	5

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

1.1. Đối tượng thực hiện và cơ quan thực tập tốt nghiệp

1.1.1. Đối tượng thực hiện thực tập tốt nghiệp

1.1.2. Cơ quan thực tập

1.2. Lập kế hoạch thực tập

- 1.2.1. Thời gian thực tập tốt nghiệp
- 1.2.2. Phân công giảng viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp
- 1.2.3. Sản phẩm khi kết thúc đợt thực tập
- 1.2.3. Thời hạn nộp sản phẩm thực tập về khoa

CHƯƠNG 2. NỘI DUNG THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

2.1. Nghiên cứu về đơn vị thực tập

- 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị (nơi sinh viên thực tập)
- 2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị
- 2.1.4. Cơ cấu, tổ chức của đơn vị

2.2. Nhiệm vụ của sinh viên thực tập và giảng viên hướng dẫn

- 2.2.1. Đối với sinh viên thực tập
- 2.2.2. Đối với giảng viên hướng dẫn

CHƯƠNG 3. CÁCH VIẾT NHẬT KÝ THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

3.1. Về hình thức nhật ký thực tập tốt nghiệp

- 3.1.1. Trình bày bìa, phong chữ, cỡ chữ, căn lề
- 3.1.2. Cách kẻ khung viết nhật ký
- 3.1.3. Nhận xét của người hướng dẫn và xác nhân của thủ trưởng cơ quan nơi sinh viên thực tập

3.2. Nội dung nhật ký thực tập thực tập tốt nghiệp

- 3.2.1. Tổng quan về cơ quan thực tập
- 3.2.2. Mô tả vị trí công việc của sinh viên thực tập
- 3.2.3. Nhận xét của người hướng dẫn thực tập

3.3. Thang điểm chấm của người trực tiếp hướng dẫn thực tập

(Người trực tiếp hướng dẫn sinh viên thực tập). Thang điểm 10.

CHƯƠNG 4. CÁCH VIẾT BÀI CHUYÊN ĐỀ THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

4.1. Hình thức của bài chuyên đề thực tập tốt nghiệp

- 4.1.1. Trình bày bìa
- 4.1.2. Lời cảm ơn
- 4.1.3. Nhận xét và chấm điểm của giảng viên hướng dẫn viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp
- 4.1.4. Danh mục chữ viết tắt
- 4.1.5. Mục lục
- 4.1.6. Kết cấu bài viết
- 4.1.7. Tài liệu tham khảo
- 4.1.8. Phụ lục (nếu có)

4.2. Kết cấu của bài chuyên đề thực tập tốt nghiệp

- 4.2.1. Mở đầu
- 4.2.2. Nội dung

4.2.3. Kết luận

4.3. Thang điểm chấm của bài chuyên đề thực tập tốt nghiệp

(giảng viên của khoa chấm). Thang điểm 10

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp... của cơ quan, tổ chức thực tập.

[2] Các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức thực tập.

[3] Các văn bản pháp luật có liên quan trực tiếp tới việc thực thi nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức thực tập, tới nội dung bài chuyên đề thực tập tốt nghiệp.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Các báo cáo sơ kết, tổng kết của đơn vị (trong vòng 5 năm gần nhất so với thời gian hiện tại).

[2] Các tài liệu về lý luận liên quan đến bài chuyên đề thực tập tốt nghiệp.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC TẬP TỐT NGHIỆP 1.1. Đối tượng thực hiện và cơ quan thực tập tốt nghiệp 1.1.1. Đối tượng thực hiện thực tập tốt nghiệp Sinh viên năm cuối (năm thứ 4) 1.1.2. Cơ quan thực tập Các cơ quan tư pháp, công ty và văn phòng luật sư, phòng pháp chế của các công ty.	3 tiết (xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động thực tập)	SV nghe và ghi chép những thông tin của GV thông báo	G1
2	TIẾP CHƯƠNG 1 ... 1.2. Lập kế hoạch thực tập 1.2.1. Thời gian thực tập tốt nghiệp (07 tuần)	2 tiết (triển khai kế hoạch thực tập)	SV tiếp nhận thông tin từ GV hướng dẫn nhóm	G1

	<p>1.2.2. Phân công giảng viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp Khoa phân công giảng viên hướng dẫn theo nhóm từ 10-20SV/nhóm, với cách thức luân phiên</p> <p>1.2.3. Sản phẩm khi kết thúc đợt thực tập Bài chuyên đề thực tập tốt nghiệp và Nhật ký thực tập tốt nghiệp.</p> <p>1.2.3. Thời hạn nộp sản phẩm thực tập về khoa 01 tuần kể từ khi kết thúc đợt thực tập tốt nghiệp.</p>			
3	<p>CHƯƠNG 2. NỘI DUNG THỰC TẬP TỐT NGHIỆP</p> <p>2.1. Nghiên cứu về đơn vị thực tập</p> <p>2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị (nơi sinh viên thực tập)</p> <p>2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị thực tập</p> <p>2.1.4. Cơ cấu, tổ chức của đơn vị thực tập</p>	5 tiết thực tập	SV nghiên cứu và viết báo cáo khoảng 5 trang	G2
4	<p>TIẾP CHƯƠNG 2...</p> <p>2.2. Nhiệm vụ của sinh viên thực tập và giảng viên hướng dẫn</p> <p>2.2.1. Đối với sinh viên thực tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải có thái độ làm việc nghiêm túc, phải làm việc theo kế hoạch đã được quy định trong thời gian thực tập. - Chủ động gặp và trao đổi với giảng viên hướng dẫn về kế hoạch làm việc cụ thể như: đề cương, bản nháp, bản chính thức báo cáo thực tập. 	05 tiết hướng dẫn viết và DUYỆT BGH chuyên đề và đề cương chi tiết cho SV	SV viết bài theo hướng dẫn của giảng viên.	G2

<ul style="list-style-type: none"> - Chấp hành nghiêm túc nội quy và kỷ luật tại đơn vị thực tập. - Tìm hiểu thực tế về chuyên môn và kiến thức bổ trợ đã học; so sánh giữa lý thuyết và thực tế để có những phân tích, đánh giá sát thực làm cơ sở cho báo cáo thực tập đạt kết quả tốt. - Chủ động ghi chép về những nội dung đã thực tập tại đơn vị (ghi vào Nhật ký thực tập) và chuẩn bị số liệu để viết báo cáo thực tập. - Tạo được mối quan hệ tốt, nghiêm túc với lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên của đơn vị trong quá trình thực tập tại đơn vị; đặc biệt là phải tuân thủ sự chỉ dẫn của cán bộ trực tiếp hướng dẫn thực tập. - Mỗi sinh viên phải liên hệ chặt chẽ với nhóm trưởng trong suốt thời gian thực tập để kịp thời biết những thông tin có liên quan đến thực tập. - Hoàn thành báo cáo thực tập tốt nghiệp đúng thời hạn quy định. <p>2.2.2. Đối với giảng viên hướng dẫn của khoa</p>			
<ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch làm việc cụ thể với sinh viên trao đổi về đề cương sơ bộ, đề cương chi tiết, kiểm soát quá trình thực tập của SV - Giải đáp những thắc mắc và giúp SV giải quyết hoặc khắc phục những khó khăn trong quá trình thực tập. - Hướng dẫn SV về phương pháp, nội dung nghiên cứu đề tài, cách trình bày bài chuyên đề tốt nghiệp. 			

	- Nhận xét, đánh giá bài của SV. Thang điểm 10			
5	<p>CHƯƠNG 3. CÁCH VIẾT NHẬT KÝ THỰC TẬP TỐT NGHIỆP</p> <p>3.1. Về hình thức nhật ký thực tập tốt nghiệp</p> <p>3.1.1. Trình bày bìa, phong chữ, cỡ chữ, căn lề Ghi rõ tên, Mã số SV, lớp, tiên đề, tên cơ quan thực tập, thời gian thực tập. Phông chữ: Times New Roman, cỡ chữ 14, căn lề: trái 3cm, trên, dưới, trái 2 cm; cách dòng 1,5 lines, có đánh STT cuối trang.</p> <p>3.1.2. Cách kẻ khung viết nhật ký 3 khung gồm: STT/ thứ, ngày, tháng – Sáng và Chiều/ Nội dung công việc.</p> <p>3.1.3. Nhiệm vụ của người hướng dẫn thực tập - Hướng dẫn SV các thao tác, kỹ năng làm việc; - Phân công cho SV làm việc hàng ngày, hàng tuần; - Nhận xét, đánh giá, cho điểm kết quả thực tập của SV. Thang điểm 10</p> <p>3.2. Nội dung nhật ký thực tập thực tập tốt nghiệp</p> <p>3.2.1. Tổng quan về cơ quan thực tập</p> <p>3.2.2. Mô tả vị trí công việc của sinh viên thực tập</p> <p>3.2.3. Nhận xét của người hướng dẫn thực tập</p>	60 tiết (trùng ứng với 7 tuần thực tập)	<p>SV viết bài theo hướng dẫn của GV; - Chú ý: Trình bày bìa theo mẫu, có logo của trường ĐHSG, in trên bìa màu vàng. - Cách viết:</p> <p>1. TIÊU ĐỀ (CHỮ IN HOA)</p> <p>1.1. (chữ thường, đứng đậm)</p> <p><i>1.1.1. (chữ nghiêng, đậm)</i></p> <p><i>1.1.1.1. (chữ nghiêng không đậm)</i></p> <p>2. (tương tự)</p> <p>2.1.</p> <p><i>2.1.1.</i></p> <p><i>2.1.2.</i></p> <p><i>2.1.2.1.</i></p>	G3

6	<p>CHƯƠNG 4. CÁCH VIẾT BÀI CHUYÊN ĐỀ THỰC TẬP TỐT NGHIỆP</p> <p>4.1. Hình thức của bài chuyên đề thực tập tốt nghiệp</p> <p>4.1.1. Trình bày bìa</p> <p>4.1.2. Lời cảm ơn</p> <p>4.1.3. Nhận xét và chấm điểm của giảng viên hướng dẫn viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp</p> <p>4.1.4. Danh mục chữ viết tắt</p> <p>4.1.5. Mục lục</p> <p>4.1.6. Kết cấu bài viết</p> <p>4.1.7. Tài liệu tham khảo</p> <p>4.1.8. Phụ lục (nếu có)</p> <p>4.2. Kết cấu của bài chuyên đề thực tập tốt nghiệp</p> <p>4.2.1. Mở đầu</p> <p>4.2.2. Nội dung</p> <p>Chương 1: Lý luận</p> <p>Chương 2 Thực tiễn áp dụng và giải pháp</p> <p>(SV có thể tách chương 2 thành 2 chương)</p> <p>4.2.3. Kết luận</p> <p>4.3. Thang điểm chấm của bài chuyên đề thực tập tốt nghiệp</p> <p>(giảng viên của khoa chấm). Thang điểm 10</p>	viết bài chuyên đề thực tập tốt nghiệp (tiết tự nghiên cứu của sinh viên)	<p>- Chú ý: Trình bày bìa theo mẫu, có logo của trường ĐHSG, in trên bìa màu xanh da trời, đóng cuốn, tối thiểu 30 trang.</p> <p>- Cách viết</p> <p>MỞ ĐẦU...</p> <p>CHƯƠNG 1.</p> <p>1.1. (chữ thường, đứng đậm)</p> <p>1.1.1. (chữ nghiêng, đậm)</p> <p>1.1.1.1. (chữ nghiêng không đậm)</p> <p>CHƯƠNG 2.</p> <p>(tương tự)</p> <p>2.1.</p> <p>2.2.</p> <p>Phông chữ: Times New Roman, cỡ chữ 14, căn lề: trái 3cm, trên, dưới, trái 2 cm; cách dòng 1,5 lines, có đánh STT cuối trang, căn giữa.</p>	G4
---	--	---	--	----

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học tại trường vào trong môi trường làm việc cụ thể để gắn kết hơn nữa giữa lý thuyết và thực hành.

Thông qua thực tập các sinh viên biết được mình đã làm được gì, còn hồng những kiến thức gì để tiếp tục học tập hoàn thiện những kiến thức cơ bản còn thiếu.

Sinh viên chủ động học và hỏi các chuyên gia, nhà chuyên môn để đáp ứng được các yêu cầu mà nhà tuyển dụng và các ứng viên có thể đáp ứng được khi thi tuyển.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10).

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
<i>1. Đánh giá quá trình</i>	<i>Điểm quá trình</i>	1	
1.1. Nhật ký thực tập (do cán bộ hướng dẫn thực tập tại đơn vị chấm)	Nhật ký thực tập (Nhật ký, ý thức, thái độ, năng lực tham gia thực tập tại đơn vị)	0,3	Bài báo cáo nhật ký thực tập
1.2. Báo cáo thực tập (do giảng viên hướng dẫn chấm)	Điểm báo cáo thực tập	0,7	Tự luận theo chuyên đề được DUYỆT BGH của lãnh đạo khoa.

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là tổng điểm nhật ký thực tập và điểm bài chuyên đề thực tập tốt nghiệp (thang điểm 10).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.
- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
PHỤ TRÁCH**

TS. Hoàng Thị Việt Anh TS. Hoàng Thị Việt Anh TS. Hoàng Thị Việt Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Khóa luận tốt nghiệp (tiếng Anh): Graduate thesis	
- Mã số học phần: 843311	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	08
+ Số tiết lý thuyết:	60
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	0
+ Số tiết thực hành:	60
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	240
- Học phần tiên quyết:	Học xong các học phần của năm thứ 3 chương trình đào tạo cử nhân luật
- Học phần song hành (nếu có):	Không

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần Khóa luận tốt nghiệp giúp cho người học phát triển ý tưởng, kỹ năng nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong lĩnh vực pháp luật. Thông qua học phần, người học được củng cố kiến thức đã được học; vận dụng kiến thức để phân tích và bước đầu xử lý các vấn đề chuyên môn về pháp luật nhằm củng cố kiến thức về lý luận, có những giải pháp về điều chỉnh pháp luật một cách khoa học.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp người học đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Hệ thống hóa kiến thức và vận dụng một cách tổng hợp kiến thức đã học vào trong bài báo cáo khoa học cụ thể; Có lập luận chặt chẽ khi trình bày một

vấn đề; Biết phân tích, đánh giá luận điểm; Sử dụng luận cứ, luận chứng rõ ràng; Biết làm và trình bày một chuyên đề pháp lý một cách khoa học.

Về kỹ năng: Người học được rèn luyện khả năng viết, lập luận, giải quyết vấn đề; rèn luyện khả năng nói một nội dung cụ thể trước cử tọa một cách thuyết phục. Biết vận dụng các kỹ năng nghiên cứu khoa học trong một đề tài nhất định.

Về thái độ: Người học có ý thức đúng đắn trong việc tiếp cận, nhìn nhận, đánh giá các vấn đề về pháp luật hiện hành, pháp luật đã qua và pháp luật trong tương lai khi nghiên cứu về lịch sử hình thành và phát triển của một chế định hay một ngành luật; Có niềm tin vào công lý.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Biết thiết kế một bài viết khoa học pháp lý	2
G2	Biết nghiên cứu các vấn đề lý luận cần thiết	2
G3	Biết áp dụng các vấn đề lý luận vào trong thực tiễn	3
G4	Phân tích được các luận điểm, đưa ra luận cứ phù hợp, đánh giá luận chứng khách quan, toàn diện, triệt để.	4
G5	Đánh giá được các vấn đề trong nội dung nghiên cứu cụ thể	5
G6	Có sáng tạo khi đưa ra được các kiến nghị, đề xuất phù hợp, thực thi nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật	6

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. ĐIỀU KIỆN, YÊU CẦU ĐƯỢC LÀM KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.1. Điều kiện để sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp

- 1.1.1. Số tín chỉ SV tích lũy
- 1.1.2. Điểm trung bình chung tích lũy

1.2. Thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp

1.3. Yêu cầu đối với sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp và giảng viên hướng dẫn

- 1.3.1. Đối với sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp
- 1.3.2. Đối với giảng viên hướng dẫn

CHƯƠNG 2. HÌNH THỨC KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1. Bộ cục của một khóa luận tốt nghiệp

- 2.1.1. Bìa và trang phụ bìa
- 2.1.2. Lời cảm ơn
- 2.1.3. Mục lục
- 2.1.4. Danh mục những từ viết tắt (nếu có)
- 2.1.5. Phần nội dung
- 2.1.6. Danh mục tài liệu tham khảo
- 2.1.7. Phụ lục (nếu có)

2.2. Cách trình bày các mục trong một khóa luận

- 2.2.1. Kết cấu từng chương
- 2.2.2. Định dạng trình bày

CHƯƠNG 3. NỘI DUNG CỦA KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

3.1. Các chương trong khóa luận

- 3.1.1. Chương 1. Lý luận chung về (nội dung tác giả nghiên cứu)
- 3.1.2. Chương 2. Thực trạng pháp luật... (hoặc) Thực tiễn (thực hiện pháp luật), thời gian nghiên cứu từ 5 năm đến 10 năm trở về trước so với thời gian viết khóa luận
- 3.1.3. Chương 3. Những kiến nghị (hoặc) giải pháp (hoặc) cả hai nhằm hoàn thiện pháp luật (hoặc) nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật (SV có thể gộp chương 2 và chương 3)

3.2. Kết luận từng chương

- 3.2.1. Kết luận chương 1
- 3.2.2. Kết luận chương 2
- 3.2.3. Kết luận chương 3 (nếu có chương 3)

CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

4.1. Các bước đánh giá quá trình nghiên cứu của sinh viên

- 4.1.1. Thông qua đề cương chi tiết
- 4.1.2. Đánh giá sơ bộ khóa luận tốt nghiệp
- 4.1.3. Đánh giá trong lễ bảo vệ khóa luận tốt nghiệp

4.2. Cách thức trình bày bài báo cáo của sinh viên

- 4.2.1. Chuẩn bị nội dung trình chiếu
- 4.2.2. Chuẩn bị diễn thuyết vấn đề trước cử tọa

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

- [1] Quy định về khóa luận tốt nghiệp của nhà trường.
- [2] Các văn bản quy phạm pháp luật, áp dụng pháp luật, hành chính có liên quan trực tiếp tới nội dung khóa luận tốt nghiệp.

[3] Sách, tài liệu liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Các văn bản quy phạm pháp luật, áp dụng pháp luật có liên quan tới nội dung khóa luận tốt nghiệp.

[2] Nguyễn Ngọc Điện, *Một số vấn đề lý luận về các phương pháp phân tích luật viết*, NXB. Tư pháp, Hà Nội, 2006.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1. ĐIỀU KIỆN, YÊU CẦU ĐƯỢC LÀM KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP</p> <p>1.1. Điều kiện để sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp</p> <p>- Có số tín chỉ đã tích lũy lớn hơn hoặc bằng 80% tổng số tín chỉ quy định cho ngành đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy (theo thang điểm 4) đạt từ 2,5 trở lên.</p> <p>- Số lượng sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp của mỗi khóa do Khoa quy định cụ thể trong mỗi năm học.</p> <p>1.2. Thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp</p> <p>Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp ngay sau khi hoàn thành việc thực tốt nghiệp trong học kỳ 8 (học kỳ 2, năm thứ 4 của chương trình đào tạo cử nhân); sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp trong thời gian ít nhất 10 tuần.</p>	1 tiết	SV biết được để quyết định khi đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp	G2
2	<p>1.3. Yêu cầu đối với sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp và giảng viên hướng dẫn</p> <p><i>1.3.1. Đối với sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp</i></p>	1 tiết	- Phải có tinh thần và thái độ làm việc nghiêm túc, phải làm việc theo kế hoạch đã được quy	G2

		<p>định trong thời gian làm khóa luận tốt nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ động gặp và trao đổi với giảng viên hướng dẫn: kế hoạch làm việc cụ thể về đề cương, bản nháp, bản chính thức khóa luận tốt nghiệp. - Hoàn thành khóa luận tốt nghiệp đúng thời hạn quy định. 	
<p>3</p> <p>CHƯƠNG 2. HÌNH THỨC KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP</p> <p>2.1. Bố cục của một khóa luận tốt nghiệp</p> <p>BÌA (Theo mẫu của nhà trường) Màu hồng có tên trường, logo trường, tên sinh viên, tên đề tài, khóa luận tốt nghiệp, ngành luật, trình độ đào tạo, họ và tên người hướng dẫn, địa điểm và thời gian nộp khóa luận. (căn giữa, chữ in hoa).</p> <p>TRANG PHỤ BÌA LỜI CẢM ƠN MỤC LỤC DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT (nếu có)</p>	<p>1 tiết</p>	<p>SV phải thực hiện đúng các qui định về hình thức của khóa luận</p>	<p>G2</p>

	<p>PHẦN MỞ ĐẦU (Gồm các mục trong phần với cách đánh số tự nhiên - STT)</p> <p>1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu</p> <p>2. Tình hình nghiên cứu đề tài</p> <p>3. Mục tiêu nghiên cứu</p> <p>3.1. Mục tiêu tổng quát</p> <p>3.2. Mục tiêu cụ thể</p> <p>4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu</p> <p>4.1. Đối tượng nghiên cứu</p> <p>4.2. Phạm vi nghiên cứu</p> <p>5. Phương pháp nghiên cứu</p>			
4	<p>PHẦN NỘI DUNG</p> <p>6. Kết cấu của khóa luận: Bao gồm các chương, mục, tiểu mục, sơ đồ, bảng thống kê số liệu; Các luận điểm, luận cứ, luận chứng; Ý kiến của tác giả qua nhận xét, bình luận; Kết luận từng chương.</p> <p>KẾT LUẬN</p> <p>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</p> <p>PHỤ LỤC (nếu có)</p> <p>Số trang khóa luận tối thiểu 60 trang.</p>	1 tiết		G3
5	<p>2.2. Cách trình bày các mục trong một khóa luận</p> <p>CHƯƠNG 1. ...</p> <p>1.1. (chữ đậm đứng)</p> <p>1.1.1. (chữ đậm nghiêng)</p> <p><i>1.1.1.1. (chữ đậm không nghiêng)</i></p> <p>1.2.</p> <p>CHƯƠNG 2. ...</p> <p>2.1.</p> <p>2.1.1.</p> <p>3.3. Định dạng trình bày</p>	1 tiết	Viết khóa luận và chỉnh sửa theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn	G3

	Phông chữ: Times New Roman, cỡ chữ 14, căn lề: trái 3cm, trên, dưới, trái 2 cm; cách dòng 1,5 lines, có đánh STT cuối trang, có đánh STT cuối trang, căn giữa			
6	<p>CHƯƠNG 3. NỘI DUNG KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP</p> <p>3.1. Các chương trong khóa luận</p> <p>3.1.1. Chương 1. Lý luận chung về (nội dung tác giả nghiên cứu)</p> <p>3.1.2. Chương 2. Thực trạng pháp luật... (hoặc) Thực tiễn (thực hiện pháp luật), thời gian nghiên cứu từ 5 năm đến 10 năm trở về trước so với thời gian viết khóa luận</p> <p>3.1.3. Chương 3. Những kiến nghị (hoặc) giải pháp (hoặc) cả hai nhằm hoàn thiện pháp luật (hoặc) nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật</p> <p>3.2. Kết luận từng chương</p> <p>3.2.1. Kết luận chương 1</p> <p>3.2.2. Kết luận chương 2</p> <p>Cuối mỗi trang tác giả cần có kết luận những vấn đề đã trình bày, phân tích, đánh giá và các nhận định, nhận xét, khuyến nghị của tác giả về những nội dung đã nêu trong chương đó (khoảng 1 trang)</p>	<p>30 tiết nghiên cứu lý luận;</p> <p>30 tiết nghiên cứu thực tiễn;</p> <p>30 tiết viết khóa luận</p>	Viết khóa luận và chỉnh sửa theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn	G3
7	<p>CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP</p> <p>4.2. Các bước đánh giá quá trình nghiên cứu của sinh viên</p> <p>4.1.1. Thông qua đề cương chi tiết</p> <p>4.1.2. Đánh giá sơ bộ khóa luận</p> <p>4.1.3. Đánh giá trong lễ bảo vệ khóa luận tốt nghiệp.</p>	20 tiết làm việc với sinh viên;	SV trình bày bài báo cáo, ghi chép những nội dung được góp ý, chuẩn bị trả lời các câu hỏi của HĐKH	G4 G5

<p>Đánh giá kết quả nghiên cứu của sinh viên do Hội đồng khoa học của Khoa thực hiện</p> <p>Lần 1: Các sinh viên nộp bản khóa luận hoàn thiện cho trợ lý NCKH của khoa theo đúng thời gian thông báo (gồm 3 cuốn) để Hội đồng KH của khoa sẽ có những nhận xét sơ bộ cho sinh viên (nhằm góp ý cho SV làm đúng và khoa học hơn)</p> <p>Lần 2: Sau 2 tuần các SV chỉnh sửa và hoàn thiện chuẩn bị nộp cho trợ lý NCKH của khoa để trình bày trong lễ bảo vệ khóa luận tốt nghiệp.</p> <p>4.3. Cách thức trình bày bài báo cáo của sinh viên</p> <p>Sinh viên chuẩn bị bài thuyết minh khóa luận trước Hội đồng KH của khoa trên máy tính PowerPoint (khoảng 20 slide), sau đó sẽ được các thành viên hội đồng nhận xét, đánh giá và đặt câu hỏi (liên quan đến chuyên đề khóa luận)</p>	<p>05 tiết bảo vệ khóa luận</p>		
--	---------------------------------	--	--

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

Sinh viên cần nghiêm túc nghiên cứu đề tài đã được Hội đồng KH của khoa DUYỆT BGH, tuân thủ sự chỉ dẫn của giảng viên hướng dẫn, thực hiện đúng theo lịch trình, kế hoạch đã thống nhất với giảng viên; Có sản phẩm đúng theo tiến độ; Thường xuyên liên lạc với giảng viên hướng dẫn, đề xuất các vấn đề cần làm, cần bàn, để có giải pháp tốt nhất khi làm việc và học tập.

Sinh viên phải tận dụng tối đa các tiết tự nghiên cứu để hoàn thành khóa luận một cách tốt nhất.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm: Điểm học phần được tính theo thang điểm 10

9.2. Điểm học phần: *Điểm học phần* là điểm trung bình của Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp (thang điểm 10).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

THỰC HIỆN NGHĨA VỤ HỢP ĐỒNG DÂN SỰ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Thực hiện nghĩa vụ hợp đồng dân sự (tiếng Anh): Fulfill civil contract obligations	
- Mã số học phần: 843112	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	22
+ Số tiết thực hành:	03
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	30
- Học phần tiên quyết:	Luật Dân sự - HP2 (843030);
- Học phần song hành (nếu có):	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Người học hiểu chuyên sâu hơn về giá trị của hợp đồng dân sự và nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dân sự. Biết cách phân tích và đánh giá hợp đồng, biết soạn thảo hợp đồng, biết vận dụng các quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng trong các tranh chấp về hợp đồng. Sử dụng các quy định của pháp luật để khởi kiện vụ án tranh chấp về hợp đồng

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Người học biết cách nhận biết các lỗi trong hợp đồng dân sự, từ đó có cách đánh giá và xem xét xử sự đối với các hợp đồng khi tiếp nhận phải giải quyết hoặc tư vấn các tranh chấp có liên quan đến hợp đồng dân sự.

Về kỹ năng: Người học có kỹ năng soạn thảo hợp đồng, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ khởi kiện vụ án tranh chấp về hợp đồng; Kỹ năng thu thập, nghiên cứu và đánh giá

chứng cứ; Kỹ năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng tại phiên tòa; Kỹ năng viết bản án.

Về thái độ: Giúp người học có phương pháp, tự tin trong việc nghiên cứu và xử lý các hoạt động có liên quan trong thực tiễn hành nghề luật cũng như tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia ký kết cũng như giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự. Nâng cao nhận thức cũng như ý thức về pháp luật, thấy được tầm quan trọng của pháp luật trong cuộc sống.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được: Khái niệm thực hiện nghĩa vụ dân sự; Nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ dân sự; Nội dung thực hiện nghĩa vụ dân sự	2
G2	Trình bày và cho ví dụ được các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; Phân biệt được sự khác nhau giữa các biện pháp: Bảo lãnh, cầm cố, thế chấp, đặt cọc, ký cược, ký quỹ tài sản	2
G3	Trình bày được khái niệm trách nhiệm dân sự do có hành vi vi phạm quan hệ nghĩa vụ dân sự; Phân loại trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ; Biết được các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ dân sự	3
G4	Trình bày được: Khái niệm, nguyên tắc áp dụng luật trong hợp đồng dân sự; Biết được trách nhiệm do vi phạm hợp đồng và các lợi phạt vi phạm hợp đồng.	2
G5	Hiểu rõ bản chất của tranh chấp hợp đồng dân sự và biết cách vận dụng một trong các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự trong những vụ việc cụ thể khi có khách hàng nhờ tư vấn giải quyết tranh chấp	3
G6	Trình bày được căn cứ pháp lý xác định thẩm quyền xét xử tranh chấp hợp đồng dân sự cụ thể của Tòa án nhân dân; Biết chuẩn bị hồ sơ khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng.	3
G7	Biết thu thập chứng cứ, phân tích và đánh giá chứng cứ trong các vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự	3
G8	Biết viết và trình bày bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho khách hàng tại phiên tòa sơ thẩm giải quyết về tranh chấp hợp đồng.	3

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. THỰC HIỆN NGHĨA VỤ DÂN SỰ

1.1. Thực hiện nghĩa vụ dân sự

- 1.1.1. Khái niệm thực hiện nghĩa vụ dân sự
- 1.1.2. Nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ dân sự
- 1.1.3. Nội dung thực hiện nghĩa vụ dân sự

1.2. Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự

- 1.2.1. Mục đích của biện pháp bảo lãnh, cầm cố, thế chấp khi giao kết hợp đồng dân sự
- 1.2.2. Các biện pháp bảo đảm khác

CHƯƠNG 2. TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ DO VI PHẠM NGHĨA VỤ

2.1. Khái niệm trách nhiệm dân sự do có hành vi vi phạm quan hệ nghĩa vụ dân sự

2.2. Phân loại trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ

2.3. Chấm dứt nghĩa vụ dân sự

- 2.3.1. Nghĩa vụ dân sự được hoàn thành
- 2.3.2. Chấm dứt nghĩa vụ theo thoả thuận của các bên
- 2.3.3. Nghĩa vụ dân sự chấm dứt do bên có quyền muốn thực hiện nghĩa vụ cho bên có nghĩa vụ
- 2.3.4. Nghĩa vụ dân sự chấm dứt do được thay thế bằng nghĩa vụ dân sự khác
- 2.3.5. Chấm dứt nghĩa vụ dân sự do bù trừ nghĩa vụ
- 2.3.6. Một số trường hợp khác

CHƯƠNG 3. TRÁCH NHIỆM PHẠT HỢP ĐỒNG DÂN SỰ

3.1. Hợp đồng dân sự

- 3.1.1. Khái niệm hợp đồng dân sự
- 3.1.2. Giao kết, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng dân sự
- 3.1.3. Nguyên tắc áp dụng luật trong hợp đồng dân sự

3.2. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

- 3.2.1. Trách nhiệm buộc phải thực hiện hợp đồng
- 3.2.2. Trách nhiệm bồi thường do vi phạm hợp đồng

3.3. Phạt vi phạm hợp đồng

- 3.3.1. Khái niệm phạt vi phạm hợp đồng
- 3.3.2. Đặc điểm phạt vi phạm hợp đồng
- 3.3.2. Đặc điểm phạt vi phạm hợp đồng

3.4. Các trường hợp không phải chịu trách nhiệm

CHƯƠNG 4. TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG DÂN SỰ VÀ CÁC PHƯƠNG THỨC

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG DÂN SỰ

4.1. Khái niệm, đặc điểm tranh chấp hợp đồng dân sự

- 4.1.1. Khái niệm tranh chấp hợp đồng dân sự

4.1.2. Đặc điểm tranh chấp hợp đồng dân sự

4.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự

4.2.1. Giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự bằng thương lượng

4.2.2. Giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự bằng hòa giải

4.2.3. Giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự bằng tòa án

4.3. Thực hành tình huống pháp luật:

Vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

CHƯƠNG 5.

QUYỀN YÊU CẦU TÒA ÁN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ HỢP ĐỒNG

5.1. Quyền được yêu cầu toàn án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự

5.1.1. Quyền được yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi bị xâm phạm

5.1.2. Căn cứ pháp lý xác định thẩm quyền xét xử tranh chấp hợp đồng dân sự của Tòa án nhân dân

5.2. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xét xử tranh chấp hợp đồng dân sự của Tòa án nhân dân

5.3. Hồ sơ khởi kiện vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự

5.3.1. Soạn đơn khởi kiện

5.3.2. Chuẩn bị các tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền khởi kiện là hợp pháp

5.4. Thực hành tình huống pháp luật

Vụ án tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

CHƯƠNG 6. ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG VỤ ÁN TRANH CHẤP VỀ HỢP ĐỒNG DÂN SỰ

6.1. Đánh giá chứng cứ trong vụ án tranh chấp hợp đồng

6.1.1. Mục đích của việc đánh giá chứng cứ

6.1.2. Giá trị của chứng cứ trong chứng minh

6.2. Xem xét các thuộc tính của chứng cứ trong vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự

6.3. Thực hành tình huống pháp luật

Vụ án về tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản

CHƯƠNG 7. VAI TRÒ CỦA LUẬT SƯ HOẶC CỦA NGƯỜI BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CHO ĐƯƠNG SỰ TẠI PHIÊN TÒA

7.1. Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự

7.2. Vai trò của luật sư hoặc của người bảo vệ quyền và lợi ích cho khách hàng tại phiên tòa sơ thẩm

7.2.1. Những việc cần làm của luật sư hoặc của người bảo vệ quyền và lợi ích cho khách hàng tại thủ tục bắt đầu phiên tòa

7.2.2. Vai trò của luật sư hoặc của người bảo vệ quyền và lợi ích cho khách hàng tại thủ tục tranh tụng tại phiên tòa

7.2.3. Những việc cần làm của luật sư hoặc của người bảo vệ quyền và lợi ích cho khách hàng tại thủ tục nghị án và tuyên án.

7.3. Thủ tục sau phiên tòa sơ thẩm

7.3.1. Theo dõi các thủ tục sau phiên tòa sơ thẩm của Tòa án

7.3.2. Tư vấn cho đương sự nên kháng cáo hoặc không kháng cáo.

CHƯƠNG 8. BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CHO ĐƯƠNG SỰ TRONG VỤ ÁN TRANH CHẤP VỀ HỢP ĐỒNG

8.1. Các công việc chuẩn bị khi tiến hành bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho đương sự trong vụ án tranh chấp về hợp đồng

8.1.1 Nhận biết loại hợp đồng dân sự có tranh chấp

8.1.2. Xác định các vấn đề cần chứng minh

8.1.3. Xác định luật áp dụng

8.1.4. Trả lời khách hàng

8.2. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho đương sự trong vụ án tranh chấp về hợp đồng

8.3.1. Cách viết bản luận cứ

8.3.2. Cách trình bày bản luận cứ

8.3. Thực hành tình huống pháp luật

Vụ án về tranh chấp hợp đồng mua bán nhà ở

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Bộ luật Tố tụng dân sự hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;

[2] Trường Đại học Luật Hà nội (2011), *Giáo trình Luật dân sự*, NXB. Giáo dục Việt Nam;

[3] Trường Đại học Luật Hà nội (2011), *Giáo trình Luật Tố tụng dân sự*, NXB. Giáo dục Việt Nam;

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] PGS.TS. Đỗ Văn Đại (2009), *Luật hợp đồng Việt Nam – Bản án và bình luận bản án*, NXB. Chính trị Quốc gia;

[2] PGS.TS. Nguyễn Ngọc Điện (), *Bình luận khoa học về Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong Luật Dân sự Việt Nam*. NXB. Trẻ, TP HCM;

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
----------------------	------------------	---------------------------------	------------------------------	-------------------

1	<p>CHƯƠNG 1. THỰC HIỆN NGHĨA VỤ DÂN SỰ</p> <p>1.1. Thực hiện nghĩa vụ dân sự</p> <p>1.1.1. Khái niệm thực hiện nghĩa vụ dân sự</p> <p>1.1.2. Nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ dân sự</p> <p>1.1.3. Nội dung thực hiện nghĩa vụ dân sự</p> <p>1.2. Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự</p> <p>1.2.1. Mục đích của biện pháp bảo lãnh, cầm cố, thế chấp khi giao kết hợp đồng dân sự</p> <p>1.2.2. Các biện pháp bảo đảm khác</p>	3 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.	G2
2	<p>Nếu điểm đặc trưng của các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự và so sánh</p>	3 tiết thực hành	SV: chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.	G2
3	<p>CHƯƠNG 2. TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ DO VI PHẠM NGHĨA VỤ</p> <p>2.1. Khái niệm trách nhiệm dân sự do có hành vi vi phạm quan hệ nghĩa vụ dân sự</p> <p>2.2. Phân loại trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ</p> <p>2.3. Chấm dứt nghĩa vụ dân sự</p> <p>2.3.1. Nghĩa vụ dân sự được hoàn thành</p> <p>2.3.2. Chấm dứt nghĩa vụ theo thoả thuận của các bên</p> <p>2.3.3. Nghĩa vụ dân sự chấm dứt do bên có quyền muốn thực hiện nghĩa vụ cho bên có nghĩa vụ</p> <p>2.3.4. Nghĩa vụ dân sự chấm dứt do được thay thế bằng nghĩa vụ dân sự khác</p> <p>2.3.5. Chấm dứt nghĩa vụ dân sự do bù trừ nghĩa vụ</p> <p>2.3.6. Một số trường hợp khác</p>	3 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.	G2

4	<p>CHƯƠNG 3. TRÁCH NHIỆM PHẠT HỢP ĐỒNG DÂN SỰ</p> <p>3.1. Hợp đồng dân sự</p> <p>3.1.1. Khái niệm hợp đồng dân sự</p> <p>3.1.2. Giao kết, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng dân sự</p> <p>3.1.3. Nguyên tắc áp dụng luật trong hợp đồng dân sự</p> <p>3.2. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng</p> <p>3.2.1. Trách nhiệm buộc phải thực hiện hợp đồng</p> <p>3.2.2. Trách nhiệm bồi thường do vi phạm hợp đồng</p> <p>3.3. Phạt vi phạm hợp đồng</p> <p>3.3.1. Khái niệm phạt vi phạm hợp đồng</p> <p>3.3.2. Đặc điểm phạt vi phạm hợp đồng</p> <p>3.3.2. Đặc điểm phạt vi phạm hợp đồng</p> <p>3.4. Các trường hợp không phải chịu trách nhiệm</p>	3 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, trả lời câu hỏi của GV.	G2
5	<p>CHƯƠNG 4. TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG DÂN SỰ VÀ CÁC PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG DÂN SỰ</p> <p>4.1. Khái niệm, đặc điểm tranh chấp hợp đồng dân sự</p> <p>4.1.1. Khái niệm tranh chấp hợp đồng dân sự</p> <p>4.1.2. Đặc điểm tranh chấp hợp đồng dân sự</p> <p>4.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự</p> <p>4.2.1. Giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự bằng thương lượng</p> <p>4.2.2. Giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự bằng hòa giải</p> <p>4.2.3. Giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự bằng tòa án</p> <p>4.3. Chuẩn bị thực hành tình huống pháp luật</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV. Đại diện nhóm trình bày nội dung trả lời câu hỏi (theo cách thức luân phiên)	G2 G3

	Vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản			
6	Thực hành tình huống pháp luật Vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản (Phương thức hòa giải)	3 tiết thực hành bài tập	SV: Đại diện nhóm trình bày nội dung trả lời câu hỏi (theo cách thức luân phiên)	G2 G3
7	CHƯƠNG 5. QUYỀN YÊU CẦU TÒA ÁN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ HỢP ĐỒNG 5.1. Quyền được yêu cầu toàn án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự 5.1.1. Quyền được yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi bị xâm phạm 5.1.2. Căn cứ pháp lý xác định thẩm quyền xét xử tranh chấp hợp đồng dân sự của Tòa án nhân dân 5.2. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xét xử tranh chấp hợp đồng dân sự của Tòa án nhân dân 5.3. Hồ sơ khởi kiện vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự 5.3.1. Soạn đơn khởi kiện 5.3.2. Chuẩn bị các tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền khởi kiện là hợp pháp 5.4. Chuẩn bị thực hành tình huống pháp luật Vụ án tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV. Đại diện nhóm trình bày nội dung trả lời câu hỏi (theo cách thức luân phiên)	G2 G3
8	Thực hành tình huống pháp luật Vụ án tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Chuẩn bị hồ sơ khởi kiện)	3 tiết thực hành bài tập	SV: Đại diện nhóm trình bày nội dung trả lời câu hỏi (theo cách	G2 G3

			thức luận phiên)	
9	<p>CHƯƠNG 6. ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG VỤ ÁN TRANH CHẤP VỀ HỢP ĐỒNG DÂN SỰ</p> <p>6.1. Đánh giá chứng cứ trong vụ án tranh chấp hợp đồng</p> <p>6.1.1. Mục đích của việc đánh giá chứng cứ</p> <p>6.1.2. Giá trị của chứng cứ trong chứng minh</p> <p>6.2. Xem xét các thuộc tính của chứng cứ trong vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự</p> <p>6.3. Chuẩn bị thực hành tình huống pháp luật</p> <p>Vụ án về tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.	G2; G3
10	<p>Thực hành chương 6</p> <p>Vụ án về tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản</p>	3 tiết thực hành bài tập	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.	G2; G3
11	<p>CHƯƠNG 7. VAI TRÒ CỦA LUẬT SƯ HOẶC CỦA NGƯỜI BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CHO ĐƯƠNG SỰ TẠI PHIÊN TÒA</p> <p>7.1. Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự</p> <p>7.2. Vai trò của luật sư hoặc của người bảo vệ quyền và lợi ích cho khách hàng tại phiên tòa sơ thẩm</p> <p>7.2.1. Những việc cần làm của luật sư hoặc của người bảo vệ quyền và lợi ích cho khách hàng tại thủ tục bắt đầu phiên tòa</p>	3 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.	G2

	<p>7.2.2. Vai trò của luật sư hoặc của người bảo vệ quyền và lợi ích cho khách hàng tại thủ tục tranh tụng tại phiên tòa</p> <p>7.2.3. Những việc cần làm của luật sư hoặc của người bảo vệ quyền và lợi ích cho khách hàng tại thủ tục nghị án và tuyên án.</p> <p>7.3. Thủ tục sau phiên tòa sơ thẩm</p> <p>7.3.1. Theo dõi các thủ tục sau phiên tòa sơ thẩm của Tòa án</p> <p>7.3.2. Tư vấn cho đương sự nên kháng cáo hoặc không kháng cáo.</p>			
12	<p>CHƯƠNG 8. BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CHO ĐƯƠNG SỰ TRONG VỤ ÁN TRANH CHẤP VỀ HỢP ĐỒNG</p> <p>8.1. Các công việc chuẩn bị khi tiến hành bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho đương sự trong vụ án tranh chấp về hợp đồng</p> <p>8.1.1 Nhận biết loại hợp đồng dân sự có tranh chấp</p> <p>8.1.2. Xác định các vấn đề cần chứng minh</p> <p>8.1.3. Xác định luật áp dụng</p> <p>8.1.4. Trả lời khách hàng</p> <p>8.2. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho đương sự trong vụ án tranh chấp về hợp đồng</p> <p>8.3.1. Cách viết bản luận cứ</p> <p>8.3.2. Cách trình bày bản luận cứ</p> <p>8.3. Chuẩn bị thực hành tình huống pháp luật</p> <p>Vụ án về tranh chấp hợp đồng mua bán nhà ở</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV. Đại diện nhóm trình bày nội dung trả lời câu hỏi (theo cách thức luân phiên)	G2 G3
13	<p>Thực hành tình huống pháp luật chương 8</p> <p>Vụ án về tranh chấp hợp đồng mua bán nhà ở (viết bài luận cứ: Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự)</p>	3 tiết thực hành bài tập	SV: Ghi chép, chia nhóm, trả lời câu hỏi của GV.	G2; G3; G4

			SV có quyền nhận bảo vệ cho nguyên đơn hoặc cho bị đơn trong vụ án.	
14	Diễn án Vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản	3 tiết thực hành	SV nhận vai diễn: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Đương sự, Thư ký phiên tòa. Các bạn không diễn án sẽ phải viết bài điều khiển phiên tòa sơ thẩm (vai trò chủ tọa phiên tòa)	G2; G3
15	Đối thoại + Giải đáp thắc mắc Trả bài, công bố điểm quá trình cho sinh viên	2 tiết bài tập + trả bài và công bố điểm quá trình cho SV	Hỏi – đáp giữa SV - GV	G3

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải làm bài tập về nhà theo yêu cầu của giảng viên, tra cứu thêm tài liệu, thu thập bản án, đọc trước bài mới.

- Sinh viên chuẩn bị thuyết trình theo chủ đề giảng viên giao sau mỗi bài học.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	<i>Điểm quá trình</i>	0,4 (1.1 +1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0,1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0,3	
2. Đánh giá cuối kỳ	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0,6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

KỸ NĂNG TƯ VẤN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng tư vấn hợp đồng lao động (tiếng Anh): Skills on consulting labor contracts	
- Mã số học phần: 843113	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	15
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Luật lao động
- Học phần song hành (nếu có):

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Môn học này cung cấp cho sinh viên lượng kiến thức cụ thể để ứng dụng trong thực tiễn về hợp đồng lao động, các điều khoản để có thể tự mình tham gia ký kết các hợp đồng lao động. Bên cạnh đó, sinh viên nhận biết các điều khoản có lợi hay bất lợi về điều kiện làm việc như địa điểm làm việc, phương tiện đi lại, thời gian làm việc và nghỉ ngơi; các tiêu chuẩn khi làm các công việc độc hại; các điều khoản bảo mật về thông tin khoa học công nghệ của công ty và có các kỹ năng xử lý khi thương lượng, đàm phán giao kết hợp đồng cũng như khi giải quyết tranh chấp về hợp đồng lao động.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên nhận thức những kiến thức lý luận về tư vấn hợp đồng lao động với các điều khoản chủ yếu và các điều khoản phòng ngừa rủi ro trong quá trình

thực hiện hợp đồng lao động, có kiến thức xác định các điều khoản bất lợi hay có lợi cho các bên là người sử dụng lao động hoặc người lao động.

Về kỹ năng: Học xong học phần này, sinh viên có kỹ năng xử lý các điều khoản có lợi hoặc bất lợi cho người lao động hoặc người sử dụng lao động một cách tốt nhất. Ngoài ra, có kỹ năng thương lượng, đàm phán về các vấn đề như tiền lương, bảo hiểm xã hội, điều kiện làm việc, nghỉ ngơi, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ tại công ty, nơi làm việc theo chuẩn mực luật định.

Về thái độ: Từ việc có những kiến thức pháp luật và các kỹ năng tư vấn về hợp đồng lao động, sinh viên sẽ hình thành, nâng cao ý thức pháp luật, tôn trọng và có thái độ tốt trong các hoạt động nghiệp vụ cụ thể của sinh viên sau khi ra trường làm việc tại các cơ quan tổ chức và pháp nhân kinh tế; tăng cường khả năng tư duy; ý thức, tinh thần học tập, lập luận, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đam mê khởi sự doanh nghiệp và có kỹ năng giải quyết tốt các tình huống pháp lý có liên quan..

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	<i>Hiểu</i> những yêu cầu đặt ra trong quá trình giao kết hợp đồng lao động như đối tượng, phạm vi áp dụng hợp đồng lao động, nguyên tắc giao kết hợp đồng, hình thức giao kết và chủ thể giao kết	3.0
G2	<i>Ghi nhớ</i> các bước soạn thảo hợp đồng lao động, các nội dung chủ yếu của một hợp đồng lao động, <i>phân tích</i> được những đặc điểm khác nhau của các ngành nghề, lĩnh vực lao động để <i>áp dụng</i> vào thực tiễn soạn thảo hợp đồng lao động	4.0
G3	<i>Ghi nhớ</i> các quy định pháp luật liên quan đến thay đổi nội dung hợp đồng lao động, điều chuyển người lao động sang làm công việc khác tạm thời, hoãn thực hiện hợp đồng lao động, <i>áp dụng</i> được vào các tình huống thực tiễn	3.5
G4	<i>Ghi nhớ</i> các quy định về các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động, các điều khoản phòng ngừa rủi ro khi chấm dứt hợp đồng lao động, <i>liên hệ</i> được với thực tiễn và có thể <i>áp dụng</i> vào những tình huống cụ thể	4.0
G5	<i>Ghi nhớ</i> các phương thức giải quyết tranh chấp trong lao động, <i>phân biệt</i> được sự khác nhau cũng như <i>phân tích</i> được ưu nhược điểm của mỗi phương thức để <i>vận dụng</i> linh hoạt trong thực tiễn	3.5

G6	<i>Phân tích</i> được tình huống trong thực tiễn để thể hiện thái độ phù hợp khi thương lượng, hoà giải	3.5
G7	<i>Hiểu</i> phương pháp, cách thức thu thập chứng cứ giải quyết tranh chấp, <i>áp dụng</i> vào thực tiễn	3.0

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: TƯ VẤN GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

1.1. Đối tượng và phạm vi áp dụng hợp đồng lao động

- 1.1.1 Đối tượng tham gia hợp đồng lao động
- 1.1.2. Phạm vi áp dụng hợp đồng lao động

1.2. Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động

- 1.2.1. Nguyên tắc tự do, tự nguyện và bình đẳng
- 1.2.2. Nguyên tắc không trái pháp luật và thoả ước lao động tập thể

1.3. Chủ thể giao kết hợp đồng lao động

- 1.3.1. Người lao động
- 1.3.2. Người sử dụng lao động

1.4. Hình thức giao kết hợp đồng lao động

1.5. Soạn thảo nội dung của hợp đồng lao động.

- 1.5.1. Công việc phải làm
- 1.5.2. Địa điểm làm việc
- 1.5.3. Chế độ làm việc
- 1.5.4. Chế độ nghỉ ngơi của người lao động.
- 1.5.5. Tiền lương
- 1.5.6. Tiền thưởng
- 1.5.7. Thời hạn của hợp đồng lao động
- 1.5.8. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế
- 1.5.9. Chế độ đào tạo
- 1.5.10. Chế độ bồi dưỡng nghiệp vụ
- 1.5.11. Điều khoản thanh lý hợp đồng

CHƯƠNG 2:

TƯ VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

2.1. Tư vấn thay đổi nội dung hợp đồng lao động

- 2.1.1 Quyền được thay đổi nội dung hợp đồng lao động
- 2.1.2. Ý nghĩa của việc thay đổi nội dung hợp đồng lao động

2.2. Tư vấn trong việc điều chuyển người lao động làm công việc khác tạm thời

- 2.2.2. Thủ tục điều chuyển
- 2.2.3. Thời hạn điều chuyển

- 2.2.4. Tiền lương của người lao động
- 2.3.5. Tư vấn hoãn thực hiện hợp đồng lao động

CHƯƠNG 3: TƯ VẤN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

3.1. Hợp đồng lao động chấm dứt do người lao động đơn phương chấm dứt

- 3.1.1. Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động
- 3.1.2. Hậu quả pháp lý của việc người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

3.2. Hợp đồng lao động chấm dứt do người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt

- 3.2.1. Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động
- 3.2.2. Hậu quả pháp lý của việc người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

3.3. Các điều khoản phòng ngừa rủi ro khi chấm dứt hợp đồng lao động

CHƯƠNG 4: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG LAO ĐỘNG

4.1. Các hình thức giải quyết tranh chấp

- 4.1.1. Thương lượng
- 4.1.2. Hòa giải
- 4.1.3. Khởi kiện tại tòa lao động

4.2. Tư vấn về thái độ khi thương lượng, hòa giải

4.3. Tư vấn về thu thập các chứng cứ giải quyết tranh chấp

- 4.3.1. Ý nghĩa của việc thu thập chứng cứ
- 4.3.2. Phương pháp thu thập chứng cứ

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

- [1] Bộ Luật Dân sự năm 2015 (Phần về hợp đồng Dân sự)
- [2] Bộ Luật Lao động năm 2013 (Phần về Hợp đồng Lao động)
- [3] Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] PGS.TS. Đỗ Văn Đại, sách chuyên khảo, *Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng VN: Bản án và bình luận bản án* –Tập 1 và 2, NXB - Đại học Quốc gia TP HCM-2014.

[2] Trung tâm TTQT VN, *Sách chuyên khảo, Giải quyết tranh chấp hợp đồng những điều DN cần biết*, NXB Trí thức - 2015.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1. TƯ VẤN GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG</p> <p>1.1. Đối tượng và phạm vi áp dụng hợp đồng lao động</p> <p>1.1.1. Đối tượng tham gia hợp đồng lao động</p> <p>1.1.2. Phạm vi áp dụng hợp đồng lao động</p> <p>1.2. Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động</p> <p>1.2.1. Nguyên tắc tự do, tự nguyện và bình đẳng</p> <p>1.2.2. Nguyên tắc không trái pháp luật và thoả ước lao động tập thể</p>	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G1
2	<p>1.3. Chủ thể giao kết hợp đồng lao động</p> <p>1.3.1. Người lao động</p> <p>1.3.2. Người sử dụng lao động</p> <p>1.4. Hình thức giao kết hợp đồng lao động</p>	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G1
3	<p>1.5. Soạn thảo nội dung của hợp đồng lao động.</p> <p>1.5.1. Công việc phải làm</p> <p>1.5.2. Địa điểm làm việc</p> <p>1.5.3. Chế độ làm việc</p> <p>1.5.4. Chế độ nghỉ ngơi của người lao động.</p> <p>1.5.5. Tiền lương</p> <p>1.5.6. Tiền thưởng</p> <p>1.5.7. Thời hạn của hợp đồng lao động</p>	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G2
4	<p>1.5. Soạn thảo nội dung của hợp đồng lao động.</p>	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do	G2

	1.5.8. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế 1.5.9. Chế độ đào tạo 1.5.10. Chế độ bồi dưỡng nghiệp vụ 1.5.11. Điều khoản thanh lý hợp đồng		GV đặt ra, thảo luận quan điểm	
5	Thực hành	3 tiết thực hành	Tư vấn giao kết hợp đồng lao động trong các trường hợp cụ thể.	G1, G2
6	Thực hành	3 tiết thực hành	Soạn thảo hợp đồng lao động	G1, G2
7	CHƯƠNG 2: TƯ VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG 2.1. Tư vấn thay đổi nội dung hợp đồng lao động 2.1.1. Quyền được thay đổi nội dung hợp đồng lao động 2.1.2. Ý nghĩa của việc thay đổi nội dung hợp đồng lao động	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G3
8	2.2. Tư vấn trong việc điều chuyển người lao động làm công việc khác tạm thời 2.2.2. Thủ tục điều chuyển 2.2.3. Thời hạn điều chuyển 2.2.4. Tiền lương của người lao động 2.3. Tư vấn hoàn thực hiện hợp đồng lao động	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G3
9	Thực hành	3 tiết thực hành	Thực hành tư vấn về việc thay đổi nội dung hợp đồng lao động và tư vấn trong việc điều chuyển người lao động làm công việc khác tạm thời	G3

10	<p>CHƯƠNG 3: TƯ VẤN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG</p> <p>3.1. Hợp đồng lao động chấm dứt do người lao động đơn phương chấm dứt</p> <p>3.1.1. Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động</p> <p>3.1.2. Hậu quả pháp lý của việc người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động</p>	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G4
11	<p>3.2. Hợp đồng lao động chấm dứt do người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt</p> <p>3.2.1. Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động</p> <p>3.2.2. Hậu quả pháp lý của việc người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động</p> <p>3.3. Các điều khoản phòng ngừa rủi ro khi chấm dứt hợp đồng lao động</p>	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G4
12	Thực hành	3 tiết thực hành	Thực hành tư vấn các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động	G4
13	<p>CHƯƠNG 4: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG LAO ĐỘNG</p> <p>4.1. Các hình thức giải quyết tranh chấp</p> <p>4.1.1. Thương lượng</p> <p>4.1.2. Hòa giải</p> <p>4.1.3. Khởi kiện tại tòa lao động</p>	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G5
14	4.2. Tư vấn về thái độ khi thương lượng, hòa giải	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do	G6, G7

	4.3. Tư vấn về thu thập các chứng cứ giải quyết tranh chấp 4.3.1. Ý nghĩa của việc thu thập chứng cứ 4.3.2. Phương pháp thu thập chứng cứ		GV đặt ra, thảo luận quan điểm	
15	Thực hành	3 tiết thực hành	Thực hành tư vấn giải quyết tranh chấp trong lao động	G5, G6, G7

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên đọc tài liệu theo tài liệu bắt buộc trong đề cương môn học
- Đọc các văn bản pháp luật liên quan để thực hành giải quyết tình huống.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6 (≥ 0.5)	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật Môi trường (tiếng Anh): The Environmental Law	
- Mã số học phần: 843042	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	22
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	08
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Luật Hành chính
- Học phần song hành (nếu có):	Không

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần Luật Môi trường là 1 học phần có vị trí quan trọng trong hệ thống kiến thức ngành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật môi trường như làm rõ các khái niệm: môi trường, ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường; quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; đi sâu vào tìm hiểu pháp luật môi trường trong các ngành, lĩnh vực như pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học; pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí; pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước; pháp luật về kiểm soát suy thoái đất; pháp luật về kiểm soát suy thoái rừng; pháp luật về kiểm soát suy thoái nguồn thủy sinh; pháp luật về kiểm soát nguồn gen; pháp luật về bảo tồn di sản; pháp luật về kiểm soát ô nhiễm đối với các hoạt động có ảnh hưởng đặc biệt đến môi trường; giải quyết tranh chấp môi trường; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; vấn đề thực thi các công ước quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (BVMT).

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Hoàn thiện tri thức lý luận cơ bản về pháp luật môi trường. Cụ thể như khái niệm môi trường, vai trò của môi trường; nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; ô nhiễm môi trường và kiểm soát ô nhiễm môi trường; suy thoái môi trường; đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược; kiểm soát suy thoái môi trường; sự cố môi trường và kiểm soát sự cố môi trường; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu...

Về kỹ năng: sinh viên sẽ vận dụng được những kiến thức đã học để tiếp cận, nhận định, so sánh, đánh giá hoạt động về bảo vệ môi trường, xử lý tình huống pháp lý trong hoạt động quản lý môi trường; biết cách thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và của người khác trong lĩnh vực BVMT khi có sự xâm phạm.

Về thái độ: Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên sẽ có ý thức và thái độ đúng đắn trong việc bảo vệ môi trường. Đồng thời có ý thức đấu tranh với các hoạt động gây ô nhiễm môi trường của tổ chức cá nhân.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	<i>Trình bày được</i> các khái niệm cơ bản liên quan để lĩnh vực môi trường như: môi trường, ô nhiễm môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường, rừng, đa dạng sinh học, đánh giá tác động môi trường, biến đổi khí hậu....	2
G2	<i>Cho ví dụ và nêu được các</i> đặc điểm, nội hàm, ý nghĩa của các khái niệm về môi trường	3
G3	<i>Trình bày được</i> các khái niệm, đặc điểm và các nội dung có liên quan đến những vấn đề pháp luật về môi trường như pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường, pháp luật về kiểm soát suy thoái rừng, pháp luật về kiểm soát nguồn gen, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu....	2
G4	<i>Nhận định, đánh giá</i> được việc thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu, vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường...	3
G5	<i>Đề xuất</i> những giải pháp, kiến nghị đối với việc hoàn thiện pháp luật về các nội dung đã được học.	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT MÔI TRƯỜNG

1.1. Khái niệm môi trường, bảo vệ môi trường

1.2. Môi trường và các ảnh hưởng mang tính phổ biến của môi trường

1.3. Bảo vệ môi trường và vai trò của pháp luật

1.4. Luật môi trường Việt Nam

1.4.1. Khái niệm

1.4.2. Sự phát triển của Luật môi trường Việt Nam

1.4.3. Nguồn của Luật Môi trường

CHƯƠNG 2. PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM, SUY THOÁI, SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

2.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường.

2.1.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường

2.1.2. Khái niệm suy thoái môi trường

2.1.3. Khái niệm sự cố môi trường

2.2. Kiểm soát ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường.

2.2.1. Khái niệm kiểm soát ô nhiễm môi trường

2.2.2. Các hình thức pháp lý của kiểm soát ô nhiễm môi trường

2.2.2.1. Thu thập, quản lý, công bố thông tin môi trường

2.2.2.2. Quy hoạch bảo vệ môi trường

2.2.2.3. Ban hành và áp dụng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường.

2.2.2.4. Quản lý chất thải

2.2.2.5. Xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng

2.2.2.6. Khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường; phòng ngừa, ứng phó, khắc phục và xử lý sự cố môi trường.

CHƯƠNG 3. PHÁP LUẬT BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

3.1. Khái quát về đa dạng sinh học và bảo vệ đa dạng sinh học (ĐDSH)

3.1.1. Khái niệm đa dạng sinh học, bảo vệ ĐDSH

3.1.2. Vai trò và giá trị của ĐDSH

3.1.3. Hiện trạng đa dạng sinh học ở Việt Nam và việc bảo vệ ĐDSH

3.1.4. Nguyên nhân của suy thoái ĐDSH

3.2. Pháp luật về đa dạng sinh học

3.2.1. Các quy định chung

3.2.2. Cấu thành chủ yếu của pháp luật về ĐDSH

3.2.2.1. PL về quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học

- 3.2.2.2. PL về bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên
- 3.2.2.3. PL về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật.
- 3.2.2.4. PL về bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên di truyền

CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG

4.1. Sơ lược quá trình phát triển của hoạt động đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược.

4.2. Khái niệm và bản chất pháp lý của đánh giá môi trường

- 4.2.1. Đánh giá môi trường
- 4.2.2. Đánh giá tác động môi trường (ĐTM)
- 4.2.3. Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)
- 4.2.4. Cam kết bảo vệ môi trường (CBM)

4.3. Ý nghĩa của quá trình đánh giá môi trường

4.4. Các giai đoạn chính của quá trình đánh giá môi trường

4.5. Những nội dung bản của Pháp luật về đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược.

- 4.5.1. Chủ thể có trách nhiệm đánh giá tác động môi trường
- 4.5.2. Trình tự tiến hành đánh giá tác động môi trường theo quy định của PL
- 4.5.3. Nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường
- 4.5.4. Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường
- 4.5.5. Kết quả thẩm định đánh giá môi trường
- 4.5.6. Hoạt động sau thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
- 4.5.7. Sự tham gia của cộng đồng dân cư vào quá trình đánh giá môi trường

4.6. Những nội dung bản của Pháp luật về kế hoạch BVMT

CHƯƠNG 5.

PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ

5.1. Khái niệm chung

- 5.1.1. Không khí, ô nhiễm không khí
- 5.1.2. Kiểm soát ô nhiễm không khí

5.2. Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí

- 5.2.1. Pháp luật về hệ thống quy chuẩn kỹ thuật môi trường không khí
- 5.2.2. Pháp luật về phòng, chống, khắc phục ô nhiễm không khí, cải thiện chất lượng không khí.
- 5.2.3. Pháp luật về kiểm soát nguồn ô nhiễm không khí
- 5.2.3. Pháp luật về hệ thống cơ quan kiểm soát ô nhiễm không khí

5.3. Xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí

CHƯƠNG 6.

PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM NGUỒN NƯỚC

6.1. Khái quát chung

- 6.1.1. Khái niệm nước, ảnh hưởng của hoạt động con người đối với tài nguyên nước (TNN)
- 6.1.2. Bảo vệ tài nguyên nước

6.2. Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước

- 6.2.1. Nghĩa vụ của NN trong việc kiểm soát ô nhiễm nguồn nước
- 6.2.2. Nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ, phát triển TNN

6.3. Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm nguồn nước

CHƯƠNG 7.

PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT SUY THOÁI ĐẤT

7.1. Khái quát chung

- 7.1.1. Khái niệm tài nguyên đất (TND)
- 7.1.2. Những ảnh hưởng từ tự nhiên đối với tài nguyên đất (TND)
- 7.1.3. Những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người

7.2. Pháp luật về kiểm soát suy thoái TND

- 7.2.1. PL về các hoạt động làm tăng khả năng sinh lợi của đất dưới góc độ MT
- 7.2.2. Các hành vi bị nghiêm cấm trong khi tiến hành các hoạt động trên đất
- 7.2.3. Quy định về việc sử dụng các loại hóa chất và phế phẩm vi sinh trên đất
- 7.2.4. Cơ quan quản lý NN về kiểm soát suy thoái TND

7.3. Xử lý vi phạm pháp luật về TND

CHƯƠNG 8.

PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT SUY THOÁI RỪNG

8.1. Khái niệm chung

- 8.1.1. Khái niệm và phân loại rừng
- 8.1.2. Khái niệm về kiểm soát suy thoái rừng

8.2. Pháp luật về kiểm soát suy thoái rừng

- 8.2.1. Pháp luật về hoạt động lập quy hoạch, kế hoạch Biến đổi khí hậu bảo vệ và phát triển rừng; thống kê theo dõi diễn biến TNR.
- 8.2.2. PL về hoạt động giao rừng, cho thuê rừng và thu hồi rừng
- 8.2.3. PL về hoạt động tự kiểm soát suy thoái rừng của các tổ chức, cá nhân
- 8.2.4. PL về kiểm soát suy thoái rừng, thực vật rừng hoang dã, nguy cấp, quý hiếm.
- 8.2.5. PL về hệ thống cơ quan kiểm soát suy thoái rừng.

8.3. Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kiểm soát suy thoái rừng.

CHƯƠNG 9.

PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT SUY THOÁI NGUỒN THỦY SINH

9.1. Khái quát chung

- 9.1.1. Khái niệm nguồn thủy sinh
- 9.1.2. Giá trị của nguồn thủy sinh
- 9.1.3. Những ảnh hưởng từ tự nhiên đối với nguồn thủy sinh

9.2. Pháp luật về kiểm soát suy thoái thủy sinh

- 9.2.1. Khái niệm kiểm soát suy thoái nguồn thủy sinh
- 9.2.2. Quy định về bảo vệ, tái tạo và phát triển giống loài thủy sinh
- 9.2.3. Quy định về công cụ, phương thức đánh bắt thủy sản nhằm bảo vệ thủy sinh.
- 9.2.4. Quy định về thức ăn, thuốc và các loại hóa chất dung trong nuôi trồng thủy sản có nguy cơ tác động đến nguồn thủy sinh.
- 9.2.5. Quy định về khai thác thủy sản có nguy cơ gây hại đến nguồn thủy sinh
- 9.2.6. Cơ quan quản lý nhà nước về kiểm soát suy thoái nguồn thủy sinh

9.3. Xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sinh

CHƯƠNG 10.

PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT NGUỒN GEN

10.1. Khái quát chung

- 10.1.1. Khái niệm gen
- 10.1.2. Các nguy cơ phát sinh trong hoạt động lưu trữ và biến đổi gen
- 10.1.3. Vai trò của hoạt động lưu trữ tính đa dạng di truyền và bảo đảm an toàn nguồn gen.

10.2. Pháp luật về kiểm soát nguồn gen.

10.3. Vi phạm pháp luật về kiểm soát nguồn gen.

CHƯƠNG 11. PHÁP LUẬT VỀ BẢO TỒN DI SẢN

11.1. Khái quát chung

- 11.1.1. Di sản văn hóa (DSVH)
- 11.1.2. Vai trò của DSVH đối với môi trường
- 11.1.3. Bảo vệ DSVH

11.2. Pháp luật về di sản văn hóa

- 11.2.1. Các dạng cụ thể của di sản văn hóa liên quan trực tiếp đến môi trường
- 11.2.2. Quy định về công nhận và bảo vệ DSVH vật thể liên quan trực tiếp đến môi trường

CHƯƠNG 12.

PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẶC BIỆT TỚI MÔI TRƯỜNG

- 12.1. Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động khoáng sản
- 12.2. Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động dầu khí
- 12.3. Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động xuất nhập khẩu
- 12.4. Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động du lịch

CHƯƠNG 13.

PHÁP LUẬT VỀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

- 13.1. Khái niệm biến đổi khí hậu, ứng phó biến đổi khí hậu (BĐKH)
- 13.2. Nội dung quản lý Nhà nước ứng phó với BĐKH
- 13.3. Quyền và trách nhiệm của cộng đồng trong ứng phó với biến đổi khí hậu
- 13.4. Hợp tác quốc tế về ứng phó với BĐKH

CHƯƠNG 14.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP MÔI TRƯỜNG

14.1. Khái quát chung

- 14.1.1. Khái niệm tranh chấp môi trường
- 14.1.2. Những dấu hiệu đặc trưng của tranh chấp môi trường
- 14.1.3. Yêu cầu đặt ra đối với việc giải quyết tranh chấp môi trường

14.2. Cơ chế giải quyết tranh chấp môi trường

- 14.2.1. Khái niệm
- 14.2.2. Nguyên tắc trong giải quyết tranh chấp môi trường
- 14.2.3. Các phương thức giải quyết tranh chấp môi trường

CHƯƠNG 15.

THỰC THI CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM, ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ BẢO TỒN THIÊN NHIÊN Ở VIỆT NAM

15.1. Khái quát chung

- 15.1.1. Khái niệm công ước quốc tế
- 15.1.2. Hệ thống các công ước quốc tế về môi trường
 - 15.1.2.1. Các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm
 - 15.1.2.2. Các công ước quốc tế về đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên

15.2. Vấn đề thực thi các công ước quốc tế

- 15.2.1. Ý nghĩa của việc thực thi các công ước quốc tế
- 15.2.2. Quy định của pháp luật nhằm thực thi các công ước quốc tế

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Luật Môi trường*, NXB. Công an Nhân Dân.

[2] Luật Bảo vệ môi trường 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành

6.2. Tài liệu tham khảo

[3] Hiến pháp 2013.

[4] Luật đất đai 2013

[5] Luật Lâm nghiệp 2017

[6] Luật Thủy sản 2017

[7] Luật Tài nguyên nước

[8] Luật Khoáng sản 2010

[9] Luật đa dạng sinh học 2008.

[10] Luật Xử lý vi phạm hành chính 2018.

[11] Các công ước quốc tế trong lĩnh vực môi trường

[12] Các website: www.ncpl.org.vn, www.na.gov.vn, www.chinhphu.vn, www.dangcongsan.vn.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT MÔI TRƯỜNG 1.1. Khái niệm môi trường, bảo vệ môi trường 1.2. Môi trường và các ảnh hưởng mang tính phổ biến của môi trường 1.3. Bảo vệ môi trường và vai trò của pháp luật 1.4. Luật môi trường Việt Nam 1.4.1. Khái niệm 1.4.2. Sự phát triển của Luật môi trường Việt Nam 1.4.3. Nguồn của Luật Môi trường	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2
2	CHƯƠNG 2. PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM, SUY THOÁI, SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài	G1, G2,

	<p>2.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường.</p> <p>2.1.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường</p> <p>2.1.2. Khái niệm suy thoái môi trường</p> <p>2.1.3. Khái niệm sự cố môi trường</p> <p>2.2. Kiểm soát ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường.</p> <p>2.2.1. Khái niệm kiểm soát ô nhiễm môi trường</p> <p>2.2.2. Các hình thức pháp lý của kiểm soát ô nhiễm môi trường</p> <p>2.2.2.1. Thu thập, quản lý, công bố thông tin môi trường</p> <p>2.2.2.2. Quy hoạch bảo vệ môi trường</p> <p>2.2.2.3. Ban hành và áp dụng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường.</p> <p>2.2.2.4. Quản lý chất thải</p> <p>2.2.2.5. Xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng</p> <p>2.2.2.6. Khắc phục ô nhiễm và phụ hồi môi trường; phòng ngừa, ứng phó, khắc phục và xử lý sự cố môi trường.</p>		<p>tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G3, G4</p>
3	<p>CHƯƠNG 3. PHÁP LUẬT BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC</p> <p>3.1. Khái quát về đa dạng sinh học và bảo vệ đa dạng sinh học (ĐDSH)</p> <p>3.1.1. Khái niệm đa dạng sinh học, bảo vệ ĐDSH</p> <p>3.1.2. Vai trò và giá trị của ĐDSH</p> <p>3.1.3. Hiện trạng đa dạng sinh học ở Việt Nam và việc bảo vệ ĐDSH</p> <p>3.1.4. Nguyên nhân của suy thoái ĐDSH</p> <p>3.2. Pháp luật về đa dạng sinh học</p> <p>3.2.1. Các quy định chung</p> <p>3.2.2. Cấu thành chủ yếu của pháp luật về ĐDSH</p>	<p>2 tiết Lý thuyết</p>	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G1, G2, G3, G4</p>

	<p>3.2.2.1. PL về quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học</p> <p>3.2.2.2. PL về bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên</p> <p>3.2.2.3. PL về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật.</p> <p>3.2.2.4. PL về bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên di truyền</p>			
4	<p>CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG</p> <p>4.1. Sơ lược quá trình phát triển của hoạt động đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược.</p> <p>4.2. Khái niệm và bản chất pháp lý của đánh giá môi trường</p> <p>4.2.1. Đánh giá môi trường</p> <p>4.2.2. Đánh giá tác động môi trường (ĐTM)</p> <p>4.2.3. Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)</p> <p>4.2.4. Cam kết bảo vệ môi trường (CBM)</p> <p>4.3. Ý nghĩa của quá trình đánh giá môi trường</p> <p>4.4. Các giai đoạn chính của quá trình đánh giá môi trường</p> <p>4.5. Những nội dung bản của Pháp luật về đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược.</p> <p>4.5.1. Chủ thể có trách nhiệm đánh giá tác động môi trường</p> <p>4.5.2. Trình tự tiến hành đánh giá tác động môi trường theo quy định của PL</p> <p>4.5.3. Nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường</p> <p>4.5.4. Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường</p>	2 tiết Lý thuyết	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	G1, G2, G3, G4

	<p>4.5.5. Kết quả thẩm định đánh giá môi trường</p> <p>4.5.6. Hoạt động sau thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường</p> <p>4.5.7. Sự tham gia của cộng đồng dân cư vào quá trình đánh giá môi trường</p> <p>4.6. Những nội dung bản của Pháp luật về kế hoạch BVMT</p>			
5	<p>CHƯƠNG 5. PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ</p> <p>5.1. Khái niệm chung</p> <p>5.1.1. Không khí, ô nhiễm không khí</p> <p>5.1.2. Kiểm soát ô nhiễm không khí</p> <p>5.2. Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí</p> <p>5.2.1. Pháp luật về hệ thống quy chuẩn kỹ thuật môi trường không khí</p> <p>5.2.2. Pháp luật về phòng, chống, khắc phục ô nhiễm không khí, cải thiện chất lượng không khí.</p> <p>5.2.3. Pháp luật về kiểm soát nguồn ô nhiễm không khí</p> <p>5.2.3. Pháp luật về hệ thống cơ quan kiểm soát ô nhiễm không khí</p> <p>5.3. Xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí</p>	2 tiết Lý thuyết	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	G1, G2, G3, G4
6	<p>CHƯƠNG 6. PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM NGUỒN NƯỚC</p> <p>6.1. Khái quát chung</p> <p>6.1.1. Khái niệm nước, ảnh hưởng của hoạt động con người đối với tài nguyên nước (TNN)</p> <p>6.1.2. Bảo vệ tài nguyên nước</p> <p>6.2. Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước</p>	2 tiết Lý thuyết	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	G1, G2, G3, G4

	<p>6.2.1. Nghĩa vụ của NN trong việc kiểm soát ô nhiễm nguồn nước</p> <p>6.2.2. Nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ, phát triển TNN</p> <p>6.3. Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm nguồn nước.</p>			
7	<p>CHƯƠNG 7. PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT SUY THOÁI ĐẤT</p> <p>7.1. Khái quát chung</p> <p>7.1.1. Khái niệm tài nguyên đất (TND)</p> <p>7.1.2. Những ảnh hưởng từ tự nhiên đối với tài nguyên đất (TND)</p> <p>7.1.3. Những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người</p> <p>7.2. Pháp luật về kiểm soát suy thoái TND</p> <p>7.2.1. PL về các hoạt động làm tăng khả năng sinh lợi của đất dưới góc độ MT</p> <p>7.2.2. Các hành vi bị nghiêm cấm trong khi tiến hành các hoạt động trên đất</p> <p>7.2.3. Quy định về việc sử dụng các loại hóa chất và phế phẩm vi sinh trên đất</p> <p>7.2.4. Cơ quan quản lý NN về kiểm soát suy thoái TND</p> <p>7.3. Xử lý vi phạm pháp luật về TND.</p>	2 tiết Lý thuyết	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	G1, G2, G3, G4
8	<p>CHƯƠNG 8. PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT SUY THOÁI RỪNG</p> <p>8.1. Khái niệm chung</p> <p>8.1.1. Khái niệm và phân loại rừng</p> <p>8.1.2. Khái niệm về kiểm soát suy thoái rừng</p> <p>8.2. Pháp luật về kiểm soát suy thoái rừng</p> <p>8.2.1. Pháp luật về hoạt động lập quy hoạch, kế hoạch Biến đổi khí hậu và phát triển rừng; thống kê theo dõi diễn biến TNR.</p>	2 tiết Lý thuyết	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	G1, G2, G3, G4

	<p>8.2.2. PL về hoạt động giao rừng, cho thuê rừng và thu hồi rừng</p> <p>8.2.3. PL về hoạt động tự kiểm soát suy thoái rừng của các tổ chức, cá nhân</p> <p>8.2.4. PL về kiểm soát suy thoái rừng, thực vật rừng hoang dã, nguy cấp, quý hiếm.</p> <p>8.2.5. PL về hệ thống cơ quan kiểm soát suy thoái rừng.</p> <p>8.3. Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kiểm soát suy thoái rừng.</p>			
9	<p>CHƯƠNG 9. PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT SUY THOÁI NGUỒN THỦY SINH</p> <p>9.1. Khái quát chung</p> <p>9.1.1. Khái niệm nguồn thủy sinh</p> <p>9.1.2. Giá trị của nguồn thủy sinh</p> <p>9.1.3. Những ảnh hưởng từ tự nhiên đối với nguồn thủy sinh</p> <p>9.2. Pháp luật về kiểm soát suy thoái thủy sinh</p> <p>9.2.1. Khái niệm kiểm soát suy thoái nguồn thủy sinh</p> <p>9.2.2. Quy định về bảo vệ, tái tạo và phát triển giống loài thủy sinh</p> <p>9.2.3. Quy định về công cụ, phương thức đánh bắt thủy sản nhằm bảo vệ thủy sinh.</p> <p>9.2.4. Quy định về thức ăn, thức uống và các loại hóa chất dung trong nuôi trồng thủy sản có nguy cơ tác động đến nguồn thủy sinh.</p> <p>9.2.5. Quy định về khai thác thủy sản có nguy cơ gây hại đến nguồn thủy sinh</p> <p>9.2.6. Cơ quan quản lý nhà nước về kiểm soát suy thoái nguồn thủy sinh</p> <p>9.3. Xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sinh</p>	<p>1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận</p>	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G1, G2, G3, G4</p>

10	<p>CHƯƠNG 10. PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT NGUỒN GEN – KIỂM TRA</p> <p>10.1 Khái quát chung</p> <p>10.1.1. Khái niệm gen</p> <p>10.1.2. Các nguy cơ phát sinh trong hoạt động lưu trữ và biến đổi gen</p> <p>10.1.3. Vai trò của hoạt động lưu trữ tính đa dạng di truyền và bảo đảm an toàn nguồn gen.</p> <p>10.2. Pháp luật về kiểm soát nguồn gen.</p> <p>20.3. Vi phạm pháp luật về kiểm soát nguồn gen.</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết kiểm tra	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3, G4
11	<p>CHƯƠNG 11. PHÁP LUẬT VỀ BẢO TỒN DI SẢN</p> <p>11.1. Khái quát chung</p> <p>11.1.1. Di sản văn hóa (DSVH)</p> <p>11.1.2. Vai trò của DSVH đối với môi trường</p> <p>11.1.3. Bảo vệ DSVH</p> <p>11.2. Pháp luật về di sản văn hóa</p> <p>11.2.1. Các dạng cụ thể của di sản văn hóa liên quan trực tiếp đến môi trường</p> <p>11.2.2. Quy định về công nhận và bảo vệ DSVH vật thể liên quan trực tiếp đến môi trường.</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3, G4
12	<p>CHƯƠNG 12. PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẶC BIỆT TỚI MÔI TRƯỜNG</p> <p>12.1. Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động khoáng sản</p> <p>12.2. Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động dầu khí</p> <p>12.3. Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động xuất nhập khẩu</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3, G4

	12.4. Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động du lịch			
13	<p>CHƯƠNG 13. PHÁP LUẬT VỀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</p> <p>13.1. Khái niệm biến đổi khí hậu, ứng phó biến đổi khí hậu (BĐKH)</p> <p>13.2. Nội dung quản lý Nhà nước ứng phó với BĐKH</p> <p>13.3. Quyền và trách nhiệm của cộng đồng trong ứng phó với biến đổi khí hậu</p> <p>13.4. Hợp tác quốc tế về ứng phó với BĐKH.</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3, G4
14	<p>CHƯƠNG 14. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP MÔI TRƯỜNG</p> <p>14.1. Khái quát chung</p> <p>14.1.1. Khái niệm tranh chấp môi trường</p> <p>14.1.2. Những dấu hiệu đặc trưng của tranh chấp môi trường</p> <p>14.1.3. Yêu cầu đặt ra đối với việc giải quyết tranh chấp môi trường</p> <p>14.2. Cơ chế giải quyết tranh chấp môi trường</p> <p>14.2.1. Khái niệm</p> <p>14.2.2. Nguyên tắc trong giải quyết tranh chấp môi trường</p> <p>14.2.3. Các phương thức giải quyết tranh chấp môi trường.</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3, G4 G5
15	<p>CHƯƠNG 15. THỰC THI CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM, ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ BẢO TỒN THIÊN NHIÊN Ở VIỆT NAM</p> <p>15.1. Khái quát chung</p> <p>15.1.1. Khái niệm công ước quốc tế</p> <p>15.1.2. Hệ thống các công ước quốc tế về môi trường</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3, G4 G5

15.1.2.1. Các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm			
15.1.2.2. Các công ước quốc tế về đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên			
15.2. Vấn đề thực thi các công ước quốc tế			
15.2.1. Ý nghĩa của việc thực thi các công ước quốc tế			
15.2.2. Quy định của pháp luật nhằm thực thi các công ước quốc tế			

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên cần có kiến thức cơ bản về Lý luận chung nhà nước và pháp luật, Luật Hành chính, Luật Hiến pháp.

- Đọc tài liệu trước khi lên lớp; làm bài tập thảo luận nhóm, thuyết trình khi giảng viên có yêu cầu.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên..

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về quản lý hành chính Nhà nước (tiếng Anh): Laws on State administrative management	
- Mã số học phần: 843312 (843114)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần học trước:	Luật Hành chính (843028)
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Nội dung học phần gồm 05 chương (Chi tiết tại Mục 5).

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Người học phải nắm được những kiến thức pháp luật cơ bản về quản lý hành chính nhà nước được nêu tại Mục 4 (Nội dung chi tiết học phần).

- Khái niệm, đặc trưng, phạm vi, chức năng, năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước;

- Pháp luật về tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước;

- Pháp luật về quản lý công vụ, công chức, viên chức nhà nước; quyết định quản lý hành chính nhà nước và kỹ thuật điều hành công sở.

Về kỹ năng:

- Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị để tiếp cận, phân tích, đánh giá các vấn đề về quản lý hành chính nhà nước;

- Xử lý tình huống pháp lý trong thực tiễn hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

Về thái độ: Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên sẽ có ý thức và thái độ đúng đắn trong việc nhận thức, đánh giá hoạt động quản lý hành chính nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm quản lý Nhà nước, đặc trưng quản lý Nhà nước	2
G2	Xác định được phạm vi, chức năng quản lý hành chính Nhà nước Xác định được hiệu lực hiệu quả quản lý Nhà nước Xác định cách thức, phương hướng nâng cao hiệu quả quản lý hành chính	4
G3	Trình bày được mục tiêu hoạt động, thẩm quyền của các cơ quan hành chính Nhà nước	2
G4	Trình bày được tổ chức hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước	3
G5	Trình bày được khái niệm công vụ, chế độ công vụ, trách nhiệm công vụ, Trình bày được các nội dung về quản lý công chức, viên chức	2
G6	Xác định và phân biệt được cán bộ, công chức, viên chức	3
G7	Nhận biết và phân loại được quyết định quản lý hành chính Nhà nước Xác định được yêu cầu về tính hợp pháp và tính hợp lý trong quyết định quản lý hành chính Nhà nước	4
G8	Trình bày được khái niệm công sở, vai trò của công sở trong quản lý hành chính	2
G9	Nhận thức và xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động công sở	3
G10	Tự xây dựng 1 quyết định hành chính Nhà nước	5
G11	Thực hành được các bước trong khiếu kiện quyết định hành chính	5

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. KHÁI NIỆM QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

1.1. Quản lý hành chính nhà nước

- 1.1.1. Quan niệm về quản lý hành chính nhà nước
- 1.1.2. Đặc trưng cơ bản quản lý hành chính nhà nước
- 1.1.3. Phạm vi quản lý hành chính nhà nước
- 1.1.4. Chức năng quản lý hành chính nhà nước

1.2. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý HCNN

- 1.2.1. Quan niệm về năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý HCNN
- 1.2.2. Sự cần thiết phải nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý HCNN
- 1.2.3. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý HCNN

Chương 2. PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

2.1. Những vấn đề cơ bản về tổ chức cơ quan hành chính nhà nước

- 2.1.1. Mục tiêu hoạt động của cơ quan HCNN
- 2.1.2. Thiết lập cơ quan HCNN trong bộ máy nhà nước
- 2.1.3. Quyền lực và thẩm quyền của cơ quan HCNN
- 2.1.4. Quy mô và nguồn lực hoạt động của cơ quan HCNN

2.2. Tổ chức hệ thống cơ quan hành chính nhà nước

- 2.2.1. Chính phủ
- 2.2.2. Bộ cơ quan ngang bộ
- 2.2.3. Cơ quan thuộc Chính phủ
- 2.2.4. Ủy ban nhân dân các cấp
- 2.2.5. Cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân các cấp

2.3. Bài tập về các cơ quan hành chính và tổ chức bộ máy hành chính

Chương 3. PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ CÔNG VỤ CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC NHÀ NƯỚC

3.1.1. Khái niệm công vụ

- 3.1.2. Chế độ công vụ
- 3.1.3. Trách nhiệm công vụ

3.2. Cán bộ, công chức nhà nước

- 3.2.1. Quan niệm về cán bộ, công chức nhà nước
- 3.2.2. Quản lý cán bộ, công chức nhà nước

3.3. Viên chức nhà nước

- 3.3.1. Quan niệm về viên chức nhà nước
- 3.3.2. Quản lý viên chức nhà nước

3.4. Bài tập/ thảo luận về xác định công vụ, cán bộ, công chức, viên chức

Chương 4. QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

4.1. Khái quát về quyết định quản lý hành chính nhà nước

- 4.1.1. Khái niệm và đặc điểm của quyết định quản lý HCNN

Commented [k3]: Mục 3.1?

4.1.2. Phân loại quyết định quản lý hành chính nhà nước

4.2. Yêu cầu về tính hợp pháp và tính hợp lý của quyết định quản lý hành chính nhà nước

4.2.1. Yêu cầu về tính hợp pháp

4.2.2. Yêu cầu về tính hợp lý

4.2.3. Xử lý quyết định quản lý hành chính nhà nước

4.3. Việc khiếu kiện quyết định quản lý hành chính nhà nước

4.3.1. Khiếu nại quyết định quản lý hành chính nhà nước

4.3.2. Khởi kiện quyết định quản lý hành chính nhà nước

Chương 5. KỸ NĂNG ĐIỀU HÀNH CÔNG SỞ

5.1. Công sở và vai trò của công sở trong quản lý nhà nước

5.1.1. Khái niệm công sở

5.1.2. Vai trò của công sở trong quản lý nhà nước

5.2. Kỹ năng điều hành công sở

5.2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động công sở

5.2.2. Tổ chức cơ cấu bộ máy hợp lý

5.2.3. Nhân tố con người trong hoạt động công sở

5.2.4. Cơ chế vận hành công sở

5.2.5. Những đảm bảo cho hoạt động công sở

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB. Công an nhân dân

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Học viện Hành chính Quốc gia (2018), *Tài liệu bồi dưỡng về quản lý hành chính nhà nước (Phần II, chương trình chuyên viên)*, NXB. Khoa học và kỹ thuật;

[3] Học viện Hành chính Quốc gia (2010), *Kỹ thuật tổ chức công sở*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4] Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	Chương 1. KHÁI NIỆM QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC 1.1. Quản lý hành chính nhà nước	3 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm	G1; G2

	<p>1.1.1. Quan niệm về quản lý hành chính nhà nước</p> <p>1.1.2. Đặc trưng cơ bản quản lý hành chính nhà nước</p> <p>1.1.3. Phạm vi quản lý hành chính nhà nước</p> <p>1.1.4. Chức năng quản lý hành chính nhà nước</p> <p>1.2. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý HCNN</p> <p>1.2.1. Quan niệm về năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý HCNN</p> <p>1.2.2. Sự cần thiết phải nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý HCNN</p> <p>1.2.3. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý HCNN</p>		Thuyết trình, trả lời câu hỏi	
2	<p>1 Chương 2. PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</p> <p>2.1. Những vấn đề cơ bản về tổ chức cơ quan hành chính nhà nước</p> <p>2.1.1. Mục tiêu hoạt động của cơ quan HCNN</p> <p>2.1.2. Thiết lập cơ quan HCNN trong bộ máy nhà nước</p> <p>2.1.3. Quyền lực và thẩm quyền của cơ quan HCNN</p> <p>2.1.4. Quy mô và nguồn lực hoạt động của cơ quan HCNN</p>	3 tiết Lý thuyết	<p>Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm</p> <p>Thuyết trình, trả lời câu hỏi</p>	G1
3	<p>2.2. Tổ chức hệ thống cơ quan hành chính nhà nước</p> <p>2.2.1. Chính phủ</p> <p>2.2.2. Bộ cơ quan ngang bộ</p> <p>2.2.3. Cơ quan thuộc Chính phủ</p> <p>2.2.4. Ủy ban nhân dân các cấp</p> <p>2.2.5. Cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân các cấp</p>	3 tiết Lý thuyết	<p>Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm</p> <p>Thuyết trình, trả lời câu hỏi</p>	G1; G2
4	2.3. Bài tập về các cơ quan hành	3 tiết bài tập	việc nhóm	

	chính và tổ chức bộ máy hành chính		Thuyết trình, trả lời câu hỏi	
5	Chương 3. PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ CÔNG VỤ CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC NHÀ NƯỚC 3.1.1. Khái niệm công vụ 3.1.2. Chế độ công vụ 3.1.3. Trách nhiệm công vụ	3 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G3; G4
6	3.2. Cán bộ, công chức nhà nước 3.2.1. Quan niệm về cán bộ, công chức nhà nước 3.2.2. Quản lý cán bộ, công chức nhà nước 3.3. Viên chức nhà nước 3.3.1. Quan niệm về viên chức nhà nước 3.3.2. Quản lý viên chức nhà nước	3 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G6; G7
7	3.4. Bài tập/ thảo luận về xác định công vụ, cán bộ, công chức, viên chức	3 tiết thảo luận		G6
8	Chương 4. QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC 4.1. Khái quát về quyết định quản lý hành chính nhà nước 4.1.1. Khái niệm và đặc điểm của quyết định quản lý HCNN 4.1.2. Phân loại quyết định quản lý hành chính nhà nước	3 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G6; G7
9	4.2. Yêu cầu về tính hợp pháp và tính hợp lý của quyết định quản lý hành chính nhà nước 4.2.1. Yêu cầu về tính hợp pháp 4.2.2. Yêu cầu về tính hợp lý 4.2.3. Xử lý quyết định quản lý hành chính nhà nước	3 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G6
10	4.3. Việc khiếu kiện quyết định quản lý hành chính nhà nước 4.3.1. Khiếu nại quyết định quản lý	3 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm	G7

	hành chính nhà nước 4.3.2. Khởi kiện quyết định quản lý hành chính nhà nước		Thuyết trình, trả lời câu hỏi	
11	4.4. Bài tập nhóm về quyết định hành chính và khiếu kiện quyết định hành chính	3 tiết bài tập	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi, đóng vai	G7
12	Chương 5. KỸ NĂNG ĐIỀU HÀNH CÔNG SỞ 5.1. Công sở và vai trò của công sở trong quản lý nhà nước 5.1.1. Khái niệm công sở 5.1.2. Vai trò của công sở trong quản lý nhà nước	3 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G8
13	5.2. Kỹ năng điều hành công sở 5.2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động công sở 5.2.2. Tổ chức cơ cấu bộ máy hợp lý 5.2.3. Nhân tố con người trong hoạt động công sở 5.2.4. Cơ chế vận hành công sở 5.2.5. Những đảm bảo cho hoạt động công sở	3 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G9
14	5.3. Thảo luận/ bài tập về kỹ năng điều hành công sở	3 tiết Bài tập	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G10
15	Giải đáp thắc mắc, ôn tập, giải quyết tình huống quản lý NN,	3 tiết Bài tập	- Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G10

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học luật hành chính
- Làm bài tập nhóm

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.
- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
PHỤ TRÁCH**

TS. Hoàng Thị Việt Anh ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về Xử lý vi phạm hành chính (tiếng Anh): The Law on Handling Administrative Violations	
- Mã số học phần: 843059	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	25
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	20
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Luật Hành chính
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính*)

Học phần Luật Xử lý vi phạm hành chính là 1 học phần có vị trí quan trọng trong hệ thống kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về vấn đề xử lý vi phạm hành chính như: lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật xử lý VPHC, hệ thống văn bản pháp luật hiện hành, vai trò và ý nghĩa của pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật hành chính nói riêng; tìm hiểu và phân tích, vận dụng những quy định cụ thể của Luật XLVPHC: thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; nguyên tắc xử lý VPHC; thời hiệu xử lý vi phạm hành chính; thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; đối tượng bị xử lý VPHC; các biện pháp xử phạt hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả; các biện pháp xử lý hành chính khác; thủ tục xử lý VPHC.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Hoàn thiện tri thức lý luận chuyên sâu về pháp luật xử lý vi phạm hành chính; phân biệt được vi phạm hành chính với các hình thức vi phạm pháp luật khác; phân biệt được hai dạng hoạt động: xử phạt vi phạm hành chính và xử lý hành chính khác, nắm được cơ sở thực tế và cơ sở pháp lý của trách nhiệm hành chính...

Về kỹ năng: sinh viên sẽ vận dụng được những kiến thức đã học để tiếp cận, nhận định, so sánh, đánh giá hoạt động xử lý vi phạm hành chính giữa lý thuyết và thực tiễn, qua đó vận dụng pháp luật để xử lý các tình huống giả định; có tri thức để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và của người khác; đồng thời, có những đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật trên thực tế.

Về thái độ: Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên sẽ có thái độ đúng đắn đối khi nhìn nhận các hoạt động quản lý nhà nước nói chung và hoạt động xử lý vi phạm hành chính nói riêng; qua đó, có ý thức rèn luyện, phấn đấu trở thành 1 công dân tốt; là 1 cán bộ, công chức, viên chức,...có năng lực và phẩm hạnh trong tương lai.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	<i>Trình bày được</i> các khái niệm và nội dung cơ bản về xử lý vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính, thời hiệu, thời hạn xử lý VPHC, nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính, đối tượng xử lý, thẩm quyền xử lý VPHC...	2
G2	<i>Cho ví dụ và phân biệt được</i> giữa vi phạm hành chính với các hình thức vi phạm pháp luật khác; các hình thức xử phạt vi phạm hành chính; xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực	3
G3	<i>Nhận định, đánh giá được</i> việc thực hiện các hoạt động xử lý vi phạm hành chính trên thực tiễn.	3
G4	<i>Đề xuất</i> những giải pháp, kiến nghị đối với việc hoàn thiện pháp luật về các nội dung đã được học.	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHÁP LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật xử lý vi phạm hành chính (VPHC)

1.2. Hệ thống văn bản pháp luật hiện hành về xử lý VPHC

1.2.1. Văn bản Luật

1.2.2. Văn bản dưới Luật

1.3. Vai trò, ý nghĩa của pháp luật xử lý VPHC.

CHƯƠNG 2. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

2.1. Khái niệm xử lý VPHC

2.1.1. Xử lý vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính

2.1.2. Các biện pháp xử lý hành chính khác

2.2. Nguyên tắc xử lý VPHC

2.3. Đối tượng bị xử lý VPHC

2.4. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

2.5. Thời hiệu xử lý VPHC

2.6. Thời hạn được coi là chưa bị xử lý VPHC

2.7. Thẩm quyền xử lý VPHC và nguyên tắc xác định thẩm quyền xử lý VPHC

2.7.1. Thẩm quyền xử lý VPHC

2.7.2. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử lý VPHC

CHƯƠNG 3. CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

3.1. Các hình thức xử phạt VPHC

3.1.1. Các hình thức xử phạt chính

3.1.1.1. Cảnh cáo

3.1.1.2. Phạt tiền

3.1.1.3. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn

3.1.1.4. Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính)

3.1.1.5. Trục xuất

3.1.2. Các hình thức xử phạt bổ sung

3.1.2.1. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn

3.1.2.2. Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính)

3.1.2.3. Trục xuất.

3.2. Các biện pháp khắc phục hậu quả

- 3.2.1. Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;
- 3.2.2. Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;
- 3.2.3. Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;
- 3.2.4. Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện;
- 3.2.5. Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;
- 3.2.6. Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;
- 3.2.7. Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;
- 3.2.8. Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng;
- 3.2.9. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;
- 3.2.10. Các biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định.

CHƯƠNG 4. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH KHÁC

4.1. Khái niệm và đặc điểm

4.2. Các biện pháp cụ thể:

- 4.2.1. Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn
- 4.2.2. Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng
- 4.2.3. Biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc
- 4.2.4. Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

4.3. Thủ tục áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác

CHƯƠNG 5. THỦ TỤC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

5.1. Buộc chấm dứt hành vi VPHC

5.2. Thủ tục đơn giản

5.3. Thủ tục thông thường

- 5.3.1. Khởi xướng việc xử lý
- 5.3.2. Chuẩn bị xử lý VPHC
- 5.3.3. Ra quyết định xử lý VPHC
- 5.3.4. Thi hành quyết định xử lý VPHC
- 5.3.5. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại quyết định xử lý VPHC, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn, giải quyết tố cáo.

**CHƯƠNG 6. PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ
VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN**

6.1. Khái niệm

6.2. Nguyên tắc xử lý

6.3. Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

6.4. Thời hạn được coi là chưa bị xử lý VPHC đối với người chưa thành niên

6.5. Các biện pháp thay thế xử lý VPHC

**CHƯƠNG 7. PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ
VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC**

7.1. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ

7.2. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội

7.3. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường

7.4. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai

7.5. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục

7.6. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế

7.7. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khác...

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình Luật Hành chính*, NXB. Công an nhân dân.

[2] Luật Xử lý vi phạm hành chính 2018.

[3] Các Nghị định, Thông tư của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[4] Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (SĐ, BS năm 2007, 2008).

[5] Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012.

[6] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

[7] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Những vấn đề cơ bản, câu hỏi và tình huống*, NXB. Lao động.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
-------------------------------	-------------------------	--	--------------------------------------	----------------------------

1	<p>CHƯƠNG I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHÁP LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH</p> <p>1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật xử lý vi phạm hành chính (VPHC)</p> <p>1.2. Hệ thống văn bản pháp luật hiện hành về xử lý VPHC</p> <p>1.2.1. Văn bản Luật</p> <p>1.2.2. Văn bản dưới Luật</p> <p>1.3. Vai trò, ý nghĩa của pháp luật xử lý VPHC.</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1,
2	<p>CHƯƠNG 2. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH</p> <p>2.1. Khái niệm xử lý VPHC</p> <p>2.1.1. Xử lý vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính</p> <p>2.1.2. Các biện pháp xử lý hành chính khác</p> <p>2.2. Nguyên tắc xử lý VPHC</p> <p>2.3. Đối tượng bị xử lý VPHC</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
3	<p>CHƯƠNG 2. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH (TT)</p> <p>2.4. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ</p> <p>2.5. Thời hiệu xử lý VPHC</p> <p>2.6. Thời hạn được coi là chưa bị xử lý VPHC</p> <p>2.7. Thẩm quyền xử lý VPHC và nguyên tắc xác định thẩm quyền xử lý VPHC</p> <p>2.7.1. Thẩm quyền xử lý VPHC</p> <p>2.7.2. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử lý VPHC</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập		
4	<p>CHƯƠNG 3. CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH</p>		Đọc tài liệu trước khi lên	G2, G3,

	<p>CHÍNH VÀ CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ</p> <p>3.1. Các hình thức xử phạt VPHC</p> <p>3.1.1. Các hình thức xử phạt chính</p> <p>3.1.1.1. Cảnh cáo</p> <p>3.1.1.2. Phạt tiền</p> <p>3.1.1.3. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn</p> <p>3.1.1.4. Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính)</p> <p>3.1.1.5. Trục xuất</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G4
5	<p>CHƯƠNG 3. CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ (TT)</p> <p>3.1.2. Các hình thức xử phạt bổ sung</p> <p>3.1.2.1. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn</p> <p>3.1.2.2. Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính)</p> <p>3.1.2.3. Trục xuất.</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G2, G3, G4
6	<p>CHƯƠNG 3. CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ (TT)</p> <p>3.2. Các biện pháp khắc phục hậu quả</p> <p>3.2.1. Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;</p> <p>3.2.2. Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G2, G3, G4

	<p>phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;</p> <p>3.2.3. Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;</p> <p>3.2.4. Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện;</p> <p>3.2.5. Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, vãn hóa phẩm có nội dung độc hại;</p> <p>3.2.6. Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;</p> <p>3.2.7. Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;</p> <p>3.2.8. Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng;</p> <p>3.2.9. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;</p> <p>3.2.10. Các biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định.</p>			
7	<p>CHƯƠNG 4. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH KHÁC</p> <p>4.1. Khái niệm và đặc điểm</p> <p>4.2. Các biện pháp cụ thể:</p> <p>4.2.1. Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn</p> <p>4.2.2. Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
8	<p>CHƯƠNG 4. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH KHÁC (TT)</p>	1 tiết Lý thuyết + 2	Đọc tài liệu trước khi lên	G1,

	<p>4.2.3. Biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc</p> <p>4.2.4. Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc</p> <p>4.3. Thủ tục áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác.</p>	<p>tiết Thảo luận</p>	<p>lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G2, G3</p>
9	<p>CHƯƠNG 5. THỦ TỤC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH</p> <p>5.1. Buộc chấm dứt hành vi VPHC</p> <p>5.2. Thủ tục đơn giản</p> <p>5.3. Thủ tục thông thường</p> <p>5.3.1. Khởi xướng việc xử lý</p> <p>5.3.2. Chuẩn bị xử lý VPHC</p> <p>5.3.3. Ra quyết định xử lý VPHC</p> <p>5.3.4. Thi hành quyết định xử lý VPHC.</p>	<p>1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Thảo luận</p>	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G2, G3, G4</p>
10	<p>CHƯƠNG 5. THỦ TỤC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH (TT) - KIỂM TRA GIỮA KỲ</p> <p>5.3.5. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại quyết định xử lý VPHC, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn, giải quyết tố cáo.</p>	<p>2 tiết Lý thuyết + kiểm tra + 1 tiết Thảo luận, Bài tập</p>	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G2, G3, G4</p>
11	<p>CHƯƠNG 6. PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN</p> <p>6.1. Khái niệm</p> <p>6.2. Nguyên tắc xử lý</p> <p>6.3. Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả</p> <p>6.4. Thời hạn được coi là chưa bị xử lý VPHC đối với người chưa thành niên</p> <p>6.5. Các biện pháp thay thế xử lý VPHC.</p>	<p>2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận</p>	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận</p>	<p>G2, G4,</p>
12	<p>CHƯƠNG 7. PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC</p>	<p>1 tiết Lý thuyết + 2</p>	<p>Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài</p>	<p>G3, G4,</p>

	7.1. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ 7.2. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội	tiết Thảo luận	tập, tham gia thảo luận	
13	CHƯƠNG 7. PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC (TT) 7.3. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường 7.4. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G3, G4,
14	CHƯƠNG 7. PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC (TT) 7.5. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục 7.6. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế 7.7. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khác...	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G3, G4,
15	ÔN TẬP (LÝ THUYẾT + BÀI TẬP)	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G3, G4,

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học môn Luật Hành chính

- Đọc tài liệu trước khi lên lớp; làm bài tập thảo luận nhóm, thuyết trình khi giảng viên có yêu cầu.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên..

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận	Điểm	Trọng	Hình thức
---------	------	-------	-----------

được đánh giá	đánh giá bộ phận	số	đánh giá
<i>1. Đánh giá quá trình</i>	<i>Điểm quá trình</i>	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
<i>2. Đánh giá cuối kỳ</i>	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

Commented [k4]: Chưa edit đề cương lên 3 tin

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng giải quyết khiếu nại tố cáo trong lĩnh vực hành chính (tiếng Anh): Skills of solving Complaints and Denunciations in Administrative field	
- Mã số học phần: 843313 (843115)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Hành chính (843028)
- Học phần song hành:	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân luật. Nội dung học phần Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo, gồm 04 chương (Chi tiết tại Mục 5).

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên nhận thức được những kiến thức cơ bản của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực hành chính, như khái niệm khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo; trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn giải quyết một vụ việc khiếu nại, tố cáo; biết được cách thức tiếp nhận, thụ lý, giải

quyết đơn khiếu nại, tố cáo và kinh nghiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo; biết được cách thức xây dựng văn bản pháp luật trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Về kỹ năng: Sinh viên biết tham khảo tài liệu, kỹ năng tìm kiếm, xử lý và sử dụng thông tin về lĩnh vực khiếu nại, tố cáo; biết đọc, nghiên cứu và vận dụng các văn bản quy phạm pháp luật để vận dụng giải quyết những tình huống xảy ra trong thực tế liên quan đến hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Về thái độ: Từ những kiến thức học phần Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực hành chính sẽ góp phần hình thành và nâng cao ý thức pháp luật của sinh viên trong việc thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Có ý thức đúng đắn trong nhận thức, trong hành động nhằm bảo vệ lợi ích của mình khi bị xâm hại khi thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm khiếu nại và giải quyết khiếu nại Trình bày được tố cáo và giải quyết tố cáo	2
G2	Hiểu được một số khái niệm liên quan đến khiếu nại, tố cáo	4
G3	Xác định được các bước và các công việc phải làm trong quy trình giải quyết khiếu nại.	2
G4	Xác định được các văn bản kỹ thuật soạn thảo văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo	3
G5	Hiểu được kỹ thuật soạn thảo văn bản trong giải quyết khiếu nại tố cáo	2
G6	Trình bày được các văn bản trong quy trình giải quyết tố cáo và khiếu nại	5
G7	Xác định được các bước và các công việc phải làm trong quy trình giải quyết tố cáo	3
G8	Giải quyết tình huống giả định về khiếu nại	5
G9	Giải quyết tình huống giả định về tố cáo	5

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KHIẾU NẠI TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỐ CÁO

1.1. Những vấn đề cơ bản về khiếu nại

1.1.1. Khái niệm khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1.1.2. Những vấn đề khác liên quan đến khiếu nại

1.2. Những vấn đề cơ bản về tố cáo

1.2.1. Khái niệm tố cáo và giải quyết tố cáo

1.2.2. Những vấn đề khác liên quan đến tố cáo

Chương 2. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

2.1. Tiếp nhận, thụ lý đơn khiếu nại

2.1.1. Tiếp nhận, phân loại đơn khiếu nại

2.1.2. Ra văn bản thụ lý đơn khiếu nại

2.2. Thăm tra, xác minh, báo cáo kết quả và kiến nghị

2.2.1. Phân công nhiệm vụ thăm tra xác minh

2.2.2. Tiến hành thăm tra xác minh

2.2.3. Xử lý số liệu và tổng hợp báo cáo kết quả

2.2.4. Xây dựng và hoàn chỉnh báo cáo kết quả

2.2.5. Tham mưu, trình cấp có thẩm quyền văn bản giải quyết vụ việc khiếu nại

2.2.6. Cấp có thẩm quyền xem xét, ký văn bản giải quyết

2.3. Tổ chức và đơn đốc thực hiện quyết định giải quyết

2.3.1. Tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại

2.3.2. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại

Chương 3. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

3.1. Tiếp nhận, thụ lý đơn tố cáo

3.1.1. Tiếp nhận, phân loại đơn tố cáo

3.1.2. Ra văn bản thụ lý đơn tố cáo

3.2. Thăm tra, xác minh, báo cáo kết quả và kết luận

3.2.1. Phân công nhiệm vụ thăm tra xác minh vụ việc tố cáo

3.2.2. Tiến hành thăm tra xác minh vụ việc tố cáo

3.2.3. Xử lý số liệu và tổng hợp báo cáo kết quả

3.2.4. Xây dựng và hoàn chỉnh báo cáo kết quả

3.2.5. Tham mưu, trình cấp có thẩm quyền văn bản giải quyết vụ việc tố cáo

3.2.6. Cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý kết quả xác minh

3.3. Tổ chức, theo dõi, kiểm tra, đơn đốc thực hiện văn bản xử lý vụ việc tố cáo

3.3.1. Tổ chức thực hiện văn bản xử lý vụ việc tố cáo

3.3.2. Kiểm tra, đơn đốc thực hiện văn bản xử lý tố cáo

Chương 4. VĂN BẢN VÀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỐ CÁO

4.1. Văn bản xử lý đơn

4.1.1. Các văn bản được sử dụng xử lý đơn

4.1.2. Kỹ thuật soạn thảo

4.2. Văn bản thăm tra, xác minh

4.2.1. Các văn bản được sử dụng trong quá trình thẩm tra xác minh

4.2.2. Kỹ thuật soạn thảo

4.3. Văn bản báo cáo kết quả thẩm tra xác minh

4.3.1. Các văn bản được sử dụng để báo cáo kết quả

4.3.2. Kỹ thuật soạn thảo

4.4. Văn bản xử lý, giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo

4.4.1. Các văn bản sử dụng để giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo

4.4.2. Kỹ thuật soạn thảo

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Luật Khiếu nại (Luật số: 02/2011/QH13 ngày 11 – 11 – 2011).

[2] Luật Tố cáo 2018

[3] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo*, NXB. Công an nhân dân

[5] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật*, NXB. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KHIẾU NẠI TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỐ CÁO 1.1. Những vấn đề cơ bản về khiếu nại 1.1.1. Khái niệm khiếu nại và giải quyết khiếu nại 1.1.2. Những vấn đề khác liên quan đến khiếu nại 1.2. Những vấn đề cơ bản về tố cáo 1.2.1. Khái niệm tố cáo và giải quyết tố cáo	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G1; G2

	1.2.2. Những vấn đề khác liên quan đến tố cáo			
2	Chương 2. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI 2.1. Tiếp nhận, thụ lý đơn khiếu nại 2.1.1. Tiếp nhận, phân loại đơn khiếu nại 2.1.2. Ra văn bản thụ lý đơn khiếu nại	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G1
3	2.2. Thẩm tra, xác minh, báo cáo kết quả và kiến nghị 2.2.1. Phân công nhiệm vụ thẩm tra xác minh 2.2.2. Tiến hành thẩm tra xác minh 2.2.3. Xử lý số liệu và tổng hợp báo cáo kết quả 2.2.4. Xây dựng và hoàn chỉnh báo cáo kết quả 2.2.5. Tham mưu, trình cấp có thẩm quyền văn bản giải quyết vụ việc khiếu nại 2.2.6. Cấp có thẩm quyền xem xét, ký văn bản giải quyết	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G1; G2; G3
4	Bài tập về giải quyết khiếu nại	2 tiết Bài tập	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G3; G4
5	Chương 3. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TỐ CÁO 3.1. Tiếp nhận, thụ lý đơn tố cáo 3.1.1. Tiếp nhận, phân loại đơn tố cáo 3.1.2. Ra văn bản thụ lý đơn tố cáo	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G5
6	3.2. Thẩm tra, xác minh, báo cáo kết quả và kết luận	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm	G6; G7

	<p>3.2.1. Phân công nhiệm vụ thẩm tra xác minh vụ việc tố cáo</p> <p>3.2.2. Tiến hành thẩm tra xác minh vụ việc tố cáo</p> <p>3.2.3. Xử lý số liệu và tổng hợp báo cáo kết quả</p> <p>3.2.4. Xây dựng và hoàn chỉnh báo cáo kết quả</p> <p>3.2.5. Tham mưu, trình cấp có thẩm quyền văn bản giải quyết vụ việc tố cáo</p> <p>3.2.6. Cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý kết quả xác minh</p>		Thuyết trình, trả lời câu hỏi	
7	<p>3.3. Tổ chức, theo dõi, kiểm tra, đơn đốc thực hiện văn bản xử lý vụ việc tố cáo</p> <p>3.3.1. Tổ chức thực hiện văn bản xử lý vụ việc tố cáo</p> <p>3.3.2. Kiểm tra, đơn đốc thực hiện văn bản xử lý tố cáo</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G8
8	Bài tập về giải quyết khiếu nại	2 tiết Bài tập	- Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G8
9	<p>Chương 4. VĂN BẢN VÀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỐ CÁO</p> <p>4.1. Văn bản xử lý đơn</p> <p>4.1.1. Các văn bản được sử dụng xử lý đơn</p> <p>4.1.2. Kỹ thuật soạn thảo</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G8
10	<p>4.2. Văn bản thẩm tra, xác minh</p> <p>4.2.1. Các văn bản được sử dụng trong quá trình thẩm tra xác minh</p> <p>4.2.2. Kỹ thuật soạn thảo</p>	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G8

11	4.3. Văn bản báo cáo kết quả thẩm tra xác minh 4.3.1. Các văn bản được sử dụng để báo cáo kết quả 4.3.2. Kỹ thuật soạn thảo	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G8
12	4.4. Văn bản xử lý, giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo 4.4.1. Các văn bản sử dụng để giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo 4.4.2. Kỹ thuật soạn thảo	2 tiết Lý thuyết	- Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G9
13	Bài tập Xác định các bước và các công việc phải làm trong quy trình giải quyết khiếu nại.	2 tiết Bài tập	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G9
14	Bài tập Xác định các bước và các công việc phải làm trong quy trình giải quyết khiếu nại.	2 tiết Bài tập	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	
15	Bài tập văn bản thụ lý và văn bản giải quyết đơn khiếu nại và đơn tố cáo	2 tiết Bài tập	- Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G7 G9

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học các môn luật hành chính, tổ tụng hành chính

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG WTO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật giải quyết tranh chấp trong WTO (tiếng Anh): Law on dispute settlement in WTO	
- Mã số học phần: 843314 (844103)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần học trước:	Luật Thương mại quốc tế (844053)
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Nội dung của học phần giải quyết tranh chấp tại WTO sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về WTO, các cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO và thủ tục giải quyết tranh chấp tại WTO... Từ đó, giúp sinh viên củng cố lại kiến thức đã học, mở rộng kiến thức, tăng cường khả năng liên hệ, tư duy, vận dụng giải quyết những tình huống đặt ra một cách hiệu quả.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Nội dung của học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về WTO: lịch sử hình thành và phát triển của WTO, các tranh chấp được quyền lựa chọn giải quyết tại WTO, cơ quan giải quyết tranh chấp và thi hành phán quyết của các cơ quan giải quyết tranh chấp...

Về kỹ năng: Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về những kiến thức lý luận và pháp lý về WTO và những điều kiện, cơ chế giải quyết tranh chấp, giúp sinh viên tăng cường những kỹ năng trong đàm phán, giao kết hợp đồng thương mại quốc tế cũng như việc

tiến hành các thủ tục để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng khi bị xâm hại, góp phần nâng cao trình độ, tăng cường trao đổi kỹ năng xác định đúng loại quan hệ pháp luật và vận dụng kiến thức pháp luật giải quyết tốt hơn các tình huống đặt ra.

Về thái độ: Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về những kiến thức lý luận và pháp lý về Luật thương mại quốc tế sẽ góp phần nâng cao trình độ, ý thức pháp luật của sinh viên, tăng cường khả năng tư duy, ý thức, tinh thần học tập, lập luận, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đam mê khởi nghiệp, ý thức xây dựng pháp luật và phát triển đất nước.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày và nắm rõ cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO về cơ quan giải quyết tranh chấp	2
G2	Trình bày và nắm được các thủ tục giải quyết tranh chấp	2
G3	Áp dụng giải quyết một số vụ việc cụ thể	3
G4	Hiểu và nắm rõ thi hành phán quyết của cơ quan giải quyết tranh chấp WTO	2

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ WTO VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TẠI WTO

1.1. Khái quát về WTO

- 1.1.1. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của WTO
- 1.1.2. Mục đích của WTO
- 1.1.3. Chức năng của WTO
- 1.1.4. Cơ cấu tổ chức của WTO
- 1.1.5. Việc ra quyết định trong WTO
- 1.1.6. Một số nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ

1.2. Những loại tranh chấp được sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp tại WTO

1.3. Cơ quan giải quyết tranh chấp tại WTO

- 1.3.1. Trọng tài
- 1.3.2. Ban Hội thẩm: sơ thẩm
- 1.3.3. Cơ quan phúc thẩm

CHƯƠNG 2

THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TẠI WTO

- 2.1. Tư cách pháp lý của các chủ thể
- 2.2. Khởi kiện: yêu cầu tham vấn
- 2.3. Môi giới, hòa giải, trung gian
 - 2.3.1. Môi giới
 - 2.3.2. Hòa giải
 - 2.3.3. Trung gian
- 2.4. Trọng tài
- 2.5. Thủ tục tố tụng tại Ban Hội thẩm
- 2.6. Thủ tục tố tụng phúc thẩm
- 2.7. Một số vấn đề kỹ thuật trong giải quyết tranh chấp tại WTO
 - 2.7.1. Amicus Curiae: bạn của tòa án
 - 2.7.2. Trách nhiệm chứng minh
 - 2.7.3. Thủ tục giải quyết tranh chấp đặc biệt

CHƯƠNG 3

THI HÀNH PHÁN QUYẾT CỦA CƠ QUAN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP WTO

- 3.1. Thời hạn hợp lý để thi hành phán quyết
- 3.2. Chấp hành phán quyết giải quyết tranh chấp
- 3.3. Bồi thường
- 3.4. Trả đũa thương mại

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2016), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế*, NXB Hồng Đức.

[2] Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2010), *Giải quyết tranh chấp thương mại WTO Tóm tắt một số vụ kiện và phán quyết quan trọng của WTO*, NXB Lao Động .

[3] Trần Việt Dũng, Trần Thị Thùy Dương (2013), *Tìm hiểu luật WTO qua một số vụ kiện về chống bán phá giá*, NXB Hồng Đức.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Khoa Luật trường Đại học Cần Thơ (2010), *Tóm tắt những vụ tranh chấp điển hình của WTO: Báo cáo của Ban hội thẩm và Ban phúc thẩm từ năm 1995-2010*, NXB Đại học Cần Thơ.

[5] <https://www.wto.org/>, website của Tổ chức Thương mại thế giới WTO

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1</p> <p>MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ WTO VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TẠI WTO</p> <p>1.1. Khái quát về WTO</p> <p>1.1.1. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của WTO</p> <p>1.1.2. Mục đích của WTO</p> <p>1.1.3. Chức năng của WTO</p> <p>1.1.4. Cơ cấu tổ chức của WTO</p> <p>1.1.5. Việc ra quyết định trong WTO</p>	3 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G1
2	1.1.6. Một số nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G1 G3
3	<p>1.2. Những loại tranh chấp được sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp tại WTO</p> <p>1.3. Cơ quan giải quyết tranh chấp tại WTO</p> <p>1.3.1. Trọng tài</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G1 G3
4	1.3.2. Ban Hội thẩm: sơ thẩm	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G1 G3
5	1.3.3. Cơ quan phúc thẩm	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G1 G3
6	<p>CHƯƠNG 2</p> <p>THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TẠI WTO</p>	3 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G2

	2.1. Tư cách pháp lý của các chủ thể 2.2. Khôi kiện: yêu cầu tham vấn			
7	2.3. Môi giới, hòa giải, trung gian 2.3.1. Môi giới	3 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G2 G3
8	2.3.2. Hòa giải	3 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G2 G3
9	2.3.3. Trung gian	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G2 G3
10	2.4. Trọng tài 2.5. Thủ tục tố tụng tại Ban Hội thẩm	3 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G2 G3
11	2.6. Thủ tục tố tụng phúc thẩm	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G2 G3
12	2.7. Một số vấn đề kỹ thuật trong giải quyết tranh chấp tại WTO 2.7.1. Amicus Curiae: bạn của tòa án 2.7.2. Trách nhiệm chứng minh 2.7.3. Thủ tục giải quyết tranh chấp đặc biệt	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G2 G3
13	CHƯƠNG 3 THI HÀNH PHÁN QUYẾT CỦA CƠ QUAN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP WTO	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G4 G3

	3.1. Thời hạn hợp lý để thi hành phán quyết 3.2. Chấp hành phán quyết giải quyết tranh chấp			
14	3.3. Bồi thường	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G4 G3
15	3.4. Trả đũa thương mại	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G4 G3

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải học các môn Luật Thương mại quốc tế (844053)
- Làm bài tập và nhận định đầy đủ

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.
- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Phạm Thị Hồng My

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN, GIAO KẾT HỢP TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng đàm phán, giao kết hợp đồng trong thương mại quốc tế	
(tiếng Anh): Skills of drafting and negotiating international contracts	
- Mã số học phần: 843315 (844104)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Thương mại quốc tế (844053)
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần:

- Sinh viên có được những kiến thức cơ bản về kỹ năng đàm phán, giao kết hợp đồng trong thương mại quốc tế.

- Kết thúc học phần, sinh viên hình thành tư duy và phương pháp, kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào quá trình đàm phán, giao kết hợp đồng trong thương mại quốc tế.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về kỹ năng đàm phán, giao kết hợp đồng trong thương mại quốc tế, kỹ năng soạn thảo hợp đồng thương mại quốc tế, kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh từ việc đàm phán, giao kết hợp đồng thương mại quốc tế.

Về kỹ năng:

- Giúp sinh viên có được những kỹ năng cần thiết để ứng dụng các kiến thức đã học và hoạt động thực tiễn nghề nghiệp của mình;

- Bước đầu rèn luyện phương pháp nghiên cứu, phân tích và xử lý tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội liên quan đến việc đàm phán, giao kết hợp đồng;

- Biết cách thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia đàm phán, giao kết hợp đồng.

Về thái độ: Đảm bảo cho sinh viên có được những kỹ năng cần thiết để tự tin trước những vấn đề pháp lý nảy sinh trong quá trình đàm phán, giao kết hợp đồng trong thương mại quốc tế; Dựa trên các kiến thức nền tảng đã học, sinh viên có thể tiếp tục theo đuổi nghiên cứu, tìm hiểu những kiến thức pháp lý sâu hơn trong lĩnh vực thương mại quốc tế.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm về hợp đồng thương mại quốc tế, nội dung của Hợp đồng thương mại quốc tế, cơ sở pháp lý của Hợp đồng thương mại quốc tế, hiệu lực pháp lý của hợp đồng thương mại quốc tế.	3
G2	Nắm được kỹ năng đàm phán hợp đồng thương mại quốc tế như thu thập thông tin, phân tích và xử lý thông tin trước khi đàm phán. Nắm được những kỹ năng giao tiếp trong đàm phán.	3
G3	Tiến hành đàm phán các hợp đồng thương mại quốc tế	4
G4	Xử lý các vấn đề phát sinh trong đàm phán, xác định các nội dung chủ yếu trong đàm phán và thỏa thuận hợp lý trên nguyên tắc đôi bên cùng có lợi.	4
G5	Nắm được các kỹ năng ký kết hợp đồng thương mại quốc tế.	3
G6	Xác định tư cách chủ thể ký kết, xác định thời điểm ký kết và thời gian có hiệu lực của hợp đồng, xác định các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.	4
G7	Nắm được các kỹ năng soạn thảo hợp đồng thương mại quốc tế.	3

G8	Xác định cơ sở pháp lý điều chỉnh nội dung quan hệ hợp đồng được giao kết, xác định nội dung chủ yếu của hợp đồng, việc điều chỉnh nội dung của hợp đồng;	4
G9	Xác định chế tài do vi phạm hợp đồng, hình thức, thủ tục thanh toán, thỏa thuận giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng.	4
G10	Nắm được các kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh từ việc đàm phán, giao kết hợp đồng thương mại quốc tế.	3
G11	Giải quyết các vấn đề phát sinh từ việc đàm phán, giao kết hợp đồng thương mại quốc tế.	4
G12	Có khả năng đàm phán được trong quá trình giao kết hợp đồng	3
G13	Vận dụng được những kỹ năng đã học vào trong ký kết hợp đồng thương mại quốc tế	3
G14	Soạn thảo được hợp đồng thương mại quốc tế	3
G15	Vận dụng được kỹ năng đàm phán giao kết, ký kết hợp đồng thương mại quốc tế	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1:

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

- 1.1. Khái niệm chung về hợp đồng thương mại quốc tế
- 1.2. Nội dung của Hợp đồng thương mại quốc tế
- 1.3. Cơ sở pháp lý của Hợp đồng thương mại quốc tế
- 1.4. Hiệu lực pháp lý của hợp đồng thương mại quốc tế

CHƯƠNG 2:

KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

- 2.1. Thu thập thông tin trước khi đàm phán
- 2.2. Phân tích và xử lý thông tin trước khi đàm phán
- 2.3. Giao tiếp trong đàm phán
- 2.4. Xử lý các vấn đề phát sinh trong đàm phán
- 2.5. Xác định các nội dung chủ yếu trong đàm phán
- 2.6. Thỏa thuận hợp lý trên nguyên tắc đôi bên cùng có lợi

CHƯƠNG 3:

KỸ NĂNG KÝ KẾT HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI

- 3.1. Xác định tư cách chủ thể ký kết
- 3.2. Ký kết theo chế định ủy quyền

- 3.3. Xác định thời điểm ký kết và thời gian có hiệu lực của hợp đồng
- 3.4. Xác định các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng

CHƯƠNG 4:

KỸ NĂNG SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

- 4.1. Xác định cơ sở pháp lý điều chỉnh nội dung quan hệ hợp đồng được giao kết
- 4.2. Xác định nội dung chủ yếu của hợp đồng
- 4.3. Việc điều chỉnh nội dung của hợp đồng
- 4.4. Chế tài do vi phạm hợp đồng
- 4.5. Hình thức, thủ tục thanh toán
- 4.6. Thỏa thuận giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng

CHƯƠNG 5.

**KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ PHÁT SINH TỪ VIỆC ĐÀM PHÁN,
GIAO KẾT HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**

- 5.1. Giải quyết các vấn đề phát sinh từ những thông tin trong đàm phán và ký kết hợp đồng
- 5.2. Giải quyết các vấn đề phát sinh từ nội dung thỏa thuận trong hợp đồng
- 5.3. Giải quyết các tình huống xảy ra ngoài thỏa thuận
- 5.4. Xử lý những tình huống, những vấn đề khác

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

[1]. *Giáo trình Luật thương mại quốc tế*, Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB. Công an Nhân dân, 2012.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. PGS.TS Mai Hồng Quỳnh – TS. Trần Việt Dũng, *Luật thương mại quốc tế*, NXB. Đại học quốc gia TP.HCM, 2006.

[3]. “*Kỹ năng cơ bản soạn thảo Hợp đồng*”, TS Nguyễn Quốc Vinh, Giáo trình nghiệp vụ Luật sư, Học viện tư pháp, NXB. Thống kê, 2008.

6.3. Văn bản pháp luật:

[4]. Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch (GATT 1994).

[5]. Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS).

[6]. Hiệp định thực thi điều VI của Hiệp định chung về thuế quan và thương mại - GATT.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
----------------------	----------	---------------------------------	------------------------------	-------------------

1	CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 1.1. Khái niệm chung về hợp đồng thương mại quốc tế 1.2. Nội dung của Hợp đồng thương mại quốc tế	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G1
2	1.3. Cơ sở pháp lý của Hợp đồng thương mại quốc tế 1.4. Hiệu lực pháp lý của hợp đồng thương mại quốc tế	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G1
3	CHƯƠNG 2: KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 2.1. Thu thập thông tin trước khi đàm phán 2.2. Phân tích và xử lý thông tin trước khi đàm phán 2.3. Giao tiếp trong đàm phán	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G2
4	2.4. Xử lý các vấn đề phát sinh trong đàm phán 2.5. Xác định các nội dung chủ yếu trong đàm phán 2.6. Thỏa thuận hợp lý trên nguyên tắc đôi bên cùng có lợi	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G3,G4
5	Thảo luận + bài tập tình huống về kỹ năng đàm phán hợp đồng	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G12
6	CHƯƠNG 3: KỸ NĂNG KÝ KẾT HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 3.1. Xác định tư cách chủ thể ký kết 3.2. Ký kết theo chế định ủy quyền 3.3. Xác định thời điểm ký kết và thời gian có hiệu lực của hợp đồng 3.4. Xác định các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G5 G6
7	Thảo luận+ bài tập tình huống về kỹ năng ký kết hợp đồng	2 tiết bài tập		G13

			Đọc tài liệu + làm bài tập	
8	CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 4.1. Xác định cơ sở pháp lý điều chỉnh nội dung quan hệ hợp đồng được giao kết	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G7
9	4.2. Xác định nội dung chủ yếu của hợp đồng 4.3. Việc điều chỉnh nội dung của hợp đồng	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G8
10	4.4. Chế tài do vi phạm hợp đồng 4.5. Hình thức, thủ tục thanh toán 4.6. Thỏa thuận giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G9
11	Thảo luận+ bài tập tình huống về soạn thảo hợp đồng thương mại quốc tế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G14
12	CHƯƠNG 5. KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ PHÁT SINH TỪ VIỆC ĐÀM PHÁN, GIAO KẾT HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 5.1. Giải quyết các vấn đề phát sinh từ những thông tin trong đàm phán và ký kết hợp đồng 5.2. Giải quyết các vấn đề phát sinh từ nội dung thỏa thuận trong hợp đồng	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G10 G11
13	Thảo luận + bài tập tình huống bài tập tình huống về kỹ năng đàm phán giao kết, ký kết hợp đồng thương mại quốc tế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G15
14	5.3 Giải quyết các tình huống xảy ra ngoài thỏa thuận 5.4. Xử lý những tình huống, những vấn đề khác	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G11

15	Thảo luận+ bài tập tình huống về kỹ năng đàm phán giao kết, ký kết hợp đồng thương mại quốc tế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G15
----	---	----------------	----------------------------	-----

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải học trước môn Luật Thương mại quốc tế.
- Phải đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập thảo luận nhóm trên lớp.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập	0.1	Điểm danh
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	Bài tập nhóm, Kiểm tra
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.
- Địa chỉ/Email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

**GIẢNG VIÊN BIÊN
SOẠN**

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Trương Thị Tường Vi

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
CHỦ THỂ KINH DOANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Chủ thể kinh doanh (tiếng Anh): Business subject	
- Mã số học phần: 843316 (845104)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Luật Thương mại 2
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh doanh và chủ thể kinh doanh trong đó chủ yếu giới thiệu cho sinh viên hiểu rõ cơ cấu tổ chức quản lý của các loại hình doanh nghiệp theo pháp luật hiện hành cũng như các quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể, phá sản; chế độ vốn và tài sản đối với các chủ thể kinh doanh.

Hướng dẫn cho sinh viên thành thạo năng lực thu thập, xử lý thông tin, sử dụng phương tiện hiện đại để truy cập thông tin dữ liệu pháp lý liên quan đến việc thành lập, tổ chức lại, triển khai hoạt động theo các loại hình doanh nghiệp mà các chủ thể kinh doanh lựa chọn.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Nắm được khái niệm, đặc điểm của các chủ thể pháp luật kinh doanh là công ty, doanh nghiệp nhà nước và hợp tác xã; Trình bày được những quy định của

pháp luật về thành lập, tổ chức lại, giải thể các doanh nghiệp, hợp tác xã. Nắm được các quy định của pháp luật thuộc mô hình tổ chức, cơ cấu quản lý các công ty, hợp tác xã. Trình bày được các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp, hợp tác xã. Đồng thời hiểu biết chuẩn xác quy định của pháp luật trong việc xác định chế độ vốn và tài sản trong doanh nghiệp

Về kỹ năng: Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể liên quan đến việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty, hợp tác xã. Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm và kỹ năng bình luận, diễn đạt, thuyết trình trước công chúng. Phát triển kỹ năng tư duy, sáng tạo, khám phá tìm tòi, tra cứu và phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá.

Về thái độ: Hình thành sự chủ động trong bổ sung, củng cố và nâng cao trình độ nhận thức của sinh viên về các vấn đề thành lập và quản lý nội bộ công ty, hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường. Chủ động vận dụng kiến thức đã học để phân tích và giải quyết các vấn đề thành lập, tổ chức lại, giải thể của các công ty, hợp tác xã trong thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm, đặc điểm, cơ cấu tổ chức, vấn đề vốn và tài sản của các loại chủ thể kinh doanh. Trình bày được thủ tục thành lập cũng như tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.	2
G2	So sánh để hiểu rõ sự khác biệt giữa các loại hình doanh nghiệp và có thể tư vấn cho các nhà đầu tư lựa chọn loại hình kinh doanh phù hợp với các yêu cầu và điều kiện của họ.	4
G3	Thành thạo các kỹ năng soạn thảo hồ sơ để thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã.	3
G4	Vận dụng được các kiến thức lý thuyết để giải quyết một số tranh chấp cơ bản trong vấn đề nội bộ doanh nghiệp.	3
G5	Đánh giá và có ý tưởng xây dựng hoàn thiện những quy định pháp luật về chủ thể kinh doanh.	5

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH DOANH VÀ CHỦ THỂ KINH DOANH

1.1. Kinh doanh và các chủ thể kinh doanh

- 1.1.1. Khái niệm kinh doanh
- 1.1.2. Chủ thể kinh doanh
- 1.1.3. Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp
- 1.1.4. Phân loại doanh nghiệp

1.2. Thành lập và góp vốn vào doanh nghiệp

- 1.2.1. Quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tư nhân và các loại hình công ty
- 1.2.2. Góp vốn vào doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp năm 2005

1.3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp

- 1.3.1. Quyền của doanh nghiệp
- 1.3.2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp

CHƯƠNG 2: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VÀ HỘ KINH DOANH

2.1. Doanh nghiệp tư nhân

- 2.1.1. Khái niệm, đặc điểm
- 2.1.2. Quyền cơ bản của chủ doanh nghiệp tư nhân
- 2.1.3. Nghĩa vụ của chủ doanh nghiệp tư nhân

2.2. Hộ kinh doanh

- 2.2.1. Khái niệm, đặc điểm
- 2.2.2. Trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh
- 2.2.3. Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, tạm ngừng hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 3: QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

3.1. Công ty TNHH 2 thành viên

- 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm cơ bản của công ty TNHH 2 TV
- 3.1.2. Tăng, giảm vốn điều lệ của công ty TNHH 2 TV
- 3.1.3. Thành viên công ty
- 3.1.4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên công ty TNHH
- 3.1.5. Cơ cấu tổ chức, quản lý của công ty

3.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên

- 3.2.1. Đặc điểm pháp lý
- 3.2.2. Chủ sở hữu công ty
- 3.2.3. Tài chính công ty
- 3.2.4. Cơ chế tổ chức và quản lý của công ty TNHH
 - 3.2.4.1. Công ty TNHH 1 thành viên là tổ chức
 - 3.2.4.2. Công ty TNHH 1 thành viên là cá nhân

CHƯƠNG 4: CÔNG TY CỔ PHẦN

4.1. Khái niệm, đặc điểm và quá trình hình thành

- 4.1.1. Khái niệm

- 4.1.2. Đặc điểm
- 4.1.3. Quá trình hình thành
- 4.2. Quy chế cổ đông công ty cổ phần**
 - 4.2.1. Cấu trúc cổ phần của công ty cổ phần
 - 4.2.2. Cổ phần phổ thông
 - 4.2.3. Cổ phần ưu đãi
 - 4.2.3.1. Cổ phần ưu đãi biểu quyết
 - 4.2.3.2. Cổ phần ưu đãi cổ tức
 - 4.2.3.3. Cổ phần ưu đãi hoàn lại
- 4.3. Xác lập và kết thúc tư cách cổ đông**
- 4.4. Vấn đề tài chính trong công ty cổ phần**
- 4.5. Cơ cấu tổ chức và vấn đề phân bổ quyền lực trong công ty cổ phần**
 - 4.5.1. Đại hội đồng cổ đông
 - 4.5.2. Hội đồng quản trị
 - 4.5.3. Tổng giám đốc (Giám đốc)
 - 4.5.4. Ban Kiểm soát

CHƯƠNG 5: CÔNG TY HỢP DANH

- 5.1. Sơ lược sự hình thành và quá trình phát triển của công ty hợp danh**
 - 5.1.1. Khái niệm
 - 5.1.2. Đặc điểm
- 5.2. Các quy định về thành viên công ty hợp danh**
 - 5.2.1. Thành viên hợp danh
 - 5.2.2. Thành viên góp vốn
- 5.3. Tài chính trong công ty hợp danh**
- 5.4. Tổ chức và quản lý trong công ty hợp danh**
 - 5.4.1. Hội đồng thành viên
 - 5.4.2. Giám đốc (Tổng giám đốc)
 - 5.4.3. Quản lý công ty hợp danh

CHƯƠNG 6: TỔ CHỨC LẠI VÀ GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP

- 6.1. Tổ chức lại doanh nghiệp**
 - 6.1.1. Chia doanh nghiệp
 - 6.1.2. Tách doanh nghiệp
 - 6.1.3. Hợp nhất doanh nghiệp
 - 6.1.4. Sáp nhập doanh nghiệp
 - 6.1.5. Chuyển đổi doanh nghiệp
- 6.2. Giải thể và phá sản doanh nghiệp**
 - 6.2.1. Giải thể doanh nghiệp

6.2.2. Phá sản doanh nghiệp

CHƯƠNG 7: DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

- 7.1. Khái quát về Doanh nghiệp nhà nước
- 7.2. Thành lập và đăng ký kinh doanh công ty nhà nước.
- 7.3. Tổ chức quản lý Doanh nghiệp nhà nước.
- 7.4. Quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp nhà nước.
- 7.5. Tổ chức lại và giải thể của công ty Nhà nước

CHƯƠNG 8: HỢP TÁC XÃ

- 8.1. Những vấn đề chung về hợp tác xã
 - 8.1.1. Khái niệm
 - 8.1.2. Đặc điểm
- 8.2. Nguyên tắc, tổ chức, hoạt động của hợp tác xã
- 8.3. Thành lập, tổ chức lại, giải thể hợp tác xã
- 8.4. Quyền, nghĩa vụ cơ bản của hợp tác xã
- 8.5. Quy chế pháp lý xã viên trong hợp tác xã
- 8.6. Quy chế pháp lý về tổ chức, quản lý hợp tác xã
- 8.7. Chế độ pháp lý về tài sản và tài chính của hợp tác xã
- 8.8. Giải thể hợp tác xã
- 8.9. Liên hiệp hợp tác xã và Liên minh hợp tác xã
 - 8.9.1. Liên hiệp hợp tác xã
 - 8.9.2. Liên minh hợp tác xã

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Giáo trình Luật Thương mại tập 1 và tập 2 của Trường Đại học Luật Hà Nội NXB Công An Nhân Dân, năm 2017.

[2] Luật Doanh nghiệp; Luật Hợp tác xã hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Các bài báo khoa học đăng ở tạp chí ngành luật học có nội dung tương ứng.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH DOANH VÀ CHỦ THỂ KINH DOANH	2 tiết lý thuyết + 1	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra; lấy các	G2; G3;

	<p>1.1. Kinh doanh và các chủ thể kinh doanh</p> <p>1.1.5. Khái niệm kinh doanh</p> <p>1.1.6. Chủ thể kinh doanh</p> <p>1.1.7. Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp</p> <p>1.1.8. Phân loại doanh nghiệp</p> <p>1.2. Thành lập và góp vốn vào doanh nghiệp</p> <p>1.2.1. Quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tư nhân và các loại hình công ty</p> <p>1.2.2. Góp vốn vào doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp</p> <p>1.3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp</p> <p>1.3.1. Quyền của doanh nghiệp</p> <p>1.3.2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp</p>	tiết bài tập	ví dụ thực tế để làm sáng tỏ vấn đề lý luận, làm bài tập tình huống; hoàn thiện hồ sơ thành lập doanh nghiệp	G4
2	<p>CHƯƠNG 2: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VÀ HỘ KINH DOANH</p> <p>2.1. Doanh nghiệp tư nhân</p> <p>2.1.1. Khái niệm, đặc điểm</p> <p>2.1.2. Quyền cơ bản của chủ doanh nghiệp tư nhân</p> <p>2.1.3. Nghĩa vụ của chủ doanh nghiệp tư nhân</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Trả lời các câu hỏi; làm bài tập	G2; G3
3	<p>2.2. Hộ kinh doanh</p> <p>2.2.1. Khái niệm, đặc điểm</p> <p>2.2.2. Trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh</p> <p>2.2.3. Thay đổi nội dung đăng kí kinh doanh, tạm ngừng hoạt động kinh doanh</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Thuyết trình, làm bài tập; soạn thảo hồ sơ	G3; G4
4	<p>CHƯƠNG 3: QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN</p> <p>3.1. Công ty TNHH 2 thành viên</p> <p>3.1.1. Khái niệm, đặc điểm cơ bản của công ty TNHH 2 TV</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3; G4; G5

	<p>3.1.2. Tăng, giảm vốn điều lệ của công ty TNHH 2 TV</p> <p>3.1.3. Thành viên công ty</p> <p>3.1.4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên công ty TNHH</p> <p>3.1.5. Cơ cấu tổ chức, quản lý của công ty</p>			
5	<p>3.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên</p> <p>3.2.1. Đặc điểm pháp lý</p> <p>3.2.2. Chủ sở hữu công ty</p> <p>3.2.3. Tài chính công ty</p> <p>3.2.4. Cơ chế tổ chức và quản lý của công ty TNHH</p> <p>3.2.4.1. Công ty TNHH 1 thành viên là tổ chức</p> <p>3.2.4.2. Công ty TNHH 1 thành viên là cá nhân</p>	2 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3; G4
6	<p>CHƯƠNG 4: CÔNG TY CỔ PHẦN</p> <p>4.1. Khái niệm, đặc điểm và quá trình hình thành</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Đặc điểm</p> <p>4.1.3. Quá trình hình thành</p> <p>4.2. Quy chế cổ đông công ty cổ phần</p> <p>4.2.1. Cấu trúc cổ phần của công ty cổ phần</p> <p>4.2.2. Cổ phần phổ thông</p> <p>4.2.3. Cổ phần ưu đãi</p> <p>4.2.3.1. Cổ phần ưu đãi biểu quyết</p> <p>4.2.3.2. Cổ phần ưu đãi cổ tức</p> <p>4.2.3.3. Cổ phần ưu đãi hoàn lại</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2;G3;G4; G5
7	<p>4.3. Xác lập và kết thúc tư cách cổ đông</p> <p>4.4. Vấn đề tài chính trong công ty cổ phần</p>	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập		G2; G3
8	4.5. Cơ cấu tổ chức và vấn đề phân bổ quyền lực trong công ty cổ phần	2 tiết lý thuyết + 1	Soạn thảo hồ sơ, hợp đồng,	G3; G4

	4.5.1. Đại hội đồng cổ đông 4.5.2. Hội đồng quản trị 4.5.3. Tổng giám đốc (Giám đốc) 4.5.4. Ban Kiểm soát	tiết bài tập	nghiên cứu bản án	
9	CHƯƠNG 5: CÔNG TY HỢP DANH 5.1. Sơ lược sự hình thành và quá trình phát triển của công ty hợp danh 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Đặc điểm 5.2. Các quy định về thành viên công ty hợp danh 5.2.1. Thành viên hợp danh 5.2.2. Thành viên góp vốn 5.3. Tài chính trong công ty hợp danh 5.4. Tổ chức và quản lý trong công ty hợp danh 5.4.1. Hội đồng thành viên 5.4.2. Giám đốc (Tổng giám đốc) 5.4.3. Quản lý công ty hợp danh	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3
10	CHƯƠNG 6: TỔ CHỨC LẠI VÀ GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP 6.1. Tổ chức lại doanh nghiệp 6.1.1. Chia doanh nghiệp 6.1.2. Tách doanh nghiệp 6.1.3. Hợp nhất doanh nghiệp 6.1.4. Sáp nhập doanh nghiệp 6.1.5. Chuyển đổi doanh nghiệp	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Soạn thảo hồ sơ; nghiên cứu bản án	G3; G4
11	6.2. Giải thể và phá sản doanh nghiệp 6.2.1. Giải thể doanh nghiệp 6.2.2. Phá sản doanh nghiệp	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Làm bài tập; thuyết trình, so sánh các hình thức tổ chức lại doanh nghiệp	G2; G3; G4
12	CHƯƠNG 7: DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC 7.1. Khái quát về Doanh nghiệp nhà nước 7.2. Thành lập và đăng ký kinh doanh	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Làm bài tập, thuyết trình	G2;G3; G4

	công ty nhà nước. 7.3. Tổ chức quản lý Doanh nghiệp nhà nước.			
13	7.4. Quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp nhà nước. 7.5. Tổ chức lại và giải thể của công ty Nhà nước	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Soạn thảo hồ sơ; tranh luận	G3;G4
14	CHƯƠNG 8: HỢP TÁC XÃ 8.1. Những vấn đề chung về hợp tác xã 8.1.1. Khái niệm 8.1.2. Đặc điểm 8.2. Nguyên tắc, tổ chức, hoạt động của hợp tác xã 8.3. Thành lập, tổ chức lại, giải thể của hợp tác xã 8.4. Quyền, nghĩa vụ cơ bản của hợp tác xã	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Làm bài tập, thuyết trình, so sánh hợp tác xã với các hình thức doanh nghiệp	G2;G3;G4
15	8.5. Quy chế pháp lý xã viên trong hợp tác xã 8.6. Quy chế pháp lý về tổ chức, quản lý hợp tác xã 8.7. Chế độ pháp lý về tài sản và tài chính của hợp tác xã 8.8. Giải thể hợp tác xã 8.9. Liên hiệp hợp tác xã và Liên minh hợp tác xã 8.9.1. Liên hiệp hợp tác xã 8.9.2. Liên minh hợp tác xã	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Làm bài tập, thuyết trình, so sánh hợp tác xã với các hình thức doanh nghiệp	G2;G3;G4

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải đọc trước bài ở nhà trước mỗi nội dung học;
- Mang theo các văn bản pháp luật liên quan cho từng nội dung học

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0,4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0,1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0,3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0,4	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/Email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
KỸ NĂNG TƯ VẤN ĐẦU THẦU TRONG KINH DOANH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng tư vấn đầu thầu trong kinh doanh (tiếng Anh): Skills of Guiding to commercial bidding	
- Mã số học phần: 843317	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần học trước:	Luật Doanh nghiệp
- Học phần song hành:	Không

Commented [k5]: Mã cũ: 845105

2. Mô tả học phần:

Môn học giúp cho sinh viên nhận thức và áp dụng tốt công việc tổ chức thực hiện công tác đấu thầu hoặc tham gia làm nhân viên trong các tổ chức đấu thầu liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại như đấu thầu mua sắm hàng hóa, tài sản; đấu thầu xây dựng...v.v...Ngoài ra, học phần cũng sẽ trang bị kiến thức và các kỹ năng xem xét, nghiên cứu hồ sơ, soạn thảo các văn bản như thư mời thầu, biên bản thẩm định và cả đánh giá dự toán với 5 bài học cụ thể trong 45 tiết của 3 tín chỉ.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Hiểu được các thuật ngữ, phân biệt được các các loại đấu thầu, các loại hồ sơ dự thầu, mời thầu, hồ sơ đề xuất và thẩm định thầu.

Về kỹ năng: Học xong học phần này, sinh viên có thể tham khảo tài liệu, kỹ năng tìm kiếm, đọc văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu, vận dụng giải quyết những tình

huống xảy ra trên thực tế liên quan đến hoạt động, tổ chức đấu thầu trong kinh doanh một cách tốt nhất.

Về thái độ: Từ việc có những kiến thức và kỹ năng tư vấn đấu thầu trong kinh doanh, góp phần vào việc hình thành, nâng cao ý thức pháp luật của sinh viên; Tăng cường khả năng tư duy, ý thức, tinh thần học tập, lập luận, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đam mê khởi sự doanh nghiệp và có kỹ năng giải quyết tốt các tình huống pháp lý trong hoạt động đấu thầu.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu/ hồ sơ yêu cầu.	3
G2	Lập kế hoạch đấu thầu, xây dựng hồ sơ mời thầu	4
G3	Thẩm định được kế hoạch đấu thầu/hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu.	4
G4	Đánh giá được hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất	4
G5	Xác định được phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu thể hiện qua tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu, đối với gói thầu dịch vụ tư vấn ,với gói thầu mua sắm hàng hoá, xây lắp, gói thầu EPC.	3
G6	Đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu, nội dung thẩm định, báo cáo thẩm định	4
G7	Trình bày báo cáo lên người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, bên mời thầu.	3
G8	Nắm được những kỹ năng tư vấn hỗ trợ xử lý tình huống về đấu thầu.	4
G9	Lập được kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thầu	3
G10	Giải quyết được tình huống thẩm định kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thầu	4
G11	Áp dụng được các quy định pháp luật để thực hiện quy trình thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	3
G12	Xác định được kết quả thẩm định tên và giá gói thầu	3
G13	Giải quyết được tư vấn hỗ trợ xử lý tình huống đấu thầu	3

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1.

LẬP KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU, HỒ SƠ MỜI THẦU/HỒ SƠ YÊU CẦU THẦU

1.1. Lập kế hoạch đấu thầu

- 1.1.1. Những quy định chung
- 1.1.2. Trình DUYỆT BGH kế hoạch đấu thầu
- 1.1.3. Giải trình nội dung kế hoạch đấu thầu
- 1.1.4. Thẩm định và phê DUYỆT BGH kế hoạch đấu thầu

1.2. Lập hồ sơ mời thầu

- 1.2.1. Chỉ dẫn đối với nhà thầu về thủ tục, bảng dữ liệu, tiêu chuẩn nội dung đánh giá xác định giá và biểu mẫu dự thầu
- 1.2.2. Yêu cầu về phạm vi, tiến độ cung cấp và mặt kỹ thuật
- 1.2.3. Yêu cầu về điều kiện chung, điều kiện cụ thể và mẫu hợp đồng

CHƯƠNG 2.

THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU/HỒ SƠ MỜI THẦU/HỒ SƠ YÊU CẦU THẦU

2.1. Đối tượng áp dụng

- 2.1.1. Đối tượng thẩm định
- 2.1.2. Đối tượng được thẩm định

2.2. Quy trình thẩm định kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu

- 2.2.1. Quy trình thẩm định kế hoạch đấu thầu
- 2.2.2. Quy trình thẩm định hồ sơ mời thầu
- 2.2.3. Quy trình thẩm định kế hồ sơ yêu cầu

CHƯƠNG 3.

ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU, HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

3.1. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu thể hiện qua tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu.

- 3.1.1. Đối với nhà thầu tư vấn là tổ chức
- 3.1.2. Đối với nhà thầu tư vấn là cá nhân

3.2. Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn

- 3.2.1. Mẫu hồ sơ gói thầu dịch vụ tư vấn
- 3.2.2. đánh giá đối với hồ sơ dự thầu
- 3.2.3. Đánh giá đối với hồ sơ đề xuất

3.3. Đối với gói thầu mua sắm hàng hoá, xây lắp, gói thầu EPC.

- 3.3.1. Phương thức một giai đoạn 1 túi hồ sơ
- 3.3.2. Phương thức một giai đoạn 2 túi hồ sơ
- 3.3.3. Làm rõ E-HSDT, trình, thẩm định, phê DUYỆT BGH

CHƯƠNG 4.

THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

4.1. Quy trình thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu

- 4.1.1. Thẩm quyền trình thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu
- 4.1.2. Thời gian thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu
- 4.1.3. Trình Báo cáo lên người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, bên mời thầu

4.2. Nội dung thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu

- 4.2.1. Thẩm định về tên gói thầu, giá gói thầu
- 4.2.2. Báo cáo thẩm định

CHƯƠNG 5.

TƯ VẤN HỖ TRỢ XỬ LÝ TÌNH HUỐNG VỀ ĐẤU THẦU

5.1. Nguyên tắc xử lý tình huống trong đấu thầu

- 5.1.1. Nguyên tắc cạnh tranh
- 5.1.2. Nguyên tắc công bằng
- 5.1.3. Nguyên tắc minh bạch
- 5.1.4. Nguyên tắc hiệu quả kinh tế

5.2. Một số tình huống cụ thể trong đấu thầu

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

[1] . Giáo trình Luật đấu thầu, Trường đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân năm 2015

6.2. Tài liệu tham khảo: Các bài báo khoa học liên quan đến pháp luật đấu thầu như Tạp chí khoa học pháp lý; Tạp chí Nghiên cứu lập pháp; Tạp chí Nhà nước và pháp luật; Tạp chí Viện kiểm sát; Tạp chí Quản lý Kinh tế

6.3. Văn bản pháp luật

[1] Luật Đấu thầu năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1. LẬP KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU, HỒ SƠ MỜI THẦU/HỒ SƠ YÊU CẦU THẦU 1.1. Lập kế hoạch đấu thầu	3 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G1

	1.1.1.Những quy định chung 1.1.2. Trình DUYỆT BGH kế hoạch đấu thầu 1.1.3. Giải trình nội dung Kế hoạch đấu thầu 1.1.4. Thẩm định và phê DUYỆT BGH kế hoạch đấu thầu			
2	Thảo luận+ bài tập về lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thầu	3 tiết bài tập	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G9
3	1.2. Lập hồ sơ mời thầu 1.2.1. Chi dẫn đối với nhà thầu về thủ tục, bảng dữ liệu, tiêu chuẩn nội dung đánh giá xác định giá và biểu mẫu dự thầu	3 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G2
4	1.2.2. Yêu cầu về phạm vi, tiến độ cung cấp và mặt kỹ thuật 1.2.3. Yêu cầu về điều kiện chung, điều kiện cụ thể và mẫu hợp đồng	3 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G2
5	CHƯƠNG 2. THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU/HỒ SƠ MỜI THẦU/HỒ SƠ YÊU CẦU THẦU 2.1. Đối tượng áp dụng 2.1.1 Đối tượng thẩm định 2.1.2. Đối tượng được thẩm định		Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G3
6	2.2. Quy trình thẩm định kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu 2.2.1. Quy trình thẩm định kế hoạch đấu thầu 2.2.2. Quy trình thẩm định hồ sơ mời thầu 2.2.3. Quy trình thẩm định kế hồ sơ yêu cầu	3 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G3
7	Bài tập tình huống về thẩm định kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thầu	3 tiết Bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G10

8	<p>CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU, HỒ SƠ ĐỀ XUẤT</p> <p>3.1. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu thể hiện qua tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu.</p> <p>3.1.1. Đối với nhà thầu tư vấn là tổ chức</p> <p>3.1.2. Đối với nhà thầu tư vấn là cá nhân</p> <p>3.2. Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn</p> <p>3.2.1. Mẫu hồ sơ gói thầu dịch vụ tư vấn</p> <p>3.2.2. đánh giá đối với hồ sơ dự thầu</p> <p>3.2.3. Đánh giá đối với hồ sơ đề xuất</p>	3 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G4
9	<p>3.3. Đối với gói thầu mua sắm hàng hoá, xây lắp, gói thầu EPC.</p> <p>3.3.1. Phương thức một giai đoạn 1 túi hồ sơ</p> <p>3.3.2. Phương thức một giai đoạn 2 túi hồ sơ</p> <p>3.3.3. Làm rõ E-HSDT, trình, thẩm định, phê DUYỆT BGH</p>	3 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G5
10	<p>CHƯƠNG 4. THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU</p> <p>4.1. Quy trình thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu</p> <p>4.1.1. Thẩm quyền trình thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu</p> <p>4.1.2. Thời gian thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu</p> <p>4.1.3. Trình Báo cáo lên người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, bên mời thầu</p>	3 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G6
11	<p>Bài tập tình huống về quy trình thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	3 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G11
12	<p>4.2. Nội dung thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu</p> <p>4.2.1. Thẩm định về tên gói thầu, giá gói thầu</p>	3 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G6

	4.2.2. Báo cáo thẩm định			
13	Bài tập tình huống về thẩm định tên và giá gói thầu kết quả lựa chọn nhà thầu	3 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu + làm bài tập	G12
14	CHƯƠNG 5. TƯ VẤN HỖ TRỢ XỬ LÝ TÌNH HUỐNG VỀ ĐẦU THẦU 5.1. Nguyên tắc xử lý tình huống trong đấu thầu 5.1.1. Nguyên tắc cạnh tranh 5.1.2. Nguyên tắc công bằng 5.1.3. Nguyên tắc minh bạch 5.1.4. Nguyên tắc hiệu quả kinh tế 5.2. Một số tình huống cụ thể	3 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G7;G8
15	Bài tập về tư vấn hỗ trợ xử lý tình huống đấu thầu	3 tiết Bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G13

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải học trước môn Luật Thương mại quốc tế.
- Phải đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập thảo luận nhóm trên lớp.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
<i>1. Đánh giá quá trình</i>	<i>Điểm quá trình</i>	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập...	0.1	Điểm danh
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	Bài tập nhóm, Kiểm tra
<i>2. Đánh giá cuối kỳ</i>	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/Email: k_luat@sgu.edu.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Trương Thị Tường Vi

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH LUẬT HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh chuyên ngành Luật Hành Chính (tiếng Anh): Professional Legal English – Administrative Law	
- Mã số học phần: 843303	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (<i>nếu có</i>)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Tiếng Anh I
- Học phần song hành (nếu có):	Không

2. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính*)

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Luật Hành Chính được thiết kế giúp cho sinh viên học tập cách tư duy pháp luật bằng tiếng Anh thông qua các bài giảng có nội dung kiến thức pháp luật do các chuyên gia Luật viết bằng tiếng Anh. Sinh viên sẽ nắm bắt được những kiến thức cơ bản về pháp luật, pháp trị, chế tài, Hiến pháp, hình thức nhà nước, bản chất của tổ tụng hành chính. Từ đó sinh viên có thể tự giải quyết tình huống, diễn giải ý kiến của mình, tranh luận với người khác bằng tiếng Anh về một số chủ đề pháp luật liên quan cụ thể.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Nắm bắt được những kiến thức cơ bản và bản chất các khái niệm về pháp luật, pháp trị, chế tài...

- Nắm bắt được những kiến thức cơ bản về Hiến pháp, hình thức nhà nước, bản chất của tổ tụng hành chính.

- Tự giải quyết tình huống, diễn giải ý kiến của mình, tranh luận với người khác bằng tiếng Anh về một số chủ đề pháp luật liên quan cụ thể.

- Phát triển khả năng tìm tòi tài liệu có liên quan đến nội dung bài học và tự xử lý các văn bản tiếng Anh khi gặp phải.

Về kỹ năng:

- Củng cố và phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Anh.

- Trau dồi kỹ năng tìm, đọc và xử lý các văn bản tiếng Anh khác .

Về thái độ:

- Đối với giảng viên: Tích cực nghiên cứu, cập nhật kiến thức, truyền tải kịp thời cho sinh viên. Hướng dẫn cho sinh viên tự học, nghiên cứu, không ngừng tiếp thu và mở rộng kiến thức của mình. Đảm bảo các yêu cầu và mục tiêu của chương trình.

- Đối với sinh viên: Tham dự lớp học nghiêm túc, đầy đủ. Có ý thức cập nhật các thông tin có liên quan đến môn học. Trau dồi ý thức tự học, nghiên cứu, không ngừng tiếp thu và mở rộng kiến thức của mình.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Áp dụng được từ vựng mới làm các bài tập về từ vựng trong bài	3
G2	Áp dụng được các cấu trúc câu mới để giải quyết các bài tập liên quan đến ngữ pháp, đọc, dịch viết.	3
G3	Trình bày bằng tiếng Anh những định nghĩa, đặc điểm, bản chất vấn đề chính trong mỗi bài học như: Law, Rule of Law, saction of law, contract, offer, acceptance, contractual capacity, nature of corporation, capital, capital structure...	1
G4	Trình bày được quan điểm, đánh giá của cá nhân liên quan đến từng vấn đề trong bài học, giải thích lý do nêu quan điểm	5
G5	Nghe hiểu các phần trình bày của bạn học, tham gia hỏi và đáp để làm sáng tỏ nội dung trao đổi	2
G6	Phân tích mối liên hệ giữa các thông tin trong bài để hiểu rõ nội dung bài đọc	4

G7	Tổng hợp được các thông tin trong bài và trả lời các câu hỏi đọc hiểu.	4
G8	Viết được đa dạng các loại câu sử dụng lại được các từ vựng, ngữ pháp được giới thiệu trong từng bài học	6
G9	Dịch viết được những câu ngắn hay đoạn từ tiếng Anh sang tiếng Việt hay từ tiếng Việt sang tiếng Anh	6

5. Nội dung chi tiết học phần

Môn Tiếng Anh chuyên ngành Luật là một bộ môn đặc thù. Người học không chỉ cần nắm vững tiếng Anh (kiến thức ngôn ngữ), mà còn phải nắm bắt cả nội dung bài học (kiến thức chuyên ngành). Điều này đòi hỏi cả người dạy và người học phải có ý thức dạy và học cả nội dung ngôn ngữ, nội dung pháp luật, kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng nghề luật. Cụ thể là:

- Nội dung ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm trong các bài học
- Kỹ năng ngôn ngữ: nói, nghe, đọc, viết
- Kỹ năng nghề nghiệp: xử lý văn bản pháp luật bằng tiếng Anh

CHAPTER 1. GENERAL CONCEPTS OF LAW AND STATE

5.1.1. Lesson 1: What is law?

- 5.1.1.1. Pre-text exercises
- 5.1.1.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.1.1.3. What is law?
- 5.1.1.4. Post-reading activities

5.1.2. Lesson 2: The Rule of Law

- 5.1.2.1. Pre-text exercises
- 5.1.2.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.1.2.3. The Rule of Law
- 5.1.2.4. Post-reading activities

5.1.3. Lesson 3: The sanction of law

- 5.1.3.1. Pre-text exercises
- 5.1.3.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.1.3.3. The sanction of law
- 5.1.3.4. Post-reading activities

5.1.4. Lesson 4: The sanction of law (continued)

- 5.1.4.1. Pre-text exercises
- 5.1.4.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.1.4.3. The sanction of law (continued)
- 5.1.4.4. Post-reading activities

CHAPTER 2: CONSTITUTIONAL AND ADMINISTRATIVE LAW

5.2.1. Lesson 9: Definition of Constitution

- 5.2.1.1. Pre-text exercises
- 5.2.1.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.2.1.3. Definition of Constitution
- 5.2.1.4. Post-reading activities

5.2.2. Lesson 10: The differences between Written and Unwritten Constitutions

- 5.2.2.1. Pre-text exercises
- 5.2.2.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.2.2.3. The differences between Written and Unwritten constitutions
- 5.2.2.4. Post-reading activities

5.2.3. Lesson 12: Government in the USA

- 5.2.3.1. Pre-text exercises
- 5.2.3.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.2.3.3. Government in the USA
- 5.2.3.4. Post-reading activities

5.2.4. Lesson 13: Nature of Administrative Proceedings

- 5.2.4.1. Pre-text exercises
- 5.2.4.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.2.4.3. Nature of Administrative Proceedings
- 5.2.4.4. Post-reading activities

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Lê Hồng Hạnh (2004), *Improving your Understanding Law in English*, Publishing House of National University.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Hồng Hạnh (1994), *Getting into Legal Terminology*, Publishing House of National University.

[3]. Lê Hồng Hạnh (1997), *English for Lawyers*, Publishing House of National University.

[4]. Nhiều tác giả (2003), *Tiếng Anh Chuyên ngành Luật*, Nhà xuất bản Thống Kê.

[5]. Nhiều tác giả (2006), *Tài liệu tọa đàm “Giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành Luật cho sinh viên ngành luật”*, Đại học Luật.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
	Chapter 1 “General Concepts of Law and State”	Communicative approach - Reading or Listening, and Speaking or Writing		
	5.1.1. Lesson 1: What is law?	4 tiết		
1	5.1.1.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do ‘pre-text exercises’.	G3 G4 G5
	5.1.1.2. - Learning vocabulary and grammar	1.5	Teacher explains meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
2	5.1.1.3. What is law?	1.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.1.1.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
	5.1.2. Lesson 2 : The Rule of Law	4 tiết		
3	5.1.2.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do ‘pre-text exercises’.	G3 G4 G5
	5.1.2.2. - Learning vocabulary and grammar	1.5	Teacher explains meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2

4	5.1.2.3. The Rule of Law	1.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.1.2.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
5	5.1.3. Lesson 3: The sanction of law	2 tiết		
	5.1.3.1 - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do 'pre-text exercises'.	G3 G4 G5
	5.1.3.2 - Learning vocabulary and grammar	0.5	Teacher explains meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
	5.1.3.3 The sanction of law	0.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.1.3.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
6	5.1.4. Lesson 4: The sanction of law (continued)	4 tiết		
	5.1.4.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do 'pre-text exercises'.	G3 G4 G5
	5.1.4.2. - Learning vocabulary and grammar	1.5	Teacher explains meaning of new key words of the	G1 G2

			text and certain structures.	
7	5.1.4.3. The sanction of law (continued)	1.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.1.4.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
	5.2 Chapter 2: Constitutional and Administrative Law	-Communicative approach - Reading or Listening, and Speaking or Writing		
8	5.2.1. Lesson 9: Definition of Constitution + mid-term test	4 tiết		
	5.2.1.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do 'pre-text exercises'.	G3 G4 G5
	5.2.1.2. - Learning vocabulary and grammar	0.5	Teacher explains meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
8	Mid-term test	1 tiết		
9	5.2.1.3. Definition of Constitution	1.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.2.1.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further	G8 G9 G4

			practice after reading activities.	
10	5.2.2. Lesson 10: The differences between Written and Unwritten Constitutions	4 tiết		
	5.2.2.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do 'pre-text exercises'.	G3 G4 G5
	5.2.2.2. - Learning vocabulary and grammar	1.5	Teacher explains meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
11	5.2.2.3. The differences between Written and Unwritten Constitutions	1.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.2.2.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
12	5.2.3. Lesson 12: Government in the USA	4 tiết		
	5.2.3.1 - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do 'pre-text exercises'.	G3 G4 G5
	5.2.3.2 - Learning vocabulary and grammar	1.5	Teacher explains meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
13	5.2.3.3 Government in the USA	1.5	Students read the text and do comprehensive	G6 G7

			exercises individually.	
	5.2.3.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
	5.2.4. Lesson 13: Nature of Administrative Proceedings	4 tiết		
14	5.3.1.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do 'pre-text exercises'.	G3 G4 G5
	5.3.1.2. - Learning vocabulary and grammar	1.5	Teacher explains meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
15	5.3.1.3. Nature of Administrative Proceedings	1.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.3.1.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học xong học phần Tiếng Anh I trước khi học học phần Tiếng Anh chuyên ngành Luật Kinh doanh

- Sinh viên phải tham gia các buổi học trên lớp và phải có sự chuẩn bị bài trước, tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4 (1.1 + 1.2)	Điểm danh + kiểm tra giữa kỳ
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	Điểm danh
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thực hành/bài tập - Điểm thảo luận trên lớp - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.1 0.1 0.1	Kiểm tra kỹ năng nói, nghe, viết
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6 (≥ 0.5)	Thi học kỳ: Đề đóng, trắc nghiệm, viết, tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Ngoại ngữ
- Địa chỉ/email: k_ngoaingu@sgu.edu.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)*

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước (tiếng Anh): Law on Organization and operation of the state apparatus	
- Mã số học phần: 843107	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Luật Hiến pháp (843070)
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức pháp lý về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Người học phải nắm được:

- Quá trình hình thành, tồn tại và phát triển của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.

- Hệ thống văn bản pháp luật hiện hành quy định về cơ cấu tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.

- Mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.

Về kỹ năng: Giúp sinh viên hiểu, phân tích và đánh giá được sự ra đời, tồn tại và phát triển của bộ máy nhà nước cũng như mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với nhau.

Về thái độ: Sinh viên có thái độ đúng đắn khi nghiên cứu các quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về tổ chức bộ máy nhà nước XHCN và thực tiễn tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. Nhận thức được tính quy luật khách quan của quá trình ra đời, tồn tại và phát triển của nhà nước ta.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày và hiểu về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội	2
G2	So sánh được những quy định về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội tại Hiến pháp 2013 với các bản Hiến pháp trước đây	3
G3	Trình bày và hiểu về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của chế định Chủ tịch nước.	3
G4	So sánh được những quy định về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của chế định Chủ tịch nước tại Hiến pháp 2013 với các bản Hiến pháp trước đây	4
G5	Trình bày và hiểu về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ	3
G6	So sánh được những quy định về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ tại Hiến pháp 2013 với các bản Hiến pháp trước đây	4
G7	Trình bày và hiểu về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân	3
G8	So sánh được những quy định của pháp luật hiện hành và trước đây về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân	4
G9	Trình bày và hiểu về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng nhân dân	3

G10	So sánh được những quy định của pháp luật hiện hành và trước đây về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng nhân dân	4
G11	Trình bày và hiểu về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tòa án nhân dân	3
G12	So sánh được những quy định về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tòa án nhân dân tại Hiến pháp 2013 với các bản Hiến pháp trước đây	4
G13	Trình bày và hiểu về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân	3
G14	So sánh được những quy định về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân tại Hiến pháp 2013 với các bản Hiến pháp trước đây	4
G15	Trên cơ sở những kiến thức về mặt lý luận được học, sinh viên cần có liên hệ trong thực tiễn hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, từ đó có những đánh giá, nhận định về hiệu quả hoạt động của các cơ quan, về những quy định còn bất cập, chưa phù hợp trong pháp luật. Qua đó, sinh viên sẽ có những quan điểm của mình trong việc đề xuất những giải pháp về mặt lý luận và thực tiễn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam.	5

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. QUỐC HỘI NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

- 1.1. Vị trí pháp lý
- 1.2. Cơ cấu tổ chức
- 1.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

CHƯƠNG 2. CHỦ TỊCH NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

- 2.1. Vị trí pháp lý
- 2.2. Cơ cấu tổ chức
- 2.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

CHƯƠNG 3. CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

- 3.1. Vị trí pháp lý
- 3.2. Cơ cấu tổ chức
- 3.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

CHƯƠNG 4. CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

- 4.1. Hội đồng nhân dân
 - 4.1.1. Vị trí pháp lý
 - 4.1.2. Cơ cấu tổ chức
 - 4.1.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn
- 4.2. Ủy ban nhân dân
 - 4.2.1. Vị trí pháp lý
 - 4.2.2. Cơ cấu tổ chức
 - 4.2.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

CHƯƠNG 5. TÒA ÁN NHÂN DÂN CÁC CẤP

- 5.1. Vị trí pháp lý
- 5.2. Cơ cấu tổ chức
- 5.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

CHƯƠNG 6. VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CÁC CẤP

- 6.1. Vị trí pháp lý
- 6.2. Cơ cấu tổ chức
- 6.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, 2016.

[2] Các bản Hiến pháp nước Việt Nam năm 1946, 1959, 1980, 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001); 2013

[3] Các văn bản quy phạm pháp luật: Luật Quốc tịch Việt Nam 2008; Luật tổ chức Quốc hội 2014, Luật tổ chức Chính phủ 2015, Luật tổ chức Chính quyền địa phương 2015, Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] GS.TSKH. Đào Trí Úc (2005), *Những vấn đề cơ bản về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*. NXB. Chính trị Quốc gia.

[5] TSKH. Đào Trí Úc (1995), *Bình luận khoa học Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam 1992*, NXB. Khoa học xã hội.

[6] PGS.TS Hoàng Thế Liên (2013), *Hiến pháp năm 2013- Những điểm mới mang tính đột phá*, NXB Tư pháp.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn
---------------	---------------------	----------------------	------------------------------	------------

học		dạy học		học
1	CHƯƠNG 1. QUỐC HỘI NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM 1.1. Vị trí pháp lý 1.2. Cơ cấu tổ chức 1.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	3 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi	G1
2	CHƯƠNG 1. QUỐC HỘI NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM 1.1. Vị trí pháp lý 1.2. Cơ cấu tổ chức 1.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình; văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi; chia nhóm thảo luận; thuyết trình	G1, G2
3	CHƯƠNG 2. CHỦ TỊCH NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM 2.1. Vị trí pháp lý 2.2. Cơ cấu tổ chức 2.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	3 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi	G3
4	CHƯƠNG 2. CHỦ TỊCH NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM 2.1. Vị trí pháp lý 2.2. Cơ cấu tổ chức 2.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình; văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi; chia nhóm thảo luận; thuyết trình	G3, G4
5	CHƯƠNG 3. CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM 3.1. Vị trí pháp lý 3.2. Cơ cấu tổ chức 3.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	3 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi	G5
6	CHƯƠNG 3. CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM 3.1. Vị trí pháp lý 3.2. Cơ cấu tổ chức 3.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình; văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi; chia nhóm thảo luận; thuyết trình	G5, G6

7	CHƯƠNG 4. CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 4.1. Hội đồng nhân dân 4.1.1. Vị trí pháp lý 4.1.2. Cơ cấu tổ chức 4.1.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn 4.2. Ủy ban nhân dân 4.2.1. Vị trí pháp lý 4.2.2. Cơ cấu tổ chức 4.2.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	3 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi	G7, G8, G9, G10
8	CHƯƠNG 4. CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 4.1. Hội đồng nhân dân 4.1.1. Vị trí pháp lý 4.1.2. Cơ cấu tổ chức 4.1.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn 4.2. Ủy ban nhân dân 4.2.1. Vị trí pháp lý 4.2.2. Cơ cấu tổ chức 4.2.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình; văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi; chia nhóm thảo luận; thuyết trình	G7, G8, G9, G10
9	CHƯƠNG 4. CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 4.1. Hội đồng nhân dân 4.1.1. Vị trí pháp lý 4.1.2. Cơ cấu tổ chức 4.1.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn 4.2. Ủy ban nhân dân 4.2.1. Vị trí pháp lý 4.2.2. Cơ cấu tổ chức 4.2.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	1 tiết lý thuyết + 2 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình; văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi; chia nhóm thảo luận; thuyết trình	G7, G8, G9, G10
10	CHƯƠNG 5. TÒA ÁN NHÂN DÂN CÁC CẤP	3 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình, văn bản	G11

	5.1. Vị trí pháp lý 5.2. Cơ cấu tổ chức 5.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn		pháp luật; trả lời câu hỏi	
11	CHƯƠNG 5. TÒA ÁN NHÂN DÂN CÁC CẤP 5.1. Vị trí pháp lý 5.2. Cơ cấu tổ chức 5.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	1 tiết lý thuyết + 2 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình; văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi; chia nhóm thảo luận; thuyết trình	G11, G12
12	CHƯƠNG 6. VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CÁC CẤP 6.1. Vị trí pháp lý 6.2. Cơ cấu tổ chức 6.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	3 tiết lý thuyết	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi	G13
13	CHƯƠNG 6. VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CÁC CẤP 6.1. Vị trí pháp lý 6.2. Cơ cấu tổ chức 6.3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	1 tiết lý thuyết + 2 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình; văn bản pháp luật; trả lời câu hỏi; chia nhóm thảo luận; thuyết trình	G13, G14
14	Hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam	3 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình, văn bản pháp luật; thuyết trình	G15
15	Thảo luận, ôn tập	1 tiết lý thuyết + 2 tiết thảo luận nhóm	Đọc Giáo trình, Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật; trả lời câu hỏi	G15

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải chuẩn bị làm bài thảo luận ở nhà.

- Sinh viên phải chăm chỉ đọc Giáo trình; các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên..

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

ThS. Luyện Đức Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ KHIẾU NẠI VÀ TỐ CÁO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về khiếu nại và tố cáo (tiếng Anh): Law on Complain and Denunciations	
- Mã số học phần:	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	22
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	23
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Luật Hành chính
- Học phần song hành (nếu có):	Pháp luật Thanh tra

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần Pháp luật về khiếu nại và tố cáo là 1 học phần có vị trí quan trọng trong hệ thống kiến thức chuyên ngành. Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn tiếp nhận, xử lý, giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo; quản lý nhà nước về khiếu nại, tố cáo; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các lĩnh vực.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên nhận thức những kiến thức pháp luật về khiếu nại và tố cáo. Bước đầu hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học những vấn đề cơ bản về khiếu nại và tố cáo để tiếp cận, xem xét, xử lý và có hướng giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào việc tìm hiểu, nghiên cứu các vụ việc khiếu nại, tố cáo dưới góc độ pháp lý. Hình thành và phát triển khả năng thu thập, xử lý, sử dụng thông tin pháp lý các vụ việc khiếu nại, tố cáo; có tri thức để vận dụng trong cuộc sống nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và của người khác khi bị các cơ quan hành chính nhà nước và người có thẩm quyền quản lý hành chính khi bị xâm phạm; đồng thời, có những đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật trong quá trình học tập và vận dụng sau này.

Về thái độ: Sinh viên có ý thức đúng đắn trong việc tiếp cận, nhìn nhận, đánh giá các vụ việc khiếu nại, tố cáo và hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan nhà nước; có thái độ đúng đắn, có sự tự tin và bản lĩnh khi tiếp cận, xem xét và xử lý các vụ việc khiếu nại, tố cáo phát sinh trong đời sống xã hội; qua đó, có ý thức rèn luyện, phấn đấu trở thành 1 công dân tốt; là 1 cán bộ, công chức, viên chức,...có năng lực và phẩm hạnh trong tương lai.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	<i>Trình bày được</i> các khái niệm, nội dung cơ bản về khiếu nại, tố cáo như khái niệm khiếu nại, khái niệm tố cáo; trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn tiếp nhận, xử lý, giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo; quản lý nhà nước về khiếu nại, tố cáo...	2
G2	<i>Cho ví dụ và phân biệt được</i> giữa hoạt động khiếu nại với khiếu kiện hành chính; vai trò, ý nghĩa của hai hoạt động này; ý nghĩa, vai trò của tố cáo.	3
G3	<i>Nhận định, đánh giá được</i> việc thực hiện các hoạt động trên thực tế như hoạt động khiếu nại và giải quyết khiếu nại, tố cáo và giải quyết tố cáo.	3
G4	<i>Đề xuất</i> những giải pháp, kiến nghị đối với việc hoàn thiện pháp luật về các nội dung đã được học.	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT VỀ KHIẾU NẠI VÀ TỐ CÁO

- 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển pháp luật về khiếu nại và tố cáo
- 1.2. Nhận thức chung về khiếu nại và tố cáo
- 1.3. Ý nghĩa của khiếu nại, tố cáo
- 1.4. Quản lý nhà nước về khiếu nại, tố cáo

CHƯƠNG 2. KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

- 2.1. Khái niệm khiếu nại, giải quyết khiếu nại
- 2.2. Quyền khiếu nại của công dân
- 2.3 Đặc điểm khiếu nại, giải quyết khiếu nại hành chính
- 2.4 Thẩm quyền giải quyết khiếu nại
- 2.5 Trình tự, thủ tục khiếu nại

CHƯƠNG 3. TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

- 3.1. Khái niệm tố cáo, giải quyết tố cáo
- 3.2. Quyền và nghĩa vụ của công dân
- 3.3 Đặc điểm của tố cáo – Phân biệt khiếu nại và tố cáo
- 3.4. Thẩm quyền giải quyết tố cáo
- 3.5 Trình tự, thủ tục tố cáo
- 3.6. Bảo vệ người tố cáo

CHƯƠNG 4. TIẾP CÔNG DÂN

- 4.1. Khái niệm tiếp công dân
- 4.2. Trách nhiệm tiếp công dân của các cơ quan nhà nước
- 4.3. Quyền và nghĩa vụ của công dân tại nơi tiếp công dân
- 4.4. Quy trình tiếp công dân

CHƯƠNG 5. XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ PHÁT SINH TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VÀ TỐ CÁO

- 5.1. Quy trình giải quyết khiếu nại
- 5.2. Quy trình giải quyết tố cáo

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB Hồng Đức.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] PGS, TS Nguyễn Cửu Việt (2011), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB. Chính trị Quốc gia.

[3] Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo

[4] Các Nghị định, Thông tư, văn bản pháp luật khác có liên quan.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT VỀ KHIẾU NẠI VÀ TỐ CÁO 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển pháp luật về khiếu nại và tố cáo.	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2
2	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT VỀ KHIẾU NẠI VÀ TỐ CÁO (TT) 1.2. Nhận thức chung về khiếu nại và tố cáo. 1.3 Ý nghĩa của khiếu nại, tố cáo	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2
3	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT VỀ KHIẾU NẠI VÀ TỐ CÁO (TT) 1.4. Quản lý nhà nước về khiếu nại, tố cáo	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2
4	CHƯƠNG 2. KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI 2.1. Khái niệm khiếu nại, giải quyết khiếu nại 2.2. Quyền khiếu nại của công dân	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3, G4
5	CHƯƠNG 2. KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI (TT) 2.3 Đặc điểm khiếu nại, giải quyết khiếu nại hành chính 2.4 Thẩm quyền giải quyết khiếu nại.	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3, G4
6	CHƯƠNG 2. KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI (TT) 2.5 Trình tự, thủ tục khiếu nại	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3, G4

7	CHƯƠNG 2. KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI (TT)	3 tiết Thảo luận, Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3, G4
8	CHƯƠNG 3. TỔ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỔ CÁO (TT) 3.1. Khái niệm tố cáo, giải quyết tố cáo 3.2. Quyền và nghĩa vụ của công dân 3.3 Đặc điểm của tố cáo – Phân biệt khiếu nại và tố cáo.	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3, G4
9	CHƯƠNG 3. TỔ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỔ CÁO (TT) 3.4. Thẩm quyền giải quyết tố cáo 3.5 Trình tự, thủ tục tố cáo 3.6. Bảo vệ người tố cáo	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3, G4
10	CHƯƠNG 3. TỔ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỔ CÁO (TT) – KIỂM TRA	3 tiết Thảo luận, Bài tập + Kiểm tra	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3, G4
11	CHƯƠNG 4. TIẾP CÔNG DÂN 4.1. Khái niệm tiếp công dân 4.2. Trách nhiệm tiếp công dân của các cơ quan nhà nước 4.3. Quyền và nghĩa vụ của công dân tại nơi tiếp công dân	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
12	CHƯƠNG 4. TIẾP CÔNG DÂN (TT) 4.4. Quy trình tiếp công dân	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2, G3

13	Chương 5. XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ PHÁT SINH TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VÀ TỐ CÁO 5.1. Quy trình giải quyết khiếu nại	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2
14	Chương 5. XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ PHÁT SINH TRONG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VÀ TỐ CÁO 5.1. Quy trình giải quyết tố cáo	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G1, G2
15	ÔN TẬP (LÝ THUYẾT + BÀI TẬP)	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết Thảo luận	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, tham gia thảo luận	G3, G4,

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học môn Luật Hành chính

- Đọc tài liệu trước khi lên lớp; làm bài tập thảo luận nhóm, thuyết trình khi giảng viên có yêu cầu.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên..

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ CÔNG CHỨNG, CHỨNG THỰC

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về công chứng, chứng thực (tiếng Anh): Laws on Notarization and Authentication.	
- Mã số học phần: 843056	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (<i>nếu có</i>)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Hành chính
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính*)

Học phần bao gồm hai vấn đề cơ bản là vấn đề công chứng và vấn đề chứng thực. Trong đó, ngoài nội dung khái quát về công chứng, chứng thực, môn học sẽ trình bày về hai vấn đề cơ bản là hệ thống bộ máy cơ quan tổ chức có thẩm quyền công chứng, chứng thực và thủ tục công chứng chứng thực trong từng loại việc cụ thể như công chứng di chúc, hợp đồng, chứng thực bản sao, chứng thực chữ ký... Trong quá trình triển khai nội dung phần thực hành, môn học sẽ lồng ghép các vấn đề pháp lý liên quan cần tuân thủ và lưu ý trong lĩnh vực công chứng, chứng thực cũng như các lĩnh vực pháp luật liên quan, đặc biệt là luật dân sự và luật hôn nhân gia đình.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên hiểu được các vấn đề pháp lý cơ bản về công chứng, chứng thực; hiểu được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, chức năng thực hiện việc công

chứng, chứng thực; hiểu được điều kiện, tiêu chuẩn và chức trách của công chứng viên và những người làm công tác chứng thực; hiểu được quy trình và thủ tục yêu cầu và thực hiện công chứng, chứng thực.

Về kỹ năng: Kết thúc học phần, sinh viên sẽ có kỹ năng trong việc soạn thảo các biểu mẫu để yêu cầu thực hiện việc công chứng, chứng thực trong từng vụ việc và lĩnh vực cụ thể cho chính mình và thay cho người khác.

Về thái độ: Giúp sinh viên có thái độ nghiêm túc trong việc thực hiện nhiệm vụ cũng như yêu cầu công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Tôn trọng giá trị pháp lý của các văn bản công chứng, chứng thực.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm và ý nghĩa của công chứng	2
G2	Tóm tắt sơ lược sự ra đời và phát triển của thể chế công chứng	2
G3	Trình bày được nguyên tắc hành nghề công chứng, liệt kê các hình thức văn bản công chứng Hiểu được cách thức quản lý Nhà nước về công chứng	3
G4	Liệt kê được các tổ chức hành nghề công chứng. Phân biệt phòng công chứng và văn phòng công chứng.	4
G5	Hiểu được công chứng viên là gì. Nêu được quyền và nghĩa vụ của công chứng viên. Phân tích lý do tại sao cần đào tạo nghề công chứng	3
G6	Hiểu và trình bày được trình tự, thủ tục và thẩm quyền công chứng hợp đồng, giao dịch. Khái quát trình tự thủ tục công chứng trong các trường hợp cụ thể.	3
G7	Áp dụng làm bài tập Thực hành công chứng hợp đồng đã được soạn thảo sẵn.	4
G8	Đọc và hiểu được một số quy định về lưu trữ hồ sơ công chứng, cấp bản sao văn bản công chứng, về thù lao công chứng, xử lý vi phạm, khiếu kiện về công chứng. Viết đơn tố cáo về việc công chứng sai thẩm quyền.	4
G9	Trình bày được khái niệm, đặc điểm của chứng thực. Phân biệt công chứng với chứng thực.	4

	Nắm vững nội dung thẩm quyền chứng thực của UBND cấp huyện và cấp xã	
G10	Vận dụng lý thuyết để làm bài tập thảo luận liên quan đến hoạt động chứng thực	4
G11	Trình bày tóm tắt nội dung quy trình thực hiện các hoạt động chứng thực, lấy được ví dụ minh họa	3

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG CHỨNG

1.1. Khái niệm, đặc điểm và mục đích ý nghĩa của công chứng

- 1.1.1. Khái niệm công chứng
- 1.1.2. Đặc điểm của công chứng
- 1.1.3. Mục đích, ý nghĩa của công chứng

1.2. Sơ lược về sự ra đời, phát triển thể chế công chứng

- 1.2.1. Sơ lược về sự ra đời, phát triển thể chế công chứng trên thế giới
 - 1.2.1.1. Mô hình công chứng Latin
 - 1.2.1.2. Mô hình công chứng tại các nước theo truyền thống thông luật
 - 1.2.2. Một vài nét về sự ra đời, phát triển thể chế công chứng ở Việt Nam

1.3. Nguyên tắc hành nghề công chứng

1.4. Hình thức văn bản công chứng

1.5. Quản lý Nhà nước về công chứng

CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG VÀ CÔNG CHỨNG VIÊN

2.1. Tổ chức hành nghề công chứng: gồm Phòng công chứng và Văn phòng công chứng

- 2.1.1. Phòng công chứng
- 2.1.2. Văn phòng công chứng
- 2.1.3. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề công chứng

2.2. Công chứng viên

- 2.2.1. Tiêu chuẩn công chứng viên
- 2.2.2. Đào tạo nghề công chứng
- 2.2.3. Quyền và nghĩa vụ của công chứng viên

CHƯƠNG 3. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CÔNG CHỨNG HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH

3.1. Một số quy định chung

- 3.1.1. Thẩm quyền công chứng hợp đồng, giao dịch Sửa lỗi kỹ thuật trong văn bản công chứng

3.1.2 Địa điểm công chứng, chữ viết trong văn bản công chứng và vấn đề ký, điểm chỉ trong văn bản công chứng

3.1.3 Thủ tục chung công chứng hợp đồng, giao dịch đã được soạn thảo sẵn:

3.1.4 Công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng:

3.1.5 Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ hợp đồng, giao dịch

3.2 Trình tự, thủ tục công chứng trong các trường hợp cụ thể

3.2.1 Công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản

3.2.2 Công chứng di chúc

3.2.3 Công chứng văn bản thoả thuận phân chia di sản

3.2.4 Công chứng văn bản khai nhận di sản

3.3 Một số quy định khác về công chứng

3.3.1 Lưu trữ hồ sơ công chứng

3.3.2 Việc cấp bản sao văn bản công chứng

3.3.3 Thủ lao công chứng, chi phí khác

3.3.4 Xử lý vi phạm, khiếu kiện, tố cáo về công chứng

CHƯƠNG 4. CHỨNG THỰC

4.1 Khái quát về chứng thực

4.1.1 Khái niệm, đặc điểm của chứng thực

4.1.2 Phân biệt chứng thực với công chứng

4.2 Thẩm quyền chứng thực của UBND cấp huyện và UBND cấp xã

4.2.1 Thẩm quyền chứng thực của UBND cấp huyện

4.2.2 Thẩm quyền chứng thực của UBND cấp xã

4.3 Quy trình thực hiện các hoạt động chứng thực

4.3 Quy trình thực hiện các hoạt động chứng thực

4.3.1 Chứng thực bản sao các giấy tờ, văn bản

4.3.1.1 Thẩm quyền

4.3.1.2 Thủ tục

4.3.1.2 Thủ tục

4.3.2 Chứng thực chữ ký

4.3.2.1 Thẩm quyền

4.3.2.2 Thủ tục

4.3.2.3 Phí và thời hạn

4.3.3 Cấp bản sao từ sổ gốc

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Luật công chứng 2014

[2]. Nghị định số 04.2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật công chứng

[3]. Nghị định 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Luật Hiến pháp.

[2] Luật hành chính.

[3] Luật dân sự

[4]. Nghị định số 04.2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật công chứng

[5]. Nghị định 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG CHỨNG 1.1. Khái niệm, đặc điểm và mục đích ý nghĩa của công chứng 1.1.1. Khái niệm công chứng 1.1.2. Đặc điểm của công chứng 1.1.3. Mục đích, ý nghĩa của công chứng	2 tiết Lý thuyết	-Đọc tài liệu -Trình bày được khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của công chứng.	G1;
2	1.2. Sơ lược về sự ra đời, phát triển thể chế công chứng 1.2.1. Sơ lược về sự ra đời, phát triển thể chế công chứng trên thế giới 1.2.1.1. Mô hình công chứng Latin 1.2.1.2. Mô hình công chứng tại các nước theo truyền thống thông luật 1.2.2. Một vài nét về sự ra đời, phát triển thể chế công chứng ở Việt Nam	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G2
3	TIẾP CHƯƠNG 1... 1.3. Nguyên tắc hành nghề công chứng 1.4. Hình thức văn bản công chứng 1.5. Quản lý Nhà nước về công chứng	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G3;

			Trình bày được các tổ chức hành nghề công chứng.	
4	Thảo luận	2 tiết bài tập	Sv chia nhóm trả lời các câu hỏi nhận định đúng – sai; Vận dụng làm bài tập xác định hình thức văn bản công chứng.	G1; G3
5	CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG VÀ CÔNG CHỨNG VIÊN 2.1. Tổ chức hành nghề công chứng: 2.1.1 Phòng công chứng 2.1.2 Văn phòng công chứng 2.1.3 Quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề công chứng	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. Phân biệt phòng công chứng và văn phòng công chứng.	G4
6	2.2 Công chứng viên 2.2.1 Tiêu chuẩn công chứng viên 2.2.2 Đào tạo nghề công chứng 2.2.3 Quyền và nghĩa vụ của công chứng viên	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. Trả lời được câu hỏi vì sao phải đào tạo nghề công chứng.	G5;
7	CHƯƠNG 3. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CÔNG CHỨNG HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH 3.1 Một số quy định chung	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G6;

	<p>3.1.1 Thẩm quyền công chứng hợp đồng, giao dịch Sửa lỗi kỹ thuật trong văn bản công chứng</p> <p>3.1.2 Địa điểm công chứng, chữ viết trong văn bản công chứng và vấn đề ký, điểm chỉ trong văn bản công chứng</p> <p>3.1.3 Thủ tục chung công chứng hợp đồng, giao dịch đã được soạn thảo sẵn:</p> <p>3.1.4 Công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng:</p> <p>3.1.5 Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ hợp đồng, giao dịch</p>			
8	<p>3.2 Trình tự, thủ tục công chứng trong các trường hợp cụ thể</p> <p>3.2.1 Công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản</p> <p>3.2.2 Công chứng di chúc</p> <p>3.2.3 Công chứng văn bản thoả thuận phân chia di sản</p> <p>3.2.4 Công chứng văn bản khai nhận di sản</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G6
9	Thảo luận	2 tiết bài tập	Sv chia nhóm, thực hành sửa lỗi trong văn bản công chứng. Thực hành công chứng hợp đồng đã được soạn thảo sẵn.	G7
10	<p>3.3 Một số quy định khác về công chứng</p> <p>3.3.1 Lưu trữ hồ sơ công chứng</p> <p>3.3.2 Việc cấp bản sao văn bản công chứng</p>	2 tiết lý thuyết.	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G8

	3.3.3 Thù lao công chứng, chi phí khác 3.3.4 Xử lý vi phạm, khiếu kiện, tố cáo về công chứng			
11	Thảo luận làm bài kiểm tra	1 bài tập + 1 tiết kiểm tra	Thực hành viết đơn tố cáo về việc công chứng sai thẩm quyền. Làm bài kiểm tra.	G1- G8
12	Chương 4. Chứng thực 4.1 Khái quát về chứng thực 4.1.1 Khái niệm, đặc điểm của chứng thực 4.1.2 Phân biệt chứng thực với công chứng 4.2 Thẩm quyền chứng thực của UBND cấp huyện và UBND cấp xã 4.2.1 Thẩm quyền chứng thực của UBND cấp huyện 4.2.2 Thẩm quyền chứng thực của UBND cấp xã	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu và trình bày khái niệm đặc điểm của chứng thực, thẩm quyền chứng thực, phân biệt chứng thực với công chứng.	G9
13	Thảo luận làm bài tập	2 tiết thảo luận	SV chia nhóm, chuẩn bị sẵn một số loại văn bản công chứng, chứng thực. Thực hành phân loại văn bản công chứng, văn bản chứng thực, xác định thẩm	G10

			quyền chứng thực của các văn bản đó.	
14	4.3 Quy trình thực hiện các hoạt động chứng thực 4.3.1 Chứng thực bản sao các giấy tờ, văn bản 4.3.1.1 Thẩm quyền 4.3.1.2 Thủ tục 4.3.2 Chứng thực chữ ký 4.3.2.1 Thẩm quyền 4.3.2.2 Thủ tục 4.3.2.3 Phí và thời hạn 4.3.3 Cấp bản sao từ sổ gốc	2 tiết Lý thuyết	Hiểu được nội dung quy trình thực hiện các hoạt động chứng thực.	G11
15	Hệ thống toàn bộ nội dung chi tiết học phần, trả bài, giải đáp thắc mắc của SV, đọc điểm quá trình.	01 tiết Lý thuyết + 1 tiết trả bài kiểm tra giải đáp thắc mắc.	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. SV hỏi, thảo luận.	G1; G11

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

Yêu cầu sinh viên phải tham gia lên lớp chuyên cần, phải chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Sinh viên phải học môn Luật hành chính.

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên..

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	

1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (tiếng Anh): Laws on Cadres, Civil servants and Officials.	
- Mã số học phần: 843318 (843058)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	3
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Luật Hành chính
- Học phần song hành (nếu có):	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản về pháp luật cán bộ, công chức, viên chức, bao gồm:

- Lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật cán bộ, công chức, viên chức; hệ thống pháp luật hiện hành về cán bộ, công chức, viên chức; vai trò, ý nghĩa của pháp luật cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống pháp luật.

- Quy chế pháp lý hành chính của cán bộ, bao gồm: khái niệm; quyền và nghĩa vụ; bầu cử, bổ nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ trong cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội; bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ trong cơ quan nhà nước; điều động, luân chuyển cán bộ; đánh giá cán bộ; xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm; nghỉ hưu; xử lý kỷ luật đối với cán bộ.

- Quy chế pháp lý hành chính của công chức, bao gồm: Khái niệm; quyền và nghĩa vụ; phân loại công chức; tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức; tiền lương công chức; trách nhiệm kỷ luật và trách nhiệm vật chất của công chức.

- Quy chế pháp lý hành chính của viên chức, bao gồm: Khái niệm; quyền và nghĩa vụ viên chức; tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức; tiền lương viên chức; trách nhiệm kỷ luật và trách nhiệm vật chất của viên chức.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức

- Lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật cán bộ, công chức, viên chức ở nước ta.

- Hệ thống văn bản pháp luật hiện hành về cán bộ, công chức, viên chức.

- Khái niệm và đặc trưng của cán bộ, công chức, viên chức. Phân biệt được ai là cán bộ, công chức và viên chức.

- Quy chế pháp lý hành chính của cán bộ, công chức và viên chức.

Về kỹ năng: Giúp người học rèn luyện kỹ năng vận dụng pháp luật để giải quyết những tình huống quản lý cụ thể liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức, ví dụ tình huống về tuyển dụng công chức, viên chức, về điều động, luân chuyển, bổ nhiệm công chức, về tiền lương cán bộ, công chức, viên chức, về hợp đồng làm việc của viên chức, về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

Về thái độ: Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị, người học sẽ có thái độ đúng đắn khi đánh giá hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức; có ý thức phấn đấu để trở thành người cán bộ, công chức, viên chức có năng lực và phẩm hạnh trong tương lai.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Khái quát sơ lược Lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật CB, CC, VC. Kể tên được một số các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về CB, CC, VC	2
G2	Trình bày được khái niệm, đặc trưng về cán bộ, công chức. Phân biệt được cán bộ và công chức	3
G3	Trình bày được quyền và nghĩa vụ của công chức, liệt kê được những việc cán bộ, công chức không được làm	4

	Vận dụng làm bài tập nhận định và tình huống	
G4	Hiểu được những quy chế pháp lý hành chính liên quan đến cán bộ. Căn cứ đánh giá cán bộ. Nêu quan điểm về Trách nhiệm kỷ luật của cán bộ Viết được đơn xin nghỉ việc, đơn từ chức.	4
G5	Hiểu được những quy chế pháp lý hành chính liên quan đến công chức. Căn cứ đánh giá công chức.	3
G6	Nêu được quan điểm về vấn đề tiền lương đối với công chức và trách nhiệm kỷ luật của công chức.	4
G7	Trình bày được khái niệm, đặc trưng, quyền và nghĩa vụ của viên chức. Liệt kê những việc viên chức không được làm.	2
G8	Trình bày được quy định về tuyển dụng, sử dụng viên chức. Căn cứ đánh giá viên chức. Nêu được quan điểm về vấn đề tiền lương đối với viên chức và trách nhiệm kỷ luật của viên chức.	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ PHÁP LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật CB, CC, VC

- 1.1.1. Giai đoạn 1945 - 1954
- 1.1.2. Giai đoạn 1954 – 1975
- 1.1.3. Giai đoạn 1975 – 1986
- 1.1.4. Giai đoạn 1987 đến nay

1.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về CB, CC, VC

- 1.2.1. Các văn bản Luật
- 1.2.2. Các văn bản dưới Luật

1.3. Vai trò, ý nghĩa của pháp luật CB, CC, VC

CHƯƠNG 2. QUY CHẾ PHÁP LÝ HÀNH CHÍNH CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

2.1. Các khái niệm

- 2.1.1. Cán bộ và đặc trưng của cán bộ
- 2.1.2. Công chức và đặc trưng của công chức
- 2.1.3. Cán bộ cấp xã
- 2.1.4. Công chức cấp xã
- 2.1.5. Quy chế pháp lý hành chính

2.2. Quyền và nghĩa vụ của cán bộ, công chức

- 2.2.1. Quyền
- 2.2.2. Nghĩa vụ
- 2.2.3. Những việc cán bộ, công chức không được làm

2.3. Quy chế pháp lý hành chính cụ thể của cán bộ

- 2.3.1. Bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm chức vụ, chức danh đối với cán bộ
- 2.3.2. Điều động, luân chuyển cán bộ
- 2.3.3. Đánh giá cán bộ
- 2.3.4. Xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm
- 2.3.5. Nghỉ hưu
- 2.3.6. Trách nhiệm kỷ luật của cán bộ

2.4. Quy chế pháp lý hành chính về sử dụng công chức

- 2.4.1. Phân loại công chức
- 2.4.2. Tuyển dụng công chức
- 2.4.3. Tập sự công chức
- 2.4.4. Chuyển ngạch, nâng ngạch công chức
- 2.4.5. Điều động, luân chuyển, biệt phái công chức
- 2.4.6. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm công chức
- 2.4.7. Đánh giá công chức
- 2.4.8. Quản lý công chức

2.5. Quy chế pháp lý hành chính về tiền lương và trách nhiệm của công chức

- 2.5.2. Tiền lương công chức
- 2.5.2. Trách nhiệm kỷ luật của công chức
- 2.5.3. Trách nhiệm vật chất của công chức

2.6. Quy chế pháp lý hành chính cụ thể của cán bộ cấp xã, công chức cấp xã

- 2.6.1. Cán bộ cấp xã
- 2.6.2. Công chức cấp xã.

CHƯƠNG 3. QUY CHẾ PHÁP LÝ HÀNH CHÍNH CỦA VIÊN CHỨC

3.1. Khái niệm

- 3.1.1. Định nghĩa viên chức
- 3.1.2. Các đặc trưng của viên chức

3.2. Quyền và nghĩa vụ của viên chức

- 3.2.1. Quyền
- 3.2.2. Nghĩa vụ
- 3.2.3. Những việc viên chức không được làm

3.3. Tuyển dụng viên chức

- 3.3.1. Các phương pháp tuyển dụng
- 3.3.2. Các điều kiện tuyển dụng

3.3.4. Thủ tục tuyển dụng

3.3.5. Hợp đồng làm việc

3.4. Sử dụng viên chức

3.4.1. Bổ nhiệm, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí việc làm của viên chức

3.4.2. Biệt phái, bổ nhiệm, miễn nhiệm viên chức

3.4.3. Đánh giá viên chức

3.4.4. Quản lý viên chức

3.4.5. Tiền lương viên chức

3.4.5. Trách nhiệm kỷ luật của viên chức

3.4.6. Trách nhiệm vật chất của viên chức

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Luật Cán bộ, công chức;

[2] Luật Viên chức

[3] Các văn bản hướng dẫn thi hành, và các văn bản có liên quan.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB. Công an nhân dân;

[5] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB. Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

[6] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Những vấn đề cơ bản, câu hỏi và tình huống*, NXB. Lao động;

[7] Ts Nguyễn Cảnh Hợp (2011), *Thế chế công vụ*, NXB. Tư pháp

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ PHÁP LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC 1.1.Lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật CB, CC, VC 1.1.1.Giai đoạn 1945 - 1954 1.1.2.Giai đoạn 1954 – 1975 1.1.3.Giai đoạn 1975 – 1986	3 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. Kể tên được một số các văn bản quy phạm pháp	G1

	<p>1.1.4. Giai đoạn 1987 đến nay</p> <p>1.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về CB, CC, VC</p> <p>1.2.1. Các văn bản Luật</p> <p>1.2.2. Các văn bản dưới Luật</p>		<p>luật hiện hành về CB, CC, VC</p>	
2	<p>1.3. Vai trò, ý nghĩa của pháp luật CB, CC, VC</p> <p>1.3.1. Vai trò</p> <p>1.3.2. Ý nghĩa</p> <p>Làm bài tập thảo luận</p>	<p>1 tiết lý thuyết + 2 tiết bài tập</p>	<p>Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.</p> <p>Vận dụng làm bài tập nhận định đúng – sai; SV chia nhóm thảo luận phân biệt các trường hợp văn bản luật và văn bản dưới luật về CB, CC, VC.</p>	G2
3	<p>CHƯƠNG 2. QUY CHẾ PHÁP LÝ HÀNH CHÍNH CỦA CÁN BỘ</p> <p>2.1. Các khái niệm</p> <p>2.1.1. Cán bộ và đặc trưng của cán bộ</p> <p>2.1.2. Quy chế pháp lý hành chính về cán bộ</p> <p>2.2. Quyền và nghĩa vụ của cán bộ</p> <p>2.2.1. Quyền</p> <p>2.2.2. Nghĩa vụ</p> <p>2.2.3. Những việc cán bộ không được làm</p>	<p>3 tiết lý thuyết</p>	<p>Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.</p>	G3
4	<p>2.3. Quy chế pháp lý hành chính cụ thể của cán bộ</p> <p>2.3.1. Bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm chức vụ, chức danh đối với cán bộ</p>	<p>3 tiết lý thuyết</p>	<p>Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.</p>	G4

	<p>2.3.2.Điều động, luân chuyển cán bộ</p> <p>2.3.3.Đánh giá cán bộ</p> <p>2.3.4.Xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm</p> <p>2.3.5. Nghỉ hưu</p> <p>2.3.6. Trách nhiệm kỷ luật của cán bộ</p>			
5	<p>2.4. Cán bộ cấp xã</p> <p>2.4.1. Khái niệm cán bộ cấp xã</p> <p>2.4.2. Quy chế pháp lý cụ thể của cán bộ cấp xã</p> <p>Làm bài tập thảo luận</p>	1 tiết lý thuyết + 2 tiết bài tập	Vận dụng làm bài tập nhận định đúng –sai; SV chia nhóm thảo luận bài tập tình huống liên quan đến việc điều động, luân chuyển, đánh giá và kỷ luật cán bộ.	G3;G4 ;
6	<p>CHƯƠNG 3. QUY CHẾ PHÁP LÝ HÀNH CHÍNH CỦA CÔNG CHỨC</p> <p>3.1.Các khái niệm</p> <p>3.1.1.Công chức và đặc trưng của công chức</p> <p>3.1.2. Quy chế pháp lý hành chính về công chức</p> <p>3.2.Quyền và nghĩa vụ của công chức</p> <p>3.2.1.Quyền</p> <p>3.2.2.Nghĩa vụ</p> <p>3.2.3. Những việc công chức không được làm.</p>	3 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G5
7	<p>3.3. Quy chế pháp lý hành chính về sử dụng công chức</p> <p>3.3.1. Phân loại công chức</p> <p>3.3.2. Tuyển dụng công chức</p> <p>3.3.3. Tập sự công chức</p>	3 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G6

	<p>3.3.4. Chuyển ngạch, nâng ngạch công chức</p> <p>3.3.5. Điều động, luân chuyển, biệt phái công chức</p> <p>3.3.6. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm công chức</p> <p>3.3.7. Đánh giá công chức</p> <p>3.3.8. Quản lý công chức</p>			
8	Thảo luận	3 tiết bài tập	Sv chia nhóm làm bài tập nhận định đúng-sai thảo luận liên quan đến bổ nhiệm, luân chuyển, và đánh giá công chức. Thực hành viết được đơn xin nghỉ việc, đơn từ chức.	G5; G6
9	<p>3.4. Quy chế pháp lý hành chính về tiền lương và trách nhiệm của công chức</p> <p>3.4.1. Tiền lương công chức</p> <p>3.4.2. Trách nhiệm kỷ luật của công chức</p> <p>3.4.3. Trách nhiệm vật chất của công chức.</p> <p>3.5. Công chức cấp xã</p> <p>3.5.1. Khái niệm công chức cấp xã</p> <p>3.5.2. Quy chế pháp lý cụ thể của công chức cấp xã</p>	3 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G7
10		2 tiết bài tập+1 tiết kiểm tra	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G6;G7

	Thảo luận+Kiểm tra		Làm bài tập thảo luận về vấn đề tiền lương đối với công chức và trách nhiệm kỷ luật của công chức.	
11	CHƯƠNG 4. QUY CHẾ PHÁP LÝ HÀNH CHÍNH CỦA VIÊN CHỨC 4.1. Khái niệm 4.1.1. Định nghĩa viên chức 4.1.2. Các đặc trưng của viên chức 4.2. Quyền và nghĩa vụ của viên chức 4.2.1. Quyền 4.2.2. Nghĩa vụ 4.2.3. Những việc viên chức không được làm	3 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G8
12	4.3. Tuyển dụng viên chức 4.3.1. Các phương thức tuyển dụng 4.3.2. Các điều kiện tuyển dụng 4.3.4. Thủ tục tuyển dụng 4.3.5. Hợp đồng làm việc	2 tiết lý thuyết +1 tiết bài tập	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. làm bài tập thực hành viết hợp đồng thử việc đối với viên chức.	G8
13	4.4. Sử dụng viên chức 4.4.1. Bổ nhiệm, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí việc làm của viên chức 4.4.2. Biệt phái, bổ nhiệm, miễn nhiệm viên chức 4.4.3. Đánh giá viên chức	3 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G9

	4.4.4. Quản lý viên chức 4.4.5. Tiền lương viên chức 4.4.6. Trách nhiệm kỷ luật của viên chức 4.4.7. Trách nhiệm vật chất của viên chức			
14	Thảo luận	3 tiết bài tập	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. Vận dụng làm bài tập thảo luận về vấn đề tuyển dụng, bổ nhiệm và chế độ tiền lương đối với viên chức. Làm bài tập nhận định đúng-sai.	G8; G9
15	Hệ thống lại nội dung lý thuyết của học phần. Giải đáp thắc mắc, trả bài, công bố điểm quá trình.	1 tiết Lý thuyết + 2 tiết giải đáp thắc mắc cho SV, công bố điểm quá trình cho SV	Sinh viên hỏi và thảo luận.	G1-G9

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

Yêu cầu sinh viên phải tham gia lên lớp chuyên cần, phải chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Sinh viên phải học môn Luật hành chính.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về quản lý đô thị (tiếng Anh): Laws on Urban management	
- Mã số học phần: 843108	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Luật Hành chính
- Học phần song hành (nếu có):	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần pháp luật về quản lý đô thị, giới thiệu cho sinh viên những kiến thức pháp luật cơ bản về quản lý đô thị, như khái niệm đô thị, đô thị hóa; căn cứ phân loại, phân cấp quản lý đô thị; các chủ trương, chính sách về phát triển đô thị; vai trò của nhà nước trong việc xây dựng, phát triển và quản lý đô thị; quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng đô thị; về nhà ở, đất ở; về hạ tầng kỹ thuật đô thị; về cảnh quan và môi trường đô thị.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Người học phải nắm được những kiến thức pháp luật cơ bản về quản lý đô thị, như:

- Khái niệm đô thị, đô thị hóa; căn cứ phân loại, phân cấp quản lý đô thị; các chủ trương, chính sách về phát triển đô thị;

- Vai trò của nhà nước trong việc xây dựng, phát triển và quản lý đô thị;

- Quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng đô thị; về nhà ở, đất ở; về hạ tầng kỹ thuật đô thị; về cảnh quan và môi trường đô thị; về trật tự an toàn xã hội.

Về kĩ năng:

- Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị để tiếp cận, phân tích, đánh giá các vấn đề về đô thị dưới góc độ pháp lý;

- Xử lý tình huống pháp lý trong thực tiễn hoạt động của các cơ quan nhà nước về quản lý đô thị.

Về thái độ: Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên sẽ có thái độ đúng đắn trong việc nhận thức, đánh giá hoạt động xây dựng, phát triển và quản lý đô thị.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm đô thị và phân loại đô thị ở Việt Nam.	2
G2	Trình bày được khái niệm đô thị hóa. Nêu khái quát quá trình đô thị hóa ở Việt Nam	2
G3	Hiểu được lợi thế và những nguồn lực phát triển đô thị ở Việt Nam.	3
G4	Nêu được một số chính sách phát triển đô thị. Trình bày công tác bảo vệ môi trường đô thị. Liên hệ thực tiễn	4
G5	Phân tích được vai trò của nhà nước về xây dựng và phát triển đô thị? Nêu được lý do tại sao phải quy hoạch xây dựng phát triển đô thị	3
G6	Hiểu được vấn đề quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng đô thị.	3
G7	Trình bày được mục đích quản lý nhà nước về nhà ở. Đất ở đô thị. Nêu thực trạng nhà ở đô thị của Việt Nam.	2
G8	Trình bày được thực trạng giao thông vận tải ở đô thị Việt Nam. Liên hệ thực tế thực trạng giao thông ở các thành phố	4

	lớn và nêu quan điểm cá nhân trong việc giảm bớt tình trạng kẹt xe ở các thành phố lớn.	
G9	Nêu thực trạng cung cấp nước sạch và quản lý cấp nước sạch, cấp điện và quản lý cấp điện ở đô thị.	2
G10	Nêu được thực trạng về ô nhiễm môi trường đô thị ở Việt Nam và quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đô thị. Từ đó nêu sáng kiến cá nhân về việc giảm bớt ô nhiễm môi trường đô thị.	5
G11	Trình bày thực trạng về thoát nước đô thị Việt Nam, nội dung quản lý Nhà nước về thoát nước đô thị, cấp điện và điện chiếu sáng đô thị	2

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ ĐÔ THỊ VÀ ĐÔ THỊ HÓA Ở VIỆT NAM

1.1. Đô thị

- 1.1.1. Khái niệm đô thị
- 1.1.2. Phân loại đô thị
- 1.1.3. Vùng ngoại thành, ngoại thị
- 1.1.4. Phân cấp quản lý đô thị

1.2. Đô thị hóa

- 1.2.1. Khái niệm đô thị hóa
- 1.2.2. Đô thị hóa trên thế giới
- 1.2.2. Đô thị hóa ở Việt Nam

CHƯƠNG 2. CHÍNH SÁCH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ Ở VIỆT NAM

2.1. Lợi thế và nguồn lực phát triển đô thị

- 2.1.1. Lợi thế phát triển đô thị
- 2.1.2. Nguồn lực phát triển đô thị

2.2. Quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển đô thị đến 2020

- 2.2.1. Quan điểm
- 2.2.2. Mục tiêu
- 2.2.3. Định hướng

2.3. Một số chính sách phát triển đô thị

- 2.3.1. Xây dựng mô hình chính quyền đô thị phù hợp
- 2.3.2. Tạo nguồn lực để phát triển đô thị
- 2.3.3. Phát triển nhà và sử dụng đất đô thị
- 2.3.4. Quy hoạch kiến trúc đô thị
- 2.3.5. Bảo vệ môi trường đô thị

CHƯƠNG 3. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG ĐÔ THỊ

3.1. Vai trò của nhà nước về xây dựng và phát triển đô thị

- 3.1.1. Định hướng chiến lược phát triển đô thị
- 3.1.2. Chế chế hóa chính sách phát triển đô thị
- 3.1.3. Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị
- 3.1.4. Xây dựng các chính sách huy động nguồn lực phát triển đô thị

3.2. Tiếp tục hoàn thiện phân loại, phân cấp quản lý nhà nước về đô thị

- 3.2.1. Phân loại đô thị
- 3.2.2. Thành lập đô thị mới
- 3.2.3. Quy hoạch phát triển đô thị vùng ngoại thành, ngoại thị
- 3.2.4. Phân cấp quản lý đô thị

3.3. Quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng đô thị

- 3.3.1. Mục đích và cơ sở quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng đô thị
- 3.3.2. Thực trạng quản lý quy hoạch xây dựng đô thị
- 3.3.3. Định hướng về quy hoạch xây dựng đô thị
- 3.3.4. Nội dung quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng đô thị

CHƯƠNG 4. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NHÀ Ở, ĐẤT Ở ĐÔ THỊ

4.1. Quản lý nhà nước về nhà ở

- 4.1.1. Mục đích quản lý nhà nước về nhà ở đô thị
- 4.1.2. Thực trạng nhà ở và quản lý nhà ở đô thị
- 4.1.3. Định hướng phát triển và đổi mới quản lý nhà ở đô thị
- 4.1.4. Nội dung quản lý nhà nước về nhà ở đô thị

4.2. Quản lý nhà nước về đất ở đô thị

- 4.2.1. Khái quát về đất ở đô thị
- 4.2.2. Thực trạng quản lý đất ở đô thị
- 4.2.3. Mục đích và cơ sở quản lý đất ở đô thị
- 4.2.4. Định hướng tăng cường quản lý đất ở đô thị
- 4.2.5. Nội dung quản lý nhà nước về đất ở đô thị

CHƯƠNG 5. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ

5.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị

- 5.1.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị
- 5.1.2. Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị

5.2. Quản lý nhà nước về giao thông vận tải

- 5.2.1. Thực trạng giao thông vận tải ở đô thị Việt Nam
- 5.2.2. Định hướng phát triển mạng lưới giao thông và phương tiện giao thông đô thị
- 5.2.3. Nội dung quản lý nhà nước về giao thông vận tải đô thị

5.3. Quản lý nhà nước về nước sạch đô thị

- 5.3.1. Thực trạng cung cấp nước sạch và quản lý cấp nước sạch ở đô thị Việt Nam
- 5.3.2. Định hướng phát triển cấp nước sạch ở đô thị
- 5.3.3. Nội dung quản lý nhà nước về cấp nước sạch

5.4. Quản lý nhà nước về thoát nước đô thị

- 5.4.1. Thực trạng về thoát nước đô thị Việt Nam
- 5.4.2. Định hướng phát triển hệ thống thoát nước đô thị
- 5.4.3. Nội dung quản lý nhà nước về thoát nước đô thị

5.5. Quản lý nhà nước về cấp điện và điện chiếu sáng đô thị

- 5.4.1. Quản lý về cấp điện đô thị
- 5.4.2. Quản lý điện chiếu sáng đô thị

CHƯƠNG 6. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CẢNH QUAN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ

6.1. Cảnh quan đô thị

- 6.1.1. Thực trạng cảnh quan đô thị ở Việt Nam
- 6.1.2. Nội dung quản lý nhà nước về cảnh quan đô thị

6.2. Môi trường đô thị

- 6.2.1. Thực trạng về ô nhiễm môi trường đô thị Việt Nam
- 6.2.2. Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đô thị

6.3. Quản lý chất thải rắn ở đô thị

- 6.3.1. Thực trạng chất thải rắn và quản lý chất thải rắn ở đô thị Việt Nam
- 6.3.2. Nội dung quản lý chất thải rắn ở đô thị

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1]. Học viện Hành chính Quốc gia (2010), *Giáo trình quản lý nhà nước về đô thị*, NXB. Giáo dục.

[2]. Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015.

[3]. Luật Quy hoạch đô thị 2009.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Luật Thủ đô 2012.

[2]. Luật Tài nguyên nước 2012.

[3]. Luật Đất đai 2013.

[4]. Luật Nhà ở 2014.

[5]. Luật Xây dựng 2014.

[6]. Luật Điện lực 2012.

[7]. Luật Bảo vệ môi trường 2014.

[8]. Các văn bản Quy phạm pháp luật liên quan.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ ĐÔ THỊ VÀ ĐÔ THỊ HÓA Ở VIỆT NAM</p> <p>1.1. Đô thị</p> <p>1.1.1. Khái niệm đô thị</p> <p>1.1.2. Phân loại đô thị</p> <p>1.1.3. Vùng ngoại thành, ngoại thị</p> <p>1.1.4. Phân cấp quản lý đô thị</p>	2 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G1
2	<p>TIẾP CƯƠNG 1...</p> <p>1.2. Đô thị hóa</p> <p>1.2.1. Khái niệm đô thị hóa</p> <p>1.2.2. Đô thị hóa trên thế giới</p> <p>1.2.2. Đô thị hóa ở Việt Nam</p>	2 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. Nêu khái quát quá trình đô thị hóa ở Việt Nam	G2
3	<p>CHƯƠNG 2. CHÍNH SÁCH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ Ở VIỆT NAM</p> <p>2.1. Lợi thế và nguồn lực phát triển đô thị</p> <p>2.1.1. Lợi thế phát triển đô thị</p> <p>2.1.2. Nguồn lực phát triển đô thị</p> <p>2.2. Quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển đô thị đến 2020</p> <p>2.2.1. Quan điểm</p> <p>2.2.2. Mục tiêu</p> <p>2.2.3. Định hướng</p>	2 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. Hiểu được lợi thế và những nguồn lực phát triển đô thị ở Việt Nam.	G3

4	<p>2.3. Một số chính sách phát triển đô thị</p> <p>2.3.1. Xây dựng mô hình chính quyền đô thị phù hợp</p> <p>2.3.2. Tạo nguồn lực để phát triển đô thị</p> <p>2.3.3. Phát triển nhà và sử dụng đất đô thị</p> <p>2.3.4. Quy hoạch kiến trúc đô thị</p> <p>2.3.5. Bảo vệ môi trường đô thị</p>	2 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G4
5	Thảo luận	02 tiết bài tập	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. SV chia nhóm, làm bài tập thảo luận về xây dựng mô hình chính quyền đô thị phù hợp và biện pháp bảo vệ môi trường đô thị.	G4
6	<p>CHƯƠNG 3. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG ĐÔ THỊ</p> <p>3.1. Vai trò của nhà nước về xây dựng và phát triển đô thị</p> <p>3.1.1. Định hướng chiến lược phát triển đô thị</p> <p>3.1.2. Thể chế hóa chính sách phát triển đô thị</p> <p>3.1.3. Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị</p> <p>3.1.4. Xây dựng các chính sách huy</p>	2 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. Phân tích được vai trò của nhà nước về xây dựng và phát triển đô thị?	G5

	<p>động nguồn lực phát triển đô thị</p> <p>3.2. Tiếp tục hoàn thiện phân loại, phân cấp quản lý nhà nước về đô thị</p> <p>3.2.1. Phân loại đô thị</p> <p>3.2.2. Thành lập đô thị mới</p> <p>3.2.3. Quy hoạch phát triển đô thị vùng ngoại thành, ngoại thị</p> <p>3.2.4. Phân cấp quản lý đô thị</p>			
7	<p>3.3. Quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng đô thị</p> <p>3.3.1. Mục đích và cơ sở quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng đô thị</p> <p>3.3.2. Thực trạng quản lý quy hoạch xây dựng đô thị</p> <p>3.3.3. Định hướng về quy hoạch xây dựng đô thị</p> <p>3.3.4. Nội dung quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng đô thị</p>	01 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	<p>Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.</p> <p>SV chia nhóm, thảo luận về các chính sách huy động nguồn lực phát triển đô thị.</p>	G6
8	<p>CHƯƠNG 4. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NHÀ Ở, ĐẤT Ở ĐÔ THỊ</p> <p>4.1. Quản lý nhà nước về nhà ở</p> <p>4.1.1. Mục đích quản lý nhà nước về nhà ở đô thị</p> <p>4.1.2. Thực trạng nhà ở và quản lý nhà ở đô thị</p> <p>4.1.3. Định hướng phát triển và đổi mới quản lý nhà ở đô thị</p> <p>4.1.4. Nội dung quản lý nhà nước về nhà ở đô thị</p> <p>4.2. Quản lý nhà nước về đất ở đô thị</p> <p>4.2.1. Khái quát về đất ở đô thị</p> <p>4.2.2. Thực trạng quản lý đất ở đô thị</p> <p>4.2.3. Mục đích và cơ sở quản lý đất ở đô thị</p> <p>4.2.4. Định hướng tăng cường quản lý đất ở đô thị</p>	02 tiết lý thuyết	<p>Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.</p>	G7

	4.2.5. Nội dung quản lý nhà nước về đất ở đô thị			
9	Thảo luận + kiểm tra	01 tiết bài tập+01tiết kiểm tra.	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. vận dụng làm bài tập thảo luận về thực trạng nhà ở, đất ở đô thị Việt Nam.	G7
10	CHƯƠNG 5. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ 5.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị 5.1.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị 5.1.2. Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị 5.2. Quản lý nhà nước về giao thông vận tải 5.2.1. Thực trạng giao thông vận tải ở đô thị Việt Nam 5.2.2. Định hướng phát triển mạng lưới giao thông và phương tiện giao thông đô thị 5.2.3. Nội dung quản lý nhà nước về giao thông vận tải đô thị	02 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G8
11	Thảo luận	02 tiết bài tập	Sv chia nhóm, thảo luận về thực trạng giao thông vận tải ở đô thị Việt Nam. Nêu	G8

			<p>sang kiến về việc giảm bớt tình trạng kẹt xe ở các thành phố lớn.</p>	
12	<p>5.3. Quản lý nhà nước về nước sạch đô thị 5.3.1. Thực trạng cung cấp nước sạch và quản lý cấp nước sạch ở đô thị Việt Nam 5.3.2. Định hướng phát triển cấp nước sạch ở đô thị 5.3.3. Nội dung quản lý nhà nước về cấp nước sạch</p> <p>5.4. Quản lý nhà nước về thoát nước đô thị 5.4.1. Thực trạng về thoát nước đô thị Việt Nam 5.4.2. Định hướng phát triển hệ thống thoát nước đô thị 5.4.3. Nội dung quản lý nhà nước về thoát nước đô thị</p> <p>5.5. Quản lý nhà nước về cấp điện và điện chiếu sáng đô thị 5.4.1. Quản lý về cấp điện đô thị 5.4.2. Quản lý điện chiếu sáng đô thị</p>	02 tiết lý thuyết	<p>Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.</p>	G9
13	<p>CHƯƠNG 6. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CẢNH QUAN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ</p> <p>6.1. Cảnh quan đô thị 6.1.1. Thực trạng cảnh quan đô thị ở Việt Nam 6.1.2. Nội dung quản lý nhà nước về cảnh quan đô thị</p> <p>6.2. Môi trường đô thị 6.2.1. Thực trạng về ô nhiễm môi trường đô thị Việt Nam</p>	02 tiết lý thuyết	<p>Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.</p>	G10

	6.2.2. Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đô thị			
14	6.3. Quản lý chất thải rắn ở đô thị 6.3.1. Thực trạng chất thải rắn và quản lý chất thải rắn ở đô thị Việt Nam 6.3.2. Nội dung quản lý chất thải rắn ở đô thị Bài tập-Thảo luận về tình trạng ô nhiễm môi trường đô thị	1 tiết lý thuyết +1 tiết bài tập	SV chia nhóm, thảo luận nêu sang kiến về việc giảm bớt ô nhiễm môi trường đô thị.	G10
15	Hệ thống toàn bộ nội dung chi tiết học phần, trả bài, giải đáp thắc mắc của SV, đọc điểm quá trình.	01 tiết Lý thuyết + 1 tiết trả bài kiểm tra giải đáp thắc mắc.	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. SV hỏi, thảo luận.	G1- G10

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

Yêu cầu sinh viên phải tham gia lên lớp chuyên cần, phải chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Sinh viên phải học môn Luật hành chính.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về quản lý nông nghiệp, nông thôn (tiếng Anh): Law on agricultural and rural management	
- Mã số học phần: 843108	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Luật Hành chính
- Học phần song hành (nếu có):	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần pháp luật về quản lý nông nghiệp, nông thôn giới thiệu cho sinh viên những kiến thức pháp luật cơ bản về quản lý nông nghiệp, nông thôn gồm 05 chương (Chi tiết tại Mục 5).

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên nhận thức được những kiến thức cơ bản về nông nghiệp và nông thôn; những quy định của pháp luật quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn; định hướng phát triển nông nghiệp và nông thôn; công tác quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng, quy hoạch diêm dân cư nông thôn.

Về kĩ năng: Sinh biết biết sưu tầm, tham khảo tài liệu, hình thành kỹ năng tìm kiếm, đọc văn bản quy phạm pháp luật nói chung và văn bản về nông nghiệp, nông thôn nói riêng để vận dụng giải quyết những tình huống xảy ra trong thực tế đời sống.

Về thái độ: Sinh biết biết sưu tầm, tham khảo tài liệu, hình thành kỹ năng tìm kiếm, đọc văn bản quy phạm pháp luật nói chung và văn bản về nông nghiệp, nông thôn nói riêng để vận dụng giải quyết những tình huống xảy ra trong thực tế đời sống.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Nêu tầm quan trọng và đặc thù của nông nghiệp nông thôn ở Việt Nam	2
G2	Nêu được vai trò quản lý Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn.	2
G3	Trình bày được định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn. Dựa vào chính sách đất đai liên hệ thực tế các địa phương.	4
G4	Phân tích được vai trò của chính sách phát triển khoa học công nghệ và đầu tư, tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn	3
G5	Trình bày vấn đề cần thiết phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.	2
G6	Trình bày vấn đề các thành phần kinh tế ở nông thôn.	2
G7	Trình bày đặc điểm và xu thế phát triển dân cư nông thôn Việt Nam.	2
G8	Hiểu được sự cần thiết xây dựng nông thôn mới. Liên hệ thực tế quá trình xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương.	4
G9	Trình bày được mục tiêu, giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn	2
G10	Phân tích chính sách đổi đất lấy hạ tầng trong chính sách khuyến khích phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn.	3

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG I. KHÁI QUÁT VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN

1.1. Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam

- 1.1.1. Tầm quan trọng của nông nghiệp, nông thôn
- 1.1.2. Đặc thù của nông nghiệp, nông thôn
- 1.1.3. Quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn

1.2. Vai trò công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn

- 1.2.1. Hoạch định phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn
- 1.2.2. Xây dựng thể chế tạo môi trường pháp lý cho phát triển nông nghiệp, nông thôn
- 1.2.3. Quy hoạch phát triển các lĩnh vực
- 1.2.4. Tạo lập và huy động các nguồn đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn

CHƯƠNG II.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VIỆT NAM

2.1. Quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn

- 2.1.1. Quan điểm
- 2.1.2. Mục tiêu
- 2.1.3. Định hướng

2.2. Một số chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn

- 2.2.1. Chính sách đất đai
- 2.2.2. Chính sách phát triển các thành phần kinh tế
- 2.2.3. Chính sách phát triển khoa học công nghệ
- 2.2.4. Chính sách đầu tư, tín dụng, thị trường
- 2.2.5. Chính sách phát triển kinh tế trang trại
- 2.2.6. Chính sách đối với khu vực miền núi, vùng đồng bào thiểu số
- 2.2.7. Chính sách xã hội

CHƯƠNG III. NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ KINH TẾ NÔNG THÔN

3.1. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và cơ cấu kinh tế nông thôn

- 3.1.1. Sự cần thiết phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn
- 3.1.2. Định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn

3.2. Phát triển các thành phần kinh tế ở nông thôn

- 3.2.1. Khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình
- 3.2.2. Tiếp tục đổi mới kinh tế hợp tác xã
- 3.2.3. Đổi mới mô hình quản lý lâm nghiệp
- 3.2.4. Phát triển kinh tế trang trại
- 3.2.5. Phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn

CHƯƠNG IV. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUY HOẠCH CÁC ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN

4.1. Điểm dân cư nông thôn Việt Nam

4.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

4.1.2. Hiện trạng và xu thế phát triển các điểm dân cư nông thôn phát các điểm dân cư nông thôn.

4.2. Quản lý các điểm dân cư nông thôn

4.2.1. Vai trò quản lý nhà nước về quy hoạch điểm dân cư nông thôn

4.2.2. Quản lý quy hoạch các điểm dân cư nông thôn

4.2.3. Quản lý đất đai, xây dựng, môi trường khu dân cư nông thôn

4.2.4. Quản lý vấn đề xã hội, an ninh, trật tự nông thôn

4.3. Xây dựng nông thôn mới

4.3.1. Sự cần thiết xây dựng nông thôn mới

4.3.2. Tiêu chí xây dựng nông thôn mới

4.3.3. Thực hiện xây dựng nông thôn mới.

CHƯƠNG V. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG Ở NÔNG THÔN

5.1. Mục tiêu, giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn

5.1.1. Mục tiêu

5.1.2. Giải pháp

5.2. Quản lý kết cấu hạ tầng và dịch vụ công của UBND xã

5.2.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã

5.2.2. Nội dung quản lý kết cấu hạ tầng và dịch vụ công của UBND xã

5.3. Một số chính sách khuyến khích phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn

5.3.1. Chính sách đổi đất lấy hạ tầng

5.3.2. Chính sách huy động vốn

5.3.3. Chính sách chuyển giao công nghệ

5.3.4. Chính sách liên kết bốn nhà

5.3.5. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức xã.

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1]. Học viện Hành chính Quốc gia (2010), *Quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]. Luật tổ chức Chính quyền địa phương 2015.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Luật Tài nguyên nước 2012.

[2]. Luật Đất đai 2013.

[3]. Luật Bảo vệ môi trường 2014.

[4]. Các văn bản Quy phạm pháp luật liên quan.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p>CHƯƠNG I. KHÁI QUÁT VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN</p> <p>1.1. Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam</p> <p>1.1.1. Tầm quan trọng của nông nghiệp, nông thôn</p> <p>1.1.2. Đặc thù của nông nghiệp, nông thôn</p> <p>1.1.3. Quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn</p>	02 tiết lý thuyết	<p>Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.</p> <p>Nêu tầm quan trọng và đặc thù của nông nghiệp nông thôn ở Việt Nam</p>	G1
2	<p>1.2. Vai trò công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn</p> <p>1.2.1. Hoạch định phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn</p> <p>1.2.2. Xây dựng thể chế tạo môi trường pháp lý cho phát triển nông nghiệp, nông thôn</p> <p>1.2.3. Quy hoạch phát triển các lĩnh vực</p> <p>1.2.4. Tạo lập và huy động các nguồn đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn</p>	02 tiết lý thuyết	<p>Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.</p>	G2
3	<p>Thảo luận</p>	02 tiết bài tập	<p>Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. Sv chia nhóm, làm bài nhận định đúng-sai, thảo luận về vấn đề huy động các nguồn đầu tư phát triển nông thôn.</p>	G1, G2

4	CHƯƠNG II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VIỆT NAM 2.1. Quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn 2.1.1. Quan điểm 2.1.2. Mục tiêu 2.1.3. Định hướng	2 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G3;
5	2.2. Một số chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn 2.2.1. Chính sách đất đai 2.2.2. Chính sách phát triển các thành phần kinh tế 2.2.3. Chính sách phát triển khoa học công nghệ 2.2.4. Chính sách đầu tư, tín dụng, thị trường 2.2.5. Chính sách phát triển kinh tế trang trại 2.2.6. Chính sách đối với khu vực miền núi, vùng đồng bào thiểu số 2.2.7. Chính sách xã hội	2 tiết lý thuyết	Phân tích được vai trò của chính sách phát triển khoa học công nghệ và đầu tư, tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn	G4
6	Thảo luận	02 tiết bài tập	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. Áp dụng làm bài tập thảo luận về chính sách đất đai và chính sách phát triển khoa học công nghệ	G3, G4
7	CHƯƠNG 3. NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ KINH TẾ NÔNG THÔN 3.1. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và cơ cấu kinh tế nông thôn	2 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật .	G5

	<p>3.1.1. Sự cần thiết phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn</p> <p>3.1.2. Định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn</p>		<p>Trình bày vấn đề cần thiết phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.</p>	
8	<p>3.2. Phát triển các thành phần kinh tế ở nông thôn</p> <p>3.2.1. Khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình</p> <p>3.2.2. Tiếp tục đổi mới kinh tế hợp tác xã</p> <p>3.2.3. Đổi mới mô hình quản lý lâm nghiệp</p> <p>3.2.4. Phát triển kinh tế trang trại</p> <p>3.2.5. Phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn</p>	2 tiết lý thuyết	<p>Đọc tài liệu</p> <p>Trình bày vấn đề các thành phần kinh tế ở nông thôn.</p>	G6
9	<p>Thảo luận + Kiểm tra</p>	1 tiết bài tập+ 1 tiết kiểm tra	<p>Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. Bài tập thảo luận cách thức để phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.</p> <p>SV làm bài kiểm tra.</p>	G5; G6
10	<p>CHƯƠNG IV. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUY HOẠCH CÁC ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN</p> <p>4.1.Điểm dân cư nông thôn Việt Nam</p> <p>4.1.1. Quá trình hình thành và phát triển</p> <p>4.1.2. Hiện trạng và xu thế phát triển các điểm dân cư nông thôn</p>	2 tiết lý thuyết	<p>Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.</p>	G7

	<p>4.2. Quản lý các điểm dân cư nông thôn</p> <p>4.2.1. Vai trò quản lý nhà nước về quy hoạch điểm dân cư nông thôn</p> <p>4.2.2. Quản lý quy hoạch các điểm dân cư nông thôn</p> <p>4.2.3. Quản lý đất đai, xây dựng, môi trường khu dân cư nông thôn</p> <p>4.2.4. Quản lý vấn đề xã hội, an ninh, trật tự nông thôn</p>			
11	<p>4.3. Xây dựng nông thôn mới</p> <p>4.3.1. Sự cần thiết xây dựng nông thôn mới</p> <p>4.3.2. Tiêu chí xây dựng nông thôn mới.</p> <p>4.3.3. Thực hiện xây dựng nông thôn mới.</p>	2 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật	G8
12	Thảo luận	2 tiết bài tập	<p>Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.</p> <p>Liên hệ thực tế thảo luận quá trình xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương.</p>	G7; G8
13	<p>CHƯƠNG V. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG Ở NÔNG THÔN</p> <p>5.1. Mục tiêu, giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn</p> <p>5.1.1. Mục tiêu</p> <p>5.1.2. Giải pháp</p> <p>5.2. Quản lý kết cấu hạ tầng và dịch vụ công của UBND xã</p> <p>5.2.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã</p>	02 tiết lý thuyết	<p>Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc.</p> <p>Trình bày được mục tiêu, giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn</p>	G9

	5.2.2. Nội dung quản lý kết cấu hạ tầng và dịch vụ công của UBND xã			
14	5.3. Một số chính sách khuyến khích phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn 5.3.1. Chính sách đổi đất lấy hạ tầng 5.3.2. Chính sách huy động vốn 5.3.3. Chính sách chuyển giao công nghệ 5.3.4. Chính sách liên kết bốn nhà 5.3.5. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức xã	02 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G10
15	Hệ thống toàn bộ nội dung chi tiết học phần , trả bài, đọc điểm quá trình, giải đáp thắc mắc của SV	1 tiết lý thuyết +1 tiết thảo luận giải đáp thắc mắc, công bố điểm.	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.SV hỏi,thảo luận	G1- G10

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

Yêu cầu sinh viên phải tham gia lên lớp chuyên cần, phải chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Sinh viên phải học môn Luật hành chính.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên..

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	

2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận
---------------------	----------------------------	-----	---------

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về thủ tục hành chính (tiếng Anh): Law on Administrative Procedures	
- Mã số học phần: 843110	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Luật hành chính (843028)
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản pháp luật về thủ tục hành chính như khái niệm, phân loại và nguyên tắc xây dựng thủ tục hành chính. Ngoài ra, học phần cung cấp các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư, kinh doanh xuất nhập khẩu và một số lĩnh vực khác.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên nhận thức được những kiến thức lý luận chung về thủ tục hành chính; thủ tục hành chính trong các lĩnh vực, như lĩnh vực quản lý đất đai, nhà đất; đầu tư, kinh doanh; xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh; ban hành văn bản pháp luật.

Về kỹ năng: Sinh viên biết sưu tầm, tham khảo tài liệu, kỹ năng tìm kiếm, xử lý và sử dụng thông tin về thủ tục hành chính trong các lĩnh vực hoạt động quản lý hành

chính nhà nước. Biết cách tiếp cận, xử lý các vấn đề liên quan đến việc lập và thực hiện các thủ tục hành chính để giải quyết nhu cầu của bản thân trong cuộc sống, công tác.

Về thái độ: Từ những kiến thức học phần Pháp luật về thủ tục hành chính sẽ góp phần hình thành và nâng cao ý thức pháp luật của sinh viên trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước nói chung và việc lập, thực hiện các thủ tục hành chính nói riêng. Tăng cường khả năng tư duy, ý thức, tinh thần học tập, lập luận, tham gia thảo luận, bảo vệ chính kiến của mình đối với những vấn đề liên quan.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày các vấn đề cơ bản về thủ tục hành chính (khái niệm, đặc điểm, phân loại, nguyên tắc xây dựng thủ tục hành chính)	1
G2	Phân tích được các đặc điểm của thủ tục hành chính	4
G3	Nêu được thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng.	1
G4	Vận dụng để xác định được thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng trong các trường hợp cụ thể.	3
G5	Nêu được thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh xuất nhập khẩu.	1
G6	Vận dụng để xác định được thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh xuất nhập khẩu trong các trường hợp cụ thể.	3
G7	Nêu được thủ tục hành chính trong lĩnh vực khác như khiếu nại, tố cáo, hộ tịch, hộ khẩu.	1
G8	Vận dụng để xác định được thủ tục hành chính trong lĩnh vực khác (khiếu nại, tố cáo, hộ tịch, hộ khẩu) trong các trường hợp cụ thể.	3
G9	Phân biệt thủ tục ban hành văn bản QPPL, văn bản cá biệt, văn bản hành chính.	4
G10	Trình bày được nội dung, yêu cầu cải cách thủ tục hành chính hiện nay.	1
G11	Phân tích và đánh giá được thực trạng cải cách thủ tục hành chính của nước ta hiện nay.	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. NHẬN THỨC CHUNG VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1.1. Quan niệm về thủ tục hành chính

- 1.1.1. Khái niệm thủ tục hành chính
- 1.1.2. Đặc điểm của thủ tục hành chính
- 1.1.3. Ý nghĩa của thủ tục hành chính

1.2. Phân loại thủ tục hành chính

- 1.2.1. Phân loại theo đối tượng quản lý HCNN
- 1.2.2. Phân loại theo loại hình công việc
- 1.2.3. Phân loại theo chức năng cung cấp dịch vụ
- 1.2.4. Phân loại theo mối quan hệ công tác

1.3. Nguyên tắc xây dựng thủ tục hành chính

- 1.3.1. Khái niệm nguyên tắc xây dựng thủ tục hành chính
- 1.3.2. Các nguyên tắc xây dựng thủ tục hành chính

1.4. Yêu cầu và trách nhiệm thực hiện thủ tục hành chính

- 1.4.1. Yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính
- 1.4.2. Trách nhiệm thực hiện thủ tục hành chính

CHƯƠNG 2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI, CẤP PHÉP XÂY DỰNG

2.1. Thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai

- 2.1.1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất
- 2.1.2. Thủ tục chuyển quyền sử dụng đất

2.2. Thủ tục cấp phép xây dựng sửa chữa nhà ở

- 2.2.1. Thủ tục cấp phép xây dựng nhà ở
- 2.2.2. Thủ tục mua bán nhà ở

CHƯƠNG 3. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ, KINH DOANH, XUẤT NHẬP KHẨU

3.1. Thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh

- 3.1.1. Thủ tục cấp giấy phép đầu tư
- 3.1.2. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

3.2. Thủ tục hành chính trong xuất nhập khẩu

- 3.2.1. Thủ tục xuất khẩu
- 3.2.2. Thủ tục nhập khẩu

CHƯƠNG 4. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC

4.1. Thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo

- 4.1.1. Thủ tục giải quyết khiếu nại hành chính
- 4.1.2. Thủ tục giải quyết tố cáo

4.2. Thủ tục đăng ký hộ tịch, hộ khẩu; xuất nhập cảnh

- 4.2.1. Thủ tục đăng ký hộ tịch, hộ khẩu
- 4.2.2. Thủ tục cấp phép xuất nhập cảnh

4.3. Thủ tục ban hành văn bản của cơ quan hành chính

- 4.3.1. Thủ tục ban hành văn bản QPPL
- 4.3.2. Thủ tục ban hành văn bản cá biệt
- 4.3.3. Thủ tục ban hành văn bản hành chính

CHƯƠNG 5. CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

5.1. Cải cách thủ tục hành chính trong cải cách hành chính

- 5.1.1. Tính tất yếu cải cách hành chính nhà nước
- 5.1.2. Nội dung cải cách hành chính nhà nước

5.2. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

- 5.2.1. Căn cứ đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính
- 5.2.2. Yêu cầu của quá trình cải cách thủ tục hành chính

5.3. Xây dựng cơ chế và giải pháp thực hiện cải cách thủ tục hành chính

- 5.3.1. Xây dựng hành chính thích hợp
- 5.3.2. Giải pháp thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong giai đoạn hiện nay

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Học viện hành chính quốc gia, Giáo trình thủ tục hành chính, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.

6.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Luật Đất đai 2013.
- [2] Luật Xây dựng 2014.
- [3] Luật Cư trú 2006.
- [4] Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú 2013.
- [5] Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015.
- [6] Luật Doanh nghiệp 2014.
- [7] Luật Hộ tịch 2014.
- [8] Luật Khiếu nại 2011.
- [9] Luật Tố cáo 2018.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
-------------------------------	-------------------------	--	--------------------------------------	----------------------------

1	<p>CHƯƠNG 1. NHẬN THỨC CHUNG VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</p> <p>1.1. Quan niệm về thủ tục hành chính</p> <p>1.1.1. Khái niệm thủ tục hành chính</p> <p>1.1.2. Đặc điểm của thủ tục hành chính</p> <p>1.1.3. Ý nghĩa của thủ tục hành chính</p> <p>1.2. Phân loại thủ tục hành chính</p> <p>1.2.1. Phân loại theo đối tượng quản lý HCNN</p> <p>1.2.2. Phân loại theo loại hình công việc</p> <p>1.2.3. Phân loại theo chức năng cung cấp dịch vụ</p> <p>1.2.4. Phân loại theo mối quan hệ công tác</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G1; G2
2	<p>1.3. Nguyên tắc xây dựng thủ tục hành chính</p> <p>1.3.1. Khái niệm nguyên tắc xây dựng thủ tục hành chính</p> <p>1.3.2. Các nguyên tắc xây dựng thủ tục hành chính</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G1 G2
3	<p>1.4. Yêu cầu và trách nhiệm thực hiện thủ tục hành chính</p> <p>1.4.1. Yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính</p> <p>1.4.2. Trách nhiệm thực hiện thủ tục hành chính</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G1 G2
4	<p>CHƯƠNG 2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI, CẤP PHÉP XÂY DỰNG</p> <p>2.1. Thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai</p> <p>2.1.1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất</p> <p>2.1.2. Thủ tục chuyển quyền sử dụng đất</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G3

5	<p>2.2. Thủ tục cấp phép xây dựng sửa chữa nhà ở</p> <p>2.2.1. Thủ tục cấp phép xây dựng nhà ở</p> <p>2.2.2. Thủ tục mua bán nhà ở</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G3
6	<p>Thực hành</p> <p>Xác định được thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng trong các trường hợp cụ thể.</p>	2 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, xác định được thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng trong các trường hợp cụ thể, tham gia thảo luận, giải quyết tình huống.	G4
7	<p>CHƯƠNG 3. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ, KINH DOANH, XUẤT NHẬP KHẨU</p> <p>3.1. Thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh</p> <p>3.1.1. Thủ tục cấp giấy phép đầu tư</p> <p>3.1.2. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</p> <p>3.2. Thủ tục hành chính trong xuất nhập khẩu</p> <p>3.2.1. Thủ tục xuất khẩu</p> <p>3.2.2. Thủ tục nhập khẩu</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G5
8	<p>3.2. Thủ tục hành chính trong xuất nhập khẩu</p> <p>3.2.1. Thủ tục xuất khẩu</p> <p>3.2.2. Thủ tục nhập khẩu</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G5
9	<p>Thực hành</p>	2 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, xác định	G6

	Xác định được thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, xuất nhập khẩu trong các trường hợp cụ thể.		được thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, xuất nhập khẩu trong các trường hợp cụ thể, tham gia thảo luận, giải quyết tình huống.	
10	<p>CHƯƠNG 4. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC</p> <p>4.1. Thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo</p> <p>4.1.1. Thủ tục giải quyết khiếu nại hành chính</p> <p>4.1.2. Thủ tục giải quyết tố cáo</p> <p>4.2. Thủ tục đăng ký hộ tịch, hộ khẩu; xuất nhập cảnh</p> <p>4.2.1. Thủ tục đăng ký hộ tịch, hộ khẩu</p> <p>4.2.2. Thủ tục cấp phép xuất nhập cảnh</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G7,
11	<p>4.3. Thủ tục ban hành văn bản của cơ quan hành chính</p> <p>4.3.1. Thủ tục ban hành văn bản QPPL</p> <p>4.3.2. Thủ tục ban hành văn bản cá biệt</p> <p>4.3.3. Thủ tục ban hành văn bản hành chính</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G9
12	<p>Thực hành</p> <p>Xác định được thủ tục hành chính trong lĩnh vực khiếu nại, tố cáo, đăng ký hộ tịch, hộ khẩu, xuất nhập cảnh trong các trường hợp cụ thể.</p>	2 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, xác định được thủ tục hành chính trong lĩnh	G8

			vực khiếu nại, tố cáo, đăng ký hộ tịch, hộ khẩu, xuất nhập cảnh trong các trường hợp cụ thể, tham gia thảo luận, giải quyết tình huống.	
13	<p>CHƯƠNG 5. CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</p> <p>5.1. Cải cách thủ tục hành chính trong cải cách hành chính</p> <p>5.1.1. Tính tất yếu cải cách hành chính nhà nước</p> <p>5.1.2. Nội dung cải cách hành chính nhà nước</p> <p>5.2. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính</p> <p>5.2.1. Căn cứ đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính</p> <p>5.2.2. Yêu cầu của quá trình cải cách thủ tục hành chính</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G10
14	<p>5.3. Xây dựng cơ chế và giải pháp thực hiện cải cách thủ tục hành chính</p> <p>5.3.1. Xây dựng hành chính thích hợp</p> <p>5.3.2. Giải pháp thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong giai đoạn hiện nay</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G10
15	<p>Thực hành</p> <p>Phân tích và đánh giá được thực trạng cải cách thủ tục hành chính của nước ta hiện nay.</p>	2 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, chuẩn bị đề tài thuyết trình, tham gia thảo luận.	

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học môn Luật Hành chính.
- Đọc bài trước khi lên lớp; làm bài tập thảo luận nhóm, thuyết trình khi giảng viên có yêu cầu.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.
- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com/

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
KỸ NĂNG ĐIỀU HÀNH CÔNG SỞ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng điều hành công sở (tiếng Anh): Organization operating skills	
- Mã số học phần: 843064	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	0
- Học phần học trước:	Luật Tố tụng dân sự (843309); Luật Tố tụng hình sự (843034)
- Học phần song hành:	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản về công sở và điều hành công sở, kỹ thuật và kỹ năng điều hành hành công sở; kỹ năng lãnh đạo và quản lý trong các công sở; đổi mới kỹ thuật tổ chức và điều hành công sở

Học phần gồm các chương sau:

Chương 1: Công sở và điều hành công sở

Chương 2: Kỹ thuật và kỹ năng điều hành công sở

Chương 3: Điều kiện làm việc và thiết bị công sở

Chương 4: Kỹ năng lãnh đạo và quản lý trong công sở

Chương 5: Đổi mới kỹ thuật tổ chức và điều hành công sở

3. Mục tiêu học phần:

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công sở và tổ chức điều hành công sở, phương pháp lãnh đạo và quản lý công sở; điều kiện, trang thiết bị làm việc của công sở; sự cần thiết phải đổi mới kỹ thuật tổ chức và điều hành công sở.

Về kỹ năng: Học phần sử dụng các tình huống có tính chất liên kết lý thuyết nhằm nâng cao tính thực tiễn của môn học - kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề; kỹ năng trình bày và làm việc nhóm, giúp sinh viên phát huy tính sáng tạo trong học tập và nghiên cứu nhận biết được vai trò của tổ chức điều hành công sở, thực hiện một số phương pháp trong tổ chức điều hành công sở.

Về thái độ: Nghiêm túc, tích cực trong học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập có được phương pháp cơ bản trong tác tổ chức, điều hành công sở. Từ đó, có thể ứng dụng trong các môn học chuyên ngành tiếp theo và làm có thể làm được công tác vận dụng công cụ pháp luật trong công tác tổ chức điều hành công sở ngay khi sinh viên đang học 2 năm cuối tại trường.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm, đặc điểm của công sở Trình bày mục đích, yêu cầu, nguyên tắc điều hành công sở	1
G2	Trình bày khái niệm về kỹ thuật điều hành công sở Trình bày vai trò, đặc điểm, các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả điều hành công sở	2
G3	Thực hành (thảo luận) tình huống về vai trò, đặc điểm, các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả điều hành công sở	2
G4	Trình bày nội dung cơ bản về kỹ thuật điều hành công sở	9
G5	Thực hành (thảo luận) tình huống về quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực trong công sở	1
G6	Thực hành (thảo luận) tình huống về xây dựng, tổ chức thực hiện các quy chế, quy định	1
G7	Thực hành (thảo luận) tình huống về hoạch định mục tiêu phát triển của công sở và kế hoạch hóa các hoạt động của công sở.	1
G8	Thực hành (thảo luận) tình huống về Phân công, phân nhiệm trong hoạt động công sở	1
G9	Thực hành (thảo luận) tình huống về lãnh đạo, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động của các đơn vị, cá nhân	1

G10	Thực hành (thảo luận) tình huống về hoàn thiện về phong cách và nạo đức lối sống của lãnh đạo	1
G11	Trình bày điều kiện làm việc của công sở	1
G12	Đảm bảo các phương tiện làm việc của công sở	2
G13	Thực hành (thảo luận) tình huống về điều kiện, các phương tiện làm việc của công sở	2
G14	Trình bày khái niệm lãnh đạo và quản lý; yêu cầu, phương pháp đối với lãnh đạo và quản lý trong công sở	2
G15	Thực hành (thảo luận) tình huống về yêu cầu, phương pháp đối với lãnh đạo và quản lý trong công sở	1
G16	Trình bày sự cần thiết, định hướng, biện pháp đổi mới kỹ thuật tổ chức và điều hành công sở	3
G17	Thực hành (thảo luận) tình huống về biện pháp đổi mới kỹ thuật tổ chức và điều hành công sở	2
G18	Thảo luận, ôn tập giải đáp thắc mắc	2

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: CÔNG SỞ VÀ ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG CÔNG SỞ

1.1. Khái niệm về công sở và phân loại công sở

- 1.1.1. Khái niệm công sở
- 1.1.2. Phân loại công sở
- 1.1.3. Đặc điểm của công sở

1.2. Những vấn đề chung về tổ chức và hoạt động của công sở

- 1.2.1. Những nhiệm vụ chủ yếu của công sở
- 1.2.2. Mục đích, yêu cầu đối với kỹ thuật điều hành công sở
- 1.2.3. Các nguyên tắc tổ chức hoạt động của công sở

Chương 2: KỸ THUẬT ĐIỀU HÀNH CÔNG SỞ

2.1. Khái niệm, vai trò kỹ thuật điều hành công sở

- 2.1.1. Khái niệm về kỹ thuật điều hành công sở
- 2.1.2. Vai trò của kỹ thuật điều hành công sở
- 2.1.3. Đặc điểm của kỹ thuật điều hành công sở trong giai đoạn hiện nay
- 2.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả điều hành công sở

2.2. Nội dung cơ bản về kỹ thuật điều hành công sở

- 2.2.1. Quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực
- 2.2.2. Xây dựng, tổ chức thực hiện các quy chế, quy định
- 2.2.3. Hoạch định mục tiêu phát triển của công sở và kế hoạch hóa các hoạt động của công sở.
- 2.2.4. Phân công, phân nhiệm trong hoạt động công sở

- 2.2.5. Lãnh đạo, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động của các đơn vị, cá nhân
- 2.2.6. Đảm bảo cơ sở, vật chất, thiết bị phục vụ hoạt động của đơn vị, cá nhân
- 2.2.7. Vận dụng tổng hợp các nguyên tắc, kỹ năng, phương pháp điều hành công sở
- 2.2.8. Cải cách thủ tục hành chính trong phạm vi công sở
- 2.2.9. Hoàn thiện về phong cách và nạo đức lối sống của lãnh đạo.

Chương 3:

ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC VÀ TRANG THIẾT BỊ TRONG CÔNG SỞ

3.1. Điều kiện làm việc của công sở

- 3.1.1. Khung cảnh nơi làm việc
- 3.1.2. Yêu cầu bố trí khung cảnh công sở
- 3.1.3. Yêu cầu của việc bố trí và sắp xếp khoa học các bộ phận làm việc

3.2. Đảm bảo các phương tiện làm việc của công sở

- 3.2.1. Yêu cầu chung về phương tiện làm việc
- 3.2.2. Một số thiết bị thông dụng
- 3.2.3. Bảo trì phương tiện và thiết bị làm việc

Chương 4: KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ TRONG CÔNG SỞ

- 4.1. Lãnh đạo và quản lý công sở
- 4.2. Yêu cầu đối với lãnh đạo và quản lý công sở
- 4.3. Phương pháp lãnh đạo và quản lý công sở
- 4.4. Chuẩn bị các yêu cầu cho việc lãnh đạo, điều hành công sở trong tương lai

Chương 5: ĐỔI MỚI KỸ THUẬT TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG SỞ

- 5.1. Sự cần thiết đổi mới kỹ thuật tổ chức và điều hành công sở
- 5.2. Định hướng đổi mới công sở.
- 5.3. Biện pháp đổi mới kỹ thuật tổ chức và điều hành công sở

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Học viện hành chính quốc gia (2009), *Giáo trình Tổ chức và điều hành công sở*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Văn Thâm (2003), *Tổ chức điều hành hoạt động của các công sở*, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

[3] Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An (2009), *Quản trị hành chính văn phòng*, NXB Thống kê, TP.HCM.

[4] Phạm Huy, Nguyễn Văn Đán, Lê Văn In (1995), *Quản trị văn phòng doanh nghiệp*, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

[5] Phạm Huy, Lê Văn In, Nghiêm Kỳ Hồng (1996), *Văn phòng hiện đại và nghiệp vụ hành chính văn phòng*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh

[6] Mike Harvey (1996), *Quản trị hành chính văn phòng*, NXB Thống kê, Hà Nội

[7] Vũ Thị Phụng (2000), *Nghiệp vụ thư ký văn phòng*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[8] Business edge (2006), *Quản lý công việc văn phòng*, NXB Trẻ, TPHCM

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	<p>Chương 1: CÔNG SỞ VÀ ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG CÔNG SỞ</p> <p>1.1. Khái niệm về công sở và phân loại công sở</p> <p>1.1.1. Khái niệm công sở</p> <p>1.1.2. Phân loại công sở</p> <p>1.1.3. Đặc điểm của công sở</p> <p>1.2. Những vấn đề chung về tổ chức và hoạt động của công sở</p> <p>1.2.1. Những nhiệm vụ chủ yếu của công sở</p> <p>1.2.2. Mục đích, yêu cầu đối với kỹ thuật điều hành công sở</p> <p>1.2.3. Các nguyên tắc tổ chức hoạt động của công sở</p>	<p>03 tiết lý thuyết</p> <p>02 tiết thực hành</p>	<p>Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm</p> <p>Thuyết trình, trả lời câu hỏi hoặc thảo luận tình huống</p>	<p>G1;</p> <p>G2</p> <p>G3</p>
2	<p>Chương 2: KỸ THUẬT ĐIỀU HÀNH CÔNG SỞ</p> <p>2.1. Khái niệm, vai trò kỹ thuật điều hành công sở</p> <p>2.1.1. Khái niệm về kỹ thuật điều hành công sở</p> <p>2.1.2. Vai trò của kỹ thuật điều hành công sở</p> <p>2.1.3. Đặc điểm của kỹ thuật điều hành công sở trong giai đoạn hiện nay</p> <p>2.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả điều hành công sở</p>	<p>09 tiết lý thuyết</p> <p>06 tiết thực hành</p>	<p>Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm</p> <p>Thuyết trình, trả lời câu hỏi hoặc thảo luận tình huống</p>	<p>G5</p> <p>G6</p> <p>G7</p> <p>G8</p> <p>G9</p> <p>G10</p>

	<p>2.2. Nội dung cơ bản về kỹ thuật điều hành công sở</p> <p>2.2.1. Quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực</p> <p>2.2.2. Xây dựng, tổ chức thực hiện các quy chế, quy định</p> <p>2.2.3. Hoạch định mục tiêu phát triển của công sở và kế hoạch hóa các hoạt động của công sở.</p> <p>2.2.4. Phân công, phân nhiệm trong hoạt động công sở</p> <p>2.2.5. Lãnh đạo, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động của các đơn vị, cá nhân</p> <p>2.2.6. Đảm bảo cơ sở, vật chất, thiết bị phục vụ hoạt động của đơn vị, cá nhân</p> <p>2.2.7. Vận dụng tổng hợp các nguyên tắc, kỹ năng, phương pháp điều hành công sở</p> <p>2.2.8. Cải cách thủ tục hành chính trong phạm vi công sở</p> <p>2.2.9. Hoàn thiện về phong cách và não đức lối sống của lãnh đạo.</p>			
3	<p>Chương 3: ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC VÀ TRANG THIẾT BỊ TRONG CÔNG SỞ</p> <p>3.1. Điều kiện làm việc của công sở</p> <p>3.1.1. Khung cảnh nơi làm việc</p> <p>3.1.2. Yêu cầu bố trí khung cảnh công sở</p> <p>3.1.3. Yêu cầu của việc bố trí và sắp xếp khoa học các bộ phận làm việc</p> <p>3.2. Đảm bảo các phương tiện làm việc của công sở</p> <p>3.2.1. Yêu cầu chung về phương tiện làm việc</p> <p>3.2.2. Một số thiết bị thông dụng</p> <p>3.2.3. Bảo trì phương tiện và thiết bị làm việc</p>	<p>02 tiết lý thuyết</p> <p>01 tiết thực hành</p>	<p>Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm</p> <p>Thuyết trình, trả lời câu hỏi hoặc thảo luận tình huống</p>	

4	Chương 4: KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ TRONG CÔNG SỞ 4.1. Lãnh đạo và quản lý công sở 4.2. Yêu cầu đối với lãnh đạo và quản lý công sở 4.3. Phương pháp lãnh đạo và quản lý công sở 4.4. Chuẩn bị các yêu cầu cho việc lãnh đạo, điều hành công sở trong tương lai	02 tiết lý thuyết 01 tiết thực hành	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi hoặc thảo luận tình huống	G11 G12 G13
5	Chương 5: ĐỔI MỚI KỸ THUẬT TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG SỞ 5.1. Sự cần thiết đổi mới kỹ thuật tổ chức và điều hành công sở 5.2. Định hướng đổi mới công sở. 5.3. Biện pháp đổi mới kỹ thuật tổ chức và điều hành công sở	02 tiết lý thuyết 01 tiết thực hành	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi hoặc thảo luận tình huống	G14 G15 G16 G17
6	Thảo luận, ôn tập giải đáp thắc mắc	2 tiết thảo luận	-Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G18

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học các môn quản trị hành chính văn phòng
- Làm bài tập nhóm

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
-----------------------	-----------------------	----------	--------------------

1. <i>Đánh giá quá trình</i>	<i>Điểm quá trình</i>	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
2. <i>Đánh giá cuối kỳ</i>	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là *điểm trung bình chung* theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ VĂN THƯ LƯU TRỮ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về văn thư lưu trữ (tiếng Anh): Laws on Archive	
- Mã số học phần: 843065	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	16
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	14
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Hành chính (843028)
- Học phần song hành:	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Đây là môn học tự chọn của chuyên ngành Luật Hành chính, khoa Luật trường Đại học Sài Gòn. Pháp luật về Văn thư Lưu trữ gồm 2 tín chỉ, được tổ chức thành 7 Chương (Chi tiết tại Mục 5).

3. Mục tiêu học phần:

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Trang bị các kiến thức sau:

Sinh viên nắm được những vấn đề lý luận về công tác văn thư và quản lý nhà nước về công tác văn thư của các cơ quan, tổ chức như các công việc về soạn thảo, ban hành văn bản; quản lý văn bản và tài liệu khác hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, tổ chức; quản lý và sử dụng con dấu trong công tác văn thư; những kiến thức về pháp chế lưu trữ và pháp luật lưu trữ, về quản lý hoạt động lưu trữ và những chế định

pháp lý cụ thể về hoạt động lưu trữ bao gồm hoạt động thu thập, chỉnh lý, xác định giá trị tài liệu, bảo quản, thống kê tài liệu lưu trữ, hủy tài liệu hết giá trị, sử dụng tài liệu lưu trữ, các yêu cầu cơ bản của pháp chế lưu trữ và những biện pháp nhằm tăng cường pháp chế lưu trữ.

Về kỹ năng: Hình thành kỹ năng tổ chức, hướng dẫn và thực hiện các hoạt động nghiệp vụ văn thư lưu trữ: soạn thảo ban hành và quản lý văn bản; lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ; quản lý, sử dụng con dấu; phân loại tài liệu, xác định giá trị tài liệu; thu thập bổ sung, chỉnh lý, bảo quản và tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ; tìm kiếm văn bản pháp luật về lưu trữ và các loại văn bản có liên quan và kỹ năng áp dụng các quy định pháp luật về lưu trữ đối với các hoạt động lưu trữ trong quá trình học tập cũng như các hoạt động thực tiễn chuyên môn sau khi tốt nghiệp.

Về thái độ: Hình thành ý thức tự giác thực hiện nghiêm chỉnh, đúng đắn các quy định của luật lưu trữ và thái độ tôn trọng các nguyên tắc trong hoạt động lưu trữ.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm, đặc điểm và vai trò công tác văn thư Trình bày được các khái niệm: thể thức, hình thức văn bản	3
G2	Xác định và phân biệt được khái niệm soạn thảo văn bản, ban hành văn bản	2
G3	Trình bày được nội dung quản lý văn bản đi, đến	2
G4	Trình bày được nội dung quản lý sử dụng con dấu	2
G5	Trình bày được nội dung và trách nhiệm của cơ quan Nhà nước trong quản lý công tác văn thư lưu trữ Trình bày được nội dung và cách thức xử lý vi phạm trong văn thư lưu trữ	4
G6	Trình bày được nội dung pháp chế trong văn thư lưu trữ Trình bày được nội dung và cách thức xử lý vi phạm trong văn thư lưu trữ Nhận biết nội dung cơ bản của hệ thống văn bản pháp luật về lưu trữ, những hành vi bị cấm	4
G7	Nhận biết và soạn thảo được văn bản giải quyết khiếu nại tố cáo trong văn thư lưu trữ	4

G8	Trình bày được khái niệm thu thập, bảo quản, thống kê, hủy tài liệu lưu trữ	5
G9	Nhận thức và xác định được các việc cần làm để thu thập, bảo quản, thống kê, hủy tài liệu lưu trữ	3
G10	Thực hiện được các thao tác trong thu thập bảo quản thống kê tài liệu lưu trữ	5
G11	Trình bày được những yêu cầu cơ bản của pháp chế lưu trữ Trình bày được các biện pháp tăng cường pháp chế trong lưu trữ	3
G12	Đề xuất hành động cá nhân để tăng cường pháp chế trong lưu trữ	5
G13	Thực hành được việc xác định văn bản đi, đến và sử dụng con dấu	4

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC VĂN THƯ LƯU TRỮ VÀ VĂN BẢN

1.1. Một số vấn đề chung về công tác văn thư

- 1.1.1. Khái niệm
- 1.1.2. Đặc điểm, vai trò của công tác văn thư
- 1.1.3. Hệ thống văn bản pháp luật về công tác văn thư

1.2. Một số vấn đề chung về văn bản

- 1.2.1. Khái niệm
- 1.2.2. Phân loại
- 1.2.3. Hình thức văn bản
- 1.2.4. Thể thức văn bản
- 1.2.5. Soạn thảo văn bản
- 1.2.6. Ban hành văn bản

Chương 2: QUẢN LÝ VĂN BẢN, SỬ DỤNG CON DẤU

- 2.1. Quản lý văn bản đến
- 2.2. Quản lý văn bản đi
- 2.3. Quản lý, sử dụng con dấu trong công tác văn thư

Chương 3: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC VĂN THƯ

- 3.1. Nội dung quản lý Nhà nước về công tác văn thư
- 3.2. Trách nhiệm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc quản lý công tác văn thư
- 3.3. Xử lý vi phạm và khiếu nại, tố cáo

Chương 4: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP CHẾ LƯU TRỮ VÀ LUẬT LƯU TRỮ

4.1. Một số vấn đề lý luận về pháp chế lưu trữ

- 4.1.1. Khái niệm về Pháp chế lưu trữ
- 4.1.2. Ý nghĩa của việc thực hiện pháp chế lưu trữ
- 4.1.3. Hệ thống văn bản pháp luật về công tác lưu trữ

4.2. Một số vấn đề lý luận về luật lưu trữ

- 4.2.1. Đối tượng, phương pháp, phạm vi điều chỉnh của luật lưu trữ
- 4.2.2. Nguồn của luật lưu trữ
- 4.2.3. Những nguyên tắc cơ bản trong quản lý lưu trữ và những hành vi bị cấm.

Chương 5: QUẢN LÝ LƯU TRỮ

5.1. Phong lưu trữ quốc gia Việt Nam

- 5.1.1. Khái niệm phong lưu trữ
- 5.1.2. Phong lưu trữ Nhà nước Việt Nam
- 5.1.3. Phong lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam

5.2. Phân cấp quản lý lưu trữ

- 5.2.1. Quản lý nhà nước về lưu trữ
- 5.2.2. Quản lý lưu trữ của các cấp ủy Đảng

Chương 6: THU THẬP, BẢO QUẢN, THỐNG KÊ, HỦY TÀI LIỆU LƯU TRỮ

6.1. Lập hồ sơ và quản lý hồ sơ tài liệu tại lưu trữ cơ quan

6.2. Chính lý, xác định giá trị tài liệu

6.3. Thu thập tài liệu vào lưu trữ lịch sử

6.4. Bảo quản tài liệu lưu trữ

6.5. Thống kê tài liệu lưu trữ

6.6. Hủy tài liệu hết giá trị

Chương 7: TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG LƯU TRỮ

7.1. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế lưu trữ

- 7.1.1. Bảo đảm tính thống nhất của pháp chế lưu trữ
- 7.1.2. Nghĩa vụ thực hiện pháp luật về lưu trữ của các chủ thể
- 7.1.3. Bảo đảm và bảo vệ quyền, tự do và lợi ích hợp pháp của công dân trong việc thực hiện pháp luật lưu trữ

7.1.4. Ngăn chặn kịp thời và xử lý nhanh chóng, nghiêm minh mọi hành vi phạm pháp luật về lưu trữ

7.2. Một số biện pháp nhằm tăng cường pháp chế trong hoạt động lưu trữ

- 7.2.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật lưu trữ
- 7.2.2. Nâng cao ý thức pháp luật lưu trữ của các chủ thể
- 7.2.3. Tổ chức thi hành nghiêm chỉnh pháp luật về lưu trữ

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Hoàng Lê Minh (2011), Giáo trình nghiệp Vụ Văn Thư Lưu Trữ

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Học viện Hành chính Quốc gia (2018), Tài liệu bồi dưỡng về quản lý hành chính nhà nước (Phần II, chương trình chuyên viên), NXB. Khoa học và kỹ thuật;

[3] Học viện Hành chính Quốc gia (2010), *Kỹ thuật tổ chức công sở*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4] Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.

Văn bản pháp luật hiện hành.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC VĂN THƯ LƯU TRỮ VÀ VĂN BẢN 1.1. Một số vấn đề chung về công tác văn thư 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Đặc điểm, vai trò của công tác văn thư 1.1.3. Hệ thống văn bản pháp luật về công tác văn thư	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G1
2	1.2. Một số vấn đề chung về văn bản 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Phân loại 1.2.3. Hình thức văn bản 1.2.4. Thể thức văn bản 1.2.5. Soạn thảo văn bản 1.2.6. Ban hành văn bản	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G1 G2
3	Chương 2: QUẢN LÝ VĂN BẢN, SỬ DỤNG CON DẤU 2.1. Quản lý văn bản đến 2.2. Quản lý văn bản đi	2 tiết lý thuyết	làm việc nhóm Thuyết trình,	G3 G4

	2.3. Quản lý, sử dụng con dấu trong công tác văn thư			
4	Bài tập quản lý con dấu và văn bản đi, văn bản đến	2 tiết bài tập	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G3 G4 G13
5	Chương 3: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC VĂN THƯ 3.1. Nội dung quản lý Nhà nước về công tác văn thư 3.2. Trách nhiệm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc quản lý công tác văn thư 3.3. Xử lý vi phạm và khiếu nại, tố cáo	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm Thuyết trình	G5
6	Bài tập về xử lý vi phạm trong văn thư lưu trữ	2 tiết bài tập	làm việc nhóm Thuyết trình,	G5
7	Chương 4: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP CHẾ LƯU TRỮ VÀ LUẬT LƯU TRỮ 4.1. Một số vấn đề lý luận về pháp chế lưu trữ 4.1.1. Khái niệm về Pháp chế lưu trữ 4.1.2. Ý nghĩa của việc thực hiện pháp chế lưu trữ 4.1.3. Hệ thống văn bản pháp luật về công tác lưu trữ	2 tiết bài tập	làm việc nhóm Thuyết trình,	G6
8	Chương 4: VĂN BẢN VÀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỐ CÁO 4.1. Văn bản xử lý đơn 4.1.1. Các văn bản được sử dụng xử lý đơn 4.1.2. Kỹ thuật soạn thảo	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G7
9	4.2. Một số vấn đề lý luận về luật lưu trữ 4.2.1. Đối tượng, phương pháp, phạm vi điều chỉnh của luật lưu trữ	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G6

	4.2.2. Nguồn của luật lưu trữ 4.2.3. Những nguyên tắc cơ bản trong quản lý lưu trữ và những hành vi bị cấm.			
10	Bài tập nhóm về soạn thảo văn bản giải quyết khiếu nại tố cáo và pháp luật văn thư	2 tiết bài tập	làm việc nhóm Thuyết trình,	G7
11	Chương 6: THU THẬP, BẢO QUẢN, THỐNG KÊ, HUỖ TÀI LIỆU LƯU TRỮ 6.1. Lập hồ sơ và quản lý hồ sơ tài liệu tại lưu trữ cơ quan 6.2. Chính lý, xác định giá trị tài liệu 6.3. Thu thập tài liệu vào lưu trữ lịch sử 6.4. Bảo quản tài liệu lưu trữ 6.5. Thống kê tài liệu lưu trữ 6.6. Huỷ tài liệu hết giá trị	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G8 G9
12	Bài tập về thu thập, thống kê, bảo quản, huỷ tài liệu lưu trữ	2 tiết bài tập	làm việc nhóm Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G10
13	Chương 7: TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG LƯU TRỮ 7.1. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế lưu trữ 7.1.1. Bảo đảm tính thống nhất của pháp chế lưu trữ 7.1.2. Nghĩa vụ thực hiện pháp luật về lưu trữ của các chủ thể 7.1.3. Bảo đảm và bảo vệ quyền, tự do và lợi ích hợp pháp của công dân trong việc thực hiện pháp luật lưu trữ 7.1.4. Ngăn chặn kịp thời và xử lý nhanh chóng, nghiêm minh mọi hành vi phạm pháp luật về lưu trữ	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G11

14	<p>7.2. Một số biện pháp nhằm tăng cường pháp chế trong hoạt động lưu trữ</p> <p>7.2.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật lưu trữ</p> <p>7.2.2. Nâng cao ý thức pháp luật lưu trữ của các chủ thể</p> <p>7.2.3. Tổ chức thi hành nghiêm chỉnh pháp luật về lưu trữ</p>	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G11
15	<p>Ôn tập, giải đáp thắc mắc, bài tập về tăng cường pháp chế: Đề xuất hành động cá nhân để tăng cường pháp chế trong lưu trữ</p>	2 tiết thảo luận	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G12

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên..

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: : anhhtv1234@gmail.com/

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ THANH TRA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về thanh tra (tiếng Anh): Law on Inspection	
- Mã số học phần: 843055	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Luật hành chính (843028)
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính*)

Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản pháp luật về thanh tra, như: Khái niệm, hình thức, nguyên tắc hoạt động thanh tra; lịch sử ngành thanh tra; cơ cấu tổ chức, chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của hệ thống cơ quan thanh tra nhà nước, thanh tra viên, thanh tra nhân dân; trình tự, thủ tục, cách thức tiến hành một cuộc thanh tra cũng như xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động thanh tra.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Trang bị những kiến thức pháp lý cơ bản về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan thanh tra cũng như tổ chức và hoạt động thanh tra.

Về kỹ năng: Sinh viên sau khi kết thúc học phần Pháp luật về Thanh tra sẽ có khả năng xem xét, xử lý, giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động thanh tra trên các lĩnh vực quản lý nhà nước. Hình thành và phát triển khả năng thu thập, xử lý, sử dụng thông tin trong hoạt động thanh tra; bước đầu hình thành kỹ năng lập luận, thuyết phục đối tượng thanh tra.

Về thái độ: Sinh viên có ý thức đúng đắn trong việc tiếp cận, nhìn nhận, đánh giá các sự việc, hiện tượng phát sinh trong thực tiễn hoạt động thanh tra; đồng thời có thái độ đúng đắn, có bản lĩnh khi tiếp cận những vấn đề phát sinh trong hoạt động thanh tra.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày các vấn đề cơ bản về thanh tra (khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc, hình thức, phương pháp hoạt động thanh tra).	1
G2	Phân tích được các đặc điểm của hoạt động thanh tra.	4
G3	Phân biệt được hoạt động thanh tra với các hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm toán nhà nước và hoạt động thanh tra nhân dân.	4
G4	Nêu được khái niệm, đặc điểm bộ máy thanh tra nhà nước.	1
G5	Phân biệt được cơ quan thanh tra nhà nước và tổ chức thanh tra nhân dân.	4
G6	Trình bày được quy trình tổ chức một cuộc thanh tra nhân dân.	1
G7	Lập được kế hoạch thanh tra một vụ việc cụ thể	3
G8	Nắm được các vấn đề cơ bản về thanh tra nhân dân.	1
G9	Phân tích được ý nghĩa các nguyên tắc của hoạt động thanh tra nhân dân.	4
G10	Trình bày được yêu cầu đối với văn bản nghiệp vụ thanh tra	1
G11	Tự soạn thảo được một số văn bản nghiệp vụ thanh tra	3

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THANH TRA

1.1. Sự cần thiết của cơ quan thanh tra

1.1.1. Hậu quả quyền lực NN không được kiểm soát

1.1.2. Yêu cầu phải kiểm soát quyền lực NN

1.2. Nhận thức chung về thanh tra

- 1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của thanh tra
- 1.2.2. Vai trò của thanh tra
- 1.2.3. Nguyên tắc hoạt động của thanh tra
- 1.2.4. Hình thức hoạt động thanh tra
- 1.2.5. Phương pháp hoạt động thanh tra

CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC HỆ THỐNG THANH TRA NHÀ NƯỚC

2.1. Lịch sử ngành thanh tra

- 2.1.1. Thanh tra trong thời kì thành lập nước
- 2.1.2. Thanh tra trong thời kì kháng chiến
- 2.1.3. Thanh tra trong thời kì bao cấp
- 2.1.4. Thanh tra trong thời kì đổi mới

2.2. Tổ chức hệ thống thanh tra nhà nước

- 2.2.1. Hệ thống thanh tra nhà nước
- 2.2.2. Thanh tra viên

CHƯƠNG 3. QUY TRÌNH TỔ CHỨC MỘT CUỘC THANH TRA

3.1. Chuẩn bị thanh tra

- 3.1.1. Khảo sát, nắm tình hình
- 3.1.2. Ra quyết định thanh tra
- 3.1.3. Xây dựng và phê DUYỆT BGH kế hoạch thanh tra
- 3.1.4. Quán triệt QĐ và KH tại Đoàn thanh tra
- 3.1.5. XD đề cương để đối tượng thanh tra BC
- 3.1.6. Thông báo công bố QĐ thanh tra

3.2. Triển khai thanh tra

- 3.2.1. Công bố QĐ thanh tra
- 3.2.2. Thu thập thông tin, tài liệu liên quan
- 3.2.3. Kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu
- 3.2.4. Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện
- 3.2.5. Kết thúc thanh tra tại đơn vị
- 3.2.6. Nhật kí Đoàn thanh tra
- 3.2.7. Xử lí những vấn đề phát sinh

3.3. Kết thúc thanh tra

- 3.3.1. Đánh giá chứng cứ ở Đoàn thanh tra
- 3.3.2. Xây dựng báo cáo kết quả thanh tra
- 3.3.3. Xem xét báo cáo kết quả thanh tra
- 3.3.4. Xây dựng dự thảo kết luận thanh tra
- 3.3.5. Kí ban hành và công bố kết luận thanh tra
- 3.3.6. Giao trả hồ sơ, tài liệu
- 3.3.7. Tổng kết hoạt động của Đoàn thanh tra

3.3.8. Lập và bàn giao hồ sơ thanh tra

CHƯƠNG 4. THANH TRA NHÂN DÂN

4.1. Nhận thức chung về thanh tra nhân dân

- 4.1.1. Cơ cấu, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn
- 4.1.2. Tiêu chuẩn của Ban thanh tra nhân dân
- 4.1.3. Nguyên tắc hoạt động và chế độ làm việc
- 4.1.4. Một số hành vi bị ngăn cấm

4.2. Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn

- 4.2.1. Cơ cấu, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn
- 4.2.2. Hoạt động của Ban thanh tra
- 4.2.3. Trách nhiệm của các cơ quan hữu quan
- 4.3. Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị
 - 4.3.1. Cơ cấu, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn
 - 4.3.2. Hoạt động của Ban thanh tra
 - 4.3.3. Trách nhiệm của các cơ quan hữu quan

CHƯƠNG 5. KỸ THUẬT SOẠN THẢO MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ NGHIỆP VỤ

THANH TRA

5.1. Những vấn đề chung về văn bản nghiệp vụ thanh tra

- 5.1.1. Vai trò của văn bản nghiệp vụ thanh tra
- 5.1.2. Đặc điểm của văn bản nghiệp vụ thanh tra
- 5.1.3. Yêu cầu đối với văn bản nghiệp vụ thanh tra

5.2. Soạn thảo một số văn bản nghiệp vụ thanh tra

- 5.2.1. Soạn thảo quyết định thanh tra
- 5.2.2. Soạn thảo văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo
- 5.2.3. Soạn thảo văn bản kết quả thanh tra
- 5.2.4. Soạn thảo một số văn bản khác

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo*, NXB. Công an nhân dân, 2009.

[2] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB Hồng Đức, 2015.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Học viện Hành chính (2010), *Tài liệu Thanh tra và giải quyết khiếu nại hành chính* (Tài liệu lưu hành nội bộ).

[2] Luật thanh tra 2010;

[3] Luật khiếu nại 2011 các văn bản hướng dẫn thi hành;

[4] Luật tổ cáo năm 2018.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THANH TRA 1.1. Sự cần thiết của cơ quan thanh tra. 1.1.1. Hậu quả quyền lực NN không được kiểm soát 1.1.2. Yêu cầu phải kiểm soát quyền lực NN	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G1, G2, G3
2	1.2. Nhận thức chung về thanh tra 1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của thanh tra 1.2.2. Vai trò của thanh tra 1.2.3. Nguyên tắc hoạt động của thanh tra	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
3	1.2.4. Hình thức hoạt động thanh tra 1.2.5. Phương pháp hoạt động thanh tra	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G1, G2, G3
4	CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC HỆ THỐNG THANH TRA NHÀ NƯỚC 2.1. Lịch sử ngành thanh tra 2.1.1. Thanh tra trong thời kì thành lập nước 2.1.2. Thanh tra trong thời kì kháng chiến 2.1.3. Thanh tra trong thời kì bao cấp 2.1.4. Thanh tra trong thời kì đổi mới	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G4, G5

5	2.2. Tổ chức hệ thống thanh tra nhà nước 2.2.1. Hệ thống thanh tra nhà nước 2.2.1.1. Thanh tra Chính phủ 2.2.1.2. Thanh tra Bộ 2.2.1.3. Thanh tra tỉnh	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G4, G5
6	2.2.1.4. Thanh tra Sở 2.2.1.5. Thanh tra huyện 2.2.6. Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành 2.2.2. Thanh tra viên	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G4, G5
7	CHƯƠNG 3. QUY TRÌNH TỔ CHỨC MỘT CUỘC THANH TRA 3.1. Chuẩn bị thanh tra 3.1.1. Khảo sát, nắm tình hình 3.1.2. Ra quyết định thanh tra 3.1.3. Xây dựng và phê DUYỆT BGH kế hoạch thanh tra 3.1.4. Quán triệt QĐ và KH tại Đoàn thanh tra 3.1.5. XD đề cương đề đối tượng thanh tra BC 3.1.6. Thông báo công bố QĐ thanh tra	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G6, G7
8	3.2. Triển khai thanh tra 3.2.1. Công bố QĐ thanh tra 3.2.2. Thu thập thông tin, tài liệu liên quan 3.2.3. Kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu 3.2.4. Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện 3.2.5. Kết thúc thanh tra tại đơn vị 3.2.6. Nhật kí Đoàn thanh tra 3.2.7. Xử lí những vấn đề phát sinh	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G6, G7

9	<p>3.3. Kết thúc thanh tra</p> <p>3.3.1. Đánh giá chứng cứ ở Đoàn thanh tra</p> <p>3.3.2. Xây dựng báo cáo kết quả thanh tra</p> <p>3.3.3. Xem xét báo cáo kết quả thanh tra</p> <p>3.3.4. Xây dựng dự thảo kết luận thanh tra</p> <p>3.3.5. Kí ban hành và công bố kết luận thanh tra</p> <p>3.3.6. Giao trả hồ sơ, tài liệu</p> <p>3.3.7. Tổng kết hoạt động của Đoàn thanh tra</p> <p>3.3.8. Lập và bàn giao hồ sơ thanh tra</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G6, G7
10	<p>CHƯƠNG 4. THANH TRA NHÂN DÂN</p> <p>4.1. Nhận thức chung về thanh tra nhân dân</p> <p>4.1.1. Cơ cấu, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn</p> <p>4.1.2. Tiêu chuẩn của Ban thanh tra nhân dân</p> <p>4.1.3. Nguyên tắc hoạt động và chế độ làm việc</p> <p>4.1.4. Một số hành vi bị ngăn cấm</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G8, G9
11	<p>4.2. Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn</p> <p>4.2.1. Cơ cấu, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn</p> <p>4.2.2. Hoạt động của Ban thanh tra</p> <p>4.2.3. Trách nhiệm của các cơ quan hữu quan</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tham gia thảo luận	G8, G9
12	<p>4.3. Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị</p> <p>4.3.1. Cơ cấu, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn</p> <p>4.3.2. Hoạt động của Ban thanh tra</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, trả lời câu hỏi trắc	G8, G9

	4.3.3. Trách nhiệm của các cơ quan hữu quan		nhận, tham gia thảo luận	
13	<p>CHƯƠNG 5. KỸ THUẬT SOẠN THẢO MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ NGHIỆP VỤ THANH TRA</p> <p>5.1. Những vấn đề chung về văn bản nghiệp vụ thanh tra</p> <p>5.1.1. Vai trò của văn bản nghiệp vụ thanh tra</p> <p>5.1.2. Đặc điểm của văn bản nghiệp vụ thanh tra</p> <p>5.1.3. Yêu cầu đối với văn bản nghiệp vụ thanh tra</p> <p>5.2. Soạn thảo một số văn bản nghiệp vụ thanh tra</p> <p>5.2.1. Soạn thảo quyết định thanh tra</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G10
14	<p>5.2.2. Soạn thảo văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo</p> <p>5.2.3. Soạn thảo văn bản kết quả thanh tra</p> <p>5.2.4. Soạn thảo một số văn bản khác</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu trước khi lên lớp.	G10
15	<p>Thực hành</p> <p>Soạn thảo một số văn bản nghiệp vụ thanh tra. Đảm bảo các nội dung:</p> <p>+ Thẩm quyền ban hành văn bản.</p> <p>+ Nội dung của văn bản.</p> <p>+ Hình thức của văn bản.</p>	2 tiết Bài tập	Đọc tài liệu trước khi lên lớp, soạn thảo một số văn bản nghiệp vụ thanh tra, tham gia thảo luận, giải quyết tình huống.	G11

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học môn Luật Hành chính.

- Đọc bài trước khi lên lớp; làm bài tập thảo luận nhóm, thuyết trình khi giảng viên có yêu cầu.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ HỘ TỊCH, HỘ KHẨU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về quản lý hộ tịch. (tiếng Anh): State management of civil status	
- Mã số học phần: 843068	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Luật Hành chính (843028)
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính*)

Là môn học tự chọn trong hệ thống các môn học tự chọn dành cho sinh viên chuyên ngành hành chính. Môn học ung cấp các qui định của pháp luật Việt Nam hiện hành về nội dung và thủ tục đăng ký và quản lý hộ tịch, và các phương hướng đổi mới trong công tác hộ tịch ở Việt Nam

Môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về công tác hộ tịch, các loại công tác hộ tịch như khai sinh, khai tử, kết hôn, nuôi con nuôi, thay đổi, cải chính hộ tịch đối với các quan hệ hộ tịch trong nước và cả những quan hệ có yếu tố nước ngoài; trình tự tiến hành, ghi chép sổ hộ tịch...

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Cung cấp kiến thức về hộ tịch như: Khái niệm, đặc điểm Nguyên tắc tiến hành thủ tục công tác hộ tịch như công tác đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn, nuôi con nuôi, giám hộ... Các quy định của pháp luật về hộ tịch, hộ khẩu, các quyền và nghĩa vụ của ngành hành chính tư pháp.

Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng phân tích tình huống hộ tịch, tổng hợp các quy định của pháp luật liên quan đến nội dung đăng ký và quản lý hộ tịch. Có thể vận dụng các quy định của pháp luật thực hiện việc đăng ký và quản lý hộ tịch.

Về thái độ: Sinh viên có tinh thần học tập nghiêm túc, biết cách làm việc nhóm, chủ động trong hoạt động tự nghiên cứu và tự học.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày khái niệm hộ tịch, các hình thức quản lý hộ tịch Lược sử quá trình hình thành và phát triển của quản lý nhà nước về hộ tịch	2
G2	Xác định các hình thức quản lý hộ tịch	3
G3	Xác định các cơ quan quản lý nhà nước về hộ tịch, Các cơ quan có thẩm quyền đăng ký và quản lý hộ tịch	3
G4	Phân tích Nguyên tắc đăng ký và quản lý hộ tịch; quyền khiếu nại, khiếu kiện về hộ tịch	4
G5	Trình bày Các hình thức quản lý nhà nước về hộ tịch	2
G6	Xác định thẩm quyền và thủ tục đăng ký kết hôn, đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký nhận nuôi con nuôi, đăng ký giám hộ, đăng ký nhận cha, mẹ, con, đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, giới tính	3
G7	Trình bày thủ tục đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, giới tính.	2
G8	Xác định thẩm quyền và thủ tục đăng ký kết hôn, đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký nhận nuôi con nuôi, đăng ký giám hộ, đăng ký nhận cha, mẹ, con, đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, giới tính trong trường hợp có yếu tố nước ngoài	3
G9	Trình bày thủ tục đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, giới tính trường hợp có yếu tố nước ngoài.	2

G10	Vận dụng để ghi chép sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch, lưu trữ giấy tờ hộ tịch, chế độ báo cáo, thống kê hộ tịch	3
G11	Phân tích quyền và nghĩa vụ của Công chức tư pháp hộ tịch	4
G12	Xác định các trường hợp Truy cứu trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hộ tịch	3
G13	Phân tích sự cần thiết phải cải cách hành chính nhà nước về quản lý hộ tịch.	3

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỘ TỊCH

- 1.1. Khái niệm hộ tịch - các hình thức quản lý hộ tịch
- 1.2. Lược sử quá trình hình thành và phát triển của quản lý nhà nước về hộ tịch

CHƯƠNG 2. HỆ THỐNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH

- 2.1. Các cơ quan quản lý nhà nước về hộ tịch
- 2.2. Các cơ quan có thẩm quyền đăng ký và quản lý hộ tịch
- 2.3. Nguyên tắc đăng ký và quản lý hộ tịch
- 2.4. Các hình thức quản lý nhà nước về hộ tịch
- 2.5. Quyền khiếu nại, khiếu kiện về hộ tịch

CHƯƠNG 3. THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH KHÔNG CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

- 3.1. Đăng ký kết hôn
- 3.2. Đăng ký khai sinh
- 3.3. Đăng ký khai tử
- 3.4. Đăng ký nhận nuôi con nuôi
- 3.5. Đăng ký giám hộ
- 3.6. Đăng ký nhận cha, mẹ, con
- 3.7. Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, giới tính

CHƯƠNG 4. THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

- 4.1. Đăng ký kết hôn
- 4.2. Đăng ký khai sinh
- 4.3. Đăng ký khai tử
- 4.4. Đăng ký nhận nuôi con nuôi
- 4.5. Đăng ký giám hộ
- 4.6. Đăng ký nhận cha, mẹ, con
- 4.7. Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại

dân tộc, giới tính

CHƯƠNG 5. GHI CHÉP SỐ HỘ TỊCH, BIỂU MẪU HỘ TỊCH VÀ LƯU TRỮ GIẤY TỜ HỘ TỊCH

- 5.1. Ghi chép số hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch
- 5.2. Lưu trữ giấy tờ hộ tịch
- 5.3. Chế độ báo cáo, thống kê hộ tịch
- 5.4. Lệ phí đăng ký các sự kiện hộ tịch
- 5.5. Công chức tư pháp hộ tịch

CHƯƠNG 6. XỬ LÝ VI PHẠM TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH

- 6.1. Xử lý kỷ luật
- 6.2. Xử lý vi phạm hành chính
- 6.3. Truy cứu trách nhiệm hình sự.

CHƯƠNG 7. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH

- 7.1. Sự cần thiết phải cải cách hành chính nhà nước về quản lý hộ tịch
- 7.2. Quan điểm cơ bản về cải cách hành chính trong quản lý nhà nước về hộ tịch

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

- [1] Luật Hộ tịch 2014.
- [2] Bộ luật Dân sự 2015.
- [3] Các văn bản hướng dẫn thi hành luật hộ tịch

6.2. Tài liệu tham khảo

- [4] Phạm Trọng Cường, *Về quản lý hộ tịch*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
- [5] Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỘ TỊCH 1.1. Khái niệm hộ tịch – các hình thức quản lý hộ tịch	2 tiết lý thuyết	Sv nghe giảng, ghi chép	G1, G2
2	1.2. Lược sử quá trình hình thành và phát triển của	2 tiết lý thuyết	Sv nghe giảng, ghi chép	G1, G2

	quản lý nhà nước về hộ tịch			
3	CHƯƠNG 2. HỆ THỐNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH 2.1. Các cơ quan quản lý nhà nước về hộ tịch 2.2. Các cơ quan có thẩm quyền đăng ký và quản lý hộ tịch	2 tiết lý thuyết	Sv nghe giảng, ghi chép	G3, G4, G5
4	2.3. Nguyên tắc đăng ký và quản lý hộ tịch 2.4. Các hình thức quản lý nhà	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận	SV chia nhóm, trả lời câu hỏi trắc nghiệm và thảo luận về nguyên tắc đăng ký, quản lý hộ tịch	G3, G4, G5
5	nước về hộ tịch 2.5. Quyền khiếu nại, khiếu kiện về hộ tịch	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận	SV chia nhóm, trả lời câu hỏi trắc nghiệm và thảo luận về thực tiễn công tác giải quyết khiếu nại, khiếu kiện về hộ tịch	G3, G4, G5
6	CHƯƠNG 3. THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH KHÔNG CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI 3.1. Đăng ký kết hôn 3.2. Đăng ký khai sinh	2 tiết lý thuyết	Sv nghe giảng, ghi chép	G6, G7,
7	3.3. Đăng ký khai tử 3.4. Đăng ký nhận nuôi con nuôi	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	SV chia nhóm, trả lời câu hỏi trắc nghiệm và thực hiện thao tác đăng ký kết hôn, khai sinh, nuôi con nuôi theo mẫu	G6, G7,

8	3.5. Đăng ký giám hộ 3.6. Đăng ký nhận cha, mẹ, con 3.7. Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, giới tính	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	SV chia nhóm, trả lời câu hỏi trắc nghiệm và thực hiện đăng ký giám hộ theo mẫu	G6, G7,
9	CHƯƠNG 4. THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI 4.1. Đăng ký kết hôn 4.2. Đăng ký khai sinh	2 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	SV chia nhóm, trả lời câu hỏi trắc nghiệm và thực hiện thao tác làm thủ tục đăng ký kết hôn cho người nước ngoài	G9, G10
10	4.3. Đăng ký khai tử 4.4. Đăng ký nhận nuôi con nuôi	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận	SV chia nhóm, thảo luận về thực tiễn thủ tục nhận nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	G9, G10
11	4.5. Đăng ký giám hộ 4.6. Đăng ký nhận cha, mẹ, con 4.7. Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, giới tính	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận	SV chia nhóm, thảo luận về thực tiễn thủ tục xác định lại dân tộc, giới tính	G9, G10
12	CHƯƠNG 5. GHI CHÉP SỐ HỘ TỊCH, BIỂU MẪU HỘ TỊCH VÀ LƯU TRỮ GIẤY TỜ HỘ TỊCH 5.1. Ghi chép sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch 5.2. Lưu trữ giấy tờ hộ tịch	2 tiết lý thuyết	Sv nghe giảng, ghi chép	G11
13	5.3. Chế độ báo cáo, thống kê hộ tịch 5.4. Lệ phí đăng ký các sự kiện hộ tịch 5.5. Công chức tư pháp hộ tịch	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận	SV chia nhóm, thảo luận về vấn đề lưu trữ giấy tờ, hồ sơ hộ tịch	G11

14	CHƯƠNG 6. XỬ LÝ VI PHẠM TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH 6.1. Xử lý kỷ luật 6.2. Xử lý vi phạm hành chính 6.3. Truy cứu trách nhiệm hình sự.	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận	SV chia nhóm, thảo luận về vấn đề xử lý vi phạm trong hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch	G12
15	CHƯƠNG 7. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH 7.1. Sự cần thiết phải cải cách hành chính nhà nước về quản lý hộ tịch 7.2. Quan điểm cơ bản về cải cách hành chính trong quản lý nhà nước về hộ tịch.	2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận	SV chia nhóm, thảo luận về vấn đề sự cần thiết phải cải cách hành chính nhà nước về quản lý hộ tịch	G13

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)*

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước (tiếng Anh): Legislation on state compensation.	
- Mã số học phần: 843063	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (<i>nếu có</i>)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Hành chính, luật dân sự
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính*)

Môn học Pháp luật về trách nhiệm bồi thường Nhà nước gồm 5 chương như trong Mục 5.

Học phần luật Hành chính, giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về trách nhiệm bồi thường nhà nước, như khái niệm, phạm vi, đối tượng được bồi thường nhà nước; căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường, nguyên tắc giải quyết bồi thường, quản lý nhà nước về trách nhiệm bồi thường; trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, trong hoạt động tổ tụng và trong lĩnh vực thi hành án; phương pháp xác định thiệt hại, kinh phí bồi thường, thủ tục chi trả, trách nhiệm hoàn trả và vấn đề khiếu kiện trong việc bồi thường nhà nước

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Nắm được hệ thống khái niệm cơ bản của môn học (trình bày trong từng chương cụ thể).

- Nắm được hệ thống phương pháp nghiên cứu của môn học cũng như việc vận dụng các phương pháp để nghiên cứu tình hình trách nhiệm bồi thường nhà nước trong thực tiễn.

- Nắm được quy định của Pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước.

Về kỹ năng:

- Nhận diện và xác lập các vấn đề pháp lý có liên quan đến pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước;

- Tìm kiếm, xử lý và phân tích các nguồn luật, các tài liệu khác bao gồm cả tài liệu về thực tiễn áp dụng luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước.

- Giải quyết các vụ án có liên quan đến pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước trong một khoảng thời gian được giới hạn và trình bày kết quả dưới cả hình thức thuyết trình và viết luận;

- Làm việc cá nhân và làm việc nhóm;

- Đánh giá có tính phê phán và bình luận một cách tích cực các luận điểm và luận thuyết trong lĩnh vực pháp luật bồi thường trách nhiệm nhà nước.

Về thái độ:

- Rèn luyện thái độ và tư duy làm việc nghiêm túc như tích cực nâng cao trình độ nhận thức về pháp luật trách nhiệm bồi thường nhà nước;

- Chủ động vận dụng kiến thức đã học để xác định và đánh giá một số trường hợp về trách nhiệm bồi thường nhà nước.

- Nhận thức rõ trách nhiệm của cá nhân trong việc chung tay cùng cộng đồng về vấn đề trách nhiệm bồi thường của nhà nước.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm và ý nghĩa trách nhiệm bồi thường nhà nước;	2
G2	Hiểu được quyền, phạm vi và thời hiệu yêu cầu bồi thường của Nhà nước. So sánh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước với trách nhiệm bồi thường ngoài hợp đồng.	3
G3	Trình bày nguyên tắc giải quyết bồi thường, quản lý Nhà nước về trách nhiệm bồi thường	2

G4	Trình bày được phạm vi, trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý nhà nước	2
G5	Xác định được thẩm quyền giải quyết bồi thường theo thủ tục tố tụng dân sự và trong quá trình thụ lý vụ án hành chính và viết được đơn khởi kiện.	4
G6	Xác định được phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động tố tụng	3
G7	Xác định được chủ thể có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động tố tụng. Vận dụng làm bài tập tình huống pháp luật: đọc bản án và xác định trách nhiệm bồi thường thuộc về cơ quan tố tụng nào?	4
G8	Hiểu rõ các thủ tục giải quyết bồi thường trong hoạt động tố tụng.	3
G9	Xác định được phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án.	4
G10	Xác định được thiệt hại xảy ra trên thực tế và Khảo sát đánh giá được kinh phí trung bình ở mức tương đối về bồi thường ở mỗi lĩnh vực. Tur vấn pháp luật về xác định thiệt hại được bồi thường.	4
G11	Trình bày khái niệm trách nhiệm hoàn trả. Nêu được các căn cứ xác định trách nhiệm hoàn trả.	2

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

1.1. Khái niệm và ý nghĩa của trách nhiệm bồi thường nhà nước

- 1.1.1. Khái niệm trách nhiệm bồi thường nhà nước
- 1.1.2. Ý nghĩa của trách nhiệm bồi thường nhà nước

1.2. Nội dung cơ bản trách nhiệm bồi thường nhà nước

- 1.2.1. Quyền yêu cầu bồi thường
- 1.2.2. Phạm vi yêu cầu bồi thường
- 1.2.3. Thời hiệu yêu cầu bồi thường
- 1.2.4. Căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường.
- 1.2.5. Nguyên tắc giải quyết bồi thường
- 1.2.6. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong trách nhiệm bồi
- 1.2.7. Quản lý nhà nước về trách nhiệm bồi thường
- 1.2.8. Các hành vi bị cấm trong trách nhiệm bồi thường

CHƯƠNG 2. TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

2.1. Phạm vi bồi thường và trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong bồi thường

- 2.1.1. Phạm vi bồi thường
- 2.1.2. Trách nhiệm bồi thường của cơ quan nhà nước

2.2. Thủ tục giải quyết bồi thường trong quản lý nhà nước

- 2.2.1. Yêu cầu xác định hành vi trái pháp luật và lập hồ sơ
- 2.2.2. Thụ lý và giải quyết

2.3. Giải quyết bồi thường theo thủ tục tố tụng dân sự

- 2.3.1. Khởi kiện yêu cầu bồi thường
- 2.3.2. Thẩm quyền và thủ tục giải quyết

2.4. Giải quyết bồi thường trong quá trình thu lý vụ án hành chính

- 2.4.1. Khởi kiện yêu cầu bồi thường
- 2.4.2. Thẩm quyền và thủ tục giải quyết

CHƯƠNG 3.

TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG

3.1. Phạm vi trách nhiệm bồi thường

- 3.1.1. Phạm vi trách nhiệm trong tố tụng hình sự
- 3.1.2. Phạm vi trách nhiệm trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính

3.2. Chủ thể có trách nhiệm bồi thường

- 3.2.1. Cơ quan điều tra
- 3.2.2. Cơ quan kiểm sát
- 3.2.3. Cơ quan tòa án

3.3. Thủ tục giải quyết bồi thường trong hoạt động tố tụng

- 3.3.1. Lập và nộp hồ sơ
- 3.3.2. Tiếp nhận, thụ lý và giải quyết

CHƯƠNG 4.

TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG TRONG LĨNH VỰC THI HÀNH ÁN

4.1. Phạm vi bồi thường và chủ thể bồi thường

- 4.1.1. Phạm vi bồi thường
- 4.1.2. Chủ thể bồi thường trong lĩnh vực thi hành án

4.2. Thủ tục giải quyết

- 4.2.1. Lập và nộp hồ sơ
- 4.2.2. Tiếp nhận, thụ lý và giải quyết

CHƯƠNG 5. XÁC ĐỊNH THIẾT HẠI, KINH PHÍ BỒI THƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM HOÀN TRẢ

5.1. Xác định thiệt hại

- 5.1.1. Thiệt hại về tài sản

5.1.2. Thiệt hại về sức khỏe, tinh thần

5.1.3. Thiệt hại về tính mạng

5.2. Kinh phí và thủ tục chi trả

5.2.1. Kinh phí bồi thường

5.2.2. Thủ tục chi trả

5.3. Trách nhiệm hoàn trả

5.3.1. Khái niệm trách nhiệm hoàn trả

5.3.2. Căn cứ xác định mức hoàn trả

5.3.3. Thẩm quyền quyết định hoàn trả

5.3.4. Thủ tục hoàn trả

5.3.4. Khiếu kiện về việc hoàn trả

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Nguyễn Đỗ Văn Đại, Nguyễn Thương Tín (2015), *Pháp luật Việt Nam về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyễn Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước 2017.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3] Luật Thi hành án dân sự.

[4] Luật Thi hành án hình sự.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC 1.1. Khái niệm và ý nghĩa của trách nhiệm bồi thường nhà nước 1.1.1. Khái niệm trách nhiệm bồi thường nhà nước 1.1.2. Ý nghĩa của trách nhiệm bồi thường nhà nước 1.2. Nội dung cơ bản trách nhiệm bồi thường nhà nước 1.2.1. Quyền yêu cầu bồi thường 1.2.2. Phạm vi yêu cầu bồi thường	2 tiết lý thuyết	- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G1; G2

2	<p>1.2.3. Thời hiệu yêu cầu bồi thường</p> <p>1.2.4. Căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường.</p> <p>1.2.5. Nguyên tắc giải quyết bồi thường</p> <p>1.2.6. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong trách nhiệm bồi</p> <p>1.2.7. Quản lý nhà nước về trách nhiệm bồi thường</p> <p>1.2.8. Các hành vi bị cấm trong trách nhiệm bồi thường</p>	02 tiết lý thuyết	- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G3
3	Thảo luận	02 tiết bài tập	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. Sv chia nhóm, làm bài nhận định đúng-sai, thảo luận về vấn đề huy động các nguồn đầu tư phát triển nông thôn.	G1, G2
4	<p>CHƯƠNG 2. TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</p> <p>2.1. Phạm vi bồi thường và trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong bồi thường</p> <p>2.1.1. Phạm vi bồi thường</p> <p>2.1.2. Trách nhiệm bồi thường của cơ quan nhà nước</p> <p>2.2. Thủ tục giải quyết bồi thường trong quản lý nhà nước</p> <p>2.2.1. Yêu cầu xác định hành vi trái pháp luật và lập hồ sơ</p> <p>2.2.2. Thủ lý và giải quyết</p>	2 tiết lý thuyết	- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G4;

5	TIẾP CHƯƠNG 2... 2.3. Giải quyết bồi thường theo thủ tục tố tụng dân sự 2.3.1. Khởi kiện yêu cầu bồi thường 2.3.2. Thẩm quyền và thủ tục giải quyết	2 tiết lý thuyết	- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G5
6	2.4. Giải quyết bồi thường trong quá trình thu lý vụ án hành chính 2.4.1. Khởi kiện yêu cầu bồi thường 2.4.2. Thẩm quyền và thủ tục giải quyết	2 tiết lý thuyết	- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. SV chia nhóm, chuẩn bị trả lời các câu hỏi của GV.	G5
7	Thảo luận	2 tiết bài tập	- Thực hành viết được đơn khởi kiện. Làm bài tập xác định thẩm quyền giải quyết bồi thường theo thủ tục tố tụng dân sự .	G4; G5
8	CHƯƠNG 3. TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG 3.1. Phạm vi trách nhiệm bồi thường 3.1.1. Phạm vi trách nhiệm trong tố tụng hình sự 3.1.2. Phạm vi trách nhiệm trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính 3.2. Chủ thể có trách nhiệm bồi thường 3.2.1. Cơ quan điều tra 3.2.2. Cơ quan kiểm sát 3.2.3. Cơ quan tòa án	2 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G6; G7
9	Thảo luận	2 tiết bài tập	Sv đọc bản án và xác định trách nhiệm bồi thường trong hoạt động tố	G7;

			tụng thuộc về cơ quan nào.	
10	<p>3.3. Thủ tục giải quyết bồi thường trong hoạt động tố tụng</p> <p>3.3.1. Lập và nộp hồ sơ</p> <p>3.3.2. Tiếp nhận, thụ lý và giải quyết</p>	1 tiết lý thuyết +1 tiết kiểm tra	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G8
11	<p>CHƯƠNG 4. TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG TRONG LĨNH VỰC THI HÀNH ÁN</p> <p>4.1. Phạm vi bồi thường và chủ thể bồi thường</p> <p>4.1.1. Phạm vi bồi thường</p> <p>4.1.2. Chủ thể bồi thường trong lĩnh vực thi hành án.</p> <p>4.2. Thủ tục giải quyết</p> <p>4.2.1. Lập và nộp hồ sơ</p> <p>4.2.2. Tiếp nhận, thụ lý và giải quyết.</p>	02 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G9
12	<p>CHƯƠNG 5. XÁC ĐỊNH THIẾT HẠI, KINH PHÍ BỒI THƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM HOÀN TRẢ</p> <p>5.1. Xác định thiệt hại</p> <p>5.1.1. Thiệt hại về tài sản</p> <p>5.1.2. Thiệt hại về sức khỏe, tinh thần</p> <p>5.1.3. Thiệt hại về tính mạng</p> <p>5.2. Kinh phí và thủ tục chi trả</p> <p>5.2.1. Kinh phí bồi thường</p> <p>5.2.2. Thủ tục chi trả</p>	2 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật.	G10
13	Thảo luận	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. Phân vai diễn tư vấn pháp luật cho khách hàng về việc xác định	G10

			những thiệt hại được bồi thường.	
14	5.3. Trách nhiệm hoàn trả 5.3.1. Khái niệm trách nhiệm hoàn trả 5.3.2. Căn cứ xác định mức hoàn trả 5.3.4. Thủ tục hoàn trả 5.3.4. Khiếu kiện về việc hoàn trả	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc, đọc văn bản pháp luật. Nắm được các căn cứ xác định trách nhiệm hoàn trả	G11
15	Hệ thống lai nội dung lý thuyết của học phần. Giải đáp thắc mắc, trả bài, công bố điểm quá trình.	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết giải đáp thắc mắc cho SV, công bố điểm quá trình cho SV	Sinh viên hỏi và thảo luận.	G1-G11

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

Yêu cầu sinh viên phải tham gia lên lớp chuyên cần, phải chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Sinh viên phải học các môn luật hành chính, luật dân sự.

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ...	0.4	

	- Điểm kiểm tra giữa kỳ		
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
KỸ NĂNG THẨM ĐỊNH, KIỂM TRA VĂN BẢN PHÁP LUẬT
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng thẩm định kiểm tra văn bản pháp luật (tiếng Anh): Skills of Appraising and Examining Legal Documents.	
- Mã số học phần: 843111	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Hành chính (843028)
- Học phần song hành:	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Đây là môn học tự chọn của chuyên ngành Luật Hành chính, khoa Luật trường Đại học Sài Gòn. Học phần trang bị cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản về văn bản pháp luật và thẩm định văn bản pháp luật,

3. Mô tả học phần:

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Trang bị các kiến thức sau: Sinh viên nắm được yêu cầu, vai trò của hoạt động thẩm định văn bản pháp luật; Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định văn bản pháp luật hiện hành ở các cấp hành chính trong bộ máy nhà nước; Những kiến thức và kỹ năng cơ bản về thẩm định văn bản, như: thể thức, hình thức, nội dung, bố cục của văn bản.

Về kĩ năng: Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị để nhận biết, phân loại, thẩm định các loại văn bản, như: thể thức, kĩ thuật trình bày, ngôn ngữ.

Về thái độ: Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên sẽ có thái độ đúng đắn khi đánh giá các loại hình văn bản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, từ đó có ý thức rèn luyện, phấn đấu trở thành cán bộ, công chức, viên chức có năng lực về xây dựng, soạn thảo, thẩm định văn bản trong tương lai.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Nhận diện các loại văn bản pháp luật và hoạt động thẩm định văn bản pháp luật;	3
G2	Trình bày được nội dung và chủ thể, đối tượng của thẩm định văn bản	2
G3	Xác định được thẩm quyền, nguyên tắc, vai trò của thẩm định văn bản pháp luật	2
G4	Trình bày được các nội dung cần tiến hành thẩm định	2
G5	Phân biệt và xác định các vấn đề thẩm định trong văn bản pháp luật	4
G6	Trình bày được nội dung và trách nhiệm của cơ quan Nhà nước trong thẩm định văn bản	3
G7	Thực hành được các thao tác của thẩm định văn bản	4
G8	Thực hành thẩm định văn bản quy phạm pháp luật / lập đề cương báo cáo thẩm định	5
G9	Thực hành thẩm định văn bản áp dụng quy phạm pháp luật/ lập đề cương báo cáo thẩm định	5
G10	Thực hành thẩm định văn bản hành chính/ lập đề cương báo cáo thẩm định	5

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1:

KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG THẨM ĐỊNH VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1.1. Khái niệm văn bản pháp luật

- 1.1.1. Khái niệm
- 1.1.2. Phân loại
- 1.2. Khái niệm và phân loại hoạt động thẩm định**
 - 1.2.1. Khái niệm
 - 1.2.2. Phân loại
- 1.3. Chủ thể và đối tượng của hoạt động thẩm định văn bản pháp luật**
 - 1.3.1. Chủ thể
 - 1.3.2. Đối tượng
- 1.4. Thẩm quyền thẩm định văn bản pháp luật**
- 1.5. Nguyên tắc thẩm định văn bản pháp luật**
- 1.6. Vai trò của hoạt động thẩm định văn bản pháp luật**

Chương 2:

NHỮNG NỘI DUNG CẦN THẨM ĐỊNH ĐỐI VỚI VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- 2.1. Thẩm định về thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật**
 - 2.1.1. Tiêu chí nhận diện thẩm quyền ban hành
 - 2.1.2. Kỹ năng thẩm định thẩm quyền ban hành
- 2.2. Thẩm định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản pháp luật**
 - 2.2.1. Tiêu chí nhận diện về trình tự thủ tục ban hành
 - 2.2.2. Kỹ năng thẩm định về trình tự thủ tục ban hành
- 2.3. Thẩm định về thể thức**
 - 2.3.1. Tiêu chí nhận diện về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo
 - 2.3.2. Kỹ năng thẩm định về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo
- 2.4. Thẩm định về nội dung**
 - 2.4.1. Về sự cần thiết ban hành, đối tượng và phạm vi điều chỉnh
 - 2.4.2. Về tính hợp pháp, hợp hiến và tính thống nhất
 - 2.4.3. Về tính khả thi, lòng ghép bình đẳng giới và các yếu tố khác

Chương 3: QUY TRÌNH TIẾN HÀNH THẨM ĐỊNH

- 3.1. Lập kế hoạch thẩm định văn bản pháp luật**
- 3.2. Tiến hành thẩm định văn bản pháp luật**
- 3.3. Kết luận và thông qua kết luận thẩm định**
 - 3.3.1. Soạn thảo báo cáo kết luận thẩm định
 - 3.3.2. Thông qua báo cáo kết luận thẩm định
- 3.4. Xử lý kết quả thẩm định**

Chương 4: THẨM ĐỊNH MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT CỤ THỂ

- 4.1. Thẩm định văn bản quy phạm pháp luật**
- 4.2. Thẩm định văn bản áp dụng quy phạm pháp luật**
- 4.3. Thẩm định văn bản hành chính**

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] TS Nguyễn Thế Quyền: *Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật* (Đại học Luật Hà Nội). NXB. CAND, HN, 2011.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật*, NXB. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam

[3] GS.TSKH. Nguyễn Văn Thâm: *Soạn thảo và xử lý văn bản quản lý nhà nước* (Học viện Hành chính Quốc gia). NXB. CTQG, HN, 2006 (Tái bản lần thứ tư).

[4] ThS. Bùi Thị Đào: *Giáo trình Kỹ thuật xây dựng văn bản* (Đại học Huế). NXB. CAND, HN, 2005 (Tái bản lần thứ ba).

[5] TS Lưu Kiếm Thanh: *Kỹ thuật Xây dựng và Ban hành văn bản* (Đào tạo Đại học Hành chính-Học viện Hành chính Quốc gia). NXB. ĐHQGHN, 2002.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG THẨM ĐỊNH VĂN BẢN PHÁP LUẬT 1.1. Khái niệm văn bản pháp luật 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Phân loại	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G1
2	1.2. Khái niệm và phân loại hoạt động thẩm định 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Phân loại 1.3. Chủ thể và đối tượng của hoạt động thẩm định văn bản pháp luật 1.3.1. Chủ thể 1.3.2. Đối tượng	2 tiết Lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G2 G3
3	1.4. Thẩm quyền thẩm định văn bản pháp luật 1.5. Nguyên tắc thẩm định văn bản	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu,	G3 G4

	pháp luật 1.6. Vai trò của hoạt động thẩm định văn bản pháp luật			
4	Bài tập về xác định văn bản pháp luật và chủ thể, đối tượng thẩm định	2 tiết bài tập	Làm việc nhóm Thuyết trình,	G3 G4 G5
5	Chương 2: NHỮNG NỘI DUNG CẦN THẨM ĐỊNH ĐỐI VỚI VĂN BẢN PHÁP LUẬT 2.1. Thẩm định về thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật 2.1.1. Tiêu chí nhận diện thẩm quyền ban hành 2.1.2. Kỹ năng thẩm định thẩm quyền ban hành	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G6
6	2.2. Thẩm định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản pháp luật 2.2.1. Tiêu chí nhận diện về trình tự thủ tục ban hành 2.2.2. Kỹ năng thẩm định về trình tự thủ tục ban hành 2.3. Thẩm định về thể thức 2.3.1. Tiêu chí nhận diện về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo 2.3.2. Kỹ năng thẩm định về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G6
7	2.4. Thẩm định về nội dung 2.4.4. Về sự cần thiết ban hành, đối tượng và phạm vi điều chỉnh 2.4.5. Về tính hợp pháp, hợp hiến và tính thống nhất 2.4.6. Về tính khả thi, lồng ghép bình đẳng giới và các yếu tố khác	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G6

8	Bài tập xác định các yếu tố cần thẩm định của văn bản pháp luật	2 tiết bài tập	Làm việc nhóm, thuyết trình	G7
9	Chương 3: QUY TRÌNH TIẾN HÀNH THẨM ĐỊNH 3.5. Lập kế hoạch thẩm định văn bản pháp luật 3.6. Tiến hành thẩm định văn bản pháp luật	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G8
10	3.7. Kết luận và thông qua kết luận thẩm định 3.7.1. Soạn thảo báo cáo kết luận thẩm định 3.7.2. Thông qua báo cáo kết luận thẩm định 3.8. Xử lý kết quả thẩm định	2 tiết bài tập	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G6
11	Bài tập soạn thảo báo cáo kết luận thẩm định	2 tiết bài tập	Làm việc nhóm, thuyết trình	G7
12	Chương 4: THẨM ĐỊNH MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT CỤ THỂ 4.1. Thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G7
13	4.2. Thẩm định văn bản áp dụng quy phạm pháp luật 4.3. Thẩm định văn bản hành chính	2 tiết lý thuyết	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G7
12	Thảo luận về quy trình thẩm định văn bản Soạn thảo báo cáo thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	2 tiết thảo luận	Làm việc nhóm, thuyết trình	G8
15	Ôn tập, giải đáp thắc mắc, soạn thảo báo cáo thẩm định văn bản áp dụng pháp luật và văn bản hành chính	2 tiết thảo luận	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	G9 G10

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học các môn thuộc khối kiến thức ngành hành chính
- Làm bài tập nhóm

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: : [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế (tiếng Anh): Professional Legal English – International Trade Law	
- Mã số học phần: 843304	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Tiếng Anh I
- Học phần song hành (nếu có):	Không

2. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính*)

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế được thiết kế nhằm giúp sinh viên tập cách tư duy pháp luật bằng tiếng Anh thông qua các bài giảng có nội dung kiến thức pháp luật do các chuyên gia Luật viết bằng tiếng Anh. Sinh viên sẽ nắm bắt được những kiến thức cơ bản về bản chất và các loại hợp đồng, các yếu tố liên quan đến hợp đồng, khái niệm cơ bản về luật công ty, cấu trúc vốn của công ty. Từ đó sinh viên có thể tự giải quyết tình huống, diễn giải ý kiến của mình, tranh luận với người khác bằng tiếng Anh về một số chủ đề pháp luật liên quan cụ thể.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Nắm bắt được những kiến thức cơ bản bản chất và các loại hợp đồng, các yếu tố liên quan đến hợp đồng, luật thương mại, một số kiến thức cơ bản về luật quốc tế nói chung và luật thương mại quốc tế nói riêng.

- Tự giải quyết tình huống, diễn giải ý kiến của mình, tranh luận với người khác bằng tiếng Anh về một số chủ đề pháp luật liên quan cụ thể.

- Phát triển khả năng tìm tòi tài liệu có liên quan đến nội dung bài học và tự xử lý các văn bản tiếng Anh khi gặp phải.

Về kỹ năng: Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có thể

- Củng cố và phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Anh.

- Trau dồi kỹ năng tìm, đọc và xử lý các văn bản tiếng Anh khác .

Về thái độ:

- Đối với giảng viên: Tích cực nghiên cứu, cập nhật kiến thức, truyền tải kịp thời cho sinh viên. Hướng dẫn cho sinh viên tự học, nghiên cứu, không ngừng tiếp thu và mở rộng kiến thức của mình. Đảm bảo các yêu cầu và mục tiêu của chương trình.

- Đối với sinh viên: Tham dự lớp học nghiêm túc, đầy đủ. Có ý thức cập nhật các thông tin có liên quan đến môn học. Trau dồi ý thức tự học, nghiên cứu, không ngừng tiếp thu và mở rộng kiến thức của mình.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Áp dụng được từ vựng mới làm các bài tập về từ vựng trong bài	3
G2	Áp dụng được các cấu trúc câu mới để giải quyết các bài tập liên quan đến ngữ pháp, đọc, dịch viết.	3
G3	Trình bày bằng tiếng Anh những định nghĩa, đặc điểm, bản chất vấn đề chính trong mỗi bài học như: Law, Rule of Law, saction of law, contract, offer, acceptance, contractual capacity, nature of corporation, capital, capital structure...	1
G4	Trình bày được quan điểm, đánh giá của cá nhân liên quan đến từng vấn đề trong bài học, giải thích lý do nêu quan điểm	5
G5	Nghe hiểu các phần trình bày của bạn học, tham gia hỏi và đáp để làm sáng tỏ nội dung trao đổi	2
G6	Phân tích mối liên hệ giữa các thông tin trong bài để hiểu rõ nội dung bài đọc	4

G7	Tổng hợp được các thông tin trong bài và trả lời các câu hỏi đọc hiểu.	4
G8	Viết được đa dạng các loại câu sử dụng lại được các từ vựng, ngữ pháp được giới thiệu trong từng bài học	6
G9	Dịch viết được những câu ngắn hay đoạn từ tiếng Anh sang tiếng Việt hay từ tiếng Việt sang tiếng Anh	6

5. Nội dung chi tiết học phần

Môn Tiếng Anh chuyên ngành Luật là một bộ môn đặc thù. Người học không chỉ cần nắm vững tiếng Anh (kiến thức ngôn ngữ), mà còn phải nắm bắt cả nội dung bài học (kiến thức chuyên ngành). Điều này đòi hỏi cả người dạy và người học phải có ý thức dạy và học cả nội dung ngôn ngữ, nội dung pháp luật, kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng nghề luật. Cụ thể là

- Nội dung ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm trong các bài học
- Kỹ năng ngôn ngữ: nói, nghe, đọc, viết
- Kỹ năng nghề nghiệp: xử lý văn bản pháp luật bằng tiếng Anh

CHAPTER 1: GENERAL CONCEPTS OF LAW AND STATE

5.1.1. Lesson 1: What is law?

- 5.1.1.1. Pre-text exercises
- 5.1.1.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.1.1.3. What is law?
- 5.1.1.4. Post-reading activities

5.1.2. Lesson 2: The Rule of Law

- 5.1.2.1. Pre-text exercises
- 5.1.2.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.1.2.3. The Rule of Law
- 5.1.2.4. Post-reading activities

5.1.3. Lesson 3: The sanction of law

- 5.1.3.1. Pre-text exercises
- 5.1.3.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.1.3.3. The sanction of law
- 5.1.3.4. Post-reading activities

5.1.4. Lesson 4: The sanction of law (continued)

- 5.1.4.1. Pre-text exercises
- 5.1.4.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.1.4.3. The sanction of law (continued)
- 5.1.4.4. Post-reading activities

CHAPTER 5: CONTRACT LAW

5.2.1. Lesson 31: Nature and kinds of Contracts

- 5.2.1.1. Pre-text exercises
- 5.2.1.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.2.1.3. Nature and kinds of Contracts
- 5.2.1.4. Post-reading activities

5.2.2. Lesson 32: Offer and Acceptance

- 5.2.2.1. Pre-text exercises
- 5.2.2.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.2.2.3. Offer and Acceptance
- 5.2.2.4. Post-reading activities

5.2.3. Lesson 34: Contractual Capacity of Parties

- 5.2.3.1. Pre-text exercises
- 5.2.3.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.2.3.3. Contractual Capacity of Parties
- 5.2.3.4. Post-reading activities

CHAPTER 7: CONTEMPORARY INTERNATIONAL LAW

5.3.1. Lesson 40: Definition of International Law

- 5.3.1.1. Pre-text exercises
- 5.3.1.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.3.1.3. Definition of International Law
- 5.3.1.4. Post-reading activities

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Lê Hồng Hạnh (2004), *Improving your Understanding Law in English*, Publishing House of National University.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Hồng Hạnh (1994), *Getting into Legal Terminology*, Publishing House of National University.

[3]. Lê Hồng Hạnh (1997), *English for Lawyers*, Publishing House of National University.

[4]. Nhiều tác giả (2003), *Tiếng Anh Chuyên ngành Luật*, Nhà xuất bản Thống Kê.

[5]. Nhiều tác giả (2006), *Tài liệu tọa đàm “Giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành Luật cho sinh viên ngành luật”*, Đại học Luật.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
	Chapter 1 “General Concepts of Law and State”	- Communicative approach - Reading or Listening, and Speaking or Writing		
	5.1.1. Lesson 1: What is law?	4 tiết		
1	5.1.1.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do ‘pre-text exercises’.	G3 G4 G5
	5.1.1.2. - Learning vocabulary and grammar	1.5	Teacher explains meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
	5.1.1.3. What is law?	1.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
2	5.1.1.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
	5.1.2. Lesson 2 : The Rule of Law	4 tiết		
3	5.1.2.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do ‘pre-text exercises’.	G3 G4 G5
	5.1.2.2. - Learning vocabulary and grammar	1.5	Teacher explains meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2

4	5.1.2.3. The Rule of Law	1.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.1.2.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
5	5.1.3. Lesson 3: The sanction of law	2 tiết		
	5.1.3.1 - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do 'pre-text exercises'.	G3 G4 G5
	5.1.3.2 - Learning vocabulary and grammar	0.5	Teacher explains meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
	5.1.3.3 The sanction of law	0.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.1.3.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
6	5.1.4. Lesson 4: The sanction of law (continued)	4 tiết		
	5.1.4.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do 'pre-text exercises'.	G3 G4 G5
	5.1.4.2. - Learning vocabulary and grammar	1.5	Teacher explains meaning of new key words of the	G1 G2

			text and certain structures.	
7	5.1.4.3. The sanction of law (continued)	1.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.1.4.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
	5.2 Chapter 5: Contract Law	-Communicative approach - Reading or Listening, and Speaking or Writing		
8	5.2.1. Lesson 31 : Nature and kinds of Contracts	4 tiết		
	5.2.1.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do 'pre-text exercises'.	G3 G4 G5
	5.2.1.2. - Learning vocabulary and grammar	1	Teacher explains meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
9	5.2.1.3. Nature and kinds of Contracts	2	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.2.1.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4

	5.2.2. Lesson 32 : Offer and Acceptance	3 tiết		
10	5.2.2.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do ‘pre-text exercises’.	G3 G4 G5
	5.2.2.2. - Learning vocabulary and grammar	0.5	Teacher explains meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
11	5.2.2.3. Offer and Acceptance	1.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.2.2.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
	5.2.3. Lesson 34: Contractual Capacity of Parties	5 tiết		
12	5.2.3.1 - Pre-text exercises	1	Students (in groups) do ‘pre-text exercises’.	G3 G4 G5
	5.2.3.2 - Learning vocabulary and grammar	1	Teacher explains meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
13	5.2.3.3 Contractual Capacity of Parties	2	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.2.3.4. - Post-reading activities	1	Students (in groups) do further	G8 G9 G4

			practice after reading activities.	
	5.3 Chapter 7: Contemporary International Law	-Communicative approach - Reading or Listening, and Speaking or Writing		
	5.3.1. Lesson 40: Definition of International Law	4 tiết		
14	5.3.1.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do 'pre-text exercises'.	G3 G4 G5
	5.3.1.2. - Learning vocabulary and grammar	1	Teacher explains meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
	5.3.1.3. Definition of International Law	1.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.3.1.4. - Post-reading activities	1	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học xong học phần Tiếng Anh I trước khi học học phần Tiếng Anh chuyên ngành Luật Kinh doanh

- Sinh viên phải tham gia các buổi học trên lớp và phải có sự chuẩn bị bài trước, tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4 (1.1 + 1.2)	Điểm danh + kiểm tra giữa kỳ
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	Điểm danh
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thực hành/bài tập - Điểm thảo luận trên lớp - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.1 0.1 0.1	Kiểm tra kỹ năng nói, nghe, viết
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6 (≥ 0.5)	Thi học kỳ: Đề đóng, trắc nghiệm, viết, tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Ngoại ngữ
- Địa chỉ/email: k_ngoaingu@sgu.edu.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật thương mại quốc tế (tiếng Anh): International Trade Law	
- Mã số học phần: 844053	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần học trước:	Tư pháp Quốc tế (843310)
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về luật thương mại quốc tế như lý thuyết thương mại quốc tế; các nguyên tắc cơ bản luật thương mại quốc tế; pháp luật điều chỉnh một số lĩnh vực về thương mại quốc tế, pháp luật về hợp đồng thương mại quốc tế, pháp luật về thanh toán quốc tế và phương thức giải quyết tranh chấp thường gặp trong hoạt động thương mại quốc tế.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Cung cấp cho người học về kiến thức về lý thuyết thương mại quốc tế; các nguyên tắc cơ bản luật thương mại quốc tế; pháp luật điều chỉnh một số lĩnh vực về thương mại quốc tế, pháp luật về hợp đồng thương mại quốc tế, pháp luật về thanh toán quốc tế và phương thức giải quyết tranh chấp thường gặp trong hoạt động thương mại quốc tế.

Về kĩ năng: Người học có được các kỹ năng tư duy, kỹ năng thuyết trình, viết và kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan đến nội dung và vấn đề giải quyết sơ lược các tranh chấp thương mại quốc tế.

Về thái độ: Sinh viên có thái độ đúng đắn khi nghiên cứu các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế; xây dựng ý thức công dân tốt và nhận thức đúng đắn trong hoạt động thương mại quốc tế.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Nắm rõ khái niệm luật thương mại quốc tế, các chủ thể trong giao dịch thương mại quốc tế và nguồn luật thương mại quốc tế	2
G2	Nắm rõ pháp luật của WTO về các nguyên tắc cơ bản	2
G3	Nắm rõ pháp luật của WTO trong một số lĩnh vực cụ thể như thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, thương mại đầu tư và thương mại sở hữu trí tuệ	2
G4	Nắm rõ cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO	2
G5	Vận dụng, đánh giá quy định của WTO để giải quyết một số tranh chấp cụ thể	4
G6	Nắm rõ khái niệm hợp đồng thương mại quốc tế	2
G7	Hiểu và nắm rõ pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	2
G8	Hiểu và nắm rõ pháp luật điều chỉnh hợp đồng vận chuyển hàng hóa quốc tế	2
G9	Hiểu và nắm rõ pháp luật điều chỉnh Hợp đồng gia công hàng hóa quốc tế; Hợp đồng liên doanh trong đầu tư quốc tế; Hợp đồng cung ứng dịch vụ quốc tế	2
G10	Nắm rõ các loại chứng từ và phương thức thanh toán quốc tế cơ bản	2
G11	Nắm rõ các phương thức giải quyết tranh chấp giữa các thương nhân	2
G12	Vận dụng, đánh giá giải quyết một số tranh chấp cụ thể	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

1.1. Khái niệm Luật thương mại quốc tế

1.2. Chủ thể trong các giao dịch thương mại quốc tế

- 1.2.1. Quốc gia
- 1.2.2. Tổ chức quốc tế
- 1.2.3. Thương nhân
- 1.2.4. Các chủ thể khác

1.3. Nguồn luật thương mại quốc tế

- 1.3.1. Pháp luật quốc gia
- 1.3.2. Điều ước quốc tế
- 1.3.3. Tập quán quốc tế
- 1.3.4. Án lệ quốc tế
- 1.3.5. Các nguồn luật khác

CHƯƠNG 2

PHÁP LUẬT WTO

2.1. Các nguyên tắc cơ bản của WTO

- 2.1.1. Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (MFN)
- 2.1.2. Nguyên tắc đối xử quốc gia (NT)
- 2.1.3. Nguyên tắc mở cửa thị trường (MA)
- 2.1.4. Nguyên tắc thương mại công bằng (FT)
- 2.1.5. Nguyên tắc minh bạch
- 2.1.6. Nguyên tắc ưu đãi hơn cho các nước đang phát triển

2.2. Pháp luật WTO trong một số lĩnh vực cụ thể

- 2.2.1. Thương mại hàng hoá
- 2.2.2. Thương mại dịch vụ
- 2.2.3. Quyền sở hữu trí tuệ
- 2.2.4. Thương mại đầu tư

2.3. Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO

- 2.3.1. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp của WTO
- 2.3.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO
- 2.3.3. Các căn cứ khiếu kiện
- 2.3.4. Thủ tục giải quyết tranh chấp tại WTO

CHƯƠNG 3

PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

3.1. Khái niệm hợp đồng thương mại quốc tế và pháp luật điều chỉnh hợp đồng thương mại quốc tế

3.2. Một số hợp đồng thương mại quốc tế thông dụng

- 3.2.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế
- 3.2.2. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa quốc tế
- 3.2.3. Hợp đồng gia công hàng hóa quốc tế
- 3.2.4. Hợp đồng liên doanh trong đầu tư quốc tế
- 3.2.5. Hợp đồng cung ứng dịch vụ quốc tế

CHƯƠNG 4 THANH TOÁN QUỐC TẾ

4.1. Chứng từ trong thanh toán quốc tế

- 4.1.1. Chứng từ tài chính
- 4.1.2. Chứng từ thương mại

4.2. Các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản

- 4.2.1. Phương thức chuyển tiền
- 4.2.2. Phương thức nhờ thu
- 4.2.3. Phương thức tín dụng chứng từ

4.3. Các phương tiện thanh toán quốc tế

- 4.3.1. Hối phiếu
- 4.3.2. Séc
- 4.3.3. Kỳ phiếu
- 4.3.4. Thẻ ngân hàng

CHƯƠNG 5 CÁC PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ GIỮA CÁC THƯƠNG NHÂN

5.1. Thương lượng

5.2. Hoà giải, trung gian

5.3. Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng toà án

5.4. Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2016), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế*, NXB. Hồng Đức.

[2] Raj Bhala (2006), *Luật thương mại quốc tế - Những vấn đề lý luận và thực tiễn* (sách dịch), NXB. Tư pháp.

[3] Tài liệu văn bản pháp luật phục vụ cho học phần Luật thương mại quốc tế của giảng viên

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Trần Việt Dũng, Trần Thị Thùy Dương (2013), *Tìm hiểu luật WTO qua một số vụ kiện về chống bán phá giá*, NXB. Hồng Đức.

[5] Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2010), *Giải quyết tranh chấp thương mại WTO Tóm tắt một số vụ kiện và phán quyết quan trọng của WTO*, NXB. Lao Động.

[6] Trường Đại học Ngoại thương (2011), *Giáo trình thanh toán quốc tế*, NXB. Khoa học kỹ thuật.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG 1</p> <p style="text-align: center;">KHÁI QUÁT VỀ LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ</p> <p>1.1. Khái niệm Luật thương mại quốc tế</p> <p>1.2. Chủ thể trong các giao dịch thương mại quốc tế</p> <p>1.2.1. Quốc gia</p> <p>1.2.2. Tổ chức quốc tế</p> <p>1.2.3. Thương nhân</p> <p>1.2.4. Các chủ thể khác</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Làm nhận định	G1
2	<p>1.3. Nguồn luật thương mại quốc tế</p> <p>1.3.1. Pháp luật quốc gia</p> <p>1.3.2. Điều ước quốc tế</p> <p>1.3.3. Tập quán quốc tế</p> <p>1.3.4. Ấn lệ quốc tế</p> <p>1.3.5. Các nguồn luật khác</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G1
3	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG 2</p> <p style="text-align: center;">PHÁP LUẬT WTO</p> <p>2.1. Các nguyên tắc cơ bản của WTO</p> <p>2.1.1. Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (MFN)</p> <p>2.1.2. Nguyên tắc đối xử quốc gia (NT)</p> <p>2.1.3. Nguyên tắc mở cửa thị trường (MA)</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G2

	2.1.4. Nguyên tắc thương mại công bằng (FT) 2.1.5. Nguyên tắc minh bạch 2.1.6. Nguyên tắc ưu đãi hơn cho các nước đang phát triển			
4	2.2. Pháp luật WTO trong một số lĩnh vực cụ thể 2.2.1. Thương mại hàng hoá	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G3
5	2.2.2. Thương mại dịch vụ	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G3
6	2.2.3. Quyền sở hữu trí tuệ 2.2.4. Thương mại đầu tư	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G3
7	2.3. Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO 2.3.1. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp của WTO 2.3.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO 2.3.3. Các căn cứ khiếu kiện 2.3.4. Thủ tục giải quyết tranh chấp tại WTO	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G4 G5
8	CHƯƠNG 3 PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 3.1. Khái niệm hợp đồng thương mại quốc tế và pháp luật điều chỉnh hợp đồng thương mại quốc tế 3.2. Một số hợp đồng thương mại quốc tế thông dụng 3.2.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G6 G7
9	3.2.2. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa quốc tế	2 tiết Lý thuyết + 1	Đọc văn bản pháp luật	G7

		tiết thảo luận	Làm nhận định + bài tập	
10	3.2.3. Hợp đồng gia công hàng hóa quốc tế	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G8
11	3.2.4. Hợp đồng liên doanh trong đầu tư quốc tế 3.2.5. Hợp đồng cung ứng dịch vụ quốc tế	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G9
	CHƯƠNG 4 THANH TOÁN QUỐC TẾ			
12	4.1. Chứng từ trong thanh toán quốc tế 4.1.1. Chứng từ tài chính 4.1.2. Chứng từ thương mại 4.2. Các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản 4.2.1. Phương thức chuyển tiền 4.2.2. Phương thức nhờ thu 4.2.3. Phương thức tín dụng chứng từ	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G10
13	4.3. Các phương tiện thanh toán quốc tế 4.3.1. Hối phiếu 4.3.2. Séc 4.3.3. Kỳ phiếu 4.3.4. Thẻ ngân hàng	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G10
	CHƯƠNG 5 CÁC PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ GIỮA CÁC THƯƠNG NHÂN			
14	5.1. Thương lượng 5.2. Hoà giải, trung gian 5.3. Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng toà án	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G11 G12
15	5.4. Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G11 G12

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải học các môn Tư pháp Quốc tế (843310)
- Làm bài tập và nhận định đầy đủ

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Phạm Thị Hồng My

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ THANH TOÁN QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về thanh toán quốc tế (tiếng Anh): Law on international payment	
- Mã số học phần: 843319	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần học trước:	Tư pháp quốc tế (843310)
- Học phần song hành:	

Commented [k6]: 844054 - Thanh toán quốc tế

2. Mô tả học phần:

Học phần giới thiệu tới người học những kiến thức căn bản về thanh toán quốc tế, về tỷ giá hối đoái, thị trường hối đoái và các nghiệp vụ giao dịch hối đoái, cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán quốc tế, cách thức thực hiện các phương thức thanh toán quốc tế, các bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế. Sau khi học xong, người học có nghiệp vụ mua bán ngoại tệ trên thị trường hối đoái quốc tế, có thể đảm nhiệm khâu thanh toán quốc tế tại các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu, tại phòng thanh toán quốc tế của các ngân hàng thương mại.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Trang bị cho người học có được những vấn đề cơ bản về thanh toán quốc tế, cụ thể:

- Hiểu về đặc điểm, vai trò của thanh toán quốc tế, cán cân thanh toán quốc tế và các điều kiện trong thanh toán quốc tế.

- Hiểu về tỷ giá hối đoái, thị trường hối đoái và nghiệp vụ giao dịch hối đoái.

- Hiểu và phân tích được các phương tiện thanh toán quốc tế, phương thức thanh toán quốc tế.

- Nhận diện được các bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế như chứng từ tài chính, chứng từ thương mại và cách kiểm tra xử lý bộ chứng từ.

Về kỹ năng: Sau khi học xong, người học có thể:

- Thu thập thông tin, tổng hợp, so sánh và bình luận về các vấn đề trong thanh toán quốc tế.

- Tính toán và chọn lựa giao dịch hối đoái phù hợp với hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

- Có khả năng lập một số chứng từ, kiểm tra chứng từ.

Về thái độ:

- Có ý thức vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn làm việc tại doanh nghiệp, ngân hàng thương mại.

- Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc trong việc nhận thức về thanh toán quốc tế.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Nắm rõ khái niệm thanh toán quốc tế, đặc điểm và vai trò, các điều kiện trong thanh toán quốc tế	2
G2	Hiểu và nắm rõ các tỷ giá hối đoái	2
G3	Hiểu và nắm rõ về thị trường hối đoái, các nghiệp vụ giao dịch hối đoái	2
G4	Nắm rõ các phương tiện thanh toán quốc tế	2
G5	Nắm rõ các phương thức thanh toán quốc tế	2
G6	Nắm rõ các chứng từ trong thanh toán quốc tế	2
G7	Vận dụng để thực hiện nghiệp vụ thanh toán quốc tế	3

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ

1.1. Khái niệm thanh toán quốc tế

1.2. Đặc điểm của thanh toán quốc tế

1.3. Cán cân thanh toán quốc tế

1.4. Vai trò của thanh toán quốc tế trong giai đoạn hiện nay

1.5. Các điều kiện trong thanh toán quốc tế

CHƯƠNG 2

TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

2.1. Khái niệm và cách niêm yết tỷ giá

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Cách niêm yết tỷ giá

2.2. Tỷ giá chéo

2.3. Tỷ giá đối ứng

2.4. Các biện pháp điều chỉnh tỷ giá hối đoái

2.4.1. Nâng cao hoặc giảm bớt hoặc ổn định mức lãi suất chiết khấu

2.4.2. Biện pháp mua bán ngoại hối để tác động đến tỷ giá

2.4.3. Lập quỹ dự trữ bình ổn hối đoái

2.4.4. Phá giá tiền tệ

2.4.5. Bán phá giá ngoại hối

2.4.6. Nâng giá tiền tệ

CHƯƠNG 3

THỊ TRƯỜNG HỐI ĐOÁI VÀ CÁC NGHIỆP VỤ GIAO DỊCH HỐI ĐOÁI

3.1. Khái niệm và đặc điểm, phân loại thị trường hối đoái

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Đặc điểm

3.1.3. Phân loại

3.2. Các chủ thể tham gia thị trường hối đoái

3.2.1. Ngân hàng thương mại

3.2.2. Ngân hàng nhà nước

3.2.3. Các nhà môi giới

3.2.4. Doanh nghiệp

3.3. Vai trò của thị trường ngoại hối

3.4. Các nghiệp vụ giao dịch hối đoái

CHƯƠNG 4

CÁC PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN QUỐC TẾ

4.1. Hối phiếu

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Nội dung

4.1.3. Đặc điểm

- 4.1.4. Phân loại
- 4.1.5. Các nghiệp vụ liên quan

4.2. Chi phiếu (Sec)

- 4.2.1. Khái niệm và nội dung
- 4.2.2. Những người liên quan đến séc
- 4.2.3. Các loại séc
- 4.2.4. Quy trình thanh toán séc

4.3. Kỳ phiếu

- 4.3.1. Khái niệm
- 4.3.2. Nội dung

4.4. Thẻ ngân hàng

- 4.4.1. Khái niệm
- 4.4.2. Phân loại và nội dung

CHƯƠNG 5

CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ

5.1. Phương thức nhờ thu

- 5.1.1. Khái niệm
- 5.1.2. Văn bản pháp lý điều chỉnh nhờ thu
- 5.1.3. Các bên tham gia phương thức nhờ thu
- 5.1.4. Các loại nhờ thu

5.2. Phương thức tín dụng chứng từ

- 5.2.1. Khái niệm
- 5.2.2. Chủ thể tham gia
- 5.2.3. Thư tín dụng (L/C)
- 5.2.4. Quy trình thanh toán thư tín dụng chứng từ

5.3. Phương thức chuyển tiền

- 5.3.1. Khái niệm
- 5.3.2. Các bên tham gia phương thức chuyển tiền
- 5.3.3. Các hình thức chuyển tiền
- 5.3.4. Quy trình chuyển tiền

CHƯƠNG 6

BỘ CHỨNG TỪ TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ

6.1. Chứng từ tài chính

6.2. Chứng từ thương mại

6.3. Kiểm tra xử lý bộ chứng từ

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2016), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế*, NXB Hồng Đức.

[2] Nguyễn Đăng Dòn (2009), *Giáo trình Thanh toán quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia.

[3] Nguyễn Văn Tiến (2014), *Bài tập và bài giải Thanh toán quốc tế*, NXB Thống Kê.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Nguyễn Thị Thu Thảo (2009), *Giáo trình nghiệp vụ thanh toán quốc tế*, NXB Tài chính.

[5] Hoàng Thị Minh Ngọc (2014), *Giáo trình bài tập và bài giảng Thanh toán quốc tế*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ 1.1. Khái niệm thanh toán quốc tế 1.2. Đặc điểm của thanh toán quốc tế 1.3. Cán cân thanh toán quốc tế 1.4. Vai trò của thanh toán quốc tế trong giai đoạn hiện nay. 1.5. Các điều kiện trong thanh toán quốc tế	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G1
2	CHƯƠNG 2 TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI 2.1. Khái niệm và cách niêm yết tỷ giá 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Cách niêm yết tỷ giá 2.2. Tỷ giá chéo	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G2

3	<p>2.3. Tỷ giá đối ứng</p> <p>2.4. Các biện pháp điều chỉnh tỷ giá hối đoái</p> <p>2.4.1. Nâng cao hoặc giảm bớt hoặc ổn định mức lãi suất chiết khấu</p> <p>2.4.2. Biện pháp mua bán ngoại hối để tác động đến tỷ giá</p> <p>2.4.3. Lập quỹ dự trữ bình ổn hối đoái</p> <p>2.4.4. Phá giá tiền tệ</p> <p>2.4.5. Bán phá giá ngoại hối</p> <p>2.4.6. Nâng giá tiền tệ</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G2
4	<p>CHƯƠNG 3</p> <p>THỊ TRƯỜNG HỐI ĐOÁI VÀ CÁC NGHIỆP VỤ GIAO DỊCH HỐI ĐOÁI</p> <p>3.1. Khái niệm và đặc điểm, phân loại thị trường hối đoái</p> <p>3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2. Đặc điểm</p> <p>3.1.3. Phân loại</p> <p>3.2. Các chủ thể tham gia thị trường hối đoái</p> <p>3.2.1. Ngân hàng thương mại</p> <p>3.2.2. Ngân hàng nhà nước</p> <p>3.2.3. Các nhà môi giới</p> <p>3.2.4. Doanh nghiệp</p> <p>3.3. Vai trò của thị trường ngoại hối</p> <p>3.4. Các nghiệp vụ giao dịch hối đoái</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G3
5	<p>CHƯƠNG 4</p> <p>CÁC PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN QUỐC TẾ</p> <p>4.1. Hối phiếu</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Nội dung</p> <p>4.1.3. Đặc điểm</p> <p>4.1.4. Phân loại</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G4 G7

6	4.1.5. Các nghiệp vụ liên quan	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G4 G7
7	4.2. Chi phiếu (Sec) 4.2.1. Khái niệm và nội dung 4.2.2. Những người liên quan đến séc 4.2.3. Các loại séc 4.2.4. Quy trình thanh toán séc	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G4 G7
8	4.3. Kỳ phiếu 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Nội dung	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G4 G7
9	4.4. Thẻ ngân hàng 4.4.1. Khái niệm 4.4.2. Phân loại và nội dung	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G4 G7
10	CHƯƠNG 5 CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ 5.1. Phương thức nhờ thu 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Văn bản pháp lý điều chỉnh nhờ thu 5.1.3. Các bên tham gia phương thức nhờ thu	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G5 G7
11	5.1.4. Các loại nhờ thu	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G5 G7
12	5.2. Phương thức tín dụng chứng từ 5.2.1. Khái niệm 5.2.2. Chủ thể tham gia 5.2.3. Thư tín dụng (L/C) 5.2.4. Quy trình thanh toán thư tín dụng chứng từ	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G5 G7

13	5.3. Phương thức chuyển tiền 5.3.1. Khái niệm 5.3.2. Các bên tham gia phương thức chuyển tiền 5.3.3. Các hình thức chuyển tiền 5.3.4. Quy trình chuyển tiền	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G5 G7
14	CHƯƠNG 6 BỘ CHỨNG TỪ TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ 6.1. Chứng từ tài chính 6.2. Chứng từ thương mại	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G6 G7
15	6.3. Kiểm tra xử lý bộ chứng từ	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G6 G7

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải học các môn Tư pháp quốc tế
- Làm bài tập và nhận định đầy đủ

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập,...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Phạm Thị Hồng My

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ HẢI QUAN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về Hải quan (tiếng Anh): Customs Law	
- Mã số học phần: 844064	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	22
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	08
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	20
- Học phần tiên quyết:	Luật Thương mại quốc tế (844053)
- Học phần song hành (nếu có):	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Pháp luật về hải quan là một học phần bắt buộc của chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế. Đây là môn học chuyên ngành nhằm mở rộng kiến thức về pháp luật hải quan và nghiệp vụ hải quan cho sinh viên chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế. Người học biết được những quy định của điều ước quốc tế về hải quan mà Việt Nam là thành viên và những quy định của pháp luật hải quan Việt Nam hiện hành có đối chiếu so sánh với pháp luật hải quan một số nước trên thế giới và khu vực để thấy được sự tương đồng và sự khác biệt của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên có được những kiến thức cơ bản pháp luật hải quan như: Kiến thức chung về pháp luật hải quan, thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải

quan; Các quy định hiện hành của pháp luật hải quan Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về hải quan, cũng như nắm được những quy định hiện hành của pháp luật hải quan của một số nước trên thế giới và khu vực.

Người học có kiến thức cơ bản về những vướng mắc và những giải pháp phòng tránh cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Về kỹ năng: Người học làm được các nghiệp vụ hải quan như: xác định trị giá hải quan, xác định xuất xứ hàng hóa, phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu; Nắm được quy trình thủ tục hải quan cụ thể đối với một số loại hàng hóa xuất nhập khẩu thường gặp trên thực tế.

Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể liên quan đến pháp luật hải quan.

Về thái độ: Hình thành sự chủ động, củng cố và nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên, nâng cao ý thức học tập, tính tự chủ cho người học.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được: Khái niệm hải quan, lịch sử hình thành và phát triển của hải quan Việt Nam.	2
G2	Hiểu biết rõ về chế độ kiểm tra, giám sát hải quan; Xác định được mối quan hệ giữa thủ tục hải quan và chế độ kiểm tra, giám sát hải quan	2
G3	Biết khai hải quan và chế độ đăng ký khai hải quan, biết phức tập hồ sơ hải quan	3
G4	Trình bày được sự phát triển của pháp luật Việt Nam về thủ tục hải quan điện tử; Xác định được đối tượng áp dụng thủ tục hải quan điện tử	2
G5	Biết cách lập hồ sơ hải quan điện tử; Thời gian khai và làm thủ tục hải quan điện tử	3
G6	Tư vấn được thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất nhập khẩu theo hợp đồng mua bán;	3
G7	Trình bày được cơ sở pháp lý điều chỉnh hoạt động hải quan Việt Nam; Pháp luật trong nước của Việt Nam; Điều ước quốc tế về hải quan mà Việt Nam là thành viên	2
G8	Tư vấn được Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất	3

	khẩu, nhập khẩu thương mại.	
G9	Xác định được đối tượng kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu thương mại	2
G10	Tư vấn được thủ tục hải quan đối với một số loại hàng hoá xuất, nhập khẩu thương mại: Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán hàng hoá; Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài; Hàng hoá tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập; Hàng hoá xuất, nhập khẩu kinh doanh theo loại hình xuất nhập khẩu biên giới, hàng hoá đưa vào chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu	3
G11	Biết tính thuế đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu (Trị giá tính thuế đối với hàng hoá xuất khẩu; Trị giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu).	3
G12	Biết vận dụng các quy định của Công ước HS (Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa); Danh mục HS (Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa); Danh mục hàng hoá và biểu thuế xuất, nhập khẩu Việt Nam để phân loại hàng hóa.	3

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HẢI QUAN

1.1. Khái niệm hải quan, lịch sử hình thành và phát triển của hải quan Việt Nam

- 1.1.1. Khái niệm hải quan,
- 1.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của hải quan Việt Nam

1.2. Khái niệm và tính chất của thủ tục hải quan

- 1.2.1. Khái niệm thủ tục hải quan
- 1.2.2. Tính chất của thủ tục hải quan

1.3. Chế độ kiểm tra, giám sát hải quan

- 1.3.1. Chế độ kiểm tra hải quan
- 1.3.2. Chế độ giám sát hải quan
- 1.3.3. Mối quan hệ giữa thủ tục hải quan và chế độ kiểm tra, giám sát hải quan

CHƯƠNG 2. THỦ TỤC CHUNG VỀ HẢI QUAN

2.1. Khái niệm thủ tục hải quan

2.2. Nội dung thủ tục hải quan

- 2.2.1. Khai hải quan và chế độ đăng ký khai hải quan
- 2.2.2. Xuất trình đối tượng kiểm tra hải quan và chế độ kiểm tra đối chiếu hải quan

- 2.2.3. Nộp - thu thuế và nghĩa vụ tài chính khác
- 2.2.4. Thông quan hàng hoá và kiểm tra sau thông quan
- 2.2.5. Phúc tập hồ sơ hải quan

2.3. Thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu

- 2.3.1. Sự phát triển của pháp luật Việt Nam về thủ tục hải quan điện tử
- 2.3.2. Đối tượng áp dụng thủ tục hải quan điện tử
- 2.3.3. Hồ sơ hải quan điện tử
- 2.3.4. Thời gian khai và làm thủ tục hải quan điện tử
- 2.3.5. Thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất nhập khẩu theo hợp đồng

mua bán

2.4. Cơ sở pháp lý điều chỉnh hoạt động hải quan Việt Nam

- 2.4.1. Pháp luật trong nước của Việt Nam
- 2.4.2. Điều ước quốc tế về hải quan mà Việt Nam là thành viên

2.5. Luật hải quan của một số quốc gia trên thế giới

- 2.5.1. Hoa Kỳ
- 2.5.2. Cộng hòa Pháp
- 2.5.3. Nhật Bản
- 2.5.4. Trung Quốc

CHƯƠNG 3. THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI

3.1. Khái quát chung về thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại

- 3.1.1. Khái niệm
- 3.1.2. Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu

3.2. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu thương mại

- 3.2.1. Đối tượng kiểm tra, giám sát hải quan
- 3.2.2. Chủ thể thực hiện

3.3. Thủ tục hải quan đối với một số loại hàng hoá xuất, nhập khẩu thương mại

- 3.3.1. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán hàng hoá
- 3.3.2. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài
- 3.3.3. Hàng hoá tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập
- 3.3.4. Hàng hoá xuất, nhập khẩu kinh doanh theo loại hình xuất nhập khẩu biên giới, hàng hoá đưa vào chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu.

CHƯƠNG 4: NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ NGHIỆP VỤ

HẢI QUAN

4.1. Trị giá tính thuế đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu

- 4.1.1. Trị giá tính thuế đối với hàng hoá xuất khẩu

4.1.2. Trị giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu

4.2. Xuất xứ hàng hóa

4.2.1. Khái quát xuất xứ hàng hoá và quy tắc xác định xuất xứ hàng hoá.

4.2.2. Một số vấn đề về áp dụng quy tắc xuất xứ tại Việt Nam

4.3. Phân loại hàng hoá

4.3.1. Công ước HS (Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa)

4.3.2. Danh mục HS (Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa)

4.3.3. Danh mục hàng hoá và biểu thuế xuất, nhập khẩu Việt Nam

4.3.4. Nguyên tắc chung phân loại hàng hoá

4.3.5. Quy tắc phân loại hàng hoá

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Nguyễn Thừa Lộc (2008), *Giáo trình Luật hải quan Việt Nam và quốc tế*, Nxb. Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội;

[2] Nguyễn Thị Thương Huyền (2008), *Kỹ thuật nghiệp vụ hải quan và xuất, nhập khẩu - Lý thuyết và tình huống ứng dụng*, Nxb. Tài chính, Hà Nội.

[3] Luật hải quan năm 2014, Luật thương mại năm 2005, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2005 và năm 2016.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Những quy định mới của pháp luật Việt Nam về thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2006.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HẢI QUAN 1.1. Khái niệm hải quan, lịch sử hình thành và phát triển của hải quan Việt Nam 1.1.1. Khái niệm hải quan, 1.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của hải quan Việt Nam 1.2. Khái niệm và tính chất của thủ tục hải quan 1.2.1. Khái niệm thủ tục hải quan	2 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.	G2

	1.2.2. Tính chất của thủ tục hải quan			
2	TIẾP CHƯƠNG 1 ... 1.3. Chế độ kiểm tra, giám sát hải quan 1.3.1. Chế độ kiểm tra hải quan 1.3.2. Chế độ giám sát hải quan 1.3.3. Mối quan hệ giữa thủ tục hải quan và chế độ kiểm tra, giám sát hải quan	2 tiết lý thuyết	SV: trả lời câu hỏi đã giao từ buổi học trước của GV.	G2
3	CHƯƠNG 2. THỦ TỤC CHUNG VỀ HẢI QUAN 2.1. Khái niệm thủ tục hải quan 2.2. Nội dung thủ tục hải quan 2.2.1. Khai hải quan và chế độ đăng ký khai hải quan 2.2.2. Xuất trình đối tượng kiểm tra hải quan và chế độ kiểm tra đối chiếu hải quan 2.2.3. Nộp - thu thuế và nghĩa vụ tài chính khác 2.2.4. Thông quan hàng hoá và kiểm tra sau thông quan 2.2.5. Phúc tập hồ sơ hải quan	2 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, trả lời câu hỏi của GV.	G2
	Bài tập: Phúc lập hồ sơ hải quan trong trường hợp cụ thể	2 tiết bài tập	Các VS chuẩn bị bài và phát biểu theo nội dung câu hỏi của GV đưa ra từ buổi học trước.	G3
4	TIẾP CHƯƠNG 2 ... 2.3. Thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu 2.3.1. Sự phát triển của pháp luật Việt Nam về thủ tục hải quan điện tử 2.3.2. Đối tượng áp dụng thủ tục hải quan điện tử 2.3.3. Hồ sơ hải quan điện tử	2 tiết lý thuyết	SV: Lắng nghe, ghi chép và hỏi – đáp với GV trong phạm vi bài đã học.	G2

	<p>2.3.4. Thời gian khai và làm thủ tục hải quan điện tử</p> <p>2.3.5. Thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất nhập khẩu theo hợp đồng mua bán</p>			
5	<p>TIẾP CHƯƠNG 2 ...</p> <p>2.4. Cơ sở pháp lý điều chỉnh hoạt động hải quan Việt Nam</p> <p>2.4.1. Pháp luật trong nước của Việt Nam</p> <p>2.4.2. Điều ước quốc tế về hải quan mà Việt Nam là thành viên</p> <p>2.5. Luật hải quan của một số quốc gia trên thế giới</p> <p>2.5.1. Hoa Kỳ</p> <p>2.5.2. Cộng hòa Pháp</p> <p>2.5.3. Nhật Bản</p> <p>2.5.4. Trung Quốc</p>	2 tiết lý thuyết	SV: Lắng nghe, hỏi – đáp với GV trong phạm vi bài đã học.	G2
6	<p>CHƯƠNG 3. THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI</p> <p>3.1. Khái quát chung về thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại</p> <p>3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2. Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu</p> <p>3.2. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu thương mại</p> <p>3.2.1. Đối tượng kiểm tra, giám sát hải quan</p> <p>3.2.2. Chủ thể thực hiện</p>	2 tiết lý thuyết	SV: hỏi – đáp với GV trong phạm vi bài đã học.	G2
7	<p>TIẾP CHƯƠNG 3 ...</p> <p>3.3. Thủ tục hải quan đối với một số loại hàng hoá xuất, nhập khẩu</p>	2 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, chia nhóm,	G2

	<p>thương mại</p> <p>3.3.1. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán hàng hoá</p> <p>3.3.2. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài</p>		chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV trong tình huống pháp lý mà giảng viên giao.	
8	<p>TIẾP CHƯƠNG 3 ...</p> <p>3.3.3. Hàng hoá tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập</p> <p>3.3.4. Hàng hoá xuất, nhập khẩu kinh doanh theo loại hình xuất nhập khẩu biên giới, hàng hoá đưa vào chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu.</p>	2 tiết lý thuyết	SV: Hỏi – đáp những nội dung đã được GV giao từ buổi học trước	G2
9	<p>Bài tập:</p> <p>Tư vấn thủ tục hải quan đối với: Hàng hoá xuất, nhập khẩu kinh doanh theo loại hình xuất nhập khẩu biên giới, hàng hoá đưa vào chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu.</p>	2 tiết bài tập	Các VS chuẩn bị bài và phát biểu theo nội dung câu hỏi của GV đưa ra từ buổi học trước.	G3
10	<p>CHƯƠNG 4: NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ NGHIỆP VỤ HẢI QUAN</p> <p>4.1. Trị giá tính thuế đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu</p> <p>4.1.1. Trị giá tính thuế đối với hàng hoá xuất khẩu</p> <p>4.1.2. Trị giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu</p>	2 tiết lý thuyết	SV: Hỏi – đáp những nội dung đã được GV giao từ buổi học trước	G2
11	<p>Bài tập:</p> <p>Tư vấn thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu theo hợp đồng mua bán hàng hoá cụ thể;</p> <p>Tính thuế đối với hàng hóa (cụ thể) xuất khẩu đó.</p>	2 tiết bài tập	SV: Mỗi SV phải làm bài theo yêu cầu của GV. (Trình bày và giải thích tại sao)	G2 G3

12	TIẾP CHƯƠNG 4 ... 4.2. Xuất xứ hàng hóa 4.2.1. Khái quát xuất xứ hàng hoá và quy tắc xác định xuất xứ hàng hoá. 4.2.2. Một số vấn đề về áp dụng quy tắc xuất xứ tại Việt Nam	2 tiết lý thuyết	SV: Hỏi – đáp những nội dung đã được GV giao từ buổi học trước	G2
13	TIẾP CHƯƠNG 4 ... 4.3. Phân loại hàng hoá 4.3.1. Công ước HS (Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa) 4.3.2. Danh mục HS (Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa) 4.3.3. Danh mục hàng hoá và biểu thuế xuất, nhập khẩu Việt Nam	2 tiết lý thuyết	SV: Hỏi – đáp những nội dung đã được GV giao từ buổi học trước	G2
14	Bài tập: Tính giá trị thuế đối với hàng hóa nhập khẩu cụ thể cho khách hàng.	2 tiết bài tập	SV: Mỗi SV phải làm bài theo yêu cầu của GV. (Trình bày và giải thích tại sao SV lại làm như vậy).	G2 G3
G15	* Đối thoại, giải đáp thắc mắc, trả bài cho SV và công bố điểm quá trình của SV	2 tiết giải đáp thắc mắc cho SV	SV ghi chép, Hỏi và thảo luận.	G2

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải làm bài tập về nhà theo yêu cầu của giảng viên, tra cứu thêm tài liệu, thu thập bản án, đọc trước bài mới trước khi lên lớp.
- Sinh viên chuẩn bị thuyết trình theo chủ đề giảng viên giao trước.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	<i>Điểm quá trình</i>	0,4 (1.1 +1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0,1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0,3	
2. Đánh giá cuối kỳ	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0,6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ XUẤT KHẨU - NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về xuất nhập khẩu (tiếng Anh): Law on import and export	
- Mã số học phần: 844055	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	20
- Học phần tiên quyết:	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật (843069)
- Học phần song hành (nếu có):	0

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Trình bày được quá trình hình thành và phát triển Incoterms, Trình bày được định nghĩa tóm tắt các thuật ngữ, phân biệt và sử dụng được các điều khoản Incoterms. Trình bày được khái niệm những phương tiện thanh toán quốc tế, phân biệt và sử dụng được các loại phương tiện thanh toán quốc tế, hiểu được chế độ pháp lý về hợp đồng xuất nhập khẩu và các chứng từ cụ thể cùng với hiểu biết sâu sắc về các loại thuế xuất nhập khẩu. Hiểu được nội dung và quy trình thực hiện của từng phương thức trong số những phương thức thanh toán quốc tế được sử dụng trong ngoại thương. Phân tích và đánh giá được ưu nhược điểm của từng phương thức. Biết quyết định lựa chọn phù hợp từng phương thức thanh toán theo từng hoàn cảnh và tình huống áp dụng trong thực tế.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Người học hiểu được các thuật ngữ, phân biệt và sử dụng được các điều khoản Incoterms. Trình bày được khái niệm, phân biệt và sử dụng được các loại phương tiện thanh toán quốc tế, hiểu được chế độ pháp lý về hợp đồng xuất nhập khẩu và các chứng từ cụ thể cùng với hiểu biết sâu sắc về các loại thuế xuất nhập khẩu.

Về kỹ năng: Học xong học phần này, người học có thể tham khảo tài liệu, kỹ năng tìm kiếm, đọc văn bản quy phạm pháp luật, vận dụng giải quyết những tình huống xảy ra trên thực tế liên quan đến hoạt động trong hoạt động xuất nhập khẩu. Người học có khả năng tư vấn, soạn thảo tài liệu, điều hành các hoạt động xuất nhập khẩu tại các cơ quan chuyên môn.

Về thái độ: Từ việc có những kiến thức pháp luật về pháp luật hoạt động xuất nhập khẩu, góp phần vào việc hình thành, nâng cao ý thức pháp luật của người học; Tăng cường khả năng tư duy, ý thức, tinh thần học tập, lập luận, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đam mê khởi sự doanh nghiệp và có kỹ năng giải quyết tốt các tình huống pháp lý có liên quan.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày và đưa ra được ví dụ minh chứng cho khái niệm cũng như đối tượng và phạm vi áp dụng pháp luật xuất nhập khẩu.	2
G2	Xác định được các loại nguồn của pháp luật xuất nhập khẩu, thấy được mối liên hệ giữa các quy định của pháp luật có liên quan trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	2
G3	Người học hiểu biết được các hoạt động quản lý hành chính nhà nước nói chung và trong quản lý hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng.	2
G4	Biết được sự điều chỉnh pháp lý với các nhóm chủ thể cơ bản của pháp luật xuất nhập khẩu và việc xử lý các hành vi vi phạm.	
G5	Trình bày được vai trò của thanh toán xuất nhập khẩu đó là: Thanh toán xuất nhập khẩu là đòi hỏi tất yếu khách quan trong phát triển kinh tế; Là khâu quan trọng trong hoạt động xuất nhập khẩu; Là thước đo, là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh; Là một nghiệp vụ quan trọng trong hoạt động đối ngoại của ngân hàng.	2

G6	Có kỹ năng cần thiết khi sử dụng các loại chứng từ trong hoạt động xuất nhập khẩu.	3
G7	Nhận biết được các loại hợp đồng, hợp đồng chính là phương tiện để thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu, được điều chỉnh chặt chẽ và cụ thể của các quy phạm pháp luật.	3
G8	Trình bày được hệ thống hải quan trên thế giới và Việt Nam. Những vấn đề về trình tự, thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật nội địa và theo thông lệ quốc tế.	2
G9	Trình bày được điều kiện để hợp đồng xuất nhập khẩu có hiệu lực	3
G10	Biết cách soạn thảo hợp đồng xuất nhập khẩu	3
G11	Trình bày được sự phát triển của pháp luật Việt Nam về thủ tục hải quan điện tử; Đối tượng áp dụng thủ tục hải quan điện tử.	2
G12	Biết cách sử dụng và lập hồ sơ hải quan điện tử; Tư vấn làm thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất nhập khẩu theo hợp đồng mua bán; Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại.	2
G13	Nhận biết được hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài; Hàng hoá tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập; Hàng hoá xuất, nhập khẩu kinh doanh theo loại hình xuất nhập khẩu biên giới, hàng hoá đưa vào chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu.	2
G14	Biết tính thuế đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu (Trị giá tính thuế đối với hàng hoá xuất khẩu; Trị giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu).	3
G15	Biết vận dụng các quy định của Công ước HS (Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa); Danh mục HS (Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa); Danh mục hàng hoá và biểu thuế xuất, nhập khẩu Việt Nam để phân loại hàng hóa.	3

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ PHÁP LUẬT XUẤT NHẬP KHẨU

1.1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc pháp luật xuất nhập khẩu

1.1.1. Khái niệm pháp luật xuất nhập khẩu

1.1.2. Đặc điểm của pháp luật xuất nhập khẩu

1.1.3. Các nguyên tắc

1.2. Đối tượng, phương pháp điều chỉnh của pháp luật xuất nhập khẩu

1.2.1. Đối tượng của pháp luật xuất nhập khẩu

1.2.2. Phương pháp điều chỉnh của pháp luật xuất nhập khẩu

1.3. Nguồn của pháp luật xuất nhập khẩu

CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

2.1. Khái quát về quản lý hành chính trong hoạt động xuất nhập khẩu

2.1.1. Khái niệm về quản lý hành chính

2.1.2. Bộ máy quản lý hành chính trong hoạt động xuất nhập khẩu

2.2. Chủ thể hoạt động xuất nhập khẩu

2.3. Xử lý vi phạm trong hoạt động xuất nhập khẩu

2.3.1. Thẩm quyền của chủ thể xử lý vi phạm trong hoạt động xuất nhập khẩu

2.3.2. Các hình thức xử lý

CHƯƠNG 3. THANH TOÁN TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

3.1. Khái quát về thanh toán trong hoạt động xuất nhập khẩu

3.1.1. Khái niệm về thanh toán xuất nhập khẩu

3.1.2. Các điều kiện thanh toán xuất nhập khẩu

3.1.3. Vai trò của thanh toán xuất nhập khẩu

3.2. Những phương thức thanh toán quốc tế

3.2.1. Phương thức chuyển tiền

3.2.2. Phương thức nhờ thu

3.2.3. Phương thức tín dụng chứng từ

3.3. Những vấn đề pháp lý trong thanh toán quốc tế

3.3.1. Vai trò của hoạt động thanh toán quốc tế của các Ngân hàng thương mại

3.3.2. Cơ sở pháp lý điều chỉnh thanh toán quốc tế

CHƯƠNG 4. CHỨNG TỪ TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

4.1. Sự cần thiết của chứng từ xuất nhập khẩu.

4.2. Hệ thống các chứng từ xuất nhập khẩu

4.2.1. Khóa đơn thương mại

4.2.2. Vận đơn đường biển

4.2.3. Chứng từ bảo hiểm

4.2.4. Giấy chứng nhận chất lượng

4.2.5. Giấy chứng nhận xuất xứ

4.2.6. Giấy chứng nhận kiểm dịch

4.2.7. Giấy chứng nhận vệ sinh

4.2.8. Phiếu đóng gói

4.2. Các loại chứng từ khác

CHƯƠNG 5. HỢP ĐỒNG PHỔ BIẾN TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

5.1. Khái quát về hợp đồng xuất nhập khẩu

- 5.1.1. Khái niệm hợp đồng xuất nhập khẩu
- 5.1.2. Điều kiện để hợp đồng xuất nhập khẩu có hiệu lực
- 5.1.3. Vai trò của hợp đồng xuất nhập khẩu

5.2. Phân loại hợp đồng trong hoạt động xuất nhập khẩu

- 5.2.1. Xét theo thời gian thực hiện hợp đồng
- 5.2.2. Theo nội dung quan hệ kinh doanh
- 5.2.3. Theo hình thức hợp đồng

5.3. Những vấn đề pháp lý liên quan đến hợp đồng xuất nhập khẩu

- 5.3.1. Kết cấu của hợp đồng một văn bản
- 5.3.2. Nội dung và các điều khoản
- 5.3.3. Các bước cơ bản ký kết hợp đồng xuất nhập khẩu

CHƯƠNG 6. THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

6.1. Cơ sở pháp lý điều chỉnh hoạt động hải quan Việt Nam

- 1.4.1. Pháp luật trong nước của Việt Nam
- 1.4.2. Điều ước quốc tế về hải quan mà Việt Nam là thành viên

6.2. Thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu

- 6.2.1. Sự phát triển của pháp luật Việt Nam về thủ tục hải quan điện tử
- 6.2.2. Đối tượng áp dụng thủ tục hải quan điện tử
- 6.2.3. Hồ sơ hải quan điện tử
- 6.2.4. Thời gian khai và làm thủ tục hải quan điện tử
- 6.2.5. Thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất nhập khẩu theo hợp đồng mua bán

6.3. Thủ tục chung của hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại

- 6.3.1. Khái niệm
- 6.3.2. Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu

6.4. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu thương mại

- 6.4.1. Đối tượng kiểm tra, giám sát hải quan
- 6.4.2. Chủ thể thực hiện

6.5. Thủ tục hải quan đối với một số loại hàng hoá xuất, nhập khẩu thương mại cụ thể

- 6.5.1. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán hàng hoá
- 6.5.2. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài

6.5.3. Hàng hoá tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập

6.5.4. Hàng hoá xuất, nhập khẩu kinh doanh theo loại hình xuất nhập khẩu biên giới, hàng hoá đưa vào chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu

CHƯƠNG 7: NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ NGHIỆP VỤ HẢI QUAN

7.1. Trị giá tính thuế đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu

7.1.1. Trị giá tính thuế đối với hàng hoá xuất khẩu

7.2.2. Trị giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu:

7.2. Xuất xứ hàng hóa

7.2.1. Khái quát xuất xứ hàng hoá và quy tắc xác định xuất xứ hàng hoá.

7.2.2. Một số vấn đề về áp dụng quy tắc xuất xứ tại Việt Nam

7.3. Phân loại hàng hoá

7.3.1. Công ước HS (Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa)

7.3.2. Danh mục HS (Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa)

7.3.3. Danh mục hàng hoá và biểu thuế xuất, nhập khẩu Việt Nam

7.3.4. Nguyên tắc chung phân loại hàng hoá

7.3.5. Quy tắc phân loại hàng hoá

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Đoàn Thị Hồng Vân (2005), Giáo trình *Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương*, Nxb. Thống kê, Hà Nội;

[2] Nguyễn Thị Thương Huyền (2008), *Kỹ thuật nghiệp vụ hải quan và xuất, nhập khẩu - Lý thuyết và tình huống ứng dụng*, Nxb. Tài chính, Hà Nội.

[3] Luật Quản lý ngoại thương; Luật Hải quan hiện hành; Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] GS, TS Nguyễn Văn Tiến (2016), Giáo trình *Thanh toán quốc tế và Tài trợ ngoại thương*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ PHÁP LUẬT XUẤT NHẬP KHẨU 1.1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc pháp luật xuất nhập khẩu	2 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời	G2

	<p>1.1.1. Khái niệm pháp luật xuất nhập khẩu</p> <p>1.1.2. Đặc điểm của pháp luật xuất nhập khẩu</p> <p>1.1.3. Các nguyên tắc</p> <p>1.2. Đối tượng, phương pháp điều chỉnh của pháp luật xuất nhập khẩu</p> <p>1.2.1. Đối tượng của pháp luật xuất nhập khẩu</p> <p>1.2.2. Phương pháp điều chỉnh của pháp luật xuất nhập khẩu</p> <p>1.3. Nguồn của pháp luật xuất nhập khẩu</p>		<p>câu hỏi của GV.</p>	
2	<p>CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU</p> <p>2.1. Khái quát về quản lý hành chính trong hoạt động xuất nhập khẩu</p> <p>2.1.1. Khái niệm về quản lý hành chính</p> <p>2.1.2. Bộ máy quản lý hành chính trong hoạt động xuất nhập khẩu</p> <p>2.2. Chủ thể hoạt động xuất nhập khẩu</p> <p>2.3. Xử lý vi phạm trong hoạt động xuất nhập khẩu</p> <p>2.3.1. Thẩm quyền của chủ thể xử lý vi phạm trong hoạt động xuất nhập khẩu</p> <p>2.3.2. Các hình thức xử lý</p>	2 tiết lý thuyết	<p>SV: trả lời câu hỏi đã giao từ buổi học trước của GV.</p>	G2
3	<p>Bài tập tình huống pháp luật:</p> <p>Về xử lý vi phạm trong hoạt động xuất nhập khẩu</p>	2 tiết bài tập	<p>SV: Ghi chép, làm bài theo nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV.</p>	G3

			Phân vai diễn: Một bên là người có hành vi vi phạm trong hoạt động xuất nhập khẩu – một bên là đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành các bước xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.	
4	<p align="center">CHƯƠNG 4. CHỨNG TỪ TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU</p> <p>4.1. Sự cần thiết của chứng từ xuất nhập khẩu.</p> <p>4.2. Hệ thống các chứng từ xuất nhập khẩu</p> <p>4.2.1. Khóa đơn thương mại</p> <p>4.2.2. Vận đơn đường biển</p> <p>4.2.3. Chứng từ bảo hiểm</p> <p>4.2.4. Giấy chứng nhận chất lượng</p> <p>4.2.5. Giấy chứng nhận xuất xứ</p> <p>4.2.6. Giấy chứng nhận kiểm dịch</p> <p>4.2.7. Giấy chứng nhận vệ sinh</p> <p>4.2.8. Phiếu đóng gói</p> <p>4.2. Các loại chứng từ khác</p>	2 tiết lý thuyết	SV: lắng nghe, ghi chép và hỏi – đáp với GV trong phạm vi bài đã học.	G3
5	<p align="center">CHƯƠNG 5. HỢP ĐỒNG PHÓ BIÊN TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU</p> <p>5.1. Khái quát về hợp đồng xuất nhập khẩu</p>	2 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV trong tình	G2

	<p>5.1.1. Khái niệm hợp đồng xuất nhập khẩu</p> <p>5.1.2. Điều kiện để hợp đồng xuất nhập khẩu có hiệu lực</p> <p>5.1.3. Vai trò của hợp đồng xuất nhập khẩu</p> <p>5.2. Phân loại hợp đồng trong hoạt động xuất nhập khẩu</p> <p>5.2.1. Xét theo thời gian thực hiện hợp đồng</p> <p>5.2.2. Theo nội dung quan hệ kinh doanh</p> <p>5.2.3. Theo hình thức hợp đồng</p>		<p>huống pháp lý mà giảng viên giao.</p>	
6	<p>TIẾP CHƯƠNG 5 ...</p> <p>5.2. Phân loại hợp đồng trong hoạt động xuất nhập khẩu</p> <p>5.2.1. Xét theo thời gian thực hiện hợp đồng</p> <p>5.2.2. Theo nội dung quan hệ kinh doanh</p> <p>5.2.3. Theo hình thức hợp đồng</p>	2 tiết lý thuyết	<p>SV: Ghi chép, chia nhóm, chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV trong tình huống pháp lý mà giảng viên giao.</p>	G2
7	<p>Bài tập</p> <p>Soạn thảo hợp đồng xuất khẩu (đối tượng hợp đồng do GV chọn)</p>	2 tiết bài tập	<p>SV: Mỗi SV phải làm bài theo yêu cầu của GV. (Trình bày và giải thích tại sao SV lại làm như vậy).</p>	G2 G3
8	<p>CHƯƠNG 6. THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU</p> <p>6.1. Cơ sở pháp lý điều chỉnh hoạt động hải quan Việt Nam</p> <p>1.4.1. Pháp luật trong nước của Việt Nam</p> <p>1.4.2. Điều ước quốc tế về hải quan</p>	2 tiết lý thuyết	<p>SV: Hỏi – đáp những nội dung đã được GV giao từ buổi học trước</p>	G2

	mà Việt Nam là thành viên			
9	<p>6.2. Thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu</p> <p>6.2.1. Sự phát triển của pháp luật Việt Nam về thủ tục hải quan điện tử</p> <p>6.2.2. Đối tượng áp dụng thủ tục hải quan điện tử</p> <p>6.2.3. Hồ sơ hải quan điện tử</p> <p>6.2.4. Thời gian khai và làm thủ tục hải quan điện tử</p> <p>6.2.5. Thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất nhập khẩu theo hợp đồng mua bán</p>	2 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, trả lời câu hỏi của GV.	G2;
10	<p>Bài tập:</p> <p>Lập hồ sơ hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất nhập khẩu theo hợp đồng mua bán cụ thể.</p>	2 tiết bài tập	SV: Phân vai diễn về việc tư vấn: Lập hồ sơ hải quan điện tử đối với hàng hoá xuất nhập khẩu theo hợp đồng mua bán cụ thể, đã được GV giao trước.	G2; G3
11	<p>TIẾP CHƯƠNG 6 ...</p> <p>6.3. Thủ tục chung của hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại</p> <p>6.3.1. Khái niệm</p> <p>6.3.2. Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu</p> <p>6.4. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu thương mại</p> <p>6.4.1. Đối tượng kiểm tra, giám sát hải quan</p> <p>6.4.2. Chủ thể thực hiện</p>	2 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, trả lời câu hỏi của GV.	G2
12	TIẾP CHƯƠNG 6 ...			

	<p>6.5. Thủ tục hải quan đối với một số loại hàng hoá xuất, nhập khẩu thương mại cụ thể</p> <p>6.5.1. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán hàng hoá</p> <p>6.5.2. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài</p> <p>6.5.3. Hàng hoá tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập</p> <p>6.5.4. Hàng hoá xuất, nhập khẩu kinh doanh theo loại hình xuất nhập khẩu biên giới, hàng hoá đưa vào chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu</p>	2 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, làm bài tập về nhà (nội dung do GV giao)	G2
13	<p>Bài tập</p> <p>Tư vấn thủ tục hải quan đối với Hàng hoá xuất khẩu hoặc nhập khẩu để thực hiện hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài</p>	2 tiết bài tập	SV: Phân vai diễn về việc tư vấn: Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, hoặc nhập khẩu (cho SV quyền chọn) để thực hiện hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài cụ thể, đã được GV giao trước.	G2; G3
14	<p>CHƯƠNG 7: NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ NGHIỆP VỤ HẢI QUAN</p> <p>7.1. Trị giá tính thuế đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu</p> <p>7.1.1. Trị giá tính thuế đối với hàng hoá xuất khẩu</p>	2 tiết lý thuyết	SV: Ghi chép, làm bài tập về nhà (nội dung do GV giao)	G2

	<p>7.2.2. Trị giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu:</p> <p>7.2. Xuất xứ hàng hóa</p> <p>7.2.1. Khái quát xuất xứ hàng hoá và quy tắc xác định xuất xứ hàng hoá.</p> <p>7.2.2. Một số vấn đề về áp dụng quy tắc xuất xứ tại Việt Nam</p> <p>7.3. Phân loại hàng hoá</p> <p>7.3.1. Công ước HS (Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa)</p> <p>7.3.2. Danh mục HS (Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa)</p> <p>7.3.3. Danh mục hàng hoá và biểu thuế xuất, nhập khẩu Việt Nam</p> <p>7.3.4. Nguyên tắc chung phân loại hàng hoá</p> <p>7.3.5. Quy tắc phân loại hàng hoá</p>			
G15	<p>Bài tập:</p> <p>Tính giá trị thuế đối với hàng hóa nhập khẩu cụ thể cho khách hàng.</p> <p>* Đối thoại, giải đáp thắc mắc, trả bài cho SV và công bố điểm quá trình.</p>	1 tiết bài tập + 1 tiết giải đáp thắc mắc cho SV	SV ghi chép, Hỏi và thảo luận.	G2

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải làm bài tập về nhà theo yêu cầu của giảng viên, tra cứu thêm tài liệu, thu thập bản án, đọc trước bài mới trước khi lên lớp.
- Sinh viên chuẩn bị thuyết trình theo chủ đề giảng viên giao trước.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
-----------------------	-----------------------	----------	--------------------

1. Đánh giá quá trình	<i>Điểm quá trình</i>	0,4 (1.1 +1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0,1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0,3	
2. Đánh giá cuối kỳ	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0,6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: [anhhtv1234@gmail.com/](mailto:anhhtv1234@gmail.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ HÀNG HẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về hàng hải (tiếng Anh): Maritime law	
- Mã số học phần: 844056	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần học trước:	Luật Dân sự HP1 (843029)
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Môn học Pháp luật hàng hải mô tả những kiến thức cơ bản về pháp luật hàng hải gồm thương mại hàng hải, vận chuyển hàng hải, thủy thủ, cứu hộ hàng hải, kháng nghị hàng hải, các loại hợp đồng trong lĩnh vực hàng hải, giải quyết tranh chấp trong hoạt động hàng hải. Sau khi học xong, sinh viên sẽ có trình độ tư vấn, đàm phán áp dụng vào thực tiễn giải quyết dựa trên các quy tắc và hướng dẫn của luật hàng hải.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Môn học Pháp luật hàng hải trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật nói chung và những kiến thức cần thiết của Luật Hàng hải nói riêng để vận dụng trong công tác sau này trong quá trình sản xuất vận tải biển trong và ngoài nước, đặc biệt trong thương mại quốc tế bằng đường biển.

Về kỹ năng: Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể liên quan đến ngành điều khiển tàu biển những kiến thức về kinh tế vận tải biển, các hình thức tổ chức khai thác tàu và nghiệp vụ thác thượng vụ vận tải biển.

Về thái độ:

- Hình thành sự chủ động trong bổ sung, củng cố và nâng cao trình độ nhận thức của người học về các vấn đề quy định của pháp luật.

- Chủ động vận dụng kiến thức đã học để phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan trong thực tiễn về Hàng Hải.

- Hình thành tính tự tin, bản lĩnh cho sinh viên.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm và chế độ pháp lý của vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia và vùng biển thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia; Trình bày chế độ pháp lý của vùng biển quốc tế và cảng biển. Vận dụng nội dung lý thuyết để giải quyết trường hợp thực tiễn quan hệ quốc tế hiện nay về tranh chấp đảo, các hoạt động trên biển.	3
G2	Trình bày được đối tượng áp dụng, nguyên tắc hoạt động hàng hải và quản lý nhà nước đối với hàng hải	2
G3	Trình bày được kiến thức cơ bản về tàu biển	2
G4	Trình bày an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, lao động hàng hải và bảo vệ môi trường; Trình bày nội dung về kháng nghị hàng hải, trục vớt tài sản chìm đắm.	2
G5	Trình bày và phân tích được các loại hợp đồng trong lĩnh vực hàng hải; Soạn thảo được hợp đồng trong lĩnh vực hàng hải	4
G6	Hiểu và biết được về hoa tiêu hàng hải	2
G7	Nắm vững và áp dụng giải quyết trong thực tiễn về tai nạn đâm va, tổn thất chung, tổn thất riêng và Giới hạn trách nhiệm dân sự đối với các khiếu nại hàng hải	4

G8	Nắm vững các trường hợp bắt giữ tàu biển và áp dụng trong thực tiễn	4
G9	Giải quyết tranh chấp trong hoạt động hàng hải	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 LUẬT BIỂN

1.1. Nội thủy

- 1.1.1. Khái niệm nội thủy
- 1.1.2. Chế độ pháp lý của nội thủy.
- 1.1.3. Cảng biển

1.2. Lãnh hải

- 1.2.1. Khái niệm lãnh hải
- 1.2.2. Đường cơ sở dùng để xác định lãnh hải
- 1.2.3. Chế độ pháp lý của lãnh hải

1.3. Vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa

- 1.3.1. Vùng tiếp giáp lãnh hải
- 1.3.2. Vùng đặc quyền kinh tế
- 1.3.3. Thềm lục địa

1.4. Vùng biển quốc tế

- 1.4.1. Khái niệm về vùng biển quốc tế
- 1.4.2. Chế độ pháp lý về vùng biển quốc tế
- 1.4.3. Các eo biển và kênh đào quốc tế

CHƯƠNG 2 KHÁI LUẬN CHUNG VỀ PHÁP LUẬT HÀNG HẢI

2.1. Khái niệm

2.2. Đối tượng áp dụng

2.3. Nguyên tắc hoạt động hàng hải

2.4. Quản lý nhà nước về hoạt động hàng hải

- 2.4.1. Chính sách của nhà nước
- 2.4.2. Nội dung quản lý nhà nước về hàng hải
- 2.4.3. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng hải
- 2.4.4. Thanh tra hàng hải
- 2.4.5. Các hành vi bị nghiêm cấm

CHƯƠNG 3 TÀU BIỂN

3.1. Khái niệm

3.2. Đăng ký tàu biển

3.2.1. Khái niệm

3.2.3. Hình thức

3.2.3. Nguyên tắc đăng ký tàu biển

3.2.4. Điều kiện đăng ký tài biển

3.2.5. Trách nhiệm của chủ tàu

3.2.6. Xóa đăng ký tàu biển

3.3. Đăng kiểm tàu biển

3.3.1. Nguyên tắc đăng kiểm

3.3.3. Các loại tàu biển phải đăng kiểm

3.3.3. Trách nhiệm đăng kiểm tàu biển

3.4. Giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển

3.5. Chuyển quyền sở hữu và thế chấp tàu biển

3.5.1. Chuyển quyền sở hữu tàu biển

3.5.2. Thế chấp tàu biển

3.6. Quyền cầm giữ tàu biển

3.6.1. Khái niệm

3.6.2. Khiếu nại hàng hải làm phát sinh quyền cầm giữ hàng hải

3.6.3. Thời hiệu quyền cầm giữ hàng hải

3.7. Đóng mới và sửa chữa tàu biển

3.8. Phá dỡ tàu biển

3.9. Thuyền bộ và thuyền viên

3.9.1. Thuyền bộ

3.9.2. Thuyền viên

CHƯƠNG 4

AN TOÀN HÀNG HẢI, AN NINH HÀNG HẢI, LAO ĐỘNG HÀNG HẢI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

4.1. Bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, lao động hàng hải

4.2. Kháng nghị hàng hải

4.2.1. Khái niệm

4.2.2. Giá trị pháp lý của kháng nghị hàng hải

4.2.3. Thời hạn trình kháng nghị hàng hải

4.3. Cứu hộ hàng hải

4.4. Trục vớt tài sản chìm đắm

4.5. Bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng hải

CHƯƠNG 5

CÁC LOẠI HỢP ĐỒNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI

5.1. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Các loại hợp đồng

5.1.3. Chủ thể

5.1.4. Chứng từ vận chuyển

5.1.5. Nghĩa vụ của người vận chuyển, miễn trách nhiệm của người vận chuyển

5.1.6. Giới hạn trách nhiệm của người vận chuyển, mất quyền giới hạn trách nhiệm của người vận chuyển

5.1.7. Nghĩa vụ người giao hàng, miễn trách nhiệm người giao hàng

5.1.8. Vận đơn

5.1.9. Nội dung các loại hợp đồng cụ thể

5.2. Hợp đồng vận chuyển hành khách và hành lý bằng đường biển

5.2.1. Khái niệm

5.2.2. Quyền và nghĩa vụ của hành khách

5.2.3. Nghĩa vụ và quyền của người vận chuyển

5.2.4. Trách nhiệm của người vận chuyển và người vận chuyển thực tế

5.2.5. Thời hiệu khởi kiện về vận chuyển hành khách và hành lý

5.3. Hợp đồng thuê tàu

5.3.1. Khái niệm

5.3.2. Hình thức

5.3.3. Nội dung

5.4. Hợp đồng bảo hiểm hàng hải

5.4.1. Khái niệm

5.4.2. Đối tượng bảo hiểm

5.4.3. Nghĩa vụ của người được bảo hiểm

5.4.4. Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm

5.4.5. Chuyển nhượng theo hợp đồng bảo hiểm

5.4.6. Thực hiện hợp đồng

5.4.7. Chuyển quyền đòi bồi thường

5.4.8. Từ bỏ đối tượng bảo hiểm

5.4.9. Giải quyết bồi thường

5.5. Hợp đồng lai rết tàu biển

5.5.1. Khái niệm

5.5.2. Nghĩa vụ của các bên

5.6. Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải

5.6.1. Đại lý tàu biển

5.6.2. Môi giới hàng hải

**CHƯƠNG 6
HOA TIÊU HÀNG HẢI**

- 6.1. Chế độ đối với hoa tiêu hàng hải
- 6.2. Địa vị pháp lý của hoa tiêu hàng hải
- 6.3. Điều kiện hành nghề và quyền nghĩa vụ của hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu
- 6.4. Nghĩa vụ của thuyền trưởng và chủ tàu
- 6.5. Trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải khi xảy ra tổn thất do lỗi dẫn tàu

**CHƯƠNG 7
TAI NẠN ĐÂM VA, TỔN THẤT CHUNG, TỔN THẤT RIÊNG VÀ GIỚI HẠN
TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ ĐỐI VỚI CÁC KHIẾU NẠI HÀNG HẢI**

- 7.1. Tai nạn đâm va
- 7.2. Tổn thất chung, tổn thất riêng
- 7.3. Giới hạn trách nhiệm dân sự đối với các khiếu nại hàng hải

**CHƯƠNG 8
BẮT GIỮ TÀU BIỂN**

- 8.1. Khái niệm
- 8.2. Thẩm quyền bắt giữ tàu biển
- 8.3. Nghĩa vụ của chủ tài sản trong thời gian tàu biển bị bắt giữ
- 8.4. Bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải

**CHƯƠNG 9
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HÀNG HẢI**

- 9.1. Khái niệm chung
- 9.2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp hàng hải
- 9.3. Cơ quan giải quyết tranh chấp hàng hải
- 9.4. Luật áp dụng giải quyết tranh chấp hàng hải

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Tiểu Văn Kinh (2006), *Sổ tay hàng hải (Tập 1&2)*, Giao thông vận tải.

[2] Đại học Hàng Hải (2008), *Giáo trình pháp luật về hàng hải*.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3] Nguyễn Chúng (2005), *Kinh nghiệm thực tế giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại- hàng hải*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4] Nguyễn Như Tiến (2005), *Tranh chấp và giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thuê tàu chuyển* (Sách chuyên khảo), Nxb. Giao thông vận tải, Hà Nội.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1 LUẬT BIỂN</p> <p>1.1. Nội thủy 1.1.1. Khái niệm nội thủy 1.1.2. Chế độ pháp lý của nội thủy. 1.1.3. Cảng biển</p> <p>1.2. Lãnh hải 1.2.1. Khái niệm lãnh hải 1.2.2. Đường cơ sở dùng để xác định lãnh hải 1.2.3. Chế độ pháp lý của lãnh hải</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G1
2	<p>1.3. Vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa 1.3.1. Vùng tiếp giáp lãnh hải 1.3.2. Vùng đặc quyền kinh tế 1.3.3. Thềm lục địa</p> <p>1.4. Vùng biển quốc tế 1.4.1. Khái niệm về vùng biển quốc tế 1.4.2. Chế độ pháp lý về vùng biển quốc tế 1.4.3. Các eo biển và kênh đào quốc tế</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G1
3	<p>CHƯƠNG 2 KHÁI LUẬN CHUNG VỀ PHÁP LUẬT HÀNG HẢI</p> <p>2.1. Khái niệm 2.2. Đối tượng áp dụng 2.3. Nguyên tắc hoạt động hàng hải 2.4. Quản lý nhà nước về hoạt động hàng hải 2.4.1. Chính sách của nhà nước</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G2

	<p>2.4.2. Nội dung quản lý nhà nước về hàng hải</p> <p>2.4.3. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng hải</p> <p>2.4.4. Thanh tra hàng hải</p> <p>2.4.5. Các hành vi bị nghiêm cấm</p>			
4	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG 3</p> <p style="text-align: center;">TÀU BIỂN</p> <p>3.1. Khái niệm</p> <p>3.2. Đăng ký tàu biển</p> <p>3.2.1. Khái niệm</p> <p>3.2.3. Hình thức</p> <p>3.2.3. Nguyên tắc đăng ký tàu biển</p> <p>3.2.4. Điều kiện đăng ký tàu biển</p> <p>3.2.5. Trách nhiệm của chủ tàu</p> <p>3.2.6. Xóa đăng ký tàu biển</p> <p>3.3. Đăng kiểm tàu biển</p> <p>3.3.1. Nguyên tắc đăng kiểm</p> <p>3.3.3. Các loại tàu biển phải đăng kiểm</p> <p>3.3.3. Trách nhiệm đăng kiểm tàu biển</p> <p>3.4. Giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển</p> <p>3.5. Chuyển quyền sở hữu và thế chấp tàu biển</p> <p>3.5.1. Chuyển quyền sở hữu tàu biển</p> <p>3.5.2. Thế chấp tàu biển</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	<p>Đọc văn bản pháp luật</p> <p>Làm nhận định</p>	G3
5	<p>3.6. Quyền cầm giữ tàu biển</p> <p>3.6.1. Khái niệm</p> <p>3.6.2. Khiếu nại hàng hải làm phát sinh quyền cầm giữ hàng hải</p> <p>3.6.3. Thời hiệu quyền cầm giữ hàng hải</p> <p>3.7. Đóng mới và sửa chữa tàu biển</p> <p>3.8. Phá dỡ tàu biển</p> <p>3.9. Thuyền bộ và thuyền viên</p> <p>3.9.1. Thuyền bộ</p> <p>3.9.2. Thuyền viên</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	<p>Đọc văn bản pháp luật</p> <p>Làm nhận định</p>	G3

6	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG 4</p> <p style="text-align: center;">AN TOÀN HÀNG HẢI, AN NINH HÀNG HẢI, LAO ĐỘNG HÀNG HẢI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</p> <p>4.1. Bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, lao động hàng hải</p> <p>4.2. Kháng nghị hàng hải</p> <p>4.2.1. Khái niệm</p> <p>4.2.2. Giá trị pháp lý của kháng nghị hàng hải</p> <p>4.2.3. Thời hạn trình kháng nghị hàng hải</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G4
7	<p>4.3. Cứu hộ hàng hải</p> <p>4.4. Trục vớt tài sản chìm đắm</p> <p>4.5. Bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng hải</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G4
8	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG 5</p> <p style="text-align: center;">CÁC LOẠI HỢP ĐỒNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI</p> <p>5.1. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển</p> <p>5.1.1. Khái niệm</p> <p>5.1.2. Các loại hợp đồng</p> <p>5.1.3. Chủ thể</p> <p>5.1.4. Chứng từ vận chuyển</p> <p>5.1.5. Nghĩa vụ của người vận chuyển, miễn trách nhiệm của người vận chuyển</p> <p>5.1.6. Giới hạn trách nhiệm của người vận chuyển, mất quyền giới hạn trách nhiệm</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G5
9	<p>5.2. Hợp đồng vận chuyển hành khách và hành lý bằng đường biển</p> <p>5.2.1. Khái niệm</p> <p>5.2.2. Quyền và nghĩa vụ của hành khách</p> <p>5.2.3. Nghĩa vụ và quyền của người vận chuyển</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G5

	<p>5.2.4. Trách nhiệm của người vận chuyển và người vận chuyển thực tế</p> <p>5.2.5. Thời hiệu khởi kiện về vận chuyển hành khách và hành lý</p>			
10	<p>5.3. Hợp đồng thuê tàu</p> <p>5.3.1. Khái niệm</p> <p>5.3.2. Hình thức</p> <p>5.3.3. Nội dung</p> <p>5.4. Hợp đồng bảo hiểm hàng hải</p> <p>5.4.1. Khái niệm</p> <p>5.4.2. Đối tượng bảo hiểm</p> <p>5.4.3. Nghĩa vụ của người được bảo hiểm</p> <p>5.4.4. Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm</p> <p>5.4.5. Chuyển nhượng theo hợp đồng bảo hiểm</p> <p>5.4.6. Thực hiện hợp đồng</p> <p>5.4.7. Chuyển quyền đòi bồi thường</p> <p>5.4.8. Từ bỏ đối tượng bảo hiểm</p> <p>5.4.9. Giải quyết bồi thường</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	<p>Đọc văn bản pháp luật</p> <p>Làm nhận định + bài tập</p>	G5
11	<p>5.5. Hợp đồng lai rớt tàu biển</p> <p>5.5.1. Khái niệm</p> <p>5.5.2. Nghĩa vụ của các bên</p> <p>5.6. Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải</p> <p>5.6.1. Đại lý tàu biển</p> <p>5.6.2. Môi giới hàng hải</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	<p>Đọc văn bản pháp luật</p> <p>Làm nhận định</p>	G5
12	<p>CHƯƠNG 6</p> <p>HOA TIÊU HÀNG HẢI</p> <p>6.1. Chế độ đối với hoa tiêu hàng hải</p> <p>6.2. Địa vị pháp lý của hoa tiêu hàng hải</p> <p>6.3. Điều kiện hành nghề và quyền nghĩa vụ của hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu</p> <p>6.4. Nghĩa vụ của thuyền trưởng và chủ tàu</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	<p>Đọc văn bản pháp luật</p> <p>Làm nhận định + bài tập</p>	G6

	6.5. Trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải khi xảy ra tổn thất do lỗi dẫn tàu			
13	<p align="center">CHƯƠNG 7</p> <p align="center">TAI NẠN ĐÂM VA, TỔN THẤT CHUNG, TỔN THẤT RIÊNG VÀ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ ĐỐI VỚI CÁC KHIẾU NẠI HÀNG HẢI</p> <p>7.1. Tai nạn đâm va 7.2. Tổn thất chung, tổn thất riêng 7.3. Giới hạn trách nhiệm dân sự đối với các khiếu nại hàng hải</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G7
14	<p align="center">CHƯƠNG 8</p> <p align="center">BẮT GIỮ TÀU BIỂN</p> <p>8.1. Khái niệm 8.2. Thẩm quyền bắt giữ tàu biển 8.3. Nghĩa vụ của chủ tài sản trong thời gian tàu biển bị bắt giữ 8.4. Bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G8
15	<p align="center">CHƯƠNG 9</p> <p align="center">GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HÀNG HẢI</p> <p>9.1. Khái niệm chung 9.2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp hàng hải 9.3. Cơ quan giải quyết tranh chấp hàng hải 9.4. Luật áp dụng giải quyết tranh chấp hàng hải</p>	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G9

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải học các môn Luật thương mại quốc tế, Công pháp quốc tế, Luật biển quốc tế, Tư pháp quốc tế.
- Làm bài tập và nhận định đầy đủ

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Phạm Thị Hồng My

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CỦA WTO VÀ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về chống bán phá giá của WTO và Việt Nam (tiếng Anh): Law on anti-dumping of WTO and Vietnam	
- Mã số học phần: 844057	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Tư pháp quốc tế (843310)
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Nội dung của học phần pháp luật về chống bán phá giá trong WTO và Việt Nam sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các quy định của pháp luật quốc tế về bán phá giá và chống bán phá giá của WTO và Việt Nam. Từ đó, giúp sinh viên củng cố lại kiến thức đã học, mở rộng kiến thức, tăng cường khả năng liên hệ, tư duy, vận dụng giải quyết những tình huống đặt ra một cách hiệu quả.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Nội dung của học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về WTO: lịch sử hình thành và phát triển của WTO, quan điểm của wto về bán phá giá, thủ tục, điều kiện và nguyên tắc thực hiện áp thuế bán phá giá.

Về kỹ năng: Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về những kiến thức lý luận và pháp lý về bán phá giá, những điều kiện, cơ chế áp dụng thuế chống bán phá giá sẽ giúp sinh viên tăng cường những kỹ năng trong đàm phán, giao kết hợp đồng thương mại quốc tế

cũng như việc tiến hành các thủ tục để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng khi bị xâm hại, góp phần nâng cao trình độ, tăng cường trao đổi kỹ năng xác định đúng loại quan hệ pháp luật và vận dụng kiến thức pháp luật giải quyết tốt hơn các tình huống đặt ra.

Về thái độ: Học phần sẽ góp phần nâng cao trình độ, ý thức pháp luật của sinh viên, tăng cường khả năng tư duy, ý thức, tinh thần học tập, lập luận, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đam mê khởi nghiệp, ý thức xây dựng pháp luật và phát triển đất nước.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Nắm rõ những vấn đề chung về WTO và giải quyết tranh chấp tại WTO	2
G2	Nắm rõ quy định của pháp luật WTO về bán phá giá	2
G3	Nắm rõ quy định của pháp luật Việt Nam về bán phá giá	2
G4	So sánh quy định của Việt Nam và WTO về bán phá giá	4
G5	Đánh giá quy định pháp luật vào 1 số vụ việc bán phá giá cụ thể	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ WTO VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TẠI WTO

- 1.1. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của WTO
- 1.2. Quan điểm của WTO về bán phá giá
- 1.3. Các hình thức của bán phá giá
 - 1.3.1. Bán dưới giá thành
 - 1.3.2. Phân biệt giá quốc tế
- 1.4. Những ảnh hưởng của bán phá giá
- 1.5. Khái niệm pháp luật chống bán phá giá hàng hóa
- 1.6. Vai trò của pháp luật chống bán phá giá hàng hóa

CHƯƠNG 2

PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ TRONG WTO

- 2.1. Khái niệm hành vi bán phá giá
- 2.2. Điều kiện áp dụng biện pháp chống bán phá giá
- 2.3. Quy trình điều tra vụ việc chống bán phá giá
 - 2.3.1. Căn cứ tiến hành điều tra

- 2.3.2. Nội dung điều tra
- 2.3.3. Áp dụng biện pháp chống bán phá giá
- 2.3.4. Rà soát việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá

CHƯƠNG 3

PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CỦA VIỆT NAM

- 3.1. Khái niệm biện pháp chống bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam**
- 3.2. Điều kiện áp dụng biện pháp chống bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam**
- 3.3. Quy trình điều tra vụ việc chống bán phá giá**
 - 3.4.1. Căn cứ tiến hành điều tra
 - 3.4.2. Nội dung điều tra
 - 3.4.3. Áp dụng biện pháp chống bán phá giá
 - 3.4.4. Rà soát việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá
- 3.4. Khiếu nại, khởi kiện, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm**
 - 3.4.1. Khiếu nại, khởi kiện
 - 3.4.2. Giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2016), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế*, NXB. Hồng Đức.

[2] Trần Việt Dũng, Trần Thị Thùy Dương (2013), *Tìm hiểu luật WTO qua một số vụ kiện về chống bán phá giá*, NXB. Hồng Đức.

[3] Tập văn bản pháp luật phục vụ cho học phần của giảng viên

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Thanh Thu, Đoàn Thị Hồng Vân, Nguyễn Đông Phong (2009), *Cẩm nang phòng ngừa và đối phó với các vụ kiện chống bán phá giá đối với hàng xuất khẩu Việt Nam dành cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu*, NXB. Lao Động.

[5] trungtamwto.vn

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ WTO VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TẠI WTO	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G1

	1.1. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của WTO 1.2. Quan điểm của WTO về bán phá giá			
2	1.3. Các hình thức của bán phá giá 1.3.1. Bán dưới giá thành 1.3.2. Phân biệt giá quốc tế	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G1
3	1.5. Khái niệm pháp luật chống bán phá giá hàng hóa 1.6. Vai trò của pháp luật chống bán phá giá hàng hóa	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G1
4	CHƯƠNG 2 PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ TRONG WTO 2.1. Khái niệm hành vi bán phá giá 2.2. Điều kiện áp dụng biện pháp chống bán phá giá	2 tiết lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G2
5	2.3. Quy trình điều tra vụ việc chống bán phá giá 3.4.1. Căn cứ tiến hành điều tra 3.4.2. Nội dung điều tra	2 tiết lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G2
6	3.4.3. Áp dụng biện pháp chống bán phá giá	2 tiết lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G2
7	3.4.4. Rà soát việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá	2 tiết lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G5
8	Thảo luận nội dung Chương 2 Nhận định Bài tập Bình luận án	2 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G5

	CHƯƠNG 3 PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CỦA VIỆT NAM			
9	3.1. Khái niệm hành vi bán phá giá 3.2. Điều kiện áp dụng biện pháp chống bán phá giá	2 tiết lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G3
10	3.3. Quy trình điều tra vụ việc chống bán phá giá 3.4.1. Căn cứ tiến hành điều tra 3.4.2. Nội dung điều tra	2 tiết lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G3
11	3.4.3. Áp dụng biện pháp chống bán phá giá 3.4.4. Rà soát việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá	1 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G3
12	3.4. Khiếu nại, khởi kiện, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm 3.4.1. Khiếu nại, khởi kiện	2 tiết lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G3
13	3.4.2. Giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm	1 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G3
14	Thảo luận nội dung chương 3 về chống bán phá giá của Việt Nam Nhận định Bài tập Bình luận án	2 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G4 G5
15	Thảo luận toàn bộ nội dung học phần Nhận định Bài tập	2 tiết thảo luận	Làm nhận định + bài tập	G4 G5

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Đọc tài liệu trước ở nhà
- Làm bài tập và nhận định đầy đủ

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Phạm Thị Hồng My

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI VIỆT NAM – HOA KỲ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ (tiếng Anh): Agreement between the United States of America and The Socialist Republic of Vietnam on Trade relations	
- Mã số học phần: 844058	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Tư pháp Quốc tế (843310)
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về nội dung cơ bản của Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ và đánh giá quá trình thực thi các cam kết; qua đó, tăng cường nhận thức và sự hiểu biết của sinh viên về mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Sinh viên được trang bị các kiến thức về nội dung cơ bản của Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ: quá trình ra đời của Hiệp định, vai trò, nguyên tắc, các nội dung chính; về hoạt động thương mại hàng hóa; quyền sở hữu trí tuệ; thương mại dịch vụ; phát triển quan hệ đầu tư; về vấn đề xây dựng và tạo thuận lợi cho hoạt

động kinh doanh, giải quyết xung đột giữa các quy định; về các quy định liên quan đến tính minh bạch, công khai về quyền khiếu kiện; và những điều khoản chung.

Về kỹ năng: Nâng cao khả năng tư duy, kỹ năng thuyết trình, viết và kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan đến nội dung và vấn đề thực thi Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ.

Về thái độ: Sinh viên có thái độ đúng đắn khi nghiên cứu các vấn đề liên quan đến mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ và tiến trình thực hiện Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ; xây dựng ý thức công dân tốt và nhận thức đúng đắn vai trò của người trẻ trong quá trình Việt Nam hội nhập với khu vực và thế giới.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Nắm rõ sự ra đời, vai trò, các nguyên tắc ký kết và các nội dung chính của hiệp định thương mại	2
G2	Nắm rõ nội dung về thương mại hàng hóa	2
G3	Nắm rõ nội dung về quyền sở hữu trí tuệ	2
G4	Nắm rõ nội dung về thương mại dịch vụ	2
G5	Nắm rõ nội dung về thương mại đầu tư	2
G6	Hiểu và phân tích được những yếu tố tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh	2
G7	Nắm rõ các quy định liên quan tới tính minh bạch, công khai và quyền khiếu kiện	2
G8	Hiểu và nắm rõ các quy định về thuế, tham vấn	2
G9	So sánh với pháp luật trong nước	3

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI VIỆT - MỸ

- 1.1. Sự ra đời của Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ
- 1.2. Vai trò của Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ
- 1.3. Nguyên tắc ký kết Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ
- 1.4. Các nội dung chính của Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ

CHƯƠNG 2

THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA

- 2.1. Quy chế Tối huệ quốc

- 2.2. Nguyên tắc Đối xử Quốc gia
- 2.3. Những nghĩa vụ chung về thương mại
- 2.4. Mở rộng và thúc đẩy thương mại
- 2.5. Văn phòng Thương mại Chính phủ
- 2.6. Hành động khẩn cấp đối với nhập khẩu
- 2.7. Tranh chấp thương mại
- 2.8. Thương mại Nhà nước

CHƯƠNG 3

QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- 3.1. Sở hữu trí tuệ
- 3.2. Các quyền về sở hữu trí tuệ
- 3.3. Thực thi quyền sở hữu trí tuệ

CHƯƠNG 4

THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

- 4.1. Phạm vi và định nghĩa
- 4.2. Đối xử Tối huệ quốc
- 4.3. Hội nhập Kinh tế
- 4.4. Pháp luật Quốc gia
- 4.5. Độc quyền và nhà cung cấp dịch vụ độc quyền
- 4.6. Tiếp cận thị trường
- 4.7. Đối xử Quốc gia
- 4.8. Các cam kết bổ sung
- 4.9. Lộ trình cam kết cụ thể
- 4.10. Khước từ lợi ích

CHƯƠNG 5

PHÁT TRIỂN QUAN HỆ ĐẦU TƯ

- 5.1. Đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc
- 5.2. Tiêu chuẩn chung về đối xử
- 5.3. Giải quyết tranh chấp
- 5.4. Chuyển giao công nghệ
- 5.5. Nhập cảnh, tạm trú và tuyển dụng người nước ngoài
- 5.6. Bảo lưu các quyền
- 5.7. Tước quyền sở hữu và bồi thường thiệt hại do chiến tranh
- 5.8. Các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại
- 5.9. Từ chối các lợi ích

CHƯƠNG 6

TẠO THUẬN LỢI CHO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 6.1. Tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh
- 6.2. Giải quyết xung đột giữa các qui định của các chương

CHƯƠNG 7

CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN TỚI TÍNH MINH BẠCH, CÔNG KHAI VÀ QUYỀN KHIẾU KIỆN

- 7.1. Công khai các thông tin, quy định, thủ tục liên quan
- 7.2. Tiếp cận thông tin
- 7.3. Đóng góp, xây dựng luật, quy định, thủ tục
- 7.4. Công bố và thi hành các luật, quy định và thủ tục hành chính
- 7.5. Đăng tải quy định chung trên tạp chí
- 7.6. Điều hành thực hiện các luật, quy định và thủ tục hành chính
- 7.7. Cơ quan tài phán và thủ tục hành chính và tư pháp để giải quyết khiếu kiện
- 7.8. Đảm bảo thực hiện minh bạch các thủ tục cấp phép nhập khẩu

CHƯƠNG 8

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 8.1. Giao dịch và chuyển tiền qua biên giới
- 8.2. An ninh Quốc gia
- 8.3. Các ngoại lệ chung
- 8.4. Thuế
- 8.5. Tham vấn
- 8.6. Quan hệ giữa Chương IV, Phụ lục H, Thư trao đổi và Phụ lục G
- 8.7. Điều khoản cuối cùng, Hiệu lực, Thời hạn, Đình chỉ và kết thúc

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2016), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế*, NXB Hồng Đức.

[2] Phạm Minh (2001), *Tìm hiểu hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ và quy chế thương mại đa phương*, NXB Thống Kê.

[3] Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ năm 2000.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Lê Thành Châu (2002), *Hỏi đáp về hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ*, NXB Thống Kê.

[5] Nguyễn Thiết Sơn (2004), *Việt Nam – Hoa Kỳ, quan hệ thương mại và đầu tư*, NXB Khoa học xã hội.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG 1</p> <p style="text-align: center;">KHÁI QUÁT VỀ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI VIỆT – MỸ</p> <p>1.1. Sự ra đời của Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ</p> <p>1.2. Vai trò của Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ</p> <p>1.3. Nguyên tắc ký kết Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ</p> <p>1.4. Các nội dung chính của Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ</p>	2 tiết Lý thuyết	Làm nhận định	G1
2	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG 2</p> <p style="text-align: center;">THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA</p> <p>2.1. Quy chế Tối huệ quốc</p> <p>2.2. Nguyên tắc Đối xử Quốc gia</p> <p>2.3. Những nghĩa vụ chung về thương mại</p> <p>2.4. Mở rộng và thúc đẩy thương mại</p> <p>2.5. Văn phòng Thương mại Chính phủ</p> <p>2.6. Hành động khẩn cấp đối với nhập khẩu</p> <p>2.7. Tranh chấp thương mại</p> <p>2.8. Thương mại Nhà nước</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G2
3	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG 3</p> <p style="text-align: center;">QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ</p> <p>3.1. Sở hữu trí tuệ</p> <p>3.2. Các quyền về sở hữu trí tuệ</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G3
4	3.3. Thực thi quyền sở hữu trí tuệ	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G3

5	CHƯƠNG 4 THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G4
	4.1. Phạm vi và định nghĩa 4.2. Đối xử Tối huệ quốc 4.3. Hội nhập Kinh tế 4.4. Pháp luật Quốc gia 4.5. Độc quyền và nhà cung cấp dịch vụ độc quyền			
6	4.6. Tiếp cận thị trường 4.7. Đối xử Quốc gia 4.8. Các cam kết bổ sung 4.9. Lộ trình cam kết cụ thể 4.10. Khước từ lợi ích	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G4
7	CHƯƠNG 5 PHÁT TRIỂN QUAN HỆ ĐẦU TƯ	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G5
	5.1. Đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc 5.2. Tiêu chuẩn chung về đối xử 5.3. Giải quyết tranh chấp 5.4. Chuyển giao công nghệ 5.5. Nhập cảnh, tạm trú và tuyển dụng người nước ngoài			
8	5.6. Bảo lưu các quyền 5.7. Tước quyền sở hữu và bồi thường thiệt hại do chiến tranh 5.8. Các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại 5.9. Từ chối các lợi ích	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G5
9	CHƯƠNG 6 TẠO THUẬN LỢI CHO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G6
	6.1. Tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh 6.2. Giải quyết xung đột giữa các qui định của các chương			
10	CHƯƠNG 7	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật	G7

	<p>CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN TỚI TÍNH MINH BẠCH, CÔNG KHAI VÀ QUYỀN KHIẾU KIỆN</p> <p>7.1. Công khai các thông tin, quy định, thủ tục liên quan</p> <p>7.2. Tiếp cận thông tin</p>		Làm nhận định + bài tập	
11	<p>7.3. Đóng góp, xây dựng luật, quy định, thủ tục</p> <p>7.4. Công bố và thi hành các luật, quy định và thủ tục hành chính</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	<p>Đọc văn bản pháp luật</p> <p>Làm nhận định</p>	G7
12	<p>7.5. Đăng tải quy định chung trên tạp chí</p> <p>7.6. Điều hành thực hiện các luật, quy định và thủ tục hành chính</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	<p>Đọc văn bản pháp luật</p> <p>Làm nhận định + bài tập</p>	G8
13	<p>7.7. Cơ quan tài phán và thủ tục hành chính và tư pháp để giải quyết khiếu kiện</p> <p>7.8. Đảm bảo thực hiện minh bạch các thủ tục cấp phép nhập khẩu</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	<p>Đọc văn bản pháp luật</p> <p>Làm nhận định + bài tập</p>	G8
	<p>CHƯƠNG 8</p> <p>NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG</p> <p>8.1. Giao dịch và chuyển tiền qua biên giới</p> <p>8.2. An ninh Quốc gia</p> <p>8.3. Các ngoại lệ chung</p> <p>8.4. Thuế</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	<p>Đọc văn bản pháp luật</p> <p>Làm nhận định + bài tập</p>	G9
15	<p>8.5. Tham vấn</p> <p>8.6. Quan hệ giữa Chương IV, Phụ lục H, Thư trao đổi và Phụ lục G</p> <p>8.7. Điều khoản cuối cùng, Hiệu lực, Thời hạn, Đình chỉ và kết thúc</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	<p>Đọc văn bản pháp luật</p> <p>Làm nhận định + bài tập</p>	G9

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Đọc văn bản pháp luật
- Làm bài tập và nhận định đầy đủ

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Phạm Thị Hồng My

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Hợp đồng thương mại quốc tế (tiếng Anh): International trade contract	
- Mã số học phần: 844059	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Thương mại quốc tế (844053)
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Cùng với quá trình hội nhập quốc tế, các hợp đồng thương mại quốc tế được ký kết giữa các cá nhân, tổ chức ngày càng nhiều. Học phần sẽ cung cấp cho người học nắm rõ về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, thanh toán quốc tế, chế tài do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng và giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại quốc tế.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về hợp đồng thương mại quốc tế, như:

- Khái quát về hợp đồng thương mại quốc tế;
- Ký kết và điều chỉnh nội dung hợp đồng thương mại quốc tế;
- Các chế tài do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế;
- Thanh toán quốc tế;

- Giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại quốc tế.

Về kỹ năng:

- Giúp sinh viên có được những kỹ năng cần thiết để ứng dụng các kiến thức đã học và hoạt động thực tiễn nghề nghiệp của mình;

- Bước đầu rèn luyện phương pháp nghiên cứu, phân tích và xử lý tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội liên quan đến hợp đồng thương mại quốc tế;

- Biết cách thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia ký kết và thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế.

Về thái độ: Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên sẽ có thái độ đúng đắn trong nhận thức thực hành các thao tác về hợp đồng thương mại quốc tế. Qua đó, nâng cao ý thức pháp luật của bản thân để có thể trở thành nhà quản trị doanh nghiệp, những trọng tài viên tham gia giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại quốc tế.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Nắm rõ khái niệm, chủ thể, đối tượng và hình thức hợp đồng thương mại quốc tế	2
G2	Nắm rõ đặc điểm hợp đồng thương mại quốc tế; phân biệt hợp đồng thương mại quốc tế với các hợp đồng khác	3.5
G3	Nắm rõ nguồn luật điều chỉnh hợp đồng thương mại quốc tế	2
G4	Nắm rõ các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và trường hợp hợp đồng vô hiệu	2
G5	Nắm rõ nội dung ký kết và điều chỉnh nội dung hợp đồng thương mại quốc tế	2
G6	Nắm rõ các chế tài do vi phạm hợp đồng	2
G7	Nắm rõ cơ chế giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng	2
G8	Vận dụng vào giải quyết 1 số vụ việc cụ thể	3
G9	Đánh giá, bình luận án	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

1.1. Khái niệm

1.1.1. Khái niệm hợp đồng thương mại quốc tế

1.1.2. Chủ thể hợp đồng thương mại quốc tế

- 1.1.3. Đối tượng hợp đồng thương mại quốc tế
- 1.1.4. Hình thức hợp đồng thương mại quốc tế
- 1.1.5. Phân loại hợp đồng thương mại quốc tế
- 1.1.6. Đặc điểm hợp đồng thương mại quốc tế

1.2. Cơ sở pháp lý của hợp đồng thương mại quốc tế

- 1.2.1. Điều ước quốc tế
- 1.2.2. Pháp luật quốc gia
- 1.2.3. Tập quán quốc tế và hợp đồng mẫu
- 1.2.4. Thực tiễn thương mại

1.3. Hiệu lực của hợp đồng thương mại quốc tế

- 1.3.1. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thương mại quốc tế
- 1.3.2. Hợp đồng vô hiệu và hậu quả pháp lý do hợp đồng vô hiệu

CHƯƠNG 2

KÝ KẾT VÀ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

2.1. Ký kết hợp đồng thương mại quốc tế

- 2.1.1. Đàm phán trực tiếp giữa các bên
- 2.1.2. Ký kết hợp đồng bằng cách gián tiếp
- 2.1.3. Giải thích hợp đồng

2.2. Điều chỉnh nội dung hợp đồng thương mại quốc tế

- 2.2.1. Nhu cầu điều chỉnh nội dung của hợp đồng thương mại quốc tế
- 2.2.2. Những điều khoản thường sử dụng cho phép điều chỉnh nội dung hợp đồng

CHƯƠNG 3

CHẾ TÀI DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

3.1. Khái quát

- 3.1.1. Buộc thực hiện đúng hợp đồng
- 3.1.2. Tạm dừng và đình chỉ thực hiện hợp đồng
- 3.1.3. Hủy hợp đồng

3.2. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế

- 3.2.1. Khái niệm, hình thức trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế
- 3.2.2. Căn cứ phát sinh trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế
- 3.2.3. Các trường hợp miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế

CHƯƠNG 4

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP PHÁT SINH TỪ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

4.1. Khái quát tranh chấp và giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế

- 4.1.1. Khái niệm
- 4.1.2. Giải quyết tranh chấp bằng thương lượng
- 4.1.3. Giải quyết tranh chấp bằng hòa giải

4.2. Trọng tài thương mại quốc tế

- 4.2.1. Khái niệm và đặc điểm của Trọng tài thương mại quốc tế
- 4.2.2. Cơ sở pháp lý của Trọng tài thương mại quốc tế
- 4.2.3. Thỏa thuận trọng tài
- 4.2.4. Tổ tụng trọng tài
- 4.2.5. Công nhận và thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2016), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế*, NXB Hồng Đức.

[2] Dương Anh Sơn (chủ biên) (2018), *Giáo trình Luật hợp đồng thương mại quốc tế*, NXB Đại học quốc gia TP.HCM.

[3] Nguyễn Ngọc Lâm (2010), *Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế: Nhận dạng tranh chấp, biện pháp ngăn ngừa và phương pháp giải quyết*, NXB Chính trị quốc gia.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Dương Anh Sơn (2016), *Luật hợp đồng thương mại quốc tế*, NXB ĐHQG Hồ Chí Minh.

[5] Tập văn bản pháp luật phục vụ cho học phần của giảng viên biên soạn.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1 KHÁI QUÁT HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 1.1. Khái niệm 1.1.1. Khái niệm hợp đồng thương mại quốc tế 1.1.2. Chủ thể hợp đồng thương mại quốc tế	2 tiết Lý thuyết	Làm nhận định	G1

	1.1.3. Đối tượng hợp đồng thương mại quốc tế			
2	1.1.4. Hình thức hợp đồng thương mại quốc tế 1.1.5. Phân loại hợp đồng thương mại quốc tế 1.1.6. Đặc điểm hợp đồng thương mại quốc tế	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G1 G2
3	1.2. Cơ sở pháp lý của hợp đồng thương mại quốc tế 1.2.1. Điều ước quốc tế 1.2.2. Pháp luật quốc gia 1.2.3. Tập quán quốc tế và hợp đồng mẫu 1.2.4. Thực tiễn thương mại	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G3
4	1.3. Hiệu lực của hợp đồng thương mại quốc tế 1.3.1. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thương mại quốc tế	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G4
5	CHƯƠNG 2 KÝ KẾT VÀ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 2.1. Ký kết hợp đồng thương mại quốc tế 2.1.1. Đàm phán trực tiếp giữa các bên 2.1.2. Ký kết hợp đồng bằng cách gián tiếp 2.1.3. Giải thích hợp đồng	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G5
6	2.2. Điều chỉnh nội dung hợp đồng thương mại quốc tế 2.2.1. Nhu cầu điều chỉnh nội dung của hợp đồng thương mại quốc tế 2.2.2. Những điều khoản thường sử dụng cho phép điều chỉnh nội dung hợp đồng	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G5

7	CHƯƠNG 3 CHẾ TÀI DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 3.1. Khái quát 3.1.1. Buộc thực hiện đúng hợp đồng	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G6 G8 G9
8	3.1.2. Tạm dừng và đình chỉ thực hiện hợp đồng	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G6 G8 G9
9	3.1.3. Hủy hợp đồng	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G6 G8 G9
10	3.2. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế 3.2.1 Khái niệm, hình thức trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế 3.2.2. Căn cứ phát sinh trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G6 G8 G9
11	3.2.3. Các trường hợp miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G6 G8 G9
12	CHƯƠNG 4 GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP PHÁT SINH TỪ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 4.1. Khái quát tranh chấp và giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Giải quyết tranh chấp bằng thương lượng	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G7 G8 G9

13	4.1.3. Giải quyết tranh chấp bằng hòa giải	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G7 G8 G9
14	4.2. Trọng tài thương mại quốc tế 4.2.1. Khái niệm và đặc điểm của Trọng tài thương mại quốc tế 4.2.2. Cơ sở pháp lý của Trọng tài thương mại quốc tế 4.2.3. Thỏa thuận trọng tài 4.2.4. Tổ tụng trọng tài	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G8 G9
15	4.2.5. Công nhận và thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G8 G9

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Đọc văn bản pháp luật
- Làm bài tập và nhận định đầy đủ

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Phạm Thị Hồng My

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ VẬN CHUYỂN, GIAO NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH HÀNG HÓA
QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về vận chuyển, giao nhận và giám định hàng hóa quốc tế. (tiếng Anh): Law on international shipping and checkking goods	
- Mã số học phần: 844060	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Doanh nghiệp
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức khái quát về luật pháp quốc tế trong lĩnh vực vận chuyển, giao nhận và giám định hàng hóa khi kinh doanh với các quốc gia khác. Qua đó, sinh viên rèn luyện được kỹ năng phân tích, sàng lọc về pháp luật quốc tế trong từng lĩnh vực và có thái độ tự tin khi ra kinh doanh trên thương trường quốc tế.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Hiểu được các thuật ngữ, phân biệt và áp dụng được các điều ước quốc tế trong vận chuyển, giao nhận và giám định hàng hóa. Trình bày được khái quát các điều khoản và áp dụng được những cam kết quốc tế trong quá trình kinh doanh

quốc tế, áp dụng hợp đồng xuất nhập khẩu và các chứng từ cụ thể cùng với hiểu biết sâu sắc về pháp luật quốc tế.

Về kĩ năng: Học xong học phần này, sinh viên có thể tham khảo tài liệu, kỹ năng tìm kiếm, đọc văn bản quy phạm pháp luật, vận dụng giải quyết những tình huống xảy ra trên thực tế liên quan đến hoạt động trong hoạt động vận chuyển, giao nhận và giám định hàng hóa quốc tế.

Về thái độ: Từ việc có những kiến thức pháp luật về pháp luật hoạt động xuất nhập khẩu, góp phần vào việc hình thành, nâng cao ý thức pháp luật của sinh viên; Tăng cường khả năng tư duy, ý thức, tinh thần học tập, lập luận, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đam mê khởi sự doanh nghiệp và có kỹ năng giải quyết tốt các tình huống pháp lý có liên quan.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Nắm được nội dung của Công ước quốc tế về vận chuyển hàng không như phạm vi áp dụng, chứng từ vận chuyển về hành khách, chứng từ vận chuyển về hành lý; không vận đơn; trách nhiệm người vận chuyển, quy định liên quan đến vận chuyển kết hợp hàng không, hàng hải và đường bộ.	3
G2	Xác định được trách nhiệm người vận chuyển, quy định liên quan đến vận chuyển kết hợp hàng không, hàng hải và đường bộ.	4
G3	Nắm được pháp luật quốc tế về vận chuyển đường biển như: Quy tắc Hague-Visby, Công ước Hamburg, Công ước Rotterdam, những khác biệt giữa ba công ước này.	3
G4	Nắm được quy định pháp luật vận chuyển đường biển Việt nam	3
G5	Áp dụng các quy định pháp luật về vận chuyển đường biển Việt nam giải quyết các tranh chấp	4
G6	Nắm được đặc điểm chung về pháp luật quốc tế trong vận chuyển đường bộ, khái quát về sự khác biệt về pháp luật quốc gia.	3
G7	Nắm được Hiệp định giám định hàng hóa trước khi gửi của WTO	3
G8	Trình bày được những quy định quốc tế về xuất xứ hàng hóa	3

G9	Trình bày được nhưng quy định quốc tế về chứng thư giám định, Chứng thư giám định hàng không, Chứng thư giám định hàng hải, chứng thư giám định vận chuyển đường bộ.	3
G10	Áp dụng pháp luật Việt Nam đáp ứng hội nhập quốc tế trong vận chuyển, giao nhận và giám định	4
G11	Áp dụng các công ước quốc tế Việt Nam đã tham gia, hoàn thiện pháp luật đảm bảo tuân thủ công ước quốc tế.	4
G12	Áp dụng pháp luật quốc tế về giao nhận hàng hóa quốc tế	4
G13	Áp dụng được quy định quốc tế để giải quyết những tranh chấp liên quan đến chứng thư giám định hàng hóa quốc tế	4
G14	Áp dụng được quy định quốc tế để giải quyết những tranh chấp liên quan đến chứng thư giám định	4
G15	Giải quyết được tình huống về vận chuyển, giao nhận và giám định hàng hóa có yếu tố nước ngoài	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1.

PHÁP LUẬT VỀ VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

1.1. Công ước quốc tế về vận chuyển hàng không

- 1.1.1. Phạm vi áp dụng
- 1.1.2. Chứng từ vận chuyển về hành khách
- 1.1.3. Chứng từ vận chuyển về hành lý.
- 1.1.4. Không vận đơn.
- 1.1.5. Trách nhiệm người vận chuyển.
- 1.1.6. Quy định liên quan đến vận chuyển kết hợp hàng không, hàng hải và đường bộ.
- 1.1.7. Những quy định chung và cuối cùng.

1.2. Pháp luật quốc tế về vận chuyển đường biển.

- 1.2.1. Quy tắc Hague-Visby
- 1.2.2. Công ước Hamburg.(The Hamburg Rules).
- 1.2.3. Công ước Rotterdam
- 1.2.4. Những khác biệt giữa ba công ước
- 1.2.5. Pháp luật vận chuyển đường biển Việt nam

1.3. Pháp luật quốc tế về vận chuyển đường bộ

- 1.3.1. Đặc điểm chung.
- 1.3.2. khái quát về sự khác biệt về pháp luật quốc gia

CHƯƠNG 2.

PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA

2.1. Công ước về vận đơn, vận tải.

2.1.1. Công ước Brussels 1924

2.1.2. Nghị định thư VISBY 1968

2.2. Công ước quốc tế về hợp đồng mua bán hàng hoá

2.2.1. Khái quát về Công ước Vienne 1980.

2.2.2. Nội dung chính của Công ước Vienne 1980

Thực hành: Giải bài tập tình huống, nhân định đúng - sai

CHƯƠNG 3.

PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ GIÁM ĐỊNH HÀNG HÓA

3.1. Hiệp định giám định hàng hóa trước khi gửi của WTO

3.1.1. Giới thiệu.

3.1.2. Nội dung chính.

3.2. Quy định về xuất xứ hàng hóa

3.2.1. Đối với quốc gia nhập khẩu

3.2.2. Đối với quốc gia xuất khẩu

3.3. Quy định quốc tế về chứng thư giám định

3.3.1. Chứng thư giám định hàng không

3.3.2. Chứng thư giám định hàng hải

3.3.3. Chứng thư giám định vận chuyển đường bộ

CHƯƠNG 4.

PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG VẬN CHUYỂN, GIAO NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH

4.1. Pháp luật VN về vận chuyển, giao nhận và giám định.

4.1.1. Pháp luật Việt Nam về vận tải đa phương thức

4.1.2. Pháp luật Việt Nam về giám định hàng hóa

4.2. Các công ước quốc tế VN đã tham gia

4.3. Hoàn thiện pháp luật đảm bảo tuân thủ công ước

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

[1]. Ngô Thị Hải Xuân, *Giáo trình giao nhận vận tải quốc tế*, năm 2014

6.2. Văn bản pháp luật

[1]. Công ước quốc tế về vận chuyển hàng không.

[2]. Quy tắc Hague-Visby.

[3]. Công ước Hamburg.(The Hamburg Rules).

[4]. Công ước Rotterdam.

[5]. Công ước Brussels 1924.

- [6]. Nghị định thư VISBY 1968.
 [7]. Công ước Vienne 1980.
 [8]. Hiệp định giám định hàng hóa trước khi gửi của WTO.
 [9]. Bộ nguyên tắc Hợp đồng thương mại quốc tế PICC.
 [10]. Pháp luật Hải quan Việt Nam.
 [11]. Pháp luật về xuất nhập khẩu Việt Nam.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	CHƯƠNG 1. PHÁP LUẬT VỀ VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA QUỐC TẾ 1.1. Công ước quốc tế về vận chuyển hàng không 1.1.1. Phạm vi áp dụng 1.1.2. Chứng từ vận chuyển về hành khách 1.1.3. Chứng từ vận chuyển về hành lý. 1.1.4. Không vận đơn.	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G1
2	1.1.5. Trách nhiệm người vận chuyển. 1.1.6. Quy định liên quan đến vận chuyển kết hợp hàng không, hàng hải và đường bộ. 1.1.7. Những quy định chung và cuối cùng.	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G2
3	1.2. Pháp luật quốc tế về vận chuyển đường biển. 1.2.1. Quy tắc Hague-Visby 1.2.2. Công ước Hamburg.(The Hamburg Rules). 1.2.3. Công ước Rotterdam 1.2.4 Những khác biệt giữa ba công ước 1.2.5. Pháp luật vận chuyển đường biển Việt nam	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G3; G4
4	Thảo luận, bài tập về vận chuyển hàng hóa quốc tế	2 tiết Bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G11

5	1.3. Pháp luật quốc tế về vận chuyển đường bộ 1.3.1. Đặc điểm chung. 1.3.2. Khái quát về sự khác biệt về pháp luật quốc gia	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G3; G4; G5
6	CHƯƠNG 2. PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA 2.1. Công ước về vận đơn, vận tải. 2.1.1. Công ước Brussels 1924 2.1.2. Nghị định thư VISBY 1968	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G6; G7
7	2.2. Công ước quốc tế về hợp đồng mua bán hàng hoá 2.2.1. Khái quát về Công ước Vienne 1980. 2.2.2. Nội dung chính của Công ước Vienne 1980	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G6; G7
8	Thực hành: giải bài tập tình huống, nhận định đúng - sai	2 tiết Bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G12
9	CHƯƠNG 3. PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ GIÁM ĐỊNH HÀNG HÓA 3.1. Hiệp định giám định hàng hóa trước khi gửi của WTO 3.1.1. Giới thiệu. 3.1.2. Nội dung chính. 3.2. Quy định về xuất xứ hàng hóa 3.2.1. Đối với quốc gia nhập khẩu 3.2.2. Đối với quốc gia xuất khẩu	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G7; G8
10	Thảo luận, bài tập về giám định hàng hóa quốc tế	2 tiết Bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G13
11	3.3. Quy định quốc tế về chứng thư giám định 3.3.1. Chứng thư giám định hàng không 3.3.2. Chứng thư giám định hàng hải 3.3.3. Chứng thư giám định vận chuyển đường bộ	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G9

12	Thực hành: giải bài tập tình huống, nhân định đúng - sai	2 tiết Bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G14
13	CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG VẬN CHUYỂN, GIAO NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH 4.1. Pháp luật VN về vận chuyển, giao nhận và giám định. 4.1.1 Pháp luật Việt Nam về vận tải đa phương thức 4.1.2. Pháp luật Việt Nam về giám định hàng hóa	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G10
14	4.2. Các công ước quốc tế Việt Nam đã tham gia 4.3. Hoàn thiện pháp luật đảm bảo tuân thủ công ước	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G11
15	Giải quyết tình huống về vận chuyển giao nhận và giám định+ ôn tập	2 tiết Bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G15

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải học trước môn Luật Thương mại quốc tế.
- Phải đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập thảo luận nhóm trên lớp.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập	0.1	Điểm danh
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	Bài tập nhóm, Kiểm tra
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/Email: k_luat@sgu.edu.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Trương Thị Tường Vi

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU THẦU QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về đấu thầu quốc tế (tiếng Anh): Law on international bidding	
- Mã số học phần: 844061	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Thương mại quốc tế (844053)
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần:

Môn học giúp cho sinh viên trang bị kiến thức về pháp luật Đấu thầu quốc tế trong điều kiện hội nhập kinh tế thế giới và rèn luyện các kỹ năng nhận thức và thực hành tốt công việc tổ chức thực hiện hoặc tham gia làm nhân viên trong các tổ chức đấu thầu quốc tế như đấu thầu mua sắm hàng hóa, tài sản; đấu thầu xây dựng trong môi trường làm việc quốc tế...v.v...qua việc nghiên cứu, học tập môn học pháp luật đấu thầu quốc tế.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Hiểu được các quy định của các tổ chức tài chính quốc tế, các nhà tài trợ như WB, ADB, JIBIC, SIDA về đấu thầu, các nguyên tắc cơ bản và trình tự thực hiện đấu thầu, tư cách của nhà thầu, điều kiện tham dự thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, phân biệt được các các loại đấu thầu, các loại hồ sơ dự thầu, mời thầu, hồ sơ

đề xuất và thẩm định thầu và các hành vi bị cấm trong đấu thầu, xử lý vi phạm và phân cấp trách nhiệm trong hoạt động đấu thầu.

Về kỹ năng: Học xong học phần này, sinh viên có thể tham khảo tài liệu, kỹ năng tìm kiếm, đọc văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu quốc tế trong các lĩnh vực xây dựng, mua sắm hàng hóa quốc tế, tư vấn..., vận dụng giải quyết những tình huống xảy ra trên thực tế liên quan đến hoạt động, tổ chức đấu thầu trong kinh doanh.

Về thái độ: Từ việc có những kiến thức và học tập, rèn luyện kỹ năng tư vấn đấu thầu quốc tế trong hoạt động kinh doanh, góp phần vào việc hình thành, nâng cao ý thức pháp luật của sinh viên; Tạo ra sự tự tin, năng động cho các sinh viên có điều kiện tiên đề sau này làm việc trong môi trường quốc tế, có khả năng tư duy, ý thức, tinh thần học tập, lập luận, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đam mê khởi sự doanh nghiệp và có kỹ năng giải quyết tốt các tình huống pháp lý trong hoạt động kinh doanh.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm, vai trò và đặc điểm về đấu thầu quốc tế.	3
G2	Xác định được các phương thức đấu thầu theo phương thức đấu thầu quốc tế mua sắm hàng hóa theo quan điểm của WB (IBRD, IDA), theo quan điểm của Ngân hàng phát triển Châu Á, theo UNCITRAL, theo quan điểm của pháp luật Việt Nam.	4
G3	Trình bày được đặc điểm chung của các chế định về đấu thầu mua sắm hàng hóa quốc tế về chủ thể, về đối tượng giao dịch, điều kiện mua bán được quy định trước, điều kiện pháp lý khác.	3
G4	Trình bày nguyên tắc trong đấu thầu quốc tế của một số nhà tài trợ.	3
G5	Nắm được các nguyên tắc của WB (Ngân Hàng Thế Giới), Nguyên tắc của ADB, Nguyên tắc của JIBIC, Nguyên tắc của SIDA Thụy Điển,	3
G6	Nắm được nguyên tắc của Luật Đấu thầu Việt Nam trong đấu thầu quốc tế	3
G7	Trình bày được cơ sở pháp lý về đấu thầu quốc tế của một tổ chức tài chính, nhà tài trợ quốc tế theo Quy định của WB, Quy định của ADB, Quy định của JBIC.	3

G8	Trình bày được một vài khác biệt chính so với quy định của Việt Nam	3
G9	Trình bày được những vấn đề phát sinh thường gặp trong đấu thầu quốc tế	3
G10	Phát hiện những vấn đề phát sinh nhà thầu và xếp hạng nhà thầu, vấn đề liên quan đến xã hội.	3
G11	Nắm được chính sách đấu thầu, phân cấp quản lý trong hoạt động đấu thầu.	3
G12	Áp dụng các quy định pháp luật trong quá trình kiểm tra, giải quyết khiếu nại, xử lý vi phạm và báo cáo. Phê DUYỆT BGH và báo cáo. Quy định về hợp đồng. Tiêu chí đánh giá hồ sơ dự thầu. Quy trình giám sát quản lý của các nhà tài trợ WB, ADB, SIDA với Việt Nam.	4
G13	Trình bày được những đặc điểm và phân loại đấu thầu quốc tế	3
G14	Áp dụng được các nguyên tắc của WB (Ngân Hàng Thế Giới). Nguyên tắc của ADB, Nguyên tắc của JIBIC, Nguyên tắc của SIDA Thụy Điển,	4
G15	Áp dụng được nguyên tắc của Luật Đấu thầu Việt Nam trong đấu thầu quốc tế	4
G16	Áp dụng các quy định quốc tế trong việc đấu thầu của một số tổ chức tài chính, nhà tài trợ quốc tế	4
G17	Phân tích được những vấn đề phát sinh trong đấu thầu quốc tế	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1:

KHÁI NIỆM, VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM VỀ ĐẤU THẦU QUỐC TẾ

1.1. Sự ra đời của pháp luật đấu thầu quốc tế.

1.2. Vai trò của hình thức đấu thầu quốc tế.

- 1.2.1. Đối với bên chủ đầu tư (mời thầu).
- 1.2.2. Đối với nhà thầu.
- 1.2.3. Đối với nhà tài trợ.
- 1.2.4. Đối với chính phủ nước được hưởng lợi.

1.3. Phân loại theo phương thức đấu thầu quốc tế mua sắm hàng hóa.

- 1.3.1. Theo quan điểm của WB (IBRD, IDA).
- 1.3.2. Theo quan điểm của Ngân hàng phát triển Châu Á.
- 1.3.3. Theo UNCITRIAL.
- 1.3.4. Theo quan điểm của pháp luật Việt Nam.

1.4. Đặc điểm chung của các chế định về đấu thầu mua sắm hàng hóa quốc tế.

- 1.4.1. Về chủ thể.
- 1.4.2. Về đối tượng giao dịch.
- 1.4.3. Điều kiện mua bán được quy định trước.
- 1.4.4. Điều kiện pháp lý khác.

Thực hành: giải bài tập tình huống, nhận định đúng - sai

CHƯƠNG 2.

NGUYÊN TẮC TRONG ĐẤU THẦU QUỐC TẾ CỦA MỘT SỐ NHÀ TÀI TRỢ

2.1. Nguyên tắc của WB (Ngân Hàng Thế Giới).

- 2.1.1. Nguyên tắc khách quan.
- 2.1.2. Nguyên tắc nhất quán.
- 2.1.3. Chia các gói thầu phù hợp.
- 2.1.4. Thông báo phù hợp, công khai.
- 2.1.5. Không phân biệt đối xử.
- 2.1.6. Nguyên tắc trung lập.
- 2.1.7. Nguyên tắc hình thức.
- 2.1.8. Nguyên tắc bảo mật.

2.2. Nguyên tắc của ADB.

- 2.2.1. Nguyên tắc xuất xứ.
- 2.2.2. Nguyên tắc ưu tiên.
- 2.2.3. Nguyên tắc bình đẳng.
- 2.2.4. Nguyên tắc minh bạch.

2.3. Nguyên tắc của JIBIC.

- 2.3.1. Nguyên tắc được tiếp cận thông tin.
- 2.3.2. Đánh giá hồ sơ dự thầu dựa trên yếu tố hiệu quả tổng hợp.
- 2.3.3. Tạo thuận lợi cho nhà thầu tham gia.
- 2.3.4. Không quy định ưu đãi nhà thầu.

2.4. Nguyên tắc của SIDA Thụy Điển.

- 2.4.1. Công khai, công bằng, kinh tế và hiệu quả.
- 2.4.2. Nguyên tắc đạo đức.
- 2.4.3. Nguyên tắc đúng mục đích.
- 2.4.4. Nguyên tắc quan tâm đến mục đích chung.
- 2.4.5. Nguyên tắc bí mật.

2.5. Nguyên tắc của Luật Đấu thầu Việt Nam.

- 2.5.1. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
- 2.5.2. Đảm bảo công khai, minh bạch.
- 2.5.3. Nguyên tắc áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế.
- 2.5.4. Nguyên tắc mục tiêu hiệu quả kinh tế

Thực hành: giải bài tập tình huống, nhận định đúng - sai

CHƯƠNG 3.
CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ ĐẦU THẦU QUỐC TẾ CỦA MỘT SỐ TỔ CHỨC TÀI
CHÍNH, NHÀ TÀI TRỢ QUỐC TẾ

3.1. Quy định của WB.

- 3.1.1. Lựa chọn hình thức đấu thầu.
- 3.1.2. Hồ sơ mời thầu.
- 3.1.3. Đăng tải thông báo mời thầu.
- 3.1.4. Ưu đãi nhà thầu trong nước.
- 3.1.5. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu.

3.2. Quy định của ADB.

- 3.2.1. Hình thức và phương thức đấu thầu.
- 3.2.2. Hồ sơ mời thầu.
- 3.2.3. Phương thức đánh giá hồ sơ dự thầu.
- 3.2.4. Quy trình thực hiện đánh giá thầu.
- 3.2.5. Ưu đãi nhà thầu trong nước.
- 3.2.6. Một số quy định khác trong hướng dẫn đấu thầu.

3.3. Quy định của JBIC.

- 3.3.1. Hình thức đấu thầu.
- 3.3.2. Quảng cáo, thông tin mời thầu.
- 3.3.3. Đánh giá hồ sơ dự thầu.
- 3.3.4. Về phương thức mời thầu.

3.4. Một vài khác biệt chính so với quy định của Việt Nam

Thực hành: giải bài tập tình huống, nhận định đúng - sai

CHƯƠNG 4.

NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT SINH THƯỜNG GẶP TRONG ĐẦU THẦU QUỐC TẾ

- 4.1. Vấn đề nhà thầu và xếp hạng nhà thầu.
- 4.2. Vấn đề liên quan đến xã hội.
- 4.3. Nhận thức, tổ chức thực hiện đấu thầu quốc tế.
- 4.4. Nghiệp vụ quản lý đấu thầu.
- 4.5. Chính sách đấu thầu.
- 4.6. Hệ thống pháp luật.
- 4.7. Phân cấp quản lý trong hoạt động đấu thầu.
- 4.8. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, xử lý vi phạm và báo cáo.
- 4.9. Phê DUYỆT BGH và báo cáo.
- 4.10. Quy định về hợp đồng.
- 4.11. Tiêu chí đánh giá hồ sơ dự thầu.
- 4.12. Quy trình giám sát quản lý của các nhà tài trợ WB, ADB, SIDA với Việt Nam.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

- [1]. Hiệp định mua sắm chính phủ, do WTO quy định.
- [2]. Quy định về mua sắm trong phạm vi vốn vay của ADB, tháng 6/2000, ADB.
- [3]. Hướng dẫn mua sắm bằng vốn vay IBRD và tín dụng IDA - WB tháng 5/ 2004.
- [4]. Luật mẫu của UNCITRAL về đấu thầu, Ủy ban Luật thương mại quốc tế của

Liên hợp quốc ban hành.

6.2. Tài liệu khác

- [1]. Luật Đấu thầu Việt Nam.
- [2]. Nguyễn Thái Diễm, ĐH Luật TP.HCM, Một số vấn đề về pháp luật đấu thầu quốc tế tại Việt Nam, (2006).

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM, VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM VỀ ĐẤU THẦU QUỐC TẾ 1.1. Sự ra đời của pháp luật đấu thầu quốc tế. 1.2. Vai trò của hình thức đấu thầu quốc tế. 1.2.1. Đối với bên chủ đầu tư (mời thầu). 1.2.2. Đối với nhà thầu. 1.2.3. Đối với nhà tài trợ. 1.2.4. Đối với chính phủ nước được hưởng lợi.	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G1
2	1.3. Phân loại theo phương thức đấu thầu quốc tế mua sắm hàng hóa. 1.3.1. Theo quan điểm của WB (IBRD, IDA). 1.3.2. Theo quan điểm của Ngân hàng phát triển Châu Á. 1.3.3. Theo UNCITRAL.	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G2; G3

	<p>1.3.4. Theo quan điểm của pháp luật Việt Nam.</p> <p>1.4. Đặc điểm chung của các chế định về đấu thầu mua sắm hàng hóa quốc tế.</p> <p>1.4.1. Về chủ thể.</p> <p>1.4.2. Về đối tượng giao dịch.</p> <p>1.4.3. Điều kiện mua bán được quy định trước.</p> <p>1.4.4. Điều kiện pháp lý khác.</p>			
3	Thảo luận và bài tập về những vấn đề chung của đấu thầu quốc tế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G13
4	<p>CHƯƠNG 2. NGUYÊN TẮC TRONG ĐẤU THẦU QUỐC TẾ CỦA MỘT SỐ NHÀ TÀI TRỢ</p> <p>2.1. Nguyên tắc của WB (Ngân Hàng Thế Giới).</p> <p>2.1.1. Nguyên tắc khách quan.</p> <p>2.1.2. Nguyên tắc nhất quán.</p> <p>2.1.3. Chia các gói thầu phù hợp.</p> <p>2.1.4. Thông báo phù hợp, công khai.</p> <p>2.1.5. Không phân biệt đối xử.</p> <p>2.1.6. Nguyên tắc trung lập.</p> <p>2.1.7. Nguyên tắc hình thức.</p> <p>2.1.8. Nguyên tắc bảo mật.</p>	2 tiết lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G4
5	<p>2.2. Nguyên tắc của ADB.</p> <p>2.2.1. Nguyên tắc xuất xứ.</p> <p>2.2.2. Nguyên tắc ưu tiên.</p> <p>2.2.3. Nguyên tắc bình đẳng.</p> <p>2.2.4. Nguyên tắc minh bạch.</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G4
6	Bài tập về các nguyên tắc trong đấu thầu quốc tế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G14
7	<p>2.3. Nguyên tắc của JIBIC.</p> <p>2.3.1. Nguyên tắc được tiếp cận thông tin.</p> <p>2.3.2. Đánh giá hồ sơ dự thầu dựa trên yếu tố hiệu quả tổng hợp.</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G5

	2.3.3. Tạo thuận lợi cho nhà thầu tham gia. 2.3.4. Không quy định ưu đãi nhà thầu.			
8	2.4. Nguyên tắc của SIDA Thụy Điển. 2.4.1. Công khai, công bằng, kinh tế và hiệu quả. 2.4.2. Nguyên tắc đạo đức. 2.4.3. Nguyên tắc đúng mục đích. 2.4.4. Nguyên tắc quan tâm đến mục đích chung. 2.4.5. Nguyên tắc bí mật.	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G5
9	2.5. Nguyên tắc của Luật Đấu thầu Việt Nam. 2.5.1. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu. 2.5.2. Đảm bảo công khai, minh bạch. 2.5.3. Nguyên tắc áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế. 2.5.4. Nguyên tắc mục tiêu hiệu quả kinh tế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G6;G8
10	Bài tập tình huống về nguyên tắc đấu thầu của luật Việt Nam	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu + làm bài tập	G15
11	CHƯƠNG 3. CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ ĐẤU THẦU QUỐC TẾ CỦA MỘT SỐ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH, NHÀ TÀI TRỢ QUỐC TẾ 3.1. Quy định của WB. 3.1.1. Lựa chọn hình thức đấu thầu. 3.1.2. Hồ sơ mời thầu. 3.1.3. Đăng tải thông báo mời thầu. 3.1.4. Ưu đãi nhà thầu trong nước. 3.1.5. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu. 3.2. Quy định của ADB. 3.2.1. Hình thức và phương thức đấu thầu. 3.2.2. Hồ sơ mời thầu.	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G7

	<p>3.2.3. Phương thức đánh giá hồ sơ dự thầu.</p> <p>3.2.4. Quy trình thực hiện đánh giá thầu.</p> <p>3.2.5. Ưu đãi nhà thầu trong nước.</p> <p>3.2.6. Một số quy định khác trong hướng dẫn đấu thầu</p>			
12	Bài tập về đấu thầu quốc tế của một số tổ chức tài chính, nhà tài trợ quốc tế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G16
13	<p>CHƯƠNG 4. NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT SINH THƯỜNG GẶP TRONG ĐẤU THẦU QUỐC TẾ</p> <p>4.1. Vấn đề nhà thầu và xếp hạng nhà thầu.</p> <p>4.2. Vấn đề liên quan đến xã hội.</p> <p>4.3. Nhận thức, tổ chức thực hiện đấu thầu quốc tế.</p> <p>4.4. Nghiệp vụ quản lý đấu thầu.</p> <p>4.5. Chính sách đấu thầu.</p> <p>4.6. Hệ thống pháp luật.</p> <p>4.7. Phân cấp quản lý trong hoạt động đấu thầu.</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G9;G10 G11
14	<i>Thực hành:</i> giải bài tập tình huống, nhận định đúng - sai về những vấn đề phát sinh trong đấu thầu quốc tế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G17
15	<p>4.8. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, xử lý vi phạm và báo cáo.</p> <p>4.9. Phê DUYỆT BGH và báo cáo.</p> <p>4.10. Quy định về hợp đồng.</p> <p>4.11. Tiêu chí đánh giá hồ sơ dự thầu.</p> <p>4.12. Quy trình giám sát quản lý của các nhà tài trợ WB, ADB, SIDA với Việt Nam.</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G12

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải học trước môn Luật Thương mại quốc tế.
- Phải đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập thảo luận nhóm trên lớp.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập	0.1	Điểm danh
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	Bài tập nhóm, Kiểm tra
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/Email: k_luat@sgu.edu.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Trương Thị Tường Vi

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại (tiếng Anh): Commercial dispute resolution skills	
- Mã số học phần: 844062	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Luật Thương mại quốc tế
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính*)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức căn bản về tranh chấp thương mại và giải quyết tranh chấp thương mại. Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng nhận diện và áp dụng các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại trong thực tiễn; thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của việc áp dụng đúng pháp luật và kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Người học có kiến thức khái quát về các tranh chấp thương mại; đặc thù của các tranh chấp trong thương mại và phương thức giải quyết tranh chấp thương mại từ đó rút ra các kỹ năng giải quyết cho từng tranh chấp cụ thể qua các phương thức khác nhau.

Về kỹ năng: Có khả năng nhận diện được đặc điểm của các tranh chấp trong thương mại và lựa chọn áp dụng các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại

trong thực tiễn. Hình thành kỹ năng tra cứu tài liệu; đọc hồ sơ; lựa chọn quy phạm pháp luật cũng như biết lựa chọn cách xử sự phù hợp khi tư vấn, giải quyết các tranh chấp trong thương mại.

Về thái độ: Thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của việc áp dụng đúng pháp luật và kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm, đặc điểm của các tranh chấp thương mại; lịch sử hình thành và phát triển của các phương thức giải quyết tranh chấp	2
G2	Phân biệt được các tranh chấp trong thương mại và tranh chấp trong dân sự	4
G3	Nhận diện được các loại tranh chấp phổ biến trong thương mại và kỹ năng áp dụng để giải quyết cho các tranh chấp đó.	3
G4	Trình bày được ưu nhược điểm của các phương thức giải quyết tranh chấp; mô tả được trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp bằng các hình thức khác nhau	2
G5	Tư vấn cho khách hàng để có thể lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp tốt nhất cho từng tranh chấp phổ biến.	3

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI

1.1. Khái niệm và đặc điểm của tranh chấp thương mại

1.1.1 Khái niệm tranh chấp thương mại trong pháp luật thương mại quốc tế

1.1.2. Khái niệm tranh chấp thương mại trong pháp luật Việt Nam

1.2. Đặc điểm tranh chấp thương mại

1.2.1. Đặc điểm của tranh chấp thương mại trong pháp luật Việt Nam

1.2.2. Phân biệt tranh chấp thương mại với tranh chấp dân sự

1.2. Sơ lược pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại

1.2.1. Từ 1945 đến 1960

1.2.1.1. Giải quyết bằng con đường hành chính

1.2.1.2. Giải quyết bằng con đường tư pháp

1.2.2. Từ 1960 đến nay

1.2.2.1. Giải quyết bằng trọng tài

1.2.2.2. Giải quyết bằng tòa án

CHƯƠNG 2.

KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI PHỔ BIẾN

2.1. Tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của các bên thông qua hợp đồng thương mại

2.1.1. Đặc điểm tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của các bên thông qua hợp đồng thương mại

2.1.2. Kỹ năng giải quyết tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của các bên thông qua hợp đồng thương mại

2.2. Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ nhằm mục đích lợi nhuận

2.2.1. Đặc điểm tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ nhằm mục đích lợi nhuận

2.2.2. Kỹ năng giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ nhằm mục đích lợi nhuận

2.3. Tranh chấp giữa công ty và thành viên công ty, giữa các thành viên công ty với nhau

2.3.1. Đặc điểm tranh chấp giữa công ty và thành viên công ty, giữa các thành viên công ty với nhau

2.3.2. Kỹ năng giải quyết tranh chấp giữa công ty và thành viên công ty, giữa các thành viên công ty với nhau

CHƯƠNG 3. PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI

3.1. Giải quyết bằng thương lượng, hòa giải

3.1.1. Đặc điểm của phương thức giải quyết bằng thương lượng, hòa giải

3.1.2. Kỹ năng khi giải quyết bằng thương lượng, hòa giải

3.2. Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại

3.2.1. Đặc điểm của giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại

3.2.2. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại

3.2.3. Kỹ năng khi giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại

3.3. Giải quyết tranh chấp bằng tòa án

3.3.1. Đặc điểm của giải quyết tranh chấp bằng tòa án

3.3.2. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp bằng tòa án

3.3.3. Kỹ năng giải quyết tranh chấp bằng tòa án

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Trọng tài thương mại, Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Bộ luật Dân sự hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Các bài báo khoa học đăng ở tạp chí ngành luật học có nội dung tương ứng.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	1.1. Khái niệm và đặc điểm của tranh chấp thương mại 1.1.1 Khái niệm tranh chấp thương mại trong pháp luật thương mại quốc tế 1.1.2. Khái niệm tranh chấp thương mại trong pháp luật Việt Nam 1.2. Đặc điểm tranh chấp thương mại 1.2.1. Đặc điểm của tranh chấp thương mại trong pháp luật Việt Nam 1.2.2. Phân biệt tranh chấp thương mại với tranh chấp dân sự	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra; lấy các ví dụ thực tế để làm sáng tỏ vấn đề lý luận, làm bài tập tình huống	G2; G3; G4
2	1.2. Sơ lược pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại 1.2.1. Từ 1945 đến 1960 1.2.1.1. Giải quyết bằng con đường hành chính 1.2.1.2. Giải quyết bằng con đường tư pháp 1.2.2. Từ 1960 đến nay 1.2.2.1. Giải quyết bằng trọng tài 1.2.2.2. Giải quyết bằng tòa án	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Thuyết trình, trả lời câu hỏi, làm bài tập	G2; G3; G4
3	CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI PHỔ BIẾN BIẾN 2.1. Tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của các bên thông qua hợp đồng thương mại 2.1.1. Đặc điểm tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của các bên thông qua hợp đồng thương mại	2 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi; làm bài tập; thuyết trình; đóng vai	G2; G3; G4

4	2.1.2. Kỹ năng giải quyết tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của các bên thông qua hợp đồng thương mại	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, trả lời câu hỏi, làm bài tập	G2; G3; G4
5	Thảo luận	2 tiết thực hành	Nghiên cứu hồ sơ, bản án về tranh chấp hợp đồng thương mại, trình bày quan điểm	G2; G3; G4
6	2.2. Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ nhằm mục đích lợi nhuận 2.2.1. Đặc điểm tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ nhằm mục đích lợi nhuận	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, trả lời câu hỏi, làm bài tập	G2; G3; G4
7	2.2.2. Kỹ năng giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ nhằm mục đích lợi nhuận	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, trả lời câu hỏi, làm bài tập	G2; G3; G4
8	Thảo luận	2 tiết thực hành	Nghiên cứu hồ sơ, bản án, trình bày quan điểm	G2; G3; G4
9	2.3. Tranh chấp giữa công ty và thành viên công ty, giữa các thành viên công ty với nhau 2.3.1. Đặc điểm tranh chấp giữa công ty và thành viên công ty, giữa các thành viên công ty với nhau	1 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình, trả lời câu hỏi, làm bài tập	G2; G3; G4
10	2.3.2. Kỹ năng giải quyết tranh chấp giữa công ty và thành viên công ty, giữa các thành viên công ty với nhau	1 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập thực hành	Thuyết trình, trả lời câu hỏi, làm bài tập	G2; G3; G4
11	CHƯƠNG 3. PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3; G4

	3.1. Giải quyết bằng thương lượng, hòa giải 3.1.1. Đặc điểm của phương thức giải quyết bằng thương lượng, hòa giải 3.1.2. Kỹ năng khi giải quyết bằng thương lượng, hòa giải			
12	3.2. Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại 3.2.1. Đặc điểm của giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại 3.2.2. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, trả lời câu hỏi, làm bài tập	G2; G3; G4
13	3.2.3. Kỹ năng khi giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại	1 tiết lý thuyết+ 1 tiết thực hành	Thuyết trình, trả lời câu hỏi, làm bài tập	G2; G3; G4
14	3.3. Giải quyết tranh chấp bằng tòa án 3.3.1. Đặc điểm của giải quyết tranh chấp bằng tòa án 3.3.2. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp bằng tòa án	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, trả lời câu hỏi, làm bài tập	G2; G3; G4
15	3.3.3. Kỹ năng giải quyết tranh chấp bằng tòa án	1 tiết lý thuyết+ 1 tiết thực hành	Thuyết trình, trả lời câu hỏi, làm bài tập tình huống	G2; G3; G4

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải đọc trước bài ở nhà trước mỗi nội dung học;
- Mang theo các văn bản pháp luật liên quan cho từng nội dung học

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
<i>1. Đánh giá quá trình</i>	<i>Điểm quá trình</i>	0,4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0,1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0,3	
<i>2. Đánh giá cuối kỳ</i>	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0,4	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT CẠNH TRANH VÀ CHỐNG ĐỘC QUYỀN TRONG THƯƠNG MẠI
QUỐC TẾ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)*

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật cạnh tranh và chống độc quyền trong thương mại quốc tế	
(tiếng Anh): Competition and antitrust laws in international trade	
- Mã số học phần: 844063	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (<i>nếu có</i>)
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Thương mại quốc tế (844053)
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Nội dung học phần Pháp luật về cạnh tranh và chống độc quyền trong thương mại quốc tế sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận về hiện tượng cạnh tranh, độc quyền, quy định của pháp luật quốc tế về vấn đề này, biện pháp ngăn chặn, hạn chế và vấn đề giải quyết tranh chấp có liên quan. Từ đó sinh viên có kỹ năng nhận biết, phân biệt các tranh chấp và nguồn luật điều chỉnh tương ứng, phát huy khả năng tư duy, lập luận, khẳng định quan điểm pháp luật và nâng cao kỹ năng tư vấn, giải quyết các tình huống có liên quan đến cạnh tranh.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Sinh viên sẽ lĩnh hội những nội dung: quan điểm của thế giới và Việt Nam về cạnh tranh, hành vi hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh, độc

quyền và chống độc quyền; quy định của pháp luật quốc tế về cạnh tranh và chống độc quyền; giải quyết tranh chấp liên quan đến hai chế định trên, cũng cố lại những kiến thức đã được học trong các học phần Luật Thương mại 1, Thương mại 2... Từ đó sinh viên có kỹ năng nhận biết, phân biệt các tranh chấp và nguồn luật điều chỉnh tương ứng, phát huy khả năng tư duy, lập luận, khẳng định quan điểm pháp luật và nâng cao kỹ năng tư vấn, giải quyết các tình huống có liên quan đến cạnh tranh.

Về kỹ năng: Có kỹ năng tìm, đọc văn bản quy phạm pháp luật quốc gia và điều ước quốc tế liên quan. Kỹ năng lập luận, khẳng định quan điểm pháp luật và nâng cao kỹ năng tư vấn, giải quyết các tình huống có liên quan đến cạnh tranh và hình thành kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế.

Về thái độ: Nhận thức những kiến thức pháp luật về cạnh tranh sẽ góp phần nâng cao ý thức pháp luật của sinh viên, tăng cường khả năng tư duy, ý thức, tinh thần học tập, lập luận, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đam mê khởi nghiệp, ý thức xây dựng pháp luật và phát triển đất nước.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Nắm được nội dung khái niệm cạnh tranh, hành vi cạnh tranh và quan điểm của WTO về kinh tế thị trường	2
G2	Nắm được quy định của pháp luật quốc tế về cạnh tranh	2
G3	Nắm được quy định Pháp luật về chống độc quyền trong thương mại quốc tế	2
G4	Vận dụng quy định pháp luật giải quyết tranh chấp về cạnh tranh và chống độc quyền trong thương mại quốc tế	3

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CẠNH TRANH VÀ CHỐNG ĐỘC QUYỀN TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

1.1. Khái niệm cạnh tranh

1.2. Cạnh tranh không lành mạnh

1.2.1. Khái niệm

1.2.2. Một số hành vi cạnh tranh không lành mạnh

1.3. Hành vi hạn chế cạnh tranh

1.2.1. Khái niệm

1.2.2. Một số hành vi hạn chế cạnh tranh

1.4. Độc quyền

1.2.1. Khái niệm

1.2.2. Các loại độc quyền

1.6. Quan điểm của WTO về kinh tế thị trường

1.7. Vị trí thống lĩnh thị trường

1.7.1. Khái niệm

1.7.2. Cách xác định vị trí thống lĩnh thị trường

1.8. Lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường

1.8.1. Khái niệm

1.8.2. Cách xác định lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường

CHƯƠNG 2

PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ CẠNH TRANH

2.1. Nhóm các điều khoản cạnh tranh công bằng

2.1.1. Điều khoản chống bán phá giá.

2.1.2. Điều khoản chống trợ cấp.

2.1.3. Các biện pháp tự vệ thương mại.

2.2. Nhóm các điều khoản bắt buộc ngăn chặn các hành vi hạn chế cạnh tranh

2.2.1. Trong pháp luật quốc gia

2.2.2. Trong các cam kết quốc tế

2.3. Nhóm các điều khoản khuyến khích ngăn chặn các hành vi hạn chế cạnh tranh.

2.4. Một số hình thức thực hiện các biện pháp ngăn chặn các hành vi hạn chế cạnh tranh

2.4.1. Thực hiện nguyên tắc ngoài lãnh thổ (nguyên tắc ảnh hưởng)

2.4.2. Ký kết và thực hiện các cam kết song phương và đa phương trong lĩnh vực.

CHƯƠNG 3

PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG ĐỘC QUYỀN TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

3.1. Cẩm cacten (các điều khoản triết tiêu cạnh tranh)

3.2. Kiểm tra, giám sát việc mua bán, sáp nhập các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế

3.3. Kiểm tra, giám sát sự thống lĩnh thị trường và lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường

CHƯƠNG 4

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ CẠNH TRANH VÀ CHỐNG ĐỘC QUYỀN TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

4.1. Phương thức giải quyết tranh chấp

4.2. Cơ quan giải quyết tranh chấp

4.3. Thủ tục giải quyết tranh chấp

4.4. Thi hành phán quyết của cơ quan giải quyết tranh chấp

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế (phần 1, phần 2)*, NXB Hồng Đức.

[2] Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình pháp luật cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại*, NXB Hồng Đức.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] <http://www.trungtamwto.vn>

[5] Luật cạnh tranh năm 2018

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	CHƯƠNG 1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CẠNH TRANH VÀ CHỐNG ĐỘC QUYỀN TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 1.1. Khái niệm cạnh tranh 1.2. Cạnh tranh không lành mạnh 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Một số hành vi cạnh tranh không lành mạnh	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Làm nhận định	G1
2	1.3. Hành vi hạn chế cạnh tranh 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Một số hành vi hạn chế cạnh tranh	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G1
3	1.4. Độc quyền 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Các loại độc quyền 1.6. Quan điểm của WTO về kinh tế thị trường	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G2

4	1.7. Vị trí thống lĩnh thị trường 1.7.1. Khái niệm 1.7.2. Cách xác định vị trí thống lĩnh thị trường	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G2
5	1.8. Lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường 1.8.1. Khái niệm 1.8.2. Cách xác định lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G2
6	CHƯƠNG 2 PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ CẠNH TRANH 2.1. Nhóm các điều khoản cạnh tranh công bằng 2.1.1. Điều khoản chống bán phá giá. 2.1.2. Điều khoản chống trợ cấp. 2.1.3. Các biện pháp tự vệ thương mại.	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G2
7	2.2. Nhóm các điều khoản bắt buộc ngăn chặn các hành vi hạn chế cạnh tranh 2.2.1. Trong pháp luật quốc gia 2.2.2. Trong các cam kết quốc tế	2 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G3
8	2.3. Nhóm các điều khoản khuyến khích ngăn chặn các hành vi hạn chế cạnh tranh.	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G3
9	2.4. Một số hình thức thực hiện các biện pháp ngăn chặn các hành vi hạn chế cạnh tranh 2.4.1. Thực hiện nguyên tắc ngoài lãnh thổ (nguyên tắc ảnh hưởng) 2.4.2. Ký kết và thực hiện các cam kết song phương và đa phương trong lĩnh vực.	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G4
10	CHƯƠNG 3 PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG ĐỘC QUYỀN TRONG THƯƠNG MẠI	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật	G4

	QUỐC TẾ		Làm nhận định + bài tập	
	3.1. Cấm cacten (các điều khoản triệt tiêu cạnh tranh)			
11	3.2. Kiểm tra, giám sát việc mua bán, sáp nhập các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G4
12	3.3. Kiểm tra, giám sát sự thống lĩnh thị trường và lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Làm nhận định + bài tập	G4
	CHƯƠNG 4			
	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ CẠNH TRANH VÀ CHỐNG ĐỘC QUYỀN TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ			
13	4.1. Phương thức giải quyết tranh chấp 4.2. Cơ quan giải quyết tranh chấp	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Làm nhận định + bài tập	G4
14	4.3. Thủ tục giải quyết tranh chấp	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Làm nhận định + bài tập	G4
15	4.4. Thi hành phán quyết của cơ quan giải quyết tranh chấp	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Làm nhận định + bài tập	G4

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Nghiên cứu văn bản pháp luật
- Làm bài tập và nhận định đầy đủ

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng	Hình thức
---------	-----------------------	-------	-----------

được đánh giá		số	đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Phạm Thị Hồng Mỹ

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng (tiếng Anh): Laws on consumer protection	
- Mã số học phần: 844065	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	10
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Luật thương mại 2
- Học phần song hành (nếu có):

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến hoạt động thương mại ở Việt Nam trong mối quan hệ với quyền lợi người tiêu dùng, giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan đối với người tiêu dùng, quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên sẽ nhận thức những nội dung cơ bản: quyền và nghĩa vụ cơ bản của người tiêu dùng, những nguyên tắc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, nghĩa vụ và trách nhiệm của các nhân, tổ chức trong việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ...từ đó giúp sinh viên,

củng cố, hình thành và mở rộng kiến thức, phát triển khả năng tư duy và lập luận, vận dụng kiến thức pháp luật trong giải quyết các tình huống pháp lý liên quan, bảo vệ quyền lợi cho chính mình và khả năng tư vấn trong lĩnh vực này.

Về kỹ năng: Học xong học phần này, sinh viên có kỹ năng tham khảo tài liệu, kỹ năng tìm kiếm, đọc văn bản quy phạm pháp luật, củng cố, hình thành và mở rộng kiến thức, phát triển khả năng tư duy và lập luận, vận dụng kiến thức pháp luật trong giải quyết các tình huống pháp lý liên quan, bảo vệ quyền lợi cho chính mình và khả năng tư vấn trong lĩnh vực này.

Về thái độ: Từ việc có những kiến thức pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng luật, góp phần vào việc hình thành, nâng cao ý thức pháp luật của sinh viên; Tăng cường khả năng tư duy, ý thức, tinh thần học tập, lập luận, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đam mê hoạt động kinh doanh và có kỹ năng tư vấn, giải quyết tốt các tình huống pháp lý trong hoạt động thương mại.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	<i>Hiểu</i> khái niệm về người tiêu dùng, sự cần thiết phải bảo vệ người tiêu dùng và các chính sách bảo vệ người tiêu dùng, nhận dạng được các hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng	2.0
G2	<i>Hiểu</i> những vấn đề khái quát về sự ra đời của pháp luật bảo vệ người tiêu dùng, sự cần thiết phải bảo vệ người tiêu dùng, cho ví dụ minh họa từ thực tiễn. <i>Biết</i> về nguồn của pháp luật bảo vệ người tiêu dùng,	3.0
G3	<i>Nhớ, hiểu</i> các quy định của pháp luật về nguyên tắc bảo vệ người tiêu dùng, quyền của người tiêu dùng, <i>liên hệ</i> với thực tiễn và <i>áp dụng</i> quy định vào trong các tình huống cụ thể	4.0
G4	<i>Nhớ, hiểu</i> các quy định của pháp luật về nghĩa vụ của người tiêu dùng, <i>liên hệ</i> với thực tiễn và <i>áp dụng</i> quy định vào trong các tình huống cụ thể	4.0
G5	<i>Biết</i> về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá dịch vụ đối với người tiêu dùng như trách nhiệm cung cấp thông tin, trách nhiệm bảo hành hàng hoá... <i>minh họa</i> được bằng các ví dụ thực tiễn, có thể <i>áp dụng</i> quy định vào giải quyết tình huống	3.5

G6	<i>Hiểu</i> được khái niệm, đặc điểm, vai trò của các tổ chức xã hội trong việc tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. <i>Biết</i> về nội dung tham gia của các tổ chức xã hội đó, <i>minh họa</i> được bằng các ví dụ thực tiễn.	3.5
G7	<i>Hiểu</i> được khái niệm, đặc điểm của tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực bảo vệ người tiêu dùng, chỉ ra được các tranh chấp phổ biến.	3.0
G8	<i>Hiểu</i> về các phương thức giải quyết tranh chấp, <i>áp dụng</i> quy định vào giải quyết các tình huống cụ thể, <i>phân tích</i> ưu nhược điểm của từng phương thức,	4.0
G9	<i>Biết</i> về các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ người tiêu dùng, <i>hiểu</i> nội dung tham gia của các cơ quan đó.	2.0
G10	<i>Hiểu</i> khái niệm chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, <i>áp dụng</i> vào giải quyết tình huống, <i>phân biệt</i> sự khác nhau giữa các loại chế tài	4.0

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGƯỜI TIÊU DÙNG VÀ PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

1.1. Tổng quan về bảo vệ người tiêu dùng và chính sách của nhà nước về bảo vệ người tiêu dùng

- 1.1.1 Khái niệm người tiêu dùng
- 1.1.2. Sự cần thiết phải bảo vệ người tiêu dùng
- 1.1.3. Chính sách của nhà nước về bảo vệ người tiêu dùng

1.2. Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng

- 1.2.1. Sự ra đời và phát triển của pháp luật bảo vệ người tiêu dùng
- 1.2.2. Đặc trưng của pháp luật bảo vệ người tiêu dùng
- 1.2.3. Nguồn của pháp luật bảo vệ người tiêu dùng

CHƯƠNG 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG

2.1. Nguyên tắc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

2.2. Quyền của người tiêu dùng

- 2.2.1 Quyền được bảo vệ thông tin
- 2.2.2. Quyền được bảo đảm an toàn khi tham gia giao dịch
- 2.2.3. Quyền được cung cấp thông tin
- 2.2.4. Quyền được lựa chọn theo nhu cầu
- 2.2.5. Quyền được tư vấn, hỗ trợ

2.2.6. Quyền được yêu cầu bồi thường thiệt hại

2.2.7. Quyền được khiếu nại, tố cáo, khởi kiện

2.3. Nghĩa vụ của người tiêu dùng

2.3.1. Nghĩa vụ kiểm tra hàng hoá trước khi nhận

2.3.2. Nghĩa vụ thực hiện theo hướng dẫn sử dụng

2.3.3. Nghĩa vụ thông tin khi phát hiện hàng hoá, dịch vụ không đảm bảo

CHƯƠNG 3: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KINH DOANH HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ ĐỐI VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG

3.1. Trách nhiệm cung cấp thông tin về hàng hoá, dịch vụ

3.2. Trách nhiệm thực hiện hợp đồng giao kết với người tiêu dùng

3.3. Trách nhiệm bảo hành hàng hoá, linh kiện, phụ kiện

3.4. Trách nhiệm thu hồi hàng hoá có khuyết tật

3.5. Trách nhiệm bồi thường thiệt

CHƯƠNG 4:

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI TRONG VIỆC THAM GIA BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

4.1. Các tổ chức xã hội trong việc tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Vai trò của các tổ chức xã hội

4.2. Nội dung tham gia bảo vệ người tiêu dùng của các tổ chức xã hội

4.2.1. Các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

4.2.2. Thực hiện nhiệm vụ được cơ quan nhà nước giao

CHƯƠNG 5: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA NGƯỜI TIÊU DÙNG VÀ CÁ NHÂN TỔ CHỨC KINH DOANH HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ

5.1. Tranh chấp giữa người tiêu dùng và cá nhân, tổ chức kinh doanh hàng hoá dịch vụ

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Đặc điểm

5.1.3. Các loại tranh chấp phổ biến

5.2. Phương thức giải quyết tranh chấp

5.2.1. Thương lượng

5.2.2. Hoà giải

5.2.3. Trọng tài

5.2.4. Toà án

CHƯƠNG 6: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

6.1. Cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

6.1.1 Bộ, cơ quan ngang bộ

6.1.2. Ủy ban nhân dân các cấp

6.1.3. Hệ thống cơ quan tài phán về bảo vệ người tiêu dùng

6.2. Nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

6.3. Chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

6.3.1 Khái niệm, đặc điểm của chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

6.3.2. Các loại chế tài

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] ThS. Đoàn Trung Kiên, *Giáo trình Luật Đầu tư*, NXB. Giáo dục, 2009.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Các bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành liên quan đến học phần này.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGƯỜI TIÊU DÙNG VÀ PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG 1.1 Tổng quan về bảo vệ người tiêu dùng và chính sách của nhà nước về bảo vệ người tiêu dùng 1.1.1 Khái niệm người tiêu dùng 1.1.2. Sự cần thiết phải bảo vệ người tiêu dùng 1.1.3. Chính sách của nhà nước về bảo vệ người tiêu dùng	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G1
2	1.2. Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng 1.2.1. Sự ra đời và phát triển của pháp luật bảo vệ người tiêu dùng 1.2.2. Đặc trưng của pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G2

	1.2.3. Nguồn của pháp luật bảo vệ người tiêu dùng			
3	Thực hành	2 tiết thực hành	Thực hành nhận định các tình huống xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng	G1, G2
4	CHƯƠNG 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG 2.1. Nguyên tắc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2.2. Quyền của người tiêu dùng 2.2.1 Quyền được bảo vệ thông tin 2.2.2. Quyền được bảo đảm an toàn khi tham gia giao dịch 2.2.3. Quyền được cung cấp thông tin 2.2.4. Quyền được lựa chọn theo nhu cầu 2.2.5. Quyền được tư vấn, hỗ trợ 2.2.6. Quyền được yêu cầu bồi thường thiệt hại 2.2.7. Quyền được khiếu nại, tố cáo, khởi kiện	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G3
5	2.3. Nghĩa vụ của người tiêu dùng 2.3.1. Nghĩa vụ kiểm tra hàng hoá trước khi nhận 2.3.2. Nghĩa vụ thực hiện theo hướng dẫn sử dụng 2.3.3. Nghĩa vụ thông tin khi phát hiện hàng hoá, dịch vụ không đảm bảo	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G4
6	Thực hành	2 tiết thực hành	Thực hành giải quyết các tình huống về quyền và nghĩa vụ của	G3, G4

			người tiêu dùng	
7	<p>CHƯƠNG 3: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KINH DOANH HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ ĐỐI VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG</p> <p>3.1. Trách nhiệm cung cấp thông tin về hàng hoá, dịch vụ</p> <p>3.2. Trách nhiệm thực hiện hợp đồng giao kết với người tiêu dùng</p> <p>3.3. Trách nhiệm bảo hành hàng hoá, linh kiện, phụ kiện</p> <p>3.4. Trách nhiệm thu hồi hàng hoá có khuyết tật</p> <p>3.5. Trách nhiệm bồi thường thiệt</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G5
8	<p>CHƯƠNG 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI TRONG VIỆC THAM GIA BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG</p> <p>4.1. Các tổ chức xã hội trong việc tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Vai trò của các tổ chức xã hội</p> <p>4.2. Nội dung tham gia bảo vệ người tiêu dùng của các tổ chức xã hội</p> <p>4.2.1. Các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng</p> <p>4.2.2. Thực hiện nhiệm vụ được cơ quan nhà nước giao</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G6
9	Thực hành	2 tiết thực hành	Thực hành giải quyết các tình huống về trách nhiệm của các tổ	G5, G6

			chức, cá nhân kinh doanh; trách nhiệm của các tổ chức xã hội trong việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	
10	CHƯƠNG 5: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA NGƯỜI TIÊU DÙNG VÀ CÁ NHÂN TỔ CHỨC KINH DOANH HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ 5.1. Tranh chấp giữa người tiêu dùng và cá nhân, tổ chức kinh doanh hàng hoá dịch vụ 5.1.1 Khái niệm 5.1.2 Đặc điểm 5.1.3 Các loại tranh chấp phổ biến	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G7
11	5.2. Phương thức giải quyết tranh chấp 5.2.1 Thương lượng 5.2.2. Hoà giải 5.2.3 Trọng tài 5.2.4 Toà án	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G8
12	Thực hành	2 tiết thực hành	Thực hành giải quyết tình huống về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	G7, G8
13	CHƯƠNG 6: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC BẢO	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt	G9

	<p>VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG</p> <p>6.1 Cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng</p> <p>6.1.1 Bộ, cơ quan ngang bộ</p> <p>6.1.2. Ủy ban nhân dân các cấp</p> <p>6.1.3. Hệ thống cơ quan tài phán về bảo vệ người tiêu dùng</p> <p>6.2. Nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng</p>		ra, thảo luận quan điểm	
14	<p>6.3. Chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng</p> <p>6.3.1 Khái niệm, đặc điểm của chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng</p> <p>6.3.2. Các loại chế tài</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G10
15	Thực hành	2 tiết lý thực hành	Thực hành giải quyết tình huống về quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	G9, G10

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải đọc tài liệu theo các tài liệu bắt buộc trong đề cương môn học;
- Đọc các văn bản pháp luật liên quan để giải quyết tình huống

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
<i>1. Đánh giá quá trình</i>	<i>Điểm quá trình</i>	0.4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
<i>2. Đánh giá cuối kỳ</i>	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0.6 (≥ 0.5)	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế (tiếng Anh): Intellectual Property Law in International Trade	
- Mã số học phần: 844101	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Thương mại quốc tế (844053)
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần:

Học phần nhằm tiếp tục cung cấp cho người học đã học qua Học phần Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) Việt Nam các kiến thức cơ bản về vai trò của pháp luật SHTT trong thương mại quốc tế, bao gồm các khía cạnh: vận dụng các Điều ước quốc tế về SHTT mà Việt Nam đã tham gia vào việc xác lập quyền SHTT tại nước ngoài, xử lý các tranh chấp SHTT trong thương mại quốc tế, về li-xăng và nhượng quyền thương mại quyền SHTT trong kinh doanh quốc tế.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Nắm được các nội dung cơ bản về: Các Điều ước quốc tế về SHTT chính mà Việt Nam đã tham gia trong cả 4 lĩnh vực: Quyền tác giả và Quyền liên quan đến quyền tác giả, Quyền sở hữu công nghiệp, Quyền đối với Giống cây trồng và Bảo vệ quyền SHTT, hợp đồng li-xăng SHTT trong thương mại quốc tế và nhượng quyền thương mại quốc tế.

Về kĩ năng: Biết cách tự đọc và nắm bắt nội dung của các Điều ước quốc tế về SHTT. Biết phương pháp tiếp cận để vận dụng pháp luật SHTT vào việc phòng ngừa và xử lí các rủi ro và tranh chấp SHTT trong thương mại quốc tế.

Về thái độ: Nâng cao ý thức thận trọng về các khía cạnh SHTT trong tất cả các giao dịch kinh doanh quốc tế. Thích thú trong việc tìm hiểu thêm các Điều ước quốc tế khác về SHTT cũng như pháp luật SHTT của các nước khác, để có thể tham vấn, hỗ trợ các chủ thể Việt Nam trong các giao dịch thương mại quốc tế và trong hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Nắm được khái niệm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế, khung pháp luật điều chỉnh và vai trò của pháp luật sở hữu trí tuệ trong thương mại quốc tế	2
G2	Phân tích được các khía cạnh thương mại của sở hữu trí tuệ được quy định trong Công ước Paris về Bảo hộ sở hữu công nghiệp.	4
G3	Phân tích được các khía cạnh thương mại của sở hữu trí tuệ được quy định trong Công ước Berne về Bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật.	4
G4	Phân tích được các khía cạnh thương mại của sở hữu trí tuệ được quy định trong Công ước Rome về Bảo hộ Người biểu diễn, Nhà sản xuất bản ghi, Tổ chức phát sóng.	4
G5	Phân tích được các khía cạnh thương mại của sở hữu trí tuệ được quy định trong Công ước UPOV về Bảo hộ giống cây trồng mới.	4
G6	Phân tích được các khía cạnh thương mại của sở hữu trí tuệ được quy định trong Hiệp định TRIPS về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT.	
G7	Phân tích được các khía cạnh thương mại của sở hữu trí tuệ được quy định trong một số FTA thế hệ mới	4
G8	So sánh, liên hệ với pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam	4
G9	Nắm được cấu trúc của hợp đồng li-xăng quyền SHTT	2
G10	Xử lí tranh chấp hợp đồng li-xăng trong thương mại quốc tế	3

G11	Nắm được nội dung pháp luật về nhượng quyền thương mại quốc tế	2
G12	Xử lý tranh chấp hợp đồng nhượng quyền thương mại quốc tế	3
G13	Vận dụng giải quyết một số vụ việc cụ thể	3

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

1.1. Khái niệm quyền SHTT

1.2. Quyền SHTT trong hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp

1.3. Khái quát khung pháp luật về quyền SHTT và vấn đề thực thi quyền SHTT

1.3.1. Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền SHTT

1.3.2. Các biện pháp thực thi quyền SHTT

1.4. Vai trò của pháp luật SHTT trong thương mại, đầu tư và chuyển giao công nghệ quốc tế.

CHƯƠNG 2

KHÍA CẠNH THƯƠNG MẠI VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ MÀ VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

2.1. Các điều khoản liên quan đến thương mại của Công ước Paris về Bảo hộ sở hữu công nghiệp

2.2. Các điều khoản liên quan đến thương mại của Công ước Berne về Bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật

2.3. Các điều khoản liên quan đến thương mại của Công ước Rome về Bảo hộ Người biểu diễn, Nhà sản xuất bản ghi, Tổ chức phát sóng

2.4. Các điều khoản liên quan đến thương mại của Công ước UPOV về Bảo hộ giống cây trồng mới

2.5. Một số điều khoản chính của Hiệp định TRIPS về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT

2.6. Một số điều khoản chính của Hiệp định CPTPP về quyền SHTT

2.7. Một số điều ước quốc tế khác về SHTT mà Việt Nam là thành viên.

CHƯƠNG 3

HỢP ĐỒNG LI XĂNG QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

3.1 Cấu trúc tổng quát của một hợp đồng li-xăng quyền SHTT

3.2 Phạm vi li-xăng trong thương mại quốc tế

3.3 Tiền bản quyền trong thương mại quốc tế

3.4 Xử lý tranh chấp hợp đồng li-xăng trong thương mại quốc tế

CHƯƠNG 4

NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

4.1. Khái niệm nhượng quyền thương mại

4.2. Nhượng quyền thương mại quốc tế

4.2.1. Khái niệm

4.2.2. Hợp đồng nhượng quyền thương mại quốc tế

4.3. Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về nhượng quyền thương mại

4.3.1. Pháp luật quốc tế về nhượng quyền thương mại

4.3.2. Pháp luật Việt Nam về nhượng quyền thương mại

4.4. Xử lý tranh chấp hợp đồng nhượng quyền trong thương mại quốc tế

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình luật sở hữu trí tuệ*, NXB Công an nhân dân.

[2] Cục SHTT Việt Nam, *IP Panorama*, nguồn http://www.noip.gov.vn/html/panorama/documents/pdf/ip_panorama_7_learning_points.pdf

[3] Tổ chức SHTT thế giới (WIPO), *Intellectual Property for Business* (download miễn phí tại: http://www.wipo.int/sme/en/ip_business/).

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Tổ chức SHTT thế giới (WIPO), *WIPO Intellectual Property Handbook: Policy, Law and Use*, nguồn <http://www.wipo.int/about-ip/en/iprm/>

[5] Tập văn bản pháp luật phục vụ cho học phần của giảng viên biên soạn.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 1.1. Khái niệm quyền SHTT 1.2. Quyền SHTT trong hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp	2 tiết Lý thuyết	Làm nhận định	G1

	1.3 Khái quát khung pháp luật về quyền SHTT và vấn đề thực thi quyền SHTT 1.3.1. Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền SHTT			
2	1.3.2. Các biện pháp thực thi quyền SHTT	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G2 G8
3	1.4. Vai trò của pháp luật SHTT trong thương mại, đầu tư và chuyển giao công nghệ quốc tế.	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G3 G8
4	CHƯƠNG 2 KHÍA CẠNH THƯƠNG MẠI VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ MÀ VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN 2.1. Các điều khoản liên quan đến thương mại của Công ước Paris về Bảo hộ sở hữu công nghiệp	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G4 G8
5	2.2. Các điều khoản liên quan đến thương mại của Công ước Berne về Bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G5 G8
6	2.3. Các điều khoản liên quan đến thương mại của Công ước Rome về Bảo hộ Người biểu diễn, Nhà sản xuất bản ghi, Tổ chức phát sóng	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G6 G8
7	2.4. Các điều khoản liên quan đến thương mại của Công ước UPOV về Bảo hộ giống cây trồng mới	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G7 G8
8	2.5. Một số điều khoản chính của Hiệp định TRIPS về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT	2 tiết Lý thuyết	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G9

9	2.6. Một số điều khoản chính của Hiệp định CPTPP về quyền SHTT	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G10
10	2.7. Một số điều ước quốc tế khác về SHTT mà Việt Nam là thành viên.	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định + bài tập	G11
11	CHƯƠNG 3 HỢP ĐỒNG LI XĂNG QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 3.1. Cấu trúc tổng quát của một hợp đồng li-xăng quyền SHTT 3.2. Phạm vi li-xăng trong thương mại quốc tế	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Đọc văn bản pháp luật Làm nhận định	G12
12	3.3. Tiền bản quyền trong thương mại quốc tế 3.4. Xử lý tranh chấp hợp đồng li-xăng trong thương mại quốc tế	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Làm nhận định + bài tập	G13
13	CHƯƠNG 4 NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 4.1. Khái niệm nhượng quyền thương mại 4.2. Nhượng quyền thương mại quốc tế 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Hợp đồng nhượng quyền thương mại quốc tế	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Làm nhận định + bài tập	G13
14	4.3. Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về nhượng quyền thương mại 4.3.1. Pháp luật quốc tế về nhượng quyền thương mại 4.3.2. Pháp luật Việt Nam về nhượng quyền thương mại	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết thảo luận	Làm nhận định + bài tập	G13
15	4.4. Xử lý tranh chấp hợp đồng nhượng quyền trong thương mại quốc tế	1 tiết Lý thuyết + 1	Làm nhận định + bài tập	G13

		tiết thảo luận		
--	--	-------------------	--	--

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Nghiên cứu văn bản pháp luật
- Làm bài tập và nhận định đầy đủ

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên..

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập,...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Phạm Thị Hồng My

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT BIỂN QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật Biển Quốc Tế (tiếng Anh): International Law of the Sea	
- Mã số học phần: 844102	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	22
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	8
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Công pháp quốc tế (843044)
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần:

Truyền đạt cho người học những kiến thức cơ bản của pháp luật biển quốc tế như: Các vấn đề lý luận chung về Luật biển quốc tế; Các vùng biển theo quy định của Công ước Luật biển năm 1982; Vấn đề phân định biển; Vấn đề khai thác chung trong luật biển quốc tế; Cơ chế giải quyết tranh chấp theo quy định của Công ước Luật biển năm 1982.

Hướng dẫn cho người học thành thạo năng lực thu thập, xử lý thông tin, sử dụng phương tiện hiện đại để truy cập thông tin dữ liệu pháp lý liên quan đến việc nghiên cứu các chế định pháp luật liên quan đến luật biển quốc tế.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Hiểu được khái niệm, đặc điểm của Luật biển quốc tế; nội dung các loại nguồn luật của Luật biển quốc tế; các vùng biển theo quy định của Công ước Luật

biển năm 1982; những vấn đề pháp lý cơ bản về phân định biển và khai thác chung trên biển; cơ chế giải quyết tranh chấp theo quy định của Công ước Luật biển năm 1982.

Về kỹ năng:

- Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin về các vấn đề liên quan đến Luật biển quốc tế;

- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và bình luận các vấn đề về Luật biển quốc tế;

- Hình thành và phát triển kỹ năng so sánh trong quá trình tìm hiểu về các vấn đề của Luật biển quốc tế.

- Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm và kỹ năng bình luận, diễn đạt, thuyết trình trước công chúng.

- Phát triển kỹ năng tư duy, sáng tạo, khám phá tìm tòi, trau dồi và phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá.

Về thái độ:

- Tích cực nâng cao trình độ nhận thức về Luật biển quốc tế;

- Chủ động vận dụng kiến thức đã học để đánh giá và nhìn nhận đúng đắn các vấn đề liên quan đến hoạch định và giải quyết các tranh chấp trên biển giữa Việt Nam với các nước trong khu vực.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Hiểu được những vấn đề khái quát chung như: khái niệm, nguyên tắc, nguồn của Luật Biển quốc tế.	2,5
G2	Áp dụng được những nguyên tắc của Luật Biển quốc tế trong các phân tích về những trường hợp tranh chấp quốc tế về biển	3
G3	Biết được các vùng biển trong luật biển quốc tế: các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia; Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia; Biển cả và “vùng” trong Luật biển quốc tế; Các vùng biển đặc thù.	2,5
G4	Phân tích được các quy chế pháp lý về vùng biển trong luật biển quốc tế: các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia; Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia; Biển cả và “vùng” trong Luật biển quốc tế; Các vùng biển đặc thù.	3,5
G5	Hiểu được phân định biển trong luật biển quốc tế như: phương pháp phân định biển; Các trường hợp phân định lãnh hải và	2,5

	thực tiễn phân định biển giữa Việt Nam với các nước trong khu vực.	
G6	Phân tích được các trường hợp phân định vùng biển quốc tế	3,5
G7	Hiểu được hoạt động khai thác chung trong luật biển quốc tế và vai trò, cơ sở pháp lý của việc khai thác chung, các mô hình khai thác chung.	2,5
G8	Vận dụng các quy chế pháp lý để tiến hành các hoạt động khai thác chung trong các vùng biển.	3,5
G9	Nắm được các nguyên tắc và cơ chế giải quyết các tranh chấp quốc tế về biển.	2,5
G10	Phân tích được các trường hợp tranh chấp quốc tế về biển giữa Việt Nam và các quốc gia khác.	3,5
G11	Đánh giá các vấn đề liên quan đến hoạch định và giải quyết các tranh chấp trên biển giữa Việt Nam với các nước trong khu vực.	4

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Lí luận chung về Luật biển quốc tế

1.1. Khái niệm Luật biển quốc tế

1.2. Khái quát quá trình hình thành, phát triển của Luật biển quốc tế

1.3. Nguồn của Luật biển quốc tế

1.4. Các nguyên tắc của Luật biển quốc tế

- 1.4.1. Nguyên tắc tự do biển cả
- 1.4.2. Nguyên tắc sử dụng hợp lý và bảo tồn tài nguyên biển
- 1.4.3. Nguyên tắc bảo vệ môi trường biển
- 1.4.4. Nguyên tắc sử dụng biển cả vì mục đích hòa bình.
- 1.4.5. Nguyên tắc giữ gìn di sản chung của nhân loại

Chương 2. Các vùng biển trong luật biển quốc tế

2.1. Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia

- 2.1.1. Nội thủy
- 2.1.2. Lãnh hải

2.2. Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia

- 2.2.1. Vùng tiếp giáp lãnh hải
- 2.2.2. Vùng đặc quyền kinh tế
- 2.2.3. Thềm lục địa

2.3. Biển cả và “Vùng” trong Luật biển quốc tế

- 2.3.1. Biển cả

2.3.2. "Vùng" – di sản chung của nhân loại

2.4. Các vùng biển đặc thù

2.4.1. Vùng nước quần đảo

2.4.2. Eo biển quốc tế

2.4.3. Kênh đào quốc tế

Chương 3. Phân định biển trong luật biển quốc tế

3.1. Khái niệm phân định biển

3.1.1. Định nghĩa

3.1.2. Các phương pháp phân định biển

3.1.2.1. Phương pháp đường trung tuyến cách đều

3.1.2.2. Phương pháp công bằng

3.2. Các trường hợp phân định lãnh hải

3.2.1. Phân định lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải

3.2.2. Phân định vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa

3.3. Thực tiễn phân định biển giữa Việt Nam với các nước trong khu vực

3.3.1. Phân định ranh giới trên biển giữa Việt Nam với Thái Lan

3.3.2. Phân định vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung quốc

3.3.3. Phân định ranh giới thềm lục địa giữa Việt Nam với Indônêxia

3.3.4. Hợp tác khai thác chung thềm lục địa chồng lấn Việt Nam – Malaixxia

Chương 4. Khai thác chung trong luật biển quốc tế

4.1. Khái niệm khai thác chung

4.2. Cơ sở kí kết thoả thuận khai thác chung

4.3. Vai trò của khai thác chung

4.4. Một số mô hình khai thác chung trên thế giới

4.5. Khai thác chung trên biển giữa Việt Nam với các nước trong khu vực

Chương 5. Giải quyết các tranh chấp quốc tế về biển

5.1. Khái niệm

5.2. Trình tự, thủ tục chung về giải quyết tranh chấp quốc tế về biển

5.3. Nguyên tắc giải quyết quốc tế về biển

5.4. Các cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế về biển

5.4.1. Toà án quốc tế về luật biển

5.4.2. Trọng tài và trọng tài đặc biệt

5.4.3. Theo công ước biển 1982

5.5. Thực tiễn của Việt Nam về giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế về biển

5.5.1. Tình hình tranh chấp biển của Việt Nam

5.5.2. Quan điểm của Việt Nam về giải quyết hòa bình các tranh chấp trên biển đông

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

[1] Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Công pháp quốc tế phần I, phần II*, NXB Hồng Đức.

[2] Công ước Geneve năm 1958 về lãnh hải và tiếp giáp lãnh hải;

[3] Công ước Geneve năm 1958 về biển cả;

[4] Công ước Geneve năm 1958 về đánh cá và bảo tồn tài nguyên sinh vật biển;

[5] Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982;

[6] Công ước Viên về Luật điều ước quốc tế năm 1969;

[7] Hiệp định phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa Việt Nam – Trung Quốc năm 2000.

[8] Hiệp định và Nghị định thư bổ sung về hợp tác nghề cá trong Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam – Trung Quốc năm 2004.

[9] Tuyên bố về ứng xử giữa các bên ở biển Đông (DOC) năm 2002.

[10] Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

[11] Luật biên giới Việt Nam 2003.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Phán quyết của tòa trọng tài về vụ việc giữa Philippines và Trung Quốc năm 2016.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	Chương 1. Lí luận chung về Luật biển quốc tế 1.1. Khái niệm Luật biển quốc tế 1.2. Khái quát quá trình hình thành, phát triển của Luật biển quốc tế 1.3. Nguồn của Luật biển quốc tế	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G1
2	1.4. Các nguyên tắc của Luật biển quốc tế 1.4.1. Nguyên tắc tự do biển cả 1.4.2. Nguyên tắc sử dụng hợp lý và bảo tồn tài nguyên biển	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G1

	1.4.3. Nguyên tắc bảo vệ môi trường biển 1.4.4. Nguyên tắc sử dụng biển cả vì mục đích hòa bình. 1.4.5. Nguyên tắc giữ gìn di sản chung của nhân loại			
3	Thảo luận các nguyên tắc của luật biển quốc tế	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G2
4	Chương 2. Các vùng biển trong luật biển quốc tế 2.1. Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia 2.1.1. Nội thủy 2.1.2. Lãnh hải 2.2. Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia 2.2.1. Vùng tiếp giáp lãnh hải 2.2.2. Vùng đặc quyền kinh tế 2.2.3. Thềm lục địa	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G3
5	Thảo luận về các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G4
6	2.3. Biển cả và “Vùng” trong Luật biển quốc tế 2.3.1. Biển cả 2.3.2. “Vùng” – di sản chung của nhân loại 2.4. Các vùng biển đặc thù 2.4.1. Vùng nước quần đảo 2.4.2. Eo biển quốc tế 2.4.3. Kênh đào quốc tế	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G3
7	Thảo luận về biển cả và các vùng biển quốc tế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G4
8	Chương 3. Phân định biển trong luật biển quốc tế 3.1. Khái niệm phân định biển 3.1.1. Định nghĩa	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G5

	3.1.2. Các phương pháp phân định biển 3.1.2. 1. Phương pháp đường trung tuyến cách đều 3.1.2.2. Phương pháp công bằng			
9	3.2. Các trường hợp phân định lãnh hải 3.2.1. Phân định lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải 3.2.2. Phân định vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G5
10	3.4. Thực tiễn phân định biển giữa Việt Nam với các nước trong khu vực 3.4.1. Phân định ranh giới trên biển giữa Việt Nam với Thái Lan 3.4.2. Phân định vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung quốc 3.4.3. Phân định ranh giới thềm lục địa giữa Việt Nam với Indônêxia 3.4.4. Hợp tác khai thác chung thềm lục địa chống lẩn Việt Nam – Malaixxia	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G5
11	Thảo luận về các vùng biển quốc tế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G6
12	Chương 4. Khai thác chung trong luật biển quốc tế 4.1. Khái niệm khai thác chung 4.2. Cơ sở kí kết thoả thuận khai thác chung 4.3. Vai trò của khai thác chung 4.4. Một số mô hình khai thác chung trên thế giới	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G7
13	Thảo luận về vấn đề khai thác chung trong luật biển quốc tế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G8
14	Chương 5. Giải quyết các tranh chấp quốc tế về biển 5.1. Khái niệm	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G9 G10

	<p>5.2. Trình tự, thủ tục chung về giải quyết tranh chấp quốc tế về biển</p> <p>5.3. Nguyên tắc giải quyết quốc tế về biển</p> <p>5.4. Các cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế về biển</p> <p>5.4.1. Toà án quốc tế về luật biển</p> <p>5.4.2. Trọng tài và trọng tài đặc biệt</p> <p>5.4.3. Theo công ước biển 1982</p> <p>5.5. Thực tiễn của Việt Nam về giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế về biển</p> <p>5.5.1. Tình hình tranh chấp biển của Việt Nam</p> <p>5.5.2. Quan điểm của Việt Nam về giải quyết hòa bình các tranh chấp trên biển đông</p>			
15	Thảo luận tình huống về tranh chấp quốc tế trên biển đông	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G11

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải học trước môn Công pháp Quốc tế
- Phải đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập thảo luận nhóm trên lớp.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên..

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	

2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận
---------------------	----------------------------	-----	---------

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Trương Thị Tường Vi

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ LOGISTIC QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về dịch vụ Logistic Quốc tế (tiếng Anh): Law on International Logistic	
- Mã số học phần: 843305	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (<i>nếu có</i>)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Tư pháp quốc tế (843310)
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về dịch vụ logistics quốc tế bao gồm giao hàng, nhận hàng, vận chuyển, vận tải, lưu kho, lưu bãi, dịch vụ bưu chính, dịch vụ bán buôn, dịch vụ thương mại bán lẻ, làm thủ tục khai thuê hải quan, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, hoặc các dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức lý luận và quy định của pháp luật quốc tế về dịch vụ logistics bao gồm giao hàng, nhận hàng, vận chuyển, vận tải, lưu kho, lưu bãi, dịch vụ bưu chính, dịch vụ bán buôn, dịch vụ thương mại bán lẻ, làm thủ tục khai thuê hải quan, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, hoặc các dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa. Trên cơ sở đó so sánh, đánh giá mức độ phù hợp của pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế về dịch vụ logistics.

Về kĩ năng:

Giúp người học phát triển kỹ năng thu thập, phân tích thông tin, kỹ năng tổng hợp, phân tích, so sánh, bình luận, đánh giá các vấn đề về dịch vụ logistics trong quốc tế;

Phát triển kỹ năng lập luận, kỹ năng làm việc nhóm;

Vận dụng kiến thức đã học vào làm việc tại các công ty dịch vụ logistics quốc tế.

Về thái độ: Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc trong việc nhận thức về dịch vụ logistics.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Nắm được khái niệm, đặc điểm, phân loại, vai trò về dịch vụ logistics quốc tế	3
G2	Trình bày được nội dung công ước quốc tế về vận chuyển hàng không: phạm vi, chứng từ vận chuyển	3
G3	Nắm được trách nhiệm người vận chuyển.	4
G4	Giải quyết được tình huống pháp lý về vận chuyển hàng không	3
G5	Nắm được các quy tắc Hague-Visby, Công ước Hamburg, Công ước Rotterdam về vận chuyển đường biển	3
G6	Giải quyết được tranh chấp về dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế	4
G7	Nắm được Công ước vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường bộ; Nắm được Công ước của liên hiệp quốc về chuyên chở hàng hóa vận tải đa phương thức quốc tế	3
G8	Trình bày các công ước quốc tế vận chuyển đường bộ	4
G9	Nắm được công ước về vận đơn, vận tải Công ước Brussels 1924, <i>Nghị định thư VISBY 1968</i>	3
G10	Nắm được Công ước quốc tế về hợp đồng mua bán hàng hoá, Công ước Vienne 1980.	3
G11	Trình bày được về các công ước quốc tế về hợp đồng mua bán hàng hóa	4
G12	Nắm được Công ước thống nhất thủ tục hải quan, Hiệp định Hải quan ASEAN	3

G13	Trình bày được Công ước thống nhất thủ tục hải quan, Hiệp định Hải quan ASEAN	4
G14	Nắm được Hiệp định các dịch vụ thanh toán qua bưu chính, Các cam kết về viễn thông của Việt Nam trong diễn đàn hợp tác kinh tế Châu á – Thái Bình Dương, Các cam kết về viễn thông của Việt Nam trong ASEAN, Các cam kết về bưu chính viễn thông trong hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ, Các cam kết về bưu chính viễn thông của Việt Nam trong khuôn khổ WTO	3

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1:

KHÁI QUÁT VỀ DỊCH VỤ LOGISTICS QUỐC TẾ

- 1.1. Khái niệm dịch vụ logistics
- 1.2. Đặc điểm dịch vụ logistics
- 1.3. Phân loại dịch vụ logistics
- 1.4. Vai trò của dịch vụ logistics quốc tế

CHƯƠNG 2:

PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

2.1. Công ước quốc tế về vận chuyển hàng không

- 2.1.1. Phạm vi áp dụng
- 2.1.2. Chứng từ vận chuyển về hành khách
- 2.1.3. Chứng từ vận chuyển về hành lý
- 2.1.4. Không vận đơn.
- 2.1.5. Trách nhiệm người vận chuyển.
- 2.1.6. Quy định liên quan đến vận chuyển kết hợp hàng không, hàng hải và đường bộ.
- 2.1.7. Những quy định chung và cuối cùng.

2.2. Pháp luật quốc tế về vận chuyển đường biển.

- 2.2.1. Quy tắc Hague-Visby
- 2.2.2. Công ước Hamburg.(The Hamburg Rules).
- 2.2.3. Công ước Rotterdam
- 2.2.4 Những khác biệt giữa ba công ước

2.3. Pháp luật quốc tế về vận chuyển đường bộ

- 2.3.1. Công ước vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường bộ
- 2.3.2. Công ước của liên hiệp quốc về chuyên chở hàng hóa vận tải đa phương thức quốc tế

CHƯƠNG 3:

PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA

3.1. Công ước về vận đơn, vận tải.

3.1.1. Công ước Brussels 1924

3.1.2. *Nghị định thư VISBY 1968*

3.2. Công ước quốc tế về hợp đồng mua bán hàng hoá

3.2.1. Khái quát về Công ước Vienne 1980.

3.2.2. Nội dung chính của Công ước Vienne 1980

3.3. Quy tắc và thực hiện thống nhất tín dụng chứng từ

CHƯƠNG 4:

PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ HẢI QUAN

4.1. Công ước thống nhất thủ tục hải quan

4.2. Hiệp định Hải quan ASEAN

CHƯƠNG 5:

PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

5.1. Hiệp định các dịch vụ thanh toán qua bưu chính

5.2. Các cam kết về viễn thông của Việt Nam trong diễn đàn hợp tác kinh tế Châu á – Thái Bình Dương

5.3. Các cam kết về viễn thông của Việt Nam trong ASEAN

5.4. Các cam kết về bưu chính viễn thông trong hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ

5.5. Các cam kết về bưu chính viễn thông của Việt Nam trong khuôn khổ WTO

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Hoàng Văn Châu (chủ biên), *Giáo trình Logistics và Vận tải quốc tế*, NXB Thông tin và Truyền thông, 2009.

6.2. Tài liệu khác:

[1] Công ước quốc tế về vận chuyển hàng không

[2]. Quy tắc Hague-Visby

[3]. Công ước Hamburg

[4]. Công ước Rotterdam

[5]. Công ước vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường bộ

[6]. Công ước của liên hiệp quốc về chuyên chở hàng hóa vận tải đa phương thức quốc tế

[7]. Công ước về vận đơn, vận tải

[8] Công ước Brussels 1924

[9]. *Nghị định thư VISBY 1968*

- [10]. Công ước quốc tế về hợp đồng mua bán hàng hoá
- [11]. Quy tắc và thực hiện thống nhất tín dụng chứng từ
- [12]. Công ước thống nhất thủ tục hải quan
- [13]. Hiệp định Hải quan ASEAN
- [14]. Hiệp định các dịch vụ thanh toán qua bưu chính

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG 1</p> <p style="text-align: center;">KHÁI QUÁT VỀ DỊCH VỤ LOGISTICS QUỐC TẾ</p> <p>1.1 Khái niệm dịch vụ logistics</p> <p>1.2 Đặc điểm dịch vụ logistics</p> <p>1.3 Phân loại dịch vụ logistics</p> <p>1.4 Vai trò của dịch vụ logistics quốc tế</p> <p style="text-align: center;">CHƯƠNG 2: PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA QUỐC TẾ</p> <p>2.1. Công ước quốc tế về vận chuyển hàng không</p> <p>2.1.1. Phạm vi áp dụng</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G1; G2
2	<p>2.1.2. Chứng từ vận chuyển về hành khách</p> <p>2.1.3. Chứng từ vận chuyển về hành lý</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G4
3	<p>2.1.4. Không vận đơn.</p> <p>2.1.5. Trách nhiệm người vận chuyển.</p> <p>2.1.6. Quy định liên quan đến vận chuyển kết hợp hàng không, hàng hải và đường bộ.</p> <p>2.1.7. Những quy định chung và cuối cùng</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G2; G3
4	Bài tập tình huống về dịch vụ vận chuyển hàng không	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G4
5	<p>2.2. Pháp luật quốc tế về vận chuyển đường biển</p> <p>2.2.1. Quy tắc Hague-Visby</p>	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G5

	2.2.2. Công ước Hamburg.(The Hamburg Rules). 2.2.3. Công ước Rotterdam 2.2.4. Những khác biệt giữa ba công ước			
6	Thảo luận, bài tập về dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G6
7	2.3. Pháp luật quốc tế về vận chuyển đường bộ 2.3.1. Công ước vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường bộ 2.3.2. Công ước của liên hiệp quốc về chuyên chở hàng hóa vận tải đa phương thức quốc tế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G7
8	Thảo luận về các công ước quốc tế vận chuyển đường bộ	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G8
9	CHƯƠNG 3: PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ GIAO, NHẬN HÀNG HÓA 3.1. Công ước về vận đơn, vận tải 3.1.1. Công ước Brussels 1924	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G9
10	3.1.2. Nghị định thư VISBY 1968 3.2. Công ước quốc tế về hợp đồng mua bán hàng hoá 3.2.1. Khái quát về Công ước Vienne 1980.	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G9; G10
11	3.2.2. Nội dung chính của Công ước Vienne 1980	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G10
12	Thảo luận, bài tập về các công ước quốc tế về hợp đồng mua bán hàng hóa	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G11
13	CHƯƠNG 4: PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ HẢI QUAN 4.1. Công ước thống nhất thủ tục hải quan 4.2. Hiệp định Hải quan ASEAN	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G12

14	Thảo luận bài tập về hải quan quốc tế	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G13
15	CHƯƠNG 5: PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG 5.1. Hiệp định các dịch vụ thanh toán qua bưu chính 5.2. Các cam kết về viễn thông của Việt Nam trong diễn đàn hợp tác kinh tế Châu á – Thái Bình Dương 5.3. Các cam kết về viễn thông của Việt Nam trong ASEAN 5.4. Các cam kết về bưu chính viễn thông trong hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ 5.5. Các cam kết về bưu chính viễn thông của Việt Nam trong khuôn khổ WTO	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G14

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải học trước môn Tư pháp quốc tế
- Phải đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập thảo luận nhóm trên lớp.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/Email: k_luat@sgu.edu.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Trương Thị Tường Vi

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Anh chuyên ngành Luật Kinh doanh (tiếng Anh): Professional Legal English - Business Law	
- Mã số học phần: 843306	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Tiếng Anh I
- Học phần song hành (nếu có):	Không

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Luật Kinh doanh được thiết kế giúp cho sinh viên học tập cách tư duy pháp luật bằng tiếng Anh thông qua các bài giảng có nội dung kiến thức pháp luật do các chuyên gia Luật viết bằng tiếng Anh. Sinh viên sẽ nắm bắt được những kiến thức cơ bản về pháp luật, pháp trị, chế tài, bản chất và các loại hợp đồng, các yếu tố liên quan đến hợp đồng, khái niệm cơ bản về luật công ty, cấu trúc vốn của công ty. Từ đó sinh viên có thể tự giải quyết tình huống, diễn giải ý kiến của mình, tranh luận với người khác bằng tiếng Anh về một số chủ đề pháp luật liên quan cụ thể.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức:

- Nắm bắt được những kiến thức cơ bản và bản chất các khái niệm về pháp luật, pháp trị, chế tài...

- Nắm bắt được những kiến thức cơ bản bản chất và các loại hợp đồng, các yếu tố liên quan đến hợp đồng, luật thương mại, một số kiến thức cơ bản về luật quốc tế nói chung và luật thương mại quốc tế nói riêng..

- Tự giải quyết tình huống, diễn giải ý kiến của mình, tranh luận với người khác bằng tiếng Anh về một số chủ đề pháp luật liên quan cụ thể.

- Phát triển khả năng tìm tòi tài liệu có liên quan đến nội dung bài học và tự xử lý các văn bản tiếng Anh khi gặp phải.

Về kỹ năng:

- Củng cố và phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Anh.

- Trau dồi kỹ năng tìm, đọc và xử lý các văn bản tiếng Anh khác .

Về thái độ:

- Đối với giảng viên: Tích cực nghiên cứu, cập nhật kiến thức, truyền tải kịp thời cho sinh viên. Hướng dẫn cho sinh viên tự học, nghiên cứu, không ngừng tiếp thu và mở rộng kiến thức của mình. Đảm bảo các yêu cầu và mục tiêu của chương trình.

- Đối với sinh viên: Tham dự lớp học nghiêm túc, đầy đủ. Có ý thức cập nhật các thông tin có liên quan đến môn học. Trau dồi ý thức tự học, nghiên cứu, không ngừng tiếp thu và mở rộng kiến thức của mình.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Áp dụng được từ vựng mới làm các bài tập về từ vựng trong bài	3
G2	Áp dụng được các cấu trúc câu mới để giải quyết các bài tập liên quan đến ngữ pháp, đọc, dịch viết.	3
G3	Trình bày bằng tiếng Anh những định nghĩa, đặc điểm, bản chất vấn đề chính trong mỗi bài học như: Law, Rule of Law, saction of law, contract, offer, acceptance, contractual capacity, nature of corporation, capital, capital structure...	1
G4	Trình bày được quan điểm, đánh giá của cá nhân liên quan đến từng vấn đề trong bài học, giải thích lý do nêu quan điểm	5
G5	Nghe hiểu các phần trình bày của bạn học, tham gia hỏi và đáp để làm sáng tỏ nội dung trao đổi	2
G6	Phân tích mối liên hệ giữa các thông tin trong bài để hiểu rõ nội dung bài đọc	4

G7	Tổng hợp được các thông tin trong bài và trả lời các câu hỏi đọc hiểu.	4
G8	Viết được đa dạng các loại câu sử dụng lại được các từ vựng, ngữ pháp được giới thiệu trong từng bài học	6
G9	Dịch viết được những câu ngắn hay đoạn từ tiếng Anh sang tiếng Việt hay từ tiếng Việt sang tiếng Anh	6

5. Nội dung chi tiết học phần

Môn Tiếng Anh chuyên ngành Luật là một bộ môn đặc thù. Người học không chỉ cần nắm vững tiếng Anh (kiến thức ngôn ngữ), mà còn phải nắm bắt cả nội dung bài học (kiến thức chuyên ngành). Điều này đòi hỏi cả người dạy và người học phải có ý thức dạy và học cả nội dung ngôn ngữ, nội dung pháp luật, kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng nghề luật. Cụ thể là

- Nội dung ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm trong các bài học
- Kỹ năng ngôn ngữ: nói, nghe, đọc, viết
- Kỹ năng nghề nghiệp: xử lý văn bản pháp luật bằng tiếng Anh

CHAPTER 1. GENERAL CONCEPTS OF LAW AND STATE

5.1.1. Lesson 1: What is law?

- 5.1.1.1. Pre-text exercises
- 5.1.1.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.1.1.3. What is law?
- 5.1.1.4. Post-reading activities

5.1.2. Lesson 2: The Rule of Law

- 5.1.2.1. Pre-text exercises
- 5.1.2.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.1.2.3. The Rule of Law
- 5.1.2.4. Post-reading activities

5.1.3. Lesson 3: The sanction of law

- 5.1.3.1. Pre-text exercises
- 5.1.3.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.1.3.3. The sanction of law
- 5.1.3.4. Post-reading activities

5.1.4. Lesson 4: The sanction of law (continued)

- 5.1.4.1. Pre-text exercises
- 5.1.4.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.1.4.3. The sanction of law (continued)
- 5.1.4.4. Post-reading activities

CHAPTER 5: CONTRACT LAW

5.2.1. Lesson 31: Nature and kinds of Contracts

- 5.2.1.1. Pre-text exercises
- 5.2.1.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.2.1.3. Nature and kinds of Contracts
- 5.2.1.4. Post-reading activities

5.2.2. Lesson 32: Offer and Acceptance

- 5.2.2.1. Pre-text exercises
- 5.2.2.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.2.2.3. Offer and Acceptance
- 5.2.2.4. Post-reading activities

5.2.3. Lesson 34: Contractual Capacity of Parties

- 5.2.3.1. Pre-text exercises
- 5.2.3.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.2.3.3. Contractual Capacity of Parties
- 5.2.3.4. Post-reading activities

CHAPTER 6: CORPORATION LAW

5.3.1. Lesson 36: The Nature of Corporation

- 5.3.1.1. Pre-text exercises
- 5.3.1.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.3.1.3. The Nature of Corporation
- 5.3.1.4. Post-reading activities

5.3.2. Lesson 38: Capital Structure of a Corporation

- 5.3.2.1. Pre-text exercises
- 5.3.2.2. Learning vocabulary and grammar
- 5.3.2.3. Capital Structure of a Corporation
- 5.3.2.4. Post-reading activities

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Lê Hồng Hạnh (2004), *Improving your Understanding Law in English*, Publishing House of National University.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Hồng Hạnh (1994), *Getting into Legal Terminology*, Publishing House of National University.

[3]. Lê Hồng Hạnh (1997), *English for Lawyers*, Publishing House of National University.

[4]. Nhiều tác giả (2003), *Tiếng Anh Chuyên ngành Luật*, Nhà xuất bản Thống Kê.

[5]. Nhiều tác giả (2006), *Tài liệu tọa đàm “Giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành Luật cho sinh viên ngành luật”*, Đại học Luật.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
	Chapter 1 “General Concepts of Law and State”	- Communicative approach - Reading or Listening, and Speaking or Writing		
1	5.1.1. Lesson 1: What is law?	4 tiết		
	5.1.1.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do ‘pre-text exercises’.	G3 G4 G5
	5.1.1.2. - Learning vocabulary and grammar	1.5	Students learn meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
2	5.1.1.3. What is law?	1.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.1.1.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
3	5.1.2. Lesson 2 : The Rule of Law	4 tiết		

	5.1.2.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do 'pre-text exercises'.	G3 G4 G5
	5.1.2.2. - Learning vocabulary and grammar	1.5	Students learn meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
4	5.1.2.3. The Rule of Law	1.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.1.2.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
5	5.1.3. Lesson 3: The sanction of law	2 tiết		
	5.1.3.1 - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do 'pre-text exercises'.	G3 G4 G5
	5.1.3.2 - Learning vocabulary and grammar	0.5	Students learn meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
	5.1.3.3 The sanction of law	0.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.1.3.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4

	5.1.4. Lesson 4: The sanction of law (continued)	4 tiết		
6	5.1.4.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do 'pre-text exercises'.	G3 G4 G5
	5.1.4.2. - Learning vocabulary and grammar	1.5	Students learn meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
7	5.1.4.3. The sanction of law (continued)	1.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.1.4.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
	5.2 Chapter 5: Contract Law	- Communicative approach - Reading or Listening, and Speaking or Writing		
	5.2.1. Lesson 31 : Nature and kinds of Contracts	3.5 tiết		
8	5.2.1.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do 'pre-text exercises'.	G3 G4 G5
	5.2.1.2. - Learning vocabulary and grammar	1	Students learn meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
9	5.2.1.3. Nature and kinds of Contracts	1.5	Students read the text and do	G6 G7

			comprehensive exercises individually.	
	5.2.1.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
	5.2.2. Lesson 32 : Offer and Acceptance	3.5 tiết		
10	5.2.2.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do ‘pre-text exercises’.	G3 G4 G5
	5.2.2.2. - Learning vocabulary and grammar	1	Students learn meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
11	5.2.2.3. Offer and Acceptance	1.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.2.2.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
	5.2.3. Lesson 34: Contractual Capacity of Parties	3.5 tiết		
12	5.2.3.1 - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do ‘pre-text exercises’.	G3 G4 G5
	5.2.3.2 - Learning vocabulary and grammar	1	Students learn meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2

13	5.2.3.3 Contractual Capacity of Parties	1.5	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.2.3.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
	5.3 Chapter 6: Corporation Law	-Communicative approach - Reading or Listening, and Speaking or Writing		
14	5.3.1. Lesson 36: The Nature of Corporation	2.5 tiết		
	5.3.1.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do 'pre-text exercises'.	G3 G4 G5
	5.3.1.2. - Learning vocabulary and grammar	0.5	Students learn meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
	5.3.1.3. The Nature of Corporation	1	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
	5.3.1.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4
15	5.3.2. Lesson 38: Capital Structure of a Corporation	3 tiết		

5.3.2.1. - Pre-text exercises	0.5	Students (in groups) do 'pre-text exercises'.	G3 G4 G5
5.3.2.2. - Learning vocabulary and grammar	1	Students learn meaning of new key words of the text and certain structures.	G1 G2
5.3.2.3. Capital Structure of a Corporation	1	Students read the text and do comprehensive exercises individually.	G6 G7
5.3.2.4. - Post-reading activities	0.5	Students (in groups) do further practice after reading activities.	G8 G9 G4

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học xong học phần Tiếng Anh I trước khi học học phần Tiếng Anh chuyên ngành Luật Kinh doanh

- Sinh viên phải tham gia các buổi học trên lớp và phải có sự chuẩn bị bài trước, tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4 (1.1 + 1.2)	Điểm danh + kiểm tra giữa kỳ
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	Điểm danh

1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thực hành/bài tập	0.1	Kiểm tra kỹ năng nói, nghe, viết
	- Điểm thảo luận trên lớp	0.1	
	- Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.1	
2. Đánh giá cuối kỳ	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0.6 (≥ 0.5)	Thi học kỳ: Đề đóng, trắc nghiệm, viết, tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

- Địa chỉ/email: k_ngoaingu@sgu.edu.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Nguyễn Thị Huệ

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật đầu tư (tiếng Anh): Laws on investment	
- Mã số học phần: 843320 (845101)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	3
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	15
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	90
- Học phần tiên quyết:	Luật thương mại 2
- Học phần song hành (nếu có):

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến pháp luật đầu tư của Việt Nam. Hướng dẫn cho sinh viên thành thạo năng lực thu thập, xử lý thông tin, sử dụng phương tiện hiện đại để truy cập thông tin dữ liệu pháp lý liên quan đến các quy trình, thủ tục đầu tư và triển khai thực hiện dự án đầu tư, các biện pháp bảo đảm về khuyến khích đầu tư trong pháp luật hiện hành của nước ta.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức Hiểu được Khái niệm về đầu tư và pháp luật đầu tư, đặc điểm và sự phân loại các dự án đầu tư; Trình bày được những quy định của pháp luật về các biện pháp bảo đảm đầu tư và các biện pháp khuyến khích đầu tư một cách tổng quan nhất. Nhớ được các quy định của pháp luật về đầu tư trực tiếp theo hợp đồng, quy chế pháp

lý về các khu kinh tế đặc biệt, cũng như sự quản lý của nhà nước đối với các khu kinh tế đặc biệt trong pháp luật đầu tư. Trình bày được các vấn đề liên quan khái niệm, thẩm quyền và thủ tục cấp phép đầu tư đối với các dự án đầu tư kinh doanh vốn nhà nước, ngoài ra khái quát về đầu tư ra nước ngoài và pháp luật đầu tư ra nước ngoài trong pháp luật hiện hành về đầu tư trong giai đoạn hội nhập kinh tế thế giới mang tính toàn cầu ở nước ta

Về kỹ năng: Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá để giải quyết tình huống cụ thể liên quan đến quy trình, thủ tục đầu tư và triển khai các dự án đầu tư của các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư. Phát triển Kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm và kỹ năng bình luận, diễn đạt, thuyết trình và phản biện trước công chúng. Phát triển kỹ năng tư duy, sáng tạo, khám phá tìm tòi, trau dồi và phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá theo khoa học pháp lý

Về thái độ: Hình thành sự chủ động sáng tạo trong việc bổ sung, củng cố và nâng cao trình độ nhận thức của người học về các vấn đề thuộc khái niệm đầu tư trong khoa học pháp lý về luật đầu tư. Chủ động, tự tin vận dụng kiến thức đã học để phân tích và giải quyết các vấn đề chung về luật đầu tư trong đó chú trọng về các biện pháp bảo đảm đầu tư và khuyến khích đầu tư thể hiện rõ khung khổ pháp lý của nước ta là nhà nước có nền kinh tế thị trường

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Hiểu những vấn đề lý luận chung về đầu tư như khái niệm, phân loại, các hình thức đầu tư, lĩnh vực đầu tư, địa bàn đầu tư	2.0
G2	Hiểu những vấn đề khái quát về luật đầu tư như khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh, chủ thể, nguồn của luật đầu tư, lịch sử phát triển luật đầu tư ở Việt Nam, hệ thống pháp luật về đầu tư.	2.0
G3	Nhớ, hiểu các quy định của pháp luật đầu tư về quy trình, thủ tục đầu tư và triển khai dự án đầu tư, liên hệ với thực tiễn và áp dụng quy định vào trong các tình huống cụ thể	4.0
G4	Hiểu các vấn đề cơ bản về các biện pháp bảo đảm đầu tư, lý giải được sự cần thiết của các biện pháp bảo đảm đầu tư, áp dụng được các quy định pháp luật về biện pháp bảo đảm đầu tư vào các tình huống cụ thể.	3.5

G5	<i>Hiểu các vấn đề cơ bản về các biện pháp khuyến khích đầu tư, lý giải được sự cần thiết của các biện pháp khuyến khích đầu tư, vận dụng được các quy định pháp luật về biện pháp khuyến khích đầu tư vào các tình huống cụ thể.</i>	3.5
G6	<i>Hiểu được khái niệm, đặc điểm, và nội dung cơ bản của pháp luật về đầu tư trực tiếp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT), liên hệ với thực tiễn, đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật, áp dụng quy định vào trong các tình huống cụ thể.</i>	4.0
G7	<i>Hiểu được khái niệm về các khu kinh tế đặc biệt, chỉ ra được sự cần thiết của sự hình thành và phát triển các khu kinh tế đặc biệt, nắm vững các quy định về hoạt động đầu tư vào các khu kinh tế đặc biệt, liên hệ với thực tiễn, áp dụng các quy định vào trong các tình huống cụ thể.</i>	4.0
G8	<i>Hiểu những vấn đề khái quát về đầu tư ra nước ngoài, nắm vững các quy định về hoạt động đầu tư ra nước ngoài, liên hệ với thực tiễn, đánh giá về hiệu quả áp dụng pháp luật, vận dụng các quy định vào trong những tình huống cụ thể.</i>	4.0
G9	<i>Hiểu những vấn đề khái quát về đầu tư kinh doanh vốn nhà nước, nắm vững các quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh vốn nhà nước, liên hệ với thực tiễn, đánh giá về hiệu quả áp dụng pháp luật, vận dụng các quy định vào trong những tình huống cụ thể.</i>	4.0

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LUẬT ĐẦU TƯ

1.1. Khái quát về đầu tư

- 1.1.1. Khái niệm đầu tư
- 1.1.2. Phân loại đầu tư
- 1.1.3. Hình thức đầu tư.
- 1.1.4. Lĩnh vực đầu tư và địa bàn đầu tư

1.2. Khái quát về Luật đầu tư

- 1.2.1. Khái niệm luật đầu tư
- 1.2.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật đầu tư
- 1.2.3. Chủ thể của luật đầu tư
- 1.2.4. Nguồn của Luật đầu tư
- 1.2.5. Khái quát lịch sử phát triển của Luật Đầu tư ở Việt Nam

1.3. Khoa học luật đầu tư và hệ thống pháp luật đầu tư

- 1.3.1. Khoa học Luật đầu tư
- 1.3.2. Hệ thống pháp luật đầu tư

CHƯƠNG 2:

QUY TRÌNH, THỦ TỤC ĐẦU TƯ VÀ TRIỂN KHAI DỰ ÁN ĐẦU TƯ

2.1. Khái niệm và phân loại dự án đầu tư

- 2.1.1. Khái niệm dự án đầu tư
- 2.1.2. Phân loại dự án đầu tư

2.2. Những nội dung cơ bản của quy trình thủ tục đầu tư và triển khai dự án đầu tư

- 2.2.1. Chuẩn bị đầu tư
- 2.2.2. Thủ tục đầu tư
- 2.2.3. Triển khai thực hiện dự án đầu tư

CHƯƠNG 3: ĐẢM BẢO ĐẦU TƯ

3.1. Những vấn đề cơ bản về các biện pháp bảo đảm đầu tư

- 3.1.1. Khái niệm các biện pháp bảo đảm đầu tư
- 3.1.2. Cơ sở pháp lý để áp dụng những biện pháp bảo đảm đầu tư ở Việt Nam

3.2. Sự cần thiết phải ban hành các biện pháp bảo đảm đầu tư

- 3.2.1. Mối quan hệ giữa các biện pháp bảo đảm đầu tư và môi trường đầu tư
- 3.2.2. Vai trò của các biện pháp bảo đảm đầu tư

3.3. Nội dung các biện pháp bảo đảm đầu tư

- 3.3.1. Bảo đảm quyền sở hữu tài sản hợp pháp
- 3.3.2. Bảo đảm cơ chế giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động đầu tư.
- 3.3.3. Bảo đảm đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư
- 3.3.4. Bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư khi có những thay đổi về chính sách, pháp luật
- 3.3.5. Bảo đảm việc chuyển lợi nhuận và thu nhập hợp pháp khác của nhà đầu tư ra nước ngoài
- 3.3.6. Những biện pháp bảo đảm đầu tư khác

CHƯƠNG 4: CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ

4.1. Những vấn đề chung về các biện pháp khuyến khích đầu tư

- 4.1.1. Khái niệm các biện pháp khuyến khích đầu tư
- 4.1.2. Cơ sở pháp lý để áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư ở Việt Nam

4.2. Sự cần thiết phải đặt ra các biện pháp khuyến khích đầu tư

- 4.2.1. Mối quan hệ giữa các biện pháp khuyến khích đầu tư và môi trường đầu tư
- 4.2.2. Vai trò của các biện pháp khuyến khích đầu tư

4.3. Nội dung các biện pháp khuyến khích đầu tư

- 4.3.1. Các ưu đãi về tài chính

- 4.3.2. Các ưu đãi liên quan đến chính sách sử dụng đất, mặt nước, mặt biển
- 4.3.3. Các biện pháp hỗ trợ về thủ tục hành chính
- 4.3.4. Các biện pháp ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích đầu tư khác

CHƯƠNG 5: ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP THEO HỢP ĐỒNG

5.1. Đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

- 5.1.1. Khái niệm, đặc điểm
- 5.1.2. Quan hệ pháp luật đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh
- 5.1.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh

5.2. Đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT); hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh (BTO); hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT)

- 5.2.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng BOT, BTO, BT
- 5.2.2. Quan hệ pháp luật đầu tư theo hợp đồng BOT, BTO, BT
- 5.2.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về đầu tư theo hợp đồng BOT, BTO, BT

CHƯƠNG 6: ĐẦU TƯ VÀO CÁC KHU KINH TẾ ĐẶC BIỆT

6.1. Sự cần thiết hình thành và phát triển các khu kinh tế đặc biệt ở Việt Nam.

- 6.1.1. Các khu kinh tế đặc biệt ở một số nước trên thế giới và khu vực châu Á
- 6.1.2. Sự cần thiết hình thành khu công, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế ở Việt Nam
- 6.1.3. Cam kết quốc tế về đầu tư và một số yêu cầu đặt ra cho pháp luật đầu tư vào các khu kinh tế đặc biệt ở Việt Nam

6.2. Khái niệm và đặc điểm của các khu kinh tế đặc biệt

- 6.2.1. Khu công nghiệp
- 6.2.2. Khu chế xuất
- 6.2.3. Khu công nghệ cao
- 6.2.4. Khu kinh tế, khu kinh tế mở, khu kinh tế cửa khẩu

6.3. Trình tự, thủ tục, thành lập các khu kinh tế đặc biệt

- 6.3.1. Thành lập khu công nghiệp
- 6.3.2. Thành lập khu kinh tế

6.4. Những quy định cơ bản về hoạt động đầu tư vào các khu kinh tế đặc biệt

- 6.4.1. Quy định về nhà đầu tư vào các loại khu kinh tế đặc biệt
- 6.4.2. Các loại doanh nghiệp hoạt động tại các khu kinh tế đặc biệt
- 6.4.3. Quy định về lĩnh vực đầu tư
- 6.4.4. Quy định về thủ tục đầu tư vào các loại khu kinh tế đặc biệt
- 6.4.5. Quy định về ưu đãi đầu tư

6.5. Quản lý nhà nước đối với các khu vực kinh tế đặc biệt

- 6.5.1. Nội dung quản lý nhà nước đối với các khu kinh tế đặc biệt
- 6.5.2. Thẩm quyền quản lý nhà nước đối với các khu kinh tế đặc biệt

6.5.3. Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, kinh tế cấp tỉnh thành quản lý

CHƯƠNG 7: ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

7.1. Khái quát về đầu tư ra nước ngoài

7.1.1. Khái niệm và đặc điểm của đầu tư ra nước ngoài

7.1.2. Khái quát về tình hình đầu tư ra nước ngoài của các nhà đầu tư Việt Nam

7.1.3. Vai trò của hoạt động đầu tư ra nước ngoài

7.2. Pháp luật về đầu tư ra nước ngoài

7.2.1. Khái quát về sự hình thành và phát triển của pháp luật đầu tư ra nước ngoài

7.2.2. Những nội dung cơ bản của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài hiện hành

CHƯƠNG 8: ĐẦU TƯ, KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

8.1. Khái quát về đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước

8.1.1. Khái niệm, đặc điểm đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước

8.1.2. Các loại vốn được nhà nước sử dụng đầu tư, kinh doanh

8.1.3. Vai trò của đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước

8.1.4. Yêu cầu của việc quản lý đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước

8.2. Nội dung đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước

8.2.1. Chủ thể thực hiện nhiệm vụ quản lý, nhiệm vụ đầu tư kinh doanh vốn nhà nước

8.2.2. Đối tượng được đầu tư vốn nhà nước

8.2.3. Phương thức đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước

8.2.4. Thu hồi vốn đầu tư

8.3. Trình tự đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước

8.3.1. Xây dựng kế hoạch đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước

8.3.2. Phê DUYỆT BGH kế hoạch đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước

8.3.3. Thực hiện kế hoạch đầu tư

8.3.4. Thay đổi nội dung, hoãn, đình chỉ, hủy bỏ dự án đầu tư

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] ThS. Đoàn Trung Kiên, *Giáo trình Luật Đầu tư*, NXB. Giáo dục, 2009.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Các bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành liên quan đến học phần này.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
-------------------------------	-------------------------	--	--------------------------------------	----------------------------

1	<p>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LUẬT ĐẦU TƯ</p> <p>1.1 Khái quát về đầu tư</p> <p>1.1.1 Khái niệm đầu tư</p> <p>1.1.2. Phân loại đầu tư</p> <p>1.1.3. Hình thức đầu tư.</p> <p>1.1.4. Lĩnh vực đầu tư và địa bàn đầu tư</p> <p>1.2. Khái quát về Luật đầu tư</p> <p>1.2.1. Khái niệm luật đầu tư</p> <p>1.2.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật đầu tư</p> <p>1.2.3. Chủ thể của luật đầu tư</p> <p>1.2.4. Nguồn của Luật đầu tư</p> <p>1.2.5. Khái quát lịch sử phát triển của Luật Đầu tư ở Việt Nam</p> <p>1.3. Khoa học luật đầu tư và hệ thống pháp luật đầu tư</p> <p>1.3.1. Khoa học Luật đầu tư</p> <p>1.3.2. Hệ thống pháp luật đầu tư</p>	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G1, G2
2	<p>CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH, THỦ TỤC ĐẦU TƯ VÀ TRIỂN KHAI DỰ ÁN ĐẦU TƯ</p> <p>2.1. Khái niệm và phân loại dự án đầu tư</p> <p>2.1.1. Khái niệm dự án đầu tư</p> <p>2.1.2. Phân loại dự án đầu tư</p> <p>2.2. Những nội dung cơ bản của quy trình thủ tục đầu tư và triển khai dự án đầu tư</p> <p>2.2.1. Chuẩn bị đầu tư</p> <p>2.2.2. Thủ tục đầu tư</p> <p>2.2.3. Triển khai thực hiện dự án đầu tư</p>	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G3
3	<p>CHƯƠNG 3: ĐẢM BẢO ĐẦU TƯ</p> <p>3.1. Những vấn đề cơ bản về các biện pháp bảo đảm đầu tư</p> <p>3.1.1. Khái niệm các biện pháp bảo đảm đầu tư</p>	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G4

	<p>3.1.2. Cơ sở pháp lý để áp dụng những biện pháp bảo đảm đầu tư ở Việt Nam</p> <p>3.2. Sự cần thiết phải ban hành các biện pháp bảo đảm đầu tư</p> <p>3.2.1. Mối quan hệ giữa các biện pháp bảo đảm đầu tư và môi trường đầu tư</p> <p>3.2.2. Vai trò của các biện pháp bảo đảm đầu tư</p> <p>3.3. Nội dung các biện pháp bảo đảm đầu tư</p> <p>3.3.1. Bảo đảm quyền sở hữu tài sản hợp pháp</p> <p>3.3.2. Bảo đảm cơ chế giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động đầu tư.</p> <p>3.3.3 Bảo đảm đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư</p> <p>3.3.4. Bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư khi có những thay đổi về chính sách, pháp luật</p> <p>3.3.5. Bảo đảm việc chuyển lợi nhuận và thu nhập hợp pháp khác của nhà đầu tư ra nước ngoài</p> <p>3.3.6. Những biện pháp bảo đảm đầu tư khác</p>			
4	Thực hành	3 tiết thực hành	Thực hành giải quyết các tình huống về quy trình, thủ tục đầu tư, các biện pháp bảo đảm đầu tư	G3, G4
5	<p>CHƯƠNG 4: CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ</p> <p>4.1. Những vấn đề chung về các biện pháp khuyến khích đầu tư</p> <p>4.1.1. Khái niệm các biện pháp khuyến khích đầu tư</p>	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G5

	<p>4.1.2. Cơ sở pháp lý để áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư ở Việt Nam</p> <p>4.2. Sự cần thiết phải đặt ra các biện pháp khuyến khích đầu tư</p> <p>4.2.1. Mối quan hệ giữa các biện pháp khuyến khích đầu tư và môi trường đầu tư</p> <p>4.2.2. Vai trò của các biện pháp khuyến khích đầu tư</p> <p>4.3. Nội dung các biện pháp khuyến khích đầu tư</p> <p>4.3.1. Các ưu đãi về tài chính</p> <p>4.3.2. Các ưu đãi liên quan đến chính sách sử dụng đất, mặt nước, mặt biển</p> <p>4.3.3. Các biện pháp hỗ trợ về thủ tục hành chính</p> <p>4.3.4. Các biện pháp ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích đầu tư khác</p>			
6	<p>CHƯƠNG 5: ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP THEO HỢP ĐỒNG</p> <p>5.1. Đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)</p> <p>5.1.1. Khái niệm, đặc điểm</p> <p>5.1.2. Quan hệ pháp luật đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh</p> <p>5.1.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh</p> <p>5.2. Đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT); hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh (BTO); hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT)</p> <p>5.2.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng BOT, BTO, BT</p> <p>5.2.2. Quan hệ pháp luật đầu tư theo hợp đồng BOT, BTO, BT</p>	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G6

	5.2.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về đầu tư theo hợp đồng BOT, BTO, BT			
7	Thực hành	3 tiết thực hành	Thực hành giải quyết các tình huống về các hình thức đầu tư BCC, BOT, BTO, BT	G6
8	<p>CHƯƠNG 6: ĐẦU TƯ VÀO CÁC KHU KINH TẾ ĐẶC BIỆT</p> <p>6.1. Sự cần thiết hình thành và phát triển các khu kinh tế đặc biệt ở Việt Nam.</p> <p>6.1.1. Các khu kinh tế đặc biệt ở một số nước trên thế giới và khu vực châu Á</p> <p>6.1.2. Sự cần thiết hình thành khu công, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế ở Việt Nam</p> <p>6.1.3. Cam kết quốc tế về đầu tư và một số yêu cầu đặt ra cho pháp luật đầu tư vào các khu kinh tế đặc biệt ở Việt Nam</p> <p>6.2. Khái niệm và đặc điểm của các khu kinh tế đặc biệt</p> <p>6.2.1. Khu công nghiệp</p> <p>6.2.2. Khu chế xuất</p> <p>6.2.3. Khu công nghệ cao</p> <p>6.2.4. Khu kinh tế, khu kinh tế mở, khu kinh tế cửa khẩu</p> <p>6.3. Trình tự, thủ tục, thành lập các khu kinh tế đặc biệt</p> <p>6.3.1. Thành lập khu công nghiệp</p> <p>6.3.2. Thành lập khu kinh tế</p>	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G7
9	6.4. Những quy định cơ bản về hoạt động đầu tư vào các khu kinh tế đặc biệt	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt	G7

	<p>6.4.1. Quy định về nhà đầu tư vào các loại khu kinh tế đặc biệt</p> <p>6.4.2. Các loại doanh nghiệp hoạt động tại các khu kinh tế đặc biệt</p> <p>6.4.3. Quy định về lĩnh vực đầu tư</p> <p>6.4.4. Quy định về thủ tục đầu tư vào các loại khu kinh tế đặc biệt</p> <p>6.4.5. Quy định về ưu đãi đầu tư</p> <p>6.5. Quản lý nhà nước đối với các khu vực kinh tế đặc biệt</p> <p>6.5.1. Nội dung quản lý nhà nước đối với các khu kinh tế đặc biệt</p> <p>6.5.2. Thẩm quyền quản lý nhà nước đối với các khu kinh tế đặc biệt</p> <p>6.5.3. Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, kinh tế cấp tỉnh thành quản lý</p>		ra, thảo luận quan điểm	
10	Thực hành	3 tiết thực hành	Thực hành giải quyết tình huống về hoạt động đầu tư vào các khu kinh tế đặc biệt	G7
11	<p>CHƯƠNG 7: ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI</p> <p>7.1. Khái quát về đầu tư ra nước ngoài</p> <p>7.1.1 Khái niệm và đặc điểm của đầu tư ra nước ngoài</p> <p>7.1.2. Khái quát về tình hình đầu tư ra nước ngoài của các nhà đầu tư Việt Nam</p> <p>7.1.3. Vai trò của hoạt động đầu tư ra nước ngoài</p> <p>7.2. Pháp luật về đầu tư ra nước ngoài</p>	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G8

	7.2.1. Khái quát về sự hình thành và phát triển của pháp luật đầu tư ra nước ngoài 7.2.2. Những nội dung cơ bản của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài hiện hành			
12	Thực hành	3 tiết thực hành	Thực hành giải quyết tình huống về các hoạt động đầu tư ra nước ngoài	G8
13	CHƯƠNG 8: ĐẦU TƯ, KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC 8.1. Khái quát về đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước 8.1.1. Khái niệm, đặc điểm đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước 8.1.2. Các loại vốn được nhà nước sử dụng đầu tư, kinh doanh 8.1.3. Vai trò của đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước 8.1.4. Yêu cầu của việc quản lý đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G9
14	8.2. Nội dung đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước 8.2.1. Chủ thể thực hiện nhiệm vụ quản lý, nhiệm vụ đầu tư kinh doanh vốn nhà nước 8.2.2. Đối tượng được đầu tư vốn nhà nước 8.2.3. Phương thức đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước 8.2.4. Thu hồi vốn đầu tư 8.3. Trình tự đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước 8.3.1. Xây dựng kế hoạch đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước	3 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G9

	8.3.2. Phê DUYỆT BGH kế hoạch đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước 8.3.3. Thực hiện kế hoạch đầu tư 8.3.4. Thay đổi nội dung, hoãn, đình chỉ, hủy bỏ dự án đầu tư			
15	Thực hành	3 tiết thực hành	Thực hành giải quyết các tình huống về đầu tư kinh doanh vốn nhà nước	G9

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải đọc tài liệu theo các tài liệu bắt buộc trong đề cương môn học;
- Đọc các văn bản pháp luật liên quan để giải quyết tình huống

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6 (≥ 0.5)	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT CẠNH TRANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật cạnh tranh (tiếng Anh): Competition Law	
- Mã số học phần: 845102	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	10
+ Số tiết hoạt động nhóm:
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Luật thương mại 2
- Học phần song hành (nếu có):

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần Pháp Luật Cạnh tranh là môn học pháp lý thuộc kiến thức của chuyên ngành Luật Kinh doanh, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Luật Cạnh tranh và Pháp luật cạnh tranh Việt Nam, trong đó nhấn mạnh lý thuyết cạnh tranh và chính sách cạnh tranh, trình bày sự hình thành và phát triển của pháp luật cạnh tranh, Chống hạn chế cạnh tranh, kiểm soát tập trung kinh tế và hành vi cạnh tranh không lành mạnh cũng như vấn đề tố tụng cạnh tranh.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức Nắm vững và hiểu được tổng quan về cạnh tranh và các quy định của pháp luật cạnh tranh, nhận dạng các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh. Trình bày

được các vấn đề liên quan khái niệm, thẩm quyền và thủ tục giải quyết cạnh tranh trong pháp luật cạnh tranh của nước ta.

Về kỹ năng: Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể liên quan đến các hành vi hạn chế cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh của các chủ thể kinh doanh, hoạt động thương mại. Phát triển Kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm và kỹ năng bình luận, diễn đạt, thuyết trình trước công chúng. Phát triển kỹ năng tư duy, sáng tạo, khám phá tìm tòi, trau dồi và phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá.

Về thái độ: Hình thành sự chủ động trong việc bổ sung, củng cố và nâng cao trình độ nhận thức của sinh viên về các vấn đề thuộc khái niệm cạnh tranh, giải quyết trong tố tụng cạnh tranh. Chủ động vận dụng kiến thức đã học để phân tích và giải quyết các vấn đề chống hạn chế cạnh tranh và các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần ở nước ta.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	<i>Hiểu</i> những vấn đề lý luận về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh như nguồn gốc, bản chất, ý nghĩa của cạnh tranh, các hình thức của cạnh tranh, các lý thuyết cạnh tranh, <i>phân tích</i> ưu và nhược điểm của cạnh tranh, hiểu được về sự hình thành và phát triển của pháp luật cạnh tranh ở trên thế giới, <i>phân tích</i> được mối quan hệ giữa pháp luật cạnh tranh với các lĩnh vực luật cơ bản khác.	3.5
G2	<i>Hiểu</i> được sự hình thành và phát triển của pháp luật về cạnh tranh ở Việt Nam qua các thời kỳ, nội dung cơ bản của pháp luật cạnh tranh.	2.0
G3	<i>Hiểu</i> những vấn đề lý luận chung về hành vi cạnh tranh không lành mạnh, <i>liên hệ</i> với thực tiễn để <i>đánh giá</i> về thực trạng cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường Việt Nam	4.0
G4	<i>Hiểu</i> các quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong Luật cạnh tranh 2018 và các văn bản pháp luật khác, <i>phân tích</i> và <i>áp dụng</i> được vào giải quyết các tình huống	3.5
G5	<i>Hiểu</i> những vấn đề lý luận chung về hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh, căn cứ xác định hành vi, <i>liên hệ</i> với thực tiễn <i>đánh giá</i> những ảnh hưởng của thoả thuận hạn chế cạnh tranh đối với thị trường cạnh tranh.	4.0

G6	<i>Hiểu</i> vững các quy định về hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh trong Luật cạnh tranh 2018 và các văn bản pháp luật khác, <i>phân tích</i> và <i>áp dụng</i> được vào giải quyết các tình huống	3.5
G7	<i>Hiểu</i> vững những vấn đề lý luận chung về các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh, <i>liên hệ</i> với thực tiễn, <i>đánh giá</i> những ảnh hưởng của hành vi lạm dụng đối với thị trường cạnh tranh.	4.0
G8	<i>Hiểu</i> các quy định về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền nhằm hạn chế cạnh tranh trong Luật cạnh tranh 2018 và các văn bản pháp luật khác, <i>phân tích</i> và <i>áp dụng</i> được vào giải quyết các tình huống	3.5
G9	<i>Hiểu</i> được khái niệm, bản chất của tập trung kinh tế. <i>Liên hệ</i> thực tiễn và <i>phân tích</i> được ảnh hưởng của việc tập trung kinh tế đối với thị trường cạnh tranh.	4.0
G10	<i>Hiểu</i> và <i>áp dụng</i> được các quy định về kiểm soát tập trung kinh tế, nguyên tắc xử lý, thông báo tập trung kinh tế và các trường hợp miễn trừ vào việc giải quyết tình huống.	3.0
G11	<i>Hiểu</i> khái niệm, đặc điểm, các nguyên tắc của tổ tụng cạnh tranh, thẩm quyền tổ tụng cạnh tranh và thủ tục tổ tụng cạnh tranh, <i>áp dụng</i> được vào giải quyết tình huống.	3.5

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CẠNH TRANH VÀ PHÁP LUẬT CẠNH TRANH

1.1. Tổng quan về cạnh tranh

- 1.1.1. Khái niệm, nguồn gốc, bản chất, ý nghĩa của cạnh tranh
- 1.1.2. Các hình thức tồn tại của cạnh tranh
- 1.1.3. Sự phát triển của lý thuyết cạnh tranh

1.2. Tổng quan về pháp luật cạnh tranh

- 1.2.1. Khái niệm, vai trò
- 1.2.2. Sự hình thành và phát triển pháp luật cạnh tranh trên thế giới.
- 1.2.3. Mối quan hệ của pháp luật cạnh tranh với các lĩnh vực luật cơ bản khác

1.3. Pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam

1.3.1. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển của pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam

1.3.2. Nội dung cơ bản của Luật cạnh tranh.

CHƯƠNG 2.

PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH

2.1. Tổng quan về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

- 2.1.1. Khái niệm hành vi cạnh tranh không lành mạnh
- 2.1.2. Đặc điểm của hành vi cạnh tranh không lành mạnh
- 2.1.3. Thực trạng cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường Việt Nam

2.2. Các quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

- 2.2.1. Các quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo Luật cạnh tranh 2018
- 2.2.2. Các quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong các văn bản pháp luật khác.

CHƯƠNG 3:

PHÁP LUẬT VỀ THỎA THUẬN HẠN CHẾ CẠNH TRANH

3.1. Những vấn đề chung về hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh

- 3.1.1. Khái niệm và ảnh hưởng của hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh
- 3.1.2. Căn cứ xác định hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh

3.2. Thoả thuận hạn chế cạnh tranh và nguyên tắc xử lý các thoả thuận hạn chế cạnh tranh.

- 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm
- 3.2.2. Các thoả thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm theo Luật cạnh tranh.
- 3.2.3. Các trường hợp miễn trừ

CHƯƠNG 4: CÁC HÀNH VI LẠM DỤNG VỊ TRÍ THỐNG LĨNH THỊ TRƯỜNG, VỊ TRÍ ĐỘC QUYỀN ĐỂ HẠN CHẾ CẠNH TRANH

4.1. Khái niệm và căn cứ xác định hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền

- 4.1.1. Khái niệm
- 4.1.2. Căn cứ xác định hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền

4.2. Các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền theo Luật cạnh tranh.

- 4.2.1. Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường
- 4.2.2. Hành vi lạm dụng vị trí độc quyền

CHƯƠNG 5:

PHÁP LUẬT KIỂM SOÁT TẬP TRUNG KINH TẾ

5.1 Tổng quan về tập trung kinh tế.

- 5.1.1. Khái niệm, bản chất
- 5.1.2. Nguyên nhân và tác động của tập trung kinh tế đối với thị trường cạnh tranh
- 5.1.3. Các hình thức tập trung kinh tế.

5.2. Kiểm soát tập trung kinh tế theo Luật cạnh tranh

- 5.2.1. Nguyên tắc xử lý tập trung kinh tế

5.2.2. Thông báo về tập trung kinh tế

5.2.3. Các trường hợp miễn trừ.

CHƯƠNG 6: TỔ TỤNG CẠNH TRANH

6.1 Khái niệm tổ tụng cạnh tranh

6.2 Đặc điểm của tổ tụng cạnh tranh

6.3 Các nguyên tắc cơ bản của tổ tụng cạnh

6.4 Thẩm quyền tổ tụng cạnh tranh

6.4.1. Cơ quan tiến hành tổ tụng cạnh tranh

6.4.2. Người tiến hành tổ tụng cạnh tranh

6.4.3. Người tham gia tổ tụng cạnh tranh

6.5. Thủ tục tổ tụng cạnh tranh

6.5.1. Điều tra, giải quyết vụ việc cạnh tranh

6.5.2 Xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Giáo trình Luật Cạnh tranh, ĐH Luật Hà Nội, Nxb CAND, 2014;

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Hữu Huyền, Luật cạnh tranh của Pháp và Liên minh châu Âu, NXB Tư pháp; Hà Nội 2004.

[2] Nguyễn Hữu Huyền, Luật cạnh tranh của Pháp và Liên minh châu Âu, NXB Tư pháp; Hà Nội 2004.

[3] Lê Danh Vĩnh, Hoàng Xuân Bắc, Nguyễn Ngọc Sơn, Pháp luật cạnh tranh tại Việt Nam, NXB Tư pháp, Hà Nội 2006.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CẠNH TRANH VÀ PHÁP LUẬT CẠNH TRANH 1.1. Tổng quan về cạnh tranh 1.1.1. Khái niệm, nguồn gốc, bản chất, ý nghĩa của cạnh tranh 1.1.2. Các hình thức tồn tại của cạnh tranh	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G1

	<p>1.1.3. Sự phát triển của lý thuyết cạnh tranh</p> <p>1.2. Tổng quan về pháp luật cạnh tranh</p> <p>1.2.1. Khái niệm, vai trò</p> <p>1.2.2. Sự hình thành và phát triển pháp luật cạnh tranh trên thế giới.</p> <p>1.2.3. Mối quan hệ của pháp luật cạnh tranh với các lĩnh vực luật cơ bản khác</p>			
2	<p>1.3. Pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam</p> <p>1.3.1. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển của pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam</p> <p>1.3.2. Nội dung cơ bản của Luật cạnh tranh.</p>	2 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra; lấy các ví dụ thực tế để làm sáng tỏ vấn đề lý luận	G2
3	<p>CHƯƠNG 2. PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH</p> <p>2.1. Tổng quan về hành vi cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>2.1.1. Khái niệm hành vi cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>2.1.2. Đặc điểm của hành vi cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>2.1.3. Thực trạng cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường Việt Nam</p> <p>2.2. Các quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>2.2.1. Các quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo Luật cạnh tranh 2018</p> <p>2.2.2. Các quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong các văn bản pháp luật khác.</p>	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G3

4	Thực hành	2 tiết thực hành	Thảo luận theo nhóm, giải quyết các tình huống về hành vi cạnh tranh không lành mạnh.	G3, G4
5	CHƯƠNG 3: PHÁP LUẬT VỀ THOẢ THUẬN HẠN CHẾ CẠNH TRANH 3.1. Những vấn đề chung về hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh 3.1.1. Khái niệm và ảnh hưởng của hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh 3.1.2. Căn cứ xác định hành vi thoả thuận hạn chế cạnh tranh	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G5
6	3.2. Thoả thuận hạn chế cạnh tranh và nguyên tắc xử lý các thoả thuận hạn chế cạnh tranh. 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm 3.2.2. Các thoả thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm theo Luật cạnh tranh. 3.2.3. Các trường hợp miễn trừ	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G6
7	Thực hành	2 tiết thực hành	Thảo luận theo nhóm, giải quyết các tình huống về thoả thuận hạn chế cạnh tranh	G5, G6
8	CHƯƠNG 4: CÁC HÀNH VI LẠM DỤNG VỊ TRÍ THỐNG LĨNH THỊ TRƯỜNG, VỊ TRÍ ĐỘC QUYỀN ĐỂ HẠN CHẾ CẠNH TRANH 4.1. Khái niệm và căn cứ xác định hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G7

	4.1.1 Khái niệm 4.1.2 Căn cứ xác định hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền			
9	4.2. Các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền theo Luật cạnh tranh. 4.2.1 Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường 4.2.2 Hành vi lạm dụng vị trí độc quyền	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G8
10	Thực hành	2 tiết thực hành	Thảo luận theo nhóm, giải quyết các tình huống về các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền	G7, G8
11	CHƯƠNG 5: PHÁP LUẬT KIỂM SOÁT TẬP TRUNG KINH TẾ 5.1 Tổng quan về tập trung kinh tế. 5.1.1 Khái niệm, bản chất 5.1.2. Nguyên nhân và tác động của tập trung kinh tế đối với thị trường cạnh tranh 5.1.3. Các hình thức tập trung kinh tế.	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G9
12	5.2. Kiểm soát tập trung kinh tế theo Luật cạnh tranh 5.2.1. Nguyên tắc xử lý tập trung kinh tế 5.2.2. Thông báo về tập trung kinh tế 5.2.3. Các trường hợp miễn trừ.	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G10
13	Thực hành	2 tiết thực hành	Thảo luận theo nhóm,	G10

			giải quyết các tình huống về tập trung kinh tế	
13	CHƯƠNG 6: TỔ TỤNG CẠNH TRANH 6.1 Khái niệm tổ tụng cạnh tranh 6.2 Đặc điểm của tổ tụng cạnh tranh 6.3 Các nguyên tắc cơ bản của tổ tụng cạnh tranh 6.4 Thẩm quyền tổ tụng cạnh tranh 6.4.1. Cơ quan tiến hành tổ tụng cạnh tranh 6.4.2. Người tiến hành tổ tụng cạnh tranh 6.4.3. Người tham gia tổ tụng cạnh tranh 6.5. Thủ tục tổ tụng cạnh tranh 6.5.1. Điều tra, giải quyết vụ việc cạnh tranh 6.5.2 Xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, làm bài tập	G11
15	Thực hành	2 tiết thực hành	Thảo luận theo nhóm, giải quyết các tình huống về tổ tụng cạnh tranh	G11

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải đọc tài liệu theo các tài liệu bắt buộc được ghi trong đề cương môn học;

- Đọc các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và giải quyết tình huống

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6 (≥ 0.5)	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về kinh doanh chứng khoán (tiếng Anh): Laws on securities trading	
- Mã số học phần: 845053	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	10
+ Số tiết hoạt động nhóm:
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Luật thương mại 2
- Học phần song hành (nếu có):

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Luật chứng khoán là môn học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, nội dung pháp lý chủ yếu trong kinh doanh chứng khoán và quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức Hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản trong lĩnh vực pháp luật chứng khoán; các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong khoa học luật chứng khoán; Nhận diện được bản chất, đặc thù của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán; Nắm được nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật hiện hành điều chỉnh trong lĩnh vực chứng khoán; Có được những kiến thức cơ bản về thực tiễn hoạt động chứng khoán.

Về kỹ năng:

- Thành thạo một số kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các qui định của pháp luật chứng khoán để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong lĩnh vực chứng khoán;
- Phát triển kỹ năng nghiên cứu, phân tích, lập luận, góp ý xây dựng các văn bản pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán;
- Giúp cho người học có những kiến thức và kỹ năng hoạt động tư vấn pháp luật trong lĩnh vực mở tài khoản, mua bán chứng khoán và giải quyết các tranh chấp liên quan phát sinh từ hoạt động phát hành và giao dịch chứng khoán để góp phần bảo vệ tốt quyền lợi của nhà đầu tư khi tham gia vào thị trường chứng khoán.

Về thái độ: Đảm bảo cho học viên tự tin trước những vấn đề pháp lí nảy sinh trong lĩnh vực chứng khoán; Dựa trên các kiến thức nền tảng đã được học, sinh viên có thể mong muốn tiếp tục theo đuổi nghiên cứu tìm hiểu những kiến thức pháp lí sâu hơn trong lĩnh vực chứng khoán.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Hiểu những vấn đề lý luận chung về chứng khoán và luật chứng khoán	2.0
G2	Hiểu những vấn đề khái quát về pháp luật về tổ chức và hoạt động của thị trường giao dịch tạo trung, thị trường giao dịch phi tập trung	2.0
G3	Hiểu các khái niệm về chào bán chứng khoán, phương thức chào bán chứng khoán và những ảnh hưởng của nó đến thị trường	3.0
G4	Hiểu các quy định về hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán chứng khoán riêng lẻ, liên hệ với thực tiễn chào bán chứng khoán trên thị trường hiện nay, áp dụng quy định vào trong các tình huống cụ thể.	4.0
G5	Hiểu các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh chứng khoán, áp dụng được vào các tình huống cụ thể	3.0
G6	Hiểu các quy định về chủ thể kinh doanh chứng khoán, áp dụng được vào các tình huống cụ thể	3.0

G7	<i>Hiểu</i> khái niệm, phân tích đặc điểm của các công ty đầu tư chứng khoán, <i>áp dụng</i> được các quy định pháp luật về công ty đầu tư chứng khoán vào thực tiễn	3.5
G8	<i>Hiểu</i> khái niệm, phân tích đặc điểm của quỹ đầu tư chứng khoán, <i>áp dụng</i> được các quy định pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán vào thực tiễn	3.5
G9	<i>Hiểu</i> các quy định pháp luật về quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán, <i>áp dụng</i> được vào thực tiễn.	3.0

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CHỨNG KHOÁN VÀ LUẬT CHỨNG KHOÁN, PHÁP LUẬT TỔ CHỨC THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

1.1. Khái niệm chứng khoán và luật chứng khoán

- 1.1.1. Khái niệm về chứng khoán và thị trường chứng khoán
- 1.1.2. Khái niệm luật chứng khoán

1.2. Pháp luật về tổ chức thị trường chứng khoán

- 1.2.1. Pháp luật điều chỉnh tổ chức và hoạt động của thị trường giao dịch tập trung
- 1.2.2. Thị trường phi tập trung và pháp luật về thị trường giao dịch phi tập trung

CHƯƠNG 2: PHÁP LUẬT VỀ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN

2.1. Khái niệm về chào bán chứng khoán

- 2.1.1. Khái niệm và phương thức chào bán chứng khoán
- 2.1.2. Vai trò của hoạt động chào bán chứng khoán

2.2. Nội dung pháp luật chào bán chứng khoán ra công chúng

- 2.2.1. Khái niệm, các hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng
- 2.2.2. Điều kiện, trình tự, thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng
- 2.2.3. Chủ thể và trách nhiệm của chủ thể chào bán chứng khoán ra công chúng

2.3. Nội dung pháp luật chào bán riêng lẻ

- 2.3.1. Khái niệm chào bán chứng khoán riêng lẻ
- 2.3.2. Điều kiện, thủ tục chào bán chứng khoán riêng lẻ
- 2.3.3. Chủ thể và trách nhiệm của chủ thể chào bán chứng khoán riêng lẻ

CHƯƠNG 3: PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN VÀ CHỦ THỂ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

3.1. Pháp luật về kinh doanh chứng khoán

- 3.1.1. Tổng quan về hoạt động kinh doanh chứng khoán
- 3.1.2. Nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh chứng khoán

3.2. Pháp luật về chủ thể kinh doanh chứng khoán

- 3.2.1. Pháp luật về tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán
- 3.2.2. Pháp luật về công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và ngân hàng giám sát
- 3.2.3. Pháp luật về tổ chức lưu ký, thanh toán bù trừ chứng khoán

CHƯƠNG 4: PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VÀ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

4.1. Pháp luật về công ty đầu tư chứng khoán

- 4.1.1. Khái niệm
- 4.1.2. Đặc điểm công ty đầu tư chứng khoán

4.2. Pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán

- 4.2.1. Khái niệm
- 4.2.2. Đặc điểm
- 4.2.3. Các loại quỹ đầu tư chứng khoán

CHƯƠNG 5: PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

5.1. Pháp luật về quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán

5.1.1. Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước đối với chứng khoán và thị trường chứng khoán

- 5.1.2. Pháp luật quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán

5.2. Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán

- 5.2.1. Vi phạm và xử lý vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán
- 5.2.2. Giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật chứng khoán*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2013.

[2] Đào Lê Minh (chủ biên) (2009), *Giáo trình Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán* – Trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán (UBCKNN) – Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[3] Bùi Kim Yến (2009), *Giáo trình Thị trường chứng khoán*, Nxb. Giao thông vận tải

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Thanh Tuyền - Nguyễn Đăng Đồn (chủ biên) (2006), *Thị trường chứng khoán*, Nxb. Thống kê.

[2] Nguyễn Thị Cảnh – Trần Việt Hoàng (chủ biên) (2007), *Thị trường chứng khoán cấu trúc và cơ chế hoạt động*, Nxb. Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

[3] Lê Văn Tê - Huỳnh Thị Phương Thảo (2007), *Thị trường chứng khoán dành cho mọi người*, Nxb. Lao động – Xã hội.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CHỨNG KHOÁN VÀ LUẬT CHỨNG KHOÁN, PHÁP LUẬT TỔ CHỨC THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 1.1. Khái niệm chứng khoán và luật chứng khoán 1.1.1. Khái niệm về chứng khoán và thị trường chứng khoán 1.1.2. Khái niệm luật chứng khoán	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G1
2	1.2. Pháp luật về tổ chức thị trường chứng khoán 1.2.1. Pháp luật điều chỉnh tổ chức và hoạt động của thị trường giao dịch tập trung 1.2.2. Thị trường phi tập trung và pháp luật về thị trường giao dịch phi tập trung	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G2
3	Thực hành	2 tiết thực hành	Chia nhóm, thực hành giải quyết bài tập tình huống về thị trường giao dịch chứng khoán	G1, G2
4	CHƯƠNG 2: PHÁP LUẬT VỀ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN 2.1. Khái niệm về chào bán chứng khoán 2.1.1. Khái niệm và phương thức chào bán chứng khoán	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G3, G4

	<p>2.1.2. Vai trò của hoạt động chào bán chứng khoán</p> <p>2.2. Nội dung pháp luật chào bán chứng khoán ra công chúng</p> <p>2.2.1. Khái niệm, các hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng</p> <p>2.2.2. Điều kiện, trình tự, thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng</p> <p>2.2.3. Chủ thể và trách nhiệm của chủ thể chào bán chứng khoán ra công chúng</p>			
5	<p>2.3. Nội dung pháp luật chào bán riêng lẻ</p> <p>2.3.1. Khái niệm chào bán chứng khoán riêng lẻ</p> <p>2.3.2. Điều kiện, thủ tục chào bán chứng khoán riêng lẻ</p> <p>2.3.3. Chủ thể và trách nhiệm của chủ thể chào bán chứng khoán riêng lẻ</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G4
6	Thực hành	2 tiết thực hành	Thực hành giải quyết tình huống về chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán chứng khoán riêng lẻ	G3, G4
7	<p>CHƯƠNG 3: PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN VÀ CHỦ THỂ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN</p> <p>3.1. Pháp luật về kinh doanh chứng khoán</p> <p>3.1.1. Tổng quan về hoạt động kinh doanh chứng khoán</p> <p>3.1.2. Nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh chứng khoán</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G5

8	3.2. Pháp luật về chủ thể kinh doanh chứng khoán 3.2.1. Pháp luật về tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán 3.2.2. Pháp luật về công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và ngân hàng giám sát 3.2.3. Pháp luật về tổ chức lưu ký, thanh toán bù trừ chứng khoán	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G6
9	Thực hành	2 tiết thực hành	Chia nhóm, giải quyết các tình huống về chủ thể kinh doanh chứng khoán	G6
10	CHƯƠNG 4: PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VÀ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN 4.1. Pháp luật về công ty đầu tư chứng khoán 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Đặc điểm công ty đầu tư chứng khoán	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G7
11	4.2. Pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Đặc điểm 4.2.3. Các loại quỹ đầu tư chứng khoán	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G8
12	Thực hành	2 tiết thực hành	Chia nhóm, giải quyết các tình huống về hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán	G7, G8

13	<p>CHƯƠNG 5: PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN</p> <p>5.1. Pháp luật về quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán</p> <p>5.1.1. Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước đối với chứng khoán và thị trường chứng khoán</p> <p>5.1.2. Pháp luật quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G9
14	<p>5.2. Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán</p> <p>5.2.1. Vi phạm và xử lý vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G9
15	Thực hành	2 tiết thực hành	Thực hành giải quyết các tình huống xử lý vi phạm, tranh chấp trên thị trường chứng khoán	G9

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải đọc tài liệu theo các tài liệu bắt buộc trong đề cương môn học;
- Đọc các văn bản pháp luật liên quan để giải quyết tình huống.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
-----------------------	-----------------------	----------	--------------------

1. <i>Đánh giá quá trình</i>	<i>Điểm quá trình</i>	0.4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. <i>Đánh giá cuối kỳ</i>	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0.6 (≥ 0.5)	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN (tiếng Anh): LAW ON REAL ESTATE BUSSINESS	
- Mã số học phần: 845055	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Dân sự học phần 1 và 2; Luật Đất đai; Luật Thương mại 1 và 2
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Môn học Pháp luật kinh doanh bất động sản cung cấp kiến thức pháp lý về hoạt động kinh doanh bất động sản ở Việt Nam. Sinh viên sẽ được tiếp cận các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động kinh doanh bất động sản và nghiên cứu các điều kiện áp dụng cho kinh doanh bất động sản như mua bán nhà, công trình xây dựng và kinh doanh dịch vụ bất động sản như môi giới, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, các định vụ bất động sản khác như tư vấn, đầu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản và hợp đồng kinh doanh bất động sản, hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên nhận thức những kiến thức lý luận về bất động sản và dịch vụ kinh doanh bất động sản; nắm vững các yêu cầu, thủ tục về kinh doanh nhà, công trình xây dựng, quyền sử dụng đất, dịch vụ bất động sản. Chính những kiến thức này giúp cho sinh viên đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng cũng như tự mình tham gia các hoạt động kinh doanh bất động sản sau này.

Về kỹ năng: Học xong học phần này, sinh viên có kỹ năng phân biệt và soạn thảo được hợp đồng kinh doanh bất động sản và hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản; giải quyết được các tình huống trong kinh doanh bất động sản và dịch vụ kinh doanh bất động sản như thiết lập sàn giao dịch, môi giới bất động sản.

Về thái độ: Từ việc có những kiến thức pháp luật về luật kinh doanh bất động sản, khi tham gia vào hoạt động kinh doanh, người học có được khả năng tư duy, ý thức, tinh thần học tập, lập luận, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đảm bảo công khai, minh bạch khi thực hiện các giao dịch trên thị trường bất động sản.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm và đặc điểm của thị trường bất động sản; hoạt động kinh doanh bất động sản; dịch vụ kinh doanh bất động sản	2
G2	Nhận diện được các loại bất động sản được đưa vào kinh doanh, các chủ thể và các loại hình kinh doanh bất động sản	4
G3	Áp dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh bất động sản; quản lý các hoạt động dịch vụ kinh doanh bất động sản	2
G4	Phân tích được các quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh bất động sản; trách nhiệm pháp lý phát sinh từ hoạt động kinh doanh dịch vụ bất động sản	3
G5	Đánh giá được các quy định của pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh bất động sản	4
G6	Lập được các hợp đồng trong hoạt động kinh doanh bất động sản và hoạt động kinh doanh dịch vụ bất động sản	2

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1:

**KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN
VÀ PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN**

1.3. Tổng quan về thị trường bất động sản

- 1.3.1. Khái quát về sự ra đời của thị trường bất động sản
- 1.3.2. Khái niệm và đặc điểm của thị trường bất động sản
- 1.3.3. Sự ra đời của thị trường bất động sản Việt Nam
- 1.3.4. Quan điểm và định hướng phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam

1.4. Tổng quan pháp luật về kinh doanh bất động sản

- 1.4.1. Khái niệm và đặc điểm của pháp luật về kinh doanh bất động sản
- 1.4.2. Lịch sử hình thành và phát triển pháp luật về kinh doanh bất động sản
- 1.4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật về kinh doanh bất động sản
- 1.4.4. Nguồn luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh bất động sản

CHƯƠNG 2:

NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ CHUNG VỀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

2.1. Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản

- 2.1.1. Chính sách của Nhà nước đối với đầu tư kinh doanh bất động sản
- 2.1.2. Trách nhiệm quản lý Nhà nước trong kinh doanh bất động sản

2.2. Nguyên tắc, điều kiện và phạm vi của hoạt động kinh doanh bất động sản

- 2.2.1. Nguyên tắc kinh doanh bất động sản
- 2.2.2. Điều kiện kinh doanh bất động sản
- 2.2.3. Phạm vi kinh doanh bất động sản

CHƯƠNG 3:

**PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ KINH DOANH
NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG KHÁC**

3.1. Những vấn đề pháp lý về kinh doanh quyền sử dụng đất

- 3.1.1. Khái niệm và đặc điểm kinh doanh quyền sử dụng đất
- 3.1.2. Các quy định về kinh doanh quyền sử dụng đất

3.2. Những vấn đề pháp lý về kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng khác

- 3.2.1. Khái niệm về kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng khác
- 3.2.2. Nội dung các quy định về kinh doanh nhà, công trình xây dựng khác

CHƯƠNG 4:

PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

4.1. Khái niệm và đặc điểm của kinh doanh dịch vụ bất động sản

- 4.1.1. Khái niệm
- 4.1.2. Đặc điểm của kinh doanh dịch vụ bất động sản

4.2. Các loại hình kinh doanh dịch vụ bất động sản

- 4.2.1. Nguyên tắc và nội dung của loại hình kinh doanh dịch vụ bất động sản
- 4.2.2. Điều kiện của các loại hình kinh doanh bất động

4.3. Nội dung các quy định về kinh doanh dịch vụ bất động sản

- 4.3.1. Quyền của các chủ thể kinh doanh dịch vụ bất động sản
- 4.3.2. Nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh dịch vụ bất động sản

CHƯƠNG 5:

PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG TRONG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

5.1. Những vấn đề pháp lý về hợp đồng kinh doanh bất động sản

- 5.1.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng kinh doanh bất động sản
- 5.1.2. Phân loại hợp đồng kinh doanh bất động sản
- 5.1.3. Quy định về các hợp đồng kinh doanh bất động sản cụ thể

5.2. Những vấn đề pháp lý về hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản

- 5.2.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản
- 5.2.2. Phân loại hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản
- 5.2.3. Quy định chung về hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản
- 5.2.4. Quy định về các loại hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản cụ thể

CHƯƠNG 6:

TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

6.1. Khái quát về tranh chấp và giải quyết tranh chấp kinh doanh bất động sản

- 6.1.1. Khái niệm tranh chấp kinh doanh bất động sản
- 6.1.2. Các loại tranh chấp kinh doanh bất động sản

6.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh bất động sản

- 6.2.1. Thương lượng
- 6.2.2. Hòa giải
- 6.2.3. Trọng tài thương mại
- 6.2.4. Tòa án

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

- [1] Luật kinh doanh bất động sản năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành
- [2] Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình Luật đất đai*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2016.
- [3] TS. Trần Quang Huy - TS. Trần Quang Tuyền (chủ biên) *Pháp luật về kinh doanh bất động sản*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2010.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] *Thị trường bất động sản - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Tài chính, Hà Nội, 2003.

[5] *Đầu tư kinh doanh bất động sản*, Nxb. Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2009.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN VÀ PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN</p> <p>1.1. Tổng quan về thị trường bất động sản</p> <p>1.1.1. Khái quát về sự ra đời của thị trường bất động sản</p> <p>1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của thị trường bất động sản</p> <p>1.1.3. Sự ra đời của thị trường bất động sản Việt Nam</p> <p>1.1.4. Quan điểm và định hướng phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam</p> <p>1.2. Tổng quan pháp luật về kinh doanh bất động sản</p> <p>1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của pháp luật về kinh doanh bất động sản</p> <p>1.2.2. Lịch sử hình thành và phát triển pháp luật về kinh doanh bất động sản</p> <p>1.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật về kinh doanh bất động sản</p>	2 tiết Lý thuyết	<ul style="list-style-type: none">- Đọc tài liệu- Đọc văn bản pháp luật- Làm bài tập tình huống	G1; G2

	Nguồn luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh bất động sản			
2	<p>CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ CHUNG VỀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN</p> <p>2.1. Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản</p> <p>2.1.1. Chính sách của Nhà nước đối với đầu tư kinh doanh bất động sản</p> <p>2.1.2. Trách nhiệm quản lý Nhà nước trong kinh doanh bất động sản</p> <p>2.2. Nguyên tắc, điều kiện và phạm vi của hoạt động kinh doanh bất động sản</p> <p>2.2.1. Nguyên tắc kinh doanh bất động sản</p> <p>2.2.2. Điều kiện kinh doanh bất động sản</p> <p>2.2.3. Phạm vi kinh doanh bất động sản</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	<p>- Hệ thống hoá được các VBPL điều chỉnh hoạt động kinh doanh bất động sản</p> <p>- Chi rõ các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến kinh doanh bất động sản</p>	G1; G2
3	<p>CHƯƠNG 3: PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ KINH DOANH NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG KHÁC</p> <p>3.1. Những vấn đề pháp lý về kinh doanh quyền sử dụng đất</p> <p>3.1.1. Khái niệm và đặc điểm kinh doanh quyền sử dụng đất</p> <p>3.1.2. Các quy định về kinh doanh quyền sử dụng đất</p>	2 tiết Lý thuyết	<p>- Nắm bắt được điều kiện quyền sử dụng đất được đưa vào kinh doanh</p> <p>- Đặc thù của hoạt động kinh doanh quyền sử dụng đất</p>	G3
4	3.2. Những vấn đề pháp lý về kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng khác	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	- Nhận diện các loại nhà ở được đưa vào kinh doanh	G1; G3; G5

	3.2.1. Khái niệm về kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng khác 3.2.2. Nội dung các quy định về kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng khác		- Xác định phạm vi các công trình xây dựng khác là đối tượng được phép kinh doanh - Codotel và officitel cũng cần xác định quyền sở hữu của chúng khi đưa vào kinh doanh	
5	CHƯƠNG 4: PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN 4.1. Khái niệm và đặc điểm của kinh doanh dịch vụ bất động sản 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Đặc điểm của kinh doanh dịch vụ bất động sản	2 tiết Lý thuyết	- Xác định các loại hình kinh doanh bất động sản - Phân biệt kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản	G3; G4
6	4.2. Các loại hình kinh doanh dịch vụ bất động sản 4.2.1. Nguyên tắc và nội dung của loại hình kinh doanh dịch vụ bất động sản 4.2.2. Điều kiện của các loại hình kinh doanh bất động	2 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập tình huống	G1; G5
7	4.3. Nội dung các quy định về kinh doanh dịch vụ bất động sản 4.3.1. Quyền của các chủ thể kinh doanh dịch vụ bất động sản 4.3.2. Nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh dịch vụ bất động sản	2 tiết Lý thuyết	- Xác định được phạm vi quyền và nghĩa vụ của các chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh bất động sản - Giải thích lý do hạn chế quyền nêu trên	G6; G4
8	Thảo luận các tình huống thực tế do giảng viên chuẩn bị	2 tiết bài tập	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật	G2; G6

			- Làm bài tập tình huống	
9	<p>CHƯƠNG 5. PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG TRONG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN</p> <p>5.1. Những vấn đề pháp lý về hợp đồng kinh doanh bất động sản</p> <p>5.1.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng kinh doanh bất động sản</p> <p>5.1.2. Phân loại hợp đồng kinh doanh bất động sản</p> <p>5.1.3. Quy định về các hợp đồng kinh doanh bất động sản cụ thể</p>	2 tiết lý thuyết	- Chỉ ra các hợp đồng kinh doanh bất động sản với các điều khoản đặc trưng	G3; G4
10	<p>5.2. Những vấn đề pháp lý về hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản</p> <p>5.2.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản</p> <p>5.2.2. Phân loại hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản</p> <p>5.2.3. Quy định chung về hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản</p>	2 tiết Lý thuyết	- Soạn thảo được hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản	G5
11	Soạn thảo các hợp đồng cụ thể liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	2 tiết bài tập	- Nắm được đặc điểm của hoạt động dịch vụ kinh doanh bất động sản - Tư vấn các điều khoản quan trọng trong hợp đồng dịch vụ kinh doanh bất động sản	G3; G5

12	5.2.4. Quy định về các loại hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản cụ thể	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập tình huống	G4; G5
13	CHƯƠNG 6. TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN 6.1. Khái quát về tranh chấp và giải quyết tranh chấp kinh doanh bất động sản 6.1.1. Khái niệm tranh chấp kinh doanh bất động sản 6.1.2. Các loại tranh chấp kinh doanh bất động sản	2 tiết Lý thuyết	- Nắm được các bước giải quyết tranh chấp về kinh doanh bất động sản - Tư vấn cho các chủ thể tranh chấp lựa chọn được phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp	G5
14	6.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh bất động sản 6.2.1. Thương lượng 6.2.2. Hòa giải 6.2.3. Trọng tài thương mại 6.2.4. Tòa án	2 tiết Lý thuyết	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Làm bài tập tình huống	G5; G6
15	Thảo luận về tất cả các nội dung đã học	2 tiết bài tập	Giải quyết bài tập tình huống	G6

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học các môn Luật Dân sự và Luật Thương mại.

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
<i>1. Đánh giá quá trình</i>	<i>Điểm quá trình</i>	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
<i>2. Đánh giá cuối kỳ</i>	<i>Điểm thi kết thúc học phần</i>	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Trương Thị Tường Vi

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH BẢO HIỂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm (tiếng Anh): Law on insurance business	
- Mã số học phần: 845054	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Luật Thương mại 2
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần Pháp luật kinh doanh bảo hiểm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, các loại hình bảo hiểm, vai trò của bảo hiểm đối với đời sống xã hội và cá nhân. Tìm hiểu các điều kiện, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh bảo hiểm là các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và các đại lý bảo hiểm; Nội dung của hợp đồng bảo hiểm, trình tự giao kết, thực hiện hợp đồng cũng như việc giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm. Tìm hiểu đặc trưng một số loại hợp đồng bảo hiểm con người, hợp đồng bảo hiểm tài sản, hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự...Hoạt động quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm và xử lý các hành vi vi pháp pháp luật trong bảo hiểm.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về bảo hiểm và pháp luật kinh doanh bảo hiểm, như: Khái niệm rủi ro và các biện pháp hạn chế, ngăn ngừa rủi ro; Khái niệm, đặc điểm và các loại hình bảo hiểm; Các chủ thể kinh doanh bảo hiểm trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay; Nội dung cơ bản liên quan đến hợp đồng bảo hiểm và các loại hợp đồng bảo hiểm con người, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm dân sự....Hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

Về kỹ năng:

- Giúp sinh viên có được những kỹ năng cần thiết để ứng dụng các kiến thức đã học và hoạt động thực tiễn nghề nghiệp của mình;
- Bước đầu rèn luyện phương pháp nghiên cứu, phân tích và xử lý tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội trong lĩnh vực bảo hiểm;
- Biết cách thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia bảo hiểm.

Về thái độ: Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên sẽ có thái độ đúng đắn trong nhận thức về bảo hiểm và pháp luật kinh doanh bảo hiểm. Hình thành thái độ tôn trọng pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm, đặc điểm, vai trò, ý nghĩa của hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2
G2	Mô tả được các điều kiện của doanh nghiệp khi kinh doanh bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm. Phân tích được trách nhiệm của các chủ thể này khi thiết lập quan hệ bảo hiểm với khách hàng	2
G3	Phân biệt được đặc điểm của các loại hợp đồng bảo hiểm và cách tính toán bồi thường khi phát sinh sự kiện bảo hiểm cho khách hàng	3
G4	Áp dụng được kiến thức lý thuyết để giải quyết những tranh chấp cơ bản trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm	4

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1:

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ BẢO HIỂM VÀ PHÁP LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

1.1. Khái quát chung về bảo hiểm và kinh doanh bảo hiểm

- 1.1.1. Khái quát chung về bảo hiểm
- 1.1.2. Khái quát về hoạt động kinh doanh bảo hiểm

1.2. Pháp luật kinh doanh bảo hiểm

- 1.2.1. Khái niệm pháp luật kinh doanh bảo hiểm
- 1.2.2. Các nguyên tắc hoạt động kinh doanh bảo hiểm

1.3. Quan hệ pháp luật kinh doanh bảo hiểm

- 1.3.1. Khái niệm
- 1.3.2. Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật kinh doanh bảo hiểm

CHƯƠNG 2:

ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA CÁC CHỦ THỂ KINH DOANH BẢO HIỂM

2.1. Doanh nghiệp bảo hiểm

- 2.1.1. Khái niệm
- 2.1.2. Đặc điểm
- 2.1.3. Các loại hình Doanh nghiệp bảo hiểm
- 2.1.4. Các điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động của DNBH
- 2.2.5. Các hoạt động cơ bản của DNHB
- 2.2.6. Chế độ tài chính đối với DNBH
- 2.2.7. Khôi phục khả năng thanh toán
- 2.2.8. Những trường hợp thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của DNBH
- 2.2.9. Giải thể, phá sản DNBH

2.2. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

- 2.2.1. Khái niệm
- 2.2.2. Nội dung hoạt động môi giới bảo hiểm

2.3. Đại lý bảo hiểm

- 2.3.1. Khái niệm
- 2.3.2. Các loại đại lý bảo hiểm
- 2.3.3. Nội dung hoạt động đại lý bảo hiểm
- 2.3.4. Tư cách pháp lý của Đại lý bảo hiểm
- 2.3.5. Quyền, nghĩa vụ của DNBH, đại lý BH

CHƯƠNG 3:

CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM THƯƠNG MẠI

3.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng bảo hiểm

- 3.1.1. Khái niệm
- 3.1.2. Đặc điểm
- 3.1.3. Các loại hợp đồng bảo hiểm thương mại

3.2. Chủ thể- Hình thức - Nội dung của hợp đồng bảo hiểm thương mại

- 3.2.1. Chủ thể của Hợp đồng
- 3.2.2. Hình thức của Hợp đồng

3.2.3. Nội dung của Hợp đồng

3.3. Giao kết, thực hiện, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực pháp lý của Hợp đồng bảo hiểm thương mại

3.3.1. Giao kết hợp đồng

3.3.2. Thực hiện hợp đồng

3.3.3. Sửa đổi, bổ sung hợp đồng

3.3.4. Chấm dứt hợp đồng

3.4. Hợp đồng bảo hiểm vô hiệu và hậu quả pháp lý của Hợp đồng bảo hiểm vô hiệu

CHƯƠNG 4.

CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM CON NGƯỜI – HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TÀI SẢN – HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ

4.1. Chế độ pháp lý hợp đồng bảo hiểm con người

4.1.1. Khái niệm, đặc điểm của bảo hiểm con người

4.1.2. Nội dung qui định pháp luật đối với hợp đồng bảo hiểm con người

4.2. Chế độ pháp lý hợp đồng bảo hiểm tài sản

4.2.1. Khái niệm, đặc điểm của bảo hiểm tài sản

4.2.2. Nội dung qui định pháp luật đối với hợp đồng bảo hiểm tài sản

4.3. Chế độ pháp lý hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự

4.3.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự
nhiệm dân sự

4.3.2. Nội dung qui định pháp luật đối với hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự

4.3.3. Các loại bảo hiểm trách nhiệm dân sự

CHƯƠNG 5.

PHÁP LUẬT QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

5.1. Khái niệm, đặc điểm quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Đặc điểm

5.2. Nội dung quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm

5.2.1. Kiểm tra trước khi hoạt động

5.2.2. Giám sát quá trình hoạt động

5.2.3. Xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] *Bảo hiểm và kinh doanh bảo hiểm theo pháp luật Việt Nam* – TS. Phạm Văn Tuyết, NXB. Tư pháp, năm 2007.

[2] *Một số điều cần biết về pháp lý trong kinh doanh bảo hiểm* – GS.TS Trương Mộc Lâm, Lưu Nguyễn Khánh. NXB. Thống kê, 2000.

[3] Luật Kinh doanh bảo hiểm và văn bản hướng dẫn thi hành.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] *Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*. ThS. Trần Vũ Hải, NXB. Tư pháp, 2006.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ BẢO HIỂM VÀ PHÁP LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM</p> <p>1.1. Khái quát chung về bảo hiểm và kinh doanh bảo hiểm</p> <p>1.1.1. Khái quát chung về bảo hiểm</p> <p>1.1.2. Khái quát về hoạt động kinh doanh bảo hiểm</p> <p>1.2. Pháp luật kinh doanh bảo hiểm</p> <p>1.2.1. Khái niệm pháp luật kinh doanh bảo hiểm</p> <p>1.2.2. Các nguyên tắc hoạt động kinh doanh bảo hiểm</p>	2 lý thuyết	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra; lấy các ví dụ, làm bài tập thực tế để làm sáng tỏ vấn đề lý luận	G2; G3
2	<p>1.3. Quan hệ pháp luật kinh doanh bảo hiểm</p> <p>1.3.1. Khái niệm</p> <p>1.3.2. Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật kinh doanh bảo hiểm</p>	1 tiết lý thuyết+1 tiết bài tập	Làm bài tập	G2; G3
3	<p>CHƯƠNG 2: ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA CÁC CHỦ THỂ KINH DOANH BẢO HIỂM</p> <p>2.1. Doanh nghiệp bảo hiểm</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Đặc điểm</p> <p>2.1.3. Các loại hình Doanh nghiệp bảo hiểm</p>	2 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi; làm bài tập	G2; G3

	<p>2.1.4. Các điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động của DNBH</p> <p>2.2.5. Các hoạt động cơ bản của DNHB</p> <p>2.2.6. Chế độ tài chính đối với DNBH</p> <p>2.2.7. Khôi phục khả năng thanh toán</p> <p>2.2.8. Những trường hợp thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của DNBH</p> <p>2.2.9. Giải thể, phá sản DNBH</p>			
4	<p>2.2. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm</p> <p>2.2.1. Khái niệm</p> <p>2.2.2. Nội dung hoạt động môi giới bảo hiểm</p>	<p>1 tiết lý thuyết+1 tiết bài tập</p>	<p>Trả lời các câu hỏi; làm bài tập, thảo luận nhóm để xác định được trách nhiệm pháp lý của các chủ thể kinh doanh bảo hiểm</p>	<p>G2; G3</p>
5	<p>2.3. Đại lý bảo hiểm</p> <p>2.3.1. Khái niệm</p> <p>2.3.2. Các loại đại lý bảo hiểm</p> <p>2.3.3. Nội dung hoạt động đại lý bảo hiểm</p> <p>2.3.4. Tư cách pháp lý của Đại lý bảo hiểm</p> <p>2.3.5. Quyền, nghĩa vụ của DNBH, đại lý BH</p>	<p>1 tiết lý thuyết+1 tiết bài tập</p>	<p>Làm bài tập tình huống về trách nhiệm của đại lý bảo hiểm</p>	<p>G2; G3</p>
6	<p>CHƯƠNG 3: CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM THƯƠNG MẠI</p> <p>3.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng bảo hiểm</p> <p>3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2. Đặc điểm</p> <p>3.1.3. Các loại hợp đồng bảo hiểm thương mại</p>	<p>2 tiết lý thuyết</p>	<p>Thuyết trình; làm bài tập</p>	<p>G2; G3; G4</p>

7	3.2. Chủ thể - Hình thức - Nội dung của hợp đồng bảo hiểm thương mại 3.2.1 Chủ thể của Hợp đồng 3.2.2. Hình thức của Hợp đồng 3.2.3. Nội dung của Hợp đồng	1 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập để phân biệt đặc trưng của hợp đồng bảo hiểm	G2; G3; G4
8	3.3. Giao kết, thực hiện, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực pháp lý của Hợp đồng bảo hiểm thương mại 3.3.1. Giao kết hợp đồng 3.3.2. Thực hiện hợp đồng 3.3.3. Sửa đổi, bổ sung hợp đồng 3.3.4. Chấm dứt hợp đồng	1 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập về hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm	G2; G3; G4
9	3.4. Hợp đồng bảo hiểm vô hiệu và hậu quả pháp lý của Hợp đồng bảo hiểm vô hiệu	1 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3; G4
10	CHƯƠNG 4. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM CON NGƯỜI – HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TÀI SẢN – HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ 4.1. Chế độ pháp lý hợp đồng bảo hiểm con người 4.1.1. Khái niệm, đặc điểm của bảo hiểm con người 4.1.2. Nội dung qui định pháp luật đối với hợp đồng bảo hiểm con người	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập;	G2; G3; G4; G5
11	4.2. Chế độ pháp lý hợp đồng bảo hiểm tài sản 4.2.1. Khái niệm, đặc điểm của bảo hiểm tài sản 4.2.2. Nội dung qui định pháp luật đối với hợp đồng bảo hiểm tài sản	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3
12	Thảo luận	2 tiết	Nghiên cứu hồ sơ, bản án về hợp đồng bảo hiểm; giải	G3; G4

			quyết tình huống	
13	<p>4.3. Chế độ pháp lý hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự</p> <p>4.3.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự</p> <p>4.3.2. Nội dung qui định pháp luật đối với hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự</p> <p>4.3.3. Các loại bảo hiểm trách nhiệm dân sự</p>	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Đọc văn bản; trả lời câu hỏi	G2; G3
14	<p>CHƯƠNG 5. PHÁP LUẬT QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM</p> <p>5.1. Khái niệm, đặc điểm quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm</p> <p>5.1.1. Khái niệm</p> <p>5.1.2. Đặc điểm</p> <p>5.2. Nội dung quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm</p> <p>5.2.1. Kiểm tra trước khi hoạt động</p> <p>5.2.2. Giám sát quá trình hoạt động</p>	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; trả lời câu hỏi	G2; G3; G4; G5
15	5.2.3. Xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập	Làm bài tập về trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo hiểm	G2; G3; G4; G5

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải đọc trước bài ở nhà trước mỗi nội dung học;
- Mang theo các văn bản pháp luật liên quan cho từng nội dung học

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0,4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0,1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0,3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0,4	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về kế toán, kiểm toán (tiếng Anh): Law on accounting and auditing.	
- Mã số học phần: 845061	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (<i>nếu có</i>)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Pháp luật về thuế
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính*)

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động kế toán và hoạt động kiểm toán độc lập; những nguyên tắc cơ bản của các hoạt động này. Đây là nhóm kiến thức cấu thành của hệ thống kiến thức về pháp luật kinh doanh nhằm trang bị cho người học các kiến thức cụ thể như: nắm được khái niệm, đặc điểm, quyền và nghĩa vụ, trình tự, thủ tục, hồ sơ pháp lý của hoạt động kế toán, kiểm toán; các hành vi trái pháp luật trong hoạt động kế toán, kiểm toán và chế tài xử lý các hành vi đó.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động kế toán và hoạt động kiểm toán độc lập; đặc điểm; những nguyên tắc cơ bản; quyền và

nghĩa vụ của các chủ thể tham gia hoạt động kế toán, kiểm toán; các quy định pháp luật về hoạt động nghiệp vụ kế toán, kiểm toán.

Về kỹ năng: Cung cấp cho người học các kỹ năng cần thiết để sau khi ra trường có thể thực hiện các công việc giám sát, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về kế toán và tài chính doanh nghiệp.

Về thái độ: Trợ giúp người học nắm vững các qui chế pháp lý của các công ty kiểm toán, công ty dịch vụ kế toán, quyền và nghĩa vụ của nhân viên kế toán, kế toán trưởng, kiểm toán viên và các cá nhân hành nghề độc lập trong lĩnh vực kế toán từ đó ý thức được trách nhiệm trong công việc và thái độ nghiêm chỉnh thực hiện quy định pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung quy định của pháp luật về hoạt động kiểm toán, kế toán	2
G2	Mô tả được thẩm quyền của các chủ thể tham gia vào hoạt động kế toán, kiểm toán từ đó xác định trách nhiệm của các chủ thể khi thực hiện các công việc nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kế toán, kiểm toán	3
G3	Thành thạo các kỹ năng soạn thảo hồ sơ kế toán, kiểm toán	3
G4	Vận dụng được lý thuyết để kiểm tra hồ sơ, chứng từ kế toán, kiểm toán trong trường hợp thực tiễn của doanh nghiệp	3
G5	Đánh giá và có ý tưởng xây dựng hoàn thiện những quy định pháp luật về kế toán, kiểm toán.	5

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT HOẠT ĐỘNG KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

1.1. Khái quát hoạt động kế toán và kiểm toán

- 1.1.1. Khái niệm kế toán
- 1.1.2. Vai trò của kế toán
- 1.1.3. Các loại hình nghiệp vụ kế toán

1.2. Khái niệm kiểm toán, chức năng và vai trò của kiểm toán

- 1.2.1. Khái niệm kiểm toán
- 1.2.2. Chức năng hoạt động kiểm toán

1.2.3. Vai trò của kiểm toán trong hoạt động kinh doanh

1.2.4. Các loại hình kiểm toán

1.3. Khái quát pháp luật kế toán, kiểm toán

1.3.1. Quá trình hình thành và phát triển pháp luật về kế toán ở Việt Nam

1.3.2. Cơ chế điều chỉnh các quan hệ kế toán, kiểm toán bằng pháp luật.

1.3.3. Đối tượng điều chỉnh của pháp luật về kế toán, kiểm toán.

1.3.4. Nguồn của pháp luật kế toán, kiểm toán, ý nghĩa pháp lý của các chuẩn mực kế toán, kiểm toán

1.3.5. Các nội dung pháp luật về kế toán và kiểm toán

CHƯƠNG 2. ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA VÀO QUAN HỆ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

2.1. Địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia quan hệ kế toán

2.1.1. Nhân viên kế toán

2.1.2. Kế toán trưởng

2.1.3. Cá nhân đăng ký kinh doanh hành nghề kế toán

2.1.4. Đơn vị kế toán (đơn vị sử dụng dịch vụ kế toán)

2.1.5. Các chủ thể khác

2.2. Địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia quan hệ kiểm toán

2.2.1. Kiểm toán viên

2.2.2. Công ty kiểm toán độc lập

2.2.3. Doanh nghiệp, tổ chức được kiểm toán

2.2.4. Chủ thể sử dụng kết quả kiểm toán độc lập

CHƯƠNG 3. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ HOẠT ĐỘNG KẾ TOÁN

3.1. Những quy định về hoạt động kế toán

3.1.1. Đối tượng của hoạt động kế toán

3.1.2. Yêu cầu của hoạt động kế toán

3.1.3. Đơn vị tính sử dụng trong kế toán

3.1.4. Chữ viết và chữ số sử dụng trong kế toán.

3.1.5. Kỳ kế toán

3.2. Chế độ pháp lý về tài liệu kế toán trong công tác kế toán

3.2.1. Chứng từ kế toán

3.2.2. Hoá đơn bán hàng

3.2.3. Báo cáo tài chính

3.2.4. Các loại tài liệu kế toán khác

3.2.5. Quy định pháp luật về thủ tục, trình tự, và các yêu cầu trong công tác lập chứng từ kế toán

3.2.6. Quản lý, sử dụng và tiêu huỷ chứng từ kế toán

CHƯƠNG 4. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN

4.1. Nguyên tắc cơ bản của kiểm toán độc lập

- 4.1.1. Độc lập
- 4.1.2. Chính trực
- 4.1.3. Khách quan
- 4.1.4. Năng lực chuyên môn và tính thận trọng
- 4.1.5. Tính bảo mật
- 4.1.6. Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam
- 4.1.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động nghề nghiệp và kết quả kiểm

toán

- 4.1.8. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp kiểm toán

4.2. Nội dung hoạt động kiểm toán

- 4.2.1. Kiểm toán báo cáo tài chính
- 4.2.2. Kiểm toán hoạt động
- 4.2.3. Kiểm toán tuân thủ
- 4.2.4. Kiểm toán nội bộ

4.3. Hợp đồng dịch vụ kiểm toán

- 4.3.1. Các chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng dịch vụ kiểm toán
- 4.3.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng kiểm toán
- 4.3.3. Giá trị pháp lý của kết quả kiểm toán
- 4.3.4. Trách nhiệm của công ty kiểm toán và kiểm toán viên đối với bên sử dụng

dịch vụ kiểm toán

4.4. Hồ sơ kiểm toán

- 4.4.1. Các loại tài liệu trong hồ sơ kiểm toán
- 4.4.2. Quy trình bảo quản lưu trữ và tiêu hủy tài liệu kiểm toán

4.5. Những hành vi nghiêm cấm trong hoạt động kiểm toán

CHƯƠNG 5.

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

5.1. Cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực kiểm toán và kế toán

5.2. Các nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực kiểm toán và kế toán

5.2.1. Xây dựng quy hoạch chiến lược phát triển hoạt động kế toán kiểm toán độc lập

5.2.2. Ban hành, tổ chức thực hiện chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán

5.2.3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, kiểm toán, tổ chức thi tuyển và cấp chứng chỉ kế toán viên hành nghề và kiểm toán viên.

5.2.4. Kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán

5.3. Chế tài đối với hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán

5.3.1. Khái niệm chế tài, các hình thức chế tài

5.3.2. Các loại hình chế tài áp dụng đối với các hành vi vi phạm pháp luật kế toán.

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Vũ Văn Cương, Đinh Tiểu Khuê, Lê Ngọc Thắng (Đồng chủ biên) (2012), *Giáo trình Pháp luật Kế toán*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[2] Đồng Thị Vân Hồng (2013), *Giáo trình Kiểm toán*, NXB. Lao Động, Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] - Vương Đình Huệ (2004), *Giáo trình Kiểm toán*, NXB. Tài chính, Hà Nội.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT HOẠT ĐỘNG KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN</p> <p>1.1. Khái quát hoạt động kế toán và kiểm toán</p> <p>1.1.1. Khái niệm kế toán</p> <p>1.1.2. Vai trò của kế toán</p> <p>1.1.3. Các loại hình nghiệp vụ kế toán</p> <p>1.2. Khái niệm kiểm toán, chức năng và vai trò của kiểm toán</p> <p>1.2.1. Khái niệm kiểm toán</p> <p>1.2.2. Chức năng hoạt động kiểm toán</p> <p>1.2.3. Vai trò của kiểm toán trong hoạt động kinh doanh</p> <p>1.2.4. Các loại hình kiểm toán</p>	2 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra; lấy các ví dụ thực tế để làm sáng tỏ vấn đề lý luận, làm bài tập tình huống;	G2; G3; G4
2	<p>1.3. Khái quát pháp luật kiểm toán, kế toán</p> <p>1.3.1. Quá trình hình thành và phát triển pháp luật về kế toán ở Việt Nam</p> <p>1.3.2. Cơ chế điều chỉnh các quan hệ kế toán, kiểm toán bằng pháp luật.</p> <p>1.3.3. Đối tượng điều chỉnh của pháp luật về kế toán, kiểm toán.</p>	2 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra; lấy các ví dụ thực tế để làm sáng tỏ vấn đề lý luận, làm bài tập tình huống;	

	1.3.4. Nguồn của pháp luật kế toán, kiểm toán, ý nghĩa pháp lý của các chuẩn mực kế toán, kiểm toán 1.3.5. Các nội dung pháp luật về kế toán và kiểm toán			
3	Thảo luận	2 tiết	Làm bài tập, thuyết trình	
4	CHƯƠNG 2. ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA VÀO QUAN HỆ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN 2.1. Địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia quan hệ kế toán 2.1.1. Nhân viên kế toán 2.1.2. Kế toán trưởng 2.1.3. Cá nhân đăng ký kinh doanh hành nghề kế toán 2.1.4. Đơn vị kế toán (đơn vị sử dụng dịch vụ kế toán) 2.1.5. Các chủ thể khác	2 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi; làm bài tập	G2; G3
5	2.2. Địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia quan hệ kiểm toán 2.2.1. Kiểm toán viên 2.2.2. Công ty kiểm toán độc lập 2.2.3. Doanh nghiệp, tổ chức được kiểm toán 2.2.4. Chủ thể sử dụng kết quả kiểm toán độc lập	2 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi; làm bài tập	G2; G3
6	Thảo luận	2 tiết	Nghiên cứu văn bản, làm bài tập, thảo luận nhóm	G3; G4
7	CHƯƠNG 3. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ HOẠT ĐỘNG KẾ TOÁN 3.1. Những quy định về hoạt động kế toán 3.1.1. Đối tượng của hoạt động kế toán 3.1.2. Yêu cầu của hoạt động kế toán 3.1.3. Đơn vị tính sử dụng trong kế toán	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3; G4; G5

	3.1.4. Chữ viết và chữ số sử dụng trong kế toán. 3.1.5. Kỳ kế toán			
8	3.2. Chế độ pháp lý về tài liệu kế toán trong công tác kế toán 3.2.1. Chứng từ kế toán 3.2.2. Hoá đơn bán hàng 3.2.3. Báo cáo tài chính 3.2.4. Các loại tài liệu kế toán khác 3.2.5. Quy định pháp luật về thủ tục, trình tự, và các yêu cầu trong công tác lập chứng từ kế toán 3.2.6. Quản lý, sử dụng và tiêu hủy chứng từ kế toán	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3
9	Thảo luận	2 tiết	Nghiên cứu hồ sơ, chứng từ, thảo luận nhóm	G3; G4
10	CHƯƠNG 4. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN 4.1. Nguyên tắc cơ bản của kiểm toán độc lập 4.1.1. Độc lập 4.1.2. Chính trực 4.1.3. Khách quan 4.1.4. Năng lực chuyên môn và tính thận trọng 4.1.5. Tính bảo mật 4.1.6. Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam 4.1.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động nghề nghiệp và kết quả kiểm toán 4.1.8. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp kiểm toán	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3
11	4.2. Nội dung hoạt động kiểm toán 4.2.1. Kiểm toán báo cáo tài chính 4.2.2. Kiểm toán hoạt động	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3;

	<p>4.2.3. Kiểm toán tuân thủ</p> <p>4.2.4. Kiểm toán nội bộ</p> <p>4.3. Hợp đồng dịch vụ kiểm toán</p> <p>4.3.1. Các chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng dịch vụ kiểm toán</p> <p>4.3.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng kiểm toán</p> <p>4.3.3. Giá trị pháp lý của kết quả kiểm toán</p> <p>4.3.4. Trách nhiệm của công ty kiểm toán và kiểm toán viên đối với bên sử dụng dịch vụ kiểm toán</p> <p>4.4. Hồ sơ kiểm toán</p> <p>4.4.1. Các loại tài liệu trong hồ sơ kiểm toán</p> <p>4.4.2. Quy trình bảo quản lưu trữ và tiêu hủy tài liệu kiểm toán</p> <p>4.5. Những hành vi nghiêm cấm trong hoạt động kiểm toán</p>			G4; G5
12	Thảo luận	2 tiết	Nghiên cứu hồ sơ, thảo luận nhóm	G3; G4
13	<p>CHƯƠNG 5. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN</p> <p>5.1. Cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực kiểm toán và kế toán</p> <p>5.2. Các nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực kiểm toán và kế toán</p> <p>5.2.1. Xây dựng quy hoạch chiến lược phát triển hoạt động kế toán kiểm toán độc lập</p> <p>5.2.2. Ban hành, tổ chức thực hiện chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán</p> <p>5.2.3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, kiểm toán, tổ chức</p>	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3

	thi tuyển và cấp chứng chỉ kế toán viên hành nghề và kiểm toán viên. 5.2.4. Kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán			
14	5.3. Chế tài đối với hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán 5.3.1. Khái niệm chế tài, các hình thức chế tài 5.3.2. Các loại hình chế tài áp dụng đối với các hành vi vi phạm pháp luật kế toán.	2 tiết lý thuyết	Trả lời câu hỏi; làm bài tập nhóm	G2; G3
15	Thảo luận	2 tiết	Nghiên cứu hồ sơ, thảo luận nhóm	G3; G4

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải đọc trước bài ở nhà trước mỗi nội dung học;
- Mang theo các văn bản pháp luật liên quan cho từng nội dung học

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0,4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập,..	0,1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0,3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0,4	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật về đầu tư xây dựng (tiếng Anh): Laws on construction investment	
- Mã số học phần: 845057	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Pháp luật về đầu tư
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên lượng kiến thức cơ bản tổng quan về những quy định của pháp luật đầu tư xây dựng công trình, vận dụng giải quyết các tình huống liên quan, nắm vững những kiến thức làm nền tảng để học các học phần kế tiếp.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp luật về đầu tư xây dựng công trình như: Quy hoạch xây dựng, khảo sát, thiết kế xây dựng, xây dựng công trình, lựa chọn nhà thầu và hợp đồng xây dựng, quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng....

Về kỹ năng: Kỹ năng tham khảo tài liệu, kỹ năng tìm kiếm, đọc văn bản quy phạm pháp luật, vận dụng giải quyết những tình huống xảy ra trên thực tế liên quan quy hoạch xây dựng, khảo sát, thiết kế xây dựng, xây dựng công trình, lựa chọn nhà thầu và hợp đồng xây dựng, quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng.

Về thái độ: Từ việc có những kiến thức pháp luật về đầu tư xây dựng, góp phần vào việc hình thành, nâng cao ý thức pháp luật của sinh viên, tăng cường khả năng tư duy, ý thức, tinh thần học tập, lập luận, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đam mê khởi nghiệp, ý thức xây dựng pháp luật và phát triển đất nước.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được các khái niệm, đặc điểm, quy trình về đầu tư xây dựng; quy hoạch xây dựng; khảo sát, thiết kế; quản lý về đầu tư xây dựng.	2
G2	So sánh các hình thức quy hoạch xây dựng	4
G3	Mô tả được trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng	2
G4	Vận dụng được để giải quyết các công việc liên quan đến quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng	3
G5	Đánh giá, đề xuất các quy định pháp luật mới hoàn thiện bất cập của pháp luật về đầu tư xây dựng	5

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

1.1. Khái quát về hoạt động đầu tư xây dựng

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Đặc điểm

1.2. Chủ thể trong quan hệ pháp luật về đầu tư xây dựng.

1.2.1. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng

1.2.2. Chủ đầu tư

1.2.3. Nhà thầu trong hoạt động đầu tư xây dựng

1.3. Những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động xây dựng.

1.3.1. Nguyên tắc bảo đảm quy hoạch

1.3.2. Nguyên tắc sử dụng hợp lý nguồn lực, nguồn tài nguyên

1.3.3. Nguyên tắc đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật

1.3.4. Nguyên tắc an toàn, đồng bộ, công khai, minh bạch

1.4. Các hành vi bị cấm trong hoạt động xây dựng.

1.4.1. Vi phạm các điều kiện về xây dựng theo quy định của pháp luật

1.4.2. Vi phạm nguyên tắc an toàn trong xây dựng

1.4.3. Sử dụng công trình sai mục đích

1.4.4. Vi phạm nguyên tắc bình đẳng, trung thực, minh bạch trong xây dựng

CHƯƠNG 2: QUY HOẠCH XÂY DỰNG.

2.1. Khái niệm, đặc điểm quy hoạch xây dựng

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm

2.1.3. Nguyên tắc tuân thủ trong quy hoạch xây dựng

2.2. Quy hoạch xây dựng vùng

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Nội dung quy hoạch xây dựng vùng

2.3. Quy hoạch xây dựng đô thị

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Nội dung quy hoạch xây dựng đô thị

2.4. Quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.

2.4.1. Khái niệm

2.4.2. Nội dung quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn

2.5. Quản lý quy hoạch xây dựng

2.5.1. Khái niệm

2.5.2. Nội dung quản lý quy hoạch xây dựng

CHƯƠNG 3: KHẢO SÁT, THIẾT KẾ XÂY DỰNG.

3.1. Khảo sát xây dựng công trình

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Yêu cầu của việc khảo sát xây dựng

3.1.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc khảo sát xây dựng

3.2. Thiết kế xây dựng công trình.

3.2.1. Khái niệm

3.2.2. Trình tự thiết kế xây dựng

3.2.3. Nội dung của thiết kế xây dựng

3.2.4. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ thiết kế xây dựng

CHƯƠNG 4: XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

4.1. Giấy phép xây dựng

- 4.1.1. Khái niệm
- 4.1.2. Các loại giấy phép xây dựng
- 4.1.3. Điều kiện, thủ tục cấp giấy phép xây dựng

4.2. Giải phóng mặt bằng xây dựng công trình.

- 4.2.1. Khái niệm
- 4.2.1. Các yêu cầu đối với việc giải phóng mặt bằng xây dựng công trình

4.3. Thi công xây dựng công trình

- 4.3.1. Khái niệm
- 4.3.2. Điều kiện, yêu cầu về thi công xây dựng

4.4. Giám sát thi công xây dựng công trình.

- 4.4.1. Khái niệm
- 4.4.2. Nội dung về giám sát thi công xây dựng
- 4.4.3. Trách nhiệm của các chủ thể giám sát thi công

4.5. Xây dựng các công trình đặc thù.

- 4.5.1. Công trình bí mật nhà nước;
- 4.5.2. Công trình được xây dựng theo lệnh khẩn cấp;
- 4.5.3. Công trình xây dựng tạm

CHƯƠNG 5: LỰA CHỌN NHÀ THẦU VÀ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

5.1. Lựa chọn nhà thầu

- 5.1.1. Nguyên tắc khi lựa chọn nhà thầu
- 5.1.2. Nội dung quy định về chọn lựa nhà thầu

5.2. Hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

- 5.2.1. Khái niệm
- 5.2.2. Các loại hợp đồng xây dựng
- 5.2.3. Nguyên tắc ký kết và thực hiện hợp đồng xây dựng
- 5.2.4. Nội dung của hợp đồng xây dựng

CHƯƠNG 6:

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

6.1. Cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng.

- 6.1.1. Chính phủ
- 6.1.2. Bộ Xây dựng
- 6.1.3. Các bộ, cơ quan ngang bộ
- 6.1.4. Ủy ban nhân dân các cấp
- 6.1.5. Thanh tra xây dựng

6.2. Nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng.

- 6.2.1. Xây dựng chiến lược, đề án, quy hoạch

6.2.2. Ban hành văn bản pháp luật về xây dựng

6.2.3. Thanh tra, giám sát hoạt động xây dựng

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] *Giáo trình Luật Đầu tư và Xây dựng*, Trường Đại học Giao thông Vận tải, NXB. Giao thông Vận tải, năm 2013.

[2] Luật Đầu tư, Luật Xây dựng và văn bản hướng dẫn thi hành

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Các bài báo khoa học đăng ở tạp chí ngành luật học có nội dung tương ứng.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</p> <p>1.1. Khái quát về hoạt động đầu tư xây dựng.</p> <p>1.1.1. Khái niệm</p> <p>1.1.2. Đặc điểm</p> <p>1.2. Chủ thể trong quan hệ pháp luật về đầu tư xây dựng.</p> <p>1.2.1. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng</p> <p>1.2.2. Chủ đầu tư</p> <p>1.2.3. Nhà thầu trong hoạt động đầu tư xây dựng</p> <p>1.3. Những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động xây dựng.</p> <p>1.3.1. Nguyên tắc bảo đảm quy hoạch</p> <p>1.3.2. Nguyên tắc sử dụng hợp lý nguồn lực, nguồn tài nguyên</p> <p>1.3.3. Nguyên tắc đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật</p> <p>1.3.4. Nguyên tắc an toàn, đồng bộ, công khai, minh bạch</p>	2 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra; lấy các ví dụ thực tế để làm sáng tỏ vấn đề lý luận	G2; G3

2	<p>1.4. Các hành vi bị cấm trong hoạt động xây dựng.</p> <p>1.4.1. Vi phạm các điều kiện về xây dựng theo quy định của pháp luật</p> <p>1.4.2. Vi phạm nguyên tắc an toàn trong xây dựng</p> <p>1.4.3. Sử dụng công trình sai mục đích</p> <p>1.4.4. Vi phạm nguyên tắc bình đẳng, trung thực, minh bạch trong xây dựng</p>	2 tiết lý thuyết	GV hướng dẫn, SV trả lời câu hỏi	G2;G3
3	Thảo luận	2 tiết thực hành	Làm bài tập tình huống về nội dung lý thuyết tại chương 1	G3;G4
4	<p>CHƯƠNG 2: QUY HOẠCH XÂY DỰNG.</p> <p>2.1. Khái niệm, đặc điểm quy hoạch xây dựng</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Đặc điểm</p> <p>2.1.3. Nguyên tắc tuân thủ trong quy hoạch xây dựng</p> <p>2.2. Quy hoạch xây dựng vùng</p> <p>2.2.1. Khái niệm</p> <p>2.2.2. Nội dung quy hoạch xây dựng vùng</p> <p>2.3. Quy hoạch xây dựng đô thị</p> <p>2.3.1. Khái niệm</p> <p>2.3.2. Nội dung quy hoạch xây dựng đô thị</p>	2 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi; làm bài tập	G2; G3
5	<p>2.4. Quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.</p> <p>2.4.1. Khái niệm</p> <p>2.4.2. Nội dung quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn</p> <p>2.5. Quản lý quy hoạch xây dựng</p> <p>2.5.1. Khái niệm</p>	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập	G2;G3

	2.5.2. Nội dung quản lý quy hoạch xây dựng			
6	Thảo luận	2 tiết thực hành	Thuyết trình; làm bài tập; đọc và thảo luận nhóm về các hồ sơ do GV cung cấp	G3;G4
7	CHƯƠNG 3: KHẢO SÁT, THIẾT KẾ XÂY DỰNG. 3.1. Khảo sát xây dựng công trình 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Yêu cầu của việc khảo sát xây dựng 3.1.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc khảo sát xây dựng	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập	G2;G3
8	3.2. Thiết kế xây dựng công trình. 3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Trình tự thiết kế xây dựng 3.2.3. Nội dung của thiết kế xây dựng 3.2.4. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ thiết kế xây dựng	2 tiết lý thuyết	Trả lời câu hỏi, thuyết trình	G2;G3
9	Thảo luận	2 tiết thực hành	Làm Bài tập tình huống, đọc hồ sơ, tranh luận	G3;G4
10	CHƯƠNG 5: LỰA CHỌN NHÀ THẦU VÀ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG 5.1. Lựa chọn nhà thầu 5.1.1. Nguyên tắc khi lựa chọn nhà thầu 5.1.2. Nội dung quy định về chọn lựa nhà thầu	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập	G2;G3
11	5.2. Hợp đồng trong hoạt động xây dựng. 5.2.1. Khái niệm 5.2.2. Các loại hợp đồng xây dựng	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập	G2;G3

	5.2.3. Nguyên tắc ký kết và thực hiện hợp đồng xây dựng 5.2.4. Nội dung của hợp đồng xây dựng			
12	Thảo luận	2 tiết thực hành	Thực hành soạn thảo hợp đồng xây dựng	G3;G4
13	CHƯƠNG 6: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG. 6.1. Cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng. 6.1.1. Chính phủ 6.1.2. Bộ Xây dựng 6.1.3. Các bộ, cơ quan ngang bộ 6.1.4. Ủy ban nhân dân các cấp 6.1.5. Thanh tra xây dựng	2 tiết lý thuyết	GV hướng dẫn, SV trả lời câu hỏi	G2;G3
14	6.2. Nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng. 6.2.1. Xây dựng chiến lược, đề án, quy hoạch 6.2.2. Ban hành văn bản pháp luật về xây dựng 6.2.3. Thanh tra, giám sát hoạt động xây dựng	2 tiết lý thuyết	GV hướng dẫn, SV trả lời câu hỏi	G2;G3
15	Thảo luận	2 tiết thực hành	Làm bài tập nhóm, trình bày các quan điểm xử lý	G3;G4

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải đọc trước bài ở nhà trước mỗi nội dung học;
- Mang theo các văn bản pháp luật liên quan cho từng nội dung học

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0,4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0,1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0,3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0,4	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: anhhtv1234@gmail.com;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): PHÁP LUẬT VỀ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ (tiếng Anh): Law on electronic transactions	
- Mã số học phần: 845058	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Dân sự 1
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật cơ bản về một hình thức giao dịch mới được áp dụng phổ biến trên thế giới trong thời kì hội nhập kinh tế quốc tế.

Học phần này bao gồm 6 chương: Chương 1 tổng quan về pháp luật giao dịch điện tử giúp cho người học bước đầu tiếp cận với khái niệm giao dịch điện tử cũng như quá trình hình thành và phát triển của pháp luật điện tử; Chương 2 giúp người học nắm được những khái niệm đặc thù của giao dịch điện tử như "thông điệp dữ liệu", "chữ ký điện tử"...; Chương 3 và chương 4 chương 5 cung cấp cho người học những nội dung cơ bản của pháp luật giao dịch điện tử và chương 6 xử lý vi phạm pháp luật về giao dịch điện tử.

3. Mục tiêu học phần

Học phân giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Trang bị cho người học những kiến thức pháp luật về giao dịch điện tử, hợp đồng thương mại điện tử và vấn đề an ninh, an toàn, bảo mật giao dịch điện tử.

Về kỹ năng: Vận dụng những kiến thức pháp lý để phân tích, nhận định các vấn đề liên quan đến giao dịch điện tử nói chung và kinh doanh thương mại điện tử, cũng như các giao dịch điện tử của các cơ quan nhà nước. Có thể giải quyết các hành vi vi phạm pháp luật giao dịch điện tử

Về thái độ: Người học mạnh dạn tham gia các giao dịch điện tử và có ý thức tôn trọng các quy định pháp luật về giao dịch điện tử.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được các khái niệm và ví dụ về giao dịch điện tử	2
G2	Nắm bắt được về thông điệp dữ liệu điện tử, chữ ký điện tử	4
G3	Hiểu được hợp đồng điện tử, giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử, nắm bắt được các đặc điểm riêng của giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử	2
G4	Trình bày được hoạt động thương mại điện tử, nắm bắt được các giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước	3
G5	Hiểu được các hành vi vi phạm pháp luật về giao dịch điện tử, nắm bắt được cơ sở pháp lý để giải quyết các tranh chấp về thương mại điện tử	4
G6	Đánh giá được các quy định của pháp luật điều chỉnh về giao dịch điện tử để có những giải pháp phù hợp	2

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ PHÁP LUẬT GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

1.1. Khái niệm chung về giao dịch điện tử

1.1.1. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại và nền văn minh của nhân loại

1.1.2. Khái niệm giao dịch điện tử

1.1.3. Đặc điểm giao dịch điện tử

1.1.4. Phân loại các giao dịch điện tử

1.1.5. Vai trò của giao dịch điện tử đối với sự phát triển của kinh tế- xã hội và cải cách hành chính

1.2. Pháp luật giao dịch điện tử

1.2.1. Khái niệm pháp luật giao dịch điện tử

- 1.2.2. Quan hệ pháp luật giao dịch điện tử
- 1.2.3. Lịch sử hình thành và phát triển pháp luật giao dịch điện tử
- 1.2.4. Nguồn của luật giao dịch điện tử
- 1.2.5. Các nguyên tắc chung trong tiến hành giao dịch điện tử

CHƯƠNG 2. THÔNG điệp DỮ LIỆU, CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ

2.1. Thông điệp dữ liệu

- 2.1.1. Khái niệm thông điệp dữ liệu
- 2.1.2. Đặc điểm thông điệp dữ liệu
- 2.1.3. Các hình thức của thông điệp dữ liệu
- 2.1.4. Giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu
- 2.1.5. Gửi nhận thông điệp dữ liệu

2.2. Chữ ký điện tử

- 2.2.1. Khái niệm chữ ký điện tử
- 2.2.2. Đặc điểm của chữ ký điện tử
- 2.2.3. Các hình thức của chữ ký điện tử
- 2.2.4. Giá trị pháp lý của chữ ký điện tử
- 2.2.5. Dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử

CHƯƠNG 3. HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

3.1. Khái niệm hợp đồng điện tử

- 3.1.1. Đặc điểm hợp đồng điện tử
- 3.1.2. Phân loại hợp đồng điện tử

3.2. Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử

3.3. Giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử

- 3.3.1. Giao kết hợp đồng điện tử
- 3.3.2. Thực hiện hợp đồng điện tử

CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

4.1. Khái quát chung về thương mại điện tử

- 4.1.1. Khái niệm hoạt động thương mại điện tử
- 4.1.2. Chủ thể hoạt động thương mại điện tử
- 4.1.3. Các hình thức tổ chức hoạt động thương mại điện tử
- 4.1.4. Các nguyên tắc hoạt động thương mại điện tử

4.2. Hợp đồng thương mại điện tử

- 4.2.1. Khái niệm hợp đồng thương mại điện tử
- 4.2.2. Quan hệ pháp luật hợp đồng thương mại điện tử
- 4.2.3. Chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại
- 4.2.4. Giao kết hợp đồng sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên website thương mại điện tử

4.3. Pháp luật về hoạt động thương mại điện tử

- 4.3.1. Pháp luật hoạt động của website thương mại điện tử bán hàng
- 4.3.2. Pháp luật hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử
- 4.3.3. Pháp luật hoạt động của website khuyến mại trực tuyến
- 4.3.4. Pháp luật hoạt động của website đấu giá trực tuyến

4.4. Quản lý hoạt động thương mại điện tử

- 4.4.1. Quản lý các website thương mại điện tử
- 4.4.2. Đánh giá, giám sát, chứng thực trong thương mại điện tử
- 4.4.3. Công thông tin hoạt động thương mại điện tử

4.5. An toàn an ninh trong giao dịch thương mại điện tử

- 4.5.1. Bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử
- 4.5.2. An toàn thanh toán trong thương mại điện tử

CHƯƠNG 5. GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

5.1. Các hình thức giao dịch điện tử của các cơ quan nhà nước

5.2. Nguyên tắc tiến hành giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước

5.3. Bảo đảm an toàn, bảo mật và lưu trữ thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước

5.4. Trách nhiệm của các chủ thể khi tiến hành các giao dịch điện tử

- 5.4.1. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ mạng
- 5.4.2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
- 5.4.3. Quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

CHƯƠNG 6. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM

PHÁP LUẬT

6.1. Xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giao dịch điện tử

6.2. Giải quyết tranh chấp

- 6.2.1. Nguyên tắc
- 6.2.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Bộ Công thương, *Báo cáo Thương mại điện tử* năm 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010

[2] Ủy ban Quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế (2005). *Tìm hiểu về thương mại điện tử*, NXB. Chính trị quốc gia

6.2. Tài liệu tham khảo

[3] *Luật mẫu về Thương mại điện tử* của UNCITRAL

[4] *Luật mẫu về Chữ kí điện tử* của UNCITRAL

[5] *Luật Giao dịch điện tử năm 2005* và các văn bản hướng dẫn

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ PHÁP LUẬT GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ</p> <p>1.1. Khái niệm chung về giao dịch điện tử</p> <p>1.1.1. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại và nền văn minh của nhân loại</p> <p>1.1.2. Khái niệm giao dịch điện tử</p> <p>1.1.3. Đặc điểm giao dịch điện tử</p>	2 tiết Lý thuyết	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống 	G1; G2
2	<p>1.1.4. Phân loại các giao dịch điện tử</p> <p>1.1.5. Vai trò của giao dịch điện tử đối với sự phát triển của kinh tế- xã hội và cải cách hành chính</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống 	G2
3	<p>1.2. Pháp luật giao dịch điện tử</p> <p>1.2.1. Khái niệm pháp luật giao dịch điện tử</p> <p>1.2.2. Quan hệ pháp luật giao dịch điện tử</p> <p>1.2.3. Lịch sử hình thành và phát triển pháp luật giao dịch điện tử</p> <p>1.2.4. Nguồn của luật giao dịch điện tử</p> <p>1.2.5. Các nguyên tắc chung trong tiến hành giao dịch điện tử</p>	2 tiết Lý thuyết	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống 	G1
4	<p>CHƯƠNG 2. THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU, CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ</p> <p>2.1. Thông điệp dữ liệu</p> <p>2.1.1. Khái niệm thông điệp dữ liệu</p> <p>2.1.2. Đặc điểm thông điệp dữ liệu</p> <p>2.1.3. Các hình thức của thông điệp dữ liệu</p>	2 tiết Lý thuyết	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống 	G1; G3; G5

	2.1.4. Giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu 2.1.5. Gửi nhận thông điệp dữ liệu			
5	Thảo luận các tình huống do giảng viên chuẩn bị	2 tiết bài tập	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống	G2; G4
6	2.2. Chữ ký điện tử 2.2.1. Khái niệm chữ ký điện tử 2.2.2. Đặc điểm của chữ ký điện tử 2.2.3. Các hình thức của chữ ký điện tử 2.2.4. Giá trị pháp lý của chữ ký điện tử 2.2.5. Dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống	G3; G4
7	CHƯƠNG 3. HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ 3.1. Khái niệm hợp đồng điện tử 3.1.1. Đặc điểm hợp đồng điện tử 3.1.2. Phân loại hợp đồng điện tử 3.2. Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử 3.3. Giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử 3.3.1. Giao kết hợp đồng điện tử 3.3.2. Thực hiện hợp đồng điện tử	2 tiết Lý thuyết	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống	G3
8	Nhận diện và đánh giá các khía cạnh pháp lý của hợp đồng điện tử	2 tiết bài tập	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống	G5; G6
9	CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ 4.1. Khái quát chung về thương mại điện tử	2 tiết Lý thuyết	- Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật	G4; G5

	<p>4.1.1. Khái niệm hoạt động thương mại điện tử</p> <p>4.1.2. Chủ thể hoạt động thương mại điện tử</p> <p>4.1.3. Các hình thức tổ chức hoạt động thương mại điện tử</p> <p>4.1.4. Các nguyên tắc hoạt động thương mại điện tử</p>		<p>- Giải quyết tình huống</p>	
10	<p>4.2. Hợp đồng thương mại điện tử</p> <p>4.2.1. Khái niệm hợp đồng thương mại điện tử</p> <p>4.2.2. Quan hệ pháp luật hợp đồng thương mại điện tử</p> <p>4.2.3. Chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại</p> <p>4.2.4. Giao kết hợp đồng sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên website thương mại điện tử</p>	<p>1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập</p>	<p>- Đọc tài liệu</p> <p>- Đọc văn bản pháp luật</p> <p>- Giải quyết tình huống</p>	<p>G5;</p> <p>G6</p>
11	<p>4.3. Pháp luật về hoạt động thương mại điện tử</p> <p>4.3.1. Pháp luật hoạt động của website thương mại điện tử bán hàng</p> <p>4.3.2. Pháp luật hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử</p> <p>4.3.3. Pháp luật hoạt động của website khuyến mại trực tuyến</p> <p>4.3.4. Pháp luật hoạt động của website đấu giá trực tuyến</p>	<p>2 tiết Lý thuyết</p>	<p>- Đọc tài liệu</p> <p>- Đọc văn bản pháp luật</p> <p>- Giải quyết tình huống</p>	<p>G3</p>
12	<p>4.4. Quản lý hoạt động thương mại điện tử</p> <p>4.4.1. Quản lý các website thương mại điện tử</p> <p>4.4.2. Đánh giá, giám sát, chứng thực trong thương mại điện tử</p> <p>4.4.3. Công thông tin hoạt động thương mại điện tử</p>	<p>1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập</p>	<p>- Đọc tài liệu</p> <p>- Đọc văn bản pháp luật</p> <p>- Giải quyết tình huống</p>	<p>G5</p>

13	<p>CHƯƠNG 5. GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC</p> <p>5.1. Các hình thức giao dịch điện tử của các cơ quan nhà nước</p> <p>5.2. Nguyên tắc tiến hành giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước</p> <p>5.3. Bảo đảm an toàn, bảo mật và lưu trữ thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước</p> <p>5.4. Trách nhiệm của các chủ thể khi tiến hành các giao dịch điện tử</p> <p>5.4.1. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ mạng</p> <p>5.4.2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p> <p>5.4.3. Quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p>	2 tiết Lý thuyết	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống 	G4
14	<p>CHƯƠNG 6. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT</p> <p>6.1. Xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giao dịch điện tử</p> <p>6.2. Giải quyết tranh chấp</p> <p>6.2.1 Nguyên tắc</p> <p>6.2.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp</p>	2 tiết Lý thuyết	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Đọc văn bản pháp luật - Giải quyết tình huống 	G4
15	Thảo luận tất cả các nội dung thuộc môn học	2 tiết bài tập	Giải quyết tình huống	G6

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học các môn dân sự, thương mại

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Trương Thị Tường Vi

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

KỸ NĂNG LẬP, THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng lập, thực hiện và quản lý dự án đầu tư (tiếng Anh): Skills of making, implementing and managing investment projects	
- Mã số học phần: 845059	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Pháp luật về đầu tư
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần Kỹ năng lập, thực hiện và quản lý dự án đầu tư cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình lập một dự án đầu tư, thẩm định, thực hiện và quản lý dự án đầu tư.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên sẽ nắm bắt được Khái quát chung về dự án đầu tư và quản lý dự án đầu tư; trình tự và nội dung nghiên cứu lập dự án đầu tư; Quá trình thẩm định dự án đầu tư; các Nội dung thực hiện dự án đầu tư và Hoạt động quản lý dự án đầu tư.

Về kỹ năng: Sinh viên có được những kỹ năng cần thiết để ứng dụng các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp của mình; Bước đầu rèn luyện phương pháp

nghiên cứu, phân tích và xử lý tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội trong lĩnh vực thực hiện và quản lý dự án đầu tư; Biết cách thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia thực hiện các dự án đầu tư.

Về thái độ: Hình thành ý thức, thái độ tôn trọng và tuân thủ pháp luật của người học, bước đầu có thái độ nghiêm túc với công việc liên quan đến ngành học.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm dự án đầu tư, đặc điểm của một dự án đầu tư; cách thức thực hiện, tác dụng của quản lý dự án đầu tư	2
G2	Lên được ý tưởng thực hiện dự án đầu tư; lập và xây dựng được một dự án đầu tư khả thi	3
G3	Nắm bắt và trình bày được các cơ sở pháp lý cho việc thẩm định dự án; Nắm và vận dụng được các phương pháp thẩm định dự án đầu tư	2
G4	Trình bày cách thức triển khai dự án; các thủ tục để hoàn thành, nghiệm thu được dự án đầu tư; tạm ứng, thanh toán cho dự án đầu tư.	3
G5	Nắm được cách thức quản lý dự án từ thời gian, chi phí, nhân lực, rủi ro, chất lượng.	4

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái quát dự án đầu tư và quản lý dự án đầu tư

- 1.1. Khái quát chung về dự án đầu tư
- 1.2. Khái quát về quản lý dự án đầu tư

Chương 2: Kỹ năng lập dự án đầu tư

- 2.1. Kỹ năng nghiên cứu và hình thành một dự án đầu tư
- 2.2. Kỹ năng lập dự án đầu tư khả thi
- 2.3. Kỹ năng trình bày một dự án đầu tư khả thi

Chương 3: Kỹ năng thẩm định dự án đầu tư

- 3.1. Kỹ năng tạo dựng cơ sở pháp lý cho việc thẩm định dự án đầu tư
- 3.2. Phương pháp và kỹ năng thẩm định dự án đầu tư

Chương 4: Kỹ năng thực hiện dự án đầu tư

- 4.1. Kỹ năng tổ chức bộ máy vận hành
- 4.2. Kỹ năng triển khai thực hiện dự án đầu tư

4.3. Kỹ năng tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện dự án đầu tư

4.4. Kỹ năng tổ chức nghiệm thu, hoàn tất thủ tục đầu tư

Chương 5. Kỹ năng quản lý dự án đầu tư

5.1. Xác định mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của quản lý dự án đầu tư

5.2. Kỹ năng quản lý thời gian và tiến độ thực hiện dự án

5.3. Kỹ năng phân phối nguồn lực cho dự án

5.4. Kỹ năng dự toán và quản lý chi phí dự án đầu tư

5.5. Kỹ năng quản lý chất lượng dự án đầu tư

5.6. Kỹ năng quản lý rủi ro đối với dự án đầu tư

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Luật đầu tư; Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.

[2] *Một số vấn đề về quản lý nhà nước* – Sách chuyên khảo, Học viện thanh tra chính phủ, NXB Thống kê năm 2005

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Các bài báo khoa học đăng ở tạp chí ngành luật học có nội dung tương ứng.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	Chương 1: Khái quát dự án đầu tư và quản lý dự án đầu tư 1.1. Khái quát chung về dự án đầu tư 1.2. Khái quát về quản lý dự án đầu tư	2 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra; lấy các ví dụ thực tế để làm sáng tỏ vấn đề lý luận	G2; G3
2	Chương 2: Kỹ năng lập dự án đầu tư 2.1. Kỹ năng nghiên cứu và hình thành một dự án đầu tư	2 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi; thuyết trình	G2; G3
3	2.2. Kỹ năng lập dự án đầu tư khả thi	2 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi; thuyết trình	G2; G3

4	Thảo luận	2 tiết	Làm bài tập, soạn thảo dự án đầu tư	G3; G4
5	2.3. Kỹ năng trình bày một dự án đầu tư khả thi	1 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Trả lời câu hỏi, thuyết trình, làm bài tập	G2; G3; G4
6	Chương 3: Kỹ năng thẩm định dự án đầu tư 3.1. Kỹ năng tạo dựng cơ sở pháp lý cho việc thẩm định dự án đầu tư 3.2. Phương pháp và kỹ năng thẩm định dự án đầu tư	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3
7	3.2. Phương pháp và kỹ năng thẩm định dự án đầu tư	2 tiết lý thuyết		G2; G3
8	Thảo luận	2 tiết	Soạn thảo hồ sơ; làm việc nhóm	G3; G4
9	Chương 4. Kỹ năng thực hiện dự án đầu tư 4.1. Kỹ năng tổ chức bộ máy vận hành 4.2. Kỹ năng triển khai thực hiện dự án đầu tư	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3
10	4.3. Kỹ năng tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện dự án đầu tư 4.4. Kỹ năng tổ chức nghiệm thu, hoàn tất thủ tục đầu tư	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, trả lời câu hỏi của GV	G2; G3
11	Chương 5. Kỹ năng quản lý dự án đầu tư 5.1. Xác định mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của quản lý dự án đầu tư	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, trả lời câu hỏi của GV	G2; G3

	5.2. Kỹ năng quản lý thời gian và tiến độ thực hiện dự án			
12	Thảo luận	2 tiết	Soạn thảo hồ sơ; làm việc nhóm	G2; G3; G4
13	5.3. Kỹ năng phân phối nguồn lực cho dự án 5.4. Kỹ năng dự toán và quản lý chi phí dự án đầu tư	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình, trả lời câu hỏi	G2; G3
14	5.5. Kỹ năng quản lý chất lượng dự án đầu tư 5.6. Kỹ năng quản lý rủi ro đối với dự án đầu tư	1 tiết lý thuyết+ 1 tiết thực hành	Thuyết trình, trả lời câu hỏi, làm bài tập	G2; G3; G4
15	Thảo luận	2 tiết	Hoàn thiện hồ sơ và trình bày các hồ sơ dự án đã hoàn thành của nhóm	G3 ;G4

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải đọc trước bài ở nhà trước mỗi nội dung học;
- Mang theo các văn bản pháp luật liên quan cho từng nội dung học

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0,4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0,1	

1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0,3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0,4	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG (tiếng Anh): Skill of negotiation and signing contract	
- Mã số học phần: 845060	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Dân sự 1,2
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Hợp đồng là một chế định quan trọng trong hệ thống pháp luật của bất cứ quốc gia nào. Tuy có nhiều điểm khác nhau về lịch sử phát triển về một số quy định cụ thể liên quan đến hợp đồng, cách phân loại, song về lý luận, chế định hợp đồng có rất nhiều điểm tương đồng. Sự tương đồng bắt nguồn từ bản chất của hợp đồng là công cụ bảo đảm sự bình đẳng, tự nguyện của các chủ thể tham gia các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh. Vì vậy, việc làm rõ một số vấn đề lý luận về hợp đồng có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc nhận thức đúng các quy định cụ thể của chế định này. Thông qua lý thuyết về hợp đồng, học phần hướng tới những kiến thức cơ bản nền tảng về pháp luật đã học để áp dụng vào thực tiễn trong quá trình đàm phán, thương lượng và ký kết các hợp đồng thương mại và dân sự cho người học.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Người học có kiến thức về lý thuyết và kỹ năng trong việc đàm phán, thương lượng và ký kết các hợp đồng thương mại và dân sự. Hiểu được tầm quan trọng của các điều khoản và phòng ngừa rủi ro trong hợp đồng khi giao kết.

Về kỹ năng: Phát triển kỹ năng nghiên cứu, phân tích, lập luận khi đặt ra các điều khoản trong hợp đồng với các mục đích, nội dung rõ ràng. Đồng thời qua học phần này, người học nhận biết được giá trị của các điều khoản trong hợp đồng từ đó thực hiện tốt các công tác bảo vệ quyền và lợi ích cho khách hàng trong việc giúp họ tư vấn hoặc tranh tụng các vấn đề liên quan đến hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng.

Về thái độ: Đảm bảo cho người học tự tin trước những vấn đề pháp lý nảy sinh trong lĩnh vực kinh doanh; Dựa trên các kiến thức nền tảng đã học, người học có thể mong muốn tiếp tục theo đuổi nghiên cứu tìm hiểu những kiến thức pháp lý sâu hơn trong kinh doanh.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	<i>Trình bày được</i> các khái niệm và ví dụ về hợp đồng, đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng. Nắm bắt được các vấn đề pháp lý tổng quan về hợp đồng	2
G2	<i>Hoàn tất được</i> hồ sơ để đàm phán hợp đồng; thực hiện buổi đàm phán thành công	4
G3	<i>Soạn thảo được</i> các hợp đồng từ cơ bản đến phức tạp; tư vấn, rà soát được các điều khoản quan trọng và ẩn chứa rủi ro trong các hợp đồng	2
G4	<i>Áp dụng được</i> các kỹ năng trong đàm phán, ký kết hợp đồng để giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng; tư vấn về các hướng giải quyết tốt nhất cho khách hàng	3
G5	Thực hiện được việc soạn thảo phụ lục hợp đồng, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng và kỹ năng quản lý hợp đồng trong quá trình thực hiện hợp đồng	4
G6	Đánh giá được các quy định của pháp luật điều chỉnh về hợp đồng trong các lĩnh vực chuyên biệt cụ thể để có những giải pháp phù hợp	2

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG

1.1. Khái quát về hệ thống pháp luật hợp đồng Việt Nam

- 1.1.1. Bộ luật Dân sự
- 1.1.2. Các văn bản pháp luật có liên quan đến hợp đồng

1.2. Khái niệm, phân loại hợp đồng

- 1.2.1. Khái niệm hợp đồng
- 1.2.2. Phân loại hợp đồng
- 1.2.3 Nội dung hợp đồng

1.3. Giao kết hợp đồng

- 1.3.1. Quá trình giao kết hợp đồng
- 1.3.2. Thời điểm giao kết hợp đồng
- 1.3.3. Thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng

1.4. Hiệu lực của hợp đồng

- 1.4.1. Các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng
- 1.4.2. Giải thích hợp đồng
- 1.4.3. Chấm dứt hợp đồng
- 1.4.4. Hợp đồng vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu

1.5. Thực hiện hợp đồng

- 1.5.1. Nguyên tắc thực hiện hợp đồng
- 1.5.2. Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản

CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN HỢP ĐỒNG

2.1. Khái niệm, đặc điểm của đàm phán hợp đồng

- 2.1.1. Khái niệm đàm phán
- 2.1.2. Đặc điểm đàm phán hợp đồng

2.2. Các hình thức đàm phán hợp đồng

- 2.2.1. Đàm phán trực tiếp
- 2.2.2. Đàm phán gián tiếp

2.3. Các bước đàm phán hợp đồng

- 2.3.1 Thu thập các thông tin trước khi đàm phán
- 2.3.2. Phân tích các thông tin
- 2.3.3. Chiến lược đàm phán
- 2.3.4. Trao đổi thông tin trong đàm phán
- 2.3.5. Xác định các vấn đề chủ yếu
- 2.3.6. Thỏa thuận về tình huống rủi ro và giải pháp

CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG

3.1. Lý do soạn thảo hợp đồng

- 3.1.1. Thời điểm soạn thảo hợp đồng
- 3.1.2. Các điều kiện cần thiết để soạn thảo hợp đồng

3.2. Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng

- 3.2.1. Xác định nội dung và mục đích của hợp đồng
- 3.2.2. Xác định hình thức và loại hợp đồng
- 3.2.3. Các mẫu hợp đồng tham khảo

3.3. Kỹ thuật xây dựng các loại điều khoản trong hợp đồng

- 3.3.1. Điều khoản về đối tượng
- 3.3.2. Điều khoản về quyền và nghĩa vụ
- 3.3.3. Điều khoản giải quyết tranh chấp

3.4. Yêu cầu để tránh hậu quả hợp đồng bị vô hiệu

- 3.4.1. Yêu cầu về hình thức
- 3.4.2. Yêu cầu về nội dung

CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

4.1. Yêu cầu chung về ký kết hợp đồng

- 4.1.1. Hồ sơ chuẩn bị cho ký kết hợp đồng
- 4.1.2. Thời gian, địa điểm ký kết hợp đồng

4.2. Chủ thể thực hiện việc ký kết hợp đồng

- 4.2.1. Chủ thể là cá nhân
- 4.2.2. Chủ thể là pháp nhân
- 4.2.3. Chủ thể là hộ gia đình, tổ hợp tác và các tổ chức khác không có tư cách pháp nhân

4.3. Ký kết hợp đồng thông qua uỷ quyền

- 4.3.1. Hiệu lực của quan hệ uỷ quyền
- 4.3.2. Xác định mối quan hệ giữa hiệu lực của uỷ quyền ký kết hợp đồng với hiệu lực của hợp đồng được ký kết

4.4. Thời điểm ký kết hợp đồng

- 4.4.1. Ký kết hợp đồng có người làm chứng
- 4.4.2. Ký kết hợp đồng có công chứng, đăng ký
- 4.4.3. Ký kết hợp đồng không có người làm chứng, không có công chứng

CHƯƠNG 5. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT MỘT SỐ HỢP ĐỒNG

THƯƠNG MẠI THÔNG DỤNG

5.1. Các hợp đồng có đối tượng là tài sản

- 5.1.1. Hợp đồng mua bán
- 5.1.2. Hợp đồng tín dụng, cho vay
- 5.1.3. Hợp đồng cho thuê
- 5.1.4. Hợp đồng góp vốn

5.2. Các hợp đồng có đối tượng là công việc

- 5.2.1. Hợp đồng dịch vụ
- 5.2.2. Hợp đồng hợp tác
- 5.2.3. Hợp đồng xây dựng

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình một số hợp đồng đặc thù trong lĩnh vực thương mại và kỹ năng đàm phán soạn thảo*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2012

[2] Trường đào tạo các chức danh tư pháp, *Giáo trình kỹ năng tư vấn pháp luật*, Nxb. Tư pháp; Hà Nội, 2006

[3] Nguyễn Thị Dung (chủ biên), *Kiến thức pháp lý và kỹ năng cơ bản trong đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng thương mại*, Nxb. Chính trị-hành chính, 2013

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, TS. Đỗ Văn Đại (chủ biên), *Các biện pháp xử lý việc không thực hiện đúng hợp đồng trong pháp luật Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010

[5] Negotiations: “Nghệ thuật đàm phán” (Dương Cẩm dịch), Nxb Lao động- xã hội, Hà Nội 2014

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG 1.1. Khái quát về hệ thống pháp luật hợp đồng Việt Nam 1.1.1. Bộ luật Dân sự 1.1.2. Các văn bản pháp luật có liên quan đến hợp đồng 1.2. Khái niệm, phân loại hợp đồng 1.2.1. Khái niệm hợp đồng 1.2.2. Phân loại hợp đồng 1.2.3. Nội dung hợp đồng	2 tiết Lý thuyết	- Hiểu và nắm bắt được các kiến thức chung về hợp đồng và cho được ví dụ cụ thể - Hình dung được các bước để hình thành hợp đồng	G1; G2
2	1.3. Giao kết hợp đồng 1.3.1. Quá trình giao kết hợp đồng 1.3.2. Thời điểm giao kết hợp đồng 1.3.3. Thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	Trả lời nhận định + Làm bài tập tình huống	G3
3	1.4. Hiệu lực của hợp đồng 1.4.1. Các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	- Xác định được các điều kiện để một	G1

	<p>1.4.2. Giải thích hợp đồng</p> <p>1.4.3. Chấm dứt hợp đồng</p> <p>1.4.4. Hợp đồng vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu</p> <p>1.5. Thực hiện hợp đồng</p> <p>1.5.1. Nguyên tắc thực hiện hợp đồng</p> <p>1.5.2. Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản</p>		<p>hợp đồng được pháp luật công nhận hiệu lực</p> <p>- Dự liệu được các sự kiện có thể xảy ra và xây dựng các giải pháp phù hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng</p>	
4	<p>CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN HỢP ĐỒNG</p> <p>2.1. Khái niệm, đặc điểm của đàm phán hợp đồng</p> <p>2.1.1. Khái niệm đàm phán</p> <p>2.1.2. Đặc điểm đàm phán hợp đồng</p> <p>2.2. Các hình thức đàm phán hợp đồng</p> <p>2.2.1. Đàm phán trực tiếp</p> <p>2.2.2. Đàm phán gián tiếp</p>	2 tiết Lý thuyết	<p>- Nhận biết và phòng tránh được những rủi ro khi đàm phán hợp đồng</p> <p>- Lựa chọn hình thức đàm phán phù hợp với hoàn cảnh và mục đích của mình</p>	G1; G3; G5
5	<p>2.3. Các bước đàm phán hợp đồng</p> <p>2.3.1 Thu thập các thông tin trước khi đàm phán</p> <p>2.3.2. Phân tích các thông tin</p> <p>2.3.3. Chiến lược đàm phán</p> <p>2.3.4. Trao đổi thông tin trong đàm phán</p> <p>2.3.5. Xác định các vấn đề chủ yếu</p> <p>2.3.6. Thỏa thuận về tình huống rủi ro và giải pháp</p>	2 tiết Lý thuyết	<p>- Thực hiện buổi đàm phán trực tiếp</p> <p>- Tìm kiếm giải pháp để đạt tới sự thống nhất mang lại lợi ích cho cả hai bên đàm phán</p>	G3; G4
6	<p>CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG</p> <p>3.1. Lý do soạn thảo hợp đồng</p> <p>3.1.1. Thời điểm soạn thảo hợp đồng</p>	2 tiết Lý thuyết	<p>- Trực tiếp thiết kế các điều khoản trong hợp đồng theo</p>	G3

	<p>3.1.2. Các điều kiện cần thiết để soạn thảo hợp đồng</p> <p>3.2. Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng</p> <p>3.2.1. Xác định nội dung và mục đích của hợp đồng</p> <p>3.2.2. Xác định hình thức và loại hợp đồng</p> <p>3.2.3. Các mẫu hợp đồng tham khảo</p>		<p>đúng form chuẩn</p> <p>- Xác định hợp đồng chuyên tải chính xác mục đích của các bên</p>	
7	<p>3.3. Kỹ thuật xây dựng các loại điều khoản trong hợp đồng</p> <p>3.3.1. Điều khoản về đối tượng</p> <p>3.3.2. Điều khoản về quyền và nghĩa vụ</p> <p>3.3.3. Điều khoản giải quyết tranh chấp</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	<p>- Phân loại được các loại điều khoản trong cấu trúc của một hợp đồng</p> <p>- Rà soát các điều khoản để đảm bảo tính chính xác, thống nhất của hợp đồng</p>	G4; G5
8	<p>3.4. Yêu cầu để tránh hậu quả hợp đồng bị vô hiệu</p> <p>3.4.1. Yêu cầu về hình thức</p> <p>3.4.2. Yêu cầu về nội dung</p>	2 tiết Lý thuyết	Làm bài tập tình huống	G2; G4
9	<p>CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG KÝ KẾT HỢP ĐỒNG</p> <p>4.1. Yêu cầu chung về ký kết hợp đồng</p> <p>4.1.1. Hồ sơ chuẩn bị cho ký kết hợp đồng</p> <p>4.1.2. Thời gian, địa điểm ký kết hợp đồng</p> <p>4.2. Chủ thể thực hiện việc ký kết hợp đồng</p> <p>4.2.1. Chủ thể là cá nhân</p> <p>4.2.2. Chủ thể là pháp nhân</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	<p>- Nắm bắt được yêu cầu cơ bản của việc ký kết hợp đồng</p> <p>- Thẩm định chính xác tư cách chủ thể có thẩm quyền ký kết hợp đồng</p> <p>- Phân biệt chủ thể của hợp đồng và người ký kết hợp đồng</p>	G3

	<p>4.2.3. Chủ thể là hộ gia đình, tổ hợp tác và các tổ chức khác không có tư cách pháp nhân</p> <p>4.3. Ký kết hợp đồng thông qua uỷ quyền</p> <p>4.3.1. Hiệu lực của quan hệ uỷ quyền</p> <p>4.3.2. Xác định mối quan hệ giữa hiệu lực của uỷ quyền ký kết hợp đồng với hiệu lực của hợp đồng được ký kết</p>			
10	Soạn thảo hợp đồng cụ thể theo hướng dẫn của giảng viên	2 tiết bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát các tài liệu để bảo đảm tư cách của chủ thể được uỷ quyền ký kết hợp đồng - Xác định cách thức, trình tự và thời điểm ký kết để đảm bảo giá trị pháp lý của hợp đồng 	G5
11	<p>4.4. Thời điểm ký kết hợp đồng</p> <p>4.4.1. Ký kết hợp đồng có người làm chứng</p> <p>4.4.2. Ký kết hợp đồng có công chứng, đăng ký</p> <p>4.4.3. Ký kết hợp đồng không có người làm chứng, không có công chứng</p>	2 tiết Lý thuyết	Làm bài tập tình huống	G6
12	<p>CHƯƠNG 5. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT MỘT SỐ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI THÔNG DỤNG</p> <p>5.1. Các hợp đồng có đối tượng là tài sản</p> <p>5.1.1. Hợp đồng mua bán</p> <p>5.1.2. Hợp đồng tín dụng, cho vay</p>	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn hoặc thực hiện được việc đàm phán và ký kết các hợp đồng thông dụng cụ thể 	G4

13	5.1.3. Hợp đồng cho thuê 5.1.4. Hợp đồng góp vốn	1 tiết Lý thuyết + 1 tiết bài tập	Làm bài tập tình huống	G5
14	5.2. Các hợp đồng có đối tượng là công việc 5.2.1. Hợp đồng dịch vụ 5.2.2. Hợp đồng hợp tác	2 tiết Lý thuyết	- Tư vấn hoặc thực hiện được việc đàm phán và ký kết các hợp đồng thông dụng cụ thể	G4
15	Thảo luận, đối thoại, tổng hợp kiến thức chung của môn học	2 tiết bài tập	Tư vấn và soạn thảo hợp đồng cụ thể	G6

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải học các môn dân sự, thương mại

9. Phương pháp đánh giá học phần (đối với các học phần chuyên ngành hoặc đặc thù có thể đề xuất các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác để phù hợp)

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.5	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.4	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.5	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

KỸ NĂNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT THUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế (tiếng Anh): Tax law consulting skills	
- Mã số học phần: 845062	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Pháp luật về thuế
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế ngoài việc hệ thống lại các kiến thức về thuế, mục tiêu chính nhằm giúp sinh viên có thể thực hành thành thạo các cách tính thuế, hoàn thiện các thủ tục khi quyết toán thuế. Sinh viên được trang bị kiến thức để có thể làm các công tác tư vấn pháp luật về việc kê khai, quản lý thuế cho các doanh nghiệp khi ra trường.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên có được các kiến thức về thuế, hiểu, nắm rõ bản chất, phân tích tình hình luật thuế hiện tại. Tránh rủi ro và tổn thất về kinh tế trong quản lý các sắc thuế Giá trị gia tăng (GTGT), sắc thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), sắc thuế thu nhập cá nhân (TNCN)...

Về kỹ năng: Học xong học phần này, sinh viên có kỹ năng xử lý hoàn thiện các thủ tục khi quyết toán thuế. Tạo cho sinh viên nắm chắc, tích lũy kinh nghiệm, mở rộng tầm hiểu biết về công việc kê khai, quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong công ty.

Về thái độ: Từ việc có những kiến thức pháp luật về và các kỹ năng tư vấn về thuế, bảo đảm không sơ suất nào có thể xảy ra khi cơ quan thuế tiến hành kiểm tra. Qua đó, nâng cao thái độ chấp hành pháp luật trong quá trình làm việc và giải quyết tốt các tình huống pháp lý có liên quan.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được các yêu cầu của nghề tư vấn nói chung và tư vấn thuế nói riêng; Giải thích, mô tả được các loại thuế	2
G2	So sánh được các loại thuế từ đó rút ra đặc trưng của từng loại thuế	4
G3	Tính toán được các loại thuế phải nộp; hoàn thiện hồ sơ thuế cho doanh nghiệp	3
G4	Tư vấn cho doanh nghiệp thực hiện các thủ tục và đóng thuế theo đúng quy định của pháp luật thuế	5

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KỸ NĂNG CHUNG

- 1.1. Kỹ năng tiếp xúc với đối tượng tư vấn
- 1.2. Tư vấn trực tiếp bằng lời nói
- 1.3. Tư vấn bằng văn bản
- 1.4. Thu thập, nghiên cứu và đánh giá chứng cứ

CHƯƠNG 2.

NHỮNG CÔNG VIỆC PHẢI THỰC HIỆN SAU KHI ĐĂNG KÝ KINH DOANH

- 2.1. Những công việc được quy định theo Luật Doanh nghiệp
 - 2.1.1. Công bố nội dung đăng ký
 - 2.1.2. Khắc dấu
 - 2.1.3. Biên bản góp vốn, sổ thành viên, sổ cổ đông
 - 2.1.4. Bổ nhiệm các chức danh quản lý
- 2.2. Những công việc được quy định theo Luật thuế

2.2.1. Hồ sơ kê khai thuế ban đầu

2.2.2. Lệ phí môn bài

2.3. Những công việc được quy định theo Luật Kế toán kiểm toán

2.3.1. Đăng ký hình thức kế toán và sử dụng hóa đơn

2.3.2. Mua thiết bị chữ ký số

2.3.3. DN bắt buộc phải kiểm toán

CHƯƠNG 3. TƯ VẤN VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

3.1. Tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

3.1.1. Khái niệm tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

3.1.2. Mức tạm nộp

3.1.3. Thời hạn tạm nộp

3.2. Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

3.2.1. Khái niệm quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

3.2.2. Thời hạn quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

3.3. Xử lý vi phạm về tạm nộp và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

3.3.1. Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp

3.3.2. Phạt chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

CHƯƠNG 4. TƯ VẤN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

4.1. Phương pháp kê khai thuế giá trị gia tăng

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Phân biệt phương pháp kê khai thuế trực tiếp và khấu trừ

4.1.3. Tư vấn các đối tượng phù hợp với từng phương pháp kê khai

4.2. Hoàn thuế GTGT

4.2.1. Khái niệm hoàn thuế GTGT

4.2.2. Điều kiện hoàn thuế GTGT

4.2.3. Một số trường hợp hoàn thuế GTGT cụ thể

CHƯƠNG 5. TƯ VẤN PHÁP LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

5.1. Thủ tục đăng ký thuế thu nhập cá nhân

5.1.1. Đối tượng nộp thuế

5.1.2. Hồ sơ đăng ký cấp mã số thuế

5.2. Thủ tục kê khai nộp thuế thu nhập cá nhân

5.2.1. Nơi kê khai, nộp thuế thu nhập cá nhân

5.2.2. Hồ sơ khai thuế

5.2.3. Thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân

5.3. Quyết toán thuế thu nhập cá nhân

5.3.1. Các trường hợp phải quyết toán thuế TNCN

5.3.2. Thời hạn quyết toán thuế TNCN

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Học viện Tư Pháp, *Giáo trình Kỹ năng giải quyết vụ việc dân sự*, Nxb. Lao động

[2] Nguyễn Thị Liên (2011), *Giáo trình thuế thu nhập*, Nxb. Tài Chính

[3] Nguyễn Thị Liên (2011), *Giáo trình thuế*, Nxb. Tài Chính

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật quản lý thuế.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	CHƯƠNG 1. KỸ NĂNG CHUNG 1.1.Kỹ năng tiếp xúc với đối tượng tư vấn 1.2.Tư vấn trực tiếp bằng miệng	2 lý thuyết	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra; lấy các ví dụ, làm bài tập thực tế để làm sáng tỏ vấn đề lý luận	G2; G3
2	1.3.Tư vấn bằng văn bản 1.4.Thu thập, nghiên cứu và đánh giá chứng	1 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Làm bài tập	G2; G3
3	CHƯƠNG 2. NHỮNG CÔNG VIỆC PHẢI THỰC HIỆN SAU KHI ĐĂNG KÝ KINH DOANH 2.1. Những công việc được quy định theo Luật Doanh nghiệp 2.1.1. Công bố nội dung đăng ký 2.1.2. Khắc dấu 2.1.3. Biên bản góp vốn, sổ thành viên, sổ cổ đông 2.1.4. Bổ nhiệm các chức danh quản lý 2.2. Những công việc được quy định theo Luật thuế 2.2.1. Hồ sơ kê khai thuế ban đầu 2.2.2. Lệ phí môn bài	2 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi; làm bài tập	G2; G3

4	<p>2.3. Những công việc được quy định theo Luật Kế toán kiểm toán</p> <p>2.3.1. Đăng ký hình thức kế toán và sử dụng hóa đơn</p> <p>2.3.2. Mua thiết bị chữ ký số</p> <p>2.3.3. DN bắt buộc phải kiểm toán</p>	1 tiết lý thuyết+ 1 tiết bài tập	Trả lời các câu hỏi; làm bài tập	G2; G3
5	<p>CHƯƠNG 3. TƯ VẤN VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</p> <p>3.1. Tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>3.1.1. Khái niệm tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>3.1.2. Mức tạm nộp</p> <p>3.1.3. Thời hạn tạm nộp</p> <p>3.2. Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>3.2.1. Khái niệm quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>3.3.2. Thời hạn quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp</p>	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3; G4
6	<p>3.3. Xử lý vi phạm về tạm nộp và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>3.3.1. Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>3.3.2. Phạt chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp</p>	2 tiết lý thuyết		
7	Thảo luận	2 tiết	Làm bài tập, thảo luận nhóm	G3; G4
8	<p>CHƯƠNG 4. TƯ VẤN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG</p> <p>4.1. Phương pháp kê khai thuế giá trị gia tăng</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Phân biệt phương pháp kê khai thuế trực tiếp và khấu trừ</p> <p>4.1.3. Tư vấn các đối tượng phù hợp với từng phương pháp kê khai</p>	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3; G4; G5

9	4.2. Hoàn thuế GTGT 4.2.1. Khái niệm hoàn thuế GTGT 4.2.2. Điều kiện hoàn thuế GTGT 4.2.3. Một số trường hợp hoàn thuế GTGT cụ thể	2 tiết lý thuyết		G2; G3
10	Thảo luận	2 tiết	Làm bài tập, nghiên cứu hồ sơ, thảo luận nhóm	G3; G4
11	CHƯƠNG 5. TƯ VẤN PHÁP LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN 5.1. Thủ tục đăng ký thuế thu nhập cá nhân 5.1.1. Đối tượng nộp thuế 5.1.2. Hồ sơ đăng ký cấp mã số thuế	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3; G4; G5
12	5.2. Thủ tục kê khai nộp thuế thu nhập cá nhân 5.2.1. Nơi kê khai, nộp thuế thu nhập cá nhân 5.2.2. Hồ sơ khai thuế 5.2.3. Thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân	2 tiết lý thuyết		
13	Thảo luận	2 tiết	Nghiên cứu hồ sơ, thảo luận nhóm	G3; G4
14	5.3. Quyết toán thuế thu nhập cá nhân 5.3.1. Các trường hợp phải quyết toán thuế TNCN 5.3.2. Thời hạn quyết toán thuế TNCN	2 tiết lý thuyết	Trả lời câu hỏi;	G2; G3; G4
15	Thảo luận	2 tiết	Thực hành trên các biểu mẫu thuế; lập hồ sơ thuế, thảo luận nhóm	G3; G4

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải đọc trước bài ở nhà trước mỗi nội dung học;
- Mang theo các văn bản pháp luật liên quan cho từng nội dung học

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0,4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập,...	0,1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0,3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0,4	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

KỸ NĂNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng quản trị doanh nghiệp (tiếng Anh): Business management skills	
- Mã số học phần: 845063	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Luật Thương mại 2
- Học phần song hành (nếu có):	

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp phù hợp với pháp luật. Giúp cho người học có định hướng để tiếp cận, hiểu đúng và vận dụng chính xác các quy định của pháp luật trong công tác quản trị; quản lý và phát triển nguồn nhân lực lao động trong doanh nghiệp; vận dụng linh hoạt pháp luật trong việc ký kết và chấm dứt hợp đồng lao động; kỹ năng vận dụng pháp luật về tiền lương nhằm thu hút lao động giỏi và phát triển nguồn lực lao động trong doanh nghiệp; kỹ năng vận dụng linh hoạt pháp luật nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro pháp lý trong quản lý lao động; quản trị bán hàng như lập kế hoạch hoạt động marketing trực tiếp; triển khai kế hoạch bán hàng, lãnh đạo và quản lý đội ngũ bán hàng. Giúp người học biết quyết định lựa chọn phù hợp phương cách xử lý theo từng hoàn cảnh và tình huống áp dụng trong thực tế.

3. Mục tiêu học phần

Học phân giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp phù hợp với pháp luật. Từ đó, người học có định hướng để tiếp cận, hiểu đúng và vận dụng chính xác các quy định của pháp luật trong công tác quản trị; quản lý và phát triển nguồn nhân lực lao động trong doanh nghiệp; quản trị bán hàng như lập kế hoạch hoạt động Marketing trực tiếp; triển khai kế hoạch bán hàng, lãnh đạo và quản lý đội ngũ bán hàng.

Về kỹ năng: Học xong học phần này, người học có thể có kỹ năng tìm kiếm, đọc văn bản quy phạm pháp luật, vận dụng giải quyết những tình huống xảy ra trên thực tế liên quan đến hoạt động quản trị doanh nghiệp như: Vận dụng linh hoạt pháp luật trong việc ký kết và chấm dứt hợp đồng lao động; vận dụng pháp luật về tiền lương nhằm thu hút lao động giỏi và phát triển nguồn lực lao động trong doanh nghiệp; vận dụng linh hoạt pháp luật nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro pháp lý trong quản lý lao động; biết quyết định lựa chọn phù hợp từng phương cách xử lý theo từng hoàn cảnh và tình huống áp dụng trong thực tế.

Về thái độ: Từ việc được trang bị những kiến thức quản trị doanh nghiệp, người học sẽ hình thành, nâng cao ý thức pháp luật; tăng cường khả năng tư duy, ý thức, tinh thần học tập, lập luận, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đam mê khởi sự doanh nghiệp và có kỹ năng giải quyết tốt các tình huống pháp lý có liên quan.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được các nội dung của quản trị doanh nghiệp bao gồm: khái niệm, đặc điểm, vai trò của các kỹ năng trong quản trị doanh nghiệp	2
G2	Lập kế hoạch, xây dựng được các phương pháp quản trị nguồn nhân lực; hoạch định chiến lược nhân sự; lên kế hoạch và quản lý hệ thống bán hàng cho doanh nghiệp	3
G3	Vận dụng được lý thuyết quản trị doanh nghiệp vào việc xây dựng những kế hoạch chi tiết, có tính khả thi	3
G4	So sánh, đối chiếu từ đó rút ra từng ưu nhược điểm của các phương pháp quản trị doanh nghiệp.	4
G5	Đánh giá, đề xuất các giải pháp cho doanh nghiệp trong những tình huống cụ thể liên quan đến xây dựng và quản lý nguồn nhân lực, hệ thống bán hàng	5

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KỸ NĂNG NHÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1.1. Kỹ năng lãnh đạo

- 1.1.1. Nắm bắt tâm lý đám đông
- 1.1.2. Điều khiển bản thân
- 1.1.3. Thu hút người khác

1.2. Kỹ năng lập kế hoạch

- 1.2.1. Lập kế hoạch
- 1.2.2. Hoạch định mục tiêu
- 1.2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến lập kế hoạch

1.3. Kỹ năng giải quyết vấn đề

1.4. Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh

- 1.4.1. Giao tiếp nơi công sở
- 1.4.2. Quy trình giải quyết khiếu nại
- 1.4.3. Thúc đẩy sự sáng tạo

CHƯƠNG 2. QUẢN TRỊ NGUỒN TÀI NGUYÊN DOANH NGHIỆP

2.1. Quy trình an toàn sức khỏe và lao động

2.2. Duy trì nguồn lực doanh nghiệp

2.3. Sử dụng tối ưu hệ thống thông tin quản trị

CHƯƠNG 3. HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC NHÂN SỰ

3.1. Quản trị kế hoạch lực lượng lao động

3.2. Quản trị lương và quyền lợi lao động

- 3.2.1. Chính sách lương
- 3.2.1. Chính sách phúc lợi
- 3.2.2. Chính sách đào tạo, huấn luyện, phát triển nghề nghiệp
- 3.2.3. Chính sách khen thưởng và kỷ luật

3.3. Quản trị nguồn nhân lực

- 3.3.1. Khái niệm
- 3.3.2. Quy trình quản trị nguồn nhân lực

CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ BÁN HÀNG

4.1. Lập kế hoạch hoạt động Marketing trực tiếp

4.2. Triển khai kế hoạch bán hàng

4.3. Lãnh đạo và quản lý đội ngũ bán hàng

4.4. Thiết lập chuỗi đại lý tiêu thụ

4.5. Thiết lập chuỗi đại lý cung ứng

6. Học liệu

- 6.1. Tài liệu bắt buộc (*không quá 3 tài liệu*)

[1] TS. Đồng Thị Thanh Phương, *Quản trị sản xuất và tác nghiệp*, NXB. Thống Kê, 2007.

[2] TS. Trương Đoàn Thế, *Quản trị sản xuất và tác nghiệp*, NXB. ĐHKT Quốc Dân, 2007.

[3] Luật Lao động và Luật Doanh nghiệp hiện hành

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Các bài báo khoa học đăng ở tạp chí có nội dung tương ứng.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1. KỸ NĂNG NHÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP</p> <p>1.1. Kỹ năng lãnh đạo</p> <p>1.1.1. Nắm bắt tâm lý đám đông</p> <p>1.1.2. Điều khiển bản thân</p> <p>1.1.3. Thu hút người khác</p> <p>1.2. Kỹ năng lập kế hoạch</p> <p>1.2.1. Lập kế hoạch</p> <p>1.2.2. Hoạch định mục tiêu</p> <p>1.2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến lập kế hoạch</p>	2 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra; lấy các ví dụ thực tế để làm sáng tỏ vấn đề lý luận	G2; G3
2	<p>1.3. Kỹ năng giải quyết vấn đề</p> <p>1.4. Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh</p> <p>1.4.1. Giao tiếp nơi công sở</p> <p>1.4.2. Quy trình giải quyết khiếu nại</p> <p>1.4.3. Thúc đẩy sự sáng tạo</p>	2 tiết lý thuyết	Trả lời các câu hỏi do GV đặt ra; lấy các ví dụ thực tế để làm sáng tỏ vấn đề lý luận	G2; G3
3	Thực hành kỹ năng dựa trên tình huống cụ thể	2 tiết	SV thảo luận nhóm, thuyết trình, tranh luận	G3; G4
4	Thực hành kỹ năng dựa trên tình huống cụ thể	2 tiết	SV thảo luận nhóm, thuyết trình, tranh luận	G3; G4

5	CHƯƠNG 2. QUẢN TRỊ NGUỒN TÀI NGUYÊN DOANH NGHIỆP 2.1. Qui trình an toàn sức khỏe và lao động 2.2. Duy trì nguồn lực doanh nghiệp	2 tiết lý thuyết	GV hướng dẫn, gợi ý vấn đề. SV trả lời các câu hỏi	G2; G3
6	2.2. Duy trì nguồn lực doanh nghiệp 2.3. Sử dụng tối ưu hệ thống thông tin quản trị	2 tiết lý thuyết	GV hướng dẫn, gợi ý vấn đề. SV trả lời các câu hỏi	G2; G3
7	Thảo luận tình huống	2 tiết	SV làm bài tập nhóm; tranh luận	G3; G4
8	CHƯƠNG 3. HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC NHÂN SỰ 3.1. Quản trị kế hoạch lực lượng lao động	2 tiết lý thuyết	GV hướng dẫn, gợi ý vấn đề. SV trả lời các câu hỏi	G2; G3
9	3.2. Quản trị lương và quyền lợi lao động 3.2.1. Chính sách lương 3.2.1. Chính sách phúc lợi 3.2.2. Chính sách đào tạo, huấn luyện, phát triển nghề nghiệp 3.2.3. Chính sách khen thưởng và kỷ luật 3.3. Quản trị nguồn nhân lực 3.3.1. Khái niệm 3.3.2. Quy trình quản trị nguồn nhân lực	2 tiết lý thuyết	GV hướng dẫn, gợi ý vấn đề. SV trả lời các câu hỏi	G2; G3
10	Thảo luận	2 tiết	SV thực hành các kỹ năng theo sự hướng dẫn của GV	G3; G4
11	CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ BÁN HÀNG 4.1. Lập kế hoạch hoạt động Marketing trực tiếp 4.2. Triển khai kế hoạch bán hàng	2 tiết lý thuyết	Thuyết trình; làm bài tập	G2; G3
12	4.3. Lãnh đạo và quản lý đội ngũ bán hàng	2 tiết lý thuyết	GV hướng dẫn, gợi ý vấn đề.	G2; G3

			SV trả lời các câu hỏi	
13	4.4. Thiết lập chuỗi đại lý tiêu thụ	2 tiết lý thuyết	GV hướng dẫn, gợi ý vấn đề. SV trả lời các câu hỏi	G2; G3
14	Thảo luận	2 tiết	SV thực hành các kỹ năng theo sự hướng dẫn của GV	G3; G4
15	4.5. Thiết lập chuỗi đại lý cung ứng	2 tiết lý thuyết	GV hướng dẫn, gợi ý vấn đề. SV trả lời các câu hỏi	G2; G3

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải đọc trước bài ở nhà trước mỗi nội dung học;
- Mang theo các văn bản pháp luật liên quan cho từng nội dung học

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0,4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập,...	0,1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0,3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0,4	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng giải quyết tranh chấp trong kinh doanh (tiếng Anh): Skills of resolving litigious in business	
- Mã số học phần: 845064	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết hoạt động nhóm:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần học trước:	Luật Thương mại quốc tế (844053)
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần:

Học phần trang bị kiến thức căn bản về tranh chấp trong hoạt động kinh doanh và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh nhằm mục đích sinh lời của các chủ thể kinh doanh. Rèn luyện khả năng nhận diện và áp dụng các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh trong thực tiễn; Thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của việc áp dụng đúng pháp luật và kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh qua các giai đoạn đầu tư, sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm hàng hóa trong nền kinh tế thị trường của nước ta.

3. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Người học có kiến thức căn bản về tranh chấp thương mại và giải quyết tranh chấp kinh doanh.

Về kỹ năng: Có khả năng nhận diện và áp dụng các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh trong thực tiễn.

Về thái độ: Thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của việc áp dụng đúng pháp luật và kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Trình bày được khái niệm và đặc điểm của tranh chấp kinh doanh.	3
G2	Phân biệt được tranh chấp kinh doanh với tranh chấp dân sự	
G3	Nắm được sơ lược pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp kinh doanh từ năm 1945 đến 1960 và từ 1960 đến nay	3
G4	Nhận diện các quan hệ tranh chấp kinh doanh	4
G5	Xác định quan hệ tranh chấp cụ thể, áp dụng luật để giải quyết tranh chấp	4
G6	Trình bày được các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh	3
G7	Giải quyết bằng thương lượng, hòa giải, trọng tài, tòa án	4
G8	Nắm được các ưu, nhược điểm của mỗi hình thức thương lượng, hòa giải, trọng tài, tòa án	3
G9	Nắm được các kỹ năng thương lượng, hòa giải trong kinh doanh	3
G10	Áp dụng được các kỹ năng giải quyết tranh chấp về hợp đồng xây dựng trong kinh doanh	4
G11	Áp dụng được kỹ năng giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa trong kinh doanh	4
G12	Áp dụng được kỹ năng giải quyết tranh chấp về hợp đồng dịch vụ vận chuyển trong kinh doanh	4
G13	Phân tích được những vấn đề tổng quan trong giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	3
G14	Giải quyết được tình huống nhận diện các quan hệ tranh chấp trong kinh doanh và lựa chọn phương thức giải quyết trong kinh doanh	4
G15	Tiến hành thương lượng, hòa giải trong kinh doanh	4
G16	Giải quyết được tranh chấp hợp đồng xây dựng trong kinh doanh	4

G17	Giải quyết về tranh chấp hợp đồng kinh doanh bất động sản và hợp đồng dịch vụ vận chuyển trong kinh doanh	4
-----	---	---

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1:

TỔNG QUAN VỀ TRANH CHẤP KINH DOANH

1.1. Khái niệm và đặc điểm của tranh chấp kinh doanh

- 1.1.1. Khái niệm tranh chấp kinh doanh
- 1.1.2. Tranh chấp kinh doanh trong pháp luật kinh doanh quốc tế
- 1.1.2. Khái niệm tranh chấp kinh doanh trong pháp luật Việt Nam

1.2. Đặc điểm đặc điểm của tranh chấp kinh doanh

- 1.2.1. Phân biệt tranh chấp kinh doanh với tranh chấp dân sự
- 1.2.2. Đặc điểm của tranh chấp kinh doanh trong pháp luật Việt Nam

1.3. Sơ lược pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp kinh doanh

- 1.3.1. Từ 1945 đến 1960
 - 1.3.1.1. Giải quyết bằng thủ tục hành chính
 - 1.3.1.2. Giải quyết bằng thủ tục tư pháp
- 1.3.2. Từ 1960 đến nay
 - 1.3.2.1. Giải quyết bằng hình thức trọng tài
 - 1.3.2.2. Giải quyết bằng thủ tục tố tụng tại tòa án

CHƯƠNG 2:

KỸ NĂNG NHẬN DIỆN QUAN HỆ TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH

2.1. Nhận diện quan hệ tranh chấp kinh doanh

- 2.1.1. Cơ sở xác định quan hệ tranh chấp cụ thể
- 2.1.2. Luật áp dụng giải quyết tranh chấp

2.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh

- 2.2.1. Giải quyết bằng thương lượng, hòa giải, trọng tài
- 2.2.2. Giải quyết bằng thủ tục tố tụng tại tòa án

CHƯƠNG 3:

KỸ NĂNG THƯƠNG LƯỢNG, HÒA GIẢI TRONG KINH DOANH

3.1. Kỹ năng thương lượng trong quá trình giải quyết vụ án trong kinh doanh

- 3.1.1. Kỹ năng chiếm được niềm tin của đối phương
- 3.1.2. Kỹ năng tạo sự nhất trí giữa các bên
- 3.1.3. Chọn thời gian tốt cho sự thuyết phục

3.2. Kỹ năng hòa giải trong kinh doanh

3.2.1. Kỹ năng hòa giải tiền tố tụng

3.2.2. Kỹ năng hòa giải trong quá trình tố tụng của vụ án kinh doanh

CHƯƠNG 4:

KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP MỘT SỐ HỢP ĐỒNG CỤ THỂ TRONG KINH DOANH

4.1. Kỹ năng giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng trong kinh doanh

4.1.1. Khái quát chung về tình hình tranh chấp hợp đồng xây dựng trong kinh doanh

4.1.2. Một số vấn đề cần lưu ý trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng trong kinh doanh

4.2. Kỹ năng giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa trong kinh doanh

4.2.1. Khái quát chung về tình hình tranh chấp về hợp đồng xây dựng trong kinh doanh

4.2.2. Một số vấn đề cần lưu ý trong quá trình giải quyết tranh chấp về hợp đồng xây dựng trong kinh doanh

4.3. Kỹ năng giải quyết tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận chuyển trong kinh doanh

4.3.1. Khái quát chung về tình hình tranh chấp về hợp đồng dịch vụ vận chuyển trong kinh doanh

4.3.2. Một số vấn đề cần lưu ý trong quá trình giải quyết tranh chấp về hợp đồng dịch vụ vận chuyển trong kinh doanh

4.4. Kỹ năng giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh bất động sản

4.4.1. Khái quát chung về tình hình tranh chấp về hợp đồng kinh doanh bất động sản

4.4.2. Một số vấn đề cần lưu ý trong quá trình giải quyết tranh chấp về hợp đồng kinh doanh bất động sản

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

[1]. Nguyễn Thị Hoài Phương, “*Pháp luật giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng tài phán ở Việt Nam hiện nay*”, NXB.Chính trị quốc gia, 2010

6.2. Tài liệu khác:

[1]. Các bài báo đăng trên các Tạp chí nghiên cứu Lập pháp; Tạp chí Luật học; Tạp chí chuyên ngành luật khác.

[2]. Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các nghị định hướng dẫn thi hành

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CDR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ TRANH CHẤP KINH DOANH</p> <p>1.1. Khái niệm và đặc điểm của tranh chấp kinh doanh</p> <p>1.1.1. Khái niệm tranh chấp kinh doanh</p> <p>1.1.1.1. Tranh chấp kinh doanh trong pháp luật kinh doanh quốc tế</p> <p>1.1.1.2. Khái niệm tranh chấp kinh doanh trong pháp luật Việt Nam</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G1
2	<p>1.2. Đặc điểm tranh chấp kinh doanh</p> <p>1.2.1. Phân biệt tranh chấp kinh doanh với tranh chấp dân sự</p> <p>1.2.2. Đặc điểm của tranh chấp kinh doanh trong pháp luật Việt Nam</p> <p>1.3. Sơ lược pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp kinh doanh</p> <p>1.3.1. Từ 1945 đến 1960</p> <p>1.3.1.1. Giải quyết bằng thủ tục hành chính</p> <p>1.3.1.2. Giải quyết bằng thủ tục tư pháp</p> <p>1.3.2. Từ 1960 đến nay</p> <p>1.3.2.1. Giải quyết bằng thủ tục trọng tài</p> <p>1.3.2.2. Giải quyết bằng thủ tục tố tụng tại tòa án</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G2 G3
3	<p>Thảo luận, thuyết trình về những vấn đề tổng quan trong giải quyết tranh chấp trong kinh doanh</p>	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G13
4	<p>CHƯƠNG 2: KỸ NĂNG NHẬN DIỆN QUAN HỆ TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH</p> <p>2.1. Nhận diện quan hệ tranh chấp kinh doanh</p> <p>2.1.1. Cơ sở xác định quan hệ tranh chấp cụ thể</p> <p>2.1.2. Luật áp dụng giải quyết tranh chấp</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G4; G5 G7; G6

	<p>2.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh</p> <p>2.2.1. Giải quyết bằng thương lượng, hòa giải, trọng tài</p> <p>2.2.2. Giải quyết bằng tòa án</p>			
5	Giải quyết tình huống nhận diện các quan hệ tranh chấp trong kinh doanh và lựa chọn phương thức giải quyết trong kinh doanh	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G14
6	<p>CHƯƠNG 3: KỸ NĂNG THƯƠNG LƯỢNG, HÒA GIẢI TRONG KINH DOANH</p> <p>3.1. Kỹ năng thương lượng trong quá trình giải quyết vụ án trong kinh doanh</p> <p>3.1.1. Kỹ năng chiếm được niềm tin của đối phương</p> <p>3.1.2. Kỹ năng tạo sự nhất trí giữa các bên</p> <p>3.1.3. Chọn thời gian tốt cho sự thuyết phục</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G8
7	<p>3.2. Kỹ năng hòa giải trong kinh doanh</p> <p>3.2.1. Kỹ năng hòa giải tiền tố tụng</p> <p>3.2.2. Kỹ năng hòa giải trong quá trình tố tụng của vụ án kinh doanh</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G8
8	3.3. Bài tập tình huống về thương lượng, hòa giải trong kinh doanh	2 tiết Bài tập	Đọc tài liệu + làm bài tập	G15
9	<p>CHƯƠNG 4: KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP MỘT SỐ HỢP ĐỒNG CỤ THỂ TRONG KINH DOANH</p> <p>4.1 Kỹ năng giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng trong kinh doanh</p> <p>4.1.1. Khái quát chung về tình hình tranh chấp về hợp đồng xây dựng trong kinh doanh</p>	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G9

10	4.1.2. Một số vấn đề cần lưu ý trong quá trình giải quyết tranh chấp về hợp đồng xây dựng trong kinh doanh	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G9
11	4.2. Kỹ năng giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa trong kinh doanh 4.1.1. Khái quát chung về tình hình tranh chấp hợp đồng xây dựng trong kinh doanh 4.1.2. Một số vấn đề cần lưu ý trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng trong kinh doanh	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G10
12	3.3. Bài tập tình huống về kỹ năng giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng trong kinh doanh	2 tiết bài tập	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G16
13	4.3. Kỹ năng giải quyết tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận chuyển trong kinh doanh 4.3.1. Khái quát chung về tình hình tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận chuyển trong kinh doanh 4.3.2. Một số vấn đề cần lưu ý trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận chuyển trong kinh doanh	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G11
14	4.4. Kỹ năng giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh bất động sản 4.4.1. Khái quát chung về tình hình tranh chấp hợp đồng kinh doanh bất động sản 4.4.2. Một số vấn đề cần lưu ý trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh doanh bất động sản	2 tiết Lý thuyết	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G12
15	Bài tập tình huống về tranh chấp hợp đồng kinh doanh bất động sản và hợp đồng dịch vụ vận chuyển trong kinh doanh	2 Tiết Bài tập	Đọc tài liệu, chia nhóm trả lời các câu hỏi	G17

8. Quy định đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên phải học trước môn Luật Thương mại quốc tế.
- Phải đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập thảo luận nhóm trên lớp.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập,...	0.1	Điểm danh
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm, ... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	Bài tập nhóm, Kiểm tra
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật
- Địa chỉ/email: k_luat@sgu.edu.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Trương Thị Tường Vi

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN

KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh (tiếng Anh): Communication skills in business	
- Mã số học phần: 845102	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	10
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Luật thương mại 2
- Học phần song hành (nếu có):

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Môn học này trang bị cho sinh viên cử nhân luật những kiến thức và kỹ năng giao tiếp và đàm phán có hiệu quả; một lợi thế thăng tiến nghề nghiệp ở nơi làm việc. Nội dung môn học giới thiệu những vấn đề về giao tiếp như: nguyên tắc, đặc điểm giao tiếp trong kinh doanh, những rào cản trong giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp hiệu quả, mô hình và kế hoạch giao tiếp. Những nguyên tắc cơ bản khi viết và nói như nguyên tắc ABC, 3C, 5C. Các kỹ năng truyền thông tin: Nói – viết, kỹ năng nhận thông tin: Lắng nghe - Ứng xử. Đặc biệt rèn luyện kỹ năng “lắng nghe” cách ứng xử, một dạng giao tiếp phi ngôn ngữ thể hiện qua cử chỉ, thái độ, hành vi của đối tượng. Môn học cũng giới thiệu đặc điểm giao tiếp ở một số nước có nền văn hóa khác nhau.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Môn học giúp sinh viên hiểu sự cần thiết phải giao tiếp trong kinh doanh, vì sao giao tiếp trên thương trường kinh doanh, thương mại bị thất bại. Để giao tiếp thành công cần nắm vững các nguyên tắc cơ bản cùng các kỹ năng: nói – viết – lắng nghe - ứng xử như thế nào. Hiểu và nhận biết cách thức giao tiếp phi ngôn ngữ, ngoài ra sinh viên cũng được hiểu biết về giao tiếp của các nước có nền văn hóa khác nhau trên thế giới.

Về kỹ năng: Sinh viên sẽ thực hành để làm quen với các kỹ năng giao tiếp như nói chuyện trước công chúng, cách viết một thư thương mại, cách lắng nghe hiệu quả. Các cách ứng xử như chào hỏi, bắt tay, trao danh thiếp, cách sử dụng điện thoại, e.mail, phong cách đi đứng, ăn mặc, tiếp khách... cùng kỹ năng gây thiện cảm khi giao tiếp với đối tác.

Về thái độ: Sinh viên có tinh thần hăng say làm việc, ham thích công việc sau khi ra trường, biết tôn trọng con người tạo hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	<i>Hiểu</i> được bản chất của giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp trong đời sống xã hội, những đặc điểm chủ yếu của giao tiếp trong kinh doanh	3.0
G2	<i>Nhớ, hiểu</i> được các nguyên tắc, và phương tiện giao tiếp trong kinh doanh, có thể <i>lựa chọn</i> và <i>áp dụng</i> một cách phù hợp trong các tình huống giao tiếp thực tế	3.5
G3	<i>Hiểu</i> rõ tầm quan trọng của lắng nghe trong giao tiếp, <i>áp dụng</i> hiệu quả trong thực tiễn	3.5
G4	<i>Hiểu</i> cách thức đặt câu hỏi để thu thập thông tin hoặc cho mục đích khác, <i>áp dụng</i> được vào các tình huống giao tiếp cụ thể	3.5
G5	<i>Hiểu</i> các nguyên tắc đàm phán, thuyết phục có hiệu quả, <i>Phân tích</i> được các tình huống để <i>áp dụng</i> cách đàm phán, thuyết phục phù hợp.	4.0
G6	<i>Hiểu</i> các nguyên tắc đưa ra ý kiến, quan điểm, bình luận, <i>vận dụng</i> linh hoạt vào các tình huống giao tiếp cụ thể	3.5
G7	<i>Hiểu</i> và <i>vận dụng</i> linh hoạt các kỹ năng giao tiếp qua điện thoại trong các tình huống cụ thể.	3.5

G8	<i>Hiểu và vận dụng</i> linh hoạt các kỹ năng giao tiếp bằng văn bản như Thư mời, email, thông báo ... trong các tình huống cụ thể.	3.5
G9	<i>Hiểu</i> được sự quan trọng của các kỹ năng giao tiếp hỗ trợ như chào hỏi, nhận quà tặng quà, lựa chọn trang phục, tác phong... và <i>áp dụng</i> được vào các tình huống cụ thể	3.5
G10	<i>Hiểu</i> được sự khác biệt trong văn hoá giao tiếp ở các quốc gia trên thế giới, <i>áp dụng</i> được vào các tình huống cụ thể.	3.5

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1.

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH

1.1. Khái niệm về giao tiếp

- 1.1.1 Định nghĩa
- 1.1.2. Đặc điểm của giao tiếp trong kinh doanh

1.2. Ý nghĩa của giao tiếp

- 1.2.1 Giao tiếp là quá trình nhận thức lẫn nhau
- 1.2.2. Giao tiếp là quá trình tác động qua lại, ảnh hưởng lẫn nhau

1.3. Các phương tiện giao tiếp

- 1.3.1. Phương tiện ngôn ngữ
- 1.3.2. Phương tiện phi ngôn

1.4. Các nguyên tắc cơ bản của giao tiếp trong kinh doanh

CHƯƠNG 2.

CÁC KỸ NĂNG GIAO TIẾP CƠ BẢN TRONG KINH DOANH

2.1. Kỹ năng lắng nghe

- 2.1.1 Khái niệm
- 2.1.2. Ý nghĩa của việc lắng nghe
- 2.1.3. Lắng nghe có hiệu quả

2.2. Kỹ năng đặt câu hỏi

- 2.2.1 Đặt câu hỏi thu thập thông tin
- 2.2.2. Đặt câu hỏi với các mục đích khác

2.3. Kỹ năng thuyết phục

- 2.3.1. Khái niệm thuyết phục
- 2.3.1 Thuyết phục có hiệu quả

2.4. Kỹ năng trình bày ý kiến, quan điểm

- 2.4.1. Kỹ năng khen ngợi

2.4.2. Kỹ năng phê bình

2.4.3. Kỹ năng từ chối

2.5. Kỹ năng giao tiếp qua điện thoại

2.5.1. Khái niệm, đặc điểm của giao tiếp qua điện thoại

2.5.2. Giao tiếp qua điện thoại có hiệu quả

2.6. Kỹ năng giao tiếp bằng văn bản

2.6.1. Một số hình thức giao tiếp bằng văn bản

2.6.2. Kỹ năng viết có hiệu quả

CHƯƠNG 3.

CÁC KỸ NĂNG GIAO TIẾP KHÁC

3.1. Kỹ năng chào hỏi

3.1.1 Kỹ năng bắt tay

3.1.2 Kỹ năng giới thiệu

3.1.3. Kỹ năng trao danh thiếp

3.2. Kỹ năng tặng quà, nhận quà

3.2. Trang phục, tác phong, thái độ khi giao tiếp.

CHƯƠNG 4.

VĂN HOÁ GIAO TIẾP TRÊN THẾ GIỚI

7.1. Đặc trưng trong văn hoá giao tiếp ở một số quốc gia Phương Đông

7.2. Đặc trưng trong văn hoá giao tiếp ở một số quốc gia Phương Tây

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] *Giáo trình Giao Tiếp kinh doanh*, TS. Hà Nam Khánh Giao chủ biên, Nhà xuất bản Lao động – xã hội năm 2010;

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Tập bài giảng Các kỹ năng cơ bản giao tiếp trong kinh doanh , PGS. TS. Hồ Xuân Thắng - 2016

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra,	G1

	1.1. Khái niệm về giao tiếp 1.1.1. Định nghĩa 1.1.2. Đặc điểm của giao tiếp trong kinh doanh 1.2. Ý nghĩa của giao tiếp 1.2.1. Giao tiếp là quá trình nhận thức lẫn nhau 1.2.2. Giao tiếp là quá trình tác động qua lại, ảnh hưởng lẫn nhau		thảo luận nhóm, lấy ví dụ thực tiễn	
2	1.3. Các phương tiện giao tiếp 1.3.1. Phương tiện ngôn ngữ 1.3.2. Phương tiện phi ngôn ngữ 1.4. Các nguyên tắc cơ bản của giao tiếp trong kinh doanh	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận nhóm, lấy ví dụ thực tiễn	G2
3	CHƯƠNG 2. CÁC KỸ NĂNG GIAO TIẾP CƠ BẢN TRONG KINH DOANH 2.1. Kỹ năng lắng nghe 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Ý nghĩa của việc lắng nghe 2.1.3. Lắng nghe có hiệu quả	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận nhóm, lấy ví dụ thực tiễn	G3
4	2.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 2.2.1. Đặt câu hỏi thu thập thông tin 2.2.2. Đặt câu hỏi với các mục đích khác	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận nhóm, lấy ví dụ thực tiễn	G4
5	Thực hành	2 tiết thực hành	Chia nhóm, thực hành kỹ năng lắng nghe, tiếp nhận và phân tích thông tin, thực hành đặt câu hỏi theo từng tình huống	G3, G4
6	2.3. Kỹ năng thuyết phục 2.3.1. Khái niệm thuyết phục		Nghe giảng, trả lời các câu hỏi	G5

	2.3.1 Thuyết phục có hiệu quả	2 tiết lý thuyết	do GV đặt ra, thảo luận nhóm, cho ví dụ	
7	2.4. Kỹ năng trình bày ý kiến, quan điểm 2.4.1. Kỹ năng khen ngợi 2.4.2. Kỹ năng phê bình 2.4.3. Kỹ năng từ chối	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận nhóm, lấy ví dụ thực tiễn	G6
8	Thực hành	2 tiết thực hành	Thực hành kỹ năng thuyết phục theo các tình huống, thực hành kỹ năng khen ngợi, phê bình, từ chối.	G5, G6
9	2.5. Kỹ năng giao tiếp qua điện thoại 2.5.1. Khái niệm, đặc điểm của giao tiếp qua điện thoại 2.5.2. Giao tiếp qua điện thoại có hiệu quả	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận nhóm, lấy ví dụ thực tiễn	G7
10	2.5. Kỹ năng giao tiếp bằng văn bản 2.5.1. Một số hình thức giao tiếp bằng văn bản 2.5.2. Kỹ năng viết có hiệu quả	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận nhóm, lấy ví dụ thực tiễn	G8
11	Thực hành	2 tiết thực hành	Chia nhóm, thực hành kỹ năng giao tiếp qua điện thoại và kỹ năng giao tiếp qua email	G7, G8
12	CHƯƠNG 3: CÁC KỸ NĂNG GIAO TIẾP KHÁC 3.1. Kỹ năng chào hỏi 3.1.1. Kỹ năng bắt tay	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận nhóm,	G9

	3.1.2. Kỹ năng giới thiệu 3.1.3. Kỹ năng trao danh thiếp 3.2. Kỹ năng tặng quà, nhận quà 3.2. Trang phục, tác phong, thái độ khi giao tiếp.		lấy ví dụ thực tiễn	
13	Thực hành	2 tiết thực hành	Chia nhóm, thực hành kỹ năng chào hỏi, nhận quà và tặng quà, thực hiện tác phong, hành vi, thái độ chuẩn mực trong các tình huống giao tiếp	G9
14	CHƯƠNG 7: VĂN HOÁ GIAO TIẾP TRÊN THẾ GIỚI 7.1. Đặc trưng trong văn hoá giao tiếp ở một số quốc gia Phương Đông 7.2. Đặc trưng trong văn hoá giao tiếp ở một số quốc gia Phương Tây	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận nhóm, lấy ví dụ thực tiễn	G10
15	Thực hành	2 tiết thực hành	Chia nhóm, thực hành các tình huống giao tiếp theo yêu cầu của GV	G3, G4, G5, G6, G9

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên phải đọc trước bài ở nhà trước mỗi nội dung học;
- Mang theo tài liệu liên quan cho từng nội dung học

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập, ...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6 (≥ 0.5)	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH

HỌC PHẦN
LUẬT ĐẦU THẦU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2562 ngày 03 tháng 11 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

1. Thông tin tổng quát về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Luật đấu thầu (tiếng Anh): Bidding law	
- Mã số học phần: 845103	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	
- Số tín chỉ:	2
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	
+ Số tiết thực hành:	10
+ Số tiết hoạt động nhóm:	
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Luật thương mại 2
- Học phần song hành (nếu có):

2. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo và khái quát những nội dung chính)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Luật Đấu thầu, rèn luyện các kỹ năng nhận thức và thực hành tốt công việc tổ chức thực hiện hoặc tham gia làm nhân viên trong các tổ chức đấu thầu trong kinh doanh như đấu thầu mua sắm hàng hóa, tài sản; đấu thầu xây dựng... qua việc nghiên cứu, học tập môn học luật đấu thầu.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên đạt được những mục tiêu sau:

Về kiến thức: Hiểu được các thuật ngữ, Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, Mối quan hệ Luật đấu thầu với các luật khác, trình tự thực hiện đấu thầu, tư cách của nhà thầu, điều kiện tham dự thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, phân biệt được các các loại đấu thầu, các loại hồ sơ dự thầu, mời thầu, hồ sơ đề xuất và thẩm định thầu và các

hành vi bị cấm trong đấu thầu, xử lý vi phạm và phân cấp trách nhiệm trong hoạt động đấu thầu..

Về kỹ năng: Học xong học phần này, sinh viên có thể tham khảo tài liệu, kỹ năng tìm kiếm, đọc văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu, vận dụng giải quyết những tình huống xảy ra trên thực tế liên quan đến hoạt động, tổ chức đấu thầu trong kinh doanh, thương mại..

Về thái độ: Từ việc có những kiến thức và học tập, rèn luyện kỹ năng tư vấn đấu thầu trong kinh doanh, góp phần vào việc hình thành, nâng cao ý thức pháp luật của sinh viên; Tăng cường khả năng tư duy, ý thức, tinh thần học tập, lập luận, tham gia thảo luận và bảo vệ chính kiến của cá nhân, đam mê khởi sự doanh nghiệp và có kỹ năng giải quyết tốt các tình huống pháp lý trong hoạt động đấu thầu ..

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ký hiệu chuẩn đầu ra (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Trình độ năng lực (3)
G1	Hiểu khái niệm về đấu thầu, các đặc điểm cơ bản và ý nghĩa của hoạt động đấu thầu, bản chất pháp lý của hoạt động đấu thầu	2.0
G2	<i>Biết</i> kết cấu của luật đấu thầu, quan điểm xây dựng luật đấu thầu, <i>xác định</i> được phương pháp điều chỉnh và đối tượng điều chỉnh của luật đấu thầu, <i>phân tích</i> được mối quan hệ giữa luật đấu thầu với các luật khác	3.0
G3	<i>Hiểu</i> được hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu, kế hoạch và quy trình lựa chọn nhà thầu, <i>áp dụng</i> các quy định để giải quyết tình huống.	3.5
G4	<i>Hiểu</i> được kế hoạch và quy trình lựa chọn nhà đầu tư, phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, xét DUYỆT BGH trúng thầu, <i>áp dụng</i> các quy định để giải quyết tình huống.	3.5
G5	<i>Hiểu</i> các quy định về mua sắm tập trung, mua sắm thường xuyên, <i>áp dụng</i> được vào giải quyết tình huống	3.5
G6	<i>Hiểu</i> các quy định về mua thuốc, vật tư y tế, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công và <i>áp dụng</i> được vào giải quyết tình huống	3.5

G7	<i>Biết các loại hợp đồng với nhà thầu, điều kiện ký kết hợp đồng, các biện pháp bảo đảm hợp đồng, áp dụng được các quy định vào giải quyết tình huống</i>	3.5
G8	<i>Biết các loại hợp đồng với nhà đầu tư, điều kiện ký kết hợp đồng, các biện pháp bảo đảm hợp đồng, áp dụng được các quy định vào giải quyết tình huống</i>	3.5
G9	<i>Hiểu về quyền kiến nghị trong đấu thầu cũng như biết về quy trình kiến nghị, giải quyết kiến nghị, áp dụng được vào giải quyết tình huống</i>	3.0
G10	<i>Hiểu về các tranh chấp trong đấu thầu, phương thức giải quyết tranh chấp bằng toà án, quy trình giải quyết tranh chấp, phân tích ưu nhược điểm của phương thức này, áp dụng được vào giải quyết tình huống.</i>	4.0

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐẤU THẦU VÀ LUẬT ĐẤU THẦU

1.1 Khái quát chung về đấu thầu

- 1.1.1. Khái niệm
- 1.1.2. Các đặc điểm của hoạt động đấu thầu
- 1.1.3. Sự cần thiết của hoạt động đấu thầu
- 1.1.4. Bản chất pháp lý của hoạt động đấu thầu

1.2. Khái quát về Luật đấu thầu

- 1.2.1. Kết cấu Luật đấu thầu
- 1.2.2. Quan điểm xây dựng luật đấu thầu
- 1.2.3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của luật đấu thầu
- 1.2.4. Mối quan hệ giữa Luật đấu thầu với những lĩnh vực luật khác

CHƯƠNG 2: QUY ĐỊNH VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ VÀ TỔ CHỨC ĐẤU THẦU CHUYÊN NGHIỆP

2.1 Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

- 2.1.1 Hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư
- 2.1.2. Phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư
- 2.1.3. Tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp

2.2. Kế hoạch và quy trình lựa chọn nhà thầu

- 2.2.1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
- 2.2.5. Quy trình lựa chọn nhà thầu

2.3. Kế hoạch và quy trình lựa chọn nhà đầu tư

- 2.4.1 Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư

2.4.2 Quy trình lựa chọn nhà đầu tư

2.4. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, xét DUYỆT BGH trúng thầu

2.3.1. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu

2.3.2. Xét DUYỆT BGH trúng thầu

CHƯƠNG 3: CÁC HOẠT ĐỘNG MUA SẮM

3.1. Mua sắm tập trung

3.1.1 Quy định chung

3.1.2. Thoả thuận khung

3.2. Mua sắm thường xuyên

3.2.1. Điều kiện mua sắm thường xuyên

3.2.2. Lựa chọn nhà thầu trong mua sắm thường xuyên

3.3. Mua thuốc, vật tư y tế

3.3.1. Lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, vật tư y tế

3.3.2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong đấu thầu thuốc, vật tư y tế

3.4. Cung cấp sản phẩm, dịch vụ công

3.4.1. Hình thức lựa chọn nhà thầu

3.4.2. Quy trình lựa chọn nhà thầu

CHƯƠNG 4: HỢP ĐỒNG

4.1. Hợp đồng với nhà thầu

4.1.1 Các loại hợp đồng với nhà thầu

4.1.2. Điều kiện ký kết hợp đồng

4.1.3. Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng

4.2. Hợp đồng với nhà đầu tư

4.2.1. Các loại hợp đồng với nhà đầu tư

4.2.2. Điều kiện ký kết hợp đồng

4.2.3. Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng

CHƯƠNG 5:

GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ VÀ TRANH CHẤP TRONG ĐẤU THẦU

5.1. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

5.1.1 Quyền kiến nghị

5.1.2. Quy trình giải quyết kiến nghị

5.2. Giải quyết tranh chấp trong đấu thầu

5.2.1 Nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong hoạt động đấu thầu

5.2.2. Phương thức giải quyết tranh chấp

6. Học liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc (không quá 3 tài liệu)

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật đấu thầu*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2014.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Sổ tay nghiệp vụ đấu thầu năm 2016 - Quy định chi tiết lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, mua sắm hàng hóa và xây lắp.

7. Hướng dẫn tổ chức dạy học

Tuần/ Buổi học	Nội dung dạy học	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên	CĐR môn học
1	<p>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐẤU THẦU VÀ LUẬT ĐẤU THẦU</p> <p>1.1 Khái quát chung về đấu thầu</p> <p>1.1.1. Khái niệm</p> <p>1.1.2. Các đặc điểm của hoạt động đấu thầu</p> <p>1.1.3. Sự cần thiết của hoạt động đấu thầu</p> <p>1.1.4. Bản chất pháp lý của hoạt động đấu thầu</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G1
2	<p>11.2. Khái quát về Luật đấu thầu</p> <p>1.2.1. Kết cấu Luật đấu thầu</p> <p>1.2.2. Quan điểm xây dựng luật đấu thầu</p> <p>1.2.3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của luật đấu thầu</p> <p>1.2.4. Mối quan hệ giữa Luật đấu thầu với những lĩnh vực luật khác</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G2
3	<p>CHƯƠNG 2: QUY ĐỊNH VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ VÀ TỔ CHỨC ĐẤU THẦU CHUYÊN NGHIỆP</p> <p>2.1 Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư</p> <p>2.1.1 Hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G3

	đầu tư 2.1.2. Phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư 2.1.3. Tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp 2.2. Kế hoạch và quy trình lựa chọn nhà thầu 2.2.1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu 2.2.5. Quy trình lựa chọn nhà thầu			
4	Thực hành	2 tiết thực hành	Chia nhóm, thực hành lập kế hoạch và quy trình lựa chọn nhà thầu theo tình huống cụ thể do GV cung cấp	G3
5	2.3. Kế hoạch và quy trình lựa chọn nhà đầu tư 2.4.1 Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư 2.4.2 Quy trình lựa chọn nhà đầu tư 2.4. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, xét DUYỆT BGH trúng thầu 2.3.1. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu 2.3.2. Xét DUYỆT BGH trúng thầu	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G4
6	Thực hành	2 tiết thực hành	Chia nhóm, thực hành lập kế hoạch và quy trình lựa chọn nhà thầu theo tình huống cụ thể do GV cung cấp	G4

7	<p>CHƯƠNG 3: CÁC HOẠT ĐỘNG MUA SẮM</p> <p>3.1. Mua sắm tập trung 3.1.1 Quy định chung 3.1.2. Thoả thuận khung</p> <p>3.2. Mua sắm thường xuyên 3.2.1. Điều kiện mua sắm thường xuyên 3.2.2. Lựa chọn nhà thầu trong mua sắm thường xuyên</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G5
8	<p>3.3. Mua thuốc, vật tư y tế 3.3.1 Lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, vật tư y tế 3.3.2 Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong đấu thầu thuốc, vật tư y tế</p> <p>3.4. Cung cấp sản phẩm, dịch vụ công 3.4.1. Hình thức lựa chọn nhà thầu 3.4.2. Quy trình lựa chọn nhà thầu</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G6
9	<p>CHƯƠNG 4: HỢP ĐỒNG</p> <p>4.1. Hợp đồng với nhà thầu 4.1.1 Các loại hợp đồng với nhà thầu 4.1.2. Điều kiện ký kết hợp đồng 4.1.3. Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G7
10	Thực hành	2 tiết thực hành	Chia nhóm, thực hành soạn thảo các điều khoản cơ bản của hợp đồng với nhà thầu theo tình huống GV cung cấp	G7
11	<p>4.2. Hợp đồng với nhà đầu tư 4.2.1. Các loại hợp đồng với nhà đầu tư</p>	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu	G8

	4.2.2. Điều kiện ký kết hợp đồng 4.2.3. Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng		hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	
12	Thực hành	2 tiết thực hành	Chia nhóm, thực hành soạn thảo các điều khoản cơ bản của hợp đồng với nhà thầu theo tình huống GV cung cấp	G8
13	CHƯƠNG 5: GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ VÀ TRANH CHẤP TRONG ĐẤU THẦU 5.1. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu 5.1.1 Quyền kiến nghị 5.1.2. Quy trình giải quyết kiến nghị	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G9
14	5.2. Giải quyết tranh chấp trong đấu thầu 5.2.1 Nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong hoạt động đấu thầu 5.2.2. Phương thức giải quyết tranh chấp	2 tiết lý thuyết	Nghe giảng, trả lời các câu hỏi do GV đặt ra, thảo luận quan điểm	G10
15	Thực hành	2 tiết thực hành	Thực hành giải quyết các tình huống về kiến nghị và giải quyết tranh chấp trong đấu thầu	G9, G10

8. Quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên (những yêu cầu khác đối với môn học (nếu có), phù hợp với các quy chế đào tạo hiện hành)

- Sinh viên đọc tài liệu theo các tài liệu bắt buộc trong đề cương môn học.

- Đọc các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết tình huống

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.

9.2. Đánh giá bộ phận

Bộ phận được đánh giá	Điểm đánh giá bộ phận	Trọng số	Hình thức đánh giá
1. Đánh giá quá trình	Điểm quá trình	0.4 (1.1 + 1.2)	
1.1. Ý thức học tập	Điểm chuyên cần, thái độ học tập,...	0.1	
1.2. Hồ sơ học tập	- Điểm bài tập ở nhà và trên lớp, bài tập lớn, ... - Điểm thuyết trình, thực hành, thảo luận, làm việc nhóm,.... - Điểm kiểm tra giữa kỳ	0.3	
2. Đánh giá cuối kỳ	Điểm thi kết thúc học phần	0.6 (≥ 0.5)	Tự luận

9.3. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Luật.

- Địa chỉ/email: 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2016

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hoàng Thị Việt Anh

TS. Hoàng Thị Việt Anh

ThS. Võ Thị Hoài

DUYỆT BGH